

Tô Văn Cấp



Nửa Đường

chuyện nhà • chuyện linh • chuyện người

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu
2020

TỔ VĂN CẤP

- Sinh ngày 11/11/1941 tại làng Cựu Viên, tỉnh Kiến An
- Di cư vào Nam năm 1954
- Học Trường Trung Học Petrus Ký (1955 - 1962)
- Tốt nghiệp Khóa 19 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (1962 - 1964)
- Phục vụ tại Bình Chuẩn Thủy Quân Lục Chiến (1964 - 1975)
- Bị thương 5 lần tại mặt trận
- Từ Cộng Sản 10 năm (1975 - 1985)
- Tị nạn tại Hoa Kỳ (H-01 - 1990)
- Định cư tại Orange County



Các bài đăng trên Việt Báo, Sài Gòn Nhỏ, Nhật Báo Herald, Con Ông Texas, Nguyệt San KBC, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Đa Hiệp, Petrus Ký.

Bài viết gửi đăng Việt Báo (Việt Về Nước Mỹ) và đã được:
1 Giải Vinh Danh Tác Giả (2015)
1 Giải Danh Dự (2014);
2 Giải Outstanding Award (2006 & 2007)

Nhận giải nhì của Nhật Báo Herald viết về Mẹ

TÔ VĂN CẤP

NỬA ĐƯỜNG

Chuyện nhà – chuyện lính –
chuyện người

Bìa: Nguyễn Tiến Dũng/Lương Trường Thọ

(Theo ấn bản sách giấy tái bản lần thứ hai 2019)

Trình bày: T.Vấn

Ấn Bản Điện Tử

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu

2020

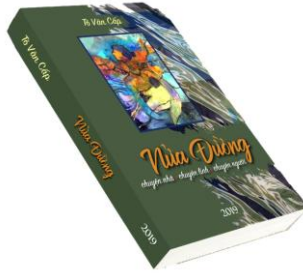
©T.Vấn 2020

©Tô Văn Cấp 2020

Nửa Đường

chuyện nhà • chuyện linh • chuyện người

MỤC LỤC



Thay Lời Tựa	/001
Bà Mẹ Quê	/011
Xé Lá Thư Tình	/024
Những Người Lính Trong Một Gia Đình	/041
Ông Cháu Tựa Má Đầu	/058
Cháu Bà Nội, Tội Ông Ngoại	/074
Con Nuôi Cha Không Bằng Bà . . .	/088
Tuổi 70, Cám On Người	/109
Thầy Cũ Trường Xưa	/124
Sư-Huỳnh-Đệ Petrus Ký	/152
Nói Với Tuổi Trẻ Sau 44 Năm Ty Nạn	/163
Cha Oi! Con Rất Hạnh Diện Về Cha	/179
Bông Hồng Kính Tặng. . .	/207
Những Hồn Hoang Trên “Pháp Trường Cát”	/219

Ngày Tháng Sau Cùng . . .	/245
Vui Buồn Với “Trâu Điên Trường”	/261
Trâu Điên Và Cố Vấn Mỹ. . . .	/285
Tình Anh Lính Chiến Và...	/322
Mậu Thân 1968 . . .	/340
Kỷ Niệm Vui Buồn Với. . .	/359
Saigon 68 Và “Ông Sáu Lèo”	/373
Hồng Đà Lạt Có Gai	/395
Ba Chàng “Ngự Lâm...”	/416
Lão Lượm “Ve Chai”	/430
Vợ Chồng Lũng Củng . . .	/443
Bố Chồng Nàng Dâu	/457
Thay Lời Kết	/471
Bạn Hữu Độc “Nửa Đường”	/485
Ra Mắt Tác Phẩm “Nửa Đường”	/526
Nói chuyện với tác giả “Nửa Đường”	/536

Thay Lời Tựa

CÓ MỘT NHỊP CẦU

*Nguyễn Diễm Nga**

Từ xưa ông bà mình đã có câu để răn dạy về luật nhân quả giữa hai thế hệ: “*Đời cha ăn mặn, đời con khát nước*”, thế nhưng đối với riêng tôi, có những chuyện đã xảy ra làm cho tôi nghĩ đến lời dạy của người xưa dưới một góc nhìn... ngược lại.

Đó là năm nay, 2018, đúng vào ngày giỗ bố, tôi tình cờ đọc được một bài viết nhắc về tên tuổi của bố tôi khá nhiều lần làm cho tâm hồn tôi cảm thấy vô cùng ám áp mà không hề... khát nước.

Đó là lòng quý mến rất đặc biệt của tôi dành cho một tác giả của nhiều bài tùy bút, ký sự chiến trường rất có giá trị, một người mà tôi đã được phép gọi thân mật bằng “*Chú*”: Chú Tô Văn Cấp.

Ngày xưa, chú Cấp từng là niên đệ của bố tôi tại Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam - Bố tôi Khóa 17, còn chú Cấp Khóa 19, và cả hai đều là “*lính*” Thủy Quân Lục Chiến. Theo như lời kể của chú trong bài viết mà tôi

tình cờ đọc được nói trên thì bố tôi, SVSQ Cán Bộ Nguyễn Tiến Đức Khóa 17, trong tám tuần lễ đầu “huấn nhục” đã dùng cái quyền làm “hung thần” mà “net” các tân khóa sinh Khóa 19 trong đó chú Cấp:

- Chương trình văn nghệ dành cho các tân thiếu úy Khóa 16, các anh là tân khóa sinh K19, tôi đặc biệt cho phép tham dự, nhưng không được phép cười, cầm vỗ tay.

Ôi! Còn gì “mặn đắng” và phi lý hơn? Kết quả là các chú dù “vi phạm” vỗ tay hay không thì vẫn bị bố tôi phạt chạy mấy vòng sân quanh doanh trại.

Có lẽ những “ân oán” ngày ấy giữa bố tôi và chú được biến hóa thành một cơ duyên để rồi phu nhân của Cán Bộ Nguyễn Tiến Đức (tức mẹ tôi) đã trở thành một độc giả rất yêu mến ngòi bút CAPTOVAN trên các diễn đàn và đặc san hải ngoại, và tôi thì đã trở thành một “đệ tử” đi theo chú Cấp học hỏi chuyện bút nghiên ngày hôm nay.

Vì sao ngòi bút CAPTOVAN lại được yêu mến đến như vậy?

Khi được hỏi, mẹ tôi đã trả lời rằng vì đó là những bài viết mang lại cho bà biết bao nước mắt, lẫn nụ cười đầy cảm xúc.

Ai mà lại thích nước mắt bao giờ! Nhưng những giọt nước mắt khi đọc Captovan là những giọt lệ rơi xuống vì niềm cảm thương chân thành dành cho những “*Bà Mẹ*

*Quê” của đất nước Việt Nam nghèo khổ và chinh chiến
điều linh.*

*- ”Riêng mình tôi biết bu tôi khóc, tôi chẳng nói cho
ai hay, nhưng tiếng khóc của bu xoáy vào đầu tuổi thơ
khiến tôi cứ đứng sau hè nhìn bu tôi rũ xuống như tàu lá
chuối héo, nghe bà nấc nghẹn mà ứa nước mắt theo.”
(Trích Bà Mẹ Quê)*

...và cứ thế mà người đọc cũng... ứa nước mắt theo!
Đó còn là những giọt nước mắt khóc đồng đội trong
“Trâu Điền & Cổ Vấn Mỹ”, trong các ký sự chiến tranh,
và có khi là... “cười ra nước mắt” nữa!

Nhưng may mắn thay là trái ngược với những giọt
nước mắt “ứa... theo”, nụ cười qua ngòi bút Captovan lại
là những nụ cười... không cần chờ đợi! Vì đó là những
nụ cười thâm thúy, ý “nhi-nặng” (viết theo kiểu chú
Cấp!) đến với người đọc dễ dàng thoải mái.

Aha! Tôi biết vì sao mẹ tôi cười! Mẹ tôi cười là vì
hình như bà đã tìm thấy hình bóng của chính mình thấp
thoáng trong bài viết “Tuổi 70... Chấn Mớ Đời”, y như
chú đang “đi guốc” trong bụng... thiên hạ:

*- ”Tôi hiểu rằng mấy bà thuộc giai cấp “cổ lai hy”
đều mắc phải cái bệnh than, bệnh lo, bệnh sợ. Họ sợ
những bất trắc đang rình rập họ, nào tai nạn, nào bệnh
tật, nào chết chóc... Họ sợ có chuyện gì không ai giúp*

đỡ, nên cần có người bên cạnh, nhưng có người bên cạnh thì có cần nữa!

Nhưng rồi sau đó bà lại nở ngay một nụ cười “vị tha” khi nhận ra rằng các ông Thủy Quân Lục Chiến (mà bố tôi cũng là một) luôn luôn “biết người, biết ta” hơn ai hết.

Bên cạnh nét ý nhị trong văn phong đầy ứng biến của ngài cựu “Lính Thủy Đánh Bộ”, mẹ tôi còn thấy rất vui khi bắt gặp ngôn ngữ của những người Bắc Kỳ di cư từ xứ đạo miền Bắc (mà mẹ tôi lại cũng là một) đã được Chú Cấp “mang theo” vào Nam, rồi lại một lần nữa “di cư” ra tận hải ngoại để tinh tế gây cười trong bài viết dĩ dõm: “Minh Uống Hai Viên, Bác Sĩ” như sau:

- ”Giê-Su-Ma, mình** bị táo bón lâu lắm rồi, bác sĩ, uống đủ thứ thuốc không khỏi, vậy mà uống được thảo chai số... là ra ngay, bác sĩ.*

(Chú thích của tác giả: *Nữ bệnh nhân này đích thị là con chiên “ngoan đạo” nên mở miệng ra nói bất cứ việc gì cũng phải kêu tên Chúa, nhưng bà có biết rằng đó là phạm vào điều răn thứ hai: “Thứ hai chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.” Bà táo bón chớ có phải Chúa... bị táo bón đâu thì hà cớ gì bà kêu tên Chúa ?** Lại nữa, đại danh từ “mình”** chỉ dùng khi hai vợ chồng thủ thủ bên nhau những chuyện riêng tư . Thí dụ : “Mình ơi , em muốn...)

Tôi có thể hình dung ra mẹ tôi đã cười ngặt nghẽo khi đọc những câu đối thoại vui vui, như một cái “duyên-không-ngâm” của Chú Cấp:

- *Anh ơi! Ra “hép” (help) em tí nào.* (Trích: “Tuổi 70... Chán Mớ Đồi!”)

- *Các anh đái khẩn trương lên* (Trích “Vợ Chồng Lục Đục Cũng Tại Bức Xúc”), hoặc bà đã cười đỏ cả mặt khi đọc đến đoạn chú viết về các cô nữ xướng ngôn viên mỗi khi chấm dứt một chương trình nào đó, thay vì nói một cách lịch sự, sạch sẽ là: “Chương trình của chúng tôi đến đây là chấm dứt, là hết v.v... thì các cô lại toét miệng cười:

- *Chúng tôi xin KHÉP lại ...”* ((Trích “Người Việt Giết Tiếng Việt”)

Ôi! Thật là “Xấu Hổ Cả Người” (XHCN).

Mạch cười vẫn tiếp tục nghiêng ngả nếu như bà đọc đến khi chú “vận dụng” hai chữ “quá trình” theo đúng kiểu “Xuống Hố Cả Nút” (XHCN) trong đoạn văn sau:

- *Đêm qua trong lúc (quá trình) em đang ngủ say thì anh đụng chạm vào... làm cho em thức giấc, bực cả cái mình. Bây giờ trong khi (quá trình) em thức thì anh lại nằm ì ra đó làm em khó chịu . Lần sau , lúc mà (quá trình) em đang ngủ thì anh đừng có làm phiền người bên cạnh đang cần sự yên lặng để nghỉ ngơi nữa à nha.* (Trích “Người Việt Giết Tiếng Việt”.)

Thế đấy! Những nhận xét vô cùng tinh tế về ngôn ngữ là một trong những chủ đề chính của dòng văn Captovan luôn luôn dào dạt niềm tự hào và yêu mến, luôn luôn mong muốn được tôn vinh và gìn giữ “Tiếng Việt Trong Sáng” nơi hải ngoại.

Cũng chính vì điều mong muốn hết sức tốt đẹp này mà tôi đã tự nguyện xin chú Cấp thân nhận làm “đệ tử” để “cấp trách” đi theo chú hầu vờ vẽ thu thập một chút kinh nghiệm bút nghiên.

Qua bài viết “Bông Với Hoa - Có Gì Khác Nhau Đâu?” tôi đã có cơ hội ôn lại và học hỏi thêm được rất nhiều điều về Tiếng Việt.

- *“Dù biết rằng viết hoa hay không thì vẫn không làm thay đổi ý nghĩa của câu, nhưng chúng ta phải tôn trọng một vài quy luật về văn phạm cho nó đẹp, như một người nữ cần phải có son phấn, một vài quý kim trên ngón tay, dù giả hay thật.”*

Ôi, phải chăng viết hoa đúng luật cũng chính là đã mang một món trang sức, đã cài một đóa hoa trên suối tóc ngôn ngữ mượt mà của Tiếng Việt mến yêu?

Một điều nữa mà tôi học hỏi được từ chú Cấp đó là: “Nói có sách, mách có chứng”. Tôi rất ngưỡng mộ chú Cấp bởi những tìm hiểu công phu và tra cứu tài liệu rất kỹ càng để dẫn chứng cho các bài viết của chú tăng thêm

giá trị, đặc biệt là những bài viết về quân sự và ký sự chiến trường.

Thế hệ của chúng tôi sinh ra và lớn lên ở phần cuối của cuộc chiến, có các em hậu duệ còn sinh sau đẻ muộn hơn cả tôi nữa. Chúng tôi yêu quý và tự hào về những bậc cha chú của mình trong niềm thành kính nhưng đôi khi vẫn còn khá mơ hồ, vì vào thời điểm ấy chúng tôi còn quá nhỏ.

Lớn lên một chút thì lại xa cách những người cha bị đọa đày trong ngục tù Cộng Sản và trong khi gia đình phải cực khổ bươn chải kiếm miếng cơm manh áo nơi “Thiên Đường Mù Xã Hội Chủ Nghĩa”, những hiểu biết non nớt của chúng tôi về bộ mặt thật của chiến tranh dường như chưa bao giờ được hiển hiện rõ nét, đầy đủ, và chi tiết.

Nhờ những người cầm bút tận tụy như chú Cấp nói riêng, và rất nhiều những ngòi bút đáng kính trọng khác khắp nơi trên thế giới viết về cuộc chiến một cách tường tận theo nhiều góc cạnh với vô số những dẫn chứng, những tâm tình uất nghẹn pha máu và nước mắt của từng quân/binh chủng một - như “*Trâu Diên Và Cỏ Ván Mỹ*”, như “*Kỷ Niệm Vui Buồn Với Các Anh Không Quân*” - chúng tôi, những người con đã có được những nhận định trọn vẹn và hào hùng về quân sự Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi đặc biệt yêu mến bài viết “*Cha Oi! Con Rất Hãnh Diện Về Cha*” mà chú Cấp đã “Viết Về Nước Mỹ” cùng Việt Báo, cũng như đã đăng trong Đặc San Đa Hiệu số 114 của Võ Bị. Tôi vô cùng cảm động sự trân trọng của chú đã dành cho những người đã bỏ mình nằm xuống vì quê hương, cũng như những người đã hy sinh một phần thân thể của mình cho quê hương, giờ đây vẫn còn sống rất khổ sở với nỗi đau tàn phế của thể xác. Đây cũng chính là chủ đề tinh thần thứ hai trong các bài viết của chú Cấp.

- “*Dù thân phụ tử trận khi các cháu còn quá nhỏ hoặc chưa sinh ra , sau gần nửa thế kỷ , các cháu đã trưởng thành, đã thành công dân Mỹ , nhưng vẫn tìm về cội nguồn và hãnh diện có cha đã hy sinh cho Tổ Quốc Việt Nam . Chúng tôi cảm thấy có bổn phận kể lại cho các cháu những điều chúng tôi biết về cha các cháu . Từ đó các cháu mới hiểu vì sao các cháu có mặt trên đất nước này, mà nhớ ơn các người lính Việt Nam Cộng Hòa.*”

Chính vì vậy, đối với chú Cấp, bổn phận và tâm tình của chú hướng về những người đã hy sinh một phần thân thể cho cuộc chiến Việt Nam và hiện thời đang sinh sống khốn khổ, thiếu thốn và đói khát tại quê nhà lại càng phải đặt lên hàng đầu: “Bản “tiền” ca có ý nghĩa nhất và là một ân tình nhất và cũng là bổn phận của cộng đồng tị nạn và quân nhân các cấp ở hải ngoại là hãy gửi một gói

quà về cho anh em Thương Bình/Việt Nam Cộng Hòa.”
(Trích “Bản Tiền Ca Không Tên”)

Trong một buổi nói chuyện thân tình, chú Cấp đã nói với tôi về tựa đề cuốn sách - “**Nửa Đường**” - và hình ảnh của “*chiếc cầu gãy*” luôn ám ảnh trong tâm tư của chú.

Tuy nhiên, khi đọc qua những bài viết của chú, không hiểu sao tôi lại liên tưởng đến một nhịp cầu có khả năng diệu kỳ nối liền những gãy đổ:

- Gãy đổ do chiến tranh gây ra những mất mát trong tâm hồn, trong hình hài, trong thân phận của một con người.

- Gãy đổ trong ngôn ngữ càng ngày càng rời rạc và lu mờ của Tiếng Việt ngày nay.

- Gãy đổ trong thâm tình giữa hai thế hệ - đời cha và đời con - do hệ lụy của chiến tranh.

Chính những công trình viết lách, tìm tòi, và ghi chép lại trong hành trình lội ngược dòng trí nhớ của chú Cấp đã là một “nhịp cầu” nối kết thế hệ đời sau của chúng tôi với lịch sử chiến đấu anh dũng của thế hệ cha chú.

Xin hãy nghe lời thổ lộ tha thiết của Yvonne Trần, một cô nhi trong “Cha Ơi! Con Rất Hãnh Diện Về Cha”:

- “*Hãnh diện về cha chỉ là hãnh diện cá nhân, nhưng hãnh diện nhất của cháu là biết sự thật về chiến tranh đã*

có những người lính miền Nam hy sinh để bảo vệ Tô Quốc và đồng bào khiến cháu không thể nào quên được.”

Chú Cấp ơi, ngày xưa “đời cha” Nguyễn Tiến Đức của cháu đã từng phạt chú chạy mấy vòng sân quanh doanh trại chỉ vì vi phạm luật “*không cho cười, cấm vỗ tay*” khi được xem một chương trình văn nghệ hay, nhưng cháu hy vọng ngày hôm nay, chú sẽ rộng lòng không nữa phạt cháu “*đã cười, đã vỗ tay*” khi thưởng thức những tác phẩm đặc sắc của chú nhé!

Bởi vì cháu chỉ muốn gửi đến chú tâm tình tri ân của thế hệ “*đời con*”.

Bởi vì cháu tin tưởng rằng có một nhịp cầu mang tên TÔ VĂN CẤP đang lặng thầm và miệt mài nối dài “*Con Đường*” tranh đấu vì *Lý Tưởng Tự Do Dân Tộc* giữa hai thế hệ.

Visalia, 11/2018.

* *Con gái của Cố Thiếu Tá Nguyễn Tiến Đức, CSVSQ/TVBQGVN K17 - Thủy Quân Lục Chiến/ Không Quân - Quân Lực VNCH.*

BÀ MẸ QUÊ

Có nhiều cách gọi về song thân tùy theo địa phương, nhưng ở quê tôi, một vùng thuộc tỉnh Kiến An, Hải Phòng thì con gọi bố mẹ là thầy bu, vì thế tôi xin giữ hai danh từ này cho bài viết về mẹ tôi, một bà mẹ quê.

Thầy tôi qua đời ngày 15 Tháng Giêng năm 1947, hưởng dương 41 tuổi. Ông cụ mất đi khoảng sau hai tháng bị bệnh mà thuở ấy người vùng quê chỉ biết gọi là bệnh “thương hàn” (?). Những ngày thầy tôi lâm trọng bệnh và khi các con tiễn chân ông cụ ra cánh đồng thì nay tôi không còn nhớ gì nữa. Kỷ niệm duy nhất còn sót lại trong đầu tôi là khi ông cụ tháo vai cày ra khỏi cổ con trâu rồi đưa sợi dây thừng cho tôi dẫn nó đi ăn cỏ. Khi

đến bên bờ hồ trước cửa nhà thờ thì nó nhào xuống nước, ngược mũi lên thở phì phò. Còn tôi, một thằng bé chăn trâu mới 6 tuổi, không thể kéo nó lên được nên tôi đành buông dây thừng, đứng trên bờ mà khóc vì sợ con trâu sẽ chết đuối.

Nhưng với bu tôi, một bà mẹ quê, thì tôi nhớ nhiều, nhưng tôi chưa một lần nhắc lại những kỷ niệm này với anh chị em và con cháu. Khi thầy tôi mất thì bu tôi mới 43 tuổi với một nách bầy đứa con. Tất cả cùng sống trong căn nhà tranh vách đất ba gian hai chái, một mảnh vườn với dăm ba sào ruộng thuộc làng Cựu Viên, tỉnh Kiến An, thành phố Hải Phòng, và chỉ cách hai nơi này chừng hơn 3 cây số.

Một hình ảnh tuy đã hơn 70 năm rồi mà tôi vẫn còn như đang thấy trước mắt, đó là cảnh vào lúc hoàng hôn, bu tôi đứng ở góc vườn, sau lũy tre, hướng ra nghĩa trang mà kêu tên thầy tôi trong tiếng nấc, sau khi đã chôn cất thầy tôi xong.

Bu tôi cả ngày phải chân lấm, tay bùn với ruộng lúa vườn rau, mỗi buổi chiều về, sau khi thổi cơm cho con, nấu cám cho lợn (heo) xong thì mặt trời đã lặn. Giữa lúc tranh tối tranh sáng ấy, bà lẳng lẳng ra góc vườn, lúc thì ngồi ngắt đọt khoai lang, khi thì đứng hái lá chè mà thút thít khóc, trong khi các con không hay biết.

Một buổi chiều tối, khi chim đã về tổ, tôi leo lên cây cau góc vườn để bắt ỏ chim sáo đen khi nghe chim con “chíp chíp” mà tôi đã rình từ lâu, tôi thất kinh suýt rơi xuống đất khi bất chợt thấy một bóng đen đứng khóc ở góc vườn. Nhưng tôi hoàn hồn ngay khi nhận ra tấm khăn tang trắng vấn trên đầu, hai đuôi khăn chạy dọc sống lưng của bu tôi. Tôi vội tụt xuống định chạy vào nhà, nhưng rồi khựng lại, ngồi thụp xuống bên gốc cây cau vì nghe tiếng bu tôi khóc:

- Ôi ông ơi! Trời đã tối rồi, ông đi đâu mà sao không về ăn cơm uống nước với các con, ông ơi!

Tuy tuổi lên 6, tuổi nghịch ngợm của trẻ nhà quê không biết sợ ma nhưng tôi rùng mình nổi gai ốc khi nghe bu tôi kêu lên như thế. Bà khóc trong nấc nghẹn, cổ kèm trong họng không cho ra tiếng vì sợ các con nghe được, bà cam chịu đau khổ thương nhớ một mình, không đành chia nỗi buồn với các con. Các anh chị em chúng tôi không ai hay biết việc này, vì sau một ngày quần quật với công việc ruộng lúa, vòng khoai thì tất cả đã mệt nhoài. Mọi người đi nghỉ sớm để sáng mai, khi gà vừa gáy và tiếng chuông nhà thờ “bính-boong” lúc 5 giờ sáng là đã phải dậy để chuẩn bị ra đồng.

Riêng mình tôi biết bu tôi khóc. Tôi chẳng nói cho ai hay, nhưng tiếng khóc của bu xoáy vào đầu tuổi thơ khiến tôi cứ đứng sau hè nhìn bu tôi rũ xuống như tàu lá chuối héo, nghe bà nấc nghẹn mà ứa nước mắt theo.

Nhiều khi tôi thấy bà vịn cạnh chèo rồi sức nặng của khớp đau kéo cạnh chèo gãy xuống. Một chiều tối, tôi nghe tiếng nói bên kia vườn, cách bụi tre, vắng sang:

- Mẹ Quán sao cứ khóc mãi thế! Hãy để cho Quán nó yên nghĩ.

Đó là tiếng của cụ Dưỡng, tức chú ruột của thầy tôi. Chắc cụ cũng xót ruột vì tiếng khóc mỗi chiều tối ngoài góc vườn. Bu tôi là cháu dâu nên phải vâng lời chú chồng, từ đó bu tôi không đứng khóc ngoài góc vườn nữa. Nhưng nổi sầu vì nắm mồ chôn chồng chưa xanh cỏ thì làm sao voi nên nước mắt tiếp tục rơi cùng những tiếng nấc nghẹn trong góc bếp, giữa đêm khuya.

Mùa Đông tháng giá, tiết trời khá lạnh ở vùng quê miền Bắc trong căn nhà lá vách phen nên có nhiều khe hở khiến gió lùa vào. Anh em tôi nằm ổ rom, đắp chiếu, kín đầu thì hở đuôi và ngược lại kín chân thì thò đầu, cái lạnh đêm khuya lại thêm cái dạ trống, đúng với câu “bụng đói cật rét” nên giấc ngủ chập chờn. Nửa đêm về sáng, khi gà vừa gáy, tôi thức giấc, thấy ánh lửa từ nhà bếp hắt lên, tôi bò dậy và mon men tới gần để sưởi cho ấm thì thấy bu tôi ngồi nấu cám heo, một tay cầm que, tay kia nắm mớ rom đẩy vào tiếp cho lửa cháy, bóng mẹ tôi in lên vách, ngả nghiêng theo ánh lửa bập bùng. Đêm khuya, thấy con thức dậy bò xuống bếp thì bà mẹ biết con đang thiếu cái gì. Vừa trông thấy tôi, bà vội kéo vạt áo lau nước mắt, rồi nói:

- Đói hả? Ngồi xuống đây sưởi cho ấm rồi bu nướng cho con củ khoai.

Bếp nhà quê đun bằng rơm rạ nên có tiếng nổ lép- lép làm bắn ra những tia lửa nhỏ tựa pháo bông, kéo theo tro bụi phủ lên người ngồi nấu. Bu tôi đứng dậy khẽ phủi tro tàn trên khăn tang tr ắng rồi lấy củ khoai lang ở cái thúng treo sau lưng, vùi vào đám tro giữa ba “ông đầu rau”.

Có thể nhiều người không biết “khoai nướng vùi bếp tro” là gì, mùi vị nó ra sao, ngay cả con cháu nội ngoại của bu tôi hiện nay đang sinh sống trên đất Mỹ cũng không biết. Nhưng với tôi, củ khoai lang vùi bếp tro mà bu tôi “ban” cho tôi không có gì so sánh được. Người ta thường dùng chữ “ban” để nói về những “hồng ân” mà Thượng Đế, Chúa, Phật ban cho con chiên, phật tử, nhưng bu tôi đã “ban” cho tôi củ khoai nướng vùi bếp tro giữa đêm Đông giá lạnh mà xung quanh bếp chỉ có rơm rạ, tro bụi, bóng tối và tình mẹ con.

Bà mẹ khều củ khoai trong đám tro ra, vò nắm rơm chà lên vỏ ngoài cho sạch chỗ cháy đen rồi đưa cho con:

- Khoai còn nóng lắm, con ăn từ từ.

Đúng rồi, khoai nướng thơm và ngon ngọt với trẻ em miền quê, nếu em đói mà vội ăn đến nỗi quên cả bóc vỏ thì sẽ bị nóng phải hả miệng ra, ngứa mặt lên mà thổi “phù-phù”, ăn vụng mà nuốt vội miếng khoai lang dễ bị

nghe. Bụng đói, cát rét mà hai tay nắm củ khoai nướng nóng thì thích lắm, nhưng không hiểu sao cái tật tham ăn hằng ngày của tôi biến đi đâu mất. Tôi cũng chẳng hiểu chữ “hiếu” là gì, nhưng vẫn cứ bẻ củ khoai ra làm hai, đưa bu tôi một nửa mà không nói một lời nào cả. Biết nói gì hơn, và dù văn hay chữ tốt thì trong hoàn cảnh ấy, ngàn vạn lời nói cũng không đủ. Tôi đưa nửa củ khoai cho bu tôi chỉ vì tôi thấy bu tôi kéo vạt áo lau nước mắt, chỉ vì trong ánh lửa rơm chập chờn giữa đêm khuya tôi thấy mắt bu tôi đỏ. Tôi đưa nửa củ khoai cho bu tôi vì tôi biết bu tôi cũng đói nhưng bà nhường miếng ăn cho con, như tất cả các bà mẹ khác.

Cầm miếng khoai trong tay, bu tôi nhìn tôi không nói gì cả nhưng lại choàng tay qua kéo tôi vào lòng, tay kia xoa đầu con. Tôi biết bu tôi đang thổn thức và rồi bà khẽ nói:

- Con lên đánh thức các anh chị dậy ăn cơm để còn kịp ra đồng.

Hai tiếng “ra đồng” là chỉ công việc ngoài đồng ruộng như cuốc đất, nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, trồng rau, trồng khoai, trồng bắp (ngô) v.v... Những công việc của nhà nông để làm ra thực phẩm mà người thành phố, nhất là các bạn trẻ người Mỹ gốc Việt không bao giờ có thể hình dung ra được nó vất vả như thế nào.

Ngày qua ngày, bầy gà một mẹ bầy con đùm bọc quây quần dưới mái tranh được bao quanh bởi lũy tre xanh, rồi bị chạy loạn vì chiến tranh. Khi hồi cư về làng cũ thì chỉ còn hoang tàn đổ nát nên mẹ con lại chạy theo dòng người di tản. Thấy họ đi thì bà mẹ quê cũng dắt con đi, không biết đi về đâu và làm gì? Những lúc gian nan khốn khổ như thế chắc hẳn bu tôi lại kêu tên thầy tôi và mong chồng chỉ lối đưa đường cho vợ góa, con cô được về nơi bình an.

Cuối cùng thì gia đình tôi làm dân di cư trôi dạt vào Nam, về làng Bến Xúc, quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương năm 1954. Người nông dân thường có sức chịu đựng như “cỏ dại”, vất đâu cũng sống được với đất, nhưng mẹ con chúng tôi ra đi không mang theo ruộng vườn, chỉ có hai bàn tay nên phải xoay sở. Các anh chị tôi lúc này đã trưởng thành nên phiêu lưu về thành phố và gia đình tôi lại di chuyển về 172/41 đường Lê Quốc Hưng, Khánh Hội, quận Bốn, Saigon.

Bu tôi, một bà mẹ quê lạc về thành phố, bỏ lại sau lưng xa tít mù khơi mái tranh, lũy tre, ruộng vườn, mồ chồng mà sẽ không bao giờ được nhìn lại nên bu tôi như tàu lá úa và chỉ hồi sinh sau khi đã có tiếng bập bẹ “bà bà” của các cháu nội ngoại. Có lẽ đây là giây phút hạnh phúc nhất của bu tôi cũng như các bà mẹ khác, thương cháu chăm sóc cháu hơn thương con.

Vẫn tưởng bu tôi được vui hưởng thái bình với cháo rau đạm bạc bên con cháu cho tới lúc đầu bạc răng long thì chiến tranh lại tràn về. Các con trai, con rể của cụ lên đường tòng quân, thằng Cao Nguyên, đứa Đông Hà, em tôi ở núi Sơn Chà Đà Nẵng thì tôi ở mãi tận mũi Cà Mau. Đâu đâu cũng nghe tiếng súng nổ. “*Đại bác đêm đêm vọng về thành phố*” thì bà mẹ quê khốn khổ thức giấc ngồi tựa lưng vào vách, mắt nhắm, tay cầm tràng hạt, miệng đọc thầm chuỗi Mân-Côi cầu xin Thượng Đế ban ơn lành cho đàn con nơi lửa đạn.

Nhớ lại lúc tôi nhận được giấy gọi đi trình diện Không Quân và Võ Bị cùng một ngày, đang phân vân chưa biết chọn nơi nào thì bu tôi bảo:

- Con đừng đi lính tàu bay, thấy tàu nó bay bay thì bu sợ lắm. Con lên Đà Lạt mà học, vì ở đó có chị Hải của con, chị con sẽ săn sóc cho con thì bu an tâm hơn.

Chị ruột tôi ở số nhà 16C Phạm Ngũ Lão, tôi đã lên đây nghỉ hè nhiều lần rồi. Thấy Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị là tôi mê, nay có thêm lời khuyên của bu tôi nên tôi chọn Võ Bị. Tuy không được bà chị săn sóc, nhưng lại được nhiều đàn anh săn sóc tận tình hơn, nếu bu tôi mà biết “tận tình” như thế nào thì chắc là cụ khóc ngất. Ngày tôi ra trường, bu tôi lên Đà Lạt dự lễ mãn khóa để xem tôi mang lon “quan một” nó ra sao, nhưng mục đích chính là bảo anh rể tôi làm Cảnh Sát: “*Sắp xếp làm sao cho tôi làm việc tại Đà Lạt cho có chị có em*”, cho bu tôi

an tâm (!). Thế rồi, bu tôi thấy tôi đội mũ beret xanh Thủy Quân Lục Chiến, cụ lo lắng. Vì một anh rể khác của tôi ở TQLC đã bị thương nhiều lần nên tôi phải nói dối cụ là tôi được làm văn phòng ở Thủ Đức, gần nhà hơn.

Nhưng rồi tôi đi biệt, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, chẳng có ngày phép để về thăm mẹ già! Đòi lính chiến là vậy, còn bu tôi thì hằng ngày vẫn thót con tim mỗi khi thấy xe GMC chở quan tài phủ cờ chạy qua cửa. Khi nghe mấy bà hàng xóm kháo nhau rằng áo quan phủ cờ vàng sọc đỏ là của lính chết trận thì bu tôi vịn tường ngồi xuống đất đọc kinh tiếp.

Rồi một ngày tháng 6/1966, một xe GMC/TQLC chạy vào xóm và từ từ dừng lại, khiến bu tôi hốt hoảng khuy xuống, nhưng người lính TQLC tìm nhà bà Châu, bà hàng xóm và cũng là người cùng quê, để báo tin con trai bà là thằng Mão đã tử trận. Bà Châu xiu, bu tôi hoảng hốt lo lắng xiu theo, vì Mão và tôi là bạn và cùng tình nguyện vào TQLC. Mão ở Tiểu Đoàn 1, tôi ở Tiểu Đoàn 2. Cả hai vừa đụng trận tại ngã ba sông Định, thuộc Bích La Thôn, Quảng Trị. Nó tử thương, tôi bị đạn xuyên khuỷu tay, thấy không sao nên tôi đã nói với hậu trạm là đừng báo tin về cho gia đình biết. Khốn thay, hậu trạm rồi hậu cứ ở Thủ Đức cứ theo đúng thủ tục mà báo tin nên hai ngày sau lại một xe jeep TQLC đậu trước cửa hỏi nhà bà Tiệp, tên anh cả của chúng tôi. Người báo tin

chưa kịp nói gì thì bu tôi ngã xuống bất tỉnh và không còn biết gì nữa!

Vì bị thương nhẹ nên tôi xin xuất viện ngay để đi phép về thăm nhà. Bu tôi đang nằm thêm thiếp trên giường bệnh, thấy tôi về, cụ ngồi bật dậy ngơ ngác nhìn con, hai tay vuốt mặt con, nắn vai, nắm tay con lắc lắc như muốn biết đây là thực hay chiêm bao? Bu tôi không nói gì mà chỉ khóc. Cụ khóc vì lo âu, cụ khóc vì còn cảm được tay con vừa từ mặt trận trở về.

Những bà mẹ lính chiến thấy mặt con lúc nào thì được hạnh phúc lúc đó, còn suốt ngày dài lại đêm thâu chỉ toàn là sầu khổ vì nghĩ đến con ngoài chiến trường. Tôi xin mượn ý bài thơ Màu Tím Hoa Sim : *“Không chết người con lính chiến mà chết người mẹ hậu phương.”* Người lính chiến nếu có chết, chỉ chết một lần, nhưng những bà mẹ hậu phương thì chết dần chết mòn, chết khi nghe *“đại bác đêm đêm vọng về thành phố”*, chết giấc khi thấy con *“trở về trên đôi nạng gỗ”*.

Bu tôi đã chết giấc nhiều lần như thế khi thấy mấy đứa con, đứa cháu trong họ, cùng đi TQLC lần hồi từ trận như Tô Thanh Chiêu , Tô Văn Sơn , cháu ngoại Vũ Tuấn, Nguyễn Thanh v.v... Cuối cùng thì ngày 19/6/1969, trên con kinh Cán Gáo thuộc tỉnh Chương Thiện, những tiếng nổ đã loại tôi ra khỏi vòng chiến. May mắn hơn Chiêu, Sơn, Tuấn, Thanh v.v..., tôi còn nặng nợ, chưa “đi được” nên khi tỉnh dậy, thấy mình

nằm trên giường bệnh viện, toàn thân những dây cùng nhợ! Mờ mờ nhìn qua lớp băng quấn đầu, tôi nhận ra bu tôi đang lấy tay cạy những vết máu, vết sinh đã khô trên mặt tôi. Tôi mấp máy đôi môi, gọi qua hơi thở của bình dưỡng khí:

- Mẹ.

Tiếng “Mẹ” dễ gọi dễ thương là thế nên tôi quen với chữ “Mẹ” từ đó.

Tôi bị trọng thương, bị loại khỏi vòng chiến thì cũng là lúc mẹ tôi bớt được một phần lo âu. Thấy tôi lê lét với đôi nặng gối kẹp nách quanh quần xó nhà thì mẹ tôi lại mỉm cười:

- Con cứ như thế này thì mẹ đỡ lo.

Chưa trả hết nợ nước nên tôi được hạnh phúc quanh quẩn một thời gian bên bà mẹ già nhà quê, bà mẹ không biết viết, không biết đọc mà chỉ biết khóc vì con. Thế rồi đất bằng dậy sóng, các bà mẹ lại tiếp tục vất vả vì các con.

Lần sau cùng tôi nghe mẹ khóc là khi tôi cúi kính nhìn mẹ rồi tôi vắt đôi dép cao su làm bằng vỏ xe hơi mà cụ đã len lén để vào túi xách cho tôi lên đường “học tập vinh quang”.

Sau ngày 30/4/75, ba anh em trai tôi cùng hai người anh rể đều lên đường để “được cải tạo” làm con người! Chẳng cần nói thêm thì ai cũng biết một bà mẹ già trong

hoàn cảnh ấy thì “có vui bao giờ”. Nghe hàng xóm xì xào bán tán, mẹ tôi thật thà đi mua quần áo đen và dép râu cho các con để sớm được về đoàn tụ!

Quá khứ đời tôi lính chiến đã khiến mẹ lo âu sợ hãi nhưng chưa lần nào tôi hỗn với mẹ như lần này. Tôi lôi đôi dép cao su và bộ quần áo đen ra khỏi túi xách và quăng nó vào góc nhà. Mẹ tôi nhìn sững tôi và chắc bà tự hỏi tại sao con lại vất những thứ cần thiết ấy, nó sẽ giúp con để sớm được về với mẹ. Làm sao tôi hiểu được tình thương mệnh mông của bà mẹ quê trong khi bà cũng không biết được con trai mẹ đang “chín” từng khúc ruột. Tôi lẳng lặng cầm túi xách lên đường, không lời chào từ giã mẹ già đang ngồi tựa lưng vào vách mà mắt nhìn theo gót chân con.

“Cải tạo” tới năm thứ chín thì tôi hay nằm mơ thấy mẹ. Linh tính cho biết có điều chẳng lành, tôi hỏi người nhà mỗi khi đến thăm nuôi thì được biết mẹ tôi vẫn bình thường. Nhưng sao vẫn thấy mẹ trong giấc mơ, tôi đem chuyện hỏi lại thì lúc đó vợ tôi đành lôi trong túi xách ra một xấp hình đám tang mẹ tôi mà vợ tôi đem theo những lần trước nhưng vẫn giấu kín. Tôi không còn nước mắt để khóc mẹ vì tôi đã không chào mẹ khi ra đi, không biết rằng đó là lúc chào lời vĩnh biệt, không biết ai vĩnh biệt ai. Mẹ tôi khóc vì các con phải đi xa khi đất nước đã thái bình khiến mẹ tôi mù lòa. Mẹ tôi ra đi vĩnh viễn khi tôi chưa quay về!

“*Lòng mẹ thương con như biển Thái Bình dạt dào*”, lòng mẹ như bị dao chém mỗi khi nghe tin con “*thăng trận*” trở về, “*trở về trên đôi nạng gỗ, trở về hòm gỗ cài hoa!*” Lời nào nói cho đủ, viết cho hết trong vài trang giấy. Những bà mẹ, dù quê hay thành phố, đều là Mẹ Việt Nam. Mẹ Việt Nam thì lúc nào cũng vui và kh ỏ đau theo đời sống thăng trầm của các con, không vui khi các con không vui với nhau. Kh ỏ đau biết bao những bà mẹ của các anh lính chiến luôn canh cánh bên lòng, lo sợ phải rên rỉ câu:

- “*Lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống, trời hay chẳng trời?*”

Những ai còn mẹ, dù trong hoàn cảnh nào đi nữa thì xin chớ có cử chỉ đáng trách như tôi đã phạm đối với “*Bà Mẹ Quê*” để khỏi phải ân hận khôn nguôi./.

Xé Lá Thư Tình



Tấm hình bị xé

om nước xong, theo lời đề nghị của nội tướng, gia đình tôi ngồi lại coi video “Lá Thư Chiến Trường” của Trung Tâm Asia. Vị nể tình vợ con nên tôi phải ngồi cho có mặt vậy thôi chứ khiêu văn nghệ của tôi thì vô cùng tồi, nhất là đối với những sáng tác về sau này, đại loại như: “Tình anh ngọn nến, xin em đừng đến”, hoặc giả “dậy đi em đừng ngủ dậy đưa, dậy đi em mà nấu canh chua”, nhất là sau 10 năm đại học máu XHCN mà nghe các cô cậu hét bên tai “Trái

tim ngực tù” thì chỉ có chế t! Lời ca tiếng hát không hợp khẩu vị, quần áo ca sĩ thì nghèo nàn, xệ trên hở dưới thấy mờ mờ ảo ảo, đầu có nhìn sát màn hình thì chỉ thêm nhức đầu, chẳng ích gì cho tuổi xế chiều như tôi.

Hơn nữa, không hiểu sao hồi này cứ sau bữa cơm tối là cô nàng “Song Thị Nhã” lại rủ tôi lên giường, viện có với lý do “căng da bụng thì chùng da mắt”. Da bụng căng sẽ kéo da mắt khép lại. Khi đi “khám” bác sĩ, ông nói rằng sau khi ăn, đường trong máu tăng cao làm ta buồn ngủ chứ không phải tại da bụng căng làm mi mắt khép lại. Đang lơ mơ ngủ gật, tôi giật mình nghe tiếng con gái:

- Bố bố, dậy xem trên TV kìa, người ta đang đọc lá thư chiến trường của Thiếu Tá Huỳnh Văn Phú kìa, lời thơ tình tứ và cảm động quá! Có phải đó là thư của bác Phú TQLC/K19 của nhà mình không? Có phải bác ấy viết cho bác Phụng không? Nếu không phải bác Phụng, má của Mimi thì làm sao bác Phú dám liều mạng đưa thư gửi người tình lên TV?

Tuy chưa mở mắt ra được, nhưng nghe con hỏi là tôi biết tác giả lá thư tình đó là ai rồi. Trong chôn vãn chương tình ái, chưa có ai trùng tên Phú họ Huỳnh nên tôi xác định ngay:

- Còn ai vào đây nữa, chính là bác Phú K19/TQLC của nhà mình đấy.

Không hiểu con gái tôi học được ở đâu câu nói: “của nhà mình” thay vì “bạn của bố”. Không riêng bác Phú mà bất cứ bác nào cháu biết thì đều vợ vào “của nhà mình”, như bác Chiến, bác San, bác Giáng, bác Miên, bác Khương,

bác Hải, bác Trân v.v.. Tôi đã nhắc cháu nhiều lần, nói như thế có thể làm các bác buồn, nhưng cháu lại lý sự: “Gọi như thế mới thân tình hơn chứ bố”. Thấy cháu biết kính mến bạn của bố khiến tôi vui nên giải thích thêm về lá thư:

- Lá thư có thật đó con, bác Phú viết cho người yêu, còn người yêu là ai thì bố không nhớ hết, vì là lính đánh giặc từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, dùng quân đầu là có tình yêu đó, độc thân vui tính lại biết thả thơ, biết tán, có tài khôi hài làm người khác cười tít mắt thì ắt có nhiều tình yêu, có nhiều thì sợ gì mà không dám kể.

Thấy bố mạnh miệng bên vực cho bạn, con gái nháy mắt với mẹ ngồi bên:

- Bố có dám kể cho mẹ và con nghe lá thư bố viết cho người yêu không?

- Bố không nhớ hết những lá thư bố viết, và viết cho ai, có lá thư bố viết cho người tên Mai Liên, Thu Cúc, Trúc Xinh v.v.. thì đều bị trả lại với dòng chữ ghi trên bì thư “không có người nhận”, duy có một lần nhận được thư hồi âm của người yêu, bố chưa kịp đọc thì lá thư đó bị xé nát...

Vừa nói xong câu đó thì tôi thấy nháy nháy bên hông, hình như có người nào nhéo ba sườn thì phải, rồi nghe tiếng nho nhỏ bên tai: “Xạo hoài”! Nhưng con gái thì không biết chuyện vợ chồng tôi vừa “cấu-chí” nhau nên cháu hỏi bố tới tấp là ai mà dám xé thư người yêu của bố? Người xưa ấy là ai? Yêu từ hồi nào, hiện nay bà ấy ở đâu? Ở Hoa Kỳ, hay còn kẹt lại ở Việt Nam? Có phải lá thư bị mẹ con xé vì bả ghen?

Liếc sang mẹ con gái, thấy bà ấy đang ngó lên TV nên tôi nói nhỏ với con:

- Coi chừng bố bị xé xác bây giờ! Để bố kể lại chuyện xưa:

* * *

Tết năm 1963, Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị là Thiếu Tướng Trần Tử Oai cho phân nửa K19 có điều kiện được đi phép Tết. Nhân dịp này, tôi quen được cô Th..., nữ sinh lớp Đệ Tam Gia Long , em họ của người bạn cùng học Pétrus Ký. Đêm giao thừa năm ấy, SVSQ Võ Bị cầm tay cô nữ sinh Gia Long , dung giăng đi xem hoa Tết và xin xăm ở Lãng Ông, Gia Định, xăm phán: “Tiền hung hậu kiết”, nghĩa là tình tr ục trặc lúc ban đầu, hồi sau sẽ tốt đẹp.

Từ đó Th... và tôi quen nhau, thư đi tin lại được một thời gian thì chiến trường sôi động mạnh, vì tôi là lính Thủy Quân Lục Chiến, di chuyển liên tục khắp nơi, ranh giới giữa sống chết khó phân biệt, thời gian dành hết cho đơn vị, vượt mất tiền đồng đội ra đi và nhận bạn mới, không còn thời gian nghĩ đến mẹ già và gia đình nên tình yêu của tôi với Th... bị gián đoạn, mất liên lạc cho đến Tết Mậu Thân 1968, tức 5 năm sau chúng tôi mới gặp lại nhau trong một hoàn cảnh khá bất ngờ.

Nghe tôi kể vậy , con gái tưởng tôi thêu dệt nên nói tiếp thay lời bố:

- Lại là chuyện tình éo le thời chiến , hai người yêu xưa nay bất ngờ gặp nhau trên phố, em thì đã tay bé tay

bồng, còn anh bận lo giữ biên cương nên vẫn còn độc thân, liếc mắt ngậm ngùi nhìn nhau, thăm hỏi vài câu xã giao rồi đường ai nấy đi! Có phải vậy không bố?

- Không phải gặp nhau trên phố, mà gặp trong một trận đánh nhau và cô ấy vẫn chưa có chồng.

Mắt con gái tròn xoe ngạc nhiên vì hiểu lầm chuyện “đánh nhau”, còn mắt mẹ thì vẫn cứ nhìn lên TV xem người ta đọc những “lá thư chiến trường”, phần tôi thì nhớ lại những kỷ niệm ngày gặp lại Th... khá bất ngờ trong trận đánh nhau với VC trong Tết Mậu Thân 1968 sau mấy năm xa cách và những gì xảy ra sau đó cho tới ngày “lá thư tình bị xé”.

Tết Mậu Thân 1968, VC đánh chiếm nhiều nơi ở Saigon Chợ Lớn, ĐĐ2/TQLC đang hành quân tại Cai Lậy thì được trực thăng Chinook bốc về Saigon, đổ quân xuống ngay trong sân cò Bộ TTM. Rồi từ ngày đầu Tết Nguyên Đán ĐĐ2 hành quân liên tục khắp nơi, nội ngoại thành phố Saigon Chợ Lớn, từ đợt 1 qua đợt 2 (tháng 5/68) cho tới tháng 9/68. Khi Saigon thanh bình thì Tiểu ĐĐ 2 mới rời Saigon đi Hồ Bò, Bời Lời thuộc Chiến Khu D của VC.

Vì VC đánh chiếm nhiều nơi trong thành phố nhưng mỗi nơi chỉ là những đơn vị nhỏ cấp đại đội, trung đội hoặc các toán đặc công nên ĐĐ 2/TQLC ít khi phải hành quân chung cấp tiểu đoàn mà thường giao cho mỗi đại đội, với quân số trung bình trên 100, để thanh toán những mục tiêu khác nhau.

Sau khi cùng Đại ĐĐ 2 của Đ/Úy Vũ Đoàn Dzoan thanh toán mục tiêu khu vực chùa Ấn Quang (bắt tên Bảy Lốp

tại đây), đại đội tôi được lệnh thanh toán mục tiêu tại bến xe đồ Miền Tây, nằm trên đường Thành Thái (Chợ Lớn).

Xe GMC chở quân chúng tôi xuống tại ngã ba đường Thành Thái và Cộng Hòa để tiến dần về hướng Chợ Lớn, dọc theo hai bên đường Thành Thái, vượt qua ngã tư đường Thành Thái & Trần Bình Trọng vẫn an toàn, nhưng khi trung đội đi đầu gần tới bến xe thì súng nổ, một vài anh em bị thương nhẹ. Tôi cho tạm dừng quân để báo cáo và thăm dò địch tình, tìm cách thanh toán mục tiêu cách nào để hạn chế tối đa thương vong, “đánh giặc trong thành phố”, địch trà trộn với khu vực dân thật khó nuốt vì không được dùng hỏa lực của Pháo Binh và Không Quân yểm trợ.

Trong lúc chúng tôi tạm dừng quân thì dân chúng hai bên đường hé cửa bước ra hỏi thăm. Dĩ nhiên quân tới đâu thì dân được bình an tới đó, nhất là những thanh niên tới tuổi “tòng quân”, thấy lính với súng đạn quanh mình thì các chàng tò mò hỏi han đủ chuyện. Chợ thấy ai vớ vai và gọi: “Anh Cấp”. Tôi quay lại thấy người thanh niên cao lớn đẹp trai, trông quen quen, người thanh niên tự giới thiệu:

- Em là Tuấn, em của chị Th..., chắc anh không nhận ra em.

- Trời ơi Tuấn! Em mau lớn quá, sao em đến đây và nhận ra anh?

- Lúc đầu em còn ngờ ngờ nhưng sau thấy tên anh trên nắp túi áo, mấy hôm rồi sợ quá nên nhà cứ đóng cửa, nay thấy lính về tụi em mừng nên chạy theo xem các anh đánh Việt Cộng, anh khỏe không?

Tuấn vừa nói vừa tay chỉ về căn nhà gần đây. Tôi sực nhớ lại căn nhà số 347 đường Thành Thái, nơi gia đình Th... sinh sống, đó là nơi lần đầu tiên tôi được người bạn cùng lớp và cũng là em họ của Th.. dẫn đến thăm. Với quân phục sinh viên sĩ quan Võ Bị, tôi bước vào nhà.., vừa thấy tôi, “cô bé” đang ngồi đọc sách ngoài phòng khách vội đứng dậy gạt dầu chào rồi chạy tuốt vào bên trong. Dù được bạn báo trước nên tôi biết cô bé đó là ai nhưng tôi vẫn bị bất ngờ với vẻ đẹp “nữ sinh”, tính nhút nhát. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo mái tóc ngắn, cái cổ trắng ngần. Hình như tôi nghe thấy tiếng “sét...”

- Anh khỏe không?

Tiếng Tuấn nhắc lại câu hỏi thăm tôi giật mình, ngượng ngùng trở về hiện tại, vội hỏi thăm Tuấn mà không gì ấu được niềm xúc động:

- Cả nhà được bình an cả chứ em?

- Ba mẹ và chúng em bình an cả nhưng anh Phong đã tử trận rồi! Còn em thì sắp đi Hải Quân.

Tin Phong tử trận làm tôi choáng váng! Phong là con trai trưởng và là em rể của Th... Muốn được cảm tình của chị thì phải “lấy lòng” mấy cậu em trước nên tôi và Phong rất thân nhau, Phong giúp tôi liên lạc thư từ với chị, Phong “ét-coọc” chị ra khỏi nhà để bố mẹ an tâm. Khi chúng tôi gặp nhau rồi thì Phong giao chị cho tôi rồi Phong đi chơi riêng, hẹn giờ đến đón chị v.v... vậy mà “cậu em” tử trận tôi không biết! Em thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh, một thiếu úy trẻ tuổi đẹp trai đầy tương lai. Nghĩ tới Phong, lòng tôi chùng xuống, thương em vô cùng!

Phong đã tử trận! Đòi lính là vậy đó, biết bao gia đình có con đã hy sinh cho Tổ Quốc. Vinh quang thay, nhưng cũng đau đớn thay cho các bậc cha mẹ khi con lớn tử trận rồi đến con thứ hai.. Gia đình Th.. là một trong những trường hợp đó.

Tuấn đi Hải Quân, cuối năm 1973, vào những này giáp Tết âm lịch, Tuấn chuẩn bị cưới vợ, người yêu của Tuấn là một cô gái công, dung, ngôn, hạnh, tên Mai. Nhưng bất ngờ Tuấn được lệnh theo tàu HQ10 đi công tác.

Ngày 19/1/1974 tin chấn động cả nước và riêng với gia đình Th.. về trận hải chiến Hoàng Sa giữa Hải Quân Việt Nam và quân Trung Cộng, hai bên cùng thiệt hại, nhưng tin HQ10 bị đánh chìm đem theo Hạm Trưởng Ngụy Văn Thà và một số tử sĩ, thành phần còn lại thì đã vượt thoát bằng phao đem theo các thương binh, nhưng tất cả chưa xác định được danh tánh!

Tâm trạng lo âu, hồi hộp và hy vọng đối với các bà mẹ, người chị có con, em tham dự trận hải chiến Hoàng Sa là cầu xin Thượng Đế, van vái tứ phương, cầu Chúa, lạy Phật, kể cả thầy bói v.v..

Vào khoảng hai tuần sau Tết Âm Lịch 1973, một anh Hải Quân, bạn thân của Tuấn, tìm đến nhà báo tin:

Khi trận hải chiến xảy ra, trọng pháo của tàu Trung Cộng bắn vào HQ10, anh này và Tuấn cùng nằm song song trở đầu đuôi trên “boong” tàu HQ10, Tuấn bị thương vào đầu. Khi HQ10 bắt đầu chìm thì Hạm Trưởng lệnh cho anh em tự thoát, Tuấn được đồng đội dìu xuống phao cấp cứu. Vì bị thương vào đầu máu ra nhiều nên Tuấn đã trút hơi thở sau nhiều giờ lênh đênh trên biển cả, đồng đội

đành thủy táng Tuấn! Khoảng 20 người còn lại trên bè vài ngày sau được tàu Nhật cứu vớt. Trước khi thủy táng Tuấn, người bạn của Tuấn còn giữ lại được vài kỷ vật của Tuấn, trong đó có tấm thẻ bài và lá thư gửi cho Mai, vợ sắp cưới!

Vài ngày sau, phái đoàn Bộ Tư Lệnh Hải Quân đến nhà Th... làm lễ truy thăng cho Hải Quân Nguyễn Văn Tuấn đã anh dũng chiến đấu với quân xâm lược Trung Cộng để bảo vệ Hoàng Sa.

Ngày nay ở hải ngoại, hằng năm vào dịp kỷ niệm tưởng nhớ 74 tử sĩ Hải Quân trong trận hải chiến Hoàng Sa tại tượng đài Việt Mỹ Westminster CA, gia đình Th... vẫn nhận được thư mời đến tham dự...

Hoàng Sa! Đã hơn 40 năm rồi, nước mắt vẫn còn rơi!

Trở lại chuyện Mậu Thân.

Sau khi giải tỏa mục tiêu xong , tôi trở lại thăm và chia buồn cùng gia đình Th..., thấp nén nhang cho Phong. Bố của Th... cảm động khi tôi tới chào, ông nói:

- Các cháu đánh giặc giỏi lắm , lính của các cháu rất kỷ luật.

Nghe sao mà ấm lòng , và thật mát dạ khi người cũ đưa tôi chai “ 33” và bao thuốc lá Ruby Queen (màu tím nhạt), hai thứ này là bạn thân của tôi . Ngoài yếu tố “tình cũ không rừ cũng đến” thì sự thương mến đời lính chiến của gia đình Th... khiến hai chúng tôi g ắn bó hơn ngày xưa, nhưng tình vẫn chỉ là chuyện tình lính , một năm dăm ba ngày phép, rừ nhau dạo phố Nguyễn Huệ, Lê Lợi, ăn gỏi đu đủ bò khô gan cháy , uống nước mía Viễn

Đông, ngôi café Mai Hương v...v..., hết phép anh trở ra
tiền tuyến em vẫn ở lại hậu phương.

Tình yêu vẫn chỉ là thư đi tin lại, yêu nhau trên giấy
được hơn một năm. Cho tới một hôm, ngày 19/6/1969,
TĐ2/TQLC hành quân vùng Hỏa Lựu, tỉnh Chương
Thiện, dừng quân bên hông chợ Hỏa Lựu để nhận tiếp tế
và thư từ do hậu trạm mang tới. Tôi cũng nhận được lá
thư của Th..., chưa kịp ngắm nghía cái tên người gửi thì
hai chàng ĐĐT /ĐĐ2 và ĐĐ 4 là Đ/Úy Trần Văn Hợp ,
Đ/Úy Vũ Đoàn Dzoan cùng với Phạm Hiệp Sĩ , thuộc
TĐ4/TQLC cùng hành quân chung, đến kéo tôi vào quán
cháo lòng bên hông chợ . Buổi sáng sương mù phủ kín
đồng quê, trời lạnh, cháo nóng, bạn đồng khóa đông (4
tên), lại thêm cái bi-đông để luôn bên hông của Hiệp Sĩ
nên tôi để yên lá thư tình trong túi áo.

Khi đi hành quân, đang leo núi, băng rừng, lội sông mà
nhận được thư gia đình, nhất là thư của người yêu thì
mừng và quý lắm, cứ như gặp được người thật. Tâm
trạng mừng vui tùy người, có anh vồ vập đọc ngay, có
chàng từ từ mà cời, mà mở sao cho cái bì thư không bị
rách (?). Chàng khác thì cầm chắc trong tay cứ như “tay
lại cầm tay”, mắt len len nhìn quanh xem có ai để ý
không rồi đưa thư lên mũi hôn như để tìm mùi thơm da
tay, mùi nước hoa quen thuộc. Còn tôi thì lúc nào cũng
hôn tên người gửi rồi gói kỹ lại để dành tới cuối ngày,
khi dừng quân, nằm đong đưa trên võng, uống café, hút
thuốc lá mới bóc thư tình.

Còn gì vui bằng khi đóng quân xong, leo lên võng, đặt
thư tình lên ngực tưởng như hai ta cùng nằm chung
võng, vừa đu đưa vừa đọc thư, kéo một hơi thuốc lá, nhả

khói vòng tròn thấy khuôn trắng người tình trong đó. Chuyện lính chiến trường khi dừng quân, nhận và đọc thư người yêu thấy lãng mạn và dễ thương làm sao! Người hậu phương nếu biết được tình cảm này ch ắc chẳng bao giờ nỡ cách xa, nỡ sang ngang.

Nhưng thực tế không đẹp như mong ước mà nhiều khi còn vỡ nát con tim, gặp nhiều đau thương sau khi đọc thư tình: “Anh ơi, em vẫn thương anh, nhưng mẹ bắt em đi lấy chồng, em không muốn mất chữ hiếu!” Cũng có khi chưa đọc thư, hoặc vừa đọc thư em xong thì anh làm người thiên cổ!

Ai đã từng đọc “Những Buổi Sáng Của Lựu” trong tập truyện “Mùa Xuân Âm Thầm” của nhà văn Huỳnh Văn Phú chắc khó tin đó là chuyện tình có thật, chuyện tình đẹp như tranh giữa Trung Úy TQLC Nguyễn Quốc Chính, K20 Võ Bị, và người tình tên Lựu, nhưng nửa đường gãy gánh!

Đã lâu lắm rồi nhưng tôi còn nhớ rõ như mới xảy ra. Chiều ngày 29/12/1967, sau khi đóng quân xong, Chính và tôi nằm võng cạnh nhau bên bờ sông Cai Lậy, café, thuốc lá và tâm tình, Chính lấy thơ của Lựu ra đọc, họ mới trao nhẫn đính hôn trước khi đi hành quân. Sau khi đọc đi đọc lại nhiều lần, hôn hình vợ chưa cưới, Chính thở dài:

- Sao lần này đi hành quân, em thấy có cái gì lẩn cấn và nhớ Lựu quá!

Quả như lời Chính nói, trong chuyến hành quân ấy, Chính đã tử trận, không bao giờ trở về với người vợ sắp cưới, y như trường hợp của Tuấn sau này, Tuấn không

về được với Mai nữa! chỉ có lá thư Tuấn viết cho Mai mà chưa kịp gửi khi còn sống!

Khi tôi nhận được thư, nhìn tên người gửi, tôi cảm lá thư dày là biết có hình trong đó, vì thư trước Th... đã hứa: “Sẽ bất ngờ đến thăm anh”. Tôi biết cuộc hành quân vùng Chương Thiện này là phải lội qua nhiều kinh rạch nên tôi bọc lá thư thật kỹ bằng nhiều lớp nylon, giăng dây thung bên ngoài, để thư lên túi áo cho khỏi ướt.

TĐ2/TQLC chia làm hai cánh để tiến vào mục tiêu, cánh A do TĐT Nguyễn Xuân Phúc chỉ huy, gồm có ĐĐ4 của Trần Văn Hợp, ĐĐ1 của Tr/Úy Lâm Tài Thạnh. Cánh B do tôi chỉ huy kiêm luôn ĐĐ3 và ĐĐ2 của Dzoan.

Khi cánh B đổ trực thăng xuống cánh đồng ruộng nước để tiến vào làng, tôi phát giác có dấu vết khả nghi trên các đường mòn dẫn vào mục tiêu. Theo lý thuyết học tại quân trường thì không bao giờ đi trên các đường mòn, vì vậy tôi cho lệnh các đại đội lội dưới ruộng mà đi, men theo các bụi dừa nước để tiến vào làng. Nào ngờ, thực tế lại khác, Việt Cộng đã gài sẵn mìn dưới gốc dừa nước, dây cước giăng chìm dưới nước làm sao biết mà tránh. Mìn nổ tung ngay giữa ban chỉ huy cánh B, cổ vắn Mỹ bị cụt tay, cận vệ tử thương, tôi bị trọng thương.

Đ/Úy Dzoan gọi má y báo cho Anh Phúc và Trưởng Ban Ba Chiến Đoàn là Đ /Úy Trần Kim Đệ , họ đang bay C&C, Đệ đáp trực thăng xuống tải thương cho tôi về bệnh viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Trong lúc y tá phân loại thương tích theo tình trạng từ nặng tới nhẹ, tôi mới biết mình bị gãy xương chân phải , gãy tay trái , bể xương hàm, máu từ mũi và hai lỗ tai đang chảy ra. Tôi

nghe loáng thoáng một viên bác sĩ sờ chân tôi rồi nói: “Phải cura!” Rất may vừa lúc đó, Bác Sĩ TQLC Nguyễn Văn Hạnh đến nhận thương binh TQLC chuyển thẳng ra phi trường, đem về bệnh viện Lê Hữu Sanh tại Thị Nghè Saigon điều trị. Tôi thều thào nói với BS Hạnh:

- Dừng cura.

BS Hạnh mỉm cười, vỗ vỗ tay tôi an ủi rồi chích cho tôi thuốc ngủ, giảm đau.

Nửa tỉnh nửa mê nằm trên giường bệnh, toàn thân bị bó bột, thoáng nghe tiếng ai nhỏ nhẹ bên tai, nhướng mắt lên, nhận ra mẹ tôi và Th... , hai người thân yêu của tôi đang cạy những vết máu và bùn đã khô còn dính lại trên đầu và mặt tôi. Thấy tôi mở mắt, Th... mỉm cười, hỏi nhỏ:

- Anh đã nhận được thư và hình của em chưa?

Lúc đó tôi mới chợt nhớ đến lá thư trên túi áo trái, tôi vội hỏi Binh Nhất Xiêm, người em đi theo săn sóc tôi, chú Xiêm lôi trong bọc nylon ra bộ đồ trần ẩm ướt hôi rình! Túi áo trái bị miếng mìn xé rách, lá thư và hình trong túi cũng bị rách! Trong bọc nylon gói lá thư còn có một miếng kim loại lớn hơn đốt ngón tay út cuộn trong những miếng giấy vụn.

Tôi hiểu ngay điều may mắn kỳ diệu đã đến với tôi, lá thư chưa đọc, bọc trong nhiều lớp nylon, tấm hình và những tờ giấy “pelure” tuy mềm nhưng đủ sức giữ miếng kim loại ở lại trong túi áo. Nếu không có lá thư và hình làm “lá chắn” thì miếng kim loại đó đã chui vào tim tôi! Tôi đã nằm trong tủ lạnh ở nhà xác nào đó rồi! Tay

run run cầm tấm hình bị xé rách và miếng đạn, tôi thều thào nói với Th...:

- Thư và hình của em đã bị miếng đạn xé nát, nhưng cũng chính nó đã cứu anh khỏi tay thần chết, nay anh tặng em miếng đạn này để làm kỷ niệm...

Vừa nghe tôi kể tới đó thì con gái lau nước mắt, cười ré lên rồi nói:

- Lãng mạn, lãng mạn: “Khi em sang sông, anh tặng em viên đạn đồng để làm kỷ niệm” Thế rồi cô Th... thấy tương lai của bố mờ mịt quá, bố lê lét trên đôi nạng gỗ nên cô ấy sang sông. Rồi bố được mẹ con mang về nuôi có phải không?

Nghe con cười và chọc quê bố, mẹ cháu cũng vui lây hát nho nhỏ:

- Anh trở về trên đôi nạng gỗ, anh trở về không làm dang dở đời em.

Lúc này thì trên TV, lá thư tình của nhà văn Huỳnh Văn Phú đã sang trang. Mẹ toan đi ngủ thì con gái cầm tay mẹ kéo lại rồi quay qua điều tra bố thêm. Cháu có vẻ như ghen thay cho mẹ.

- Thế cô Th..., người bố yêu ngày xưa ấy bây giờ ở đâu, có bao giờ bố gặp lại bà ấy chưa?

- Gặp thường xuyên, bà ta tuy có chồng có con nhưng vẫn còn đẹp lắm. Bố và bà ta vẫn thỉnh thoảng cùng nhau coi lại tấm hình và lá thư tình ngày xưa bị xé rách đó.

Con gái tôi ngạc nhiên tròn xoe đôi mắt:

- Thôi nghe bố, bố đừng có lạng quạng với bà ấy mà có ngày cả bố lẫn con bị bỏ đói, hay phải ăn food-to-go. Nhưng mà bố này, bữa nào bố mượn lại bà ta tấm hình đó đem về đây cho con xem bà ta có đẹp hơn mẹ con không mà bố dám liều mạng.

- Nếu con muốn coi tấm hình đó thì hỏi mẹ, mẹ đang giữ.

Nghe tôi nói vậy bà già mỉm cười, còn con gái thì nũng nịu với bố:

- Nãy giờ con tưởng bố kể chuyện tình éo le của bố, hóa ra cô Th... chính là cô Thúy mẹ con. Cảm ơn mẹ, cảm ơn bố./.

Những Người Lính Trong Một Gia Đình

Trong khi tham dự lễ Chiến Sĩ Trận Vong tại tượng đài chiến sĩ Việt-Mỹ ở Westminster CA, tôi nghe mấy em trẻ tuổi nói nhỏ với nhau là tại sao không viết tên các quân nhân Việt Nam đã hy sinh trên những miếng đá xung quanh tượng đài như các quân nhân Mỹ đã được khắc tên trên bức tường đá đen ở Washington D.C?

Nhớ lại một lần đi thăm Thủ Đô D.C, người bạn dẫn tôi đến công viên nơi có bức tường đá đen ghi danh 58 ngàn quân nhân Mỹ đã hy sinh trên chiến trường Việt Nam, tôi đọc tên họ và đôi lúc đứng lại thật lâu tưởng như ngắm bóng mình in trên vách đá. Thấy tôi có vẻ “hâm hấp” và mắt thì giờ nên anh bạn nửa đùa nửa thật hỏi:

- Tìm mãi mà không thấy tên mình trên bức tường đá hả?

Tôi ngập ngừng trả lời:

- Bóng mình thì có, còn tên mình thì không, nhưng thử cố tưởng tượng xem có một tên nào mang dòng họ Lê, Trần, Hoàng, Nguyễn, Vũ v.v... trên bức tường này không, và tôi ước mong được như thế.

Nay nghe mấy em nhỏ đặt vấn đề làm tôi bâng khuâng. Từ ngày bị giải ngũ vì “gãy súng” cho tới nay, dường như chưa có một “người lớn” nào trong cuộc chiến nghĩ đến và đặt câu hỏi như các em! Có lẽ các em ao ước được đọc những cái tên như Binh Nhì Trần Nhảy Dù, Binh Nhất Lê Biệt Động, Hạ Sĩ Nguyễn Mũ Xanh, Trung Sĩ Đinh Thiết Giáp, Thiếu Úy Trịnh Bộ Binh, Trung Úy Vũ Phi Công v.v... hơn là nghe danh từ “Các chiến sĩ vô danh”.

Tôi đang nghĩ về các Chiến Sĩ Vô Danh thì một con lốc nhẹ cuốn tàn nhang từ lư hương theo làn khói trắng bốc lên cao như những hồn hoang hoảng hốt bay lên vào lúc hoàng hôn để về một nơi nào đó thật xa hay tìm về chiến trường xưa, nơi xác mình còn bỏ lại trên quê hương Việt Nam!

Tôi nhớ đến những đồng đội Thủy Quân Lục Chiến đã ra đi, người thì may mắn còn nắm mồ, anh thì không, trong số đó có những người thân trong gia đình tôi. Con cháu trong dòng họ cũng thường hỏi tôi về những người đã chiến đấu và hy sinh ấy là ai? Vì vậy tôi phải viết đôi dòng về “*Những Người Lính Trong Gia Đình...*”

Trước tiên xin nói về anh Nguyễn Duy Xương:

Anh là người cùng làng, con nuôi của linh mục Thọ, nhưng bản tính năng động anh xuất tu, là tu xuất anh tình nguyện vào lính Commando Du Nord từ những năm

1953-54 ngoài Bắc Việt. Khi nước Việt bị chia hai, đơn vị anh di chuyển vào Nam rồi chuyển thành Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam. Lúc đầu doanh trại của anh đóng gần nơi gia đình tôi cư ngụ (Khánh Hội). Người cùng làng, cùng đi lễ nhà thờ Xóm Chiếu. Anh cầu nguyện: “Sao cho con lấy được người con thương” nên anh được toại nguyện, anh là anh rể của tôi từ đó.

Nhớ lại vào khoảng năm 1953, đám học sinh lớp nhất trường tiểu học Kiến An - Bắc Việt, chúng tôi đang đánh bi, đánh đáo trước sân trường thì hai chàng Tây gạch mặt say xỉn chở nhau trên chiếc xe đạp tông vào chúng tôi, khiến đám con nít chúng tôi đổ máu mồm dòn máu mũi. Thầy hiệu trưởng Nhữ Đình Chu, thầy giám thị Nguyễn Hữu Lãng, chạy ra can thiệp cũng bị hai tên này rút dao găm ra hăm dọa. May lúc đó có ba ông lính Việt Nam đi ngang, thấy chuyện bất bình, chạm tự ái dân tộc, thế là ba chàng xung trận. Kết quả cuối cùng hai chàng Tây ôm đầu máu chạy còn ba chàng lính Việt bị Police Militaire (Quân Cảnh) dẫn về đồn. Hai trong ba người lính ấy là anh Nguyễn Duy Xương và Phạm Khắc Dật.

Hai anh đã có mặt ngay từ đầu, ngày thành lập Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến. (TĐ1/TQLC). Trong một trận đánh tại Mỏ Cày 1956, Trung Đội Trưởng Phạm Khắc Dật tử trận, tên anh Dật được đặt cho doanh trại TĐ1/TQLC ở Rừng Cắm, Thủ Đức. Trung Đội Phó Nguyễn Duy Xương bị thương, sau khi lành vết thương

anh vẫn tiếp tục chiến đấu, tiếp tục bị thương nhiều lần nữa, lần sau cùng anh bị cắt 1/3 lá phổi.

Lẽ ra với cấp độ tàn phế như thế thì anh là thương phế binh, nên giải ngũ theo lời năn nỉ của chị tôi, nhưng anh có vẻ “hơi gàn”, gắt lại với vợ: “*Nếu có chết thì phải chết trong bộ quân phục Thủy Quân Lục Chiến.*” Anh vẫn tiếp tục hăng say làm việc trong bộ quân phục rằn ri cho tới ngày cuối cùng cuộc chiến. Ngày anh ra đi, không còn đồng đội, không có phủ cờ, nhưng các con vẫn mặc cho anh bộ quân phục TQLC theo ý của anh.

Sau 22 năm (1953-1975) phục vụ trong quân đội, huy chương sao vàng, sao bạc, sao đồng, sao đỏ (chiến thương bội tinh) đầy ngực, sẹo cũng đầy người, anh đi từ cấp Binh Nhi leo lên đến cấp Chuẩn Úy. Tuy khởi đầu binh nghiệp anh không là một sinh viên sĩ quan, nhưng với 8 lần thăng cấp, anh xứng đáng là bậc thầy của tôi

Nói về anh tôi nhớ tới những ông thầy trong đời binh nghiệp của tôi như Chuẩn Úy Lơ ĐĐ4/TĐ2 tử thương trên đồi Cồn Tiên, Chuẩn Úy Hóa ĐĐ1/TĐ2 bị bắn mất 1 trong 2 hòn bi trong trận Cầu Khởi. Người trung đội phó đầu đời binh nghiệp của tôi là Thượng Sĩ Lô ĐĐ4/TĐ5 bị đạn cắt cụt chân trái tới háng mà vẫn cười và vẫn giúp “thượng sĩ phu nhân” bổ sung quân số. Tôi nhớ tới Thượng Sĩ Cương, Thượng Sĩ Lư, Trung Sĩ 1 Khánh, Trung Sĩ Oanh v.v.. Đối với tôi, họ là những bậc thầy về kinh nghiệm tác chiến, đức tính hy sinh với 10

tới 20 năm lính, sọc đầy mình mà vẫn an phận là những hạ sĩ quan.

“Một người làm quan cả họ được nhờ”, nhờ gì chưa biết nhưng rõ ràng đời binh nghiệp của Chuẩn Úy Duy Xương đã ảnh hưởng nhiều đến các anh em trong gia đình. Tôi theo gương anh, ngày gia nhập Trường Võ Bị, tôi đem cái mũ beret xanh và may mắn tôi bốc trúng lá thăm được chọn về Binh Chủng TQLC. Rồi từ đó, các em, cháu khác cũng nhất định theo gương anh, theo sau tôi để được đội cái “Mũ Nồi Xanh”.

Đó là niềm hãnh diện nhưng cũng không tránh được những mất mát đáng buồn. Người buồn đầu tiên là bà cô Châu, người trong họ, sống sát vách với nhà anh Xương. Bà có thằng con trai duy nhất là Nguyễn Văn Mão đang học lớp đệ tam trường Trần Lục thì bỏ học để đi lính rồi tình nguyện về TĐ1/TQLC khiến bà chửi anh Xương là đã xúi bẩy con bà bỏ học đi lính! Chưa nguôi cơn giận thì TQLC Nguyễn Văn Mão tử trận tại ngã ba sông Vĩnh Định, Bích La thôn Quảng Trị năm 1966. Cũng tại mặt trận này tôi ở bên TĐ2/ TQLC chỉ bị thương thôi nên bà cô Châu càng giận thêm.

Bà cô Châu còn đang giận thì tới ông chú Tô Văn Phiêu buồn phiền, ông chống ba-toong tới kiểm tôi bảo có cách gì lo cho thằng Tô Hùng Sơn không? Nó tốt nghiệp trung sĩ và đã chọn TQLC rồi, làm sao để kéo nó ra khỏi Binh Chủng này?

Tôi không chơi thân với Sơn nên chẳng biết hẳn học hành thế nào và tại sao lại chọn Mũ Xanh, nay nghe ông chú hỏi cách nào lo cho con của ông ra khỏi Binh Chủng mà tôi đang phục vụ nên tôi bị chạm tự ái bèn phang ngang bỏ củ với ông chú:

- Dễ lắm, không tốn kém gì cả, chú bảo em nó đảo ngũ.

Sơn không đảo ngũ mà còn hăng say phục vụ dưới cờ TĐ3/ TQLC, hình như đại đội trưởng của Sơn là Đại Úy Nguyễn Kim Tiền và trong trận đánh Tết Mậu Thân ở cầu Bình Lợi, Sài Gòn. Sơn đã về vui Xuân với gia đình trong “hòm gỗ cài hoa” ngay ở xóm nhà Sơn đang ở!

Kế tiếp là tới Tô Thanh Chiêu. Thực ra lúc đầu Chiêu là SVSQ Không Quân đang thụ huấn bên Mỹ nhưng vì lý do đánh lộn với ông quan đại diện nên Chiêu và Nguyễn Gia Quyết bị trả về theo học khóa 26 Thủ Đức rồi tình nguyện về TQLC. “Trời sinh Chiêu sao còn sinh Quyết!” Hai tên này mà đi cặp với nhau thì đời chịu gì thấu! Họ có nhiều chuyện vui buồn với những biệt danh là 9-Quyết và 9-Chiêu.

Theo lời giải thích của bạn bè thì số 9 (cửu, là cầu) ám chỉ hai ông thân này là cao thủ “bít-la” (ba lít) của võ đường “Cờ Tây” (cày tơ). Ngoài ra Chiêu bị mất một

ngón nên đồng đội là chàng “Gãy Súng” Cao Xuân Huy khai sinh thêm cho Chiêu cái danh: “Cửu Chi Thần Cái”.

Sau khi Chiêu tốt nghiệp Khóa 26 Thủ Đức, anh ruột của Chiêu là dân biểu Lâm Đồng Tô Đức Hạnh khoe với tôi là đã lo cho em về một nơi dễ tìm thấy chữ “Thọ” rất to nên tôi ngạc nhiên khi thấy Chiêu mang quân phục rằn ri đến tìm tôi rồi vỗ ngực khoe cái huy hiệu Hắc Long TĐ5/TQLC. Tôi bèn chọc quê:

- Không kiếm đủ tiền để chi cho ông dân biểu Hạnh một châu “rựa mận” nên đành làm thân lươn* chẳng ngại lấm bùn phải không?

Huy hiệu Hắc Long là con rồng, nhưng một số anh em TĐ5/TQLC lại tự hài hước, tự điều mình là thân lươn, long giống lươn. Bị tôi chọc quê, Chiêu gỡ gạc:

- Tôi đẹp trai hơn anh, cao hơn anh không lẽ lại đứng “thấp” hơn anh?

Chẳng hiểu ở với Hắc Long đánh đấm ra sao mà Chiêu sớm bị ôm đầu máu, bị thương rồi về Trung Tâm Huấn Luyện TQLC ở Thủ Đức. Chiêu chơi thân với tôi vì thời gian này tôi cũng đang “nhỏ cỏ” ở căn cứ Sóng Thần nên chiều nào sau giờ làm việc Chiêu cũng sang tôi đánh cờ tướng, thọc bi-da, lai rai ba sợi (nhậu).

Sĩ quan đọc thân lại là huấn luyện viên thì tiền lương tiêu được mấy ngày ở quán “Cây-Còn”, quán “Con Gà Quay”, quán 3 số 2 (222) có cô chủ mặc quần đen Mỹ-A

thùng lỗ ở mông, nên Chiêu hay sang cái am của tôi ăn cơm “chùa”. Nhiều lần đấu cờ tướng, tên nào thua phải ra cái hồ đầu nhà cầu vài nắm rau muống nấu canh, rau muống mọc hoang nên có nhiều nhựa, nước canh đen như pha mực, anh em tôi vừa đánh cờ vừa xì-xụp canh đại dương rồi hấn rung đùi ngâm thơ:

- Người quân tử ăn không cần ngon, chỉ cần no.

- Ý chú mày nói “quân tử” ở đây là lính gà chết phải không?

Một chiều tôi anh em tôi đang chiêu tướng bên tô canh rau muống thì Hạnh, anh ruột của Chiêu đến, mang theo chai “John đi bộ” với con vịt quay, Chiêu cầm chai Johnnie Walker ngắm nghía rồi gật gù:

- Thứ này là gu của moa.

Thấy Chiêu lẻo mép, tôi chọc quê hấn:

- Thứ đếch nào có hơi men cũng là gu của toa! Dân tu chùa* đừng có xạo.”

(* Thứ nhất chớ tu tại bar, thứ nhì chớ tu tại gia, thứ ba chỉ nên tu chùa . Tu chùa có nghĩa là có người mời uống bia, uống rượu chứ không phải đi tu ở chùa.)

Mỗi khi hấn mở miệng nói cái gì là tôi kiếm ngay cái tú đứng kê vào miệng hấn nhưng nó chỉ cười “hề hề!” Vì chính hấn là vua chọc quê thiên hạ.

Cờ đang dở cuộc, rượu mới nửa chừng thì Tô Đức Hạnh khơi lại chuyện lo cho Chiêu về tiểu khu Lâm Đồng đã xong rồi, Hạnh là dân biểu mà lo chỗ thọ cho thằng em cấp úy là chuyện nhỏ nhưng Chiêu không chịu, nó to tiếng cự lại: “Em không thích gõ cửa bằng chân.”

Đúng là “cờ dang dở cuộc không còn nước, rượu chưa qua môi đã cay sè!” Vài ngày sau Chiêu xin giã từ trung tâm huấn luyện, về đầu quân TĐ4/TQLC Kinh Ngự. Hấn nói với tôi sẽ sống với Kinh Ngự và chết với Kinh Ngự! Và Chiêu đã toại nguyện.

Ngày 26/3/1975 trong khi “ta buồn tôi đi lang thang” trong căn cứ Non Nước, Đà Nẵng chờ lệnh Tham Mưu Trưởng để ra tòa án Quân Sự (!) vì trình diện trễ 2 ngày thì tôi đụng Tiểu Đoàn Trưởng TĐ18/TQLC là Cao-Bồi Trần Ngọc Toàn. Anh hỏi tôi đã nghe tin tức gì chưa, nhưng không đợi tôi trả lời, anh nghẹn ngào ứa nước mắt nói tiếp:

- Hai thằng Nam và Chiêu chết rồi!

Anh Toàn là TĐT/TĐ4/ TQLC nhưng anh vừa được lệnh bàn giao TĐ4 lại cho Th/Tá Đinh Long Thành để anh về Non Nước thành lập TĐ18, tuy nhiên anh vẫn theo dõi sát tình hình ở đơn vị cũ. Anh cho biết trong lúc giao tranh dọc theo bãi biển từ cửa Thuận An đến cửa Tư Hiền, Th/Tá Nguyễn Trí Nam Tiểu Đoàn Phó TĐ4 và

Đ/Úy Tô Thanh Chiêu Đại Đội Trưởng ĐĐ3, những thuộc cấp của anh, đã tử trận chiều 25-3-1975.

Tôi không còn chỗ trong lòng để nhét thêm nỗi buồn nữa nên bèn chạy về Trung Tâm Hành Quân để hỏi tin tức về xác thằng em nhưng không ai biết. Ngày 27/3, một chiếc tàu chở thương binh và tử sĩ từ Thuận An về Đà Nẵng, Bác Sĩ Phạm Vũ Bằng và tôi được lệnh ra đón thương binh tử sĩ, trong số thương binh có Đại Tá Nguyễn Thế Lương, Lữ Đoàn Trưởng LĐ 147/TQLC, trong số tử sĩ thì có Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam chứ không có xác Chiêu! Tôi hỏi thì được đồng đội của Chiêu cho hay đã đưa anh ấy lên tàu nhưng rơi lại xuống biển!

Cho đến nay, cấp chỉ huy và đồng đội của Chiêu vẫn không xác định được “*Chiêu ơi bây giờ mi ở đâu?*” Thôi thì ở đâu cũng được, không lòng đất thì lòng đại dương, nôm na là mất xác!

Chiêu mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ nên anh em Chiêu rất thương yêu và lo cho nhau, nhưng không vì thế mà chiều lòng ông anh để thay bộ TQLC bằng bộ áo có chữ THỌ trước ngực. Bộ quân phục đã thấm máu thì khó cởi ra và Tô Chiêu đã chết với bộ rằn ri TQLC như anh Duy Xướng, như Nguyễn Mão, như Tô Sơn.

Khi còn ở trung tâm huấn luyện, Chiêu lấy vợ, có một con gái, chẳng may vợ qua đời vì tai nạn nên cháu

gái được ông bà ngoại ở Cầu Chữ Y (Chợ Lớn) mang về nuôi

Khi về TD4 ở Vũng Tàu, Chiêu kết duyên với cô... (tạm gọi là Hồng Loan). Lúc Chiêu tử trận thì Hồng Loan mang thai và sau nay sinh con gái. Cháu gái này hiện đã tốt nghiệp đại học và hành nghề luật ở miền Bắc California.

Chiến tranh! Sinh tử! Loạn lạc! Chia ly! Chùng nào hai chị em ruột, cùng bố khác mẹ mới gặp nhau, nhận ra nhau và cùng đốt cho bố Chiêu một nén nhang?

Vì sống gần nhau nên tôi có nhiều kỷ niệm vui buồn với Chiêu, một trong những kỷ niệm “miếng ngon nhớ lâu điều đau nhớ đời” đó là chiều Xmas Eve 1970, trong khi tôi đang nằm bệnh viện Lê Hữu Sanh, chân tay còn bó bột thì 9-Chiêu và Cửu Quyết đến khiêng tôi lên xe, chở nhau ra Mai Hương trên đường Lê Lợi uống café.

Chiều Noel ngồi Mai Hương với café thuốc lá rửa mắt thì nhất, nhưng chưa hết gói Ruby Queen thì họ lại khiêng tôi lên một nhà hàng vũ trường gần đó. Nhà hàng hình như đang chuẩn bị cho dạ tiệc Noel nên chưa có thực khách. Máy cô guây-trét có vẻ ngạc nhiên khi chúng tôi đến quá sớm nhưng họ vẫn tiếp đón lịch sự, có lẽ vì thương hại thấy hai thằng khiêng một thằng.

Chiêu cầm thực đơn gọi món nhậu gì đó rồi kéo cô “cổ lùn” từ túi áo jacket ra để lên bàn. Một lúc lâu sau,

tiếp viên nhẹ nhàng đặt trước mặt mỗi thằng một đĩa nấm “chiên bơ”(!). Dân chơi thứ thiệt không thắc mắc về mỗi nhậu mà men cay mới là chính nên ba thằng cứ ly anh ly tôi cứ nhâm nhi và nghe nhạc “Đêm Thánh Vô Cùng”, “Thằng Bé Đánh Trống”, “Sao Cho Con Lấy Được Người Con Yêu” v.v..

Khoảng 9 giờ tối thì hết rượu, những đĩa nấm còn, chúng tôi đứng dậy rủ nhau đi nhà thờ Đức Bà mà cái hóa đơn tính tiền thì gần hết tháng lương vừa lãnh! Đang tính hỏi nhân viên sao cái máy chém sắc thế thì sực nhớ ra đây là vũ trường. Vừa ra khỏi cửa, tiếc tiền tôi than phiền:

- Chiêu! Sao mày lại gọi nấm? Ai nhậu với nấm bao giờ? Ngu thế!

Chiêu cười hề hề:

- Em gọi chim bồ câu chiên bơ nhưng không hiểu sao tụi nó mang nấm? Rõ ràng em “o-đơ champignons” mà. (Thực đơn bằng tiếng Tây.)

- C... champignons là nấm đó ông nội, còn con chim... cu là pigeon. Gọi mẹ nó bằng tiếng Việt là “chim cu” có phải đỡ vất vả vì nấm không, phí cả tiền!

Đúng là một kỷ niệm khó quên của lính tiền tuyến bày đặt đi nhậu ở vũ trường hậu phương, vừa đau chân, đau cái ví và buồn mà phải cười vì cái vốn tiếng Tây học

đã sôi cơm nhưng chưa chín nên chữ Tác đánh chữ Tô, chữ Ngô hóa chữ Quá!

Trong tác phẩm “Tháng Ba Gãy Súng” tác giả Cao Xuân Huy đã nói về thái độ ung dung của Chiêu lúc hành quân, khi nghỉ ngơi thì vui vẻ chơi, ăn nhậu. Đại Đội Trưởng Dương Công Phó, là bạn, là cấp chỉ huy của Chiêu thì nói:

- Chiêu là thằng có tình có nghĩa, biết trọng cấp trên, thương thuộc cấp, cho lính nhậu nhưng không được say, say thì đi ngủ, thằng nào mượn hơi men mà quấy rầy thì không cho uống, không cho tu mà lấy rượu đổ vào họng, ấn đầu vào rượu cho ngộp luôn. Đó là cách Chiêu trị bệnh say-quậy của lính, thế mà chúng sợ.

Sau 1975, tôi gặp một số thương phế binh thuộc đại đội của Chiêu. Họ đã ca tụng “ông thầy” Chiêu cứu họ mà hy sinh. Nay những người ấy sống chết ra sao làm sao tôi biết?

Chiến tranh kéo dài, trong một gia đình có hai ba thế hệ chiến đấu trong cùng một đơn vị, một binh chủng là chuyện bình thường, năm anh em tôi (Xương, Cấp, Chiêu, Sơn, Mão) đã và đang mặc quân phục TQLC thì lại đến lượt các cháu.

Một sáng Chủ Nhật tôi ngạc nhiên khi thấy ba bà chị kéo nhau vào căn cứ Sóng Thần Thủ Đức, nơi tôi làm việc, tìm gặp tôi rồi cự nự:

- Cậu tính thế nào chứ mấy thằng cháu tụi nó bắt chước cậu đăng vào lính TQLC hết rồi, hiện chúng đang tập ở Trung Tâm Huấn Luyện, cậu xin cho tụi nó về được không? Mấy cậu chết chưa đủ hay sao mà còn dắt các cháu vào để chết chùng cả đám à?

Thì ra thằng Vũ Văn Tuấn, con bà chị ruột và thằng Thanh, thằng Úy con hai bà chị họ cùng rủ nhau đi TQLC. Tôi tìm gặp chúng và hỏi xem có muốn xuất ngũ không thì thằng nào cũng lắc đầu, muốn làm lính TQLC. Tôi cũng chẳng muốn chúng đảo ngũ, nên nói với các chị:

- Thời chiến tranh, học hành dở dang, đăng nào cũng phải đi lính.

Tôi nói với mấy bà chị như vậy và hứa sẽ lo cho các cháu sau.

Mãn khóa, Nguyễn Văn Thanh được nhận về Tiểu Đoàn Quân Y của Bác Sĩ Nguyễn Văn Thế. Vũ Văn Tuấn về TĐ4 của Trung Tá Quang. Nguyễn Thiệu Úy về TĐ2 của Th/Tá Trần Văn Hợp. Cả 3 ông đơn vị trưởng này có duyên nợ với tôi, một tiếng nói cho cháu ruột kiếm tí “thọ” thì không khó. Cháu Thanh được tiếp tục học nghề chuyên môn y tá thì không lo, nhưng còn Tuấn và Úy thì tôi nói với hai ông Tiểu Đoàn Trưởng Quang và Hợp “trông chừng” tụi nó dùm.

Cháu Thanh sau khi tốt nghiệp y tá được đi theo bác sĩ Phạm Vũ Bằng hành quân. Tôi tưởng thế là an tâm vì ông lang Tây này rất thương thuộc cấp và mát tay, nhưng rồi ông thầy Bằng bị thương, học trò Thanh tử trận!

Thật đau lòng khi tôi đến chia buồn cùng bà chị, mẹ Thanh, thì bà nhìn tôi không nói gì rồi ôm quan tài phủ cờ của con khóc đay nghiến:

- Thanh ơi! Dậy đi con, cậu Cấp đến thăm con đây này!

Từ đó tôi tránh gặp mặt các bà chị, nhưng chẳng bao lâu chị Tô Thị Tiếp, mẹ của Tuấn, đến nhà khóc lóc ăn vạ với mẹ tôi và bảo tôi:

- Tuấn nó chết mất xác rồi, cậu phải đi tìm xác cháu về cho chị.

Sau khi được về TĐ4/TQLC thì Tuấn viết thư cho tôi khoe là được ông thầy Quang cho đi học lái xe, nhưng cháu không thích và xin ra tác chiến, rồi vào đầu mùa Hè Đỏ Lửa, VC tấn công mạnh vào TĐ.4 ở căn cứ Động Toán (Quảng Trị). Cháu Tuấn chết mất xác cùng với nhiều đồng đội. Âu cũng là tại số!

Tội nghiệp nhất là bố mẹ của cháu Thiếu Úy! Vốn là dân “tay cày vai bừa” nên sinh được mấy thằng con thì đặt tên là Thiếu Úy, Trung Úy, Đại Úy v.v.. Nhưng thằng Thiếu Úy về với Trâu Điền chưa ấm chỗ thì Tiểu Đoàn Trưởng Trần Văn Hợp gọi cho tôi:

- Sorry, cháu Úy của mày chết rồi!

Cháu Úy tử thương ở trận Cửa Việt và được truy thăng Bình Nhất! Tội nghiệp! Nếu nó còn sống và tiếp tục chiến đấu thì thế nào 20 năm sau cũng lên tới ông quan thiếu úy, đạt được nguyện vọng của song thân.

Nhà tôi và nhà cháu Úy cùng trên đường Tô Hiến Thành, cách nhau 5 căn. Lần cuối cùng tôi gặp cháu Úy khi nó về phép, thấy cháu đội cái mũ rộng vành có thêu hình con Trâu Điên to lại có vẻ hung hăng con bọ xít, hù đám bạn cùng xóm, tôi gọi cháu sang nói nhỏ:

- Trâu Điên chỉ điên khi đụng trận với VC nhưng hiền lành ở hậu phương, lịch sự với mọi người, những trâu già đụng trận đến mòn cả sừng mà không ai biết, cháu mới chỉ là “nghe con” để thiếu tháng mà lúc nào cũng hung hăng làm mất mặt những Trâu Điên thật, coi chừng bị điên thật đấy.

Sau lần bị tôi rầy, cháu Úy ra đi và không ngờ cháu đi luôn! Tôi không hối hận nhưng buồn, có ba thằng cháu nối bước cha ông vào TQLC thì thay nhau tử trận hết! Biết làm sao hơn! Thân tôi bị trọng thương, loại khỏi vòng chiến, không xin giải ngũ, mà ở lại phục vụ và lang thang như “chó ba chùa”, làm công việc của “con mèo” nên chỉ có khả năng lo cho cháu thế thôi, mà chúng cũng không muốn là lính kiểng.

Ngoài 8 người (5 anh em và 3 đứa cháu) phục dưới cờ TQLC thì tử trận hết 7, gia đình chúng tôi còn góp thêm 4 mạng nữa cho chiến trường, đó là Thượng Sĩ Thiết Giáp Tô Văn Đát “ra đi” tại Tây Ninh, Thiếu Úy Nguyễn Văn Phong SĐ23/BB tử trận trên Cao Nguyên và em ruột của Phong là Hải Quân Nguyễn Văn Tuấn đi theo HQ10 đã nằm sâu dưới lòng biển cả trong trận hải chiến Hoàng Sa với quân Trung Cộng vào ngày 19/1/1974! Và Quân Cảnh Vũ Văn Hùng (em ruột TQLC Vũ Văn Tuấn) chết trong lúc bảo vệ kho đạn Gò Vấp trong trận Mậu Thân 1968!

Nói về những người lính trong một gia đình đã hy sinh vì Tổ Quốc, “Nửa Đường Gãy Gánh” không phải để than van hay khoe khoang, vì tất cả chỉ là lính và họ đã hy sinh thì cũng cần một lần nhắc đến tên, một lần xướng danh để con cháu biết có những người cha người chú đã sống và chiến đấu rồi chết như thế nào trong Binh Chung TQLC nói riêng và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nói chung.

Cái chết của những người lính trận khi đối đầu với quân CS thật đáng trân trọng, ít nhất cũng một lần xin được nhắc tên các anh, nếu không khắc được tên lên bia đá. Riêng anh em con cháu trong dòng họ tôi thì tôi xin được viết tên các anh vào cuốn “NỬA ĐƯỜNG”./.

Ông Cháu Tựa Má Đầu

Có bao giờ quý vị được ai khen chưa? Nếu có thì cảm giác vị ngọt của lời khen đó như thế nào? Riêng tôi, đã tới tuổi thất-thập rồi mà mới được khen một câu “giỏi quá” khiến tôi sung sướng và hạnh phúc như chưa bao giờ được hạnh phúc đến như thế. Người khen không phải bố tôi, bố tôi qua đời lúc tôi mới 6 tuổi. Các ông bố ít khi khen con bằng lời, dẫn con có ngoan có giỏi thì các ông cũng chỉ gật đầu. Và lại, con trai vào độ tuổi nghịch phá, chỉ thua có quý ma thì thường được bố “thương cho roi cho vọt”.

Người khen không phải mẹ tôi, mặc dù các bà mẹ Việt Nam suốt đời thương yêu con hơn cả bản thân mình, nhưng vì tôi là nguyên nhân khiến mẹ tôi lo âu sầu khổ, mất ăn mất ngủ, lúc nào người cũng cầu xin Thượng Đế cho con được bình an nơi lửa đạn, và cuối cùng vì thương nhớ con mà mẹ tôi ra đi trong lúc con còn phải “lao động là vinh quang” (ở tù VC) nên không thể về được để chịu tang, để được vuốt mắt mẹ lần cuối!

Người khen cũng không phải mẹ của các con tôi , người mà tôi thương yêu. Từ thuở ban đầu, nàng không thèm nhìn mà chỉ nguyền, không cười mà chỉ thấy cái môi dưới dễ thương thừa ra khi biết có người đang theo đuôi và theo đuổi. Cho tới khi đầu gối tay ấp thì lại hay mắng mỏ: “Anh khi gió này”! Ngày nay về già trên đất Mỹ thì “chung lưng đấu cật”, hai cái lưng đầu vào nhau với lý do mùi thuốc lá hôi quá, ngáy to quá làm phiền người bên cạnh đang cần sự yên lặng để coi phim Đại Hàn!



Ông và hai cháu nội ngoại

Hay nhi! Ngày xưa vẫn những tật xấu ấy, mồ hôi, mùi thuốc lá hôi ấy thì sao không thấy chê? Có lẽ khi còn trẻ dễ ngủ, mỗi khi nằm gần nhau thì cùng lăn ra ngủ nên không ai làm phiền ai chẳng?

Còn các con ư? Quý vị có thấy các con khen bố mẹ bao giờ chưa? Hiếm hoi lắm thì phải, nếu có chẳng thì lại khen vào lúc “vừa khóc vừa khen”, vừa nghe kènđám ma vừa ca tụng bố. Anh chị nào văn hay chữ tốt thì viết bài đăng báo cáo phó, kẻ lể ơn nghĩa sinh thành! Muộn rồi, phụ mẫu chẳng còn nghe và cũng không đọc được nữa!

Trong gia đình đã vậy, ngoài học đường, ngay từ lúc tôi còn học trường tiểu học Kiến An, thầy Nguyễn Hữu Lăng, thầy hiệu trưởng Nhữ Đình Chu thường nhéo tai hay gõ thước kẻ vào bàn tay tôi vì tội tôi vẩy mực tím lên lưng áo mấy cô bé Diễm, Hoa ngồi bàn phía trước. Lên trung học Petrus Ký, vì “quê hương tôi cái mùng mà kêu cái mản” nên khi học Pháp Văn cứ cứng lưỡi gõ mà đọc “nơ -manh” là bàn tay, “ma-tanh” là buổi sáng, “tông-canh” là Bắc Kỳ. Thế là thầy dạy Pháp Văn Phạm Văn Ba cho tôi điểm 4/10 và mắng tôi dốt Pháp Văn, phải đọc là “la-me” “ma-te”, “ton-ke”. Sợ thầy quá tôi thường trốn học.

Học đường là thế, chiến trường còn tệ hơn, dẫu có huy chương sao đỏ, sao bạc, sao vàng, dương liễu thì cũng không đủ điểm để bù cho những những ngày bị

trọng cảm, bị nhốt QC 202. Mà nào tôi có biếng nhác hay hèn nhát gì cho cam, đã không được khen mà còn bị phạt chỉ vì những lỗi âm ớ, để râu và chào thượng cấp không đúng cách.

Tất cả là thế nên có được ai khen bao giờ đâu!

Nay được khen, mà lời khen phát ra từ miệng tuổi thơ vào ngày sinh nhật thứ ba của cháu khiến tôi hạnh phúc ngất ngây. Cháu mới bập-bẹ tiếng Việt, giọng ngọng-ngịu, nhưng quá hay, hay tới độ không có bất cứ bút mực nào tả xiết, không có nhà ngôn ngữ học nào viết được cho đúng âm tiếng cháu nói. Trái bóng có chữ “Happy Birthday” tuột khỏi tay cháu, bay lên trần nhà, sợi dây lơ lửng trên đầu, cháu cầm tay ông lắc-lắc, mếu-máo nói:

- Ôôn chằm, ôôn chằm.

Tôi hiểu ý cháu nói: “Ôôn chằm” tức muốn ông cầm, ông lấy lại trái bóng cho cháu, dễ thương quá!

Sợi dây cao quá tầm tay, tôi nhìn quanh tìm thứ gì cao-cao để đứng lên, cháu hiểu ý bèn đem hộp giấy đựng gift để dưới chân ông rồi ra hiệu cho ông đứng lên. Cháu thông minh nhưng thơ ngây và dễ thương làm sao! Ông mà đứng lên cái hộp đó thì còn gì là con búp bê xinh đẹp trong cái hộp đó nữa? Tay ông với không tới sợi dây, nhún gót lên cũng không tới, cháu ngược cổ nhìn ông, nhìn trái bóng với ánh mắt chờ đợi lo âu. Không thể chần

chờ được nữa, tôi nhún xuống rồi nhảy thật cao lên chụp sợi dây, lần đầu hụt, lần thứ hai hụt. Tay chưa chạm tới dây, ông dừng lại thở.

Cháu lại lắc tay ông như truyền sức mạnh tuổi thơ cho người già. Tôi vừa thở vừa nhìn cháu rồi ngược nhìn sợi dây, ước lượng khoảng cách, hít một hơi dài, dồn tất cả sức mạnh của tuổi 70 xuống đôi bàn chân, từ-từ nhún xuống rồi bung thật mạnh lên. Tay vừa nắm được sợi dây kéo trái bóng bay có chữ “Happy Birthday” xuống thì tôi nghe tiếng cháu nói:

- Giỏi quá!

Tôi vội ngồi xuống, trao trái bóng cho cháu, vòng hai tay ôm chặt cháu vào lòng, nước mắt ứa ra vì hạnh phúc. Ông cháu cùng đứng dậy dắt nhau đi cột trái bóng vào tay con búp bê cho bóng khỏi bay. Tôi đi cà nhắc, chắc tại nhảy cao nên đầu gối hơi bị đau, gót chân bị thốn, nhưng nhìn cháu cười khiến ông quên hết ưu phiền và cái đau biến mất.

Hai con tôi lập gia đình đã mấy năm rồi mà tôi chưa được là ông. Tôi không để ý chuyện gia đình riêng của chúng, tôi cũng không hiểu được “đêm về nghe con (nít) khóc vui triền miên” như thế nào! Đời tôi chỉ được dăm ba ngày phép khi vợ sanh rồi lại tiếp tục hành quân, chưa được nghe con bập bẹ, chưa biết con bú sữa gì, nước com pha đường hay bột Bích Chi, sữa Guigoz hay

Babylac v.v... Cho đến sau 10 năm bố ra khỏi ngục tù Cộng Sản, bố con được đoàn tụ thì con đã lớn, đã biết lý luận phải trái, đôi khi còn giận hờn, tảng lờ đi lời bố khuyên, nhất là lời khuyên của ông bố Việt với những cô cậu lớn lên, trưởng thành trên đất Mỹ.

Tôi đến thăm nhà anh chị Dương-Chiến, phòng khách như một “chiến trường”, salon, bàn ghế, tivi, dàn nhạc được 6 cháu ngoại săn sóc tận tình. Anh cười hãnh diện giải thích:

- Đề kê cho các cháu vui.

Anh là dân chơi hoa, Mai, Lan, Cúc, Trúc đều đủ cả, anh quý Lan như chính bản thân mình. Nay thì những chậu bông, chậu kiểng được các cháu biến thành những “cánh hoa trong thời loạn ly”! Ông đi mua hoa giả, hoa nylon về cho các cháu dày vò. Tôi chưa có cháu thì làm sao hiểu được tình thương này. Những ngày đi du lịch Hawaii, anh không để ý đến cảnh đẹp, không màng đến màn múa bụng của các thiếu nữ hải đảo mà lúc nào cũng gọi điện thoại về nói chuyện với các cháu. Mới sáng sớm, chưa kịp uống café, tôi đã nghe Chiến gọi:

- Hôm nay con có đi học không? Con ăn gì? Nhớ ông ngoại không...?

Điệp khúc này lập đi lập lại nhiều lần, nhiều ngày cho tới khi lên máy bay về lại California. Từ đó nếu tôi có rủ anh đi du lịch thì anh bảo không nơi nào trên thế

nhưng thực ra là muốn bé... bà. Chưa có cháu nên tôi đoán chỉ đúng một nửa.

Anh chị Phan từ San José du ngoạn phương Nam, nghe tín hiệu trong xeo-phôn là biết cháu gọi. Mặc dù đang lái xe và biết sẽ bị phạt nếu vừa lái vừa nói phon, nhưng anh không ngại police, không sợ bị phạt mà thương nhớ cháu nên vội vàng a-lô:

- Con hả? Ừ, khi nào về ông sẽ mua cho, chè ba màu hả? Chè bắp nước dừa nữa hả? Được rồi, được rồi, ông mua tại tiệm xyz mà con thích, v.v...

Bạn bè gặp nhau, nói chuyện kinh tế chính trị thì họ cãi như mỗ bò nhưng khi nói về các cháu thì họ tâm đầu ý hợp 100%. Những khuôn mặt da nhăn nheo nhưng rạng rỡ, hàm răng giả nhưng giọng cười sáng khoái, thỉnh thoảng gỡ kính lão ra lau những giọt nước mắt hạnh phúc. Với các bạn Chiến, Mi, Khịa, Phan tôi chỉ biết họ thương cháu đến thế thôi. Tuy nhiên trong gia đình, tôi mới nhìn rõ tình thương của anh cả tôi dành cho các cháu như thế nào.

Anh tôi có những thú tiêu khiển mà tôi cho là quá lớn, say mê nghe radio BBC, RFI, VOA, đọc báo, và từ khi chấp chững biết internet thì dường như anh quên mọi người xung quanh. Chưa hết, kể từ khi hý hoáy viết vài câu chuyện về kỷ niệm đơn vị cũ, chiến trường xưa, được bạn bè chọc quê “khen hay”, thế là anh tưởng thiệt

bền miệt mài ngồi bên computer, cứ tưởng mình là nhà văn thật. Một hôm, tôi thấy anh mua một chồng nhật báo Việt Báo, cho vào bao thư, đem ra bưu điện gửi lung tung. Tôi hỏi anh xin được job giao báo đấy à thì anh không thèm trả lời mà mở trang báo, chỉ vào bài của anh viết đã được đăng. Tôi thăm nghĩ:

- Thôi chết, anh tôi bị mộng du rồi!

Nhưng kể từ khi có cháu thì anh buông tất cả, không thèm nghe radio nữa. Hỏi tại sao, anh bảo: “Chán phê, nghe cháu bập bẹ thú vị hơn”. Đôi khi nhân lúc cháu ngủ, anh cũng ngồi vào bàn gõ gõ, nhưng chợt nghe tiếng “ợ-ợ” là anh buông tất cả, vội chạy lại bên cháu rồi độc thoại:

- Cháu đái hả? Ừ đái thật rồi nè, mà còn ị nữa chứ. Để ông thay tã cho nhá.

Tôi thật sự không hiểu điều gì khiến anh tôi đã bỏ tất cả những thú tiêu khiển riêng tư kể từ khi con gái đem cháu ngoại đến nhờ ông bà săn sóc giùm. Bỏ mộng làm người “giết văn” mà anh còn thay bà làm ông nội trợ, làm tất cả mọi việc như đi chợ, nấu cơm, quét nhà, rửa chén v.v...để bà dành trọn thời gian săn sóc cháu.

Còn rất nhiều những ông nội, ngoại thay đổi tính nết và cách sống kể từ khi có cháu khiến tôi hay buông lời bóng gió chê bai. Nhưng “đoạn đường ai có qua cầu mới hay.” Nay tôi lên chức ông r ồi mới hiểu thế nào là tình

thương ông cháu, mới rút ra được bài học chung là chớ vội trách người khác khi mình chưa gặp hoàn cảnh tương tự. Tôi xin rút lại lời phê bình các bạn thương cháu vì tôi đang là ông nội ngoại, vì tôi đang hạnh phúc với tất cả những vất vả mà các bạn đã trải qua, tôi đang làm theo tất cả những gì các anh đã làm mà trước đây tôi không tin. Xin mượn câu trong Thánh Kinh: “Phúc cho những ai không thấy mà tin”, để mong các bạn nào chưa lên ngôi ông thì chớ vội bảo tôi quá lời.

Lúc trước, ngày ngày tôi đi làm, cuối tuần là hẹn hò bạn bè café thuốc lá rồi họp hành, “coong”, “kính tứ cố” hoặc tứ sắc, mặc cho bà “nhà tôi” vò võ một mình thâu đêm suốt sáng. Kể từ khi có cháu, tôi đã giảm hẳn sinh hoạt bạn bè, hội hè đình đám. Nếu ai chê rằng tôi thuyên chuyển về bình chủng “Người Nhái” thì tôi chỉ nhếch mép cười mà không giải thích, thâm nghĩ: “Các anh đang đi đôi giày chật mà tôi đã từng mang”. Còn sinh hoạt riêng tư thì tôi thay đổi hẳn.

Việc đầu tiên là cái râu, nickname của tôi là Cấp-râu. Ngày xưa bị phạt trọng cấm cũng vì bộ râu này làm ngứa mắt xếp nhưng vẫn cứ để, bị người yêu đá nhiều cũng tại râu này làm ngứa má hồng, nhưng vẫn cứ để râu. Huống chi nay sống trên đất tự do thì cứ tự do, cứ việc cắt tỉa, sọt nâu sọt bạc thì đã có thuốc bôi đen, bà-bà cũng chẳng bị phiền hà gì nữa vì không bị ngứa mà nhăn nheo thì tại sao tôi không để râu?

Nhưng rồi có một hôm tôi hun cháu, cháu khóc ré lên. Giật mình tôi mới biết mình vừa lấy bàn chải sắt chà lên trán cháu, bởi vì tuổi thơ không biết lấy tay đẩy ông ra như ngày xưa bà cháu vẫn làm. Có người hận tình xuống tóc đi tu, tôi thương cháu quyết định xuống râu. Cạo râu đi trông cái mặt có vẻ ngô-ngố, nhưng chẳng hề chi, miễn sao tôi hun mà cháu không khóc là được rồi. Kể từ đó, sáng, chiều, tối, tôi siêng cạo râu, mỗi lần muốn hun cháu, việc đầu tiên là đưa tay lên sờ-sờ cảm xem có “xì-mút” không đã.

Việc kế tiếp là bỏ hút thuốc. Thói quen nửa thế kỷ rồi dễ gì chừa, vợ con từng nhiều lần khuyên bỏ, nhưng tôi lý luận theo lối cù nhày rằng là lính đánh giặc mà nói “bỏ hút” tức là tử trận đấy, ngoài nghĩa trang có mộ bia nào ghi chết vì hút thuốc lá đâu?

Thế là “vũ như cần”, vẫn như cũ, ngày một gói, sợ hôi trong nhà thì ra ngoài vườn. Dẫu đêm khuya mưa gió thì núp dưới mái hiên mà hút, mặc cho ướt áo, miễn sao khói vào cảm thấy ấm bụng là được rồi. Nhưng kể từ khi có cháu, tôi đem nguyên một cây 3 số 555 tặng thùng rác thay vì bán lại hay cho người khác.

Bỏ hút rồi tôi mới cảm thấy được mùi hôi của khói thuốc. Bà các cháu chịu đựng bấy lâu quả là đáng phục, vì tình mà chịu đựng. Nhưng tuổi thơ như bông hoa vừa chớm nở sao nữ phun khói vào, tuổi thiên thần chớ nên gieo rắc mầm bệnh nan y cho các cháu. Thói quen đã

quá nửa đời người rồi, bỏ đi chẳng dễ dàng gì, nhưng tôi quyết già từ “ngư ời tình khói sương”, tôi bỏ hút chẳng phải vì tôi mà vì tuổi thơ của con cháu. Trước đây tôi cho rằng các anh C , M, K, N chiều cháu, thương cháu như vậy là quá lớn, nhưng nay tôi có cháu rồi mới hiểu tình thương ông cháu là nhiều lắm, ít có bút giấy viết nào tả cho hết.



Ông và hai cháu nội ngoại Madison và Amy

Một bản nhạc, một vở kịch dù hay thế nào chẳng nữa mà nghe, mà xem lần thứ hai đã quá đủ, nhưng khi tuổi thơ bập-bẹ bi-bô thì nghe hoài, nghe mãi không chán, ngắm tuổi thơ chập chững tập đi mà sao thấy tuyệt diệu đến thế! Những bước nhảy, điệu múa của tài tử giai nhân đều vô nghĩa trước những bước đi ngả nghiêng xiêu vẹo của tuổi thơ. Hạnh phúc nhất là cả gia đình gồm ông bà cha mẹ anh chị em ngồi quây quần bên nhau, mắt dán vào cháu bé mới chập chững biết đi mà không quan tâm

gì tới chương trình ca nhạc nhảy múa của các danh ca. Khi cháu sắp ngã là mọi người tranh nhau đỡ, cháu bi-bô câu gì không rõ thì ai cũng cười rồi mỗi người diễn dịch câu cháu bập bẹ theo ý mình. Cảnh hạnh phúc ấy kéo dài nhiều giờ cho tới khi cháu bé ngáp ngủ. Quả thật tôi không đủ chữ để diễn tả cái đáng yêu dễ thương của tuổi thơ và tình thương của ông bà với cháu, đó là liều thuốc xóa bỏ giận hờn giữa những người lớn để đến gần nhau hơn.

Tôi nhớ mãi kỷ niệm thời ấu thơ khi tôi nghịch phá thì bị bố đét đít, ông nội tôi thương cháu nên nổi nóng mắng bố tôi:

- Mày đánh con mày thì tao đánh con tao.

Nay thấy con ép cháu ăn khiến cháu khóc, tôi vội chạy đến bế cháu lên xoa lưng “ừ-ơ” cho cháu nín. Thế là con cần năn bố: “Ông làm cháu hư.”

Ngày xưa có câu “con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.” Ngày nay ông cũng thế, nói “hư” là không đúng, nhưng đôi khi sự chiều chuộng của ông không phù hợp với lối nuôi dưỡng tuổi thơ hiện tại khiến con phien bố. Nhưng kệ, cháu ông sẽ không bao giờ “hư” mà sẽ ngoan, sẽ giỏi hơn ông, tuổi trẻ sẽ chỉ hư khi thiếu tình thương của bố mẹ ông bà.

Các ông thương cháu là thế, vui theo tiếng cười của cháu, âu lo theo tiếng khóc của cháu và khi cháu táo bón

thì ông cũng nhăn nhó theo, nhưng khi cháu “đi tướt” thì ai là người xắn tay áo dọn dẹp đây? Đó là bà, đây mới là điều tôi muốn nói đến trong bài viết này, về tình thương vô biên của mẹ nuôi con, bà săn sóc cháu. Dẫu các ông thương cháu bao nhiêu cũng không thể so sánh được với tình thương của các bà dành cho cháu, các cụ xưa có câu: “Cháu hư tại bà” đã xác định điều này. Cháu mạnh khỏe nô đùa cười vui thì ông vui theo, nhưng khi cháu khóc nhè, hu-hu đòi bế, cháu pi-pi hay pu-pu thì ông lách sang một bên để đùn việc cho bà! Đây là điều tôi muốn nói với các con tôi cũng như những bạn trẻ, những cô cậu đã có gia đình, có con và nhờ mẹ coi chừng con, nhờ bà săn sóc cháu.

Ngày nay sống trên đất Mỹ việc nuôi dưỡng trẻ thơ thật đầy đủ và an toàn về mọi phương diện so với tuổi thơ ở trong nước, so với tuổi thơ của các anh chị mà chúng tôi nuôi dưỡng khi xưa ở Việt Nam. Chính những tiêu chuẩn cao như thế nên ngày nay trẻ thơ mạnh khỏe và rất sớm thông minh, thông minh tới độ ông bà ngạc nhiên khi các cháu biểu lộ cử chỉ và tiếng nói. Nhưng cũng chính vì những tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh, dinh dưỡng cao nên các anh chị rất vất vả. Vất vả và tốn kém như thế nào thì ai cũng biết rồi, nhưng nếu anh chị nào còn cha mẹ tiếp tay, còn ông bà nội ngoại săn sóc cháu, một gia đình ba thế hệ là một điều hạnh phúc và an tâm hơn. Đôi khi do không theo kịp cách nuôi dưỡng mới mà

bà săn sóc cháu không đúng phương pháp mới thì các cô cậu lại quên câu: “Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ” mà cần nhắc mẹ. Tôi xin nêu một thí dụ cụ thể.

Em rể tôi ở lì trong tù Cộng Sản. Vợ hẳn, tức em gái tôi, trôi nổi đem con thơ đi tìm tự do và vật lộn với đời để nuôi con khôn lớn. Dù các con đã trưởng thành, có gia đình và nghề nghiệp vững chắc nhưng cô ấy vẫn đi làm dù đã bước vào ngưỡng cửa 60 và thường than thân rằng: “Không có cháu bé bông”. Khi con gái cô báo tin vui: “Bà sắp có cháu” là cô ấy xin hưu non để chuẩn bị làm bà săn sóc cháu.

Có nhìn tận mắt mới thấy tình thương bao la của bà dành cho cháu, vì cô ấy ở sát vách với tôi trong một chung cư. Cô ấy dành hết thời gian cho cháu từ lúc sơ sinh tới chập chững rồi chạy nhảy để con an tâm đi làm. Không gì an tâm bằng có mẹ già chăm sóc cháu. Không thể nào biết hết được tên những công việc bà lo cho cháu. Một chuyện rất nhỏ trong vô vàn “lặt vặt” ấy là “bón” cháo, đút cơm cho cháu.

Mỗi buổi sáng, một già một trẻ thơ cùng “chập chững” dắt nhau đi vòng-vòng khắp khu chung cư. Tay bà cầm chén cháo, còn cháu thì tung tăng, cả giờ đồng hồ cháu mới nuốt được vài thìa cháo. Rồi một buổi sáng cháu bước nhanh, bà sợ cháu té nên lật đật chạy theo và rồi bà vấp ngã. Cháu đứng lại ngó, khen bà giỏi. Đau quá, bà xuyt-xoa nhưng thấy cháu cười, bà mếu máo

cười theo. Khôn thay, con gái biết chuyện lại có “lời khuyên”:

- Mẹ chỉ hấp tấp, nếu lỡ con Gié-nơ-phơ nó té thì sao?

Được con gái “an ủi” như thế, cô em tôi buồn buồn sang tâm sự với anh trai. Anh cô khen:

- Xưa cô là mẹ, rồi nay là bà, đẻ con, nuôi cháu là như thế, các bà Mẹ VN đều như vậy cả. Còn có bao nhiêu người con như con gái của cô thì tôi không biết, hy vọng rằng chẳng có bao nhiêu để tình mẹ con bà cháu vui tươi thêm.

Tình thương các bà dành cho cháu là vô kể, còn các ông thương cháu chỉ là gia vị cho cuộc sống gia đình thêm vui mà thôi.

Để cảm ơn quý vị đã đọc bài viết này, tôi xin gửi tặng quý vị bài hát mà tôi cho là hay nhất từ trước tới nay. Tôi nghe mỗi ngày từ hai năm nay và sẽ còn mãi trong máy nhắn tin điện thoại mà cháu ngoại của tôi là Amy Le, 5 tuổi, đã “hát” vào đó bằng song ngữ Việt-Mỹ:

- *“Hi bà. Con đang ở trường học, bà đến đón con đi. Con think là bà quên bà phải đến đón con, Má-mi không có đón con. Bye.”*

Cháu Bà Nội, Tội Ông Ngoại

Vừa đi làm về, chưa kịp rửa tay thay quần áo thì tôi đã mon men đến bên Thúy định hun lên đứa cháu ngoại mà bà đang bế, bà đang “ù-ơ” ru cho cháu ngủ, nhưng Thúy đã vội xoay lưng che cho cháu khiến tôi hun hụt. Thua me thì gỡ bài cào, hai tay bà bế cháu thì má núm đồng tiền của bà ai che? Nghe cái “chụt”, bà bực mình gắt:

- Quý nè! Đã nói nhiều lần rồi, muốn hôn... cháu thì phải tắm rửa sạch sẽ đã, người hôi rình mà cứ mon men lại đòi hun, rùi cháu bị nhiễm trùng thì sao?

Trước khi chưa có cháu thì Thúy ít khi khó khăn với tôi như thế. Nhưng từ ngày có cháu, Thúy mê cháu hơn mẹ ông, còn ông dù bị bà chê thì cũng chỉ mỉm cười:

- Có mon men lại gần, có “nhiễm trùng” thì mới có con, có con rồi mới có cháu. Nay có cháu cho bà bé thì bà chê tôi hôi.

- Đừng ăn nói linh tinh nữa. Đi tắm đi rồi em nhờ chút việc, tiện tay nhớ bỏ vào thùng rác mấy cái tã của cháu đã thay mà em để ở góc phòng tắm đó.

- Sao em không bỏ vào cái thùng chứa tã có nắp đậy kia kìa?

- Bỏ vào đó rồi cuối ngày mới mang đi đổ thì hôi cái thùng, tiện tay thì nhặt lên mang ra thùng rác, tã đã gói kín rồi, có “tùm lum” như tã ngày xưa của con ông đâu mà sợ. À mà ngày xưa ông có biết tã con chứa cái gì đâu! Được 4 ngày phép vợ sanh rồi đi tuốt luốt, đến khi đi phép lần thứ hai thì con đã biết chạy. Mọi việc đều nhờ ông bà ngoại chăm lo, còn ông thì đi quanh năm suốt tháng...

Thúy nói đúng, dù đã hai con nhưng tôi là lính tổng trừ bị nên phải đi hành quân liên tục khắp bốn vùng chiến thuật, chưa biết con bú sữa mẹ hay sữa bò, mọi việc chăm lo nuôi nấng con đều do Thúy, mà Thúy ở chung với bố mẹ ruột nên mọi việc đều được bố mẹ cura mang con, ông bà ngoại săn sóc cháu.

Nghe Thúy nhắc chuyện những cái tã của con dùng ngày xưa làm tôi nhớ lại cảnh mỗi buổi sáng. Bà ngoại các cháu ngồi bên giếng nước với một thau tã, vừa xối nước vừa dùng bàn chải chải, thoáng chốc những cặn bã trôi theo dòng nước chỉ còn cò “đuôi nheo” phát phới bay trên dây phơi, bà kẹp mỗi tã một cái kẹp bằng gỗ để tã khỏi bay “theo chiều gió”. Ngày đó tã dùng cho tới khi tã tả tơi mới thôi, đâu có như ngày nay trên đất Mỹ, dùng một lần rồi bỏ, phí của trời! Trước khi quay đi, tôi còn có gõ gạc vài câu:

- Nhờ đi phép lần thứ hai mới có thêm cu Việt đây, nhiều đứa bạn anh về phép vợ sanh rồi ra trận là ra đi vĩnh viễn, không bao giờ còn được “đêm về nghe con khóc vui triền miên”. Cũng có thằng về phép cưới vợ, vừa trở lại đơn vị đi hành quân thì đã ra người thiên cổ mà không biết mình đã làm bố, như trường hợp của Kháng đó.

Thủ khoa Võ Thành Kháng cùng 30 thiếu úy tốt nghiệp Khóa 19 Võ Bị, tình nguyện về Bình Chuẩn TQLC. Ngay sau khi vừa về trình diện TĐ4/TQLC thì Kháng và Hùng đã hy sinh trong trận đầu tiên tại Bình Giả! Điều ít ai biết là Kháng mới cưới vợ nhân dịp nghỉ phép mãn khóa!

Kiểm củi hai năm thiêu một giờ là vậy! Thủ khoa hy sinh đầu tiên rồi lần lượt các bạn đồng khóa cũng theo gương thủ khoa mà hy sinh trên khắp chiến trường! Số

còn lại thì 99% bị thương. Những sĩ quan trẻ ngày ấy nay đã là những ông già “thất thập cổ lai hy”, điểm danh lại xem ai còn ai mất thì đã hơn phân nửa ra đi! Ai chưa đi thì tiếp tục buồn kiếp tị nạn tha hương! May mà “đời còn dễ thương”, còn có vợ con bên cạnh và vui cùng các cháu nội ngoại.

Nhưng nếu để ý xung quanh thì chúng ta thấy các cháu thường ở với ông bà ngoại nhiều hơn là ở với ông bà nội. Anh chị Ph..., anh chị M..., anh chị Dương v.v... con gái ở với mẹ, con trai về nhà vợ. Thế là bà nội nào cũng đều trở thành bà ngoại cả.

Chưa có tài liệu nào thống kê xem ngày nay ở hải ngoại có bao nhiêu chàng thân dài vai rộng đi ở rể, tức là theo vợ về sống chung với ông bà nhạc. Xưa kia, các bà mẹ khó tính thường nhắc khéo con trai rằng đi ở rể là sống kiếp “chó chui gầm chạn”.

Ai chui mặc ai, và chui như thế nào không cần biết, thân trai mười hai bến nước, họ không có quyền lựa chọn, lập gia đình xong là phải theo nàng, “anh theo nàng về dinh”! Lý do dễ hiểu là con gái thích sống với mẹ ruột, tự do hơn, dễ thở và dễ nhờ hơn. Vừa cần nhờ mẹ xong đã cười trừ: “Mẹ trông cháu hộ con một tí, con đi shopping.”

“Cháu bà nội tội bà ngoại” là ở chỗ đó, là bà đỡ cháu cho con đi làm, cuối tuần con đi xộp-ờ-rao! Vì nhập gia

tùy tục, sống trên đất Mỹ phải theo phong cách Mỹ. Người chủ gia đình là bà, “đàn” ông không còn được oai phong quyền lực như hồi ở quê nhà, mà phải lui xuống hàng thứ ba, và khi bà ngoại cần tới ông để phụ trông coi săn sóc cháu thì ông không có quyền tránh né, vì vậy nên mới có cái tựa: “cháu bà nội, tội ông ngoại”!

Chữ “tội” là nói theo chữ “nội” cho có vần có điệu chứ nào ai bắt buộc các ông bà đâu. Tất cả là vì tình thương, thương con “một” thì thương cháu “mười”, các bà hy sinh không quản ngại bất cứ điều gì để săn sóc cháu, bà cười khi cháu cười, cháu khóc bà muốn khóc theo, cháu táo bón là bà lo són đái. Tuổi bà cao lại thêm đau lưng nhức mỏi nhưng bà vẫn cố bế cháu để “ầu ơ, con ngủ cho ngoan, mẹ con đi cày...” Khi cháu chập chững biết đi rồi biết chạy là bà lật đật chạy theo.

Không có một đoạn phim nào đẹp cho bằng cảnh bà chạy theo sau cháu, bà vội vàng bế cháu lên khi chân cháu sắp chạm vào con sâu, cái kiến, hòn đá vũng nước. Nếu chẳng may bà chạy không kịp, cháu té thì mặt bà xanh như tàu lá! Cháu khóc nhỏ thì bà lấy tay đập-đập xuống đất, miệng mắng: “Chừa nhá, mày làm cháu bà té.” Nếu cháu khóc to thì bà lo sốt vó, lấy nước đá hay dầu xoa vào nơi nghi ngờ cháu bị đau. Nếu rui ro môi cháu bị rướm máu thì lòng bà đau như cắt. Khi bố mẹ cháu về thì biết ăn nói sao đây? Làm sao giải thích khi con hỏi với giọng không vui:

- Sao cháu bị sưng môi vậy, bà?

Châm ngôn đã nói: “Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.” Nhưng trường hợp thấy con bị té, thương con mà trách mẹ, trách bà thì đây mới đúng là “cháu bà nội, tội nghiệp bà ngoại.” Tội nghiệp thật!

Chưa hết, các bà đã sinh và nuôi dưỡng năm, sáu, bảy, tám, chín, mười người con, trai gái lên người, thông minh, thành công, nên đôi khi bà cũng muốn mang chút kinh nghiệm vào việc săn sóc cháu, nhưng mẹ cháu không hài lòng:

- Bà đừng làm thế, bác sĩ bảo rằng ... sách nuôi dạy con nít nói rằng...

Nghe con nói vậy thì mẹ chỉ biết thở dài. Đúng quá đi chứ, mỗi thế hệ mỗi khác, làm sao có thể áp dụng cách nuôi con thập niên 50, 60, 70 ở Việt Nam vào việc dưỡng cháu ngày nay trên đất nước giàu có văn minh được. Mọi thứ tiến bộ thay đổi rồi, quên đi những thứ lạc hậu. Nhưng có một thứ không bao giờ lạc hậu, không bao giờ thay đổi, đó là tình thương, mẹ thương con, bà thương cháu. Vì thế xin đề nghị với các cô cậu, dù trai gái dâu rể cũng nên lựa lời mà nói cho đẹp lòng mẹ, cho vui lòng bà, người đang làm “bê-bi-sít” không công và không có bất cứ một bê-bi-sít nào tràn đầy tình thương như của bà cho cháu.

Không có bất cứ thứ gì so sánh được hay đền bù công sinh dưỡng của mẹ, của bà. Các cô cậu đang nuôi con thì ắt phải biết lòng cha mẹ. Biết là một lẽ nhưng hiểu và thực hiện thì lại khác xa. Xin chớ vì thương con mà lại quên bổn phận làm con, bổn phận trong cử chỉ điều ăn tiếng nói, chớ vội cần nhằn phản đối mẹ nếu như bà đề cập tới kinh nghiệm nuôi con ngày xưa ngày y xưa. Có con nào biết hay còn nhớ hai chữ “bú móm” là gì không?

Bú là bú bầu sữa mẹ, sữa Guigoz, Babylac, bột Bích Chi, nước cháo pha đường. Còn móm? Một khi sữa mẹ cạn, sữa bột không có, mẹ nhai cơm, nhai cho nhuyễn, ôm con vào lòng rồi “móm” cho con. “Móm” là một hình ảnh đẹp vô cùng, khác với “bón”, khác với cho ăn. Nếu diễn tả đầy đủ bức tranh sinh động này thì e có người lắc đầu khẽ kêu: “Eo-ôi”. Diễn tả như thế là đủ rồi, nếu ai muốn biết móm như thế nào thì hãy quan sát chim mẹ móm mồi cho chim con, dù đó là loài điều không thể so sánh với tình người được.

Tôi vừa cạo râu vừa nghĩ đến vai trò người mẹ, vai trò của bà nội bà ngoại thì nghe tiếng gọi của tình yêu:

- Ông ơi, xong chưa? Cho em nhờ một chút.

- Sắp xong rồi, cạo râu chừng ba mươi giây nữa là xong.

- Sao cạo hoài vậy, sáng nay trước khi ông đi làm, em thấy ông cạo rồi mà.

- Thì phải thật sạch sẽ và nhẵn nhụi mới được hôn cháu.

- Bà vẽ, chả bù với ngày xưa, trông thấy râu ông mà em nhột, lại quyet khói thuốc Basto mà phát khiếp. Em năn nỉ cạo đi mà ông không chịu, còn lý sự cùn rằng: “Cạo đi thì lấy râu đâu để mà quạp, để mà bà biết tôi sợ vợ.”

- Ngày xưa khác, bây giờ khác, không cần râu để quạp thì em vẫn biết tôi sợ em mà. Và lại hôn bà khác, hôn cháu khác. Tôi xong rồi đây bà nhờ cái gì nào?

- Em bận bế cháu, nhờ ông pha cho bình sữa để cháu bú rồi cho cháu ngủ, hình như cháu đói nên cứ ọ-ọo hoài. Nhớ súc cái bình bằng nước nóng trước đã, xong rồi cho hai thìa sữa bột, chế vào 6 ounces nước ấm, lắc lắc cho đều...

- Tôi biết rồi mà, tôi đã pha cả ba tháng nay rồi chứ ít sao.

Nghe Thúy vừa nhắc tới chuyện “râu và thuốc”. Tôi nhớ đến những người bạn vì thương cháu mà ông hy sinh bộ râu, bỏ hút. Ông Hồng Khắc, ông Trương Khịa có bộ râu rất đẹp và trông hơi đều-đều, các chàng cắt tỉa nhuộm hằng ngày, tóc có thể muối tiêu nhưng râu thì phải đen huyền. Chị Hồng-Trương đâu có ưng hay phiền

hà về râu của chàng hay không thì các anh “don’t care”. Nhưng mỗi khi Trương-Hồng định hôn cháu thì cháu khóc, cháu quay đi khiến ông “xuống râu” ngay.

Cạo râu không khó, trông càng trẻ trung hơn, nhưng già từ “người tình khói sương” thì không dễ dàng gì. Họ đã gắn bó với nhau từ lâu, ngày đêm vui buồn sống chết có nhau, vậy mà khi con báo tin cho bố biết rằng bố sắp làm ông thì các ông Phu, Phi, Đuông, Sang, Cảo, Châm, Huy, Hùng, Toàn v.v.. đành lòng phản bội người tình là cô Ba-Số* và bà già Marlboro. Lúc đầu còn nhớ nhưng vương vấn nên họ vẫn lén lút đi lại với nhau trong đêm tối ở nơi vắng vẻ, dưới mái hiên đầu hè khi mưa gió hoặc vườn sau nếu ấm áp. Nhưng khi cháu vừa chào đời là ông dứt khoát, “thà mất lòng cô Ba-Số mà được lòng bà”. Ông buồn nhớ thuốc, ông ngồi ngáp đoạn cuối đời “bonus” (tiền thưởng) còn hơn là gây tai họa cho trẻ thơ. (*555).

Cầm chai sữa đưa vợ, tôi khe khẽ nói:

- Pha xong sữa cho em rồi đây, em có cần gì nữa không để anh còn lo việc riêng.

- Việc riêng của anh là tập tễnh viết lách chứ gì! Thôi đi, kéo bạn bè người ta cười cho. Cháu nó nhờ ông chứ không phải bà, coi trong tủ lạnh còn rau củ gì không? Hay chạy ra chợ mua cái gì về nấu cho bố mẹ cháu nó ăn.

- Em thấy đó, từ ngày có cháu là anh đã bỏ các sòng bạc Pechanga, Bicycle (tên các sòng bạc) không còn café “ôm” để có thời gian phụ với em lo cho cháu, chỉ còn mỗi thú tiêu khiển với cô bạn Laptop, cô ấy dạy anh viết và lách. Nay em hạn chế nữa thì tội ông ngoại quá!

Khi chưa làm ông, tôi không thiết tha nghe những câu chuyện kể về cháu của ông nọ bà kia, họ muốn chia cho bạn bè niềm vui và hạnh phúc lúc họ bông cháu, nghe họ kể cháu của họ đẹp ngoan nhưng tôi vẫn dửng dưng. Khi người bạn tên Cà-Khịa không đến họp mặt được vì lý do bạn bế cháu thì tôi cười khẩy: “Bế cháu hay bế bà?” Tôi ngạc nhiên khi thấy anh Dương Chiến đẹp tất cả salon, tủ, bàn ghé vào kho để có chỗ cho cháu phi ngựa gỗ, cháu lái auto. Tôi ngạc nhiên khi những chậu kiểng của Chiến được các cháu trai tận tình săn sóc, hái hoa, ngắt lá bẻ cành! Ông Chiến cười hạnh phúc, ông đi mua kiểng nylon về cho cháu hái hoa bẻ lá tiếp! Có lẽ Chiến mong cho các cháu giống tính ông-thích “hái hoa”.

Khi đã là ông thì tôi mới hiểu tất cả những tình thương yêu của ông bà dành cho cháu. Tôi già từ tất cả những “thói hư tật xấu”, bỏ cả những gì không cần thiết để nhìn vào thực tế là có thời gian tiếp tay với Thúy mà săn sóc cháu như nhạc phụ nhạc mẫu ngày trước đã nuôi nấng hai con Yên, Việt của tôi. Không chỉ từ biệt cô ba số (555 - Tên một loại thuốc lá đắt tiền) mà tôi còn được

Thúy huân luyện rồi giao hẳn trách nhiệm làm ông nội trợ. Đi chợ, nấu cơm, rửa chén. hút bụi v.v... Những việc mà khi chưa có cháu, tôi thường cười vào mũi những ông nói vì cháu mà lao đầu vào bếp.

Có thể các bạn trai còn độc thân hoặc các ông chưa có cháu mà đọc đến đây cũng sẽ cười khẩy rằng: “Thằng cha này thật là phi lý, viết bài này ba xạo.” Nhưng ai có qua cầu rồi mới hay, có được làm ông nội ông ngoại rồi mới thấy cái hạnh phúc tuyệt vời làm ngựa nhong-nhong cho cháu cười. Có làm ông nội ông ngoại rồi mới thấy lo lắng, mất ăn mất ngủ khi đêm về mà nghe cháu khóc. Không bao giờ có chuyện “đêm về nghe con khóc vui triền miên” được. Ông nhạc sĩ này có ẩn ý gì thì tôi không hiểu thôi. Chẳng hạn “đêm về vì ông mãi vui triền miên với bà mà quên cháu khiến cháu khóc, cháu khóc!”

Nếu ngày xưa khi vừa biết yêu thì mong được gặp người yêu, nay đã có cháu, đi đâu cũng mong về sớm để gặp cháu. Xưa yêu nhau, gặp nhau tay trong tay hôn hít thì nay, vừa về tới cửa, cháu chập chững bước tới ôm chân ông, miệng bập bẹ: “ung nhội, ung nhội, ung nhội ung nhội”. Hay như thế, tuyệt vời như thế thì đó ai không vội vàng ngồi xuống vòng tay siết cháu vào lòng, má ông áp má cháu, đầu trắng đầu đen dựa vào nhau.

Trong khi đó bà đứng nhìn, tủm tủm cười nhưng cũng có lên tiếng:

- Coi chừng đau cháu, buông cháu ra, người ông hơi rình hà.

Ngoài tình ông thương cháu thì ngược lại cháu cũng giúp ông giải quyết dễ dàng một vấn đề vốn rất rất gai góc giữa hai ông bà.

Già rồi nên tôi sinh tật khó tánh, tự ái, giận dai. Có khi giận cả tuần lễ bà và ông không nói với nhau một câu, vì bà bảo ông là hoa “cắm chướng” (lắm cắm và chướng tai)! Nhưng từ khi có cháu nội ngoại, khi nào bà trao cháu cho ông bế hộ, thì thế nào ông cũng lợi dụng cơ hội hiếm có này, dịp may để tay chạm vào bà mà không phải lên tiếng xin lỗi. Nhờ cháu mà ông bà dễ dàng hòa cả làng.

Thương cháu không sao kể xiết, nhưng ông không biết diễn tả thế nào cho thích hợp với tuổi thơ khiến bà và bố mẹ cháu thường cần nhắc ông mỗi khi thấy ông bế mà cháu khóc! Thật tội nghiệp cho ông! Đúng là “cháu bà nội, tội ông ngoại.”

Nhưng các ông nội, ông ngoại thương cháu thì thương, chớ có làm thay đổi câu châm ngôn đã có từ lâu đời rằng: “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà” thành “cháu hư tại ông”. Các ông mà làm lẫn giữa thương và chiều là sẽ gặp nhiều phiền toái lắm đấy, mẹ các cháu và bà chiều con chiều cháu là đủ rồi, các ông phải làm nhiệm vụ một

cái thắng, đừng làm lẫn như những “thằng ông nội” bạn tôi mà tôi sẽ kể sau đây:

Cháu tới tuổi đi học, trường gần nhà, ông nội làm nhiệm vụ đưa đón, rồi ông chiều cách nào không biết khiến cháu không thích đi học nữa! Bố cháu dạy con, la con thì ông bênh cháu, ôm cháu vào lòng khiến cháu khóc to thêm. Bố cháu lấy chổi lông gà đánh không khí, ông tưởng đánh cháu, ông giật chổi lông rồi la:

- Mày đánh con mày thì tao đánh con tao.

Thế là hai bố hai con giận nhau. Đúng là “thằng ông nội”.

Bạn tôi chiều cháu quá, cháu mới hai tuổi đòi ăn trái nhãn, ông nội bóc vỏ tách hạt đưa cùi (com) thì cháu không chịu ăn, nằm lăn ra khóc. Ông lột vỏ trái nhãn thôi rồi đưa nguyên trái (còn hạt) thì cháu cười, cháu cho vô miệng trệu trạo rồi phun được hạt nhãn ra. Thế là ông cười khoái chí, ông vỗ tay! Cháu thấy hay làm tiếp, và đến trái thứ ba, vì trơn quá, hạt nhãn lọt tuốt vào cổ họng rồi cháu mắc nghẹn, cháu ho rồi mặt đỏ chuyển dần sang tím, cháu đang đi vào tình trạng thập tử nhất sinh! Ông quýnh quáng, ông quên bấm 911! Vô tình, vô tình thôi, ông vỗ vai cháu kêu trời và thật bất ngờ cháu ho sặc lên và trái nhãn phọt ra. Ông ôm cháu rồi khóc, khóc vì sung sướng.

Người bạn tôi mừng như chết được sống lại (thực sự như thế) tâm sự với tôi và yêu cầu đừng nói với ai. Tôi giữ lời hứa, không nêu tên hẳn, mà chỉ gọi hẳn là “thằng ông nội”.

Nhưng tôi phải phổ biến việc này hầu báo cho các ông nội, ngoại biết: Đừng bao giờ để gần các cháu hay cho các cháu chơi những trái cây tròn như nho, nhãn, vải, hột mít, hột măng cầu v.v... Những toys có hình dáng tròn như viên bi, vì các cháu hay cho vào miệng. Nguy hiểm lắm, trẻ em nghẹt thở mà chờ 911 thì trễ rồi, trễ rồi! Các “ông nội” ơi! Chớ chiều các cháu quá có ngày mang họa vào thân! Khi đó mới chính là lúc cháu bà nội mà “tội” ông ngoại./.

CON NUÔI CHA KHÔNG BẰNG BÀ...

Con nuôi cha không bằng bà nuôi ông.

Con cháu đông cũng không bằng ông nuôi bà.

Sau ba lần bấm chuông “kính coong”, chờ một phút rồi tôi mới lấy chìa khóa mở cửa vào, không thấy chú Tâm ngồi xem TV như thường lệ ở cái phòng khách luộm thuộm. Tôi gõ cửa phòng ngủ cũng không thấy ông. Hơi lo, tôi ra vườn sau nhà thì thấy ông đang thu vén quét dọn những thứ linh kính lại cho gọn, việc mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi mừng cho sức khỏe của ông không đến nỗi tệ, chưa kịp chào thì ông đã trách:

- Cấp đây à, cháu có chìa khóa sao không tự động mở cửa vào mà hôm nay lại còn bày đặt bấm chuông?

- Thì coi như cháu báo động trước, nhờ chú có khách thì sao? Chú dọn nhà chuẩn bị rước dâu phải không?

- Dâu dẫu mà rước, ngồi ngoài này đi cho thoải mái. Chú đi pha trà, có người bạn mới gửi cho gói trà Thái Nguyên khá lắm.

Nói xong ông chỉ tôi ngồi vào cái bàn tròn làm bằng đá mài, kê dưới mái hiên ở sân sau mà ông vừa phủ bụi sơ sài rồi ông đi pha trà. Tôi không cảm mà còn tỉnh bơ như người nhà, mà là người nhà thật, vì ông là chồng của dì ruột tôi, tôi nói với theo:

- Trà ai cho chú vậy, phải cô Tâm không, trà Thái Nguyên hay Bắc Ninh đây? Trà nào cũng được, nhưng chú nhớ pha keo-keo một chút, chứ ông trà “lune di” thì chán chết.

Tiếng Tây “le Lundi” là Thứ Hai, nhưng trong đám lính nghèo chúng tôi thường gọi café hay trà mà phải chế thêm nước lần thứ hai là trà “lune di”, là trà dảo, nước loãng lờ-lờ, uống trà Thái Nguyên “lune di” thì có nghĩa là uống trà “thái đức”.

Tôi để chiếc bánh bía, thứ bánh ngọt nhân sầu riêng mà chú Tâm rất thích nhâm nhi với nước trà, và tờ báo có đăng tin vui về đám cưới của hai cụ trên 90 tuổi ở huyện Chợ Lách lên mặt bàn. Trong khi chờ chú pha trà, tôi ngồi quan sát mảnh vườn nhỏ ở sân sau. Vài cây ớt hiểm, bụi xả, vạt rau bắp cá, vài dây mồng toi, bụi lá mơ, vài gốc riềng v.v.. tất cả đang khô héo dần như chú tôi, vì thiếu nước, thiếu bàn tay săn sóc của dì tôi.

Mảnh vườn này thật xanh tươi khi dì tôi còn sống, những cây rau bà trồng là thú vui và đôi khi cũng giúp ông bà chuyện bếp núc. Đôi lần tôi thấy bà tỉa mấy lá mồng tơi cũng đủ cho hai ông bà một tô canh thơm ngọt, nay thì những sợi mồng tơi ấy cần cỗi, lá nhỏ xíu mà nhiều trái, trái mồng tơi màu tím thì vô tích sự, ăn không được, dầu có hòa với nước làm mực thì cũng không đủ tím đậm để viết thư tình, chỉ đủ vẩy bắn lên áo trắng cô nữ sinh ngồi ghé phía trước.

Từ ngày dì tôi mất, chú Tâm đưa tôi một chìa khóa để tự do tới lui nên tôi thường xuyên đến thăm ông nhiều hơn, dường như mỗi ngày, vì ở cùng xóm, đi bộ dăm ba phút là tới. Tuy vai vế là chú cháu nhưng tuổi tác không chênh lệch lắm và cùng là dân gốc huynh đệ chi binh nên chú Tâm và tôi ý đầu tâm hợp, có nhiều kỷ niệm vui buồn đời lính. Bữa nay tôi đến sớm hơn thường lệ vì muốn mang đến cho ông một tin vui trên báo.

Tờ báo đưa tin Tháng Tư năm 2012, ở ấp Chợ, xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có cụ bà Bùi Thị Vinh và cụ ông Nguyễn Văn Tươi, cả hai đã đều 91 tuổi, vừa chính thức kết hôn và quyết chung sống hạnh phúc với nhau cho tới khi “đầu bạc răng long”.

Bốn chữ “đầu bạc răng long” dùng để chúc mừng những cặp tân lang và giai nhân kết hôn ở tuổi mười tám đôi mươi, chứ còn chúc mừng hai cụ Vinh Tươi ở tuổi trên 90 như thế thì không ổn mà phải chúc hai cụ hạnh

phúc tới mãi đời và mãi mãi cả đời sau ở chốn vĩnh hằng.

Hai cụ đã từng mong ước hôn lễ được cử hành theo nghi thức tôn giáo ở nhà thờ và muốn nhà cầm quyền sở tại công nhận, cấp hôn thú đảng hoàng, nhưng ước nguyện đó không thành vì các con chống đối, nay thì chúng “OK”. Cụ ông nói:

- Không lẽ tự nhiên đến ở với nhau thì bà con làng xóm người ta coi mình ra gì! Nhưng bây giờ cả hai chuyện ấy chẳng còn quan trọng nữa, miễn là tội nhỏ (các con riêng của hai ông bà) nó chịu hai ông bà ở chung là được rồi. Bà con hàng xóm bây giờ hiểu chuyện của tội tui nên họ cũng chịu lắm.

Lời nói chân phương mộc mạc nhưng chứa đầy tình cảm và hạnh phúc của cụ Tươi khi đã được các con “cho phép” kết hôn. Xin chúc mừng hai cụ Vinh-Tươi đời đời bên nhau, tối lửa tắt đèn có nhau, chẳng dám chúc hai cụ sớm có “tin vui” mà chỉ hy vọng sẽ có nhiều cặp theo gương sáng của hai cụ cho đời thêm vui. Một trong những người hạnh phúc theo gương hai cụ Vinh Tươi là ông thầy Lạng Sơn của tôi.

“Súng là vợ, đạn là con”, mấy anh lính chiến chúng tôi thích ca vọng cổ như thế, ông thầy Lạng Sơn, cấp chỉ huy của Binh Chủng tôi thì có cả ngàn cây súng, nhiều đạn vô cùng nhưng ông mới chỉ có vài mảnh tình vắt vai

cho vui đời lính chiến mà chưa bao giờ lập gia đình. Mãi mê chiến trận, tuổi Xuân qua đi nhanh quá, cuộc chiến tàn, ngó lại chỉ còn những chiều cuối Đông đang âm ập tới, ông bỗng cảm thấy như cô đơn, sớm hôm chiều tối chỉ nhìn “hình ta trên vách”, nhìn tô phở mà chú nhỏ hàng xóm mua hộ buổi sáng đã lạnh tanh, bụng không dạ trống mà nuốt không trôi, chán phở, nghĩ tới chén com nguội chan nước dưa chua mà ứa nước miếng, nhưng tìm đâu ra? Phải chi có bà ấy nhỉ. Ông tưởng tượng:

- Bà ơi, mùi nước dưa chua của bà thơm quá, bà còn com nguội không?

- Ông khéo vẽ chuyện, phở thì khó chứ com nguội thì lúc nào nhà cũng có. Nếu ông muốn com nguội thì tôi dọn cho.

Cầu được ước thấy, ông thầy Lạng Sơn của tôi bắt ngò gặp lại cố nhân. Anh Cọp Biển độc thân gặp lại em Trung Vương không vương “phu-nhi”, tình yêu tuổi đôi mươi, tuổi mùa Xuân sống lại, bùng nổ vào chiều cuối Đông, mùa của những lễ hội, Tết Tây và Tết Ta. Thế là một đám cưới vui như Tết cho thỏa lòng ước mong, cho con tim vui trở lại.

Tôi không chúc anh chị Lạng Sơn hạnh phúc tới đâu bạc răng long mà chúc anh chị hạnh phúc đến mãi đời, nhà đầy tiếng cười, không phải tiếng cười của trẻ thơ mà là của tuổi già bên nhau:

- Em đâu rồi?

- Em đây, anh cần gì thế?

- Xích lại gần anh tí nữa đi em, để anh nghe tiếng em cười, hỏi này anh hơi lãng tai.

Hạnh phúc quá đi thôi, tình yêu tuổi 80 nồng ấm cứ như 20, và đáng quý hơn nữa là không cần động lực nào thúc đẩy, không do chức tước tiền bạc mà chỉ do tình yêu thuở ban đầu, tình đầu cũng là tình cuối thì còn gì hạnh phúc hơn.

Thông thường trước đây thì cha mẹ cho phép các con lập gia đình, cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, nhưng nay chuyện đó đã xưa rồi, nhất là trong cộng đồng người Việt sống xa quê hương thì chuyện yêu đương, chọn lựa bạn trăm năm là quyền tự do của con cái, cha mẹ dẫu ưng hay không cũng đành chép miệng cho xong. Quan niệm về hôn nhân ở tuổi trẻ đã thay đổi thì cũng nên thay đổi, cần cởi mở hơn khi hai người già độc thân cần đến với nhau.

Chú dì Tâm tôi có 10 người con, ông bà đã đem được toàn bộ gia đình ra hải ngoại. Khi các con khôn lớn, thành tài và lập gia đình thì họ đi ở riêng hết, cái tổ ấm chỉ còn lại hai ông bà già bên nhau. Sống với nhau đã có 10 mặt con nên chú dì tôi yêu thương nhau lắm, luôn bên nhau, nhưng mỗi người có thú tiêu khiển riêng, không ai cần nhàn ai. Ông quần quanh quét dọn, đọc báo, nghe

radio, viết lách, bà thì sẵn sóc mảnh vườn, bụi xả, cây ớt, một nắm mồng toi, quả mướp là có tô canh rau ông chan bà húp. Xong bữa, ông đưa bà cái tằm, bà cười:

- Răng đâu mà xĩa?

Ông bảo:

-Thì ngậm tằm cho nhớ là chúng mình đã ăn cơm để còn uống thuốc.

Thế rồi ông đi lấy thuốc áp huyết, thuốc cao máu, thuốc tiêu đường v.v... với ly nước:

- Thuốc đây, bà uống đi, nhớ uống từ từ thôi kéo uống vội bà mà bị sặc nước là tôi lo lắm.

Hạnh phúc như thế đấy, nên khi đi tôi “đi” rồi thì chú Tâm buồn lắm. Radio, sách báo chẳng còn ích gì cho buổi ấy, ông không tha thiết gì nữa mà thẫn thờ ngồi nhìn mảnh vườn tàn dần theo người vợ quá cố và mỗi cuối tuần lại lần mò ra thăm mộ đi tôi ở vườn Vĩnh Cửu, góc Bolsa và Hoover, kế bên Peek Family. Một bữa sang chơi, tôi thấy chú Tâm hái một nắm lá mồng toi, vài quả ớt, một quả mướp đắng, chú gói cẩn thận vào một miếng giấy rồi cho vào bịch nylon, tôi hỏi đùa:

- Chú hái rau của dì con đem cho bà nào vậy?

- Bà nào đâu, đêm qua chú nằm mơ thấy dì nói thềm canh rau mồng toi nên sáng nay chú gom một mớ đem cho bà ấy, cháu có rảnh đưa chú đi thăm dì được không?

- Đem hoa viếng mộ chứ ai đem rau bao giờ, người ta thấy cười chết.

- Di cháu đẹp hơn, thơm hơn các loại hoa, bà không cần hoa, rau ớt này bà sẵn sóc vun trồng, nay bà “đi rồi” mà vẫn còn vương vấn với vườn rau.

- Và vương vấn với chú Tâm nữa.

Nghe tôi nói thế ông mỉm cười hạnh phúc như khi di tôi còn sống. Nhưng đó chỉ là phút chốc thoáng qua, nếu không thay đổi lối sống, sớm muộn gì chú Tâm cũng bị bệnh trầm cảm, một cụ già khen vợ quá cố đẹp hơn các loài hoa nên không đem hoa viếng mộ mà lại là một mớ rau mồng tơi thì có vẻ như một dấu hiệu không bình thường nên tôi nói chuyện với các con của chú tìm cách giải quyết, tuổi già sống đơn cô thì không tiện.

Tuy là anh em con bá con dì nhưng các con chú di Tâm coi tôi như anh cả trong gia đình. Họ thường hỏi ý kiến tôi về chú Tâm và nhờ tôi giúp đỡ, vì tôi ở gần và cũng hưu rồi. Có lần tôi đề nghị giải pháp đưa ông vào trại dưỡng lão thì ông bảo:

- Cả đời tao sống với trại, hết trại lính tới trại tù, đừng nhắc đến chữ “trại” với tao nữa.

Tôi lại đề nghị các con chú đóng góp thêm để một trong 10 đứa đưa bố về sống chung hay thay phiên nhau mỗi đứa “nuôi” bố một tháng, như vậy một năm mỗi đứa

mới tới phiên nuôi bố một lần. Chúng đồng ý, nhưng mỗi khi đề cập đến chuyện này là chú Tâm lắc đầu:

- Bố không muốn phiên đến các con, bố muốn ở nhà này vì hình bóng của mẹ vẫn còn đây.

Bố già khó tính nên các con cũng “khó tính”, không biết tính sao cho vẹn chữ hiếu. Tuy ông trả lời vẫn tắt nhưng với thái độ cương quyết, vì ông không muốn rời xa căn nhà đầy hình ảnh và hương hoa của dì tôi, dù bà đã đi xa hơn ba năm rồi, thỉnh thoảng ông lại dở hơi, “dở chồng kỷ niệm cũ để tìm hơi”.

Tôi hiểu và thông cảm với tính dễ dãi nhưng lại rất “khó tính” của mấy ông già, ngại ngùng về ở chung với các con vì e ngại luộm thuộm trong vấn đề vệ sinh cá nhân, không phù hợp với nhà cao cửa rộng của các con. Con đã vậy, còn dâu rể thì sao? Chỉ một cử chỉ thờ dài của các con, dù vô tình cũng khiến bố già áy náy, phiên muộn nên các ông già muốn có một thế giới riêng. Có lần tôi nửa đùa nửa thật:

- Hay là chú cứ ở đây, nhưng các em mượn một bà vú sẵn sóc chú 24/24.

Đám con trai, con rể thì cười hô-hô ra điều ủng hộ, còn mấy cô con gái thì phản đối:

- Rước về để gãi lưng à?

Thế rồi chuyện ông “Vũ Như Cẩn” vẫn như cũ, chú tôi lúi thủi ra vào một mình. Tôi áy náy khi thấy ông

buồn nên rủ ông đến sinh hoạt với hội cao niên Westminster ở góc đường số 13 và Hoover, nơi đó có rất nhiều điều thú vị và bổ ích mà tôi đã sinh hoạt từ lâu.

Trước lạ sau quen, chú gặp một vài ông cựu quân nhân thế là chuyện đơn vị cũ chiến trường xưa nổ như pháo, một vài đối thủ bên bàn cờ tướng “gặp nước pháo nổ ùng ra chiếu” v.v... Từ đó chú Tâm có vẻ linh hoạt hẳn lên, nhất là lúc sau này tôi thường thấy chú hay rù-rì với cô Tâm, cũng lại tên Tâm.

Cô Tâm là một nữ lưu ở độ tuổi sắp “cổ lai hy”, nhưng rất linh hoạt, lịch thiệp và đẹp lão, tứ thời khăn “voan” mỏng quần cổ, hững hờ che chuỗi hạt trai màu lá chuối non, áo lụa Hà Đông màu mỡ gà, bên ngoài khoác áo nhung màu huyết dụ, trông dáng thật sang trọng. Nhưng tôi “mê” nhất là khi cô luyến láy dân ca quan họ Bắc Ninh, những ca khúc “Bèo Dạt Mây Trôi”, “Người Ở Đứng Về”, “Tìm Trong Chiều Hội Lim”:

*“Bâng khuâng, bâng khuâng trong gió chiều Hội
Lim.*

*Em ở đâu, ở đâu để anh mãi đi tìm...là em ở
đâu?”*

Cho dù ai sắt đá đến đâu cũng phải ngẩn ngơ khi nghe cô Tâm ngân nga:

*“Bèo dạt mây trôi, chốn xa xôi,
Anh ơi, em vẫn đợi bèo dạt*

*Mây trôi, chim ca, tang tít tình,
Cá lội*

*Ngậm một tin trông...
Hai tin đợi... ba, bốn tin chờ...
Sao chẳng thấy anh!
Một mảnh trăng treo suốt năm canh..*

....

*Đêm sắp tàn, trăng tàn, em vẫn chờ sao chẳng thấy
đâu?*

.....

*Người đi xa, có nhớ, là nhớ ai ngòi trông cánh chim
trời*

Sao chẳng thấy anh!”

Nhớ lại lúc tôi nghe cô Tâm ngân nga điệu dân ca quan họ Bắc Ninh: “Sao chẳng thấy anh?” Trong lúc ngòi chờ chú Tâm pha trà, tôi gõ nhịp mấy ngón tay lên mặt bàn, thả hồn theo “bèo dạt mây trôi”, nhớ về những buổi chiều trên đò Cô-Rốc, động Ông Đò ở địa đầu giới tuyến Quảng Trị, nhìn nắng quái chiều hôm khuất dần sau dãy Trường Sơn, tai lắng nghe tiếng depart pháo địch, khi nghe ục-ục thì nhảy nhanh xuống hố. Vậy mà vẫn có người không kịp xuống hố nên đành xuống “mò” và rồi ở nơi xa xôi, người vợ, người tình vẫn ngóng cổ trông: “Chốn xa xôi, em vẫn đợi, sao chẳng thấy anh về!”

Chú Tâm mang bình trà và hai cái chén hột mít đặt lên bàn, chú hỏi:

- Nghĩ gì mà ngồi thừ ra vậy?

- Nhớ về đời Cô-Róc Quảng Trị, nghĩ đến cô “bèo dạt mây trôi”.

Chú im lặng, tráng chén rồi rót nước, màu xanh vàng óng ánh, mùi thơm đậm, tôi cũng im lặng, bẻ chiếc bánh bía ra làm hai. Đôi khi những người đàn ông ngồi bên nhau cùng nhâm nhi ly trà, cùng nhiều bầu tâm sự nhưng lại lặng thinh, bữa nay tôi linh cảm hình như chú muốn tâm sự điều gì nên tôi đưa nửa miếng bánh ngọt cho chú Tâm rồi gọi chuyện:

- Cháu quen rất thân với cô Tâm từ lâu rồi nên thấy nhiều lão mê “bèo dạt hoa khô” này lắm đấy, nhưng họ vẫn phải “kính nhi viễn chi”, chú là người đến sau mà lại khiến con tim cô Tâm rung ngay thì chú tài thật! Hồi nãy cháu bấm chuông “kính coong” cũng là để đề phòng trường hợp “bèo dạt hoa khô” trôi về đây đấy. Chuyện giữa chú và cô Tâm thì tụi con chú và cháu biết rồi, nhưng hôm nay cháu muốn tìm hiểu thêm về cách thu phục “nhân Tâm” của chú hay do tiếng sét ái tình.

- Thu phục nhân tâm gì đâu, cũng vì trùng tên Tâm mà ra. Để chú kể qua cho Cấp nghe, chắc cháu còn nhớ bữa bà Tâm hát cho chú cháu mình nghe bài “người ơi

người ở đừng về”. Thấy bà ấy “hay hay” và cũng dễ thương nên chú nói đùa:

- Tâm bảo Tâm đừng về thì Tâm đừng về.

Bà ấy cười rồi dần dà nên quen. Sau đó chú bạo phổi hỏi thêm đôi điều về dĩ vãng thì bà ấy cũng vui với tâm sự:

- Tôi là gái làng Vạn, tỉnh Bắc Ninh nên yêu dân ca quan họ Bắc Ninh, vì bố tôi dạy học ở trường trung học Ngô Quyền và Trí Tri Hải Phòng nên gia đình tôi dọn về đây.

Nghe bà ấy nhắc đến Hải Phòng là chú vội cướp lời ngay:

- Tôi cũng là dân Hải Phòng, học trường Ngô Quyền với thầy Hưng, sau đó thì tôi bỏ ngang, vào học trường Bảo Chính Đoàn bên Bính Động.

- Thầy Hưng là bố tôi, còn trường sĩ quan Bảo Chính Đoàn thì ở bên Thủy Nguyên chứ không phải Bính Động, phải đi qua đò Bính mới tới được.

Nghe bà Tâm nói thế, chú cảm thấy hồi hộp nhưng cố làm ra vẻ bình tĩnh để hỏi thêm:

- Sao bà biết rành đường đi nước bước về trường Bảo Chính Đoàn quá vậy. Có quen ai không?

- Mẹ tôi có cửa hàng xén ở Chợ Sắt. Sau giờ học, tôi ra bán thay bà cụ, có mấy ông sinh viên sĩ quan Bảo

Chính Đoàn mang Alfa trên cầu vai học ở bên ấy, cuối tuần thường hay la cà đến cửa hàng xén của mẹ tôi để mua kim chỉ. Mấy ông ấy bảo là đem về vá quần áo vì chưa có vợ.

Nghe bà Tâm nói về dĩ vãng của bà mà sao nó gần như trùng với dĩ vãng của chú nên chú đưa đẩy một câu lả lơi với chủ ý thăm dò:

- Bà tên Tâm, tôi cũng Tâm, gốc Hải Phòng, chung một cha (thầy Hưng) có khi chúng mình là... “anh em”.

- Tâm là tên chồng tôi, ông ấy mất lâu rồi, còn tên tôi là Ngọc, Ngọc Anh.

Nghe bà Tâm nói tên riêng của bà ấy là Ngọc Anh khiến chú rúng động, tên Ngọc thì có nhiều, nhưng Ngọc Anh bán hàng xén ở chợ Sắt Hải Phòng thì chỉ có một, đích thị là cô ấy rồi. Chú muốn la to lên nhưng cố hỏi thêm một câu như để tự giới thiệu mình:

- Có phải là Ngọc Anh ở số nhà 28, ngõ Hải Dương, phía sau nhà thờ Phố Dinh, Hải Phòng không?

Bà Tâm nhìn chú trân trân, rồi như quá ngạc nhiên, giọng xúc động, bà ấy buột miệng hỏi:

- Sao ông biết?

- Anh là SVSQ Bảo Chính Đoàn ngày ấy đây, mỗi cuối tuần được cô Ngọc mời về nhà cho ăn canh bánh đa riêu cua với rau rút mà.

- Ông, ông là Tâm thật đây sao? Tôi tưởng ông đã...

Chú vội vàng xua tay ra hiệu ngắt lời để bà ấy đừng nói thêm chữ “chết”, và rồi chuyện gì xảy ra sau đó giữa Ngọc và chú thì cháu đã biết rồi, không phải tiếng sét ái tình mà là mối tình rỉ sét gần 60 năm rồi. Hôm nay chú kể tiếp đầu đuôi cho cháu nghe:

- Lúc đó chú và Ngọc yêu nhau và hai bên đã hứa hẹn trăm năm, nhưng xảy ra di cư 1954, chú theo trường sĩ quan Bảo Chính Đoàn vào Nam và biệt tin Ngọc từ đó. Không biết cô ấy có di cư vào Nam hay không, nay bất ngờ gặp lại nhau trên đất tị nạn, xa quê hương vạn dặm thật là mừng-mừng tủi-tủi, và lại cả hai cùng cô đơn, không ai bị ràng buộc chuyện gia đình nên mối tình đầu trở thành tình cuối, hai người kín đáo nói lại duyên xưa.

- Tình cũ không rủ cũng đến, bây giờ chú tính sao?

- Chú đã dọa ý các em rồi, mấy thằng con trai, con rể thì chúng không có ý kiến, nhưng mấy đứa con gái thì không bằng lòng chú nói lại với bà Tâm! Kể ra cũng buồn, nhưng thôi, đã hy sinh cho con cháu tới giờ này thì hy sinh cho trót. Cho tội nhỏ nó vui, và lại mình cũng già rồi!

Biết ý ông muốn nói điều gì, tôi mở tờ báo ra đọc bản tin đám cưới của hai cụ Vinh-Tươi 91 tuổi cho ông nghe rồi nói:

- Chú à, tình yêu không có tuổi, nhỏ yêu cha mẹ, lớn yêu người tình, già yêu con cháu và sau cùng là yêu “đất” nước. Và lại xã hội Mỹ không được phép kỳ thị tuổi già, biết bao người trên thế giới muốn đến Mỹ, trong khi mình đang sống trên đất Mỹ thì cứ từ chối tuổi trẻ, luôn miệng kêu “già rồi” là sao? Chú không rượu chè, không gái-gú, không cờ bạc, bỏ hút, rồi vẫn cày để lo cho gia đình, chú chung tình với dì, chú là người cha hiếm có với con. Nay dì đã đi xa, tụi nó ra ở riêng, chú còn gì để hy sinh thêm cho họ nữa? Cháu sẽ thuyết phục mấy “bà chằng” này cho.

- Thôi đừng, không khéo tụi nó lại tưởng chú ham vợ nên nhờ cháu nói giùm.

- Chú đừng lo, cháu biết phải làm gì.

Tuy hứa với chú Tâm như thế, nhưng thực tế tôi chưa biết phải làm gì là “làm gì” trong hoàn cảnh có nhiều điều tế nhị khó nói. Tuổi trẻ hiện nay khi lập gia đình đều muốn ra riêng, không ở chung với bố mẹ, vì sợ người già khó tính, nói nhiều, bắt theo các phép tắc. Trong khi đó thì người già là một bệnh viện, nhận đủ thứ bệnh, việc săn sóc người già không phải dễ, và thực tế, sinh kế của tuổi trẻ là điều quan trọng hơn cả. Rắc rối đa, nhưng từ từ rồi tính.

Bữa sau, tôi mang hai tô hủ tíu Mỹ Tho đến, loại hủ tíu dai, khô (nhưng có nước), mà ông thích. Tôi trông

thấy ông ngồi coi TV nhưng trên trán dán miếng “bandage”.

- Trán chú làm sao vậy?

- Hôm qua chú lập cập đập trán vào cánh cửa tủ, mở tủ ra lấy trà mà quên đóng vào.

Mở cửa tủ ra để lấy cái gì đó rồi quên đóng vào là cái tật hay quên “dễ thương” của người cao niên, nhưng vết thương trên trán của chú Tâm làm tôi nhớ đến một chuyện:

Tôi nhớ lại nhạc phụ của tôi đi tè rồi bị té u đầu trong lúc con cháu vắng nhà. Vì không được cấp cứu kịp thời nên cụ hôn mê, sau ba tháng là cụ đi luôn! Trong trường hợp này nếu có người bên cạnh, gọi 911 đúng lúc thì bớt nguy hiểm. (Có một dụng cụ y khoa đeo vào cổ tay, mà tôi thấy quảng cáo trên TV, khi người già ở nhà một mình mà bị té thì chỉ việc bấm một cái là nơi cấp cứu họ biết ngay.)

Khi thấy ông, bà, bố, mẹ già bị té thì các con cháu nóng ruột thường gắt:

- Đã bảo mà... Đã nói bao nhiêu lần rồi là bố (mẹ) phải đi đứng cho cẩn thận, cứ hấp tấp.

Đã té đau, lại bị con cháu rầy la, dù la kiểu “thương cho roi cho vọt” thì thân già đành nuốt nước mắt tự trách thầm: “Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đảng!”

Nhưng điều quan trọng là chính các cụ và con cháu không hiểu nguyên nhân tuổi già hay bị té là do đâu, nhất là những cụ bị cao máu, mà cứ tưởng là các cụ không cẩn thận, vô ý v.v...Tôi hỏi Bác Sĩ Phạm Vũ Bằng thì ông giải thích rằng:

- Người già thì mạch máu đóng mở, bị giòn, dễ bẻ, dễ gãy, bỗng dưng thấy ở bắp vế, cánh tay hay bẹn có một vết bầm, dù không đụng chạm đâu cả. Đó là do mạch máu chỗ đó bị bẻ, máu lan ra làm thâm tím xung quanh, chỉ vài bữa là nó tiêu đi, nhưng nếu đó là mạch máu trong não, dù là mạch máu li-ti cũng sẽ làm người ta mất thăng bằng và té, cấp cứu kịp thời thì không sao nhưng chậm trễ là nguy hiểm.

Từ giải thích này của Bác Sĩ Bằng khiến tôi nghĩ ngay đến trường hợp của nhạc phụ tôi và nghĩ đến chú Tâm, phải tìm cách gỡ rối tơ lòng. Tôi nói nhỏ với chú vào giường nằm và dặn kỹ ông vài điều: “Chú cứ thế, cứ thế, mọi chuyện khác để cháu lo.”

Tôi gọi điện thoại cho các con chú Tâm, báo cho họ biết chú bị té, ai ở gần thì phải đến thăm ông ngay.

Khi họ đến đầy đủ thì ông đã nằm thiêm thiếp ngủ trong phòng, các con nhìn trán ông dán băng tỏ vẻ lo lắng, tôi ra dấu cho họ để ông ngủ và ra ngoài tôi bàn chuyện. Sau khi giải thích cho họ vì sao người già hay bị

té và nguy hiểm như thế nào khi không cấp cứu kịp thời, tôi nói tiếp:

- Các em thấy đó, ông nhạc anh vì té rồi hôn mê mà đi luôn, nếu hôm nay chú bị té mà không ai gọi 911 rồi chú hôn mê luôn như đang nằm kia thì các cô chú tính sao? Đưa chú vào bệnh viện rồi chờ nhận tin không vui hay sao? Nếu tai qua nạn khỏi nhưng bị liệt chân tay thì đưa chú vào trại dưỡng lão hay đưa chú về ở chung với các em, hoặc các em thay nhau đến đây để canh chừng bố, trực 24/24 để săn sóc bố?

Tất cả các con trai, gái, dâu, rể nghe tôi hỏi mà không ai nói được điều gì, tất cả đăm chiêu lo lắng suy nghĩ, thấy vậy tôi tỏ thêm:

- Ngày xưa, muốn con người có gia đình, sinh con đẻ cái, xã hội phát triển thì Chúa phán: “Người nam không được ở một mình, mà phải kết hợp với người nữ.” Nay sống trên đất Mỹ thì người cao niên độc thân không nên ở một mình, mà nên kết hợp với một người nữ, nếu thấy hợp tính hợp nết, để săn sóc nhau, để gọi 911. “Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ.” Nếu bố già nằm thiêm thiếp đó rồi đi luôn thì mới sáng mắt ra, mới sứt-sà sứt-sứt, nước mắt ngấn dài. Tại sao có người tình nguyện săn sóc chú, cô Tâm muốn săn sóc chú thì các em lại ngăn cản?

Tất cả các con chú Tâm vẫn im lặng, ra chiều suy nghĩ...

Thế rồi khoảng một tháng sau, các con tổ chức một bữa cơm đại gia đình với lời chúc:

- Một túp lều mô-bô-hôm, Song Tâm hạnh phúc.

Thông thường chúng ta thấy một cặp vợ chồng già đi chung đường thì người nam luôn đi trước còn người nữ lẻo đẻo theo sau, nhưng nếu đọc giả nào thấy hai ông bà thủ thủ cầm tay, sánh bước bên nhau đến nhà thờ Westminster, mỗi sáng đi bộ quanh khu tượng đài Việt Mỹ thì đó chính là ông bà Song Tâm. Cả hai đều có tấm lòng như nhau và hai quả tim đã “yêu trở lại”.

Giới cao niên Việt Nam sống trên đất Mỹ có nhiều cái thừa, thừa ăn, thừa mặc, thừa thuốc men, thừa mùa, nhưng có hai cái thiếu khiến người già mau già thêm, đó là thiếu vận động và thiếu bạn.

Ông có cái computer hay 52 lá, bà thì có cái DVD, CD, Ipad để xem phim Hàn Quốc, xem tài tử “Chơi Xong Jong” đóng phim “Chơi Xong Giông” cảm động quá khiến bà khóc! Còn các ông nằm nhiều hơn ngồi, ngồi nhiều hơn đứng, đứng nhiều hơn đi. Theo nguyên tắc “use it or lose it”, cái gì ít dùng thì teo.

Vậy thì xin quý lão nên đi bộ hằng ngày, đi đều đặn cho tới khi nào không đi bộ thì thấy nhớ, ấy là lúc sức khỏe điều hòa.

Cái thiếu thứ hai khá buồn hơn, đó là thiếu bạn.

Bè thì nhiều nhưng bạn tâm giao thì hiếm. Những buổi tiệc nho nhỏ “hấp hôn” kỷ niệm 30 năm, 40, 50 năm, và 60 năm, quả thật là món quà hạnh phúc trời cho, xin hãy nâng niu và giữ gìn. Nếu nửa đường gãy gánh, một lão niên nào đó đang cô đơn mà tìm được người bạn ý hợp tâm đầu thì tại sao lại khất khe khi họ mong ước tìm đến nhau? Họ chỉ mong góp gạo thổi cơm chung, chung mái nhà, chung phòng thì có sao đâu? Chung giường ư? Đó là hạnh phúc trời cho, ít ra cũng có được cái bàn tay biết gỡ lưng đúng chỗ ngựa thay cho cái bàn tay làm bằng tre bằng gỗ. Nếu một khi “*không kham nổi đoạn đường*” thì khác giường càng dễ ngủ, nhưng vẫn chung một mái ấm.

Con nuôi cha không bằng bà nuôi ông,

Con cháu đông không bằng ông nuôi bà...

Là điều hạnh phúc.

Điều cuối cùng muốn nói với quý độc giả là những người già, dù cho còn đủ cả vợ chồng, cũng không nên ở riêng rẽ một nơi vắng vẻ, sẽ rất nguy hiểm khi bị té ngã, áp huyết tăng lên cao, nếu không có người gọi 911 ngay thì sẽ mang tai họa.

(Zô đi bà. Một hai ba, zô, zô, zô.)./.

Tuổi 70, Cám Ơn Người

Vừa rời ghế nhà trường là tôi vào quân trường rồi lăn lộn với chiến trường từ Bến Hải tới mũi Cà Mau. Sau ngày 30/4/75, ngày đau thương của đất nước, tôi lại đổ mồ hôi sôi nước mắt gần 10 năm trời trong rừng núi Thượng Du Bắc Việt, rồi tha hương đời tị nạn nên gần như tôi không còn nhớ ngày giỗ cha cúng mẹ, chưa một lần tổ chức sinh nhật cho những người thân yêu trong gia đình, và dĩ nhiên trong đầu tôi không có chữ “happy birthday” cho chính mình.

Một buổi sáng đẹp trời mùa Đông nắng ấm, có người đến gõ cửa giao cho một bình hoa thật đẹp với tấm thiệp “Happy Birthday to Mom”. Có lẽ đây là bình hoa sinh nhật đầu tiên và thật đẹp đến với gia đình tôi, đó là quà của vợ chồng cậu con trai từ Dallas gửi về tặng mẹ. Vợ tôi cảm động, người cười với những bông hoa khiến tôi thấy nàng cũng là một đóa hoa và từ ngày đó, tôi bắt chước con trai, đến ngày sinh nhật của nàng, tôi cũng mua một bông hồng, và chỉ một bông thôi với giá \$5 rồi len lén để bên bàn phấn, không có thiệp chúc mừng sinh nhật, cũng không nói gì, vì tôi không có thói quen “tỏ tình” kiểu lãng mạn và dễ thương này, nhưng thú thật là tôi có nói thầm trong lòng:

- *Chúc em đẹp như bông hồng và anh chỉ có một bông hồng thôi.*

Còn đến ngày sinh nhật của tôi thì các con thực tế hơn, một bao thư trên bàn viết với câu chúc hài hước: “*Nhờ sinh nhật của bố ngày 11/11 mà chúng con có ngày holiday.*” Biết trong bao thư chứa đựng đầy ắp tình cảm, nên tôi để nguyên niềm vui trong đó và chỉ mở ra khi gặp những khoản chi bất ngờ ngoài dự trù, hay chia sẻ một chút quà cho anh em Thương Binh bên quê nhà, vì chính tôi cũng là một thương binh. Nhiều sinh nhật đã đi qua, những bao thư cũ mới các con tặng bố vẫn nằm đấy, ngày dầy thêm, tôi thêm tuổi già!

Thời gian qua đi như “bóng câu qua cửa sổ”, các cụ nói thế và đúng thế thật. Những gì xảy ra vào ngày 30/4/75, ngày “gãy súng”, như còn đang đảo lộn trước mặt người lính TQLC, giờ phút ấy tôi thần thờ nhìn đồng đội, họ chửi thề và giương súng quạt từng băng đạn bắn ông “Thiên”. Rồi tuổi 34 vào tù, gần 10 trong rừng núi Lào Cai, Yên Bái, Hoàng Liên Sơn Thượng Du Bắc Việt. Tuổi trẻ của tôi bị giam hãm chết lần chết mòn trong ngục tù, bao cay đắng như còn quanh quẩn đâu đây, chừng nào mới thoát khỏi gông cùm này? Thương nhớ vợ con, cha mẹ, anh chị em, tôi hét lên... Ác mộng làm tôi giật mình tỉnh dậy mới hay mình đang nằm trong chăn ấm, cánh tay gối đầu cho người bạn đời. Tôi thờ

dài: “Minh đã 70”, 35 năm trời lãng phí, không giúp gì được cho gia đình, mình thì trắng tay.

Khi tôi bước vào tuổi 70, “cổ lai hy”(ít người có), hai con tôi, Tô Văn Yên và Tô Quốc Việt nhỏ to qua điện thoại với nhau hình như các con muốn tổ chức “thượng thọ” cho bố vào đúng ngày 11/11/2011, tôi nghe con gái mời dì Thu Hà, cô em út của mẹ các cháu từ Pháp sang chơi vào dịp này. Nhưng rồi dì út Hà không sang được, vợ chồng con trai và cháu nội cũng chưa về đúng ngày nên mọi chuyện vẫn trôi qua bình thường như những năm trước, không có gì khác ngoài một tấm thiệp của con gái để trên bàn viết:

- To our Dad and Grandpa. You're the best Dad and Grandfather we could have ask for. Thank you for everything you've done for us. We love you and wish you healthy and happy life.

Steve, Van, Amy, Vince, Rosa, Maddie.

Một tấm thiệp đầy tình nghĩa cha con ông cháu là quá đủ, nhưng rồi tin vui đến thêm, nhân dịp lễ Tạ Ôn 11/2011, vợ chồng con trai và cháu nội từ Dallas về đoàn tụ cùng bố mẹ và gia đình chị gái. Niềm vui nào tả xiết, lời nói nào cho đủ, già 70 ngồi nhìn hai cháu nội ngoài tuổi thơ vui chơi mà ông mỉm cười sung sướng, cháu thấy ông cười, cả hai cùng chạy lại đòi ông bế. Với tôi, đây là một hình ảnh đẹp và hạnh phúc, chiêm ngưỡng

hoài không mỗi mắt, nghe trẻ thơ bi-bô ngôn ngữ Mỹ Việt mà thấy hay, hay hơn những bản nhạc danh tiếng, ngắm các cháu múa hát thì không danh ca nào sánh kịp.

Nhưng có điều từ hôm cháu nội về chơi thì bà nội cứ nhắc ông nội cạo râu hớt tóc quần áo cho tươm tất, điều này làm tôi thấy hơi phiền vì “không gì quý hơn tự do”. Bà bắt ông cạo râu vì có thể do kinh nghiệm của bà trong quá khứ, bà sợ râu ông làm các cháu nhột, còn y phục thì tôi vẫn tươm tất nhưng có lẽ bà muốn nhắc tôi về những cái áo, cái quần, cái ca-vát mới đủ màu đủ kiểu mà thường bà tự ý mua về xếp trong tủ trong khi tôi thì không thích “thay áo” mới.

Mãi vui với hai cháu nội ngoại mà tôi quên hết những gì xung quanh, trời xẩm tối con gái nhắc bố:

- Bố chuẩn bị mặc đẹp để đi chụp hình với 2 cháu rồi ghé tiệm ăn cơm tối luôn.

Ngày nay thì gia đình nào cũng có máy quay phim, máy chụp hình, mỗi cell phon là một máy chụp hình, chụp bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu nhưng để có một tấm hình gia đình đoàn tụ đẹp treo tường thì lại phải nhờ thợ chuyên nghiệp nên tôi không ngạc nhiên khi nghe con gái nói và rồi con chở đi đâu, tiệm nào, nhà hàng nào tôi cũng không quan tâm, tôi cũng không để ý đến những chuyện xung quanh, vì trong mắt tôi, trong lòng, trong tay tôi đã có hai cháu.



Hai cháu nội và ngoại

Xuống xe, tôi toan bế cháu nội, vì cháu ngoại tôi bế thường xuyên rồi, thì con dâu can:

- Bớ đừng bế cháu, bớ dắt hai cháu hai bên thì đẹp hơn.

Có lý, đẹp cả đôi bên, tôi dìu hai cháu đi mà như bước trên mây, nghe như có nhạc đâu đây, hình như những người xung quanh đang nhìn ba ông cháu tôi cười, nhưng thực ra thì có nhạc gì đâu, và cũng chẳng ai bận tâm nhìn ông cháu tôi, vì tôi đang vui và hạnh phúc nên thấy cảnh đẹp, nhạc hay, đúng là tôi đang mơ.

Con gái mở cửa phòng “dinner”, ba ông cháu tôi vừa bước vào thì tôi giật mình vì nhiều tiếng vỗ tay, nhiều tiếng cười càng khiến tôi sửng sốt, tôi không hiểu

chuyện gì nhưng khi tai nghe văng vẳng tiếng nhạc nhè nhẹ: “Happy birthday, happy birthday”, trong tích tắc, tôi hiểu chuyện gì đang diễn ra nơi đây rồi.

Thì ra các con tôi đã âm thầm tổ chức lễ “thượng thọ” cho bố, còn mẹ các con thì muốn tôi trẻ mãi nên gọi là sinh nhật thứ 70. Tôi bất ngờ, quá nhiều bất ngờ, tôi không bao giờ nghĩ là sẽ có chuyện này, và thực tâm nếu biết tôi sẽ khuyên không nên ồn-ào, không nên tổ chức tiệc tùng như thế này để khỏi làm phiền anh chị em, bạn bè trong lúc có quá nhiều thiệp mời. Thiệp mời là phải đi với đóng góp hay quà cáp v.v... đã có lần tôi mượn tên bài ca của nhạc sĩ VTA gọi đùa thiệp mời là “những bản tiền ca không tên”, khiến những người về hưu hát theo muốn hụt hơi.

Các con hiểu thảo mong muốn được tổ chức tiệc kỷ niệm ngày cưới, ngày thượng thọ cho Bố Mẹ để song thân được an ủi tuổi già và cũng là dịp nhắc lại cho các con biết có một gia đình ấm cúng, hạnh phúc, còn đầy đủ cha mẹ.

Thông thường người cha nào cũng đơn giản, không muốn bày vẽ, càng già thì càng cần tiết kiệm, tôi cũng vậy, nhưng một khi các con kín đáo tặng cho món quà bất ngờ thì cũng thấy vui.

Thoáng trong ký ức, tôi nhớ về mẹ già, mỗi lần các con biểu mẹ “đồng quà tấm bánh”, cái áo mới thì cụ

mắng yêu: “*Con về chuyện, mẹ không cần đâu.*” Nhưng ánh mắt mẹ vui, môi mỉm cười. Mẹ cười không vì cái áo mới mà cảm động vì các con nghĩ đến mẹ, săn sóc mẹ. Nếu biểu mẹ dăm ba đồng để mẹ ăn trầu thì mẹ nói: “Không cần đâu” nhưng bà vẫn cầm, cho vào túi áo, lấy kim băng gài miệng túi lại và chỉ mở ra khi mua quà cho cháu, đúng là “mẹ không cần”

Nay tôi bước vào tuổi già như mẹ ngày xưa nên tôi cũng tâm trạng ấy, tâm trạng chung của các bậc cha mẹ Việt Nam, tôi không thích rình rang ồn ào mặc quần áo mới, nhưng tôi thực sự xúc động vì chuyện bất ngờ này, xúc động vì những người thân yêu đã cư xử khá tinh tế.

Tim tôi đập nhanh, mắt mờ hơi sương khiến không nhận ra những ai xung quanh và chân tôi như tê, như muốn đứng yên tại chỗ cho đến khi nghe tiếng con trai nhắc:

- Bố chào các bác, các cô chú đi.

Đã bao lần đứng trước hiểm nguy, giữa sống và chết tôi không nao núng, tôi chưa bao giờ bị lúng túng trước đám đông, nhưng khi nghe con nhắc, mở mắt ra, tôi cảm thấy rung động và lúng túng như “trẻ con” trước những người mà tôi luôn quý mến.

Bên tay mặt là những bạn thân thiết đồng Khóa 19 Võ Bị như các anh chị Hồng Miên, Dương Chiến, Tiền San, Quang Giáng, Tiền Tấn, Kim Khôi, những người đã

thuộc về giai cấp “cổ lai hy” mà mỗi khi gặp nhau vẫn “mày tao mi tớ”, và hôm nay vẫn thế, các chị vẫn sang đẹp lịch lãm như thường lệ như những giỏ hoa lan các chị mang đến tặng, nhưng còn các anh thì vẫn ồn ào náo nhiệt vui như Tết, tôi vẫn nghe tiếng cười chọc què:

- Đi chào bàn đi chứ chú rể.

Thường thì ít khi tôi lép vế khi bị chọc què nhưng sao hôm nay tôi bối rối thật, riu riu theo con trai đi đến từng bàn. Tôi chào quý chị và bắt tay các anh cứ như chú rể đi chào các cô lão trong họ ngoài làng.

Quay sang bên trái, lại là những đồng đội Thủy Quân Lục Chiến thân thiết nhất, những người bạn mà chúng tôi gặp nhau thường xuyên mỗi sáng Chúa Nhật ở tiệm café, nhưng sao hôm nay tôi thấy những “con cọp” này hiền lành hơn, tươi hơn với lời khen “huề vốn” và nhiều tiếng cười:

- Con trai giống bố, nhưng đẹp trai hơn.

Có lẽ hiểu được tâm trạng ngày vui của bố, con trai tiếp tục đưa tôi đi “chào bàn” như trước đây tôi đã dẫn con đi chào bà con họ hàng trong ngày thành hôn của các con.

Nhìn quanh toàn là anh chị em trong đại gia đình nội ngoại, toàn những người tôi luôn luôn quý mến nên tôi cũng nhận lại được những nụ cười và bàn tay ấm áp, trong đó có anh chị cả của tôi cùng con cháu gần hai

chục người từ tiểu bang Arizona sang tham dự chung vui với em, với chú, đây là một tấm lòng quý giá trong tình huynh đệ.

Niềm vui đến bất ngờ càng tăng thêm ý nghĩa nhưng tôi thắc mắc không hiểu sao, ngoài anh chị em trong gia đình thì những người bạn có mặt đều là những người rất thân, tôi hỏi con:

- Sao con biết các cô chú K19 Võ Bị và TQLC này thân với bố mà mời?

Con gái tôi chưa biết trả lời sao thì bà xã tôi lên tiếng:

- Mẹ nó mời chứ ai?

Hú hồn, thế ra “nhà tôi” biết hết đường đi nước bước của tôi rồi, ngày xưa khi còn là lính ngoài tiền tuyến thì em không biết tôi đi đâu, ở đâu và làm những gì nhưng nay ở hậu phương thì khác, nàng biết rõ tôi thân thiết với ai, giao du thân mật với ai thì không qua khỏi tầm ngắm của nàng, nếu tôi đi ngang về tắt thì làm sao có ngày hôm nay? Tôi cười như muốn nói riêng với nàng:

- Em biết hết, điều gì cũng biết, anh thân thiết với ai em cũng biết, nhưng không sao, thế càng tốt, chứng tỏ anh là người “hiền lành”. Những ngày sinh nhật của em, anh chỉ tặng em duy nhất có một bông hồng và anh cũng đã thầm nói chỉ có một bông hồng là em mà thôi.

Vợ chồng tôi nắm tay nhau đứng bên các con cháu để nghe con gửi lời chào và cảm ơn đến các bác, các cô chú và anh chị em:

- Hôm nay là sinh nhật thứ 70 của bố cháu và đồng thời cũng là kỷ niệm 40 năm thành hôn của bố mẹ các cháu, chúng cháu xin cảm ơn...”

Tôi giật mình khi nghe con gái nói hôm nay cũng là kỷ niệm 40 năm ngày cưới của chúng tôi, lại thêm một bất ngờ đặc biệt nữa. Thú thật là chúng tôi ở bên nhau, ngồi bên nhau, đi bên nhau đã 40 năm, và hiện đang nắm tay đứng bên nhau, nhưng chưa một lần tổ chức kỷ niệm ngày cưới hay tặng quà, điều này có thể khiến người bạn đời không vui. Phụ nữ nhớ lâu những kỷ niệm đẹp về tình yêu và hay nhắc lại, phái nam cũng biết “miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời” nhưng thường giấu kín trong lòng, nếu có ông, anh nào tổ chức lễ “hấp hôn” thì hẳn phải là chàng có tính ga-lăng hay giới trưởng giả, còn tôi, gốc bình dân, vẫn nhớ kỷ niệm lần đầu quen em khi từ Đà Lạt về phép, nhớ nhiều về ngày cưới nhưng chỉ tự nói với chính mình rằng:

- Em vẫn “nóng” (hot) và anh vẫn ấm, mình đã nguội đầu mà cần “hấp”, dầu nguội thì anh vẫn nhớ lời mẹ dạy: “Ăn cơm nguội cho ấm vào thân”.



Con trai & dâu, cháu nội (trái). Con gái & rể, cháu ngoại(phải)

Hôm nay tôi nhận được những món quà mà trước tuổi 70 chưa bao giờ được nhận, những món quà tinh thần quý giá từ các bạn và anh chị em khiến tôi phân vân, tuổi 70 chưa cảm ơn NGƯỜI thì lại nợ thêm ân tình. Một cuốn album hình ngày cưới, hình tuổi trẻ 40 năm về trước của chúng tôi được các cháu con ông anh Cả trao tặng cho chú thím. Trải qua bao nhiêu biến cố, thời gian gần nửa thế kỷ, mấy ai giữ được những hình kỷ niệm quý giá này, chính chúng tôi cũng không còn, vậy mà các cháu vẫn giữ được, hình càng cũ càng quý. Hình cũ, hình mới cũng chỉ là những tấm hình, mấy ai giữ hình của người khác bao giờ? Vậy mà các cháu đã gìn giữ nâng niu, mang từ VN sang để tặng chú thím vào ngày kỷ niệm 40 năm ngày cưới thì quả thật chú thím cảm động vô cùng. Tôi tự an ủi rằng vị trí và uy tín của tôi đối với em con cháu trong gia đình không tệ lắm.

Cháu tặng hình ngày cưới cho chú, còn của bố các cháu, anh Cả tôi, lại là những vần thơ đầy đủ ý nghĩa viết theo lối chữ “thư pháp” trên mảnh tre gửi từ Việt Nam sang, không nói về màu sắc, chưa bàn về ý thơ mà chỉ ý tưởng thực hiện món quà cũng đáng trân quý, thơ rằng:

*Tạ ơn Thiên Chúa Ba Ngôi,
Mừng em đã trọn tuổi đời 70.
40 năm hôn phối đẹp đôi,
Cấp-Tô Thúy-Nguyễn trọn đời bên nhau.*

*Mừng em đã có rể dâu,
Gái trai hiếu thảo cùng nhau thuận hòa.
Chúc em vui hưởng tuổi già,
Bên con bên cháu chan hòa tình thương..*

Từ bắt đầu ngày đến ngạc nhiên khác, việc tổ chức thượng thọ cho bố mẹ thì con nào cũng có thể làm được, tặng bố mẹ một chuyến đi du lịch, du thuyền cũng không khó, nhưng nghĩ đến và tìm ra tám hình cô dâu là mẹ, chú rể là bố, phóng to, đóng khung làm quà tặng bố mẹ kỷ niệm 40 năm ngày cưới thì quả thật là sáng kiến độc đáo. Ngắm cô dâu ngày ấy với má núm đồng tiền thêm chiếc răng khểnh đứng bên chú rể có vẻ ngô-ngố mà buồn cười và thương cho “cây quế giữ rừng...”. Hiểu được ý các con mong bố mẹ khỏe mạnh và trẻ lại 40 tuổi, hiểu ý các con mong bố mẹ mãi bên nhau. Tôi thầm nói:

- Yên tâm đi, bố mẹ sẽ theo gương ông bà ngoại, các con sẽ còn phải tổ chức kỷ niệm 50, 60, 70 năm ngày cưới cho bố để các con theo gương ông bà cha mẹ.

Nghe con đọc tiểu sử của bố mà tôi thẹn với lòng, ngượng với gia đình và bạn bè, tiểu sử của tôi bình thường như mọi thanh niên khác, tới tuổi thì đi lính, đánh giặc rồi bị thương rồi bị thương cấp bẻ gãy súng, không tội mà phải ngồi tù, đường binh nghiệp ba chìm bảy nổi với chiến công 5 ngôi sao đỏ (chiến thương bội tinh), nửa đường gãy gánh, đã không lo cho gia đình được gì mà lại còn thêm 10 năm trong lao tù CS chỉ làm gia đình thêm lo âu.

Hình ảnh các con tôi, Tô Quốc Việt 5 tuổi và Tô Văn Yên 8 tuổi mà năm 1979 phải theo chân mẹ vượt ngàn trùng từ Saigon ra Bắc , đến chốn thâm sơn cùng cốc hoang vu Vĩnh Quang, Vĩnh Phú dưới chân núi Tam Đảo để thăm bố trong trại giam, nghe như một chuyện hoang đường, nhưng là chuyện có thật khó quên, có thật như những vết sẹo vì súng đạn trên người tôi không bao giờ mòn mà thỉnh thoảng còn nhức nhối theo thời tiết đổi thay. Nhưng có lẽ các con tôi lại hãnh diện vì những gian nan vất vả ấy mà đến được nơi xa xôi thăm bố, từ đó bố trải qua được khó khăn và nay vẫn còn được bình an bên các con, bên cháu nội ngoại.

Nhiều bạn đùa vui cho rằng cuộc sống của những người quân nhân chúng tôi sau cuộc chiến và tù đầy chỉ

còn là những “bonus”. Nói thế để an ủi nhau khi có bạn bất ngờ ra đi, nói thế để tự an ủi tuổi già, bào chữa cho sự tự rong chơi trong khi bổn phận chưa tròn, vẫn còn “nợ đời ở tuổi 70.”

Trong Thánh Lễ, vị chủ tế rao giảng lời Chúa phán rằng: “*Cái gì của Caesar thì trả lại Caesar*” và rồi ngài đem lời ngụ ngôn ấy vào đời sống hiện tại, nhắc nhở tín hữu đóng góp quỹ mục vụ. Điều đó hoàn toàn đúng, ăn cây nào thì rào cây ấy, đi nhà thờ thì phải đóng góp vào quỹ mục vụ, đến nhà Chúa cầu xin được mạnh khỏe, được giàu sang mà quên bổn phận thì gọi là đi lễ “chùa”.

Đối với đạo là thế, nhưng đối với đời, “Caesar” của tôi là quê hương tôi, xã hội tôi đang sống, đồng đội, đồng môn và những người xung quanh, gia đình, những người thân đến chúc mừng tôi “thượng thọ” khiến tôi nghĩ đến ở tuổi 70 vẫn còn nợ người và phải cảm ơn người.

Khi đọc tiểu sử của bố, Vân Yên, con gái tôi, ghen ngào khi nhắc đến đoạn bố bị thương nặng, được phân loại thương binh đủ điều kiện giải ngũ nhưng tôi vẫn tiếp tục xin ở lại với Binh Chủng TQLC , với đồng đội cho đến giờ “thứ 25” củangày 30/4/1975 mà nhiệm vụ người lính vẫn còn dở dang.

Ngày tôi bị thương nặng, bị loại khỏi vòng chiến, ngày 19/6/69, thì lá thư của người yêu, (mẹ các cháu sau

này), để trên ngực áo chưa kịp đọc đã bị đạn xé rách thì chưa có Yên, vậy thì làm sao con gái tôi bi ết tiêu sử của tôi? Tôi chưa bao giờ kể về đời lính của mình cho các con nghe, nhưng các con có dòng máu lính nên đã tìm hiểu và hãnh diện vì bố đã làm tròn nhiệm vụ.

- Các con à! Làm tròn thì chưa, nhưng nếu nói “*làm xong nửa đường*” thì có lẽ đúng hơn. Xong việc nhưng kết quả không được như mong đợi, mặc dù bố đã đi đến tận cùng của 4 vùng chiến thuật, máu và nước mắt đã rơi xuống từ Đ ức Cơ, Kontum, Phò Trạch, Quảng Trị, Hồ Bò Tây Ninh, kinh Cán Gáo, Chương Thiện, và ngay cả tại thủ đô Saigon trong trận Mậu Thân 1968. Dù đủ tiêu chuẩn thương tật để trở về đời sống dân sự, dù cho “chân thấp chân cao” nhưng vẫn còn đứng vững thì tại sao lại bỏ mộng ban đầu khi đã chọn nghiệp lính? Chính nhờ tiếp tục ở lại, bố mới thấy đồng đội chiến đấu anh dũng kiên cường tới giờ phút cuối cùng, mới chứng kiến sự tàn nhẫn của chiến tranh và cái “nhanchân” của cấp lãnh đạo!

Thôi thì bước tới đâu hay tới đó, cố gắng bước cho vững, đi cho đúng đường, cư xử cho đúng nghĩa, nói năng cho đúng mực, đừng đi vào luẩn quẩn, làm phiền gia đình. Đó là lời cảm ơn gửi đến NGƯỜI: Bạn hữu, anh chị em, và những người thân yêu: Thúy Nguyễn, các con Yên-Thanh Việt-Rosa, các cháu ngoại, nội: Amy Le, Madison To, Sophia To, Jackson To./.

THẦY CŨ TRƯỜNG XƯA

Tới tuổi ngồi tính số cuộc đời thì mỗi người trong chúng ta đều có những niềm vui và hãnh diện riêng, người thì hãnh diện với bằng nọ cấp bậc kia, người thì hãnh diện có nhà to cửa nhỏ, vợ đẹp con khôn. Còn đối với tôi, bước vào tuổi “cổ lai hy”, xét lại chẳng làm nên cơm cháo gì, nhưng tôi vẫn có ba niềm vui và hãnh diện, đó là: học trường Petrus Trương Vĩnh Ký, tốt nghiệp Võ Bị, và đội mũ xanh Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam.

Từ một chú bé con “Bắc Kỳ Di Cư 54” mà tôi dám nạp đơn thi “công-cua” vào lớp đệ thất trường Petrus Trương Vĩnh Ký niên khóa 1954-1955 với số thí sinh dự thi trên 7 ngàn mà chỉ lấy hơn 300 thì thật là liều mạng, tuy rằng trước khi di cư, tôi đang học lớp đệ thất trường

Ngô Quyền Hải Phòng. Ngày coi bảng kết quả, tôi không có hy vọng gì, không dám nhìn từ trên xuống, mà tôi coi số thứ tự cuối cùng là 320 dò lên, dò tới số 200 chưa thấy tên, tới số 100, rồi 50, 21 vẫn không có! Mắt tôi bắt đầu nhòa, tim đập mạnh khi nhớ đến lời khuyên của anh tôi:

- Không thi đậu vào trường công thì làm sao có tiền để học tư!

Sắp hết rồi, chỉ còn 20 tên nữa thôi, tôi đọc được tên người trúng tuyển số 20 là Đàm Quang Hiến. Hiến và tôi trước kia cùng học với thầy cô Nguyễn Hữu Lãng và thầy Nhữ Đình Chu ở trường tiểu học Kiến An. Ngày đó thi tiểu học, Hiến đậu tôi trượt (rớt), tôi phải đúp một năm lớp nhất nữa. Âm ảnh quá khứ làm tôi lo lắng: “Nó đậu thì chắc mình sẽ rớt!”

Nhắm mắt ti hí ngó lên thêm một dòng nữa, số thứ tự 19 tôi thấy họ Tô, chân tôi muốn khuyu xuống, nhưng đọc hết thì là Tô Văn Thịnh. Lấy tay sờ lên ngực, tôi đọc số thứ tự 18: Tô Văn... Lần này thì tôi khuyu xuống thật, hai tay ôm chặt lấy ngực để tìm khối lọt ra ngoài, tôi thấy tên tôi trên bảng rồi, không cần biết số 17 là ai, tôi vụt đứng dậy, chạy một mạch về nhà báo tin.

Niềm hãnh diện đầu đời của tôi là thi trúng tuyển vào lớp đệ thất rồi học liên tục 7 năm và tốt nghiệp trường trung học Petrus Trương Vĩnh Ký (1955-1962).

Niềm hãnh diện thứ hai là sau khi đậu Tú Tài 2 thì tôi nộp đơn và được nhận vào Khóa 19 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Sau 2 năm trui rèn trong lò luyện thép, ngày tốt nghiệp thiếu úy, tôi lại may mắn chọn được một chỗ trong số 30 người về Binh Chung Thủy Quân Lục Chiến. Niềm mơ ước về binh chủng này tôi đã có từ lâu, từ một người tôi vẫn coi là thần tượng, người anh rể Nguyễn Duy Xương ở Tiểu Đoàn 1/TQLC. Ngày 23/ 11/ 1962, khi nhập trường Võ Bị, trong túi hành lý của tôi đã có cái mũ nòi xanh mà tôi xin của anh rể để mang theo.

Trước ngày mãn khóa (28/11/1964) là giai đoạn chọn đơn vị, gần 400 tân thiếu úy tranh nhau 25 chỗ dành cho Mũ Đỏ Nhảy Dù cố gắng. Tới phiên Mũ Xanh, khi hai Đại Úy TQLC là Đỗ Kỳ và Phạm Văn Chung thông báo chọn 30 tân sĩ quan thì hơn 300 thiếu úy đưa cao tay. Không biết làm sao giải quyết khi số cung vượt quá số cầu nên hai ông viết 60 lá thăm, ai bốc trúng thì vào vòng sơ tuyển. Đây là lúc tôi lo nhất, nếu không bốc trúng thì hỏng, nhưng thánh nhân đãi kẻ khù khờ, tôi bốc trúng 1/60 lá thăm.

Vào vòng chung kết, hai ông TQLC lại yêu cầu 60 thiếu úy trúng vòng sơ tuyển đứng dựa lưng sát vào tường theo thứ tự từ cao xuống thấp để họ chọn lấy 30 người cao mà thôi. Trước viễn ảnh bị loại vì không được cao, tôi phải nghĩ cách, cùng tác biến, nội quy cấm

SVSQ ăn gian nói dối. Nhưng tôi không còn là SVSQ nữa, đã là thiếu úy nên tôi kiểm giấy độn vào gót giày cho cao thêm chút nào hy vọng chút đó, cuối cùng tôi vẫn đứng số 31, số 30 là Nguyễn Chí, tức Chí “trắng”, còn có biệt danh khác là “Chí Xịa”.

Đại Úy TQLC Phạm Văn Chung đứng trước mặt Nguyễn Chí và tôi quan sát để chọn người cuối cùng, tôi ráng nhón gót chân thêm chút nữa, khó phân biệt cao thấp, nhưng nhờ có nước da bánh gai, cái mặt lại có vẻ “gió sương” nên tôi, số 31, được chọn, còn Chí trắng số 30 bị loại.

Đó là niềm hạnh diện thứ ba tôi “trúng tuyển” về Binh Chủng TQLC. Được về TQLC mà lại trình diện Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền là mãn nguyện rồi. Nhờ trời thương, cả đời lính chiến tôi được thưởng 5 ngôi sao đỏ (chiến thương bội tinh).

Tuổi già sống kiếp tha hương, mong tìm về dĩ vãng, về nơi mình đã học tập, chiến đấu và bị tù đày trên quê hương, đó là những nơi đẹp nhất trong tâm hồn mỗi người, nhưng chúng ta không thể đến, không thể về nên chúng ta gặp nhau để kể lại cho nhau nghe, viết lên giấy để truyền tay nhau đọc, nên ngày nay ở hải ngoại, tôi tham dự đều đặn mọi sinh hoạt của hội cựu SVSQ Võ Bị, hội TQLC. Đến đó, tôi được nói và được nghe những kỷ niệm đời sống quân trường, biết tin tức chiến trường,

đồng đội, ai còn, ai mất, nhưng chưa một lần được nói và nghe chuyện: “Thầy Cũ Trường Xưa” .

Mỗi lần có thông báo của hội cựu học sinh Petrus Trương Vĩnh Ký họp mặt thì lòng tôi lại “nao-nao” nhớ đến thầy cũ trường xưa, tôi rất muốn đến tham dự nhưng chưa bao giờ gặp được những bạn cũ, còn tên các vị trong hội thì toàn là những cái tên xa lạ, đó là lý do làm tôi ngại đến với hội.

Năm 2001, khi thấy tên Nguyễn Hồng Đăng trong danh sách ban tổ chức họp mặt, tôi nghĩ là thầy Đăng hơn 45 năm về trước, tôi gọi phôn cho thầy:

- Thưa tôi là Cấp, cựu học sinh Petrus Trương Vĩnh Ký, xin được nói chuyện với thầy Đăng.

- Tôi là Đăng đây, nhưng không phải là thầy, có lẽ bạn lầm rồi, có 2 Đăng cùng lớp nhưng khác họ, giáo sư Phạm Ngọc Đăng hiện ở bên Đức, còn tôi là công chức Nguyễn Hồng Đăng hiện ở Bolsa*.

*(*Anh Hồng Đăng đã qua đời khi tôi viết bài này.)*

- Không thầy thì huynh, quyền huynh thế phụ mà.

Anh Hồng Đăng rất vui vẻ và nhiệt tình trong câu chuyện làm tôi thấy ấm lòng, vài ngày sau anh gửi cho tôi cuốn đặc san Petrus Ký năm 2000, kèm theo lời nhắn nhủ viết bài cho đặc san Petrus Trương Vĩnh Ký, nhất là những kỷ niệm thời học sinh.

Tôi thật xúc động khi đọc cuốn đặc san Petrus Trương Vĩnh Ký với những hình ảnh của trường xưa và nhất là khi nhận ra hai gương mặt quá quen thuộc, dù cho bao năm xa cách tôi vẫn thấy như các thầy đang ngồi nghiêm chỉnh trên ghế sau bàn giáo sư, đó là hình của hai thầy Phạm Ngọc Đảnh và thầy Trần Thượng Thủ.

Thầy Phạm Ngọc Đảnh thì lúc nào cũng tươm tất với nụ cười hiền lành, thầy Trần Thượng Thủ đầy đủ bề ngang, khiêm tốn bề cao, không bao giờ thầy cần lược để chải tóc, thầy ký tên là T.T.T (T3) nên chúng tôi gọi là thầy “Ba Tê”.

Về nội dung cuốn đặc san thì toàn là bài của các thầy cô như tài liệu giảng dạy đã được sửa soạn thật kỹ, nghiêm túc quá! Không tìm thấy chỗ nào có cái ồn ào, cái nghịch ngợm và phá phách của tuổi học trò khiến tôi bị khóp, không dám gởi bài, không trả lời cho anh Phạm Hồng Đảnh nữa và... lặn luôn.

Đầu năm 2003, nhân dịp về VN bốc mộ cho thân phụ khi nghĩa trang bị giải tỏa, tôi ghé thăm trường cũ lần đầu tiên sau 40 năm xa cách (1962-2003). Tôi đã lặng người khi bước qua cổng trường, cắn chặt môi để khỏi khóc thành tiếng khi ngồi trên bậc cầu thang gỗ. Chính nơi mà ngày xưa tôi đã ngồi khóc vì tội nhóc học trò “Nam Kỳ” kỳ thị, chọc ghẹo, phá phách một thằng “Bắc Kỳ” con duy nhất cùng lớp đệ thất B1.

Ngoài cái cảm xúc riêng tư, tôi còn có nỗi buồn chung của bất cứ cựu học sinh nào khi nhìn lại ngôi trường mẹ, một bà mẹ già chỉ còn da bọc xương trong con hấp hối! Tôi nghĩ là nên kể lại những cảm xúc này cho những ai đã từng một thời là học sinh của ngôi trường Petrus Trương Vĩnh Ký thân yêu.

Đúng ra thì tháng 4 năm 1985, sau gần 10 năm theo học trường “Làm Súc”, may mắn không tốt nghiệp thành súc vật nên sau khi ra nhà tù nhỏ, tôi đã có dịp trở lại thăm trường cũ, nhưng người bảo vệ đã không cho vào, buồn thay!

Lần này, năm 2003, rút kinh nghiệm, tôi đưa mấy gói 3 số 5 đi trước thì được chấp thuận ngay. Người bảo vệ còn ân cần cho tôi biết muốn coi chỗ nào cũng được, muốn chụp thì chụp, muốn quay thì cứ thoải mái. Tội nghiệp quá, muốn về thăm trường cũ cũng phải hối lộ!

Tôi đến thăm trường vào sáng Chủ Nhật, “từng bước từng bước thăm”, như sợ những hòn sỏi dưới chân làm mất đi sự yên tĩnh, tôi dừng chân ở giữa sân phía trước, nhìn đảo một vòng từ phải qua trái, hình như có lực nào đó bắt tôi đứng yên, nhắm mắt lại, nghẹn lời, cổ họng co thắt thật đau.

Trường MẸ đây ư? Nơi tôi đã trải qua 7 năm học hành và tu luyện, mẹ tôi già quá rồi, răng long tóc bạc da nhăn nheo! Chưa yên, họ còn giải phẫu tàn phá dung

nhân của NGƯỜI, cắt chỗ nọ, vá chỗ kia, thay tên đổi họ! Tôi sẽ phải thừa lại với các thầy cô và huynh đệ của tôi, hiện là những nhà phẫu thuật tài ba, những y bác sĩ mất tay, những thầy cãi giỏi, cùng tất cả những ai từng mài đũng quần trên ghế nhà trường rằng: “*Trường Mẹ cần sống lại như xưa*”. Có nhìn tận mắt mới thấy hết cái tiêu tụy, hom hem bệnh hoạn của bà Mẹ bị mất “giấy khai sinh” đang chờ các con đòi lại.

Đứng từ ngoài đường Cộng Hòa nhìn vào thì sát ngay bên tay trái cổng chính, họ đã xây một căn nhà cho những người bảo vệ (X)! Căn nhà nhếch nhác này che khuất tầm nhìn vào tiền sảnh, mất hết vẻ đẹp và trang nghiêm, giống như cô nữ sinh bị đổ chàm lên nửa khuôn mặt xinh tươi. Chính diện đã luộm thuộm như thế thì các nơi khác ra sao? Con “gió đờ” nào đã thổi bay đi những nét trang nghiêm, cổ kính của trường tôi?

Những cây bông sứ hoa trắng nhụy vàng xinh tươi ngày xưa nay đang trở thành những nàng cổ thụ già sống lây lất trong đám cỏ dại trông như những cây hoa dại ở các lều đài hoang phế! Tôi bước lên bậc tam cấp, đứng giữa hành lang, đây là dãy hành lang đẹp nhất trong tất cả các trường trung học và đại học ở Sài Gòn khi xưa, những viên gạch men trắng đỏ không còn bóng láng nhưng vẫn còn nét đẹp trang nghiêm và duyên dáng.

Tận cùng phía tay trái hành lang là khu văn phòng và là nơi hội họp của các giáo sư, ngoài cửa vẫn còn cái

trống treo trên giá, không biết có phải cái trống giống lên những tiếng “thùng-thùng” báo hiệu giờ vào lớp từ hồi tôi còn học lớp đệ thất hay không? Tôi yêu những hồi trống khoan thai nhịp nhàng khi tan trường hơn là tiếng chuông điện rộn ràng chói tai.



Hành lang nối văn phòng và phòng họp giáo sư

Tận cùng hành lang phía tay phải cũng là khu văn phòng, có bàn giấy của cô Ngà, cô thường mặc áo dài lụa Hà Đông màu mỡ gà, lúc đầu cô là giáo sư dạy vạn vật lớp đệ thất, sau cô đổi lên làm việc văn phòng. Trò nào nghỉ học không xin phép trước, ngày hôm sau trở lại trường thì phải đến gặp cô với lá thư xin phép nghỉ có chữ ký của phụ huynh. Nhiều khi cô biết đó là thư giả mạo nhưng cô vẫn lờ đi với nụ cười bao dung:

- Chữ ký này không được giống lắm với chữ ký của Ba con.

Con cảm ơn cô Ngà, con đã trốn học nhiều lần không phải vì lười mà vì sợ giờ Pháp Văn của thầy Phạm Văn Ba. Con còn nhớ ngày đó cô và con cùng ở bên Khánh Hội, nhà cô ở đường Hoàng Diệu, còn nhà con ở hẻm 172/18 đường Lê Quốc Hưng, sáng nào đi học con cũng đi ngang cửa nhà cô, không biết nay cô có còn... và con ở đó không?

Qua khỏi hành lang, bước vào sân chính giữa của trường thì ngay góc trái là một cái sà n gỗ, có lẽ dùng để làm sân khấu, tấm ván cong, miếng gỗ mục, đỉnh thì cái rụng cái lung lay! Hẳn là đã lâu ngày không có ai lên đó để nhảy “son đồ mi”. (*Một điệu múa du nhập từ Cộng Sản Tàu, dùng trong các buổi tập hợp dân ở vùng bị Việt Cộng chiếm đóng.*) Tôi không thể hiểu nổi cái thẩm mỹ và trật tự của những người có trách nhiệm!

Chính giữa sân, trên trụ xi-măng đá mài, xưa kia là bức tượng của nhà bác học Petrus Trương Vĩnh Ký, người thầy của đạo lý và văn chương nay bị “cuồng phong” gió chướng thổi bay mất rồi, thổi bay cả những gì thuộc về văn hóa ra khỏi ngôi trường.

Hơn 4 ngàn năm văn hiến mà không kiếm được một danh nhân nào xứng đáng đặt tên cho một ngôi trường mà phải dùng đến biểu tượng nón cối dép râu! Quốc Tổ

Hùng Vương còn bị kéo xuống cho bằng ngang phải lứa, “bác dựng nước, tôi giữ nước” thì nói chi tới những người tuy cùng da vàng máu đỏ nhưng cái đầu không đỏ thì cho “tắt tần tật” vào tù. Không biết ông cụ Trương Vĩnh Ký của chúng ta bị “cải tạo” ở nơi nao và bao giờ mới tiến bộ để được tha về? Bao giờ Cụ được trả về chỗ xưa?

- Thôi, đừng đứng đó mà cảm-ràm, họ chiếm chỗ của ta trong ngôi trường này, nhưng họ không bao giờ chiếm được chỗ của ta trong lòng các con, những cựu học sinh Petrus Ký, con hãy đi thăm trường cũ đi.

Tôi nghe như có tiếng ai nhắc nhở khiến bừng tỉnh giấc mơ, người và cảnh vật đã thay đổi nhưng ngôi trường cũ tên Trương Vĩnh Ký mãi mãi vẫn đẹp trong lòng mọi cựu học sinh. Nơi đây đầy tình thương, bao dung và nhân ái và cũng đầy đủ kỷ luật nghiêm minh mà bất cứ học trò nào cũng “ngán” nhưng lại rất hãnh diện về điều đó.

Bây năm mài đũng quần nơi đây nên đi đến đâu tôi cũng gặp những hình ảnh quen thuộc thật xúc động, hành lang lát gạch men trắng đỏ chạy thẳng tắp, không một bóng dáng học trò, hình như đang trong giờ học, chỉ thấy có thầy tổng giám thị Thử và thầy giám thị Tập cấp tay sau lưng đi tới đi lui canh chừng những chú nhóc nhảy qua cửa sổ trốn học. Ngang qua mỗi lớp tôi nghe như có tiếng giảng bài của thầy cô trên bục, tiếng khúc khích

của học trò dưới cuối lớp, từng khuôn mặt các bạn học cũ với những kỷ niệm lần lượt trở về.

Bước theo những bậc cầu thang gỗ lên lầu hai, tôi đứng trước phòng học đầu tiên, đây là lớp đệ thất B1 niên khóa 55-56. Chính lớp học này là nơi tôi, một tên “Bắc Kỳ” duy nhất trong lớp, phải hứng chịu những chọc ghẹo do đồng môn “Nam Kỳ” gây ra mà cho tới nay, gần 60 năm sau, những kỷ niệm đau khổ ấy tôi vẫn nhớ, nhớ từng khuôn mặt của đám “nhất quý nhì ma thứ ba” là chúng, mỗi khi trông thấy tôi là bọn chúng la:

- Bắc Kỳ ăn cá rô cây! Bê-Ka bắn súng nục.

Lúc đầu thấy chúng ồn ào làm tôi sợ chứ có biết cá rô cây và súng nục là cái gì đâu! Sau này mới hiểu ra chúng nhạo báng sự nghèo nàn và nói ngọng giữa L và N làm tôi đau khổ thêm. Chưa hết chúng còn chế lời một bài ca để phá tôi:

- Từ Bắc zô Nam tay cầm bó rau, tay kia cầm sợi dây xích mà dắt con cây!

Vì mới di cư từ Hải Phòng vào Sài Gòn, chưa thông thuộc đường đi nước bước, hơn nữa cơ quan làm việc của anh tôi nằm trong thành “Ô-Ma”, đối diện với trường Petrus Ký, nghe bạn đồng sở nói rằng đó là trường công lập danh tiếng khiến anh tôi nộp đơn cho tôi thi vào lớp đệ thất. Danh tiếng hay không chưa cần thiết, nhưng con

nhà nghèo, nếu đậu và được học không phải đóng tiền là tốt rồi.

Tôi may mắn được trúng tuyển thứ 18/320 trong số hơn 7 ngàn học sinh dự thi vào lớp đệ thất niên khóa 55-56. Niềm vui và hãnh diện của một gia đình Bắc Kỳ di cư có con thi đậu vào trường trung học Petrus Trương Vĩnh Ký thật là hãnh diện, nhưng không ngờ đó lại là một đại họa đến với tôi, tôi lo sợ khi tới trường, khóc trên đường về. Sau một tháng chịu đựng không nổi, tôi xin với gia đình cho tôi bỏ học, anh tôi buồn và thất vọng lắm nên an ủi:

- Cố gắng theo học một vài tuần nữa xem sao, bỏ học ở đó thì lấy tiền đâu cho em đi học tu? Không lẽ nghỉ học đi bán “cà-rem” à!

Tuổi 14 mà được đi bán cà-rem thì vui rồi, tương lai túi đầy tiền, nhưng về nghiêm nghị của người anh bắt buộc tôi phải tiếp tục con đường “thập tự giá”!

Mỗi buổi sáng tôi phải đi bộ từ Khánh Hội, qua cầu Mống, dọc theo đường Nguyễn Đức Chính, Phạm Ngũ Lão, xuôi theo đường Võ Tánh đến đường Cộng Hòa, rẽ tay phải là đến trường. Càng gần tới trường thì chân tôi như tê đi, không muốn bước thêm, rồi lững thững như một cái xác không hồn cũng vào tới lớp. Trong giờ học, khi ra chơi, lúc nào bên tai tôi cũng văng vẳng những

câu: “Bác-Kỳ ăn cá rô cây, bắn súng nục, cọng rau muống, từ Bắc zô Nam v.v...”

Nổi tiếng trong đám “quỷ sứ” chọc phá tôi là tên Nguyễn Xuân Thanh, tóc hớt ngắn, má có nốt ruồi đen, giọng khàn khàn, nói luôn miệng làm bọt trắng cả hai bên mép. Tôi nghe đồn nó là bà con với thầy giám thị Tập, nên tôi ghét luôn thầy Tập và đặt cho thầy cái tên “Bó-Tí-Xôi”.

Đồng lõa với tên Xuân Thanh là “bè lũ ác ôn” mà cho tới nay tôi còn nhớ mặt đặt tên đến hơn nửa lớp, không hiểu vì lý do gì mà tôi nhớ dai những cái tên và họ của chúng nó đến như thế? Có thể là do mối “hận ngàn thu”. Kể ra thì dài dòng nhưng đã gần 60 năm, nhắc đến họ như một lời thăm hỏi chân thành quý mến thay cho mối thù xưa, dù là bạn đã mất hay còn lang thang khắp Năm Châu, xin một lần gọi tên các bạn sau:

Cao Hoàng Anh, Lê Văn Ba, Ngô Văn Bê, Nguyễn Ngọc Bửu, Đặng Văn Cảnh, Nguyễn Đức Cầm (K19VB*), Cầm, Phạm Thượng Chí (K19VB*), Nguyễn Đồng Chí, Lê Văn Chiêu (K19VB), Vương Bình Dzung, Đạt, Đặng Chiếu Điện, Lê Đình Điển (K19VB*), Huỳnh Văn Đỡm, Bùi Mạnh Đức, Đinh Văn Hòa, Phạm Đức Hòa, Phan Chi Hảo, Hoàng, Huệ, Hùng, Hưng, Đinh Văn Hôn (K19VB), Hoàng Gia Hiếu (K19VB), Khoa (lé), Phan Ngọc Khải, Khiết, Khôi, Lê Văn Kiệt (K19VB), Lý Chi Lan, Phạm Huỳnh Tam

Lang, Phan Thành Long (Long trên), Trần Quốc Long (Long dưới), Huỳnh Văn Ngày, Ngô Văn Nô (K19VB*), Ngô Minh Quan, Trần Văn Quay, Bùi Vĩnh Thạnh, Võ Thạnh Thời, Thắng, Nguyễn Thành Tư, Nguyễn Ngọc Tư (K20VB), Tô Văn Thịnh, Lê Quan Trường (K19VB), Nguyễn Tấn Tồn, Nguyễn Tấn Kinh, Hoàng Luyện Huỳnh Hữu Duy Toàn, Phan Bá Vân, v. v...

(K19VB: Khóa 19 Võ Bị. K19VB: Khóa 19/VB đã tử trận.)*

Tôi nói họ đồng lõa với nhau vì chúng cùng la hét đập bàn cười nhạo báng mỗi khi giáo sư Pháp Văn Phạm Văn Ba bắt tôi đọc “đích-tê”.

Năm 1953-54, khi còn học lớp đệ thất tại trường trung học Ngô Quyền, Hải Phòng, thầy Pháp Văn dạy chúng tôi đọc “manh” (main) là bàn tay, “ma tanh” (matin) là buổi sáng, còn trong Nam thì đọc là “me” hay “ma te”. Không những chỉ bị học trò nhạo báng mà cả thầy cũng cười, thầy Ba bắt tôi phân tích mệnh đề “a-na-li-zê grammatical”! Trời ơi là trời! Tới giờ Pháp Văn của thầy Ba là như tôi sắp bị đem lên đoạn đầu đài, đó là lý do tôi trốn học.

Ngoài chuyện nhạo báng tôi dốt tiếng Pháp, nói “nẫ-nộn” hai chữ L và N (sau 1975 tôi lại cười đồng hương BK 75 của tôi), chúng còn dở thói vũ phu. Ngoài sau lưng tôi là các tên Nguyễn cài giấy vào lưng quần tôi

rồi châm lửa đốt, rồi chúng tuyên bố đốt pháo cột đuôi trâu như trong truyện Tàu cho ngư xung trận! Hận lắm nhưng đành ngậm miệng. Sau này khi tôi là Trâu Điền thực sự (TĐ2/TQLC), tay cầm súng “nục”, đi tìm chúng để trả thù, bắn cho nát mông thì chúng đã là lính Hải Quân, lính KQ có súng to và dài nên lại sợ, còn thằng nào về TQLC với tôi thì cùng tôi đi đánh nhau với VC.

Tôi vốn dĩ là dòng dõi con nhà nghèo, cái áo sơ-mi trắng bị chúng vấy mực tím loang lổ nhưng vẫn mặc, rách sau lưng mẹ chưa kịp vá cũng vẫn phải mặc đi học, những tên Nguyễn này đưa ngón tay vào móc cho rách thêm! Tôi đâu dám thưa thầy, giận tím gan mà đành mặc áo rách ra về, miệng lầm bầm chữ thề. Những tên này hiện nay đang ở Houston TX. Chúng tôi vẫn liên lạc với nhau, chữ thề rồi cười vang trong điện thoại.

Suốt thời gian đệ nhất tam cá nguyệt của niên học, tôi mất tinh thần, như một con cù-lần lúc nào cũng gục mặt xuống bàn ở cuối lớp học, đội sổ liên tục khiến ông anh vừa ký vào sổ học bạ vừa thở dài lắc đầu buồn bã!

Tôi cũng buồn lắm, nhưng dứt khoát là phải bỏ học thôi, có mấy thằng bạn hàng xóm ở hẻm 172 Lê Quốc Hưng Khánh Hội, Quận Tư, đã chỉ cách đi bán cà-rem hoặc theo bọn chúng ra bên Nhà Ròng bám theo dây leo lên boong các tàu buôn phá phách, cảnh sát Thương Khẩu bắt gặp thì tụi tôi sẵn sàng “bờ lông-nhông” xuống sông, chúng dậy cho tôi hút thuốc lá Craven “A”. Máu

du côn bến tàu Khánh Hội theo tôi vào lớp, không chịu làm con cù-lần nữa mà phải vùng lên để hy vọng “được” đuổi học.

Một buổi sáng, bước lên cầu thang mà lòng tôi nặng trĩu, giờ Pháp Văn đang chờ mà tôi thì có hiểu gì đâu! Đã vậy trong lớp lại có một thằng cùng họ Tô là Tô Văn Thành thì giỏi Pháp Văn nhất lớp, khi Tô Cấp đứng im lặng cúi đầu thì thầy Ba gọi Tô Văn Thành giảng cho tôi và cả lớp nghe. Tô này xấu hổ và giận lây sang Tô kia thì bỗng nghe có tiếng chọc ghẹo phía sau lưng:

- Ê, ê Bắc Kỳ ăn cá rô cây...

- Quê hương tao, Bắc Kỳ nhào vô quá nhiều, bên bờ ruộng, bên bờ ao chúng trồng rau “muốn”...

Như một cái máy, không cần biết người nói, người hát đó là ai, tôi vung mạnh cái cặc-táp về phía sau lưng và trúng mặt hắn. Tôi đang đứng ở bậc thang phía trên, tiện chân tôi đập vào ngực hắn, hắn lảo đảo xuống cầu thang và gãy mất một cái răng cửa nên sau này có biệt danh là “Thanh sún”. Tôi bị trình diện thầy tổng giám thị và thầy hiệu trưởng Nguyễn Văn Trương.

Tuy mới chỉ học lớp đệ thất thôi nhưng vì muốn “được” đuổi học nên tôi không còn sợ như trước nữa mà cãi lung tung, nào ngờ đã không bị đuổi mà các thầy còn bắt trò Thanh xin lỗi và hứa không được kỳ thi nữa. Nhưng để duy trì kỷ luật, hai chúng tôi bị “công-si-nhê”,

mỗi tháng được 2 hột vịt đựng trong hộp (0-0), sáng Chủ Nhật vào trường ngồi học 4 tiếng.

Kể từ sau ngày đánh lộn, tôi hết bị chọc ghẹo, chuyện kỳ thị Bắc-Nam không còn trong đám học trò nữa, chúng tôi chơi thân với nhau hơn. Nhờ đó, từ vị trí đội sổ, thứ hạng trong học bạ của tôi nhích dần lên và trụ lại ở hàng “top-ten”, rồi đậu Trung Học, Tú Tài 1, Tú Tài 2. Nếu như ở môi trường khác, không có tình thương và kỷ luật nghiêm minh thì có lẽ tôi đã trở thành đứa trẻ bụi đời ở bến tàu Khánh Hội, quận Tư, Sài Gòn rồi, làm sao có được niềm hãnh diện là cựu học sinh Petrus Ký để viết lại những kỷ niệm này.

- Con xin cảm ơn thầy Hiệu Trưởng, thầy Tổng Giám Thị và tất cả các thầy cô đã dạy con trong 7 năm trời, xin kính dâng những nén nhang lòng lên quý thầy cô đã quy tiên, xin kính gửi lời chào, thăm hỏi và nhắc đến những thầy cô mà đã gần 60 năm con vẫn chưa quên quý danh và hình dáng các thầy cô.

Thầy Pháp Văn Phạm Văn Ba là giáo sư tôi sợ nhất trong số các thầy cô vì lý do tôi rất dốt môn này, nhưng nhờ con trai của thầy là Phạm Thượng Chí (Chí Tây lai) khuyến khích tôi học thêm Pháp Văn tại gia mà sau này tôi khá hơn, biết chia vệc-bờ aller “ira, irong, irê”. Tuy nhiên tôi vẫn không hiểu tại sao cái cà-vạt của ông Tây thất cổ thì lại là giống cái “la”, còn cái “sắc” bà Đàm cảm tay thì lại là giống đực “le”?

Một kỷ niệm khó quên với thầy Ba mà có lẽ nó ảnh hưởng đến cái tính “tối dạ” của tôi sau này. Khi thầy bảo tôi dịch câu “table libre” ra tiếng Việt, mặc dù tôi hiểu nghĩa “table” là cái bàn, còn “libre” là tự do, nhưng không biết dịch ra tiếng Việt sao cho xuôi tai. Không lẽ lại dịch là “cái bàn tự do”! Nghe tôi trình bày, thầy nhú mày nói:

- Sao trò tối dạ thế, “cái bàn tự do” là cái bàn còn trống, chưa có ai ngồi, người nào muốn ngồi vào thì cứ tự do, có thể thôi mà cũng không hiểu.

Quả thực là tôi tối dạ và cho mãi đến bây giờ tôi vẫn còn tối dạ như thế, chẳng hiểu được lý do tại sao cộng đồng người Việt bị VC đuổi chạy té khói ra hải ngoại mà vẫn còn những người tai to, mặt lớn lòn tròn quý gói để xin chúng ban cho cái danh “Zit-Cừu iêulược”!

Môn Anh Văn có thầy Đồ và thầy Thái.

Thầy Đồ không cho học sinh nói tiếng Việt trong giờ học, thầy luôn luôn nhắc nhở muốn nói, hỏi cái gì thì giơ tay lên: “If you want, put your hand up.”

Mới chỉ bập bẹ “what is this? This is Jack, Jack is a boy, boy is a person, person is not an animal” thì làm sao biết nói bằng tiếng Anh câu muốn hỏi, thôi đành im lặng. Vì thế cho đến nay tôi vẫn nói tiếng Mỹ bằng tay!

Thầy Thái thì lúc nào đầu tóc cũng chải brillantine láng coóng, sắc diện luôn “hồng hào”. Học trò của thầy

phải viết lại tất cả những danh từ ở sau cuốn “Gème-bleu” và phân phiên âm quốc tế cong queo rồi thêm nghĩa tiếng Việt vào là thành cuốn tự điển của mình!

Dạy Sử Địa có 3 vị là cô Sâm hiền lành dễ thương, cô Thiên Hương trẻ đẹp, cô (bà) Dung không bao giờ cười, trò nào lên bảng cầm cục phấn vẽ con sông từ cửa sông trở lên nguồn là cô cho ăn hột-vịt muối. Khi phát bài thi, cô luôn gọi từ điểm thấp lên cao nên các trò hồi hộp ngồi chờ mong cô gọi tên mình cuối cùng.

Thầy Lê Trọng Phóng còn rất trẻ và phong lưu với áo sơ-mi gài mang-sét, thắt cà-vạt và đi cái xe đạp có cái vành sau cong-cong! Thầy chạy phía trước, trò đạp xe theo sau trên đường Hồng Thập Tự để xem cái bánh xe sau của thầy nó “lắc lắc” thật dễ thương.

Thầy Tạ Ký và thầy Thái Chí dạy Việt Văn, một lần trước giờ học của thầy Tạ Ký, tên Nguyễn Xuân Thanh (vẫn là nó) vẽ trên bảng đen một bao gạo với chữ “100 kg” thật to, khi vào lớp thầy đứng ngắm bao gạo rồi lắc đầu mỉm cười mà không thèm hỏi thủ phạm là ai, chắc hẳn là thầy hài lòng với lối khôi hài của đám học trò quý quái.

Thầy Thái Chí rất yêu trò và cũng thương chó, thầy ở độc thân trong một villa cũ kỹ gần trường trung học Kỹ Thuật Cao Thắng. Khi chúng tôi đến thăm thầy thì thấy có quá nhiều chó mèo, thức ăn và đồ phế thải vung vãi

khắp nơi, môi trường không được thơm tho nên vài trò có ý định “heo” thầy một tay, bèn hỏi:

- Sao không có ai dọn cứt... vậy thầy?

Thầy cười cười rồi bảo:

- Thầy mà dọn những thứ đó thì ai soạn bài để dọn cái đầu của mấy trò?

Câu hỏi vô duyên của trò được thầy giải đáp quá là văn chương và thâm thúy. Lúc đó tôi không biết lý do tại sao thầy sống độc thân mà lại nuôi nhiều pet. Nay thì tôi hiểu và chắc nhiều trò ở vào tuổi 60 cũng muốn theo gương thầy cũ, pet không bao giờ biết cần nhằn và trách móc, ngược lại thì...! Vì trong đặc san Petrus Ký 2000, cô (bà) Phượng có viết một đoạn như thế này:

-If your dog is barking at the back door and your wife is yelling at the front door, who do you let in first?

- The dog, of course, he will shut up once you let him in.

Quả là chí lý, không ai hiểu nhau bằng chính các chị.

Môn Lý-Hóa có thầy Đánh và thầy Đỉnh, cả hai thầy còn rất trẻ và đẹp-zai, hình như mới tốt nghiệp từ trường Đại Học Sư Phạm ở bên cạnh trường Petrus Trương Vĩnh Ký.

Thầy Đánh thì tóc tai mượt mà óng ả, miệng lúc nào cũng cười, còn thầy Đỉnh thì mốt hơn, mái tóc bông

bệnh, đôi bốt cao-cao, nghiêm nghị hơn, trò nghe tiếng giầy của thầy kêu “cộp-cộp” ngoài hành lang là ngưng đánh cờ ca-rô ngay, nếu để bị thầy bắt gặp thì thầy sẽ hỏi “HO2” là chất gì? Trò nào nhanh nhẩu đoảng thưa thầy đó là Nước (H_2O) là được thầy cho ăn 2 trứng vịt ung ngay. Thú thật cho đến giờ này tôi cũng không biết cái chất ký hiệu “HO2” là cái giống gì, có vẻ như viết tắt của chữ “2 hột vịt”.

Thầy Bích, thầy Giỏi, thầy Quý, thầy Sum lo về thể chất, tôi nhờ có đôi bàn tay biết “nâng” banh chính xác nên thầy Bích tuyển tôi vào đội bóng chuyên, buổi đầu thi đấu với trường Đại Học Dược Khoa, Petrus Ký thua liền 3 séc. Đội tuyển đá banh của thầy Giỏi có Phạm Huỳnh Tam Lang phòng thủ, Duy Toàn trung phong còn tôi thì nhờ kinh nghiệm lúc trước leo cửa sổ, trèo tường nhanh để trốn học giờ Pháp Văn nên thầy cho tôi chạy “tả biên và hữu biên ngoài” tức là biên ngoài, chạy ngoài sân để lượm banh.

Vị thầy đáng kính và quan trọng đối với lớp Đệ Nhất B chúng tôi là thầy dạy hình học Nguyễn Văn Bình. Thầy không giảng lý thuyết, cũng không bắt học trò trả bài, nhưng trò nào cũng phải cố giải cho được những bài toán ở trang sau cuốn toán “Le Bốt-Xê”.

Vừa vào lớp là thầy gọi một trò lên bảng giải bài toán mà thầy đã cho tuần trước, nhiều khi gặp bài toán khó, cả thầy lẫn trò cùng bóp trán suy nghĩ. Thầy thật bình dân

cùng trò tranh luận đúng sai, cuối cùng, nếu không có lối thoát thì lúc đó thầy mới mang bừa bới ra, đó là tập tài liệu phương pháp giải những bài toán khó do thầy biên soạn rất công phu và dự tính sẽ in thành sách sau này.

Ban B thi toán là quan trọng nhất, hệ số 3, đi thi Tú Tài mà làm trúng bài toán thì coi như kết quả đạt 50% đoạn đường. Học với thầy Bình không có vấn đề trúng tủ, vì thế kỳ thi Tú Tài 1B năm 1961, học trò lớp đệ nhị B1 của thầy đậu 95%. Đậu bình và bình thứ là những tên: Trương Bá Hùng, Trương Trung Nguyên, Trương Quang Tuấn, Cao Thanh Tòng, Lê Quan Trường, Phan Ngọc Khải, Trần Xuân Kiêm, Bùi Vĩnh Thạnh v.v..

Đậu hạng thứ gồm có: Tô Văn Cấp, Lê Đình Điền, Đinh Văn Hơn, Ngô Duy Khiêm, Lý Chi Lan, Lý Trần Tôn Thân, Lê Văn Kiệt, Nguyễn Thành Tư, Phan Chi Hảo, Trần Xuân Lộc, Nguyễn Hữu Nhất, Đoàn Văn Cháp, Đinh Văn Hòa, Phạm Đức Hòa, Nguyễn Tấn Hưng, Trần Văn Quây, Lâm Trường Thương, Đặng Chiếu Điện, Nguyễn Võ Kỳ, Lý Thành Phương, Trịnh Thành, Lê Văn Chiêu, Võ Thạnh Thời, Huỳnh Văn Ngày, Hoàng Luyện Huỳnh Hữu Duy Toàn (tên thật dài), v.v... Đến kỳ thi Tú Tài 2B năm 1962, lớp của thầy Bình đậu 98%

Tôi chỉ còn nhớ được bấy nhiêu thôi, trong số những người kể trên, có tên đã hy sinh ngoài chiến trường, ra đi vì bệnh (dù không hoạn), những người còn lại thì đang

từng bước từng bước thăm, không cần chờ “người yêu đến” mà từ từ tiến đến mục tiêu cuối cùng! Ước chi gặp nhau để ôn chuyện cũ. Nếu không, xin hẹn tất cả về tề tựu đông đủ vào niên khóa 2055-56, kỷ niệm 100 năm nhập học lớp đệ thất B1 (1955-56) dưới mái trường Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký, viết tắt là L.P.K.

Cháu chắt các bà Gia Long, Trưng Vương, Lê Văn Duyệt thường trù ẻo đám L.P.K là “Lũ Phơi Khô”, tưởng họ nói chơi cho vui, nào ngờ độc mồm độc miệng khiến ngày nay chuyện đã trở thành sự thật, đám L.P.K ngày xưa ấy, nay tuy mới bước vào tuổi lục thất tuần thôi mà trò Petrus Trương Vĩnh Ký nào cũng khô như cá mắm, khô cả thể xác lẫn tình cảm. Kẹt ở chỗ gia đình cụ Petrus Ký thường kết thông gia với gia đình các cụ Gia Long, Lê Văn Duyệt nên nếu chúng tôi bị “khô khan” thì không phải lỗi ở chúng tôi, hai họ cùng bị thiệt hại chung chớ riêng một mình ai đâu!

Tôi đứng tựa vào lan-can trên lầu, chỗ ngày xưa chúng tôi vẫn dựa trong giờ ra chơi, nhìn qua dãy lầu đối diện, nhìn xuống sân trường, những bộ đồng phục áo trắng quần xanh ngày xưa đi đâu cả rồi? Nay chỉ là một toán em nhỏ quàng khăn đỏ đang tập múa hát theo bản nhạc “Sóc-Băm-Bô”, bản nhạc tôi quá quen thuộc trong những ngày ở tù trên núi rừng Việt Bắc khiến tôi không còn hào hứng chụp những tấm hình như dự định, tôi đi xuống lầu, vòng ra cửa sau, cái cửa mà 60 năm về trước

chúng tôi chen chúc xô đẩy tranh nhau mỗi khi tan trường.

Bây năm ra vào cổng này mà nay tôi không còn nhận ra đâu là đâu! Tứ bề bị bịt kín bởi những căn nhà lầu của công nhân viên (?), không còn nhìn thấy khu trường đại học, trường Chu Văn An (cũ), không thấy thư viện Quốc Gia, sân vận động, bãi đất trống nơi các “vận động viên” của thầy Bích tụ tập ngón bò khô, đồ xí-ngầu-lắc, uống nước mía, nước đá nhận. Các bạn còn nhớ nước đá nhận là gì không? Nước đá bào thật nhuyễn, ấn vào ly cho chặt, nhỏ vào đó vài giọt xi-rô đỏ, vừa đi vừa mút là chúng ta có được đôi môi mọng đỏ, đâu cần phải len lén bôi tí son lên môi như mấy cô nữ sinh Gia Long, Trưng Vương, Lê Văn Duyệt khi đi học.

Hai hàng cây sao cao vút vẫn còn (may quá)! Vẫn thả những cánh hoa xoay chong chóng, nhưng những dãy nhà để xe đạp của học sinh không còn nữa mà là những dãy nhà lầu của ai (?). Từ những hàng cây sao vào tới chân tường các lớp học ngày xưa thì nay như bãi hoang với vài mái tôn ngả nghiêng trên những cọc gỗ xiêu vẹo!

Nhớ lại khu vực để xe, ngày xưa đa số là xe đạp, loáng thoáng một vài xe mobylette, solex, sash, torpedo, hồi đó chưa có xe honda, đây là nơi Bắc Kỳ tôi giải quyết ân oán giang hồ, thân cô, thế cô nên tìm cách phục kích “lũ ác ôn”, kẻ yếu trừng trị kẻ mạnh. Chỉ một cây kim băng thôi, đi nhẹ một đường “nhất kim chi” là khi

tan trường, tôi có quyền nhếch mép mỉm cười nhìn địch thủ nhăn nhó đẩy xe vô-lô xì-lốp đi vá. Thế võ này gọi là “vô-lô xì-lốp” được mang từ Liên Xô về.

Bây giờ họ không cần nhà để xe nữa, tận dụng lề đường mặt tiền nhà trường làm bãi để xe, còn bộ hành, khách đi đường thì phải đi dưới đường là đúng rồi chớ tại sao “khách đi đường” lại đi trên vỉa hè? “Kách mệnh” là như thế!



Tầng 2 bên tay trái là phòng sinh hoạt Hiệu Đoàn

Trước khi trở về thăm trường, trí tưởng tượng của tôi vẫn là ngôi trường nguy nga nằm trên đường Cộng Hòa

với những cậu học trò áo trắng quần xanh, mang trên nắp túi áo “anh-xin” bản đồ nước Việt Nam, cây viết và văn bằng cuộn lại, đẹp hơn huy hiệu hình hoa mai vàng nhiều. Những hình ảnh quen thuộc đáng yêu làm tôi háo hức nôn nóng phải về thăm trường cũ như đứa con xa nhà lâu ngày mong về thăm cha mẹ hay lãng mạn một tí, cậu Petrus Trương Vĩnh Ký đi du học Mỹ mong về để thăm người yêu. Nhưng thật buồn như khi người thân đã mất, trường Mẹ bị bệnh nan y! Thực ra ai cũng đoán được điều đó nhưng mong quá hóa ảo.

Kính thưa quý thầy cô, thưa các huynh trưởng cùng các bạn đồng môn

Có nhìn tận mắt mới thấy xót xa và sự phục hồi sức khỏe cho trường Mẹ là cần thiết. Những ai đã từng dạy và theo học tại ngôi trường này, dù lâu hay mau, dù thành đạt hay chỉ là những công nhân, quân nhân, dù xu hướng chính trị khác nhau nhưng mọi người đều phải có trách nhiệm ít nhiều về cái tên trường “Petrus Trương Vĩnh Ký”.

Một lời kêu gọi, nhiều người hưởng ứng, một chữ ký đòi lại tên trường sẽ có ngàn ngàn chữ ký tiếp theo, cho dù người đối thoại với chúng ta luôn luôn mang máy trợ thính với cái nút nghe lúc nào cũng vặn về OFF, nhưng rồi có lúc máy nghe cũng phải hết pin, chắc chắn trong tương lai, chúng ta lại được gọi tên Người. Lúc đó thầy mang hộp sơn, trò cầm cây cọ, chúng ta cùng về sơn lại

mái trường, xóa cái tên “Hong Phong”, trả lại tên trường là Trương Vĩnh Ký.

Một tập thể chỉ có thầy cô và cựu học sinh Petrus Ký, không có ông nọ bà kia, không có anh Năm chị Sáu, không có ông trưởng bà phó, chỉ có tiếng kêu cứu của thầy và trò thì sẽ vọng lên tới Thiên Đình. Tin tưởng vào lòng người, nào xin mời quý thầy và đồng môn hát: *“Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đường. Kiếm nguồn tươi sáng. Ta nguyện đồng lòng điếm tô non sông. Từ nay ra sức anh tài. ..”*

Lời cuối xin quý thầy cô và đồng môn tha thứ cho những lầm lỗi và thiếu sót, xin gửi lời thăm và nhớ lại “những ngày xưa thân ái”./.

Trường Petrus Trương Vĩnh Ký
Niên Khóa 1955-1962

SU-HUYNH-ĐỆ PETRUS KÝ



Tên là hình chụp các Su-Huynh-Đệ trường Petrus Trương Vĩnh Ký (Petrus Ký) trong buổi họp mặt vào ngày 7/2/2015 để kỷ niệm 40 năm tị nạn, để Su-Huynh-Đệ gặp gỡ nhau và nhắc với nhau rằng dù cho cuồng “phong” gió chướng đã thay tên đổi họ ngôi trường thân yêu nhưng tinh thần tôn sư trọng đạo, tinh thần Petrus Ký vẫn mãi mãi trường tồn. Tinh thần ấy thể

hiện ngay trong hình, các sư ngồi trước, huynh đứng sau và sau nữa là các đệ.

Hằng năm hội Petrus Ký Nam California đều tổ chức buổi họp mặt giữa thầy, cô, và các trò. Lần họp mặt kỷ niệm 40 năm ngày 7-8/2/2015 cũng do hội Petrus Ký Nam California tổ chức nhưng là ngày họp mặt của toàn trường Petrus Ký ở hải ngoại nên có sự tham dự của rất nhiều thầy cô và trò từ các tiểu bang khác về, từ Canada, Pháp, Úc và Đức. Một điều rất có ý nghĩa đối với thầy cô và ấm lòng tình huynh-đệ là có sự tham dự của các trò chỉ học được một năm Đệ Thất Petrus Ký và những trò khi bước chân vào thì trường đã bị thay tên đổi họ, nhưng các đệ vẫn hãnh diện đeo huy hiệu Petrus Ký, áo trắng quần xanh với hàm ý: “**Đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thay cường bạo.**” Tình Sư-Huynh-Đệ Petrus Trương Vĩnh Ký đối với nhau như bát nước đầy.

Phải nói thực là trong các buổi họp mặt trước và trong ngày kỷ niệm 40 năm, tôi chưa bao giờ được gặp các thầy cô đã trực tiếp dạy dỗ từ đệ thất tới đệ nhất, từ thầy Phạm Văn Ba dạy Pháp Văn tới thầy Nguyễn Văn Bình dạy hình học, thầy Đảnh, thầy Đính, cô Ngà, cô Sâm, cô Dung, cô Hồng, cô Thiên Hương, thầy Thái, thầy Đồ dạy Anh Văn, thầy Thái Chí, thầy Tạ Ký, thầy Trần Thượng Thủ (TTT), thầy Bích tóc bạc dạy thể dục v.v..tôi cũng không gặp bạn nào cùng lớp 7B-IB (55-62), ngày xưa, họ là những trò chỉ thua có ma quỷ, (*nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò*). Một số các trò ấy đã nằm lại trong các trại tù VC miền Thượng Du Bắc Việt, một số

đã hy sinh trên chiến trường, các bạn tôi đã trở thành người thiên cổ, những người còn lại thì không biết ở nơi đâu! Có lúc tôi cảm thấy như cô đơn giữa đám đông, nhưng nhờ có mẫu số chung Petrus Ký nên tôi hòa nhập cùng huynh-đệ rất nhanh và thân tình.

Vui ngay từ cửa vào, nơi bàn tiếp tân, những “bông hồng” chúm chím cười chào mừng huynh-đệ và nhỏ nhẹ: “Xin huynh cho biết quý danh”. Được hoa hồng hỏi tên thì đầu con tim là sắt đá cũng phải mềm, dù cao niên như đại huynh Bò Đại Kỳ, trẻ tuổi như đệ Vũ Hùng Đức (Germany) cũng riu riu vâng lời những người đẹp ngay. Đẹp người, dĩ nhiên, nhưng đẹp nét mới “chết người”, vì các chị chỉ là một “nửa” Petrus Ký mà hết lòng với huynh-đệ thì nửa còn lại kia làm sao mà thiếu lửa được, các bạn trẻ trong ban tổ chức nhiệt tình là vì thế.

Tuy chỉ là một nửa Petrus Ký nhưng các bông hồng đó mới chính là nhân tố quyết định thành công trong bất cứ lãnh vực nào. Nhờ các chị mà chương trình văn nghệ được thanh sắc vẹn toàn do sự tiếp tay từ những vườn hoa, rừng hoa Gia Long, Lê Văn Duyệt, Trưng Vương (*các trường nữ trung học công tại Sài Gòn trước 1975*), v.v..., không ngôn từ nào nói cho đủ những nét hay đẹp ngày nay và những kỷ niệm đáng quý ngày xưa, tôi chỉ biết gật gù tấm tắc:

- Hay, hay, thật là hay.

Trở lại chuyện tôn sư trọng đạo, trong bài viết “Mi Sinh Tiên, Tu Sinh Hậu” nhân dịp họp mặt tất niên 2013, tôi đã nói là dưới mái trường chỉ có THẦY CÔ và trò,

mọi thứ sĩ đều là trò, mọi thứ sĩ đều phải cúi đầu trước thầy cô, và trong buổi họp mặt kỷ niệm 40 năm này vẫn thế. Sau khi các trò, mọi thế hệ, đứng sau lưng thầy cô để chụp hình lưu niệm rồi về chỗ thì tôi đã chứng kiến một nghĩa cử đẹp mà chỉ có bậc thầy mới làm được, đó là thầy đến chào trò.

Các trò này đã ra trường từ những năm 1947-48, đã là những sĩ quan, công chức cao cấp trong quân đội và xã hội và dĩ nhiên các trò này cao niên hơn các thầy cô. Các trò này đã râu tóc bạc, da mồi, hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay, nhưng các đại huynh vẫn về đoàn tụ dưới mái trường, vui vẻ an phận ngồi “chiếu dưới” và một cử chỉ thật đẹp khi Thầy Nguyễn Thanh Liêm từ “chiếu trên” đi xuống tận bàn dưới chào các trò, “bàn trưởng” là đại sư huynh Bồ Đại Kỳ, tục danh “Bỳ Đại Kờ” vội đứng dậy thay mặt đồng môn cảm ơn và chúc thọ Thầy, chúc Thầy Nguyễn Thanh Liêm chứ không phải chúc ông Thứ Trưởng

Tiết mục chính, quan trọng, không thể thiếu trong các buổi họp mặt dưới mái trường, dù là Trung Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt, Trần Lục, Võ Tánh, Võ Trường Toản, Chu Văn An v.v.. vẫn là tiết mục các trò chúc thọ, tặng quà lưu niệm đến thầy cô. Ngày xưa trên ghé nhà trường, trò được thầy cô săn sóc kỹ, bắt trả bài khiến nhiều trò lười lo sợ ứa nước mắt vì sẽ bị lãnh “0-0”, biểu tượng của “yêu cho roi cho vọt”. Ngày nay, nơi hải ngoại, chính thầy cô lại ứa nước mắt cảm động khi được các trò tặng một bông hồng, một huy hiệu, những

biểu tượng của “tôn sư trọng đạo, tiên học lễ hậu học văn”.



Đại huynh kính lão, râu bạch kim Bồ Đại Kỳ, và các bạn đồng lớp

Cùng thời khắc này, năm 2015, dưới những mái trường xưa mà chúng ta học, thì nay, ở đó, ở “thiên đường XHCN” đâu còn gì là tôn sư trọng đạo mà chỉ thấy: “Đạo đức cương thường đảo ngược ru!” trò đánh thầy, tát cô, trò đánh trò, nữ sinh lột trần, đánh nhau giữa đường phố, nam sinh tay cell phon quay phim để tung lên internet. Trong “cạc-táp”, thay vì sách vở thì là dao nhọn, ma túy, đúng là “xếp bút nghiên theo việc binh đao”, binh đao ngay trong lớp học, trong sân trường, ngoài đường phố. Lời ca “học sinh là người Tổ Quốc mong cho mai sau” thì không cần chờ đợi đến mai sau mà ngay thời điểm này, “tổ cuộc” Xã Hội Chủ Nghĩa là

“tổ cò”, là cả lò Xuống Hồ Cả Nút. Thật là đau lòng con cuốc cuốc.

Trong ngày kỷ niệm 40 năm, ngoài việc trò tặng thầy cô quà lưu niệm thì các trò tặng quà cho nhau, hay đúng hơn là các đệ tặng quà cho huynh, gói quà quá ý nghĩa là những chiếc áo “pull” trắng thêu huy hiệu Petrus Ký.

Để chứng minh việc huynh-đệ tặng quà cho nhau là có thật, biết rằng “cái tôi là cái đáng ghét”, nhưng xét cho cùng thì điều đáng trọng, đáng nói là ở người tặng chứ không thuộc về người được nhận là tôi:

Ngày Thứ Bảy 7 tháng 2/2015 là ngày họp mặt Thầy-Trò Petrus Ký thì cũng là ngày tôi được mời đến San Diego CA để họp mặt giữa 3 đồng đội cũ của Tiểu Đoàn 2 TQLC (Trâu Điên) ngày xưa (1968) gồm Đồ Sơn, Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng, Đại Úy Cố Vấn Mỹ John Sheehan (nay là tướng 4 sao Hoa Kỳ), và tôi, Đ/Úy Đại Đội Trưởng, nhân dịp ông Sheehan, đến San Diego chủ tọa buổi lễ hạ thủy một chiếc tàu. Đây quả là một cuộc hội ngộ khá lý thú, khó có lần thứ hai để ôn chuyện đơn vị cũ, chiến trường xưa, chiến trường ở mật khu Cầu Khởi, Bời Lời, Tây Ninh, nơi mà cả 3 chúng tôi “sống lại” trong khi có tới 5 cố vấn và quân nhân Mỹ bị thương và tử thương, một cuộc tái ngộ khó mà từ chối, nhưng vì đã hứa trước với Petrus Ký nên tôi đành xin lỗi Đồ Sơn và Mr John Sheehan để đến họp mặt 40 năm cùng Su-Huynh-Đệ.

Khi tôi vừa vào thì được một bạn trẻ đến nhận diện và dẫn tới một nơi yên tĩnh hơn. Ở đó tôi được gặp hơn

10 “chàng trai nước Việt”, các em tự giới thiệu là Petrus Ký niên khóa 1968-1975, muốn được tặng quà cho tôi. Một em nói:

- Năm 1968, chúng em mới bắt đầu bước chân vào lớp Đệ Thất Petrus Ký thì đã thấy các anh lính “Trâu Diên” chạy tới chạy lui quanh trường Petrus Ký và đánh đuổi VC trong Chợ Lớn trong trận Mậu Thân 1968, khiến chúng em cảm phục. Sau này đọc báo mới biết có anh trong đoàn quân đó và anh cũng là một Petrus Ký làm chúng em càng hãnh diện hơn, nên nhân dịp họp mặt 40 năm, chúng em xin tặng anh chút quà làm kỷ niệm.



*Các cựu học sinh trường Petrus Ký
niên khóa 1968-1975*

Tôi vô cùng ngạc nhiên, quá ngạc nhiên rồi cảm động đến nỗi trợn mắt, ghen họng không nói lên được một lời! Khi các em còn là học trò “thò lò mũi”, vừa mới bước chân vào lớp Đệ Thất thì tôi đã là lính “Trâu Điên” với 4 năm thâm niên lăn lộn trên khắp mọi chiến trường, từ cầu Bến Hải đến mũi Cà Mau, lên Cao Nguyên, xuống đồng bằng nên chúng tôi chưa hề gặp nhau, chưa hề biết nhau, vậy mà sao các em biết tên tôi rồi tặng quà? Tôi đã được Quân Đội tặng thưởng huy chương, nhưng mỗi huy chương là một lần đổ máu và nước mắt. Năm ngôi sao đỏ (Chiến Thương Bội Tinh) là tượng trưng cho 5 lần “đạn đi qua người tôi”. Nhưng tôi chưa hề giúp các em bất cứ điều gì, chưa hề quen biết mà các em tặng quà là điều khó tin.

Bỗng dung các em biến tôi thành chú bé con “*Bác Kỳ di cư 1954*” mà dám vào học lớp Đệ Thất Petrus Ký, giống như một con cừ non run sợ giữa “đàn sói”. Nay đứng bên các bạn trẻ, nếu ai tinh ý thì sẽ thấy một ông già 75 đang thẹn thùng, lúng túng, 10 ngón tay cứ xoắn vào nhau như con dâu mới đứng trước mặt mẹ chồng (thời xưa). Quả thật tôi thấy bé nhỏ trước tấm lòng rộng lượng của các em. Tôi gọi họ là “các em”, nhưng thật ra họ đã là những thanh niên, những ông ở độ tuổi 58-60 với những chức tước “sĩ & sư” ngoài xã hội. Thấy tôi cứ lí nhí bồi rối về món quà thì một em khác trấn an với lời lẽ chân tình:

- Mong anh chớ quá bận tâm về món quà của chúng em. Như Nguyễn Cao Cường đã nói, chúng em muốn làm một điều gì đó có ý nghĩa nhân ngày kỷ niệm 40 năm. Chúng em có được ngày hôm nay, một phần cũng nhờ vào sự hy sinh cao cả của các anh để chúng em được an tâm việc sách đèn. Những năm thời trung học của chúng em gắn liền với các biến động lớn và chiến tranh ở VN, nhất là năm 1968 khi các em mới vào Đệ Thất thì VC tấn công vào Saigon và các anh đã đem thanh bình trở lại cho Thủ Đô. Một lời cảm ơn gửi đến anh cũng như các chiến sĩ trong quân lực VNCH là việc phải làm dù có muộn màng.

Em và Cường đã đọc rất nhiều bài viết của anh, từ những chuyện trong thời chinh chiến, đến chuyện ngày nay, chuyện cộng đồng kể cả các bài viết về gìn giữ tiếng Việt của anh. Em và Cường cảm thấy được tấm lòng của anh trong các bài viết đó cho nên mới có “Cảm Phục và Ngưỡng Mộ”.

Thưa anh, việc chúng em đường đột đến làm phiền anh trong buổi họp mặt này bắt nguồn từ những bài anh đã viết. Tuy chưa được hân hạnh gặp anh, nhưng qua những gì anh viết, em và bạn Nguyễn Đình Anh rất cảm phục và ngưỡng mộ sự hy sinh quá lớn lao của anh và gia đình anh cho đất nước khi ở quê nhà. Sang đến đây, nơi đất khách quê người, và cũng phải chật vật như mọi người khác để lập lại cuộc đời mới thế mà anh vẫn không quên những bạn đồng đội Thương Phế Binh bên

quê nhà. Những hành động này làm chúng em ngưỡng mộ anh và là niềm hãnh diện cho trường cũ Petrus Ký.

Cuộc họp mặt có cái tên là kỷ niệm 40 năm vô tình trùng với thời gian niên khóa 68-75 chúng em tốt nghiệp trung học nên có đông các bạn cùng khóa quyết định cùng đi. Vì cái tên của cuộc họp là kỷ niệm 40 năm nên bạn Nguyễn Đình Anh và em có suy nghĩ là nên làm gì cho có ý nghĩa. Hai đứa em quyết định là không có gì hay hơn là cảm ơn các đàn anh đã hy sinh xương máu bảo vệ đất nước để các em được yên lành nơi hậu phương, thụ huấn các thầy, cô ở Pétrus Ký để có được ngày nay. Hơn nữa, việc cảm ơn các thầy cô thì năm nào cũng có, nhưng cảm ơn đàn anh thì em chưa thấy nên cũng muốn trường mình tạo một truyền thống.

Tụi em làm cái plaque xong rồi thông báo cho tất cả các bạn cùng niên khóa xin ý kiến, mọi người lên tiếng tán thành. Tóm lại, việc này là từ lòng cảm phục một đàn anh đã và đang làm khiến hậu bối chúng em ngưỡng mộ.

Đại diện nhóm cựu học sinh L. Petrus Ký 68-75

- Arizona: Nguyễn Cao Cường
- Bắc California: Nguyễn Đình Anh, Tôn Trương Văn, Phan Tấn Bằng, Nguyễn Đại Anh Minh, Võ Thanh Sơn, Nguyễn Trung Quân
- Nam California: Ngô Quang Hiến, Vũ Duy Quang, Bùi Thanh Sơn

- Houston: *Phạm Thu Đôn*
- Colorado: *Võ Bá Hải*
- Maryland: *YsaCosiem*
- Germany: *Vũ Hùng Đức*

Sau lời nói chân tình và món quà của các đệ Petrus Ký 68-75 thì người viết không còn bất cứ ngôn ngữ nào để nói thêm. Món quà là một tấm plaque trên đó in bản đồ Việt Nam và Quốc Kỳ VNCH, đây là hai biểu tượng mọi người VN phải bảo vệ, nhưng tôi đã không làm tròn nhiệm vụ. Tuy các em trẻ hơn tôi, thấp hơn tôi nhưng “cái đầu” các em cao hơn tôi, già hơn tôi nên các em đã tặng một món quà quá thâm thúy khiến tôi chỉ còn có thể “lí nhí” nói lời cảm ơn.

Tấm lòng và nghĩa cử của các đệ là tấm gương sáng cho tôi soi lại chính bản thân mình./.

*Nói Với Tuổi Trẻ
Sau 44 Năm Tỵ Nạn*



Trong bài viết về “Trâu Điền Và Cố Vấn Mỹ” đã được phổ biến, tôi có nhắc đến trận đánh ngày 14-17/9/68 ở mật khu Bời Lời, Tây Ninh, trong trận này có tới 2 cố vấn Mỹ bị tử thương và 2 bị thương, lúc đó Đại Úy Sheehan, là cố vấn trưởng Tiểu Đoàn 2/TQLC, sau này ông ta về Mỹ và lên tới cấp tướng 4 sao. Một bạn cùng đơn vị cũ đọc xong bài viết bèn gửi email cho tôi, nửa đùa nửa thật như thế này:

- Hồi đó, 9/1968, ông Sheehan là đại úy cố vấn, sau này ông ta lên tới tướng 4 sao và là Tư Lệnh..., còn bạn lúc đó là đại úy đại đội trưởng, sau vào tù CS rồi ra đi HO thì nay bạn làm được cái “thông chế” gì chưa, hay vẫn là tư lệnh “NATO”?

Tôi hiểu ý bạn tôi viết chữ “NATO” trong ngoặc kép là muốn ám chỉ “No action, talk only” (không làm, chỉ nói), bạn ấy muốn chọc quê tôi có làm được chuyện gì ra hồn đâu mà chỉ nói thôi. Tôi thấy đúng quá và vui vì cách gán ghép này nên email hồi âm:

- Bị đi tù thì làm sao là tướng, nhưng nhìn thế hệ thứ hai làm tướng là sướng rồi.

Trong chỗ bạn bè đơn vị cũ, chiến trường xưa, chúng tôi thường nói những câu đùa vui để nhớ về dĩ vãng, nhớ về “thời oanh liệt ấy nay còn đâu”! Tuy rằng đường binh nghiệp nửa đường gãy gánh, tuy không được làm tướng, nhưng an ủi nhau rằng trước sau gì cũng là “Anh Sáu”.

Ngày xưa trong quân đội, chỗ thân tình anh em, chúng tôi thường gọi những vị đại tá mà chúng tôi kính trọng là “Anh Sáu”, nhưng nay, sống đời tỵ nạn, người lính trẻ nhất cũng lục tuần, chúng tôi đang sắp hàng tấn công lên đồi, nên “anh sáu” còn có hàm ý là sáu tám. Trước khi làm anh sáu, được mặc áo quan thì hãy ôn lại với nhau, sau 44 năm tỵ nạn, chúng ta đã làm được những gì hay chỉ nói thôi?

Mau thật, thế mà đã 44 năm rồi đấy, kể từ ngày “gãy súng”, đã quá nửa đời người rồi mà sao tôi thấy mọi chuyện cứ như mới xảy ra ngày hôm qua.

“Hôm qua”, ngồi trong Trung Tâm Hành Quân Thủy Quân Lục Chiến tại căn cứ Non Nước Đà Nẵng thì tôi nhận được tin Đại Úy Tô Thanh Chiêu tử trận và mất xác tại bãi biển Thuận An!

“Hôm qua”, lúc 6 giờ 30 sáng, các Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc, Đỗ Hữu Tùng, Thiếu Tá Trần Văn Hợp và tôi cùng đứng bên bờ biển Non Nước, chia nhau điều thuốc, ngậm cafe đựng trong cái ca nhôm nhà binh, cafe không đường cộng với khói thuốc khiến miệng chúng tôi đang đắng càng đắng thêm.

“Hôm qua”, sau khi nghe “Đại Tướng Tổng Tư Lệnh Quân Đội” ra lệnh bắt chúng tôi buông súng , thì tại Trung Tâm Hành Quân trong căn cứ Sóng Thần Th ủy

Quân Lục Chiến ở Thủ Đức, từ anh cả Tango đến chú út đều nuốt nước mắt than thầm:

- Mất nước, nhà tan rồi!

“Mất nước là mất tất cả”, mà thời gian trôi qua quá nhanh, “hôm qua và hôm nay”, cách nhau 44 năm mà như chỉ là “24 giờ phép, 4 giờ đi lại thêm 4 giờ về” nên chúng tôi, những cựu quân nhân có làm được gì đâu! Sau những năm tháng tù đày và “kéo cày” trên mảnh đất tạm dung đầy sỏi đá về sức và ngôn ngữ, nên còn chút hơi để thở, để nói, “talk only” là quý lắm rồi. Chúng tôi nói với chính mình, nói với các bạn đồng minh và nói với con cháu, gọi là thế hệ thứ hai, thứ ba.

Nói Với Chính Mình:

Ai đã từng là quân nhân, đã đội trên đầu câu: “**TỔ QUỐC, DANH DỰ, TRÁCH NHIỆM**”, đã đưa cao tay thề nơi vũ đình trường thì thời gian, không gian nào, dù “giấy rách cũng phải giữ lấy lề”, nên đại đa số các cựu quân nhân đã, đang và sẽ cùng với cộng đồng người Việt tị nạn xây dựng một xã hội mới. “Chúng ta đi mang theo quê hương” nên từ văn hóa, chính trị, kinh tế đang lớn nhanh trên đất tạm dung này.

Những cộng đồng gốc Á Châu khác, họ đã đến Mỹ hàng trăm năm trước, đến từ lúc làm công nhân đường rầy xe lửa cho người bản xứ đi tìm vàng nên họ có China Town, Korean Town, Japan Town v.v... Chúng ta vừa

mới chân ướt, chân ráo đến đây trong hoàn cảnh chạy giặc mà Quốc Kỳ VNCH đã tung bay khắp nơi, đã có Little Saigon, tuy chưa nhiều, nhưng rồi sẽ có. Mua một căn nhà cũng cần thời gian 30 năm mới trả xong nợ, vậy mà chỉ mới có 44 năm mà chúng ta đã xây dựng được một cộng đồng người Mỹ gốc VN như thế là đáng hãnh diện rồi. Mỗi người tị nạn xin xét mình để góp sức vào sự thành công này.

Nói Với “Đồng Minh”:

Thành phần phản chiến đi với tuyên truyền của VC đã khiến một số người dân, giới chức Hoa Kỳ, hiểu lầm về cuộc chiến đấu chính nghĩa của chúng ta và hậu quả xảy ra là những gì thì ai cũng biết rồi, nhưng điều nguy hiểm hơn nữa là sách báo nói láo của VC tiếp tục đi vào quần chúng Mỹ.

Biệt Động Quân Vương Mộng Long, ghi danh học lớp History 274 “U.S. and Vietnam” với mục đích tìm hiểu xem cuộc chiến tranh vừa qua đã được các sử gia Mỹ ghi chép lại như thế nào? Từ đó, hy vọng biết được phần nào, nguyên nhân vì sao, giữa đường Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam? Vì sao chúng ta đã thua trận?

Chẳng may Long gặp phải ông giáo sư dạy Sử phản chiến, mỗi khi nói tới phong trào Việt Minh, ông ta ca tụng HCM như một lãnh tụ. Ông ta chỉ nói những phần có lợi cho VC. Đã có đôi lần BÐQ Vương Mộng Long

giơ tay nêu ý kiến, thì ông cười, chỉ tay vào quyển Sử: “Book said!” Với quyết tâm nói cho “đồng minh” biết sự thật, Long đã trình bày cho ông nghe những gì Long sống và chiến đấu. Cuối cùng ông giáo sư bắt tay BĐQ và nói: *“Thưa người chiến binh, Ông vừa lập một chiến công.”*

Vì vậy, mọi công dân VNCH, mọi nơi, mọi lúc, nên nói và phải nói cho các bạn “đồng minh” biết sự thật. Có nhiều người đã, đang làm điều đó, dù công khai hay âm thầm, từ trường học đến sở làm và kết quả rất đáng mừng, người hiểu lầm đã dần tỉnh ngộ.

Đã có nhiều người Việt tị nạn nói với “đồng minh” cho họ hiểu sự thật về cuộc chiến VN, vì sao chúng ta có mặt tại đây. Tôi xin nêu ra một vài trường hợp cụ thể:

Người đồng minh Hoa Kỳ từng chiến đấu bên cạnh quân đội VNCH thì sau 44 năm họ càng gắn bó thêm với đơn vị xưa. Một tấm hình thay cho ngàn lời nói, tấm hình các cựu quân nhân Hoa Kỳ sát cánh cùng các cựu BĐQ/VN giương cao Quốc Kỳ Việt Mỹ trong buổi họp mặt hằng năm mà họ gọi là:

“Together Then Together Now”.

Với Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam thì các cựu cố vấn Mỹ, trong đó có các Đại Úy Sheehan và Hoar, sau này cả hai ông đều là đại tướng 4 sao. Họ và TQLC/VN chúng ta vẫn “nói” với nhau qua emails, qua điện thoại

nên càng ngày họ càng hiểu và nể phục TQLC, nói riêng, và quân đội VNCH nói chung. Thomas Campbell, cựu cố vấn TĐ2/ TQLC sau khi về Mỹ, dạy môn lãnh đạo và chỉ huy tại Đại Học Austin Texas và viết sách. Trong tựa đề một cuốn sách, Đại Tá hồi hưu Thomas Campbell đã nói về các TQLC / VN như Lê Hằng Minh, Nguyễn Thế Lương, Ngô Văn Định, Nguyễn Xuân Phúc là “My best teachers”, ông Thomas viết như sau:

In November 1965 when I was assigned as an advisor to the Vietnamese Marines. I thought that I would make them better Marines, but in the final analysis they made me a better Marine. I learned things from them that are not taught in American military schools. My best teachers were Major Le Hang Minh, Major Nguyen The Luong, Major Dinh Van Ngo, Captain Nguyen Xuan Phuc

This is the story and the lessons.

*Co van My
Tom Campbell
Austin, Texas.*

Nói Với Tuổi Trẻ.

Nói với chính mình, nói với “đồng minh” chỉ là để ôn chuyện cũ, “giấy rách phải giữ lấy lề”, còn nói với thế hệ thứ hai, thứ ba mới là chuyện quan trọng, chuyện tương lai cho cộng đồng Việt trên đất tạm dung hay cho chính quê hương VN không còn VC.

Khi người bạn gọi tôi là thành viên “NATO”, tức là nói mà không làm, là “nỏ” thì tôi trả lời rằng chỉ cần nhìn thế hệ thứ hai làm tướng là sướng rồi, đó là Tướng Lương Xuân Việt.

Truyền thông đã nói nhiều về vị Tướng gốc Việt đầu tiên này rồi nên tôi không cần nói gì nữa, nếu cần tôi chỉ xin nói thêm : thân phụ của Tướng Xuân Việt là Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam (TQLC), Thiếu Tá Lương Xuân Đương đã nói với con bằng chính hành động của mình, của một người lính.

TQLC Lương Xuân Đương đã “đi xa”, không thể đến tham dự ngày vui của con, và Tướng Lương Xuân Việt cũng không còn dịp để kính t ặng cha nụ cười hạnh phúc. Bù lại, đã có các TQLC khác , Lạt Ma, là đồng đội của bố, đến chúc mừng và nói với Việt: “Con hơn cha là nhà có phúc.”

Tướng Mỹ tên Việt gốc Việt hạnh phúc, cười vui mãi nguyện khi thấy các bộ quân phục TQLC/ VN của bố đến tham dự ngày Việt lên tướng.

Một tuổi trẻ khác nữa là Đại Tá Paul Choate , cháu ngoại của người phóng viên chiến trường Trương Tấn Bảo, đã bị VC giết trong Tết Mậu Thân.

Một vài thí dụ cụ thể nữa về thế hệ thứ hai đã noi theo gương cha.

Giấc mơ của anh Trương Khương khi còn là SVSQ trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam là được tuyển chọn đi học trường Võ Bị West Point Hoa Kỳ như một vài đồng môn khác, nhưng lực bất tòng tâm. Vì thế, sau khi định cư tại Hoa Kỳ, Trương Khương đã khuyến khích các con vào trường quân sự này. “Hồ phụ sinh hồ tử”, Trương Vũ và em gái là Trương Nha Trang đều tốt nghiệp West Point, còn Trương Quân tốt nghiệp Air Force Academy. Bố lính Việt, con lính Mỹ, cả gia đình là đồng minh Mỹ-Việt đề huề.

Lời chúc của cháu với danh tính đã ghi rõ ràng là : “Tăng Khôi Nguyên” , tên đã đẹp mà hình dáng thì lại càng khôi ngô tuấn tú với bộ quân phục oai phong của quân đội Hoa Kỳ . Con số 23/2 nói rằng cháu là thế hệ thứ hai của cựu SVSQ /VB Khóa 23: Tăng Khải Minh . (*Vì Minh lái xe tank nên bạn bè đổi họ Tăng sang Tank.)

Ngoài những sĩ quan Mỹ gốc Việt trên đây, chúng ta còn rất nhiều thế hệ thứ hai trong quân đội Hoa Kỳ với nhiều cấp bậc và chức vụ khác nhau, trong đó có con

cháu của những TQLC Đoàn Trọng Cảo, Nguyễn Văn Diễn, Phạm Văn Tình, Nguyễn Phước Ái Đình, Không Quân Võ Phi Hồ v.v.. đã đang phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ, hoặc đã giải ngũ để tiếp tục con đường học vấn tốt nghiệp ngành y và đang phục vụ trong các bệnh viện . Bác Sĩ Quan Văn Lộc , con Bộ Binh Quan Văn Kính , là một thí dụ điển hình.

Người Việt tị nạn CS nói chung và đại gia đình quân đội nói riêng, cần có một thống kê về số con em gia nhập quân đội Hoa Kỳ, cần có và phổ biến tài liệu về những quân nhân Mỹ gốc Việt đã hy sinh trên chiến trường. Đó là những trang sử oai hùng, những thành tích hào hùng đáng ghi nhớ của người Việt trên đất Mỹ sau 44 năm tị nạn. Tôi đề nghị Hội Quân Nhân Mỹ Gốc Việt, trong đó có các luật sư đang hành nghề vốn là các cựu quân nhân, nên lưu ý đến trang sử này.

Ngoài những đóng góp về quân sự, còn có biết bao con cháu chúng ta tham gia và thành công trong nhiều ngành nghề khác nữa. Có rất nhiều “quan tòa” và luật sư gốc Việt mà truyền thông nhắc tới, nhưng cũng có những luật sư âm thầm làm việc nghĩa, tôi xin đơn cử một vài trường hợp.

Anh chị KQ Joseph Đàm-Kim- Anh-Tô mời tôi đến tham dự lễ tốt nghiệp của hai con, trong sân trường đại học UCLA. Trong đám đông mênh mông mũ tốt nghiệp của các tân khoa, nổi bật lên là 2 cái mũ tốt nghiệp có

chữ “FOR DAD” và “FOR MOM”. Cháu gái Vân Anh tặng “For Dad” cho bố Joseph-To, còn cháu trai Quốc Anh tặng “For Mom” cho mẹ là Đàm Kim Anh, hai món quà vô giá.

Ít ai biết bố các cháu vừa làm việc vừa tích lũy các lon nhôm, chai nhựa rồi mang đến “trung tâm recycle” . Cứ mỗi 3 tháng, anh gom bạc cắc thu được rồi ký chi phiếu gửi tận tay Lão Bà Bà Hạnh Nhơn, Hội Trưởng Hội H.O để giúp anh em thương binh. Vì vậy hai cháu theo gương bố, tình nguyện làm “Public Defender”. Các cháu luôn tìm mọi dịp để tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư của các nghi can, đặc biệt là các nghi can thanh thiếu niên gốc Việt.

Luật sư Vân Khanh, ái nữ của TQLC Lê Nguyên Khang thì lại dấn thân vào việc tìm sự sống cho cho các bệnh nhân bị ung thư máu. Tôi đã nhiều lần gặp cô cùng các bạn trẻ trong những địa điểm hội chợ y tế để kêu gọi “đồng hương giúp đỡ đồng hương”, xin đồng hương cho một tí “nước bọt” để may ra, trong hàng chục ngàn người sẽ có người cùng tế bào tủy với bệnh nhân để mà cứu sống những người đang chờ thần chết. Còn gì cao quý cho bằng?

Cùng một nghĩa cử đối với bệnh nhân ung thư, cháu Xuân Dung, ái nữ của nhà văn Cao Xuân Huy, sau khi bố ra đi vì bệnh ung thư mắt, cháu đã dồn tâm sức vào việc tìm hiểu căn bệnh nguy hiểm này. Ngoài việc

ngiên cứu, cháu còn tham gia phong trào chạy bộ để gây quỹ giúp tổ chức Ocular Melanoma Foundation (OMF) tài trợ các cuộc khảo cứu nhằm tìm ra phương thức điều trị tốt hơn và hy vọng có được cách chữa được chứng ung thư này cho những bệnh nhân như bố cháu. Thư của cháu gửi bố, dù bố Huy đã đi xa:

Bố Yêu Quý.

Con dự cuộc chạy bộ này cho bố. Con chạy cho bố vì sự chịu đựng, quyết tâm, và nhất là nỗi đau đớn (của cuộc chạy đường dài này) nhắc con nhớ lại sức mạnh và ý chí của bố khi phải đối diện với một điều kinh khủng và hoàn toàn mù mờ lúc đó. Lời chẩn đoán của bác sĩ là một cú shock cho bố và con, vì mình hoàn toàn không biết mức độ của nó như thế nào. “Choroidal Melanoma” là hàng chữ mình đọc trong kết quả thử máu, nhưng bố và con, mình chỉ biết hỏi nhau và tự hỏi: “Ung thư mắt? Dữ vậy sao?” Chúng ta chẳng biết gì hết. Bố cũng chẳng biết bệnh mình thế nào nữa. Con ước gì lúc đó mình biết nhiều hơn thế, con ước gì lúc đó bố có nhiều cách chữa trị để lựa chọn, con ước gì lúc đó có cách chữa bệnh cho bố...

Vì vậy, cuộc chạy bộ này của con là để cho bố. Con chạy cuộc đua này để ủng hộ cho tổ chức đang nỗ lực tìm ra cách chữa trị căn bệnh đó. Con biết là bố sẽ hãnh

diện khi biết con bố làm chuyện này. Mỗi ngày con tìm thấy phấn khởi và động lực trong cuộc sống từ bố và cuộc đời bố đã sống. Con biết là bố lúc nào cũng bên con, và con biết là bố sẽ có mặt ở đó khi con vượt đích đến của cuộc đua,

Con yêu bố.

Bé Xuân Dung

Một cháu gái khác, vì muốn giấu tên và việc mình làm nên tôi gọi cháu là Trần Như Tiên.

Như Tiên đã sớm biết theo gương ông nội và bố Trần Như Hùng mà đem tình thương gieo kh ắp đó đây. Cháu cố động phong trào làm đẹp cho đời, làm đẹp cho những bệnh nhân điều trị “ki-mô” bị rụng tóc bằng cách nhờ bố cầm “tông-đơ” hớt trọc đầu để lấy tóc của mình làm tóc giả rồi đem tặng cho các bệnh nhân đã, đang, sẽ điều trị “ki-mô”. Chỉ có những phụ nữ mới hiểu giá trị của mái tóc, mới hiểu hết ý nghĩa cao quý của cháu Như Tiên.

Thấy con đầu trọc, không tóc, bố khóc vì sung sướng, thấy con đẹp như tiên nữ, hạnh phúc quá, bố ôm con vào lòng, nghẹn lời không nói.

Các cháu biết hy sinh chuyện riêng tư để nghĩ đến tha nhân thì đó là những tấm gương sáng cho đời noi theo. Gương sáng không nên cất trong tủ để soi một

mình mà hãy đưa cho mọi người soi chung, làm đẹp chung.

Học giỏi và thành công của tuổi trẻ gốc Việt thì đông lắm, nhiều lắm, vì nhiều lý do, các cháu còn phải lo chuyện riêng tư cũng là điều hợp lý, nhưng quý biết bao những tấm gương tuổi trẻ mà tôi vừa nêu trên. Nhưng sẽ thiếu sót nếu chúng ta không nhắc tới tuổi trẻ đang tiếp bước cha ông để tham gia vào dòng chính, tranh đấu tự do cho Việt Nam.

Mỗi hội đoàn quân đội hay quân trường ở hải ngoại này thường có một tập thể thể hệ thứ hai để sẵn sàng nối bước cha ông, trong số đó đáng kể nhất mà tôi biết là Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu (TTNĐH) của trường Võ Bị và Young Marines TQLC (YM/TQLC).

TTNĐH đã biết học hỏi kinh nghiệm, đem ưu điểm của cha ông kết hợp với tự do, dân chủ và khoa học của dòng chính để tạo cho chính mình một phương thức hoạt động hữu hiệu với nhiều ưu điểm. Những lớp TTNĐH đi trước đã thành công, đã và đang dần thân thêm nữa vào chính trường để đòi hỏi tự do dân chủ cho Việt Nam. TTNĐH đương thời và đi sau chắc chắn sẽ thành công và thành danh như hoặc hơn các anh chị đi trước. Chúng tôi cảm phục và rất hãnh diện về các cháu TTNĐH.

Young Marine TQLCVN

Trong các buổi lễ cộng đồng tại Nam CA, hẳn độc giả thường thấy một toán thanh thiếu niên trong quân phục TQLC/ VN rước Quốc Quân Kỳ, kể cả nghi lễ chào kính và biểu tình chống cộng, trong các đại hội gây quỹ cho thương binh VNCH và ủng hộ tuổi trẻ trong nước đấu tranh cho tự do dân chủ. Thưa đó là thế hệ thứ hai, thứ ba của TQLC/VN, các cháu YM (Young Marines - Thủy Quân Lục Chiến trẻ). Trong số này có cháu đã tốt nghiệp ngành luật, ngành y. Chim đầu đàn YM là cháu Thu Hà, ái nữ của TQLC Định Nguyên Nguyễn Đình Định.

Các cháu đang là những mầm non để nối tiếp anh chị đi trước, để làm đẹp cho cộng đồng tị nạn gốc Việt. Các cháu được thương yêu, hướng dẫn và giúp đỡ của các bậc cha chú.

Trong lãnh vực chính trị, tuy chỉ mới 44 năm mà nhiều tuổi trẻ gốc Việt đã đang là những vị dân cử, đó là niềm hãnh diện, không riêng cho cộng đồng người Việt hải ngoại, mà ngay cả báo chí trong nước cũng loan tin, người Việt trong nước cũng không tiếc lời khen ngợi và chúc mừng các vị dân cử này thành công.

Ngoài YM Thu Hà là nghị viên thành phố Garden Grove, chúng ta còn có Young Marine Lý Minh Thư , ái

nữ của TQLC Lý Khai Bình , là ủy viên của thành phố Garden Grove.

Điều này nhắc cho những người Mỹ gốc Việt biết là hãy quyết tâm đi bầu cử. Mỗi lá phiếu của người Mỹ gốc Việt là tiếng nói mạnh nhất của chúng ta đối với dòng chính, dù cho chúng ta không thông thạo tiếng Mỹ nhưng chúng ta có quyền nói bằng tay cầm lá phiếu. Có quyền nói mà chúng ta từ chối thì hóa ra ngọng, chúng ta mong gì ở người khác nói thay hay làm thay những điều hữu ích cho chúng ta!

Nước Mỹ là môi trường lý tưởng cho tuổi trẻ tiến thân, mới chỉ trong thời gian ngắn, gần 44 năm mà thế hệ thứ hai thứ ba đã đạt được những thành quả đáng khâm phục thì chúng ta cứ vững tin ở các em. Các em không những sẽ đưa cộng đồng Việt tiến xa hơn nữa, tham gia dòng chính nhiều hơn nữa mà sẽ đem tự do, dân chủ, dân quyền về quê hương Việt Nam/.

Cha Oi! Con Rất Hãnh Diện Về Cha

Đôi với tôi, điều đáng sợ nhất trong đời lính là khi từ chiến trường trở về hậu cứ phải đối diện với những vành khăn tang trắng còn mới tinh trên mái tóc xộc xệch của vợ con những đồng đội đã nằm lại tại chiến trường. Những đôi mắt thơ ngây hoen ngấn nước trên khuôn mặt các em bé mắt cha luôn làm tôi đau nhói trong lòng. Càng vinh quang thì càng nhiều khăn tang, đó là những vết thương kết lại thành những vết sẹo khó phai, là tâm trạng của các cấp chỉ huy khi trở về sau những chuyến hành quân dài ngày, dù là về với chiến thắng, với thăng thưởng, cấp bậc và huy chương.

Tôi không còn nhớ ai đã gắn huy chương và huy chương loại nào, nhưng tôi nhớ mãi tên đồng đội, anh em thân thiết như ruột thịt đã hy sinh. Đằng sau những tấm huy chương là máu của họ, là nước mắt của vợ con họ. Có những đứa con còn chưa kịp rơi nước mắt khóc cha vì chúng chưa biết nói, hoặc còn trong bụng mẹ.

Sau khi miền Nam bị chiếm (30 tháng 4 năm 1975) rất nhiều cô nhi, quả phụ của các chiến sĩ VNCH đã gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt và tiến thân trong xã hội mới ở VN. Cộng đồng hải ngoại cũng lãng quên họ . Ai biết được họ đã sống ra sao? Ai biết các cô nhi đã nghĩ gì về những người cha đã hy sinh cho Tổ Quốc?

Niềm khắc khoải đó trong tâm trí tôi đã được xoa dịu phần nào khi tôi may mắn gặp được một vài cô nhi mà cha của họ là đồng đội thân thiết của tôi . Dù ít hay nhiều tôi đã góp phần cho các cháu biết tin tức về cha, về những giây phút cuối đời của cha đã chiến đấu và hy sinh như thế nào . Tôi đã được cùng đi một đoạn ngắn ở cuối cuộc hành trình cô đơn của các cháu trong suốt mấy mươi năm qua. Các cháu đã biết rõ và hãnh diện về cha.

* * *

Cô Nhi Yvonne Trần:

“Cháu nhớ mãi, má cháu và cháu đứng trước vỉa hè nhà, đợi Ba cháu về. Cháu thấy xe GMC chở lính Thủy Quân Lục Chiến chạy ngang qua nhà, nhưng cháu không thấy Ba cháu về...”

Cháu nhớ mãi một hôm cháu đi học về, thì thấy má cháu nằm trên ghế salon, khóc sụt sùi. Lúc đó, cháu quá nhỏ, mới 5 tuổi nên không hiểu chuyện gì xảy ra.

Rồi khi thấy một quan tài nằm trên phản ở nhà nội, thời ấy nhà quê không có đèn điện , chỉ loe ngoe vài cây

đèn cây ánh sáng lập lòe . Nội cháu ngồi bên cạnh quan tài, đập đập lên quan tài rồi gào thét . Cháu khóc theo, nhưng không biết Ba mình nằm trong quan tài đó.

Chiến tranh VN, nhìn lại, nhìn khía cạnh nào cũng thấy nỗi đau.”

Đó là thư Yvonne gửi cho tôi.

Yvonne là con gái của cố Đại Úy Trần Đăng Túc , Tiểu Đoàn 2/TQLC. Cô định cư ở tiểu bang Virginia, là Kỹ Sư Hóa Học, từng làm việc cho Trung Tâm Nghiên Cứu Về Chiến Tranh của Hải Quân Hoa Kỳ (Naval Surface Warfare Center - NSWC) trong 16 năm. Hiện nay cô đang làm việc ở Federal Aviation Administration, Office of Commercial Space Transportation, Washington D.C.

Trong bài “Hãy Kể Cho Tôi Nghe” gửi cho Đặc San Sóng Thần TQLC 2017, Yvonne tâm sự:

- “Ba tôi chết đã gần 50 năm. Khi ông chết, ông để lại bốn đứa con, từ một tuổi tới tám tuổi. Gia đình tôi khi xưa ở Thủ Đức, khoảng 20 -25 cây số phía Bắc của thủ đô Sài Gòn. Tôi không có nhiều kỷ niệm của Ba tôi. Nhưng tôi nhớ, Ba tôi không có mặt ở nhà nhiều. Ông đi biệt. Mỗi lần ông về, thì tôi thấy Ba tôi mặc đồ lính rằn ri. Tôi nhớ mẹ tôi nói Ba tôi có đi Hoa Kỳ một thời gian. Tôi cũng có nghe nói Ba tôi là lính Thủy Quân Lục Chiến (TQLC), và chết trong lúc đi hành quân. Khi miền

Nam Việt Nam m ất, lúc đó tôi đã lớn nên ít nhiều tôi cũng hiểu biết những gì xảy ra, và biết cuộc sống không còn như xưa. Tôi không ngạc nhiên khi thấy những kỷ niệm đi lính của Ba tôi đã biến mất. Hình ảnh của Ba tôi mặc quân phục với mũ xanh trên bàn thờ đã thay bằng hình người mặc đồ bình thường. Thời gian trôi qua, tôi quên đi hình bóng Ba tôi mặc đồ lính rằn ri, đội mũ xanh...”

Nhưng có lẽ trong trí óc của người anh Yvonne, hình bóng người cha TQLC vẫn chưa phai nhạt. Anh vẫn tìm đọc những bài viết về TQLC, chính người anh đã bắt đầu cuộc hành trình tìm biết về Ba.

Một hôm, người anh gọi điện thoại cho Yvonne và hỏi hờ khoe rằng anh tìm được một người ở trong TQLC Việt Nam biết Ba của họ khi xưa. Anh chỉ cho Yvonne tìm đến website của TQLC, ở đó cô tìm được địa chỉ email của người nhắc đến tên Đại Úy Túc. Lúc đó Yvonne chỉ biết tên người ấy là cựu Đại Tá Ngô Văn Định, vị chỉ huy của cha cô khi xưa. Sau vài email qua lại, Yvonne gọi ông là bác Định.

Những trao đổi với bác Định đã biến Yvonne từ một người tưởng đã quên đi hình bóng của cha thành một người đi tìm kiếm tin tức, kỷ niệm về cha.

Một hôm, Yvonne đọc một tài liệu của những người TQLC Mỹ viết về chiến tranh Việt Nam. Tài liệu này có

đề cập tới những người sĩ quan TQLC Việt Nam đều phải qua Hoa Kỳ để thực tập ở trường The Basic School tại Quantico, Virginia.

Tài liệu ấy làm Yvonne nhớ đến tấm hình của Ba cô chụp ở Baltimore, Maryland. Từ ý nghĩ đó, Yvonne tìm đọc thêm những bài viết về TQLC Việt Nam, trong đó có bài viết về trận Tiểu Đoàn 2 TQLC bị phục kích tại Phò Trạch, Huế vào ngày 29 tháng 6 năm 1966, của cựu Đại Tá Tôn Thất Soạn đăng trong “Tuyển Tập 21 Năm Chiến Trận Của TQLC” do Tổng Hội TQLC in năm 2005.

Tim cô thốt lại, mắt cô mở lớn khi biết Ba cô có tham dự trận đánh đó và bị thương, cô vội vã đọc tiếp, và Yvonne đã thấy Ba cô trong tấm hình TD 2/TQLC chụp tại trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp, Phước Tuy.

Yvonne sửng sốt, cô muốn nhéo mình để xem có phải cô nằm trong mơ không? Sau mấy chục năm, hình ảnh oai hùng của Ba cô trở lại rõ ràng trong ký ức khiến cô xúc động nghẹn ngào như ngày xưa chạy đến nắm tay Ba mỗi khi ông đi hành quân về.

Đọc tuyển tập “21 Năm Chiến Trận” Yvonne mới biết chi tiết về chuyến đi hành quân ấy của Ba cô quá nguy hiểm, có nhiều thương vong. Tiểu Đoàn Trưởng là Trung Tá Lê Hằng Minh cùng với 42 thuộc cấp tử trận,

95 người bị thương , trong đó có Ba cô và Đại Úy Cố Văn Thomas E. Campbell.

Cô vô cùng cảm phục và hãnh diện về Ba, nhất là khi đọc đến đoạn trong hồi ký của ông Thomas Campbell:

“Hầu hết các quân nhân trong Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn bị thương, tôi bị thương. Tôi thấy Trung Úy Túc , Ban Ba, cũng bị thương nhưng ông vẫn ném lựu đạn vào bọn ch úng. Sau trận này Trung Úy Túc được tưởng thưởng huy chương Combat V. “

Cũng nhờ đọc “ 21 Năm Chiến Trận” Yvonne mới biết rằng bác Ngô Văn Định , người đang lặng lẽ bắc cầu cho cô đi ngược dòng thời gian để tìm hiểu về đời lính của cha cô chính là một trong những người hùng của “Mùa Hè Đỏ Lửa” 1972. Ông chính là Lữ Đoàn Trưởng TQLC đã đem quân chiếm lại Cổ Thành Quảng Trị.

Được bác Định hướng dẫn , Yvonne đã gửi e -mail cho National Archives xem họ có lưu giữ giấy tờ gì về huy chương của Ba cô không.

Tháng 12 năm 2012, cô được National Archives xác định có tin tức về huy chương Combat V đã được tặng cho Đại Úy Trần Đăng Túc , Tiểu Đoàn 2 TQLC Việt Nam. Cô bèn làm đơn xin lại huy chương của Ba cô.

Sau đó, huy chương được gửi đến tận nhà.



*Huy chương Combat V đã được tặng cho Đại úy
Trần Đăng Túc*

Yvonne viết:

“Tôi không thể tưởng tượng được, tôi đã xin lại được huy chương của một người cha đã chết. Ông không chết mười năm, hai mươi năm, mà đã chết cả nửa thế kỷ rồi. Quá khứ và hiện tại, chia cách vì thời gian, hầu như xích gần lại nhờ cái huy chương này. Nằm huy chương gọn trong tay, tôi biết nếu tôi đã lấy lại được vinh dự của một người lính đã chết, thì tôi cũng sẽ biết đến vinh dự của những người lính còn sống.

Chiến công, tôi biết đếm, nhưng tôi không đếm được hy sinh của người lính miền Nam trong suốt 21 năm chiến tranh. Khi Hoa Kỳ đã rút lui, thì súng đạn không

còn nữa, họ vẫn đánh, đánh đến khi họ phải bắt buộc đầu hàng. Khi quê hương tôi mất, họ chỉ còn là người lính bại trận. Nếu thoát được khỏi ách Cộng Sản, người lính đó trở thành một người tị nạn, sống âm thầm, sống lặng lẽ trên xứ người. Còn người lính kẹt lại, họ bị bắt đi tù, bị hành hạ, bị chết đói, chết rét không ai biết đến, hay họ chỉ còn là thương phế binh lạc loài, bên lề cuộc đời trên chính quê hương mình. Hình ảnh của người lính TQLC can đảm, anh hùng, nhân đạo, và sống chết cho Danh Dự- Tổ Quốc mãi mãi sẽ là hình ảnh tôi mang theo.”

Trong một lá thư Yvonne gửi cho tôi, Yvonne nói rằng cháu rất hãnh diện về cha, nhưng ngoài chuyện riêng tư gia đình cha con, đối với đồng đội của cha, đối với đơn vị, với binh chủng, và quân đội thì sao?

Sau đây là nguyên văn lời chia sẻ của Yvonne với tôi. Lời nói như khắc ghi trên bia đá của một cô nhi, như tấm gương soi cho những ai, thế hệ trước và sau, xem thường sự hy sinh của người lính Việt Nam Cộng Hòa”

- Hãnh diện về cha chỉ là hãnh diện cá nhân, nhưng hãnh diện nhất của cháu là biết sự thật về chiến tranh đã có những người lính miền Nam hy sinh để bảo vệ Tổ Quốc và đồng bào khiến cháu không thể nào quên

* * *

Cô Nhi Nguyễn Thành Thật

Ngày 29 tháng 4 năm 2018, tại lễ kỷ niệm 43 năm ngày Quốc Hận trư ớc Tượng Đài Chiến Sĩ Việt -Mỹ, Westminster City, tôi đang bồi hồi nhớ lại c ảm xúc khi phải nhận lệnh buông súng lúc 12 giờ trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại Bộ Chỉ Huy Căn Cứ Sóng Thần (Dĩ An), thì bất ngờ một Mũ Xanh (MX) của Hội TQLC Nam California, dẫn một người trung niên đến gặp tôi.

Người này mặc bên ngoài một cái áo trận TQLC hơi cũ với huy hiệu Trâu Điền , bảng tên “THA 1”, anh MX nói với người trung niên:

- Đây là bác Cấp, người mà cháu muốn tìm.

Không chờ tôi lên tiếng , hai tay anh trung niên nắm chặt lấy tay tôi lắc lắc, miệng chào:

- Thưa bác , con là Nguyễn Thành Thật , bố con là Nguyễn Văn Thà mà ngày xưa mang máy truyền tin cho bác. Con có chuyện riêng muốn thưa với bác.

Giữa trưa n ắng Little Saigon mà tôi c ảm thấy lạnh xương sống khi nghe nhắc đến tên “Thà” , người mang máy truyền tin C 25 cho tôi, đã tử trận hơn 50 năm về trước.

Sau buổi lễ , chúng tôi đến một nơi riêng tư để nói chuyện. Thật nói:

- Thưa bác, con từ Saigon sang Mỹ lo việc riêng. Theo lời hướng dẫn của chú Tám, con đến tìm bác để xin bác kể cho con nghe về Ba con. Cái áo con được hãnh diện mặc đến đây chính là của Ba con, tức: “THÀ Đại Đội 1”.”

Chi tiết rất đúng, nhưng để xác định thực hư cho chắc, tôi hỏi thêm:

- Chú Tám nào, và quen biết với cháu ra sao mà chú ấy bảo cháu đến tìm tôi?

- Thưa bác, con ở Gò Vấp, gần nhà chú Tám, tức chú “Tám Nhót”. Con chơi thân với thằng Tâm con chú Tám. Chú Tám kể là ngày xưa Ba con và chú ấy đều mang máy cho bác. Tết Mậu Tuất 2018 vừa qua, chú Tám nhận được quà của bác gửi về để tổ chức tất niên cho mấy người cùng đại đội, con được tham dự. Khi nghe con nói sắp sang Mỹ lo việc riêng thì chú Tám khuyên con ráng tìm cách đến Little Saigon để tìm bác mà hỏi về Ba con. Chú Tám còn dặn nhớ mang theo cái áo này để bác tin. Khi đến Little Saigon con nghe radio thông báo có buổi lễ kỷ niệm 30/4 được tổ chức tại Tượng Đài Việt Mỹ nên con tìm đến. Con thấy chú này mặc quân phục TQLC nên con nhờ chú tìm bác.

Hơn 50 năm về trước, Đại Đội 1 của tôi có hai hiệu thính viên, Nguyễn Văn Thà mang máy liên lạc với tiểu đoàn, và Nguyễn Văn Tám, tự “Tám Nhót” mang máy

liên lạc với các trung đội . Vì Tám có tật hay tr ớn đi chơi nên tôi đặt cho cậu ta cái tục danh là “Tám Nhót” (nhảy nhót). Tám có thằng con tên Tâm . Nghe Thật nói thế là đúng rồi, tôi mừng quá vội i choàng tay phải qua vai Thật xiết mạnh, tay trái xoa xoa đầu Thật . Cả hai bác cháu tôi cùng bồi hồi xúc động, hồi lâu sau Thật mới lên tiếng:

- Cái áo trận này của bố con , tuy cũ nhưng con hãnh diện và giữ mãi kể từ sau ng ày bố con tử trận . Con ước ao muốn tìm hiểu xem bố con đã chiến đấu và hy sinh như thế nào , con có hỏi chú Tám nhưng chú ấy không nhớ rõ, xin bác kể lại cho con nghe.

Những lời tâm sự của Thật làm cho vết thương trong lòng tôi như lại rỉ máu. Nén xúc động tôi kể lại tóm tắt cho Thật nghe những gì đã xảy ra gần 50 năm về trước mà như đang diễn ra trước mắt tôi:

- Trong trận Bời Lời ở mật khu Hồ Bò , suốt đêm 16 tháng 9 năm 1968, Việt Cộng bao vây và tấn công vào vị trí Đại Đội 1 của bác và Đại Đội 3 của Đại Úy Trần Văn Thương nhưng không được . Tảng sáng ngày 17 tháng 9 thì nghe chúng bắn rất mạnh và hô “xung phong” , (chuyện này hay xảy ra mà tài liệu học tập trong quân trường gọi là “tấn công rạng đông”). Lúc đó bác đang ngồi trên miệng hố cùng cố vấn Mỹ để điều khiển trực thăng Cobras tác xạ . Ngồi bên cạnh là chú Tám và Ba cháu đang liên lạc máy , bất ngờ Ba cháu phát giác một tên VC núp tro ng bụi rậm gần đó cầm lựu đạn chạy tới

chỗ bác và cô vắn ngòi. Vì là hiệu thính viên chỉ trang bị súng Colt 45 không kịp bắn nên Thà vội quăng ống liên hợp rồi phóng tới ôm tên VC vật ngã nó xuống. Lựu đạn tên VC cầm tay và chất nổ cài trong người hấn đã phát nổ. Tiếng nổ lớn, bùn sinh cỏ cây văng tung tóe, hậu quả là xác Ba cháu nằm đè lên xác tên VC cách chỗ bác ngòi chừng mươi thước. Cũng lúc đó người mang máy của Trung Úy Lâm Tài Thạnh là Nguyễn Văn Tha cũng bị bắn tử thương. Bố Thà cháu đã hy sinh để cứu đồng đội, cứu bác, và cố vấn Mỹ, hành động thật là cao cả.

Tôi nhớ lại ngày xưa, mỗi khi từ vùng hành quân trở về thì hai con của Thà và Tám từ trại gia binh năm sát doanh trại đều chạy vào đón bố. Nhìn cha con họ quyến luyến, cười đùa khiến tôi vui lây.

Nhưng sau chuyến hành quân Bời Lời ngày 17 tháng 9 năm 1968 trở về, con của Tám chạy đến ôm chân bố, còn cháu Thật, con Thà thì đầu chít khăn tang, không thấy bố Thà nên Thật đứng khóc!

Thương cháu quá, tôi vội ngòi xuống ôm cháu vào lòng. Mọi lời nói đều vô nghĩa, tôi xoa-xoa đầu cháu. 50 năm sau, tôi vô tình lập lại cử chỉ đó với người đàn ông trung niên này, như tôi đã xoa đầu thằng bé bốn tuổi sau ngày Ba cháu tử trận.

Cháu Thật ngồi chăm chú nghe tôi kể chi tiết về tấm gương anh dũng của Ba và những kỷ niệm ngày xưa khiến cháu xúc động, vừa lau nước mắt vừa nói:

- Thưa bác, mất Ba là một điều vô cùng đau khổ và thiệt thòi đối với tuổi thơ chúng con , nhưng nay biết được sự hy sinh của Ba con như thế , con vô cùng hãnh diện...

* * *

Cô Nhi Jimmy Nguyễn Bowden.

Nếu ta cho rằng có những kỷ niệm để nhớ, để thương đã là may mắn, thì cậu bé Nguyễn Hải Phúc , tức Jimmy Nguyễn Bowden, lại bất hạnh hơn vì cha tử trận khi cháu mới sinh được ba tháng nên cháu không nhớ mặt cha.

Cha của Hải Phúc là Trung Úy Nguyễn Văn Nhượng , Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 Tiểu Đoàn 7. Trước khi Nhượng chuyển chuyên sang Tiểu Đoàn 7 mới thành lập thì Nhượng thuộc Tiểu Đoàn 2 nổi tiếng với biệt hiệu Trâu Diên.

Kể từ khi có trí khôn cho tới lúc trưởng thành , Hải Phúc luôn chú tâm tới việc đi tìm tung tích của cha, luôn mang theo bên mình tấm hình của cha.

Năm 2015, cậu bé Nguyễn Hải Phúc đã trở thành luật sư Jimmy Nguyễn Bowden từ Oklahoma sang Houston TX mở văn phòng Luật (Law Office). Bằng một nhân duyên kỳ diệu, người chủ cơ sở bên cạnh văn phòng của

Jimmy có người bạn thân tên Lạt, là một TQLC. Tha thiết muốn biết về cha, Jimmy như người tìm được một đầu dây. Jimmy đã lần lần tìm ra manh mối và đã gặp được chú TQLC Nguyễn Kha Lạt, hiện định cư tại Dallas, Texas. Thiếu Úy Lạt là Trung Đội Trưởng của Đại Đội Trưởng Nguyễn Văn Nhượng, đã tham dự trận đánh với Nhượng, chúng kiến lúc Nhượng bị trọng thương, công Nhượng về phía sau để băng bó vết thương, nhưng không kịp, Nhượng đã tử trận. Lạt kể:

- Ngày 20 tháng 6 năm 1970, khi anh Nhượng được lệnh dẫn đại đội đi hộ tống đoàn xe tiếp tế cho đồng bào tại Preyveng, Kampuchia thì bị VC phục kích, xạ thủ đại liên tử trận. Trong lúc nguy ngập, chính anh Nhượng đã thay thế xạ thủ đại liên bắn chặn để ngăn địch quân tràn lên và anh đã tử trận. Vì quá thương tiếc và khâm phục lòng dũng cảm của cấp chỉ huy nên tôi (Lạt) luôn để tấm hình của Trung Úy Nhượng chụp chung với Thiếu Úy Truyền trên bàn thờ. Tôi cũng đã gửi tấm hình này cho Chị Nhượng sau khi anh hy sinh. Đó cũng chính là tấm hình Jimmy mang theo bên mình.

Hai chú cháu Lạt - Jimmy liên lạc với nhau, gặp nhau tại Texas để so sánh tấm hình của Nhượng do chính Lạt chụp trước khi Nhượng hy sinh. Và rồi hai người, một già một trẻ, chưa từng biết nhau, chưa từng nghe đến tên nhau đã trở thành chú, cháu. Sau 45 năm tìm kiếm, Jimmy được nghe chú Lạt kể về chuyện của cha. Dù đã

thành danh , nhưng Jimmy cảm thấy mình quá nhỏ bé trước hình bóng của cha trong bộ quân phục rằn ri . Đó là hình ảnh của cha trước khi cha đi vào trận chiến và đi mãi không về! Nay Jimmy bất ngờ nghe được những chi tiết cuối đời của cha, cha như sống lại trong tim . Jimmy vội mặc chiếc áo trậ n của cha , đứng dưới tấm hình của cha và các bạn đồng Khóa 21 Võ Bị để chụp hình.

Jimmy cười:

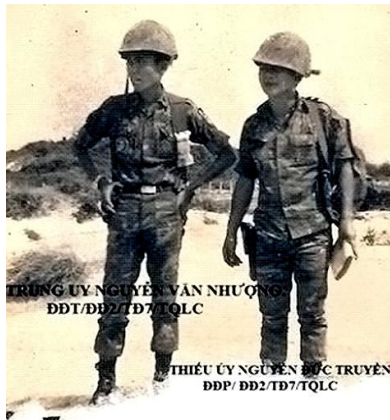
- I am very happy now and I like to wear my father's TQLC jacket. I share my feelings when I wear it. (*Con quá hạnh phúc khi được mặc cái áo trậ n TQLC của Ba con.*)



Jimmy mặc áo trậ n của Bó

Mẹ Jimmy (chị Nhượng) tâm sự:

- Tôi và Jimmy đã theo dõi những tin tức qua truyền hình và báo chí VN. Tôi đã đọc những quyển đặc san các đơn vị quân đội VN để tìm hình ảnh của anh Nhượng. Nhất là Jimmy cứ ước mong tìm được đồng đội, đồng khóa của bố. Dù không nhớ mặt bố, nhưng cháu luôn luôn giữ bên mình tấm hình bố do chú Lạt chụp ngày xưa. Từ nhỏ đến nay lúc nào cháu cũng buồn mà lại thích mặc những bộ đồ hoa rừng của bố. Sau khi tìm được tin tức về bố, thay vì gọi điện thoại, thì cháu vội vã chạy từ Houston (Texas) về Oklahoma để nắm tay tôi, rồi nói với tôi: “*Mẹ, con đã tìm được Bố, gặp được chú Lạt cùng đơn vị với Bố rồi.*” Lâu lắm tôi mới nhìn thấy cháu cười khi nhắc tới Bố.”



Đ/úy Nhượng và Th/úy Truyền khi hành quân Campuchia. Sau đó cả hai đã tử trận

Lòng mong ước của con (Jimmy) đã tìm thấy cha cũng là ước nguyện của bà mẹ (chị Nhượng), dường như chỉ chờ có thể nên sau đó vài tháng chị Nhượng đã đột ngột “đoàn tụ” với chồng.

* * *

Cô Nhi Marie Tô.

Marie Tô là con gái của Đại Úy Tô Thanh Chiêu. Khi Chiêu tử trận thì Marie Tô chưa ra đời. Trong một lần họp mặt gia đình, cháu Marie Tô đến hỏi tôi:

- Thưa bác, con đọc cuốn truyện “Tháng Ba Gãy Súng” của tác giả Cao Xuân Huy, thấy tác giả có viết về Ba con là Tô Thanh Chiêu. Con cũng có đọc bài: “Những Ngày Tháng Sau Cùng...” của bác, trong đó bác viết về Ba con. Con ao ước bác kể cho con nghe về Ba con đã chiến đấu và tử trận như thế nào? Vì trong Law Office (Văn phòng Luật) của con có mấy bạn đồng nghiệp cứ hãnh diện khoe rằng cha của họ đã chiến đấu và tử trận ở Việt Nam. Còn con là người Việt Nam, có Ba tử trận tại VN mà không biết gì về Ba con thì buồn quá!

Chiêu và tôi là anh em con chú, con bác. Chúng tôi ở cùng Binh Chủng TQLC, cùng bị thương, cùng được về làm việc tại Trung Tâm Huấn Luyện tại Rừng Cẩm, Thủ Đức và cùng trở lại chiến trường.

Chiêu mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ nên anh em Chiêu rất thương yêu và lo cho nhau . Khi Chiêu bị thương, anh ruột Chiêu là Tô Đức Hạnh, (dân biểu Quốc Hội đơn vị bầu cử Lâm Đồng) muốn đem Chiêu về tiểu khu Lâm Đồng, an toàn hơn đi tác chiến nhưng Chiêu nhất định không chịu. Chỉ một thời gian ngắn sau , Chiêu quyết định xin ra đơn vị tác chiến là Tiểu Đoàn 4 TQLC, biệt hiệu là “Kinh Ngư” . Hấn nói với tôi: “Sẽ sống với Kinh Ngư và chết với Kinh Ngư.”

Khi nghe Marie hỏi về Chiêu, tôi mở lại những trang ký ức để kể với cháu:

Vào “Những Ngày Tháng Sau Cùng” đó , tháng 3 năm 1975, Lữ Đoàn 147 TQLC gồm các Tiểu Đoàn 3, 4, 5, 7 và Pháo Binh TQLC được lệnh rút từ Huế ra bờ biển Thuận An để tàu Hải Quân vào đón đưa về Đà Nẵng . Ngoài ra còn đồng bào và các quân nhân khác lạc đơn vị đi theo TQLC nên đoàn người lên đến hơn ba ngàn người. Vì sóng to gió lớn tàu Hải Quân không vào đón được, không được tiếp tế đạn dược và lương thực, lại còn bị Việt Cộng tiếp tục pháo kích và tấn công làm cho quân ta và đồng bào bị thương và chết rất nhiều.

Khoảng 5 giờ chiều ngày 25 tháng 4 năm 1975, VC pháo kích và tấn công vào vị trí phòng thủ của Tiểu Đoàn 4 TQLC ở bãi biển Thuận An khiến Tiểu Đoàn Phó là Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam và Đại Đội Trưởng là Đại Úy Tô Thanh Chiêu cùng tử trận. Sau khi thương binh và

tử sĩ được đem về trạm xá TQLC trong căn cứ Non Nước, tôi đến đó tìm xác thằng em thì chỉ thấy xác Thiêu Tá Nam mà không có Chiêu . Đồng đội Chiêu cho biết khi chuyển xác Chiêu lên tàu Hải Quân trong lúc hỗn loạn thì xác bị rớt trở lại xuống biển, mất tích!

Phần tôi , vào lúc 7 giờ sáng ngày 29 tháng 3 năm 1975, từ bờ biển Non Nước , tôi đành gạt nước mắt trôi dạt ra tàu Hải Quân rồi xuôi Nam , để xác thằng em nằm lại đâu đó cùng nhiều đồng đội khác trên bờ biển thôn An Dương, Thuận An, Huế và Non Nước Đà Nẵng.

Cho tới năm 2012, đồng bào thôn An Dương và các thôn dọc theo bờ biển Thuận An đã thu gom được tất cả 132 bộ xương trôi dạt vào bờ, trôi lên mặt cát. Các ân nhân này đem các bộ xương tập trung vào một khu gọi là nghĩa trang với bia đá:



“Thập Loại Cô Hồn Hiển Hách Chi Mộ.”

Những TQLC còn sống sót vào ngày đó đã trở lại thăm chiến trường xưa và tìm được tin tức và hình ảnh về ngôi mộ này.

Tin này đã đến với Tổng Hội TQLC Hải Ngoại . Để cảm ơn tấm lòng của người dân sống dưới chế độ CS đã không quản ngại khó khăn , vẫn nhớ đến những người lính TQLC Việt Nam Cộng Hòa năm xưa mà t ặng cho một mái nhà chung “Hiển Hách Chi Mộ” , Tổng Hội TQLC Hải Ngoại đã gửi một số hiện kim nhờ đồng bào làm lễ cầu siêu cho các anh linh tử sĩ TQLC, nhưng bọn cường quyền địa phương không cho phép.

Khi nghe tin tức về những bộ hài cốt TQLC ở thôn An Dương, nhà báo Huy Phương đã mời tôi nói chuyện trong chương trình Huynh Đệ Chi Binh trên đài truyền hình SBTN về sự kiện này và trận chiến tại bờ biển Thuận An . Trong buổi nói chuyện, trên màn hình có chiếu tên tôi và số điện thoại.

Một thời gian sau tôi nhận được tin nhắn vào điện thoại báo cho biết ngoài những bộ xương , người dân còn nhặt được một số thẻ bài (*) trong đó có một tấm mang tên Tô Thanh Chiêu . Nhưng rất tiếc người nhắn tin này không để lại số điện thoại nên chúng tôi không thể liên lạc để biết rõ chi tiết.

*(*Thẻ bài là miếng inox ghi tên , số quân, loại máu mà mỗi quân nhân bắt buộc phải luôn đeo vào cổ. Khi bị*

thương thì y tá biết ngay là loại máu nào (A, B, A+B, O) mà tiếp máu. Trong trường hợp tử thương, vì lý do xác “tan nát” hay biến dạng, không nhận diện được thì th ẻ bài mang theo để nhận diện danh tánh)

Khi tôi báo cho anh ruột Chiêu là Tô Đức Hạnh và gia đình Chiêu về tin này thì mọi người vô cùng xúc động, bàn tính làm cách nào để đón Chiêu về với gia đình, nhất là Marie Tô mong ước c có đư ợc nhìn tấm th ẻ bài khắc tên Tô Thanh Chiêu : Đó là một kỷ vật vô cùng quý giá đối với Marie Tô.

Tuy nhiên, sau vài lần bàn tính, gia đình Chiêu và tôi cùng đồng ý:

Nếu chỉ có một bộ xương và tấm th ẻ bài thì dễ dàng, nhưng không liên lạc đư ợc với người cho biết tin về tấm th ẻ bài nên không biết rõ thực hư. Nếu trong 132 bộ xương đó có Chiêu thì bằng cách nào để xác định? Vậy thì hãy cứ để Chiêu “sum họp” cùng đồng đội. Khi sống Chiêu chiến đấu cùng anh em dưới mái nhà “Kinh Ngư”, thì khi hy sinh cứ để Chiêu đoàn tụ cùng đồng đội dưới nấm mồ “Hiển Hách Chi Mộ”.

Sống “Anh Hùng”, chết “Hiển Hách”, đó đã là một vinh dự và an ủi rồi. Hằng năm, cứ vào ngày 25 tháng 3 thì anh em con cháu Tô Thanh Chiêu xin lễ và dâng hương hoa cho Chiêu cùng 131 anh lính tử sĩ TQLC tại thôn An Dương là tốt nhất.

* * *

Thân phụ của các cô nhi kể trên là đồng đội , là anh em thân thiết của tôi , đã từng sống chết bên nhau, vì thế tôi coi các cháu như những người cùng một gia đình.

Dù thân phụ tử trận khi các cháu còn quá nhỏ hoặc chưa sinh ra , sau gần nửa thế kỷ , các cháu đã trưởng thành, đã thành công dân Mỹ , nhưng vẫn tìm về cội nguồn và hãnh diện có cha đã hy sinh cho Tổ Quốc Việt Nam. Chúng tôi cảm thấy có bổn phận k ể lại cho các cháu những điều chúng tôi biết về cha các cháu . Từ đó các cháu mới hiểu vì sao các cháu có mặt trên đất nước văn minh này mà nhớ ơn các người lính Việt Nam Cộng Hòa.

Nhưng còn biết bao nhiêu cô nhi tương tự khác , các cô nhi của những anh hùng tự sát trong ngày Quốc Hận cũng đang mong ước tìm hi ểu về cha . Các cháu tìm tài liệu ở nơi đâu? Đó là câu hỏi tôi luôn mang trong lòng và tôi hy vọng những ai là đồng đội c ủa các tử sĩ , hy vọng những đồng đội, đồng môn đang được hít thở không khí tự do thì tr ả lời cho các cháu biết, biết mà không nói, hoặc chỉ biết nói về mình mà quên đồng đội đã là tử sĩ thì thật đáng buồn!

Cô Nhi Của Các Anh Hùng Tự Sát.

Vào thời gian trước, trong và sau ngày 30/4/1975, rải rác khắp mọi miền đất nước đã có rất nhiều các quân nhân thà chết chứ không chịu buông súng theo lệnh của “Tổng Thống” đầu hàng giặc.

Mạng sống là vốn quý nhất Thượng Đế ban cho mỗi người, nhưng khi mất nước, dù với bất cứ lý do gì, các vị ấy đã tự nhận lấy trách nhiệm trước quốc dân bằng chính mạng sống của mình mà tự sát. Các vị ấy đã làm được những việc mà chúng ta không dám làm, các vị ấy xứng đáng cho chúng ta gọi là “Anh Hùng” như các vị anh hùng trong lịch sử Nư ớc Nam: “*thành thất thủ chết theo thành*”, nhưng đó cũng là nỗi đau tột cùng của thân n hân quý vị ấy, con của các vị ấy... các cô nhi.

Trong “Tháng Ba Gãy Súng”, Tr/Úy Cao Xuân Huy, TĐ4/TQLC đã viết trên giấy trắng mực đen về đồng đội của ông, trong tình trạng hết đạn, “gãy súng” mà bị địch bao vây đã bình tĩnh ngồi quây vòng tròn bên nhau trên bờ biển để chia nhau một trái “mãng cầu”, khi chuẩn bị rút chốt trái lựu đạn M26 cuối cùng thì nghe tiếng la của một đồng đội: “Chờ tao với...”, chờ được chết chung!

Những ai chưa từng nghe tiếng súng địch trong giây phút tuyệt vọng thì sẽ không tin là đã có cấp chỉ huy kêu pháo binh của ta dội lên đầu quân mình để cùng chết chung với giặc thì những ông “chùm” này cũng khó tin

lời tác giả Cao Xuân Huy , nhưng đó là một sự thật . Một cấp chỉ huy khác , Thiếu Tá Phạm Cang , TĐT/TĐ7/TQLC, cũng hiện diện trên bờ biển Thuận An vào th ời khắc “Tháng Ba Gãy Súng” , trong bài viết : “Tiểu Đoàn 7/TQLC Từ Một Cuộc Di Tàn”, như sau:

- Khi chiếc LCM của Hải Quân vào đón TĐ 3 và TĐ4/TQLC thì các quân nhân thất lạc của các đơn vị bạn cùng leo lên tàu khiến tàu mắc cạn , càng lúc tàu càng lún sâu trong cát, trong cơn tuyệt vọng một số quân nhân đã tự sát. (Trích trang 491.)

Những quân nhân tự sát ngoài chiến trường vào giờ phút mất nước thì nhiều lắm nên không có thống kê , không rõ danh tánh , họ là những “anh hùng vô danh” , khiến nỗi đau mất cha của các cô nhi càng sâu đậm . Còn những vị t ự sát trước mặt đồng đội hoặc thân nhân thì được ghi lại trong những trang sử , trong bài viết của đồng đội, nếu may mắn hơn thì danh tánh đư ợc khắc ghi trên bia đá, ít ra đó cũng là niềm an ủi cho cô nhi.

Trong những buổi lễ kỷ niệm ngày Quốc Hận 30/4 của cộng đồng người Việt ở hải ngoại , trên nước Mỹ , chúng ta luôn thấy có bàn thờ khói hương nghi ngút bên cạnh hình ảnh của “Ngũ Hồ Tướng Quân” tức 5 vị Tướng tự sát . Hiện nay , bên cạnh tượng g đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ tại Westminster City , California, có một “bức tường đá đen” trên đó khắc hình ảnh và tên 5 vị Tướng tự sát , Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn , Trung Tá Nguyễn Văn

Long (cảnh sát) cùng một số các quân nhân khác như Đại Tá Nguyễn Hữu Thống, Trung Tá Nguyễn Văn Hoan, Chuẩn Úy Nguyễn Trọng Vui, Thượng Sĩ Trần Chánh Tạo v.v... nơi đây lúc nào cũng có hương hoa. Mỗi khi dân địa phương hay du khách phương xa tới thăm viếng tượng đài Việt Mỹ đều đến đứng bên bức tường “TỔ QUỐC GHI ƠN”, xin phép các anh linh được chụp một tấm hình để làm kỷ niệm. Tôi hỏi một vị khách đứng chụp hình:



Đài Tưởng Niệm Tháng Tư Đen - 1975

- Cô có thân nhân nào trên bức tường này không?

- Đây là bố cháu. Ngày bố cháu tự sát, mẹ con chúng cháu muốn chết theo. Nỗi buồn ấy kéo dài mãi, nhưng hôm nay cháu cười vì hình ảnh tên tuổi đơn vị của bố

cháu đã được ghi trên tấm bia này, cháu được đứng chụp hình với bố cháu, dù chỉ là cái tên, nhưng đã được “lưu danh sử xanh”, lưu danh trên bia đá. Những hình ảnh này, tên tuổi này sẽ “trường thọ”. Cháu rất hãnh diện về bố cháu và xin đa tạ tấm lòng quý vị đã thực hiện đài tưởng niệm:

“TỔ QUỐC GHI ƠN.”

Tuy rằng chưa cập nhật được đầy đủ danh tánh các vị tự sát lên đài tưởng niệm này, nhưng đó đã chứng tỏ tấm lòng của đồng bào hải ngoại hết sức tôn kính các vị anh hùng “chết theo thành, chìm theo tàu”. Ngoài ra chúng ta còn đọc được những tấm gương sáng này trên sách báo. Chúng tôi xin trích bài viết của nhà văn, nhà báo Huy Phương về ngày Quốc Hận 30/04:

* * *

“Thiếu Tá Trịnh Lan Phương chọn cái chết thay vì đầu hàng.”

Trịnh Lan Phương, cựu sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Sáng 30 Tháng Tư, 1975, sau khi Đại Tướng Dương Văn Minh lên đài phát thanh Sài Gòn kêu gọi quân đội buông súng đầu hàng vô điều kiện, rất nhiều vị anh hùng của chúng ta chọn cái chết tại chỗ thay vì ra hàng với giặc. Thất vọng, bẽ bàng, căm giận, hàng ngàn người lính miền Nam đã tự sát để khỏi rơi

vào tay quân địch, tránh nổi ô nhục của một hàng binh trước cảnh nước mất, nhà tan.

Thế giới đã biết đến những vị tướng lãnh miền Nam, tư lệnh những đại đơn vị đã tuấn tiết khi nghe tin Sài Gòn thất thủ, nhưng đã có biết bao nhiêu anh hùng vô danh, lặng lẽ chọn cái chết về phần mình, mà không hề ai biết đến. Thiếu Tá Trịnh Lan Phương , Khóa 21 Trường Võ Bị, là một trường hợp như thế!

Trong thư của Trịnh Thiên Hương, con gái đầu của ông gửi cho bạn bè đồng môn của ông, có ghi lại:

- Cháu không được nghe bất kỳ một lời nói nào của ba từ mẹ cháu cả. Ba cháu tự sát tại nhà, ngay ngày 30 Tháng 4, 1975. Cháu vẫn còn bị ám ảnh mãi trong tâm trí mình những người cậu, ôn ba từ trên gác xuống.

Cháu tự hào vì ba của mình, một người cha vĩ đại trong lòng cháu. Từ 5 tuổi cháu đã mồ côi cha, hình ảnh người cha trong tâm trí cháu là một người đàn ông, đẹp trai, cao lớn, hiền lành, vui tính, yêu vợ thương con, sống chân thật với những người thân xung quanh và tình yêu đẹp thật lãng mạn của ba mẹ. (Đây là những lời kể lại từ bà nội, bà ngoại, và các dì của cháu – từ đó hình thành lên một hình ảnh người cha tuyệt vời trong tâm trí cháu.)

Cháu rất buồn và cảm thấy bất lực khi đi tìm thông tin về người cha yêu quý của mình. Ba cháu luôn luôn

vẫn là một người tuyệt vời trong lòng cháu, cháu luôn tự hào là đứa con gái ngoan của ba Lan Phương . Cháu mừng vì được gặp các chiến hữu của ba, được nhìn thấy sự quan tâm của mọi người đối với ba. Cháu rất cảm động về những điều tốt đẹp mà mọi người dành cho ba cháu.”

* * *

Cháu Trịnh Thiên Hương rất buồn và bất lực khi đi tìm tin tức về người cha thân yêu , nhưng cháu lại rất tự hào và cảm động khi các chiến hữu báo tin cho cháu biết về người cha và dành cho ba cháu những điều tốt đẹp . Những trang báo được phổ biến rộng rãi như trường hợp của Thiếu Tá Trịnh Lan Phương để con cháu họ tự hào . Chúng ta tự hào có những anh hùng làm được những điều mà chúng ta không dám làm./.

***Bông Hồng Kính Tặng:
Các Bà Mẹ Lính, Các Chị Vợ Lính***

Tên cai tù trại Vĩnh Quang lật qua lật lại, xoay ngược xoay xuôi tờ đơn xin thăm nuôi chồng của chị K.A, mặc dầu tờ đơn này đã nhàu nát gần như tả tơi bởi qua tay các cơ quan ở địa phương để được đóng 3 con dấu từ khóm, phường tới quận, hồi lâu hấn vát trả lại, giọng nghiêm chỉnh đúng tiêu chuẩn XHCN

- Chồng chị vi phạm lợi qui, cải thiện ninh tinh, nười nao động lên bị trại cắt thăm nuôi, chị phải ráo rục chồng chị sớm rác ngô để nần sau sẽ được cứu xét.

Nghe như sét đánh mang tai, bình thường thì chị cầm tờ giấy quay lui, không thèm phỉ phàm một chút nước miếng, nhưng nay vì thương chồng, vượt 3 ngày đường từ Nam ra Bắc chỉ để... nhìn anh mà không được! Cố gắng nuốt cục đờm đang chặn ngang cổ họng để khỏi phải lợm giọng phun ra, chị chưa biết tính sao, có nên xuống nước năn nỉ tên VC này hay không? Có nên tránh trâu để khỏi bị trâu đánh với hy vọng được trông thấy chồng? Bất chợt chị nhìn cái đồng hồ vỏ Seiko ruột nội hóa mà chị đeo nơi cổ tay và chị có dư thông minh biết phải làm gì. Cuối cùng tên cai tù cầm cái vỏ Seiko dứt nhanh vào túi áo rồi gật gù cái đầu nhưng cũng giả bộ xẵng giọng nói:

- Vì chính sách khoan hồng nhân đạo của đảng và nhà nước ta, lay thay mặt trại, chúng tôi chiếu cố cho chị gặp chồng ba mươi phút, nhưng phải chấp hành nghiêm chỉnh đúng lệ quy và vận động chồng chị học tập tốt, nao động tốt...”

Tại chị ù đi, chẳng cần nghe hẳn nói tiếp những gì, cho tới khi nhìn thấy anh, được gặp anh là hạnh phúc lắm rồi, dù cho còn có chướng ngại vật như con sông quái ác ngăn đôi vợ chồng là cái bàn và tên cán bộ đang ngồi chăm chú nhìn!

Từ hai bờ Nam-Bắc của cái bàn, tay cùng vươn tới nhưng không được cầm tay nhau để truyền hơi ấm, chỉ có mắt trao đổi tình yêu thương, ngàn lời nói cũng không

đủ, nhưng vừa mới nhìn nhau chưa kịp chớp mắt thì “thần chết” cai tù đã vung lư ỡi hái lên rồi tuyên bố hết giờ!

Văn minh thật! Chị nghĩ thầm và cũng thầm khen bọn Cộng Sản tiến bộ rất nhanh, từ lúc hấn mang bộ mặt đồ đá, quá độ sang đồ xạo, cầm xong cái “đồng” là hấn mau chóng tiến tới thời kỳ đồ đều chỉ trong vòng mười lăm phút, sao mà chúng có thể trở mặt nhanh thế! Thời gian cũng chạy nhanh theo thói xảo trá của chúng đến thế sao! Chị liếc nhìn xuống cái chỗ “đề ngòi” củamình rồi nhìn mấy ngôi sao đỏ trên cổ áo tên cai tù mà giận càn hông, rửa thầm: “mặt chúng mày toàn là một lũ đồ...đồ”

Chị biết chúng nó đã ăn gian, chúng muốn kiểm chuyện hết giờ để lột thêm cả những thứ ở ... phía dưới! Chị nhìn xuống chỉ còn đôi dép Nhật mòn gót dưới chân! Nhưng thôi, chả cần thiết phải phí phạm thêm vài giọt nước bọt, nhìn thấy anh chưa bị vùi thân dưới chân đồi, bên nương sắn như một số đồng tù bất hạnh khác là được rồi, nếu ngòi thêm dăm ba phút nữa thì chị là người sẽ vi phạm nội quy vì ôm chồng chứ không phải vì anh nắm tay vợ.

Vừa bước ra khỏi cửa nhà “thăm nuôi”, anh quay vào nhà tù nhỏ, chị trở về nhà tù lớn, hai vợ chồng đã bị khuấy mắt bởi những đồi sắn, núi khoai mì trùng trùng điệp điệp, cả hai chinh phu và chinh phụ thời hậu 1975

cùng vừa ngoái đầu quay lại, vừa đi lui, đi giật lùi ruột gan như xát muối:

*“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy.
Thấy xanh xanh những núi rừng khoai.”*

Chuyện đi thăm chồng của người vợ lính ở các trại tây nào đều cùng hoàn cảnh tương tự như thế cả, sau vài ngày đường xa vất vả, bám theo tàu hỏa nóng như lửa, tới miền Bắc, cái nôl của XHCN thì bám theo xe trâu, cúi đầu đi theo lũ “bò vàng”, tay dắt con nhỏ, chân lội bộ cả ngày đường, vén quần vượt suối, ôm bụng lội bên phà Trang, vượt trăm gian ngàn khổ đứng ngoài vòng rào trại giam ngóng cổ trông chồng, người thì thấy kẻ thì không, không biết các anh còn hay đã lên đồi, nổi thống khổ này để mấy ai biết!

Sách các anh viết về đời sống thú... ơ là thú trong các trại tù thì bày bán tràn ngập phố phường, nhưng những bước đường các em đi đến trại giam người yêu, vợ lần mò khắp rừng sâu núi thẳm để thăm chồng thì vẫn không thấy câu thơ bài văn nào nói đến cả? Các anh ngày xưa có ngòi bút tài hoa lá lướt biển dâu rồi? Dẫn cho nay mực của các anh còn hay đã cạn thì cũng mạnh dạn vươn vai đứng lên cổ nguệch-ngoạc viết cho chúng em đôi điều gọi là “còn một chút gì để nhớ để thương” chứ các anh cứ tả cảnh tả tình bọn gian manh hành hạ các anh mà không viết vài lời gọi là cảm ơn vợ đi nuôi chồng khiến chúng em vẫn ngóng cổ cò, như con cò lặn

lội bờ sông gánh gạo nuôi chồng thì chờ đến bao giờ mới được đọc hồi ký các anh viết về chuyện vợ đi nuôi tù?

Sau những ngày tháng bòn mót sửa soạn rồi lặn lội từ Nam ra Bắc, từ đồng bằng lên đồi cao rừng sâu núi thẳm để thăm nuôi chồng, 3 ngày đường đôi lầy 30 phút, mắt nhìn mất mà tay chẳng được cầm tay, rồi chàng trở về trong song sắt, nàng lững thững ngoài chân mây!

Nếu như chúng ta đã có những bài thơ hay, bài nhạc hùng ca tụng người lính thì lại thiếu nhiều lời nói về người những người mẹ, người vợ, người đẻ ra lính, nuôi lính, những người đứng sau lưng làm chỗ dựa vững chắc cho lính tiến về phía trước, bước ra sa trường. Những người mà các chàng Không Quân hào hoa gọi là người “lái phi công”, ông Bộ Binh tôn vinh là hoàng hậu chiến trường, Nhảy Dù nâng nàng lên hàng nội tướng, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Pháo Binh, Thiết Giáp âu yếm phong các nàng làm tổng chỉ huy hậu phương, dễ thương hơn thì gọi là “nàng dâu” Võ Bị, Thủ Đức, Đồng Đế v.v.. Là gì đi nữa thì chính “bà” mới là người góp công lao đem đến chiến thắng của các anh nhưng họ lại âm thầm hứng chịu quá nhiều cay đắng, vẫn vắng lời thì thầm bên tai: “Cám Ơn Em.”

Từ khi biết “*anh thích màu trời*” thì em đã bồi hồi chọn “*màu áo xanh*”, nhưng rồi anh KQ bay bổng trời cao, anh Mũ Xanh hành quân bốn vùng chiến thuật, anh HQ lắc lư con tàu đi, anh rần rì hô “Biệt Động Sát”, anh

Nhảy Dù Cố Gắng nên chúng em chẳng thấy bóng dáng các anh đâu ! Dầu cho có về hậu cứ nghỉ ngơi một vài ngày để tái trang bị thì vẫn ứng chiến, cắm trại! Có đúng thế không hay anh lại phịa ra chuyện đi hành quân vùng hậu tuyến khu trên xóm dưới? Biết anh thích noidôi nhưng chúng em vẫn bồi hồi cố tin lời anh nói:

“Một trăm em ơi! Chiều nay (cắm trại) một trăm phần trăm.”

Người chinh phụ tân thời đưa vai gánh vác giang sơn nhà chồng, hiếu với cha yếu mẹ già, nuôi đàn con dại để chinh phu rong ruổi từ Bến Hải tới Cà Mau, đêm đêm nghe tiếng súng đại bác từ xa vọng về, ôm con nguyện cầu ông bà tổ tiên Chúa Phật cho chinh nhân bình an trở về

“Chinh nhân ơi, xin anh trở về.”

Anh về rồi anh lại đi ngay, có khi đi mãi không bao giờ trở lại!”

Đất nước tôi chiến tranh bao trùm nhiều thế hệ, giặc Tàu, giặc Tây, giặc Cộng, nhiều tuổi trẻ đã thay nhau ra chiến trường, có anh trở về thì đã hòm gỗ cài hoa em thành quả phụ! May mắn hơn thì anh trên chiếc băng-ca, anh đu mình trên đôi nạng gỗ, dù có như thế nào đi nữa, dầu có để lại một phần thân thể nơi chiến trường thì ngày anh trở về vẫn không bao giờ “làm dang dở đời em”.

Ai đã từng là thân nhân của lính, mẹ lính, vợ lính đều có những giây phút căng thẳng đứng lặng nhìn những xe cứu thương hồi hải lao về phía bệnh viện, những xe GMC chở quan tài phủ cờ lặng lẽ đi trên đường phố, những xe jeep lấm bùn từ mặt trận trở về tìm đến xóm nhà mình ở.

Thấy xe jeep đậu xích trước cửa, em vội vàng lấy tay đề lên ngực như muốn ngộp thở, anh về phép với mẹ con em hay người ở hậu cứ tìm nhà báo tin anh đã hy sinh vì Tổ quốc? Đời vợ lính mãi mãi sống trong hồi hộp lo âu như thế! Kinh Thánh nói: “Con người ta sống không chỉ bằng cơm áo mà còn phải sống bằng tình thương”, ai có sống trong hoàn cảnh trông chờ người thân yêu mới thấy thương người vợ lính lúc nào đâu cũng đau như búa bổ.

Người lính quanh năm suốt tháng miệt mài xông pha nơi chiến trường, mấy ai có dư thì giờ nghĩ đến hậu phương mà buồn mà lo! Lo là lo cho tròn nhiệm vụ, anh Bộ Binh lo tiến chiếm mục tiêu bằng mọi giá! Cái giá anh phải trả là chính thân xác các anh. Anh Không Quân lo sao thả vài trái 500 pounds cho trúng đầu người “anh em” dưới đất mà quên đi những viên đạn 12 ly từ dưới đất bay lên “hit & run”. Nếu nó hit mà không run, nó lại nằm lì trong thân anh thì anh nằm xuống nhẹ nhàng thanh thản, anh không còn đón đau sâu oán. Một hỏa tiễn SA7 bay lên làm nổ tung chim sắt, cả chim sắt lẫn “chim” người cùng trở về với đất, anh không đau mà cũng chả buồn, người buồn chính là chúng em , những

người “lái phi công”. Chim ăn biển Bắc người tìm biển Đông cũng còn có ngày gặp, nhưng anh thì không bao giờ em còn thấy, đêm về em tìm anh trên vách, chỉ bóng mình bảo cho con biết đó là bố con. Bố con là Không Quân, Bộ Binh, Nhảy Dù, Thiết Giáp, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến, những người sống hùng, sống mạnh nhưng không sống lâu, bố con là người hùng!

Khi bị nghi cuộc chơi, người Không Quân gãy cánh, bỏ bầu trời xanh, anh Hải Quân không còn được yêu đời biển cả mà lắc lư con tàu đi đến đất lạ, chàng Kỵ Binh xếp áo giáp loang vết máu gục đầu trên pháo tháp! Sao không về đây gục đầu trên vai em ? Pháo Binh súng to lòng dài thì xếp còng, bỏ lựu đạn lân tinh vào... lòng để mặc cho địch tự do ngày đêm pháo kích rung rinh tan nát đời vợ lính!

Cuộc chiến tàn nhưng không thanh bình, ngày trở về anh không về chống nạng cày bừa bên người yêu sẵn lòng giúp đỡ mà lại chống gậy vào tù khiến người vợ lính lại hóa kiếp thành người vợ tù nhưng vẫn phải tiếp tục chiến đấu.

Bao đau thương cực khổ suốt đời của người vợ lính nay cô đọng thành chén thuốc đắng, thuốc đắng không già tật mà làm người vợ lính thành tàn tật cả thể xác lẫn tâm hồn. Con cò lặn lội bờ sông, đầu đường xó chợ, dãi nắng dầm mưa, kiếm gạo nuôi con, nuôi chồng, còn nước mắt đâu để mà khóc nỉ với non?

Dù quan hay lính thì ngày xa xưa còn có dịp lên xe (jeep) xuống ngựa (sắt), cuối tháng bắt tí tiền còm đưa hiện thê tiền lính tính liền, nay không còn cách tính nào hơn là “chôm” đồ nhà đem đi bán.

Nếu như trước đây hào hoa nhất lính KQ, có mỗi cái quần anh cũng bán đi, sáng mai anh mặc bằng gì? Anh mặc cái áo anh đi lòm khòm chỉ vì cái tật bài bạc “cú lữ tàng tàng” thì nay nàng lái “phi công” không còn xu nào để chi mà chỉ hoa c ả mắt vì vật lộn mưu sinh nên bắt buộc còn cái quần lót cũng phải bán đi để tiếp tế cho chồng trong tù được thêm hũ mắm ruốc, nắm thuốc rê, v.v..

Chuyện tưởng như đùa mà có thật, chuyện kể rằng chị XYZ, người lái “phi công” nhận được thư chồng xin tiếp tế, nhìn quanh nhà chẳng còn gì để bòn để mót, chỉ còn một xếp quần lót 7 màu (Monday To Sunday) mà ngày đầu tiên khi đi du học từ Mỹ Quốc trở về anh đem đến tặng em để làm kỷ niệm, em vẫn giữ kỹ để dành hơi mong tặng lại anh khi về phép. Nay thì thôi đành biến những kỷ niệm ấy thành hũ mắm ruốc, bánh thuốc Lào. Trong tù, ăn mắm ruốc anh sẽ nhớ đến em, hút thuốc Lào anh thấy hình ảnh em qua làn khói.

Bên cạnh những khó khăn vật chất, người vợ tù còn phải thắt dây lưng, buộc bụng cho thật chắc để chiến đấu chống chính sách khoan hồng (vô) nhân đạo của cái đảng

tà ma “nhà ngụ ta ở, con ngụ làm đầy tớ, vợ ngụ ta cướp”!

Đây mới chính là mặt trận gay cán và nguy hiểm mà người vợ lính phải đối phó, nó mờ-mờ ảo-ảo khôn lường, chiến trường khốc liệt như vậy mà tuyệt đại đa số các chị em đã chiến thắng, vẫn chờ tới ngày các anh về. Nếu như ngày xưa ngoài chiến trường, đối đầu với kẻ thù, các anh đã chiến thắng bằng súng đạn rồi thăng cấp, rồi huy chương cuống, huy chương thòng mang lủng lẳng trên ngực, nay các chị chiến thắng ở mặt trận “tình trường” là chỉ cốt bảo toàn “lãnh thổ” để chờ đợi các anh về, không cần huy chương, lo sợ bị thăng cấp làm “vợ cả vợ hai”.

Giả thử, giả thử thôi, sau 30 tháng 4, 1975 chị em vợ lính vào tù, còn các anh ở lại săn sóc con dại, phụng dưỡng cha mẹ già thì các anh đi thăm nuôi vợ được mấy lần? Nếu phải chiến đấu chống lại chính sách của địch là “nhà ngụ ta ở, chồng ngụ ta lấy” thì các anh có chống chọi nổi với những nữ VC không, dẫu cho họ không hương không sắc, là những người “trước sau như một”, thì có bao nhiêu anh bị gục ngã trên “chiến trường” này? Nói thực tâm đi.

Chịu thua hả? Vậy thì đã có anh chồng nào nói lời cảm ơn vợ thay cho tấm huy chương chung tình về sự chiến thắng của các chị chưa? Chưa hả? Thế thì nói đi là vừa, muộn còn hơn không, một bông hồng trao tận tay trong ngày đại hội, ngày họp khóa, ngày sinh nhật, ngày

“va-lăn-thai” (ngày dành cho tình yêu), ngày lễ Tạ Ôn, nhất là ngày Happy Mother’s Day (Ngày lễ dành cho mẹ).

Chúng ta còn sống sót sau cuộc chiến, còn may mắn có dịp gặp lại nhau trên đất khách lưu vong, ai có niềm tin thì cho đó là một đặc ân của Thượng Đế, ai còn máu mê cờ bạc đỏ đen thì cho đó là bon-nót v.v.. thì tất cả chúng ta cũng phải nhớ: “Có anh đây” khi vợ cần giúp đỡ. Thêm một chút, chút thời gian nghĩ đến đồng đội còn ở lại ở trong nước, họ đã trả nợ Tổ Quốc xong cả vốn lẫn lời thì chúng ta chớ vội vác cờ đi đón gió, hãy dành cho các bạn ấy một chỗ nhỏ nhỏ trong trái tim ta, nghĩ đến những anh em Thương Phế Binh VNCH trước khi mở bàn tay, tấm lòng bác ái đối với người dân “Xã Hội Chủ Nghĩa”.

Còn người bạn đời của anh em chúng ta nay đã trở thành các “bà,” tuy được an hưởng hạnh phúc lúc tuổi “chưa” già bên sự thành công của con cháu nhưng vẫn không quên khổ đau quá khứ, và hiện tại trong người lại thêm nhiều chất “cao” khó trị! Các anh đâu? Hay mau mau điều các chị đi trị, nói lại cho rõ là đi điều trị bệnh cao mỡ, cao máu, tiểu đường, sạn thận v.v..

Những dịp họp đại hội, họp khóa của các anh thuộc mọi quân binh chủng và quân trường, các anh đã, đang và sẽ nâng niu bông hồng để tặng người yêu cho đôi má thêm hồng, nụ cười thêm duyên, nhân dịp lễ Tạ Ôn, lễ

Giáng Sinh và năm mới, Happy Mother’s Day người viết xin tạ ơn quý bà mẹ lính, quý chị vợ của lính đã chờ đợi lính đi hành quân, nuôi lính trong tù. Xin chân thành cầu chúc tất cả các chị vợ lính thuộc mọi quân binh chủng, những người điều khiển hạm trường, những vị lái “phi công” và cả nhà tôi nữa, mãi mãi thật vui tươi và khỏe mạnh để cùng các anh tu bổ và bảo trì cái hạnh phúc đang ở trong tầm tay, đó là những hạnh phúc có thật.

Còn anh em chúng ta, dù là “vỏ khoai hay vỏ bí”, Võ Khoa hay Võ Bị, Mũ Nâu, Mũ Đỏ, Mũ Xanh, Mũ Đen v.v.. nay không còn ở cái tuổi xung phong ào ào vào mục tiêu nữa mà đang từng bước, từng bước tiến dần lên đồi cao! Chúc các anh cái gì cũng mới, trừ tình yêu. Chớ vì vốn sẵn mang trong máu cái tính hào hoa mà phải lặn lội về phương Đông xa xôi, trâu già ham gặm cỏ non để tìm, để chọn cái gọi là hạnh phúc, cái hạnh phúc ấy hao-hào (tốn tiền) mà lại nhiều hoa (liều) sẽ mang họa vào thân vì những quỷ thần mang tên “ếch”, dính vào thì thân không bại thì chân cũng liệt, thiệt thân./.

Những Hôn Hoang Trên “Pháp Trường Cát”

C hiều 28/3/75, trong khi Trung Tướng Ngô Quang Trường, Tư Lệnh Quân Đoàn I (TLQĐI) đang họp cùng các tư lệnh quân binh chủng tại Bộ Tư Lệnh Vùng I Duyên Hải ở Tiên Sa thì Việt Cộng pháo kích làm một số trực thăng của các vị tư lệnh bị hư, sau đó thì Trung Tướng Ngô Quang Trường đến nghỉ đêm tại Trung Tâm Hành Quân Thủy Quân Lục Chiến (TTHQ/TQLC) trong căn cứ Non Nước, Đà Nẵng.

Lúc 6.30 sáng ngày 29/3/75, có hai tàu Hải Quân (HQ) Vùng I Duyên Hải vào đón TQLC tại bãi biển Non Nước nên Trung Tướng Ngô Quang Trường cùng Đại Tá Nguyễn Thành Trí Tư Lệnh Phó Sư Đoàn TQLC lên một trong hai chiếc tàu này. Chúng tôi thuộc Trung Tâm Hành Quân thì bơi ra chiếc tàu thứ hai.



*Non Nước, sáng 29/3, những cái đầu hụp lặn
sẽ chết “vì nước”*

Nếu độc giả nhìn kỹ bức hình thì sẽ thấy những đốm đen nhấp nhô hụp lặn dưới nước, nếu không được kéo lên tàu thì chỉ trong chốc lát là họ sẽ chết “vì nước”. Tôi là một trong những đốm đen đó nhưng may mắn năm được sợi dây từ trên tàu xuống rồi được kéo lên. Từ trên boong tàu, tôi nhìn xuống mặt nước biển thì mới thấy có quá nhiều anh em đã bất động, nổi lệnh bênh từ gần sườn tàu rồi trôi dạt ra xa như những đám bèo lục bình trôi!

Khi mọi người còn ở trên bờ biển đang tìm phương tiện để bơi ra tàu thì Việt Cộng pháo kích, khói lửa mù mù. VC cũng pháo ra biển, nơi tàu đậu, vài trái rơi gần tàu tạo nên những cột nước cao khiến các anh Hải Quân

phải vội vàng lui tàu ra khơi. Khi tàu gài số de, có rất nhiều người xung quanh tàu bị cuốn theo dòng nước và họ đã vĩnh viễn ở lại với đại dương!

Tôi xin nói rõ về trường hợp của Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369/ TQLC và Tr/Tá Đỗ Hữu Tùng, Lữ Đoàn Phó trên bãi biển Non Nước sáng ngày 29/3/1975.

Sáu giờ sáng ngày 29/3/75, hai anh Phúc, Tùng và Trần Văn Hợp (Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2) còn đứng nói chuyện với tôi trước cửa hầm Trung Tâm Hành Quân, (trong khi đó thì Trung Tướng Trưởng đang ngồi trong hầm). Khi có hai tàu HQ tiến vào bờ, vì tôi làm việc ở TTHQ được lệnh đi ra tàu trước, nên tôi đứng nghiêm chào hai anh Phúc, Tùng và Hợp, vì hai anh ở lại bờ để chờ “đưa con” là TĐ9/ TQLC của Th/Tá Lâm Tài Thạnh đang từ xa rút về Non Nước.

Lữ Đoàn 369/ TQLC vào lúc đó gồm có 3 tiểu đoàn tác chiến. Đó là các TĐ2, 6, 9. TĐ2 của Thiếu Tá Trần Văn Hợp và TĐ6 của Trung Tá Lê Bá Bình đã về đến căn cứ Non Nước, nhưng TĐ9 của Thiếu Tá Lâm Tài Thạnh còn ở xa và đang đi chuyển về nên hai anh Phúc và Tùng ở lại chờ TĐ9. Sau đó hai anh mất tích trong đợt VC pháo kích, tôi chỉ biết đến đó.

Đại Tá Nguyễn Năng Bảo, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 258/ TQLC, kể lại rằng khi ông đi ra tàu thì thấy

hai anh Phúc và Tùng còn ngồi trên bờ, Đại Tá Bảo hỏi anh Phúc sao chưa lên tàu thì hai anh nói là còn chờ “thằng 9”.

Trưởng Ban Ba của Tiểu Đoàn 9/TQLC là Đ/Úy Đoàn Văn Tịnh đã viết trong hồi ký về cuộc lui quân rằng đang lúc liên lạc vô tuyến với hai anh Phúc Tùng để nhận lệnh thì nghe một tiếng nổ lớn dội vào “ô-bạc-lo” của máy truyền tin C25 và mất liên lạc ngay với hai anh từ lúc đó.

Từ những việc tôi nghe và thấy, từ nhân chứng là Đại Tá Bảo, sự việc tiếng nổ mà Đại Úy Tịnh nghe thấy trùng vào lúc VC pháo kích lên bờ biển thì tôi nghĩ hai anh đã...! Nhưng vì không chứng kiến tận mắt nên tôi chỉ có thể nói là Tr/Tá Nguyễn Xuân Phúc và Đỗ Hữu Tùng đã “mất tích” ở bãi biển Non Nước trong khi đang chờ thuộc cấp rút quân về.

Nếu ai không chứng kiến tận mắt, không có những sự kiện cụ thể thì chớ nên nghe tin đồn rồi suy diễn rằng hai anh đã “bay” đi trước, hoặc ông nhà báo tên Kim ở Bộ Tư Lệnh Hải Quân mà lại viết rằng hai anh Phúc và Tùng bị pháo kích khi đang bơi ra tàu (?).

Tôi đã chiến đấu dưới quyền anh Phúc từ khi tôi còn là trung đội trưởng và đại đội trưởng TĐ2/ TQLC. Anh là một cấp chỉ huy và lãnh đạo lý tưởng của TQLC nói riêng và Quân Lực VNCH nói chung thì không có

chuyện bỏ thuộc cấp mà bay đi. Quân Đội có những cấp chỉ huy như các anh Phúc Tùng, Hợp thì sẽ không có những “Hồn Hoang”.

* * *

Trong chương trình Huynh Đệ Chi Binh của nhà văn Huy Phương trên đài SBTN nói về việc đồng bào thôn An Dương, Thuận An, Huế, đã cải táng được năm mộ tập thể 132 quân nhân tử trận trên bãi biển Thuận An vào những ngày cuối tháng 3/1975. Tám bia của năm mộ tập thể được trang trong ghi dòng chữ:

“Thập Loại Cô Hồn Hiễn Hách Chi Mộ”.

Hai chữ “hiễn hách” đã nói lên tấm lòng thương mến và kính trọng của người dân thôn An Dương đối với các quân nhân VNCH đã hy sinh. Nhân dịp này anh Huy Phương có phỏng vấn tôi một số chi tiết liên quan đến “biển cố” Thuận An. Buổi nói chuyện của ông đã được phổ biến trên TV khắp các tiểu bang Hoa Kỳ và gây xúc động cho nhiều người, nhất là những gia đình có chồng, con, anh, em mất tích trên bãi cát này, nên quý vị đó đã gọi điện thoại cho tôi yêu cầu nói rõ thêm về cuộc rút quân của Lữ Đoàn 147/ TQLC.

Quý khán thính giả đã xem chương trình Huynh Đệ Chi Binh của nhà báo Huy Phương như các anh Tô Đức Hạnh (Alhambra, anh của cố Đ/UY Tô Thanh Chiêu), Phan Hữu Hạnh (Witchita), Nguyễn Công Thân

(Arizona), Lữ Minh Đức (San Francisco), Đỗ Văn Minh (Houston, Texas) và nhất là chị Lâm Hồng Bạch (San Jose) đã khóc ngất khi hỏi tin tức về em trai là Trung Sĩ TQLC Lâm Phi Hạnh mất tích tại Thuận An. Vì vậy tôi xin được nói rõ THÊM về những điều tôi đã nghe và thấy trong nhiệm vụ của một người trực TTHQ Sư Đoàn TQLC tại Non Nước. Ngoài ra tôi còn tham khảo thêm bài viết của các Mũ Xanh khác. Ngoài nhà văn Cao Xuân Huy với “Tháng Ba Gãy Súng” đã xuất bản, còn mỗi người lính TQLC bị đẩy ra bãi cát Thuận An đều có “cây súng bị gãy”, nhưng các bài viết này mới chỉ phổ biến trong nội bộ TQLC mà thôi, đó là:

- “Tháng Ba Buồn Hiu” của Tiểu Cần, âm thoại viên của Tư Lệnh TQLC.

- “Những Người Lính Bị Bỏ Rơi” của TQLC Phạm Vũ Bằng.

- “Người Lính Sau Cùng Tuyến Sông Bò” của Thiếu Úy Phan Văn Đông.

- “TĐ7/TQLC Từ Cuộc Di Tàn 23/3/75 của Thiếu Tá Phạm Cang, TĐT/ TĐ7.

- “Ngày Tháng Không Quên” của Tango Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn TQLC.

Chiến đấu là có thắng có thua, mà phần quyết định thắng thua thường do khả năng và tài lãnh đạo của cấp chỉ huy. Viết về một chiến thắng thì quá dễ dàng, vui

trong bụng và làm hài lòng những người tham dự, nhất là những cấp chỉ huy trận đánh đó. Nhưng rất dễ “lãnh đạn” khi viết về một chiến bại, dù cho là “Can Trường Trong Chiến Bại”. Viết về biến cố Thuận An thì lại càng khó. Nó không chỉ là chiến bại, mà là một tan hoang! Tan hoang không hoàn toàn do địch quân, mà có phần trách nhiệm chỉ huy cao cấp của cuộc rút quân đó! Lại càng khó khi những nhân vật chỉ huy cao cấp đó còn đây. Không khéo lại bị mang vạ là hỗn hào, sao dám phê bình... sao?

Biết vậy nhưng tôi vẫn phải viết, viết để trả lời cho những người đã khóc, đang khóc, và còn khóc mãi khi thân nhân của họ là những oan hồn chưa tìm được nơi tạm trú, những hồn hoang vẫn còn lang thang trên “pháp trường cát” Thuận An vào những buổi hoàng hôn.

Trong buổi nói chuyện trên SBTN, nhà văn Huy Phương hỏi tôi:

- Nhiệm vụ của Sư Đoàn TQLC tại Vùng 1.
- Lý do rút quân và diễn tiến những gì xảy ra trên bãi biển Thuận An?
- Tổn thất như thế nào? Có bao nhiêu TQLC về được Đà Nẵng?
- Nếu có mặt của vị chỉ huy cao cấp (?) tại chỗ thì tình thế sẽ ra sao?
- Những hoạt động của TQLC sau đó và những ngày cuối cùng của cuộc chiến.

Xin trả lời:

Cuộc hành quân Lam Sơn 719 Hạ Lào năm 1971, một cuộc chiến kỳ quái thí quân, rồi sau đó tới “Mùa Hè Đỏ Lửa”, tái chiếm Cổ Thành đã khiến hai Binh Chung Nhảy Dù và TQLC bị tiêu hao khá nặng. Tổng trừ bị là vậy, nhưng rồi sau đó thượng cấp biến các đơn vị này thành lực lượng địa phương với nhiệm vụ đóng đồn giữ đất, cắm chốt, đào giao thông hào! Một trung đội trưởng còn biết sự cần thiết của lực lượng trừ bị, vậy mà giới lãnh đạo lại không?

Sau khi Ban Mê Thuột (BMT) bị mất ngày 10/3/75 thì ngày 13/3/75, “thượng cấp” mới giật mình tỉnh cơn mê, không có tổng trừ bị bèn vội vàng kéo Nhảy Dù, đang trấn thủ Đà Nẵng, về Nam, và để trám vào tuyến của ND là kéo LĐ258 và LĐ369/TQLC, đang giữ đất ở Quảng Trị, Huế di chuyển vào Đà Nẵng, Thường Đức, và chỉ còn lại LĐ 147/ TQLC phòng thủ tuyến Sông Bò và bảo vệ Huế. Lực lượng thay thế 2 Lữ Đoàn TQLC với 5 ngàn tay súng là Liên Đoàn 14/ BĐQ với quân số 1400.

BMT bị mất, Dù về Nam, TQLC xuôi vào Đà Nẵng đã ảnh hưởng rất lớn đến các lực lượng chiến đấu ở Quảng Trị, Huế, đây là chưa nói đến áp lực địch gia tăng và dân chúng hoảng loạn bắt đầu di tản, thì việc phòng thủ Huế đã quá mong manh.

Lúc 14 giờ 30 ngày 24/3/75, tại căn cứ Hải Quân Thuận An, Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I Tiên Phương Lâm Quang Thi họp với Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Đại Tá Hy Tham Mưu Trưởng QĐI Tiên Phương, Đại Tá Duệ Tĩnh Trưởng Thừa Thiên, Đại Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó TQLC để bàn kế hoạch rút quân. Kế hoạch đã được trình lên Trung Tướng Tư Lệnh QĐI và được chấp thuận.

Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày Đ/Tá Hy đi trực thăng đến trao công điện cảm tay cho Đại Tá Nguyễn Thành Trí lệnh rút quân và Đ/Tá Trí ra lệnh cho các đơn vị TQLC thi hành vào lúc 18 giờ ngày 24/3/75.

Trong phạm vi bài viết này, tôi không đề cập tới lệnh rút quân của QĐI Tiên Phương đã được soạn thảo như thế nào và tôi cũng không đề cập tới việc rút quân của các đơn vị bạn như Sư Đoàn I BB, Biệt Động Quân, Thiết Giáp v.v.. mà chỉ đề cập tới lệnh rút quân ban cho LD147/ TQLC.

Đại Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó TQLC kiêm Tư Lệnh Lực Lượng Tây-Bắc, mà nỗ lực chính là LD147, đã viết trong “Những Ngày Tháng Không Quên”, (xin trích):

* * *

Tướng Thi đề nghị kế hoạch rút quân khỏi Huế lên Tướng Trưởng:

1. Lực lượng Tây Bắc Huế do tôi chỉ huy sẽ rút về Thuận An, sau đó đi chuyển về cửa Tư Hiền. Tại đây, Hải Quân và Công Binh Quân Đoàn I sẽ phối hợp thiết lập cầu phao để các cánh quân vượt sông nhanh chóng và dễ dàng.

2. Sư Đoàn 1 Bộ Binh do Tướng Điền chỉ huy sẽ rút theo trục Quốc Lộ 1 và sẽ tập trung về điểm vượt sông, song song với cánh quân TQLC (trg 538).

Sáng sớm ngày 25/3/75, LĐ147/ TQLC báo cáo đã hoàn tất việc tập trung bên này bờ biển, cách Thuận An 9 cây số về phía Đông Nam (trg 539). Khoảng 10.30 giờ, qua tần số không lục, LĐ147/ TQLC nhận được lệnh của Quân Đoàn I Tiền Phương hãy chuẩn bị tại chỗ để tàu vào bốc, kế hoạch di chuyển về cửa Tư Hiền bị hủy bỏ vì không thể thực hiện được cầu phao do tình trạng an ninh và thủy triều bất lợi (trg 540).

Tư Lệnh Lực Lượng Tây Bắc ra lệnh rút lúc 18 giờ ngày 24/3 mà sáng sớm ngày 25/3, chỉ trong vòng hơn một đêm mà LĐ147/ TQLC đã di chuyển từ tuyến Sông Bồ (TĐ5) và sẵn sàng tại điểm tập trung, phía Nam cửa Thuận An 9 km, tiếp tục đi chuyển về cửa Tư Hiền để vào Đà Nẵng là một cuộc hành quân lui binh rất khó khăn nhưng LĐ147 đã hoàn tất đúng với lệnh của Quân Đoàn I Tiền Phương. Tuy nhiên đến 10.30 sáng thì kế hoạch thay đổi, vì không bắc được cầu phao qua cửa Tư

Hiền* nên LD147/ TQLC dùng quân tại chỗ để tàu Hải Quân vào bóc.” (Hết trích.)

* * *

*(*Cửa Thuận An và Tư Hiền rộng như một con sông nối liền biển với các đầm nước trong đất liền, phòng thủ và vận chuyển tại cửa Thuận An là trách nhiệm của Duyên Đoàn 12 và tại cửa Tư Hiền là Duyên Đoàn 13, thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải)*

Rút quân bằng đường bờ biển vào Đà Nẵng qua cửa Tư Hiền thì yếu tố quyết định là phải có cầu phao tại đây, hay tối thiểu phải là các tàu há mồm để chuyển quân từ bờ này sang bờ kia. Tướng Tư Lệnh Tiền Phương đã ra lệnh cho Hải Quân và Công Binh thi hành, vậy mà chỉ trong một đêm đã báo cáo kết quả là không thực hiện được. Thượng cấp ra lệnh lập cầu khi chưa cho thám sát địa thế, phương tiện chưa sẵn sàng, chưa nghiên cứu thủy triều, hay là thuộc cấp không tuân lệnh hành quân? Điểm chết quân, chết cả một lữ đoàn là ở chỗ này đây.

Bờ biển từ cửa Thuận An đến cửa Tư Hiền là một hòn đảo cát, Đông, Tây, Nam Bắc là nước. Đã ra đến đây rồi thì đường rút quân vào Đà Nẵng chỉ có duy nhất vượt qua cầu phao tại cửa Tư Hiền. Nhưng bắc cầu phao đâu phải vẽ trên giấy? Kết quả là thế đấy!

Nhưng thôi, không có cầu phao thì Quân Đoàn I Tiền Phương ra lệnh dừng quân tại chỗ để tàu Hải Quân vào đón. Thật là tuyệt diệu vừa nhanh chóng, an toàn, vì dưới tay Quân Đoàn là cả một lực lượng Hải Quân Vùng I hùng hậu đầy đủ tàu thuyền của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại Tư Lệnh Vùng I Duyên Hải, ông biết mọi đặc tính của vùng biển này như trên bàn tay. Nhưng rồi chuyện gì xảy ra? Xin nghe Đại Tá Tư Lệnh Lực Lượng Tây-Bắc nói:

- Khoảng 13:00 giờ, ngày 25/3, một hải vận hạm (LSM) đến bãi bốc, nhưng lại đậu cách xa bờ 200m, làm sao binh sĩ lội ra được trong tình trạng sóng to gió lớn lại còn phải đem theo thương binh và tử sĩ? Nếu có vài chiếc LCM để chuyển quân từ bờ ra tàu lớn thì mọi việc đã có thể giải quyết tốt đẹp, vì loại tàu LCM có thể vào sát bờ hơn. Thấy không thể giúp gì được nên chiếc LSM đi chuyển đi nơi khác sau khi hứa sẽ gọi tàu LCU đến để bốc quân. (Trích Ngày Tháng Không Quên trang 540.)

Từ khi ra lệnh dừng quân đến khi tàu đến phải mất gần 3 tiếng đồng hồ (10:30 - 13:00)? Đến rồi lại bỏ đi! Thiếu Tá Phạm Cang TĐT/TĐ7/ TQLC nói về trường hợp này, tàu Hải Quân vào đón như sau:

- Tàu đậu cách bờ 200m lại thêm sóng to gió lớn là một trở ngại vô cùng khó khăn. Từng toán 20 TQLC nắm tay nhau lội ra tàu nhưng bị sóng đánh dạt lại vào bờ trông thật thảm! Các đơn vị cố gắng nhiều lần

nhưng đến 5 giờ chiều thì không một quân nhân nào ra đến tàu được. Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng gọi các Tiểu Đoàn Trưởng (3, 4, 5, 7, TĐ2 Pháo Binh) đến họp và ông ra lệnh phòng thủ tại chỗ để chờ xuống tàu theo kế hoạch Alfa. (Ngưng trích)

Ngồi chờ tàu vào đón từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều, tàu đến rồi tàu lại đi vì sai kế hoạch, trong khi địch quân thì có 7 tiếng đồng hồ, quá dư thời gian để bám sát đuôi theo, rồi trận chiến đã xảy ra, địch đã núp sẵn trên các cao điểm, hướng đủ mọi loại súng vào quân ta dưới bờ biển, trên bãi cát. Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam TĐP/TĐ4/TQLC và Đại Úy Tô Thanh Chiêu ĐĐT/ĐĐ3 tử thương vào lúc này. Kế hoạch Alfa như thế nào và đã được thực hiện ra sao? Th/Tá Cang viết tiếp như sau (xin trích):

- Tôi hôm đó (25/3/75) Lữ Đoàn 147/ TQLC đóng quân đợi thi hành kế hoạch Alfa tức là xuống tàu Hải Quân vào lúc 12 giờ đêm, theo thứ tự Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn, TĐ2 Pháo Binh rồi tới các TĐ 4, 3, 5, và 7. Thế rồi 12 giờ đêm đã tới, 1 giờ khuya đã qua, rồi 3 giờ sáng, các con tàu vẫn không vào bờ! Xa xa ngoài khơi, ánh đèn các con tàu vẫn còn đó, nhưng mọi vật hình như bất động! Đến 8 giờ sáng ngày hôm sau (26/3) mới có một chiếc LCM vào đón thương binh và Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. (Ngưng trích.)

Hành quân lui binh khó khăn gấp trăm lần hành quân tấn công, vậy mà LĐ147/TQLC với các Tiểu Đoàn 3, 4,

5, 7, và TĐ2PB đã thi hành đúng theo lệnh, dùng quân trên đảo cát để tàu vào đón, nhưng chờ gần một ngày một đêm (10.30 sáng ngày 25/3 đến 8 giờ sáng ngày 26/3) vẫn không có con tàu nào, chúng vẫn bất động trước mặt, còn địch quân có “bất động” như những con tàu đâu? Chúng đã thần tốc bám theo quân ta, gần 24 giờ đồng hồ “ta đứng, địch đuôi” chuyện gì sẽ xảy ra? Địch đã dư thừa thời gian đuôi theo và tăng cường quân số quyết tấn công LĐ147/ TQLC, nên khi chiếc LCM vào đón thương binh là chúng tấn công bằng hỏa tiễn và 12.7, Đ/Tá Lương Lữ Đoàn Trưởng bị thương. Th/Tá Phạm Cang TĐT/TĐ7 được chỉ định chỉ huy LĐ147. Nếu đêm 25/3, kế hoạch Alfa được thi hành, địch chưa đuôi kịp thì không xảy ra đại họa. Đã quá trễ khi địch sẵn sàng hướng súng vào tàu, vào quân ta như những tấm bia trên thềm bắn. Th/Tá Phạm Cang Xử Lý Thường Vụ Lữ Đoàn 147 viết tiếp:

- Nếu đêm qua kế hoạch Alfa được thi hành thì ít nhất một nửa Lữ Đoàn có thể thoát khỏi khu vực này để lên tàu. Nhưng không rõ vì lý do gì không thực hiện được. Khoảng 10 giờ sáng Hải Quân cho biết sẽ có LCM vào đón. Tôi ra lệnh cho TĐ4 và TĐ3 sẽ xuống tàu theo như đã định từ trước, nhưng khi LCM vừa cập bến thì quân nhân các đơn vị bạn cùng dân chúng cũng nhanh chân hơn TQLC, họ tranh nhau xuống tàu gây nên cảnh hỗn loạn. Vì số lượng người quá đông nên tàu mắc cạn.

Vị chỉ huy tàu yêu cầu ai không phải TQLC thì xuống bót thì tàu mới có thể ra khơi được. Nhưng ai là người chịu xuống khi biết rằng đây là cái phao cuối cùng. Tuyệt vọng! Tự sát và VC tác xạ vào gây thêm chết chóc cho những người xung. (ngưng trích).

Lời của Th/Tá Phạm Cang trên đây cũng như Tr/Úy Cao Xuân Huy trong “Tháng Ba Gãy Súng” đã nói giống nhau về con tàu vào đón quân trẻ 24 giờ so với lệnh hành quân của Quân Đoàn I Tiền Phương khiến nó trở thành cái quan tài sắt chứa bao nhiêu xác người. Đó là hậu quả mà người dân thôn An Dương, Thuận An, Thừa Thiên Huế vừa cải táng nắm mồ tập thể của 132 tử sĩ VNCH, tuy không xác định được danh tánh nhưng phần lớn là TQLC. Còn bao nhiêu lần 132 xác nữa vẫn còn nằm rải rác khắp đó đây dưới cát hoặc thủy triều kéo ra biển khơi?

Từ 10 giờ sáng, con tàu đến trẻ 24 tiếng đã mắc cạn biến thành “con tàu ma” thì chẳng còn con “ma” nào vào đón ĐĐ147 nữa, họ phải làm gì đây? Trong cơn nắng Hè giữa bãi cát, cả Lữ Đoàn 147/TQLC đang chết khát giữa biển nước mênh mông. Đến 2 giờ chiều Tướng Lâm Quang Thi Tư Lệnh Quân Đoàn I Tiền Phương bay trực thăng ngoài biển khơi gọi máy hỏi quân số dưới đất còn bao nhiêu, Th/Tá Cang trả lời:

- Ngoài 5 Tiểu Đoàn TQLC, còn có các đơn vị bạn đi theo, tổng số khoảng 3000.

Vị Tướng Tiên Phương Quân Đoàn I hứa sẽ có tàu lớn (?) vào đón và rồi ông bay đi và im lặng vô tuyến từ đó. Đến 4 giờ chiều, tức 2 giờ sau lời ông tướng hứa thì Th/Tá Phạm Cang Xử Lý Thường Vụ Lữ Đoàn nhận được lệnh từ Đại Tá Tư Lệnh Phó/ TQLC rằng không còn tàu nào nữa!

Đ/Tá Nguyễn Thành Trí ghi lại như sau:

- Chiều đã xuống, Bộ Chỉ Huy nhẹ SĐ/ TQLC đã gọi bất cứ hệ thống vô tuyến nào có thể, để xin tiếp tục gửi tàu đến bãi bốc, nhưng mọi câu trả lời nhận được đều bị quan và tuyệt vọng.

Kể từ 4 giờ chiều 26/3, cả LĐ147/ TQLC coi như đã bị đưa ra pháp trường cát Thuận An. Trước mặt là biển Đông, sau lưng là đầm Thanh Lam, đầm Hà Trung, phía Bắc là cửa Thuận An và phá Tam Giang, Nam là cửa Tư Hiền, giữa bãi cát mênh mông thì có thể làm gì được đây?

Đã 6 giờ chiều, những người lính TQLC phải quyết định thật nhanh, Th/Tá Phạm Cang cho họp các tiểu đoàn trưởng để đi đến một quyết định: “Tiếp tục đánh và đi về phía Nam”, đi về cửa Tư Hiền dù biết rằng không có cầu phao, nhưng hy vọng vào cái cầu bằng “bọt nước” tức là hy vọng vào Duyên Đoàn 13 thuộc BTL/HQ Vùng I Duyên Hải còn trấn giữ ở đây. Nhưng tất cả đúng là “bọt nước”, không tàu, không cầu, không bạn, hết đạn,

hết lương thực, hết nước, chỉ còn nước biển mênh mông và súng địch thì không tử trận cũng tự sát, và bị bắt! Còn ai thoát được?

Có bạn trách chúng tôi rằng tại sao lại dùng chữ “pháp trường cát”? Nói như vậy có nghĩa ám chỉ quân sĩ là “tội nhân” à?

Xin thưa, khi xưa Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ trối Tạ Vinh, tên 3-Tàu đầu cơ gạo, vào pháp trường cát trước cửa chợ Bến Thành mà bắn. Nay các chiến sĩ bảo vệ chế độ, bị đẩy ra bãi biển cát, tứ bề mênh mông là nước, không có bất cứ phương tiện nào khác, không đạn, không lương thực, chỉ còn hòng súng AK, B40, RPD v.v... thì có khác chi các anh bị thương cấp, trong đó có Phó Tổng Thống Kỳ, trối tay chân các anh trước hòng AK. thì có khác chi các anh bị đưa ra pháp trường cát!

Trong một bài viết của vị Tướng Tư Lệnh Tiền Phương, ông đã nói rằng: “Đa số TQLC đã về tới Đà Nẵng”. Xin thưa, chỉ duy nhất một LCM vào đón thương binh lúc 8 giờ sáng ngày 26/3, nhưng bị VC bắn nên vội rút ra! Bác Sĩ Phạm Vũ Bằng là người được lệnh ra đón thương binh đã kể lại trong bài viết “Những Người Lính Bị Bỏ Rơi” nói rõ con số, bài này đã gửi tới cựu Trung Tướng Lâm Quang Thi, có đoạn như sau:

Vào lúc 2 giờ chiều ngày 26/3, thì một chiếc LCM từ từ cập bến, khi búng tàu mở ra, tôi rất mừng vì thấy màu

áo rằn ri quen thuộc. Đi đầu là mấy anh em khiêng xác của 3 tử sĩ, xác họ được gói kỹ trong những chiếc poncho, một trong 3 xác này là Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam TĐP/TĐ4/ TQLC. Sau đó là Đại Tá Nguyễn Thế Lương LĐT/ LĐ147, ông bị thương ở chân, mặc dù được các quân y tá dìu xuống cầu tàu nhưng ông di chuyển rất khó khăn và đau đớn. Theo sau Lữ Đoàn Trưởng là bác sĩ Rậu, bác sĩ Khoa, và toán y tá cùng khoảng 100 thương binh. Cuối cùng là khoảng hai trăm quân nhân thuộc các tiểu đoàn TQLC hiện đang bị kẹt lại tại bãi biển Thuận An. Tôi nhanh chóng phân loại các thương binh rồi ra lệnh mang họ lên đoàn xe tải thương để về bệnh viện dã chiến trong căn cứ Non Nước.

Trên đây là ghi lại thật tóm tắt diễn biến xảy ra ở Thuận An. Còn câu hỏi của nhà văn Huy Phương rằng:

- Nếu có sự chỉ huy của giới chức “có thẩm quyền” thì tình thế có thay đổi không?

Tôi thẳng thắn trả lời:

- Tất cả tùy thuộc vào phương tiện, tình thế sẽ không thể thay đổi nếu chỉ có các cấp chỉ huy TQLC, dù là có ông Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC, vì TQLC không có quyền điều động tàu thủy hay máy bay. Ai là người có thẩm quyền điều động hai phương tiện này?

Vì tế nhị nên nhà báo Huy Phương đã không hỏi đích danh “thẩm quyền” là ai, nhưng tôi có thể khẳng định

thảm họa Thuận An không do cấp chỉ huy TQLC. Lữ Đoàn Trưởng bị thương thì đã có người thay thế và các Tiểu Đoàn Trưởng 3, 4, 5, 7, TĐ2 PB là những cấp chỉ huy tài giỏi, vẫn luôn sát cánh cùng thuộc cấp. Xin nghe Cao Xuân Huy nói về Tiểu Đoàn Trưởng TĐ4 Đinh Long Thành của mình:

- Làm Tiểu Đoàn Trưởng được mấy ngày thì chạy, chết mất tiểu đoàn phó, chết mất một đại đội trưởng, banh luôn một đại đội, một đại đội cũng đang lênh đênh trên biển ngoài sự kiểm soát của ông.. Vậy mà ông vẫn chạy ngược chạy xuôi, cố gắng tập trung, gom góp những thặng mang bảng tên màu đỏ Tiểu Đoàn 4 để hướng dẫn, để biết tin tức, để khích lệ tinh thần. Ông đã không lợi dụng tình trạng tan rã của tiểu đoàn để bỏ trốn một mình. Phải chi quân đội chỉ có những cấp chỉ huy như Thiếu Tá Cang, Thiếu Tá Thành.” (Trích Tháng Ba Gãy Súng, trg 93.)

Không chỉ có tiểu đoàn trưởng, mà tiểu đoàn phó cũng thế. TĐT Phạm Cang nói về Tiểu Đoàn Phó Lê Quang Liễn (có em ruột đi theo anh nhưng bị tử thương) như thế này:

- Khi một tàu vào gần bờ để bốc thương binh tử sĩ, Th/Tá Liễn ôm xác người em trai bơi ra tàu vừa kịp lúc tàu kéo búng lên, nên cả hai anh em Liễn, người sống và người chết lẫn vào trong tàu. Vừa khi tàu lui ra thì Liễn nhảy xuống biển, bơi trở lại vào bờ để tiếp tục chiến đấu

cùng đồng đội và rồi bị bắt cùng đồng đội. (Ngung trích.)

Gặp Liên, người viết hỏi động cơ nào đã khiến anh hành động như thế thì Liên nói:

- Không có gì ghê gớm đâu niên trưởng, đơn giản là các tiểu đoàn trưởng như Cang, Tiên, Sử, Thành còn trên bờ, lính tôi còn trên bờ, tôi phải trở lại để sống chết với anh em. Nếu bây giờ gặp hoàn cảnh như thế, tôi vẫn làm như thế.

Những cán bộ nòng cốt của LĐ147/ TQLC là như thế đó nhưng không thể làm gì hơn, họ chỉ là Bộ Binh (nói chung) không có quyền điều động tàu thủy và tàu bay. Ngay cả Đại Tá Tư Lệnh Phó cũng phải than trời:

- Kêu cứu tàu vào bờ nhưng mọi trả lời đều tuyệt vọng. (Trg 541.)

Nên nhớ rằng LĐ147/ TQLC trực thuộc quyền điều động của Quân Đoàn I Tiên Phương, nằm ngoài thẩm quyền điều động của Tư Lệnh TQLC. Khi biết LĐ147 đang bị sa lầy, Tư Lệnh TQLC đành phải ra mật lệnh cứu nguy. Đại Úy Nguyễn Quang Đan, chánh văn phòng của Thiếu Tướng Tư Lệnh SĐ/ TQLC, gửi cho tôi một e-mail nguyên văn như sau:

- Thưa niên trưởng, một buổi sáng tháng 3/75, tôi quên ngày rồi, tôi đọc lệnh hành quân từ Tướng Thi gửi xuống, tôi trình ngay lên Thiếu Tướng Tư Lệnh và xin

ông đọc ngay. Đọc xong, ông nói: “Đ.M. thế này thì chết lính tao rồi!” Sau đó Thiếu Tướng Tư Lệnh liên lạc với Đại Tá Trí, Tư Lệnh Phó, đang chỉ huy cánh quân Tây Bắc, trong đó có LĐ147. Ngày hôm sau, tôi lấy trực thăng bay ra Thuận An đưa tận tay lá thư của Thiếu Tướng Tư Lệnh cho Đ/Tá Nguyễn Thế Lương, kèm theo lời dặn của Tư Lệnh với Đ/Tá Lương: “Tìm ra Quốc Lộ 1 mà đi.” (Ngung trích.)

Nhưng tiếc thay, đã quá trễ để Đ/Tá Lương có thể đổi hướng rút quân ra QL1. Lệnh rút theo bờ biển và có tàu vào đón là ưu điểm với điều kiện là có tàu và có đủ điều kiện bắc cầu phao. Nếu không đủ các điều kiện trên thì việc lui binh theo đường bộ, dọc theo QL1 dù cho có gặp nhiều khó khăn, dẫu có gặp địch kháng cự, cũng không đến nỗi bị dồn vào cửa tử Thuận An.

Tình thế chắc chắn khá hơn, tốt hơn nếu không muốn nói là không xảy ra “pháp trường cát” nếu như Tư Lệnh Quân Đoàn I Tiền Phương ra lệnh được HQ cho tàu vào đón TQLC, lệnh cho KQ đưa máy bay lên yểm trợ hỏa lực ngăn chặn địch quân, cho trực thăng tải thương tiếp tế. Nhưng vì sao lại không có cái gì cả thì TQLC chúng tôi không biết? Chuyện gì xảy ra giữa Tướng Tư Lệnh Tiền Phương với Tướng Tư Lệnh SĐI Không Quân, với Phó Đề Đốc Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải và cả với Tướng Tư Lệnh QĐI, đây chính là những giới chức

có thẩm quyền quyết định để KHÔNG xảy ra pháp trường cát.

Lệnh rút quân của Quân Đoàn I Tiền Phương cho SĐ1/BB và LĐ147/ TQLC có nhấn mạnh: “Kế hoạch hỏa lực ngăn chặn phải được áp dụng tối đa trong khi các đơn vị rút quân.”

Đây là một điểm son trong lệnh hành quân của Tướng Tư Lệnh Tiền Phương. Lui binh nên Pháo Binh cũng lui theo, chỉ còn Không Quân và Hải Quân là hữu hiệu nhất, mà cả hai thành phần này chưa hề sút mẻ, nhưng không có một tiếng nổ nào từ KQ và HQ. Họ đi đâu cả rồi?

Đà Nẵng có sân bay lớn, SĐIKQ có nhiều trực thăng, thẩm quyền nào điều động trực thăng đi đâu cho đến nỗi cần trực thăng để tiếp tế đạn, nước uống, thực phẩm cho lính ở bãi cát Thuận An mà không có, Đại Úy Đan, chánh văn phòng và Tiểu Cần, âm thối viên của TL/TQLC đã phải dùng C&C của Tư Lệnh TQLC để tiếp tế vài thùng lương khô xuống cho anh em TQLC. Tiểu Cần đã ghi lại trong bài “Tháng Ba Buồn Hiu” như sau:

- Một số anh em thuộc Tiểu Đoàn Tổng Hành Dinh đang chất những thùng gạo sấy lên trực thăng C&C, tôi phụ một tay để có sắp xếp sao cho càng nhiều càng tốt, nhưng khoang tàu chỉ có sức chứa 10 thùng là tối đa. Với

chỉ một chiếc như thế này thì chở không được bao nhiêu, và phải bao nhiêu chuyến trong lúc hơn 3000 người đang “bụng không, bãi cát trống”? Bay dọc theo bờ biển lên hướng Bắc, khi gần đến vị trí LD147 thì phi công hỏi Đại Úy Đan kế hoạch tiếp tế những thùng gạo sậy này thì anh Đan cho lệnh đáp xuống bãi cát, anh em dưới đất phụ vào để giải tỏa rất nhanh cho trực thăng cất cánh làm chuyến khác. Qua chuyến thứ hai, theo tính toán của anh Đan và phi công thì đáp và cất cánh tốn nhiều thời gian nên các anh cho trực thăng bình phi cách mặt đất chừng 10m rồi chúng tôi xô các thùng gạo sậy xuống, làm cách này rất nhanh, nhưng sau đó thì được biết một vài anh em bị thương vì thùng gạo rơi trúng người! (Ngưng trích.)

Cao Xuân Huy đã ghi lại trường hợp tiếp tế này trong Tháng Ba Gãy Súng:

- Một chiếc trực thăng từ phía biển bay vào, quần trên đầu chúng tôi rồi ném chùng một chục bao cát đựng gạo sậy và thịt hộp. Một sự hỗn loạn xảy ra, có một bao rơi trúng đầu làm bất tỉnh một người lính (Tháng Ba Gãy Súng).

Hải Quân thì có đủ mọi tàu lớn nhỏ và các cấp thừa hành cũng sẵn sàng hy sinh cộng khổ cùng TQLC, nhưng họ có nhận được lệnh hay không, lệnh ra có đúng lúc đúng chỗ hay không? Đón quân trên bờ mà cho tàu lớn đậu xa bờ 200 mét thì đón ai? Đón các “thằng

chông*” chẳng? Trong khi nếu điều động đúng lúc, đúng chỗ, đúng loại là tàu “há mồm” thì hoàn tất kế hoạch chính xác nhanh chóng an toàn và thành công. (*Thằng chông tức người chết trôi).

Hải Quân và Quân Vận vùng I Duyên Hải có tàu há mồm không? Th/Tá Phạm Cang viết:

- Khoảng 10 sáng 25/3, trên tần số Không-Lục, tôi nhận ra tiếng người bạn cùng khóa, Thiếu Tá Trần Văn Thao, anh chỉ huy đoàn tàu Quân Vận (5 chiếc tàu há mồm LCM) từ Đà Nẵng ra Thuận An để đón Biệt Động Quân, nhưng không thể nào liên lạc được. Anh hỏi tôi có thấy anh em Mũ Nâu không, nhìn quanh tôi chỉ thấy vài anh thôi, tôi cho Thao biết. Thao nói với Cang: “Tôi sẽ đưa các bạn vào Đà Nẵng, chuẩn bị và đánh dấu bãi bốc.” (Ngung trích.)

Đúng lúc đó thì Cang nhận lệnh di chuyển về phía Nam đề gặp Long Mỹ, tức Đại Tá Nguyễn Thế Lương LĐT/ LĐ147, để vào Đà Nẵng bằng tàu 801, nên Cang cảm ơn Thao, còn Thao mang 5 tàu LCM đi đâu thì không ai biết. trong khi đó thì LĐ147 ngồi chờ mãi đến 13 giờ mới có LSM đến, lại đậu xa bờ, không cứu được ai. TĐ7 đã mất dịp được LCM của Th/Tá Thao cứu. Điều này chứng tỏ lệnh cho tàu của HQ vào đón TQLC là một mớ “bồng bong”, bồng bong đến nỗi không ai hiểu nổi?

Còn câu hỏi của nhà văn Huy Phương về hoạt động của Sư Đoàn TQLC vào những ngày cuối của cuộc chiến thì tôi xin trả lời thật vắn tắt như sau:

- Lúc 7 giờ sáng ngày 29/3/75, Trung Tướng Ngô Quang Trưởng cùng với Đại Tá Nguyễn Thành Trí TLP/TQLC và quân nhân các cấp bơi ra tàu HQ tại bãi biển Non Nước, Đà Nẵng. Về đến Vũng Tàu thì đóng quân trong căn cứ cũ của quân đội Úc sát ngay bãi biển sau, đồng thời Tư Lệnh TQLC được lệnh lại kiêm Quân Trấn Trưởng Vũng Tàu, kiểm soát mọi tàu thuyền. Phải nói thẳng rằng không có một đơn vị nào lại có điều kiện thuận lợi để “ra đi” như TQLC lúc đó.

Nhưng, trong khi các giới chức cao cấp tại Saigon nhao nhao tìm đường ra bờ biển Vũng Tàu thì TQLC từ Vũng Tàu lại tiếp tục lên đường chiến đấu, đánh từ Bà Rịa, Long Thành, Long Bình và cứ điểm tử thủ cuối cùng là Căn Cứ Sóng Thần Thủ Đức và rồi phải gãy súng theo lệnh Tổng Thống Một Ngày! Và rồi từ Tư Lệnh Phó, các Lữ Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, Trưởng Phòng, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện, các Đại Đội Trưởng đều vào tù. Các Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều, Nguyễn Đăng Tổng, Huỳnh Văn Lượm, Th/Tá Trần Văn Hợp v.v.. đã “tử nạn” trong tù.

Thưa quý độc giả.

Cực chẳng đã tôi mới phải cố gắng ghi lại ngắn gọn diễn tiến biến cố Thuận An để trả lời cho những vị có chồng, con, anh, em tử trận và mất tích tại đây vào những ngày cuối tháng 3/75. Mỗi lần nghĩ đến là đầu tôi bốc khói, nếu không kiếm chế để viết thì tôi dễ xúc phạm đến các thượng cấp có trách nhiệm về mạng sống của những nắm mồ như nắm mồ 132 bộ xương mà đồng bào thôn An Dương, Thuận An đã cải táng và an táng.

Dẫu biết rằng “thời thế thể thời phải thế”, không xoay đổi được vận nước, nhưng nếu như quý thượng cấp có trách nhiệm điều quân khiển tướng làm việc như những người lính chúng tôi, cùng lính chúng tôi chiến đấu, dẫu có thua, thì đâu xảy ra những nắm mồ tập thể 132 bộ xương và còn bao nhiêu nữa đang nằm trong cát, dưới đáy biển Thuận An và khắp mọi miền đất nước!

Thưa quý vị có thân nhân nằm lại Thuận An cũng như tôi có anh em nằm lại đó mà chưa tìm ra tung tích thì hãy hãnh diện thay vì thương tiếc. Anh em họ sống chiến đấu bên nhau thì khi chết cũng nằm bên nhau, chung một nắm mồ tập thể ngay tại nơi họ đã chiến đấu, chắc những anh linh đó cũng chẳng muốn xa lìa đồng đội để về nằm riêng lẻ một mình. Xin nhớ đến các anh linh đã hy sinh cho chúng ta được sống, một lời cầu nguyện chung./.

NGÀY THÁNG SAU CÙNG... ANH Ở ĐÂU?

Những ngày tháng sau cùng của tháng 3, tháng 4 năm 1975 anh ở đâu, làm gì, thế nào, tại sao, là đề tài ai cũng thích kể cho người khác nghe và ai cũng thích không nghe người khác kể. Biết vậy nhưng tôi vẫn cứ kể, viết lung tung khắp nơi. Nay nhân dịp kỷ niệm 44 năm mất nước, tôi xin trích một vài đoạn gọi là đề nhắc cho những cái đầu ở tuổi cô lai hy đừng quên những gì mình đã khóc ở tuổi 33. Đàn ông ở tuổi 33 là đang sung sức, tuổi tung hoành mà phải khóc vì mất quân, mất quần áo thì buồn thật! Nay sống kiếp tị nạn tuổi đã 75 có thừa, thừa mỡ, mũ áo xanh xang, quên chuyện cũ quay về nơi “tụt quần” năm xưa để tìm niềm vui thì cũng buồn thật!

Ngày 30/4/75 là cái tang chung của quân dân miền Nam, tang thì dĩ nhiên là buồn rồi! Riêng đối với quân nhân các cấp thì ngoài cái buồn còn bị đau: “*Sự nghiệp đang công đeo đuổi*” bảo vệ đất nước thì “*nửa đường gãy gánh*”! Tùy hoàn cảnh lúc xảy ra đại tang, có người muốn quên, muốn chôn sâu, có người thì nhớ mãi, hằng năm vẫn “làm giỗ” cho đồng đội để nhắc cho chính mình bản phận hiện tại.

Thôi thì mỗi vị ở một hoàn cảnh khác nhau, “bị” ra đi chưa hẳn là đáng trách nếu vào thời khắc đó không có trách nhiệm gì, không có quân trong tay, đứng trước tử thần thì khó ai mà không tìm lối thoát, nhưng người ở lại chưa hẳn đã là “anh hùng”.

Các anh chị kể chuyện Tháng Tư ra đi thì tôi xin kể chuyện Tháng Tư ở lại:

Quận Thuận Mỹ mất ngày 7/3/1975, gia đình con gái của anh ruột tôi là hai cháu Liên -Kính đang ở đó , không biết sống chết ra sao, chưa biết phiêu bạt nơi nào thì Ban Mê Thuột mất ngày 11/3/75. Dòng dân quân, xe cộ súng đạn chen chân trên Tỉnh Lộ 7B, xác người đứng, ngò, nằm lại đây.

Nghe radio loan tin chiến sự lan nhanh tới Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng khiến “bu” tôi khóc, vì Đà Nẵng là nơi thẳng con út của cụ là Tô Văn Cáp và thẳng cháu nội Tô Văn Minh, cả hai là Không Quân, đang ở Đà Nẵng.

Mẹ tôi cuống quýt lên, đi không nổi, ngồi bệt xuống sàn nhà, dựa lưng vào tường, tay lần chuỗi Mân Côi, miệng lầm rầm cầu kinh rồi hỏi tôi đi hỏi tin tức con cháu của cụ. Tôi biết hỏi ai bây giờ? Thấy bà mẹ quê khóc đứng khóc ngồi, vừa khóc vừa đọc kinh, gọi tên các con cháu khiến tôi phải nghĩ cách nói dối: *“Mẹ cứ yên tâm, con đã nhờ mấy người bạn ở Tổng Tham Mưu đi tìm hộ rồi.”* Vừa nói dối Bà Mẹ Quê xong thì tôi nhận được lệnh ra trình diện Bộ Tư Lệnh Hành Quân gấp.

Sáng 19/3/75, tôi vừa đi xin được mấy thùng mìn chống chiến xa từ một người bạn thủ kho đạn ở Long Bình về để tăng cường phòng thủ cho căn cứ Sóng Thần TQLC, Thủ Đức thì nhận được lệnh của Đại Tá Tham Mưu Trưởng gọi ra trình diện hành quân ở Quảng Trị gấp. Tôi đi gặp Tr/Tá Nguyễn Đức Ân, Chỉ Huy Trưởng căn cứ Sóng Thần nói:

- Tr/Tá cho người sang căn cứ Sóng Thần để tôi bàn giao kế hoạch phòng thủ, số mìn chống chiến xa, tôi cần một ngày bàn giao và sẽ chỉ ra hành quân ngày 21/3 mà thôi.

Tuy là Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ Sóng Thần nhưng Tr/Tá Ân kiêm luôn Trung Tâm Huấn luyện nên ông bận lo chuyện bên đó mà giao cho tôi toàn quyền lo việc trong căn cứ. Qua bốn đời Chỉ Huy Trưởng từ Th/Tá Trần Ngọc Toàn, Tr/Tá Lê Bá Bình, Đ/Tá Nguyễn Năng Bảo, rồi Tr/Tá Ân, tôi vẫn là Chỉ Huy Phó.

- “Tùy cậu.” Tr/Tá Ân nói.

Cùng nhận lệnh với tôi có Th/Tá Doãn Thiện Niệm, anh đã đi ngay trong ngày 19/3. Còn tôi, chuyện gia đình đang rối như canh hẹ, tôi mà báo cho mẹ tôi biết rằng tôi phải ra Huế, Đà Nẵng nơi thăng con út và cháu đích tôn của cụ đang ở đó thì chắc cụ thăng thiên sớm, nên tôi đành phải lại nói dối mẹ là đi công tác ở Vũng Tàu.

Đúng lời hứa, tôi đến BTL/HQ tại căn cứ Non Nước Đà Nẵng chiều ngày 21/3/75. Vừa thấy tôi, Đ/Tá Tham Muu Trưởng chỉ tay vào mặt tôi và ra lệnh:

- Lệnh gọi từ 19/3, sao bây giờ ông mới ra? Tôi sẽ đưa ông ra tòa án quân sự, bây giờ đi liên lạc với Tr/Tá Phán để phòng thủ căn cứ Non Nước.

À ra thế, tôi đâu có ngờ gặp ông ở đây! Ông là Tham Muu Trưởng ở Sài Gòn, chắc ông bị Tư Lệnh gọi ra hành quân nên ông “hành” quân cấp dưới: “Tao ra mà y cũng phải ra.”

Ruột đang nẫu như dưa hấu phơi nắng, nghe ông mắng và dọa sẽ đưa ta tòa án quân sự khiến tôi cũng phải bật cười, nhưng không nói gì mà coi đồng hồ chỉ 3 giờ chiều ngày 21/3/75. Thấy tôi mỉm cười, ông không nói thêm mà bỏ đi. Đây là lần thứ hai tôi bị ông hành tội! Lần trước ở cổng Trung Tâm Huấn Luyện Rừng Cẩm, ông thường tôi 15 ngày trọng cấm vì tội lái xe jeep không có tài xế. Lần này ông lại nạt nữa, phạt nặng hơn,

sẽ đưa tôi ra tòa án quân sự, nhưng vẫn không quên ra lệnh cho tôi phòng thủ căn cứ Non Nước, Đà Nẵng.

Phòng thủ cái gì trong khi tôi không có quân trong tay mà chỉ có cây Colt? Buồn tình tôi tôi đi lang thang, bất ngờ gặp Đại Úy Lê Quý Bình Khóa 19, chàng hỏi thăm:

- Mày đang ở Sóng Thần Thủ Đức mà ra đây làm cái củ c... gì?

- Ông Tham Mưu Trưởng gọi tao ra để hành (quân), thế mày trông củ cái gì ở đây?

- Tao làm phó Tiểu Đoàn 18 cho ông Trần Ngọc Toàn.

- Ông Toàn đang coi Tiểu Đoàn 4 mà.

- Ông ấy vừa bàn giao TĐ4/TQLC cho Đinh Long Thành K19 để thành lập Tiểu Đoàn 18.

Đinh Long Thành là người thứ hai của Khóa 19/TQLC được làm tiểu đoàn trưởng sau Trần Văn Hợp trong số hơn 30 tên cùng Khóa cùng Binh Chung. Long Thành “được” bàn giao giữa tiếng súng nổ đạn bay, tiểu đoàn trưởng chưa kịp biết mặt, biết tên các trung đội trưởng thì cái “Đinh bị Long” ngay tại bãi biển Thuận An, Tiểu Đoàn Phó là Th/Tá Nguyễn Trí Nam và Đại Đội Trưởng Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, tử trận, và rồi tiểu đoàn bị xóa sổ vào ngày 27/3 trên pháp trường cát Thuận An!.

Tình hình chiến sự biến chuyển từng giờ, ai cũng tối tăm mặt mũi, tôi vào Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn làm việc, để theo dõi tình hình chiến sự và nhờ vậy mà biết được tin tức LĐ.147/TQLC đang kẹt tại bãi biển Thuận An.

Trước khi mất Ban Mê Thuật, 3 Lữ Đoàn Dù 1, 2, 3 trấn thủ Đà Nẵng, còn 4 LĐ/TQLC ở Huế, QT, như vậy là 2 Lực Lượng Tổng Trừ Bị bị biến thành Địa Phương Quân và Nghĩa Quân để giữ đất đóng đồn! Ngày 11/3/75 Ban Mê Thuật thất thủ, ngày 13/3 Tổng Thống ra lệnh rút Dù về Sài Gòn làm tổng trừ bị, trong số những Mũ Đỏ này hẳn là có nhiều K19 như Hải Khều Đoàn Phương Hải chẳng hạn. Khi rút Dù vào Sài Gòn thì TQLC được lệnh kéo 3 Lữ Đoàn từ Huế vào Đà Nẵng trám chỗ trống do Dù rút đi, chỉ còn để lại ở Huế LĐ.147/TQLC mà thôi.

Lữ Đoàn Trưởng LĐ147/TQLC là Đ/Tá Nguyễn Thế Lương, Lữ Đoàn Phó là Tr/Tá Nguyễn Đăng Tổng K16, gồm có các Tiểu Đoàn 3, 5, 7 của các TĐT K20 là Nguyễn Văn Sử, Phạm Văn Tiên, Phạm Cang và TĐ.4 của K19 Đinh Long Thành. LĐ.147/TQLC và SĐ.1/BB là lực lượng của QĐI Tiền Phương đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Tr/Tướng Lâm Quang Thi

Khi bỏ Huế, Tướng Thi cho lệnh rút quân ra bãi biển Thuận An, xuôi Nam vào Đà Nẵng bằng cách dùng cầu hay tàu thuyền vượt qua cửa biển Tư Hiền, nhưng đi nửa

đường thì ông Tướng cho lệnh dừng lại để chờ tàu Hải Quân vào đón, vì cầu qua cửa Tư Hiền không làm được.

Nhưng không có tàu nào vào đón quân dân ta như lời ông Tư Lệnh hứa mà chỉ có con tàu ma*, thế mới kỳ! Do kỳ cục hay kỳ đà nào cản mũi mà tàu Hải Quân không vào bốc TQLC được, cũng không vào tiếp tế! Quân trên bờ hết đạn, hết lương thực, hết nước uống giữa tứ bề là nước, địch bao vây tấn công, Cọp Biển đánh bị hy sinh “oan uổng”, chết đủ kiểu, chết trên bờ, chết dưới nước, chết trong lòng con tàu ma*, chết tức tưởi, chết vì hỏa lực từ trên các đồi cát xả xuống, chết vì chửi thề rồi ôm nhau rút chốt lựu đạn mini tự sát! Trong số này có Th/Tá Nguyễn Trí Nam và Đ/Úy Tô Thanh Chiêu, em tôi!

*(*Một chiếc tàu vào bốc quân, nhưng vì số lượng đông quá sức chứa, tàu mắc cạn đang loay hoay tìm cách lui ra biển thì bị VC chơi B40, B41 vào tàu, người chết trong lòng tàu, người chết trên boong, người rơi xuống biển “chết vì nước”... nên tôi gọi đó là con tàu ma, còn trong Tháng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy gọi là quan tài sắt.)*

Hiện nay, năm 2012, đồng bào thôn An Dương và các thôn dọc theo bờ biển Thuận An đã và đang mới chỉ thu gom được 132 bộ xương trôi dạt vào bờ, trôi lên mặt cát rồi các ân nhân này đem tập trung vào một khu gọi là nghĩa trang với bia đá:

“Thập Loại Cô Hồn Hiễn Hách Chi Mộ.”

Chi tiết về thảm họa trên đây đã có trong các bài viết “Ngày Tháng Không Quên” của Đ/Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó/TQLC, “Tháng Ba Gãy Súng” của MX Cao Xuân Huy, đã có Phạm Cang viết về TĐ.7 Di Tàn, đã có “Người Lính Bị Bỏ Rơi” của Phạm Vũ Bằng và “Hồn Hoang Trên Pháp Trường Cát Thuận An” của Philato, Tháng Ba Buồn Hiu của Tiểu Càn Nguyễn Thế Thụy, Tuyền Sông Bò của Hắc Long Phan Văn Đương. Trong câu chuyện kể nghe cho “tức chơi” này tôi xin được không nhắc lại nữa.

Lính cầm súng chiến đấu thì cầm chắc cửa tử trong tay, không chết nay thì mai, đang nhai miếng cơm sấy thì đạn bắn toét miệng, cơm, máu và óc văng vào mặt thẳng bên cạnh! Họ không kêu không than không trách vì đó là bổn phận, nhưng nếu chết vì cấp chỉ huy cầu thả, “*dem con bỏ chợ*” thì không hiểu được, chỉ biết chửi thề.

Dù là tấn công hay lui binh đều cần có ít nhất là hai kế hoạch. Vậy mà một cuộc lui binh cấp sư đoàn cộng (+) (trên một sư đoàn) lại chỉ có đường duy nhất là rút ra bờ biển, ra bờ biển thì bắt buộc phải có cầu hay tàu. Nhưng rồi Tư lệnh HQ chẳng làm nổi một “cái cầu” để TQLC đi! Nếu có kế hoạch hai, lấy QL1 làm trục lui binh cho ĐĐ.1BB và TQLC thì quân ta rộng đường tiến thoái, dẫu có thiệt hại cũng không bị lâm vào cửa tử như đã xảy ra! Khi biết TQLC bị kẹt ngoài bãi biển, Tư lệnh

TQLC đã ra mật lệnh cho Lữ Đoàn Trưởng LD9147 rút ra, lui theo QL1, nhưng đã quá trễ rồi. Những bí mật này chỉ có “mặt trời” biết. Thế là đủ rồi, tôi mời các bạn vào vào Đà Nẵng.

Ngay khi có lệnh rút khỏi Huế từ chiều 24/3, người dân từ Bắc xuôi Nam, người từ Tam Kỳ Quảng Ngãi ngược lên, tất cả đổ vào cái túi Đà Nẵng, bao thảm cảnh xảy ra tại đây, hẳn là có nhiều K19 chứng kiến, trong đó có Th/Tá Hoàng Trai K19, Chi Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện SĐ.1BB. Tôi ở Non Nước, em tôi ở đài Rada trên núi Sơn Trà , cháu Tô Văn Minh , con anh cả tôi, thì ở phi trường Đà Nẵng mà không thể liên lạc được với nhau.

Sáng ngày 29/3/1975, lúc 6 giờ, trước cửa Trung Tâm Hành Quân SĐTQLC trong căn cứ Non Nước Đ à Nẵng, tôi đứng nói chuyện với hai anh Trung Tá Xuân Phúc và Đỗ Hữu Tùng, Trưởng và Phó LĐ.369/TQLC và Trâu Diên Trần Văn Hợp. Chúng tôi chuyền tay nhau ca café đen và điếu thuốc, hít khói vào thở ra hơi buồn và thở dài! Chúng tôi hỏi nhau về kế hoạch 5W, vì đã có lệnh bỏ Đà Nẵng mà chưa biết đi về đâu bằng đường nào? Con đường duy nhất là Biển Đông.

Non Nước sáng hôm 29/3 ấy trời âm u vì khói đạn pháo kích đêm qua còn bao phủ, ngột ngạt, khó thở. Bất chợt có tiếng ồn ào, mọi người hướng ra biển, nơi có ánh đèn nhấp nháy, đó là tín hiệu của 2 tàu LSM vào đón

TQLC. Đại Tá Tư Lệnh Phó cho Bộ Tham Mưu, các đơn vị yểm trợ ra bờ biển trước. Tôi đứng nghiêm chào hai anh Phúc, Tùng, và Hợp, bắt tay nhau mà nước mắt chảy vòng quanh, tức trào máu họng, các anh ở lại điều quân, tôi là dân tham mưu nên đi ra bờ biển trước, đi trước tôi là Trung Tướng Tư Lệnh QĐI Ngô Quang Trường.

Chiều tối 28/3, khi các tư lệnh đang họp tại BTL/HQ ở Tiên Sa thì VC pháo kích, buổi họp tan, quý tướng lãnh tan hàng. Tướng Thoại HQ thì không còn tàu đón, trực thăng của Tướng TQLC bị hỏa tiễn chém gãy cánh, hai ông đi bộ men theo sườn núi tìm “thuyền ra cửa biển”, còn Trung Tướng Tư Lệnh QĐI là Ngô Tướng Quân thì về với TQLC, thật là trở trêu! Đêm qua, Tướng Trường “qua đêm” trong TTHQ/TQLC tại Non Nước và sáng 29/3, Ông cũng bơi như chúng tôi và đã được đưa lên tàu an toàn.

Sóng to gió lớn mà tàu thì đậu mút tầm 300m thì làm sao đây? Nhìn những anh em Công Binh bơm xuồng Zodiac, mang phao vào cổ mà thềm. Họ ung dung ngồi chờ trên bãi cát, sóng dội lên bờ rồi rút họ ra khơi theo, phao và xuồng cao su được kéo ra tuốt ngoài xa, tưởng như đến được tàu, nhưng không, sóng sau dồn sóng trước, hất ngược những zodiac lên bờ, còn những cái phao màu vàng cam thì bị sóng dập vùi, trôi dạt tứ phía, lững lờ như những đám lục bình trôi, và qua vài con

sống dập vùi, những người mang phao đã nằm bất động, chết vì nước!

Cùng tác biên, tôi chọt nghĩ đến bài học vượt sông bên bờ hồ Than Thở, dùng poncho làm phao, sóng cao thì ngụp xuống cho sóng tràn qua đầu nên không bị kéo trở lại. Đuối quá rồi, vào cái lúc sắp xuôi tay, miệng đọc “nhân danh cha và con” thì một sợi dây thùng từ trên tàu bay tới, tôi chụp được sợi dây và được kéo lên, gật đầu cảm ơn những người quăng dây, tôi nhìn thấy nụ cười nửa miệng của anh Th/Tá Phạm Văn Sắt K16 và Th/Tá Phan Công Tôn. Nhưng Đ/Úy Nguyễn Văn Hương K17 TĐ được kéo lên nửa chừng thì bị tuột tay nắm dây, anh rơi trở lại biển, chìm vào đáy tàu!

Từ trên boong tàu Hải Quân, tôi nhìn xuống nước, tôi thấy mặt những người cột phao quanh cổ đã ngửa mặt tím ngắt lên trời, nằm bất động, họ đã chết thật rồi, vớt người sống chưa xong thì ai mà nghĩ chuyện vớt xác, coi như thủy táng, “lính thủy đánh bộ” mà, đảng nào cũng chết vì nước.

Trong lúc bao nhiêu người đang cố gắng tìm cái sống trong cái chết để bơi ra tàu thì VC pháo kích, khói bụi mịt mờ trên bờ nơi anh Phúc, Tùng, và Hợp còn trên đó, người người tán loạn. Đạn rơi tồm-tồm quanh tàu, tàu bèn gài số de ra khơi, kéo theo những người bơi chưa tới, và họ không bao giờ tới được tàu HQ nên đành về Thủy Cung hay Thiên Quốc.

Số phận hai anh Phúc và Tùng “mất tích” từ đó, ngay sau những loạt hỏa tiễn 130 ly, không ai biết các anh đi về đâu, những ai không tận mắt chứng kiến thì đừng phía chuyện rằng các anh đã lên trực thăng. Chán hơn nữa là có chàng nhà “zăng” HQ ở tận Saigòn viết về Đà Nẵng dám phía rằng hai anh Phúc và Tùng đang bơi ra tàu thì bị pháo kích chết! Xin lỗi anh tí, phía vừa thôi, anh ngồi tại Hải Quân Công Xưởng Sài Gòn mà biết chi chuyện Đà Nẵng!

Tôi tin rằng hai anh Phúc, Tùng mất tích trong khói lửa của VC, Trần Văn Hợp thì khá hơn, chúng tôi đã gặp nhau khi về đến Vũng Tàu. Nhưng còn một K19/TQLC khác cũng mất tích như hai anh Phúc-Tùng, đó là Hồ Ngọc Hoàng. Hoàng là TĐP/TĐ.6 của Tr/Tá Lê Bá Bình, Bình lên tàu được, nhưng cánh B của Hoàng thì kẹt lại và đã nhập chung với TĐ.9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh. Họ chiến đấu suốt ngày đêm 29/3 ở chủng viện Sơn Trà và Hoàng mất tích trong đêm đó. Tất cả diễn tiến này đã được Đ/Úy Ban 3 TĐ.9 là Đoàn Văn Tịnh K22 viết chi tiết “*Xưa Nay Chinh Chiến Mấy Ai Về*” trong Đặc San Sóng Thần 2011.

Sư Đoàn Trừ (-) (dưới một sư đoàn) TQLC về đến Vũng Tàu ngày 1/4/75, đóng quân trong căn cứ Úc Đại Lợi sát với bãi sau để bổ sung quân số và tái trang bị. Chiều xuống, sau khi xong việc, Hợp và tôi ngồi trên bãi cát, chân thò xuống nước, tai nghe radio transistor loan

tin chiến sự, mắt nhìn ra biển khơi, tàu bè tới lui, đêm xuống xa xa cuối chân trời, thành phố biển sáng đèn, tàu xếp hàng ngang đi về đâu không biết, trên đó có bao nhiêu thượng cấp, lãnh đạo của đất nước tôi! Bất giác liếc sang bên phải là bãi biển “mộng mơ” mà trước đây đã một lần tôi dẫn người yêu ra đây ngắm trăng mặt. Vào lúc đầu sôi lửa bỏng của Tháng 4, chúng tôi tính chuyện gọi vợ con ra Vũng Tàu “nghỉ mát” mà trong đầu không hề nghĩ tới chuyện “tìm đường bỏ nước” ra đi.

Vợ chưa kịp ra thì ngày 16/4 mặt trận Phan Rang thất thủ, TQLC được lệnh lên đường tăng cường cho Quân Đoàn III, từ mặt trận Long Khánh, Long Thành, Biên Hòa, rồi Long Bình và tử thủ tại căn cứ Sóng Thần vào sáng ngày 30/4/75.

Một điều đau thương nhưng cũng rất hãnh diện để nhắc lại là vào thời khắc đầu sôi lửa bỏng này, TQLC được bổ sung một số thiếu úy Chiến Tranh Chính Trị và Võ Bị vừa làm lễ tốt nghiệp tại Long Thành. Các niên đệ này đã chiến đấu và rồi nhiều anh em đã gục ngã khi trên ba-lô còn mang theo cái mũ SVSQ! Họ là những Khóa 28, 29 Võ Bị và K 4 CTCT. Những anh em bị thương được đưa về bệnh viện Lê Hữu Sanh Thủ Đức thì trưa ngày 30/4 lại bị VC đuổi ra, “thằng mù công thằng què”! Ôi đau thương!

Sáng 30/4/75 khoảng 10 giờ, tại căn cứ Sóng Thần, Tango Đ/Tá Tư Lệnh Phó Nguyễn Thành Trí họp cùng

các đơn vị trưởng, dù trong tình thế tuyệt vọng nhưng ông hài lòng khi thấy tất cả các đơn vị trưởng đều có mặt, các đơn vị vẫn chỉnh tề hàng ngũ, súng vẫn cầm tay, tử thủ tại đây, không có đại đơn vị VC nào có thể vượt qua tuyến này. Nhưng vận nước đã không được quyết định bởi những người trực tiếp cầm súng, mà ở tận mãi đâu đâu, ở lầu 3 góc “chành-chành” hay 5 góc, lầu cao gác tía, Tonton ra lệnh đầu hàng, quân sĩ ngỡ ngàng ngơ ngác!

- “Là quân nhân, nhưng không làm gì khác được, thôi anh em về với đơn vị, giải thích cho các cấp biết, nhiệm vụ cầm súng của chúng ta đã bị kết thúc.”

Tôi đang ngậm ngùi nghe Đại Bàng Tango nói thì cũng là lúc Hợp bấm tay tôi, nháy mắt, hắt đầu về phía doanh trại TĐ.2/TQLC, nằm phía Tây trong căn cứ. Hiểu ý cái bấm tay của Hợp, tôi đi theo thằng bạn cùng khóa về vị trí đóng quân của nó cho có đôi vào lúc khoảng cách sinh tử là sợi chỉ.

Sau khi nói lời cuối cùng với quân sĩ, Hợp vốn bản tính bình tĩnh lắm li cũng phải quay đi lau nước mắt, rồi cùng tôi kẻ trước người sau đi ra khỏi căn cứ Sóng Thần. Như cái xác không hồn, chúng tôi nương theo dòng người men theo ven xa lộ để về trại gia binh Cửu Long Thị Nghè. Vừa ngang tới tới đoạn hăng “xi-măng” Hà Tiên thì nghe súng nổ giòn phía trước, chỗ ngã ba Cát

Lái. Tụi nón cối dạt về sau, lum khum chạy núp hai bên đường bắn trả. Tôi nghe tiếng Bắc Kỳ quen quen:

- *Địt mẹ bọn Trâu Diên ngoan cố.*

Thần hồn nhất thần tính, hễ thấy rần ri là chúng gọi “Trâu Diên”. Chúng vẫy tay ra hiệu cho đồng bào đi trước đi. Tôi liếc Hợp rồi hát hăm:

- Đi.

Nào ngờ đồng bào đi trước, giặc cướp trộn trấu theo sau, vì dĩ nhiên “lòng súng nhân đạo, cứu người làm than” của những người anh em Trâu Diên tách bầy, chiến đấu tới cùng đã không bắn vào quân dân ta dù có VC đi lẫn trong đó. Tôi chửi thảm đúng điệu quê hương BK (Bắc Kỳ):

- *Địt mẹ con cháu ba-ác tàn ác, lấy dân làm bia đỡ đạn.*

Về đến Thị Nghè thì thấy phía trước một toán cánh tay đeo băng đỏ đi ngược lại phía tôi, tay chúng cầm súng M16 thỉnh thoảng bắn ông “Thiên”, chúng đang xô đẩy một bộ rần ri bị trói 2 tay phía sau. Tránh đâu bọn trâu đánh này? Tôi xẹt vào một cái sân nhà bên đường, núp sau những chậu bông mai tứ quý, liếc phía sau, thấy Hợp cũng xẹt vào con hẻm gần đó.

Bài viết này xin kết thúc ở đoạn tuyệt đại đa số các cấp lãnh đạo và chỉ huy ở Saigon thì tìm đường ra sông ra biển, không phải để tự tử mà trốn làm, trong khi các

TQLC đang đóng quân tại Vũng Tàu như đi “nghỉ mát”, thiên thời địa lợi nếu muốn “vượt biển một mình” thì dễ như trở bàn tay. Nhưng vì nhiệm vụ, các quân nhân này lại kéo nhau trở vào đất liền, tiếp tay ngăn quân thù với SĐ.18, và cuối cùng thì tử thủ ở Căn Cứ Sóng Thần rồi tuyệt đại đa số các cấp chỉ huy TQLC vào tù.

Cùng một đội tù tại Long Giao gồm có ba Khóa 19 là Trần Văn Hợp, Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp, TQLC/17 Trần Kim Hoàng, Lê Văn Cưu, TQLC/21 Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn và nhiều Võ Bị và Võ Khoa TQLC khác nữa.

Những mất mát liên tiếp xảy đến trong ngục tù là tự tử, tử nạn như các Tr/Tá Nguyễn Văn Nhiều K14, Nguyễn Đăng Tổng K16, Huỳnh Văn Lượm K17, Đoàn Thức, Nguyễn Hữu Cát, Th/Tá Trần Văn Hợp K19 v.v... và tôi được tặng gần 10 cuốn lịch.

Kết thúc những ngày tháng cuối cùng đời lính c ủa chúng tôi là như thế, như thế. Thế còn bạn thì sao?./.

VUI BUỒN VỚI TRÂU ĐIÊN TRUỜNG.

Khoảng tháng 8-9/1975 tại trại tù Long Giao, trong một buổi “lên lớp”, tên VC nói phét về chính sách khoan hồng nhân đạo “trước sau như một” của chúng đối với “ngụy quân, ngụy quyền”, chúng kẻ thù thứ tội của tất cả các quân binh chủng, Quân Y, Tuyên Úy cũng có tội, rồi bắt ngờ hấn kết luận:

- Những cái gọi là Trâu Điên, Cọp Ba Đầu Rắn thì phải thẳng tay trừng trị.

Cọp Ba Đầu Rắn là TĐ42/ BĐQ lừng danh vùng 4, nón sắt sơn màu rắn ri với đầu con cọp đen nhe răng. Tuy Tiểu Đoàn này có 4 đại đội, nhưng khi hành quân, một đại đội nằm nghỉ, chỉ cần 3 đại đội thôi cũng đủ làm Việt Cộng bạt vía kinh hồn nên chúng hận đến xương tủy. Cọp Ba Đầu Rắn là vậy, TQLC tôi chỉ biết đến thế thôi, đúng sai cần các Cọp Ba Đầu Rắn nói tiếp, phần tôi xin trở về với Trâu Điên. Dĩ nhiên Trâu chẳng dám múa

rìu chuyện “đánh đấm” qua mắt thợ BĐQ, mà chỉ xin kể vài kỷ niệm buồn vui với các Trâu Điên Trưởng, tức các Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC từ khi mang danh Trâu Điên.

TĐ2/TQLC đã có nhiều vị Tiểu Đoàn Trưởng tiền nhiệm, nhưng chỉ mang danh Trâu Điên từ thời Thiếu Tá Lê Hằng Minh sau trận An Quý 1965. Như vậy có tất cả 4 Trâu Điên Trưởng là Thiếu Tá Lê Hằng Minh, Trung Tá Ngô Văn Định, Thiếu Tá Nguyễn Xuân Phúc, và cuối cùng là Thiếu Tá Trần Văn Hợp. Tôi hân hạnh được phục vụ dưới quyền bốn ông với nhiều buồn vui khác nhau, nay xin viết lại như một nén nhang dâng lên các Trâu Điên Trưởng đã đi rồi!

* * *

Trâu Điên Trưởng LÊ HẰNG MINH

Sau 15 ngày bị trọng cấm vì tội phạm thượng, bị nhốt quân cảnh QC.202, tôi từ già TĐ5/TQLC để theo toán bổ sung quân số về trình diện TĐ2/Trâu Điên hiện đang hành quân tại thành phố Đà Nẵng (5/66). Đang vui cùng đồng đội cũ, bị đổi sang đơn vị mới vì lý do kỷ luật khiến tôi mệt mỏi chán chường. Ngồi bệt dưới đất, dựa lưng vào tường trong sân của Quân Trấn Đà Nẵng, tôi

chợt thấy một ông thiếu tá nhỏ con, nón sắt áo giáp súng đạn đầy người đi tới đi lui, lại thêm bộ râu trông “hách” hơn râu của mình, tôi quay sang hỏi người hạ sĩ ngồi bên cạnh:

- Ông nào trông ngầu quá vậy?

- Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Lê Hằng Minh của mình đó, thiếu úy ơi.

Đây là lần đầu tiên tôi được đến gần vị Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Trâu Điền, vị tiểu đoàn trưởng mà tôi từng nghe danh từ lâu, nay trông thấy ông rồi và được về với Trâu Điền, đơn vị đầu tiên tôi mong được phục vụ.

Được về chiến đấu dưới màu áo rằn ri sóng biển TQLC có hình Trâu Điền là điều tôi hằng mong ước và hãnh diện. Vậy là tôi đã được làm Trâu Điền với Trâu Điền Trưởng Lê Hằng Minh, người tôi ngưỡng mộ.

Tháng 5/1966, TĐ1 và TĐ2/TQLC tham dự vào vụ “Biến Động Miền Trung”, dẹp biểu tình tại Đà Nẵng, khiêng bàn thờ Phật bị thầy trò Thích... đem bày xuống đường làm vật cản lưu thông ở Huế, vừa ổn định nội thành là TQLC hành quân lùng diệt địch còn luẩn quẩn quanh thành phố. TĐ2 đuổi chúng từ bờ biển Phù Lưu, Gia Đăng tới ngã ba sông Vĩnh Định, Bích La Thôn Quảng Trị, biết bao xác VC đã nổi lên tại khúc sông này.

Sau khi dẹp loạn trong, giết giặc ngoài xong, TĐ2/TQLC trở lại Huế để tham dự lễ mừng chiến thắng

được tổ chức tại Phú Văn Lâu. Trong dịp này một số quân nhân TQLC được gắn huy chương và thăng cấp, trong đó Thiếu Tá Lê Hằng Minh, được thăng cấp Trung Tá.

Đang nghỉ dưỡng quân ở xóm phía ngoài đầu cầu An Hòa (Huế), Đại Đội Trưởng ĐĐ4 Nguyễn Xuân Phúc đi họp về ra lệnh cho đại đội chuẩn bị hành quân. Ông cho biết Tiểu Đoàn 2 sẽ di chuyển ra Quảng Trị bằng xe GMC. Đại Đội 4 đi sau cùng nhưng Trung Đội 43 của tôi đi đầu Đại Đội nên tôi phải theo dõi đoàn xe di chuyển để nối tiếp đúng lúc. Để biết khi nào tới phiên mình nên tôi ra đứng sát ngay lề đường để theo dõi các đơn vị đi chuyển.

Trâu Điền Trưởng Lê Hằng Minh ngồi trên xe Jeep mũ trần với nhiều cần câu, trên kính chắn gió phía tay phải còn khoác một vòng hoa chiến thắng, vòng hoa do các em gái hậu phương quàng cho ông trong buổi lễ mấy hôm trước. Ông mặc áo jacket bên ngoài, trên cầu vai áo jacket là cặp lon trung tá TQLC bằng kim tuyến trắng tinh.

Kể từ ngày về Tiểu Đoàn, tôi chưa được phép trình diện ông. Lần đầu tiên tôi trông thấy ông tại Quân Trán Đà Nẵng với cấp bậc Thiếu Tá, lần này đứng bên lề đường đưa tay chào Trung Tá khi xe jeep của ông từ từ đi qua. Dĩ nhiên ông không bận tâm chào lại và cũng chẳng biết tên thiếu úy kia là ai, không ngờ đó là lần đầu

tiên và cũng là lần sau cùng tôi đứng nghiêm đưa tay chào vị Tiểu Đoàn Trưởng thần tượng của tôi, đó là ngày...

Đó là ngày 29/6/1966, đoàn xe TĐ2 di chuyển trên Quốc Lộ 1 từ đầu cầu An Hòa hướng ra Quảng Trị, vừa qua khỏi cột mốc cây số 17 thuộc Quận Phong Điền, Huế thì bị một trung đoàn địch độn thổ phục kích sát quốc lộ trên một tuyến dài mà cả một đoàn xe gần như lọt vào vòng. Lúc đó vào khoảng 9 giờ sáng, cuộc phục kích và phản phục kích chỉ xảy ra trong vòng 20 phút, nhưng Trâu Điền Trưởng Lê Hằng Minh cùng 42 chiến sĩ đã bị tử thương, gần 100 quân nhân bị thương, trong số đó có anh Xuân Phúc bị bắn từ ngực xuyên ra sau lưng, Trần Văn Hợp bị bắn vào bắp chân, và tôi bị đạn xuyên cánh tay. Đổi lại thì 233 VC phơi xác, 9 tên “được” bắt sống. Đại Tá Ngô Quang Trưởng đến thị sát chiến trường ngay sau khi khói súng chưa tan, ông nhận xét về trận này:

- Trong cuộc đời binh nghiệp, kể cả hồi Pháp, tôi chưa hề thấy trận bị phục kích nào lại biến thành trận phản phục kích tuyệt vời như trận Phò Trạch này.

(Trích Mũ Xanh Tôn Thất Soạn, Tuyển Tập 2/TQLC.)

Trong bài viết này, tôi không nói về lý do và những khó hiểu đằng sau vụ TĐ2/TQLC bị cả một trung đoàn VC phục kích ngay trên QL1 sát nách thành phố Huế!

Điều đáng buồn là thân phận người lính chiến lại bị ngay “bạn” ở hậu phương đâm sau lưng bằng lưỡi lê đầu súng AK47! “Bạn” đây chính là thầy trò “thích đâm hậu” đi cùng VC bày binh bố trận.

Là một trung đội trưởng chưa có dịp trình diện Trâu Điền Trưởng Lê Hằng Minh, chỉ mới nghe danh nên tôi không có nhiều kỷ niệm vui buồn với ông, nhưng cảm tưởng chung của quân nhân các cấp trong Tiểu Đoàn đều cùng một lòng, một nhận xét:

- Trâu Điền Trưởng Lê Hằng Minh không chỉ là một cấp chỉ huy giỏi mà còn có tài lãnh đạo. Sự hy sinh của ông là một mất mát lớn cho TQLC.

Sau khi Trung Tá Lê Hằng Minh tử trận thì tân TĐT/TĐ2 Trâu Điền là Đồ Sơn Ngô Văn Định. Đồ Sơn Ngô Văn Định vốn là sĩ quan thuộc TĐ2/TQLC từ khi ông còn là một trung úy đại đội trưởng, nay ông được chỉ định quay về làm Tiểu Đoàn Trưởng.

Trâu Điền Trưởng NGÔ VĂN ĐỊNH.

Phải nói ngay mà không sợ mang tiếng là nịnh cấp trên, theo tôi, Đồ Sơn Ngô Văn Định là một trong những quân nhân có nhiều huy chương. Ông đã có Anh Dũng Bội Tinh với 21 ngành Dương Liễu, Đệ Ngũ Đảng Bảo Quốc Huân Chương từ khi còn là Trung Úy Đại Đội

Trưởng, Đệ Tứ Đẳng khi là Tiểu Đoàn Trưởng, và Đệ Tam Đẳng khi là Lữ Đoàn Trưởng. Đồ Sơn cũng là một trong 2 Lữ Đoàn Trưởng TQLC chỉ huy trận tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Tôi không thể nói nhiều về những chiến công của ông mà chỉ xin ôn lại những kỷ niệm “buồn vui” của một đại đội trưởng với Trâu Điền Trưởng Đồ Sơn quanh cuộc chiến.

Tôi phục vụ dưới quyền chỉ huy của Đồ Sơn Ngô Văn Định từ 1966-1969, tính tròn 3 năm. Đây là vị Tiểu Đoàn Trưởng lâu đời nhất của tôi, tôi theo ông liên tục trong mọi cuộc hành quân khắp 4 vùng chiến thuật, qua nhiều trận lớn nhỏ. Tôi nhận thấy, ngoài tài chỉ huy, Đồ Sơn còn là cấp chỉ huy “mát tay”, ít ra là đối với riêng cá nhân tôi, ông đã giúp tôi thoát chết nhiều lần trong gang tấc. Những kỷ niệm không vui với tôi là khi ông vừa về làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 thay thế Tr/Tá Lê Hằng Minh.

Khi Tiểu Đoàn Phó Nguyễn Xuân Phúc hướng dẫn và giới thiệu các sĩ quan trong Tiểu Đoàn cho tân Tiểu Đoàn Trưởng Đồ Sơn. Anh Phúc giới thiệu tôi với Đồ Sơn và nói:

- Đây là Thiếu Úy Cấp, mới từ TĐ5 đổi về, đánh đấm cũng được lắm.

Chả hiểu ông đã đọc hồ sơ quân bạ của tôi chưa, nhưng khi hai ông vừa bước đi thì tôi nghe Đồ Sơn nói

nhỏ với anh Phúc: “Đánh đấm được thì sao TĐ5 lại thái ra?”

Đúng, ít khi nào đơn vị cũ lại buông ra một quân nhân đánh đấm được và cấp chỉ huy đơn vị mới sẽ kém vui khi phải nhận “hàng thái”, chính vì chuyện “đánh đấm” mà tôi bị đuổi khỏi đơn vị cũ. Nhưng thức lâu mới biết đêm dài, ở lâu ông Đồ Sơn mới biết hàng thái tôi không tệ lắm. Chỉ trong vòng 1 năm, từ đầu Mậu Thân 68, đến đầu năm 1969, đại đội tôi cùng toàn thể Trâu Điền đã đem về cho TĐ2 được ba lần tuyên dương công trạng trước Quân Đội, nói nôm-na là quân kỳ TĐ2 được thêm 3 nhánh Dương Liễu. Đáng nhớ nhất là nhánh Dương Liễu được thưởng trong cuộc hành quân vùng Bời Lời, Hố Bò, đại đội tôi đã phải thay tới 4 lần cố vấn Mỹ*

(Một Tiểu Đoàn TQLC đi hành quân luôn có 2 cố vấn Mỹ, cố vấn trưởng đi với tiểu đoàn trưởng, cánh A; cố vấn phó đi với tiểu đoàn phó, cánh B. Nhưng khi một đại đội hoạt động biệt lập thì được một cố vấn đi theo để sẵn sàng yểm trợ hỏa lực và tải thương.)*

Ngày 14/9/1968, Đại Đội của tôi nhảy “điều hâu” xuống vùng Cầu Khởi, phía Bắc quân Khiêm Hanh (Tây Ninh), vì đi một mình nên có cố vấn Mỹ đi theo. Vừa chạm đất liền bị Tiểu Đoàn 14D/ VC bao vây tấn công. Chúng tôi trong tình trạng thập tử nhất sinh, nhưng nhờ có cố vấn Mỹ xin yểm trợ hỏa lực tối đa và Đồ Sơn đã

kip thời đổ quân TĐ2 (-) xuống ngay sau lưng địch khiến chúng hốt hoảng phải nói vòng vây đại đội của tôi để quay ra chống cự với Trâu Diên đang bao vây chúng phía ngoài.

Sau trận Cầu Khởi, TĐ2 lại đổ bộ trực thăng ngay vào mật khu Hồ Bò (TN), nhưng mới thả xuống được ĐĐ1 của tôi và ĐĐ3 của Trần Văn Thương thì bị đưng nặng, súng phòng không quá mạnh và địa thế không cho phép tiểu đoàn đổ quân tiếp tục nên ĐĐ1 và ĐĐ3 cầm cự tới ngày hôm sau tiểu đoàn mới xuống đầy đủ. Suốt đêm đó, Tiểu Đoàn Trưởng Đồ Sơn và Ban 3 Đinh Xuân Lâm luân phiên bay C&C đề hướng dẫn “Hoả Long” yểm trợ chúng tôi. Tiếng nói của các anh và Hỏa Long đã giúp chúng tôi an tâm giữ vững vị trí trước những đợt tấn công dồn dập của VC trong đêm.

Trong cuộc hành quân nhảy vào Hồ Bò này, đại đội tôi lại nhảy đầu và có cố vấn Mỹ đi theo, vừa chạm đất là CV Mỹ bị thương. Mỹ mà bị thương thì họ phải tải thương ngay và thả cố vấn khác xuống thay thế. Nhưng rất tiếc là phòng không mạnh quá và VC cũng thả khói mù nên trực thăng nhằm Landing Zone (LZ), thả lộn cố vấn vào vùng địch khiến đại đội tôi lãnh “đại họa” là phải đi tìm anh ta về bằng mọi giá. Tìm được, nhưng anh ta bị thương và phải tải thương. Tiểu Đoàn chưa kịp bổ sung cố vấn, nhưng tình hình quá nặng nên buộc lòng Chiến Đoàn Trưởng phải đưa cố vấn khác từ Chiến Đoàn

xuống cho tôi để họ lo hỏa lực yểm trợ và tải thương. Khi đụng trận, có cố vấn đề xin yểm trợ hỏa lực và tải thương thì tuyệt.

Hôm sau, trong khi đang lục soát, thu dọn chiến trường và chuẩn bị đóng quân đêm thì Tiểu Đoàn được lệnh di chuyển ngay để B52 “trải thảm” vùng này. Khi Đại Đội 4 của Vũ Đoàn Dzoan đi sau cùng chưa rời khỏi vị trí thì 2 đại đội đi đầu đụng nặng, tiếng B.40 và RPD nổ liên hồi, quân ta đã có một số bị thương và tử thương, trong khi trời đang tối dần, tối dần!

Trong đêm giữa rừng sâu, lệnh thượng cấp bắt di chuyển gấp, trả mục tiêu lại cho B.52 nhưng địch lại cầm chân! Đây là lúc khó khăn nhất của cấp chỉ huy, TĐT Ngô Văn Định đã quyết định: “*Ở lại chiến đấu, không nhường B52*” và ông đã thông báo quyết định này cho 2 cố vấn Mỹ biết.

Thực tế chiến trận đang xảy ra trước mắt buộc 2 cố vấn của Tiểu Đoàn phải làm việc khẩn cấp với hệ thống cố vấn cao hơn để xin hủy bỏ hay chuyển hướng các phi vụ B.52 đang hướng về mục tiêu mà TĐ2/TQLC còn đang kẹt tại chỗ. Đây là một việc làm vô cùng khó khăn, thời hạn ấn định TĐ2 rời khỏi mục tiêu đang cạn dần, đêm lạnh mà các cố vấn lau mồ hôi trán liên tục. Cuối cùng, cố vấn Tiểu Đoàn thở phào nhẹ nhõm báo cho Đò Sơn biết B52 đã phải “nhường” mục tiêu lại cho TĐ2.

Tin loan ra khiến chúng tôi an tâm diệt Cộng mà không còn lo hỏa lực khủng khiếp của bạn từ trời rơi xuống.

Trong chiến trận, chuyện KQ bạn đánh lâm quân ta cũng không hiếm, nhưng B52 thì chưa bao giờ xảy ra. Bốn mươi năm sau, khi ôn lại chiến trường xưa, Đồ Sơn tâm sự:

- Khi quyết định ở lại chiến đấu mà không di chuyển theo lệnh trên, tôi biết sẽ gặp khó khăn lắm, nhưng không thể hy sinh thêm đồng đội vì bất cứ lý do gì. Và lại kinh nghiệm cho tôi biết B52 sẽ không bao giờ dám trải thảm một khi còn có người Mỹ trong vùng mục tiêu. Lúc đó trong tay mình (TĐ2) còn có 2 cô vấn Mỹ mà.

Sau 3 năm theo chân Đồ Sơn khắp bốn vùng chiến thuật, bị thương lai rai thì có nhưng khi Đồ Sơn bị trọng thương (1/69), thì tôi bị trọng thương theo sau, tháng 6/1969, bị loại khỏi vòng chiến, tôi rời TĐ2/TQLC từ đây. Xin gửi lời cảm ơn muôn màng đến Đồ Sơn, là đại đội trưởng, đôi khi tôi thường “khắc khẩu” với tiểu đoàn trưởng, nhưng nhờ hợp “mạng” nên Đồ Sơn đã nhiều lần giúp tôi thoát hiểm trong đường tơ.

Trâu Diên Trường NGUYỄN XUÂN PHÚC.

Đang vui với TĐ5/TQLC, chỉ vì bốc đồng, lãnh 15 ngày trọng cấm rồi bị đổi về TĐ2 khiến tôi buồn lắm, nhưng “kỷ luật là sức mạnh” nên tôi bước tới trước mặt Trung Úy ĐĐT/ĐĐ4 Nguyễn xuân Phúc, đứng nghiêm đưa tay chào và xung danh đứng quân phong quân kỷ. Nhưng “ông ta” vẫn ngồi, hai chân gác trên bàn, tay cầm điều Ruby Queen gõ gõ lên hộp quẹt Zippo rồi nhếch mép cười ruồi:

- Ông đánh lộn bên TĐ5 rồi bây giờ về đây kiểm tôi nữa phải không?

Đã từng nghe danh ông niên trưởng này từ lâu, nay đụng mặt trong hoàn cảnh bất đắc dĩ khiến tôi đành phải cắn môi đến róm máu để nuốt cục buồn, muốn trả lời ông: “Chưa biết”. Nhưng thôi, đành im lặng! Sau giây phút căng thẳng, ông đứng dậy quẹt lửa, châm điều thuốc, nhả khói rồi chậm rãi chân bước đi, miệng nói:

- Ông đi tìm Trung Úy đại đội phó mà trình diện!

Đại đội phó là Trần Văn Hợp, người bạn cùng khóa với tôi, hẳn mới đón tôi từ quân trấn Đà Nẵng về đây thì còn trình diện gì nữa nên tôi xách ba-lô đi tìm chỗ khuất trong một khách sạn xây cất dở dang bỏ hoang, là nơi đại đội đang đóng quân, để tránh mặt mọi người, giăng võng nằm trong một góc tối. Đại Đội Trưởng không giao

nhệm vụ gì cho tôi cả và tôi cũng chả cần xin việc. Vài ngày sau, “xếp” gọi tôi ra lệnh:

- Ông xuống nhận Trung Đội 3 để sáng sớm mai đi hành quân.

Tôi không hỏi thêm bất cứ điều gì, tôi bắt cần. Tôi gọi Trung Đội Phó là Trung Sĩ Tuyệt truyền lệnh vắn tắt: “Chuẩn bị sáng mai đi hành quân.”

TĐ2/TQLC tiến quân dọc theo những xóm làng ven biển, dừng tại mục tiêu Phù Liêu Gia Đặng, quân ta truy kích địch về tới ngã ba sông Vĩnh Định, thôn Bích La, Quảng Trị. Địch hết đường thoát nên tử thủ tại đây nhưng rồi cũng bị TĐ1 và TĐ2 đánh tan. Suốt cuộc hành quân này Đại Đội Trưởng Nguyễn Xuân Phúc luôn để trung đội tôi lèo đèo theo sau và không hề ra lệnh hay nói năng gì cả.

Tại Phù Liêu, khi cánh quân đi đầu nổ súng, Thiếu Úy Kiệt (K20/VB) tử thương thì ở phía sau, VC từ dưới cát chui lên “chặt khúc đuôi”, tấn công ào ạt vào Trung Đội 3 của tôi, nhưng anh em đã nhanh chóng phản ứng cấp thời, không hề hấn gì mà VC còn bỏ lại vài cây AK, vài xác chết. Tôi báo lên đại đội nhưng xếp Phúc vẫn im lặng, không lên tiếng khen chê. Đại Đội tiếp tục truy kích giặc đến thôn Bích La Quảng Trị.

Tại thôn Bích La, VC bị kẹt vào giữa gọng kìm của hai Tiểu Đoàn 1&2/TQLC và ngã ba sông nên nửa đêm

chúng liệu chết tìm cách thoát thân, chui đầu vào tuyến TĐ2! Hẳn không cần diễn tả thì đọc giả cũng biết chuyện gì xảy ra khi quân ta bắn “bia di động”. Riêng Trung Đội 3, tôi cho đặt mìn claymore trước tuyến nên khó có tên VC nào thoát. Sáng sớm hôm sau, trong khi tôi đang cho trung đội thu lượm vũ khí và đếm xác địch thì Tr/Úy Đại Đội Trưởng đến, tay cầm ca nhôm café, ông vỗ vai tôi và nói:

- Làm một hộp cho ấm bụng, chú mày làm ăn được lắm.

- Cám ơn “xếp”, tôi là đồ bỏ nhưng nhờ lính của Trung Úy đánh giặc giỏi.

Thực ra thì tôi biết ông ta đến nhưng tôi cứ vờ như không hay, không thấy. Khi phải chào thì tôi chào theo đúng cấp bậc nhà binh chứ không có “niên trưởng” gì cả, dù ông đã gọi tôi với tiếng “chú” tràn đầy tình anh em. Với tôi, hai chữ “niên trưởng” có cái gì ấm cúng thân tình, còn danh xưng “xếp” chỉ là tiếng gọi xách mé, thiếu tôn trọng người đối diện. “Xếp” cũng biết điều đó nên ông mỉm cười, điệu cười trịch thượng dễ ghét, im lặng móc thuốc hút và “mời” một tôi điếu, dặn dò vài câu huê vốn rồi đi đến chỗ trung đội của Nguyễn Quốc Chính, K20 Võ Bị.

Sau một đêm vất vả với súng đạn nhưng được bình an, sáng sớm trời lạnh mà được rít một hơi thuốc, ngửa

mặt lên trời nhả khói vòng tròn là niềm hạnh phúc nhất của lính đánh giặc. Điều thuốc đầu ngày làm tôi sáng khoái, nhất là điều thuốc mời từ tay “xếp”, một người mà tôi ghét cay ghét đắng ngay từ khi về trình diện.

Hình như tôi say thuốc, nhìn qua khói thuốc, tôi thấy đáng Anh đi đầy vẻ tự tin, thái độ “kẻ cả”, tôi chợt nhận ra cử chỉ của mình vừa rồi đầy mặc cảm tự ti! Còn Anh, tuy kích thước thấp hơn tôi nhưng anh lại cao hơn tôi một “cái đầu”. Tay tôi mân mê điều thuốc hút dở dang, điều thuốc in dấu tay của Trung Úy Nguyễn Xuân Phúc, có lẽ điều thuốc đó đã làm thay đổi thái độ bất cần của tôi. Hơn 50 năm sau, tôi còn nhớ đó là điều Ruby Queen đựng trong bao màu tím nhạt. Phong cách “người lớn”, rộng lượng của cấp chỉ huy hay hành động “tiểu nhân” ích kỷ của kẻ lớn lon có thể làm thay đổi hẳn thái độ của thuộc cấp theo hướng kính trọng hoặc khinh bỉ, tôi đã gặp cả hai trường hợp như thế. Chỉ một điều thuốc giữa không khí đặc quánh với khói súng mà tôi bỏ chữ “xếp Phúc” để thay bằng một tiếng ANH PHÚC viết hoa.

Sau một thời gian làm TĐP/TĐ2, Anh Phúc được điều động đi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6/TQLC. Trước khi đi, anh xiết mạnh tay tôi và khẽ nói:

- Chú mày đã phạm một lỗi lầm rất đáng tiếc, dễ gây ngộ nhận và ác cảm với cấp chỉ huy lúc ban đầu, đường binh nghiệp của chú mày sẽ vất vả lắm đấy. Phải cẩn thận!

À thì ra thế, lúc đó tôi mới ngộ ra rằng thuở ban đầu khi tôi vừa trình diện thì Anh đã thử thách tôi. Điều đó dễ hiểu, cấp chỉ huy nào cũng bức khi phải nhận về một quân nhân “ba gai”, hỗn với cấp chỉ huy, cái khó là làm sao trị được những “con ngựa chướng”. Tôi nói với anh:

- Bản tính tôi đâu phải thế, tôi luôn luôn biết kính trên nhường dưới mà.

Tháng 1/1969, Tiểu Đoàn Trưởng Đồ Sơn Ngô Văn Định bị trọng thương, anh Phúc quay trở lại làm TĐT/TĐ2 với dàn đại đội trưởng là 3 Đ/Úy K19VB là Đ/Úy Trần Văn Hợp, Đ/Úy Vũ Đoàn Dzoan, Đ/Úy Tô Văn Cấp và Tr/Úy Lâm Tài Thạnh K17VK. Đối với tôi, đây là thời gian TĐ2 tương đối vui và ổn định, “hành quân” ở hậu phương thì ồn ào, đụng trận ngoài tiền tuyến thì không khí nhẹ nhàng. Mỗi lần đụng trận các đại đội trưởng liên lạc hàng ngang, luân phiên công thủ còn ông TĐT thì yên lặng theo dõi, không hỏi thúc.

Ngày 19/6/1969, TĐ2 đi hành quân ở Chương Thiện, vì Tiểu Đoàn Phó là Th/Tá Nguyễn Kim Để đi phép để chuẩn bị nhận tiểu đoàn mới. Vì thế anh Phúc giao cánh B cho tôi chịu trách nhiệm. Thực ra trong 3 tên K19 thì thằng nào làm phó cho anh cũng được, nhưng anh lại giao cho tôi và rồi tôi bị trọng thương khiến anh Phúc dậm chân chửi thề:

- C..., mưu sự do tao, thành sự tại thằng VC.

Tôi hiểu ý nghĩa câu chữ thề của Anh, Anh muốn nâng đỡ tôi nhưng không hiểu tại sao tôi lại đen đến thế, đen cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng! Vạn sự (rắc rối) khởi đầu (gian) nan chãng? Sau khi tôi bị thương, tuy không còn chiến đấu bên Anh ngoài chiến trường nữa, nhưng mỗi khi có dịp gặp nhau, kể cả khi anh làm Lữ Đoàn Trưởng, là anh kéo tôi đi theo để xem anh uống còn tôi thì “phá mồi” hoặc đấu võ “môm”.

Lần đầu tiên, khi trình diện, năm 1966, tôi gặp Trung Úy ĐĐT/ĐĐ4 Nguyễn Xuân Phúc tại Đà Nẵng thì lần sau cùng tôi lại gặp Trung Tá LĐT/LĐ.369 Nguyễn Xuân Phúc cũng tại Đà Nẵng, trên bãi biển Non Nước vào sáng 29/3/1975. Không ngờ đó là lần sau cùng tôi gặp Anh.

Anh Phúc không cho tôi huy chương và cấp bậc, tiền bạc thì lại càng không vì Anh quá nghèo. Tôi ghét cay ghét đắng, có thể nói là hận Anh ngay từ khi mới đến trình diện. Nhưng “ở lâu mới biết lòng người có nhân”, với phong cách chỉ huy và tài lãnh đạo, cung cách “sống đẹp” với người xung quanh đã khiến tôi kính và phục Anh, nếu không muốn nói Anh là “thần tượng” của tôi.

Không chỉ riêng tôi, mà khi tiếp xúc với những người biết Anh, những ai từng làm việc với Anh thì hầu như tất cả đều dành cho Anh sự ngưỡng mộ, cảm tình yêu mến.

Nửa đường gãy gánh, binh nghiệp Anh chưa thành công, nhưng anh đã thành danh, ở một nơi nào trên Thiên Quốc anh đang cười, đánh nhịp hát: “Trần Thủ Lưu Đôn”.

Trâu Diên Trưởng TRẦN VĂN HỢP.

Cùng được chọn về TQLC nhưng khác tiểu đoàn nên chúng tôi chỉ thỉnh thoảng gặp nhau. Ngày bị thuyền chuyển từ TĐ5 về TĐ2, thấy Hợp mang xe đến đón khiến tôi mừng thầm, ít ra cũng có một người bạn cùng khóa ở đơn vị mới thì cũng đỡ bơ vơ. Nghĩ vậy nên tôi đến chào Trung Úy Hợp đứng theo quân kỷ, hắn đưa tay cho tôi bắt, nói cho chính xác là nó hững hờ đưa tay ra cho tôi cầm rồi chỉ tôi leo lên phía sau xe GMC trong khi nó ung dung lên “cabin” ngồi một mình!

Đắm tàu tưởng gặp phao hóa ra đụng bọt biển! Đó là lý do tôi không thêm trình diện Tr/Úy Hợp theo lệnh của xếp Phúc. Có một cái gì đó gần giống nhau của anh Phúc và Hợp đối xử lạnh nhạt với tôi. Không hiểu sao lúc đó tôi lại không đi uống rượu, chửi thề, xuống xóm giải sầu hoặc chịu chơi thì bỏ về Saigon chơi cho đỡ ghét. Sau vài lần thử lửa, nhất là sau trận Bích La thôn, cả hai đã cho tôi một nụ cười.

Khi Hợp lên làm Đại Đội Trưởng ĐĐ4 thay anh Phúc, tôi cũng được hưởng ké, làm đại đội phó cho Hợp, cùng nhau vui chơi và làm việc cho đơn vị mà không phân biệt trường phó, chính vì sự “lạm quyền” đó mà đã có lần Hợp chửi tôi “ngu”.

Bồng Sơn, Tam Quan (Bình Định) vào thời điểm 1967 du kích nhiều, ẩn hiện như ma, ngày thì lặn, đêm đêm chui ra vác loa kêu gọi “Lính Thủy Đánh Bộ” đầu hàng! Nghe mãi nhức đầu, sôi máu nên một đêm tôi lựa mấy tay “đen-đen” như tôi để đi bịt miệng mấy tên du kích này và túm được một tổ tam-tam, một AK, một mã tấu, và một chị thổi loa. Hí hửng tôi mang loa về khoe, Hợp khen toán phục kích giỏi rồi ghé tai tôi nói nhỏ:

- Mày ngu bỏ mẹ, du kích vùng này đông như cỏ dại. Nhiệm vụ này đâu phải của mày, lỡ xảy ra chuyện gì thì liệu có đáng không?

Lần đầu gặp nhau tại Đà Nẵng, nó đưa tay cho tôi cầm khiến tôi ghét nó bao nhiêu thì lần tại Bồng Sơn nó chửi tôi “ngu” thì tôi lại phục nó bấy nhiêu. Tôi hiểu tâm lòng của cấp chỉ huy xen lẫn tình bạn bè trong lời hấn sỉ và tôi: “Mày ngu”.

Một thời gian ngắn sau tôi lên coi Đại Đội 1. Tuy không còn chung đại đội, nhưng dù hành quân hay về hậu cứ thì 3 tên độc thân Hợp, Chính, và tôi đều buồn vui có nhau như anh em một nhà. Rồi Chính tử trận bên

kinh Cái Thia (31/12/1967), tôi bị thương ở Chương Thiện, Hợp tiếp tục cầm súng. Sau Hạ Lào 719, Hợp thay thế anh Phúc để trở thành Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Trâu Diên.

Không thể kể hết những trận đánh và chiến công của Hợp, và lại nếu có thì đó là công trạng chung của cả một tiểu đoàn mà không của riêng ai. Vì thế trong bài “Vui Buồn” này, tôi sẽ ít đề cập tới “tiếng súng chiến trường” mà chỉ là tâm tình riêng.

Thời gian 1973, tôi làm việc tại Phòng Ba Sư Đoàn tại Hương Điền, mỗi khi các tiểu đoàn trưởng về họp tại Bộ Tư Lệnh/Sư Đoàn (Hương Điền) thì Hợp đều ghé Phòng Ba tìm tôi, nhưng hấn im lặng đưa tay cho tôi bắt. Tôi nắm trong đó được một ít tiền lẻ đủ vài châu com hàng cháo chợ của quán mụ Luyên bên bờ Phá Tam Giang. Có lúc tôi giả bộ chê: “Sao mày rách thế?” Thì hấn chỉ mỉm cười.

Ít nói là bản tính của Hợp, kín tiếng ngậm miệng ngay cả khi “mở rộng bàn tay”. Những đàn em như Lê, như Trần đều không hay biết gì về việc TĐT Trần Văn Hợp đề nghị thăng cấp thiếu tá cho họ. Họ tâm sự:

- Tụi tôi không hay gì cả, chỉ khi được gọi lên Bộ Tư Lệnh gắn lon thiếu tá mới biết do anh Hợp đề nghị.

Sống chết với nhau nhưng chúng tôi không hề biết tôn giáo của nhau, chẳng chùa mà nhà Chúa cũng không.

Đời lính tráng chỉ biết theo đạo ù-ù, nhưng “cách cho” của Hợp có vẻ như làm theo lời khuyên của Thánh Kinh: *“Khi tay phải làm việc thiện đừng cho tay trái biết.”*

Sáng 29/3/75, Hợp và tôi gặp nhau tại bờ biển Non Nước, rồi lênh đênh xuôi Nam, chia nhau gói mì tại vịnh Cam Ranh, rồi về bãi biển Vũng Tàu vào những ngày giữa tháng 4/75. Chỗ nào thì cũng chỉ nhìn nhau lắc đầu, mong sao không còn phải lui nữa

Những ngày cuối tháng 4/75, trong khi “hậu phương” Sài Gòn tìm mọi phương tiện để ra biển thì tất cả quan lính TQLC lại từ bờ biển Vũng Tàu lui về cố thủ tại căn cứ Sóng Thần rồi theo lệnh tông-tông, cởi bỏ áo lính, giày sô để mặc áo tù đi chân đất!

Cúi mặt!

Sáng 30/4/1975, sau khi Tổng Thống Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, các Tiểu Đoàn Trưởng họp cùng Đại Tá Tư Lệnh Phó tại Bộ Chỉ Huy căn cứ Sóng Thần (Thủ Đức) và nhận lệnh “giã từ vũ khí”! Trời bỗng đổ một cơn mưa rào. Hợp và tôi dựa lưng nhau chùi nước mắt, vớt xe jeep, lội bộ từ Thủ Đức về Thị Nghè vì gia đình chúng tôi cùng ở trong trại gia binh Cửu Long. Khi đi ngang ngã ba Giồng Ông Tố, thấy súng nổ, mấy tên VC Bắc Kỳ vác AK chạy tới chạy lui trên xa lộ miệng chửi tục:

- ĐM. tụi Trâu Diên còn ngoan cố chống cự.

Đang khóc trong lòng mà tôi cũng phải mím môi cười thầm bên tai Hợp:

- Bạn thua đàn em rồi!

Sau vài tuần ngơ ngáo, 14/6/75 chúng tôi cùng “rủ nhau” vào tù, gặp đủ mặt “anh hào” cùng chung một trại Long Giao, không sót một ai, cùng chia nhau trái đắng. Trong buổi “lên lớp” đầu tiên tại trại tù Long Giao về đề tài “Ngụy Quân, Ngụy Quyền”, tên “giáo viên” VC đã đồng dục và dứt khoát tuyên bố:

- Những cái gọi là Trâu Điền và Cọp Đầu Rắn thì sẽ bị trừng trị đích đáng!

Tôi lại có dịp thúc cùi chỏ vào ba sườn Trâu Điền Hợp nói nhỏ: “Nó hù mày.”

Mặt Trâu Điền Hợp vẫn tỉnh bơ, quả thật điếc không sợ súng, “mặt dày” như da Trâu. Rồi tôi trước, Hợp sau, lưu đày đất Bắc. Tôi và Hợp bắt tay từ già nhau tại trại tù Suối Máu năm 1976 mà không biết đó là lần chia tay sau cùng! Trâu Điền Trần Văn Hợp đã bị “trừng trị đích đáng” trong rừng núi vùng Thượng Du Bắc Việt như lời tuyên bố của “giáo viên”!

Đời binh nghiệp của Hợp gắn liền với Tiểu Đoàn Trâu Điền, từ ngày đầu tiên 11/1964 là Trung Đội Trưởng của Đại Đội Trưởng Phúc cho đến những ngày cuối cùng 29/3/75, Hợp vẫn là Tiểu Đoàn Trưởng thuộc quyền Lữ Đoàn Trưởng Nguyễn Xuân Phúc. Vì thế,

những đức tính cần có và đủ của một cấp chỉ huy tác chiến lý tưởng thì Trần Văn Hợp là “bản sao” của anh Nguyễn Xuân Phúc: “Cấp chỉ huy giỏi thì không có thuộc cấp tồi.”

Trần Văn Hợp là Tiểu Đoàn Trưởng Trâu Điền cuối cùng và không còn nữa nhưng vẫn còn mọi sự mến mộ của bạn bè và lòng kính trọng của thuộc cấp. Một thượng cấp trong Binh Chung đã nói về Hợp như thế này:

- Ai đó có thể ghét, nhưng không ai có thể khinh thường Hợp được.

Dù đã về Thiên Quốc như các Trâu Điền Trưởng Lê Hằng Minh, Nguyễn Xuân Phúc, Trần Văn Hợp, hay còn nặng nợ với trần gian như Đồ Sơn Ngô Văn Định, tôi xin nghiêng mình kính phục các TRÂU ĐIỀN TRƯỞNG, những cấp chỉ huy lý tưởng của Binh Chung TQLC, những người con yêu quý của QLVNCH.

Các anh đã cùng quân nhân các cấp chiến đấu khắp mọi miền đất nước, từ Bến Hải đến Cà Mau, Kampuchia, Hạ Lào, tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, làm đẹp màu cờ sắc áo rần rì với dây biểu chương màu Tam Hợp, trong đó Quân Kỳ TĐ2/TQLC Trâu Điền đã 8 lần được tuyên dương công trạng trước Quân Đội.

Sau chiến thắng Mậu Thân ở Saigon, trận Cầu Khởi và Bời Lời ở Tây Ninh, TĐ2 về hậu cứ để tái trang bị. Ngày 28/12/1968 Tổng Thống VNCH, Phó Tổng Thống,

Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng cùng phái đoàn tướng lĩnh cao cấp đến hậu cứ TĐ2 ở Thủ Đức thăm và khen thưởng anh em Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền.



*Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu thăm Trâu Điền,
28/12/1968*

Tổng Thống, Tổng Tư Lệnh Quân Đội, Phó Tổng Thống, Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng, cùng phái đoàn tướng lĩnh đến thăm và khen thưởng các đơn vị tại chiến trường là chuyện bình thường, nhưng đến thăm một tiểu đoàn tại hậu cứ sau những ngày hành quân dài thì không bình thường chút nào. Dầu bất cứ vì lý do gì thì đây cũng là một niềm vui cho Trâu Điền nói riêng và TQLC nói chung./.

Trâu Diên Và Cố Vấn Mỹ, Muộn Vẫn Phải Nói.

Lời nói đầu: Nếu các binh chủng bạn có những tiểu đoàn nổi tiếng như Sáu Thần, Cọp Ba Đầu Rắn, Song Kiếm Trấn Ái v.v..thì Binh Chủng Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) chúng tôi cũng có những tiểu đoàn nổi tiếng, một trong những đơn vị đó là Trâu Diên, tức Tiểu Đoàn 2/TQLC. Trong bài viết này tôi xin dùng danh xưng “Trâu Diên”, và các Tiểu Đoàn Trưởng là “Trâu Diên Trưởng”.

Xin chân thành cảm ơn Trâu Diên Trưởng Đồ Sơn và cố vấn trưởng Trâu Diên John Sheehan đã cung cấp thêm tài liệu để tôi viết bài này.

* * *

T háng 8/2012 tôi được đi du lịch 7 ngày đến miền Đông-Bắc Mỹ như Philadelphia, New York, Washington D.C và Canada, tôi thấy vui khi được chạm tay vào quả chuông Độc Lập, thăm tượng Nữ Thần Tự Do, thác Niagara, Ground Zero, đài tưởng niệm các Tổng Thống Hoa Kỳ v.v... Nhưng khi đứng trước bức tường đá đen, nhìn thấy bóng mình in trên vách đá, “nằm” chung với tên của 58,772 quân nhân Hoa Kỳ đã hy sinh và mất tích (MIA) trên chiến trường Việt Nam, lòng tôi băng khuâng và tự hỏi tại sao mình còn sống và đứng đây, nhận Hoa Kỳ là quê hương thứ hai, trong khi 1,200 MIA (mất tích) còn ở lại VN, thân xác họ bị chôn vùi ở những nơi xưa kia là chiến trường khốc liệt như Cồn Tiên, Ia Drang, Cầu Khởi, Bời Lời hay trong ngục tù CS.

Nhìn lên bức tường đá đen, bất ngờ tôi thấy tên White, tôi tự hỏi đây có phải là cố vấn (CV) White đi với tôi trong trận Bời Lời (Tây Ninh) ngày 16/9/1968 hay không? Trận đó tôi chỉ biết là khi vừa đụng địch, White ngã xuống, bất tỉnh, và được trực thăng tản thương ngay.

Tôi thấy tên Joe, có phải đây là cố vấn Joe bị thả làm vào tuyến VC, bị bắn vào nách xuyên qua vai trong trận Bời Lời 16/9 mà đã được đại đội tôi cứu về và tải thương hay không?

Tôi đọc được tên Jack, có thể là viên cố vấn mà Trâu Diên Trường Nguyễn Xuân Phúc cho đi với tôi trong

trận kinh Cán Gáo, tỉnh Chương Thiện ngày 19/6/69. Ngày đó, Jack và tôi cùng bị thương nặng, tôi gãy chân tay, “trào máu họng”, còn Jack bị bay mất một cánh tay.

Những cô vấn đi với tôi chỉ trong một thời gian rất ngắn, có khi vài giờ rồi bị thương, được tải thương nên tôi không nhớ chính xác tên và cũng không rõ tình trạng của họ sau đó ra sao, lành dữ thế nào. Dù Mr. White, Mr. Joe, Mr. Jack có là cô vấn cho TQLC/ VN hay không thì những cái danh ấy trên bức tường đá đen này vẫn là những người bạn đồng minh anh hùng đã chiến đấu để bảo vệ VN Tự Do. Họ đã “nằm” xuống, còn tôi, người Việt Nam tị nạn thì lại được đứng đây, ngay Thủ Đô Hoa Kỳ. Nghĩ đến White, đến Joe, Jack, tôi đưa tay quệt ngang mắt, đứng nghiêm đưa tay chào các ông và các anh hùng trên bức tường đá đen.

Hướng dẫn viên du lịch đưa chúng tôi đến đây để thăm một di tích lịch sử Hoa Kỳ gắn liền với chiến tranh VN, với người Mỹ gốc Việt Nam, không phải viếng một nghĩa trang nên tôi không có nhang để thắp, không có hoa để tặng các ông.

Trong các buổi lễ quan trọng của cộng đồng người Việt tại hải ngoại, sau nghi thức chào Quốc Kỳ VN và Hoa Kỳ là “Một Phút Mặc Niệm” để tưởng nhớ đến quân dân cán chính VNCH đã hy sinh... để tưởng nhớ đến hơn 58 ngàn quân nhân Hoa Kỳ đã chiến đấu và hy sinh để bảo vệ miền Nam VN Tự Do v.v...Đó là một phút để

tưởng nhớ và vinh danh chung, nhưng sau khi viếng bức tường đá đen, chào từ già White, Joe, Jack, tôi nghĩ mình sẽ phải viết về những vị cố vấn đã đi hành quân với “Trâu Điên”, nhất là những CV đã đi với ĐĐ1/TĐ2, họ đã bị thương, đã hy sinh cách nay mấy chục năm. Phải viết như nói lời cảm ơn, *dù muộn vẫn phải nói*.

Sau khi thăm bức tường đá đen, vì trình độ computer và tiếng Mỹ của tôi ở dạng ABC nên tôi đã nhờ Quốc Việt, chuyên viên điện toán, vào các Web của USMC, Web đài tưởng niệm ở Washington DC, Web nghĩa trang Arlington và Web của các cựu QN/TQLC Mỹ đã tham chiến tại VN để tìm tên các cố vấn cũ, và tình trạng “sức khỏe” của họ, nhưng chỉ tìm được tên 5 người bị tử thương khi đi hành quân với TQLC/VN. Tôi không thấy tên các cố vấn mà tôi muốn biết, như vậy có lẽ họ đều bình an nên tôi ngưng tìm.

Năm 2014, Tổng Hội Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam (TQLC/VN) thực hiện cuốn Quân Sử (QS), cần tài liệu chính xác cho các bài viết nên tôi đã liên lạc được với cấp chỉ huy cũ của tôi là Trâu Điên Trường Trung Tá Ngô Văn Định (Đồ Sơn), và Cố Vấn, Đại Úy John Sheehan, là hai người biết rõ những gì đã xảy ra với đại đội của tôi trong các cuộc hành quân.

Trước khi nói về những việc mà Đồ Sơn và John Sheehan giúp tôi tìm được tin tức các cựu cố vấn đã cùng tôi chiến đấu bên nhau, tôi xin nói qua về nhiệm vụ

của các cố vấn và mối thân tình của họ với Trâu Điền nói chung, của John Sheehan với Đồ Sơn nói riêng.

Tôi không rõ hệ thống cố vấn và nhiệm vụ của họ ở các đơn vị bạn, nhưng với Binh Chủng TQLC/VN thì mỗi khi một tiểu đoàn đi hành quân thì sẽ được tăng phái 2 cố vấn Mỹ, một đi với tiểu đoàn trưởng (cánh A), một đi với tiểu đoàn phó (cánh B). Cấp đại đội thì họ không đi theo, trừ khi đại đội đó đi riêng với nhiệm vụ đặc biệt.

Nhiệm vụ của cố vấn Mỹ khi đi hành quân với tiểu đoàn TQLC/VN là liên lạc với các trực thăng Mỹ để xin tản thương, tiếp tế, quan trọng nhất là khi tiểu đoàn đụng trận thì liên lạc và phối hợp với hệ thống cố vấn Mỹ để xin yểm trợ hỏa lực Pháo Binh, Không Quân Mỹ. Họ chỉ có nhiệm vụ theo dõi diễn tiến hành quân, báo cáo và xin yểm trợ hỏa lực, đôi khi góp ý, nhưng không đi vào chi tiết kế hoạch hành quân của đơn vị trưởng. Họ luôn ghi chép mọi diễn biến trong ngày, như một cuốn nhật ký hành quân để xác định trách nhiệm rõ ràng và đó chính là những tài liệu quý giá chính xác về sau này.

Cũng xin nói thêm là khi đi hành quân, các cố vấn Mỹ tự túc mang theo lương thực và vật dụng cá nhân, tiểu đoàn chỉ cung cấp người mang máy truyền tin cho họ mà thôi. Khi chấm dứt hành quân thì nhiệm vụ của họ cũng hết và họ trở về nơi cư trú riêng. Nhưng vì TQLC/VN là đơn vị tổng trừ bị, đi hành quân liên tục, dài ngày khắp 4 vùng chiến thuật nên các cố vấn Mỹ gần

như là quân số cơ hữu của tiểu đoàn, Việt-Mỹ thân thiện và sống chết bên nhau. Mặc dầu được luân phiên thay đổi về nghỉ nhưng có nhiều cố vấn Mỹ vẫn muốn đi với TQLC. Có cố vấn đã trở về Mỹ sau khi hết nhiệm kỳ, nhưng rồi “nhớ rừng” họ lại xin quay trở lại với TQLC/VN. Đại Úy Campbell là một trong những người đó.

Thomas Campbell là cố vấn cho Trâu Điền Trường Lê Hằng Minh, trong trận Phong Điền, Huế, ngày 29/6/1966. Trung Tá Lê Hằng Minh tử trận thì Cố Vấn Campbell cũng bị thương, người mang máy cho ông tử trận nhưng ông ta không xin tải thương mà ở lại tiếp tục chiến đấu.

Sau khi Tr/Tá Lê Hằng Minh tử trận, Thomas Campbell xin tiếp tục ở lại và làm cố vấn cho Trâu Điền Trường Ngô Văn Định (Đồ Sơn) thêm 3 nhiệm kỳ nữa cho tới Mậu Thân 1968 thì Campbell về Mỹ dạy môn lãnh đạo và chỉ huy tại Đại Học Austin, Texas và viết sách. Trong tựa đề một cuốn sách, Đại Tá hồi hưu Thomas Campbell đã viết như sau:

* * *

Preface

- Long ago, I was young and full of passion for adventure, glory, excitement and faraway places. I

satisfied those powerful yearnings tenfold over in the U.S Marines.

*The greatest of all those adventures began in November 1965 when I was assigned as an advisor to the Vietnamese Marines. **I thought that I would make them better Marines, but in the final analysis they made me a better Marine.** I learned things from them that are not taught in American military schools. My best teachers were Major Le Hang Minh, Major Nguyen The Luong, Major Dinh Van Ngo, Captain Nguyen Xuan Phuc and Minh's ever faithful bodyguard.*

This is the story and the lessons.

Co van My

Tom Campbell

Austin, Texas.

* * *

Năm 1968, sau khi Thomas Campbell rời Trâu Điền về Mỹ thì Đại Úy John Sheehan đến thay thế Thomas làm cố vấn trưởng, và cố vấn phó là Trung Úy Carl White. John Sheehan làm việc với Trâu Điền Trưởng Ngô Văn Định suốt thời gian Tết Mậu Thân tới trận Cầu Khởi và Bời Lờ cho tới ngày 6 tháng 1/1969 thì Trung Tá Ngô Văn Định và Đại Úy Sheehan cùng bị thương trong trận U Minh. Sau đó thì cả hai ông cùng rời Trâu Điền. Trung Tá Định lên làm Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng

TQLC, còn Đại Úy Sheehan thì về Mỹ, tiếp tục trong quân đội. Chức vụ sau cùng của ông là Đại Tướng 4 sao. Ông John Sheehan hồi hưu năm 1997.



Đại tá Ngô Văn Định



Đại tướng John Sheehan

(“General Sheehan retired from the Marine Corps on September 24, 1997 and, a year later, joined Bechtel International, the 5th-largest privately owned company in the U.S., as a Senior Vice President.”)

Ngày 6/1/1969, Đồ Sơn bị thương khá nặng vì đạn B40 nên Sheehan cấp tốc tải thương Trâu Điền ra tàu bệnh viện Hải Quân Mỹ, ở đó Đồ Sơn được cứu sống, nếu như...! Còn Sheehan bị nhẹ nên ông ta không được tản thương. Khi về Mỹ, ông Sheehan đã mang cái đuôi đạn B40 (RPG) về để làm kỷ niệm. Sau 30/4/75, khi liên lạc được với Trâu Điền Ngô Văn Định thì ông đã gửi trả lại cái đuôi đạn B40 ấy cho Đồ Sơn để làm kỷ niệm. Ông Sheehan viết:

Col Dinh,

This RPG belong to you. You fought well and were good leader.

I could not have a better friend to fight alongside.

The RPG is a little dirty but it looks better than it did at 01:30 on January 6th, 1969.

God Bless and Semper Fi!

Jack Sheehan

Gen USMC

Đi tìm Cố Vấn cố nhân.

Như tôi đã viết ở trên, cấp đại đội không có cố vấn đi theo, trừ khi đi riêng một mình với nhiệm vụ đặc biệt. Tôi là đại đội trưởng thường được Đồ Sơn cho cố vấn đi theo. Rồi các cố vấn này ra đi hoặc bị thương, thời gian chưa đủ để “tôi nhớ tên anh, tôi viết tên anh trên đá trên hoa”. Nay, sau khi thấy những tên tương tự trên Bức Tường Đá Đen, tôi nhờ Đồ Sơn và ông John Sheehan tìm họ và chuyển dùm tới họ lời hỏi thăm cảm ơn của chúng tôi.

1/ Người đầu tiên tôi muốn hỏi thăm là Thomas Campbell.

Tom (Thomas) là cố vấn trưởng của Trâu Điền Lê Hằng Minh (1966). Tôi chỉ là trung đội trưởng nên không có gì liên quan đến công việc, còn giao tiếp thì lại càng không, dù họ rất lịch sự. Vì vốn liếng tiếng Anh của tôi không đủ để tâm tình, nhưng đủ những danh từ Việt-Mỹ pha lẫn trong lúc cần thiết khi đụng trận. Thí dụ như nói họ gọi “phở bắc”, “gà cồ”, tức là xin pháo binh, họ hiểu liền; báo có “kỳ-lô” (killed: chết), whiskey (wounded: bị thương) để họ gọi trực thăng tải thương. Cố vấn Mỹ xin trực thăng Mỹ tải thương và yểm trợ thì lúc nào cũng đư ợc đáp ứng nhanh chóng. Chiến trường, mỗi khắc giá đáng ngàn vàng đó, quý vị ơi!

Nói đến ngôn ngữ Việt-Mỹ khi đụng trận thì tôi nhớ đến Trâu Điền Nguyễn Xuân Phúc, trong lúc khẩn cấp tại trận Hạ Lào. Thủy Quân Lục Chiến và Việt Cộng trộn với nhau, vì an ninh quân bạn, phi công Mỹ chưa thả bom nên Robert Lửa Phúc yêu cầu:

- *I'm Crazy Buffalo Battalion Commander! Please give me all you have at...*

Phi công Mỹ còn chần chừ thì anh Phúc hét vào máy:

- *Oh my God! Trời ơi! I'm ground commander. Go ahead, do it, please!*

Tôi nhờ Đồ Sơn và Sheehan hỏi thăm Thomas là vì trong trận Trâu Điền bị phục kích tại cây số 17 QL1 (Phong Điền), Trâu Điền Lê Hằng Minh tử trận, Thomas bị thương, anh Phúc, Hợp và tôi bị thương. Nhưng Thomas, Hợp, và tôi không xin tải thương mà tiếp tục ở lại chiến đấu, nhìn nhau với vết thương thấm máu, mỉm cười rồi mời nhau điều thuốc, chỉ có thể thôi.

Sau vài ngày hỏi thăm về Thomas Campbell thì tôi nhận được email của Đồ Sơn báo cho biết đã có thư của Gen Sheehan, viết như sau:

Col. Dinh; as you know Tom Campbell was one of my closest friends. I was in Houston when he was undergoing cancer treatment at MD Anderson Hospital. He always spoke with tremendous pride about his time

with you and the Trau Dien Bn. I think he was responsible for convincing me to request an assignment with the VNMC when I returned to Vietnam.

I will always treasure our relationship and as well as my relationship with Carl. Difficult times make friendship stronger and special.

As a matter of historical correctness, I appreciate the promotion to Major; but I was a Captain my entire tour with the VNMC. The USMC was slow on promotions-- probably about the same as the VNMC.

Thank you for your kind words and dedication to those Marines both US and Vietnamese you are remembering.

Trau Dien.

LN 2

* * *

Tướng Sheehan đã ký tên dưới các emails là Jack, (tên gọi thân mật giữa bạn bè, hoặc “Trau Điền” LN2 mà không là Gen USMC như trước nữa, LN2 tức là Leather Neck 2, là ám danh truyền tin của Cố Vấn Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền.

Thật là vui với kỷ niệm “đơn vị cũ, chiến trường xưa”, ý của một Gen USMC muốn nhận ông vẫn là Trau Dien, muốn trở lại với Trâu Điền để cùng chiến đấu bên nhau, bảo vệ VN Tự Do, nên tôi sẽ tôn trọng nguyện

vọng của ÔNG Gen John Sheehan. Từ đây, mỗi khi nhắc tới Gen Sheehan thì tôi sẽ chỉ viết ngắn gọn là LN2 (hay Jack)

Không chỉ Gen Sheehan, mà còn một Gen USMC khác nữa, cũng là cố vấn Trâu Điền, năm 2008 đã đến thăm Tiểu Đoàn Trưởng và các Đại Đội Trưởng Trâu Điền tại Little Saigon. Đó là Gen Hoar. Năm 1966, Trung úy Joseph Hoar là cố vấn Trâu Điền ở Côn Tiên và sau đó là các tiểu đoàn TQLC khác nữa.



Các TQLC/VN Cương, Phán, Cấp, tướng Hoar, Đồ Sơn, Dzoan, Cự -2008

Chẳng phải vì “thấy sang bắt quàng làm họ” mà tôi đưa hình hai vị tướng 4 sao vào bài viết này, mà chính

quý vị ấy đã nhận mình là “Trau Dien” và đến với chúng tôi như những “đồng đội” gần nửa thế kỷ về trước, dù ngày nay chúng tôi là những quân nhân bị “gãy súng”. Quý vị ấy đã đến với chúng tôi như nước Mỹ đã mở rộng vòng tay đón chúng tôi. Đó cũng là lý do tôi chọn tựa đề cho bài viết này là “Trâu Điền Và Cố Vấn Mỹ, Dù Muộn Nhưng Vẫn Phải Nói”, nói để cảm ơn quý vị đã anh dũng chiến đấu và hy sinh bên cạnh Trâu Điền nói riêng và Binh Chung TQLC/VN nói chung. Đã có tới 5 vị Cố Vấn hy sinh bên cạnh các tử sĩ TQLC/VN và hầu như cố vấn nào cũng bị thương. Bây giờ tôi xin tiếp tục hỏi thăm tin tức về các cố vấn Hoa Kỳ khác:

2. Các cố vấn tử thương và bị thương trong trận Cầu Khởi là ai?

Sau gần 9 tháng hành quân Mậu Thân ở Saigon, khi tình hình ở Thủ Đô đã trở lại thanh bình thì tháng 9/68, Chiến Đoàn B/TQLC, trong đó có Trâu Điền, được tăng phái cho Nhảy Dù, dưới quyền chỉ huy tổng quát của Tướng Dur Quốc Đống, để lùng và diệt địch vùng Khiêm Hanh và Bời Lời, Tây Ninh, nơi Tiểu Đoàn 14D Chủ Lực và Trung Đoàn 33 VC đang lẫn trốn.

Sáng 14/9/68, từ quận Khiêm Hanh, Đồ Sơn cho lệnh đại đội tôi nhảy trực thăng “điều hâu” vào mục tiêu Cầu Khởi, để tìm TĐ14D, nếu đụng địch thì Tiểu Đoàn sẽ vào tiếp viện và tiêu diệt địch. Vì đại đội tôi đi riêng nên có một cố vấn đi theo.

Khi đại đội tôi vừa nhảy trực thăng xuống mục tiêu Cầu Khởi thì bị địch bao vây và tấn công ngay. Nhờ kế hoạch hành quân đúng và có cố vấn đi theo nên tôi đã kịp thời liên lạc với hệ thống cố vấn Mỹ xin yểm trợ Pháo Binh, máy bay B57 và trực thăng võ trang Cobras can thiệp kịp thời. Chúng tôi đứng vững để tiểu đoàn nhảy vào diệt. Mọi diễn biến đã đúng như tiên liệu, Trâu Điền hoàn thành nhiệm vụ.

Điều không may là đang lúc sôi động thì cố vấn bị trúng đạn. Ông ta được tải thương và một đại úy cố vấn khác xuống thay thế. Nhưng đến 11 giờ đêm, khi đang điều động trực thăng tải thương các thương binh TQLC thì đại úy cố vấn này lại bị thương nữa nên đã được phi hành đoàn trực thăng mang đi luôn. Cả 2 cố vấn đến với tôi quá nhanh và đi cũng nhanh nên tôi không nhớ rõ tên. Hơn 40 năm sau, nay tôi nhờ Đồ Sơn và LN2 tìm tung tích của họ để gửi lời cảm ơn. Vài ngày sau tôi nhận được email của Đồ Sơn với nội dung đại ý như sau:

* * *

- Hi Cấp. Theo tài liệu của Gen Sheehan tìm được thì cố vấn đi với Đại Đội 1 của Cấp nhảy vào Cầu Khởi ngày 14/9/68 là Trung Sĩ Nhất Charles James Moore thuộc Airborne Ranger. Ông Moore tình nguyện nhảy điều hậu với Cấp nên Đại Úy John Sheehan cố vấn trưởng TĐ2 đồng ý cho đi. Sau đó thì Moore bị pháo kích rồi được tải thương. Ông đã chết trên đường tải

thương lúc 4 giờ chiều. Còn Đại Úy thuộc Airborne Ranger đến thay Moore rồi cũng bị thương lúc 11 giờ đêm, được phi hành đoàn trực thăng tải thương luôn với thương binh TQLC thì chưa tìm ra danh tánh. Sẽ trả lời sau.

* * *

Như vậy là tôi đã rõ số phận của 2 vị cố vấn đánh trận Cầu Khởi ngày 14/9 với chúng tôi. Đại đội tôi chỉ chọn có 90 người cho nhiệm vụ này và đã bị Tiểu Đoàn 14D Việt Cộng bao vây. Trận chiến kéo dài một ngày một đêm, nhưng chúng tôi vẫn đứng vững, vì nhờ có các cố vấn đã hết lòng kêu gọi hỏa lực Pháo Binh và Không Quân yểm trợ. Dù Trâu Điền đã diệt được TĐ14D, nhưng chúng tôi rất buồn khi một cố vấn tử thương, một bị thương chưa tìm ra danh tánh. Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng gia đình các vị cố vấn này. Quý vị ấy đã giúp chúng tôi chiến thắng trong tình thế “chỉ mảnh treo chuông”. Họ đã ra đi, còn chúng tôi thì đến, đến định cư ngay trên quê hương của họ..

3/ Những Cố Vấn Trận Bời Lời?

Ngày 14/9/68 tôi đụng trận Cầu Khởi thì ngày 16/9/68, Đại Đội 1 của tôi và Đại Đội 3 của Đại Úy Trần Văn Thương lại nhảy trực thăng vào mục tiêu mật khu Bời Lời, để chụp 50 Việt Cộng mà máy bay quan sát L19 phát giác ra chúng đang dừng quân tại đây.

Vì 2 đại đội đi riêng, coi như cánh B, Tiểu Đoàn Phó là Đại Úy Nguyễn Kim Để đi học, nên cố vấn phó là Đại Úy Carl White đi với tôi. Khi 2 đại đội vừa nhảy khỏi trực thăng xuống mục tiêu là đưng liền. *(Máy bay quan sát L19 cho tin rất đúng, nhưng chưa chính xác, vì không phải chỉ có 50 VC, mà là 3 tiểu đoàn VC thuộc Trung Đoàn 33 đang ém quân tại đây, vì có nhiều súng phòng không, tài liệu và vũ khí tịch thu được, cùng lời khai của tù binh.)*

Sau khi xung phong vào mục tiêu thì cố vấn Carl White ngã xuống, nhắm mắt, mặt trắng bệch. Tôi không rõ ông bị thương ở đâu, nhưng thấy tình trạng nguy hiểm nên xin tải thương cho ông ta ngay và một cố vấn khác được thả xuống thay thế.

Trước khi nói tiếp diễn tiến cuộc đưng độ thì tôi xin mở ngoặc ở đây để nói về cố vấn phó TĐ2/TQLC là Carl White.

(Trong trận Mậu Thân ở Saigon trước đó, khi đại đội tôi tiến quân trên đường Hậu Giang, để đến giải tỏa khu vực cư xá Phú Lâm thì Carl White bị “sniper” Việt Cộng cho một viên vào trán, viên đạn xuyên qua nón sắt. Vì đã chui qua cuộn băng cứu thương cá nhân gài trên nón sắt nên viên đạn yếu đà và bị nón nhựa giữ lại, chỉ đủ sức chạm chui vào một tí, chạm trán ông và để lại một cục u tụ máu trên trán White. Sau trận này thì Carl White được thăng đại úy.)

LN2 trả lời cho Đồ Sơn về Carl White, theo tài liệu mật vừa được giải mã thì nguyên văn như sau:

“At 1555H Capt. White was medivac for Heat Prostration by the 2nd Bn. C and C helicopter.”



*Đại Úy Carl White ngay tại Chợ Lớn,
trên trán còn cục u*

Như vậy Capt. White đã được trực thăng C&C của Đồ Sơn và Sheehan bốc đi bình an, không phải là White mà tôi đọc được trên bức tường đá đen, xin chúc mừng ông. Tôi còn được biết thêm, với kỷ niệm hờn bi ở trán, sau này Carl White đã viết cuốn hồi ký về Trâu Điền và Mậu Thân, xin trích:

* * *

TRÂU ĐIÊN!

Crazy Buffaloes In Cholon Gap.

*By Major Carl White, United States Marine Corps
(Retired).*

After massive Viet Cong and North Vietnamese Army forces launched their Tet Offensive against South Vietnam in the last hours of January 1968, the South Vietnamese Marine Brigade's 2nd Rifle Battalion was among the units distinguishing themselves in the successful defense of Saigon.

One of six battalions in the brigade, the 2nd Battalion was commanded by a battle-hardened veteran of nearly 13 years of combat, Major Ngô Văn Định. A national hero, he had been decorated for gallantry many times, wounded seriously four times, and regarded among the military leadership of South Vietnam and the U.S. Marine advisors who had served with him as a courageous and exceptionally skilled battlefield commander.

His battalion was one of the most highly acclaimed military units in the country—from any nation—well known throughout South Vietnam. In 1966, U.S. President Lyndon B. Johnson had awarded it the Presidential Unit Citation for heroism in the Battle of Phung Du. The

battalion was the first in the Vietnamese Marine Brigade to receive that highest of U.S. unit awards.

* * *

Cố Vấn Phó Carl White được bốc đi thì có người khác đến thay thế. Sau khi nhận lệnh Đồ Sơn, tôi thả trái khói màu vàng đánh dấu bãi đáp cho trực thăng thả viên cố vấn mới xuống. Nhưng đến khi nghe Đồ Sơn nói viên cố vấn mới đã xuống rồi, Cần Thơ (danh hiệu của tôi) đã gặp chưa? Tôi vội trả lời:

- Chưa thấy, lạ quá?

Tôi cho lùg sục xung quanh thì phát giác cách chỗ tôi chừng 100m là khu vực tuyến Việt Cộng, cũng có khói màu vàng đang bốc lên. Tôi “tá hỏa tam tinh” vội báo cho Đồ Sơn biết và xin ông xác nhận điểm thả. Ngay lúc đó, đang bay C&C, Đồ Sơn cũng nhận ra dưới đất có hai vị trí khói vàng và ông cho biết viên cố vấn mới đã bị thả xuống vị trí trước tuyến VC rồi!

Khi phát giác nhầm lẫn tai hại này thì Đồ Sơn, rồi Chiến Đoàn Trưởng Tôn Thất Soạn, và cả hệ thống Cố Vấn yêu cầu (ra lệnh) tôi cho người đi cứu cố vấn ngay.

Thật là rắc rối, chúng tôi đang đưng, Việt Cộng đang bao vây, giằng co nhau chiếm từng gốc cây, bụi tre gai, súng phòng không rất mạnh khiến trực thăng khó khăn vào vùng yểm trợ, làm cách nào tiến gần 100m đến trái

khói vàng kia? Hơn nữa, chưa biết viên cố vấn ở vị trí nào, sống chết ra sao, một nhiệm vụ “vô kế khả thi”.



Từ trái: Cấp (bị thương), Hợp, Dzoan k19, Tiền k20

Tôi đã nhận lệnh của Đồ Sơn đi tìm và cứu ông ta ngay. Nhưng tôi cũng nhận ra hàm ý lời căn dặn của Đồ Sơn là phải hết sức cẩn thận kẻo ...“Bắc-Bình, Gay-Go”.

“Bắc-Bình Gay-Go” có nghĩa là “B.G”, là Bình Giả, những gì xảy ra tại trận Bình Giả, Phước Tuy, ngày 31/12/1964. Chúng tôi hiểu cả rồi, chỉ vì thượng cấp Quân Đoàn “ở trên trời” ra lệnh lạc “bằng mọi giá” cho TD4/TQLC đi tìm xác phi cơ, phi công! Rồi cái giá phải trả là TD4 hy sinh thêm hàng trăm sinh mạng khác. Nay tôi phục Đồ Sơn, cấp chỉ huy của tôi đã sáng suốt, dày

đạn kinh nghiệm chiến trường. Ông hiểu khả năng của thuộc cấp nên ra lệnh cho tôi cẩn thận, tùy cơ ứng biến, nhưng tôi chưa biết “biến” bằng cách nào, trong khi mỗi giây phút chậm trễ là rất nguy hiểm cho cố vấn và chính chúng tôi. Thiếu cố vấn, và cố vấn lại đang bị trong tình trạng sinh tử này thì chúng tôi sẽ khó mà có yểm trợ hỏa lực Không Quân và Pháo Binh từ phía Hoa Kỳ.

Tôi nhớ mãi trong cuộc hành quân giải tỏa đồn Đức Cơ năm 1965, các phi cơ đang quần thảo trút bom đạn xuống mục tiêu để yểm trợ cho chúng tôi thì bất ngờ một “thần sấm” trúng phòng không. Phi cơ chúi xuống còn phi công bay ra, cánh dù lơ lửng bay theo chiều gió về phía địch, biên giới Việt Miên. Lập tức các phi cơ tạm ngưng yểm trợ cho quân bạn mà bay vòng tròn quanh cánh dù, các trực thăng cũng bay theo và bắn xuống đất nơi mà dù lơ lửng bay ở trên cao. Tôi không rõ số phận phi công đó.

Một điều đáng quan tâm nữa liên quan tới vụ trực thăng thả lầm vào tuyến Việt Cộng là Đại Úy Thương ĐĐ3 đã báo cho tôi biết anh đã trông thấy một trực thăng bị “xịt khói” rồi bay đi, cùng lúc cố vấn được thả xuống. Lúc đó, tôi không có thì giờ nghĩ về trực thăng nào bị bắn mà chỉ lo tìm cách cứu viên cố vấn Mỹ. Chợt Hạ Sĩ 1 Nguyễn Văn Thà, người mang máy cho tôi, hốt hoảng la:

- Ông thầy coi kìa.

Theo hướng tay chỉ của Thà, qua ống nhòm, tôi đã nhận ra một cánh tay từ bụi cỏ rậm ngoài bãi đáp đưa lên rồi mất hút. Tôi quả quyết đây là cổ vấn bị thả nhầm vị trí. Đã sẵn kế hoạch trong đầu, tôi ra lệnh ngay cho trung đội trưởng là Th/Úy Huỳnh Vinh Quang, tập trung tất cả đại liên M60 và M79 của đại đội tác xạ tối đa và liên tục vào tuyến Việt Cộng mà phía ngoài bãi đáp là nơi viên cổ vấn núp. Có lẽ Việt Cộng chưa phát giác ra vị trí ông ta núp. Nếu thấy thì chúng quyết bắt sống chứ không bắn chết, giá trị sống chết của cổ vấn Mỹ khác nhau.

Trong khi các súng M60 và M79 bắn tối đa vào tuyến Việt Cộng thì Trung Sĩ 1 Trần Tráng dẫn tiểu đội bò dưới hỏa lực của mình để yểm trợ cho Hạ Sĩ Nhất Bùi Ngọc Đường và Hạ Sĩ Nguyễn Văn Hợi chạy thật nhanh đến nơi có cổ vấn núp. Đường và Hợi là hai cận vệ của tôi và đã cứu tôi thoát chết nhiều lần nên tôi tin tưởng và hy vọng Đường và Hợi sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Khi viết lại việc này, tôi xin phép không đi vào chi tiết diễn tiến cuộc cứu cổ vấn bị thương, nhưng thật căng thẳng và lo âu, hồi hộp từng giây. Tay tôi liên tục đốt thuốc, vừa kéo xong một hơi thì vát đi, đốt điếu khác, tôi đã phải làm một việc lần đầu tiên quá khả năng của tôi.

Tôi thở phào khoan khoái khi thấy Đường công một người trên lưng, lom khom lúp xúp chạy về, Hợi thì vừa phụ đẩy vừa canh chừng phía sau, tiểu đội của Trần Tráng cũng rút lui theo. Hình ảnh không bao giờ tôi quên

được là khi vừa chạy về tới chỗ tôi đứng thì Đường ngã vật ra, viên cổ vấn Mỹ ngã theo, cả hai thân hình nhuốm đầy máu.

Cổ Vấn Mỹ đã được cứu khỏi tay Việt Cộng, vui hơn nữa là tất cả toán cấp cứu đi và về đầy đủ, trừ bốn người trong tiểu đội của Trần Tráng bị thương nhẹ. Viên Tr/Úy cổ vấn bị bắn vào nách. Trực thăng đã xuống bốc người bị thương đi ngay và thả một thiếu tá cổ vấn khác xuống thay thế, tôi không kịp nhìn bảng tên của họ. Sau đó tôi không biết tin tức của trung úy cổ vấn bị thương này.

Sau cuộc hành quân, Cổ Vấn Mỹ ở trên Sư Đoàn đã gửi xuống cho đại đội tôi một số huy chương, trong đó có một Bronze Star (huy chương đồng) là cao hơn cả. Tôi biết phần thưởng danh dự này sẽ thuộc về ai. Nếu cổ vấn hỏi ý kiến tôi thì tôi sẽ đề nghị cho Đường, Hợi và cả tiểu đội Trần Tráng mỗi người một Silver Star (huy chương bạc) hay cao hơn.

Hạ Sĩ 1 Bùi Ngọc Đường, người cận vệ, người bạn thân tín của tôi mang Bronze Star. Anh còn được Thiếu Tá Lê Đình Bảo, Trưởng Phòng Chính Huấn Sư Đoàn TQLC thưởng cho một xe Honda 50. Khi bị tôi sai đi cứu cổ vấn thì Đường không nghĩ đến những gì sẽ được hoặc sẽ mất, sẽ mất mạng khi lao vào lửa đạn. Anh xứng đáng được nhận các phần thưởng này, nhưng rất tiếc *“TQLC sống hùng sống mạnh nhưng không sống lâu.”* Đường chưa kịp chở người yêu dạo phố Sài Gòn bằng

Honda thì anh tử trận sau đó trong một cuộc hành quân sang Miền.

Người cố vấn Mỹ từ tuyến VC về là Bùi Ngọc Đường thì đã tử trận, thế còn các cố vấn thì sao? Tôi đã nhờ Đồ Sơn hỏi LN2 thì nhận được 2 emails nguyên văn như sau:

* * *

On Tue, Aug 26, 2014 at 7:57 PM, John Sheehan wrote:

Col. Dinh. We think the Marine in question is I/Lt Joe Bargerstock. He was shot in the chest and upper body, more serious than originally thought --spent a long time in the hospital. He ultimately retired after 20 years in the Marine Corps. Carl White talks to him and Carl will give you the detail info.

Hope this helps.

Your friend and fellow Marine

Jack

Col. Dinh. As I was going through my records in search of the information you requested I came across a picture of the team of VN Marines who rescued Lt. Bargerstock. The squad leader was awarded a Bronze

Star and the others were awarded achievement medals.
The picture was taken a month or so after the fight.

I will send you a copy of the picture in the morning.
(I need to go buy a new memory card.)

S/F

Jack.

* * *

Theo email thứ nhất của LN2 trên đây thì Tr/Úy cố vấn Hoa Kỳ được cứu về từ tay Việt Cộng là Tr/Úy Joe Bargerstock chỉ bị thương nặng và đã giải ngũ. Giả sử ngày đó vì xuống giúp tôi mà ông có mệnh hệ nào thì tôi buồn lắm. Ông đã bình an và giải ngũ, tôi xin chúc ông khỏe trẻ mãi.

Tuy nhiên, niềm vui không trọn vẹn, theo tài liệu mật vừa được giải mã, cuộc hành quân Bồi Lồi này có hai Tr/Úy cố vấn bị thương, ba người Mỹ thuộc phi hành đoàn trực thăng bị bắn rơi, chết hết.

Ngày đó, khi Đ/Úy Trần Văn Thương báo cho tôi biết có một trực thăng bay lên bị bắn xịt khói, tôi đã nghĩ đây là trực thăng chở Joe đến thay cho Carl White. Vì trực thăng đó bị bắn nên phi công đã vội vàng thả Joe xuống rồi bay đi, nay thì đúng như tôi đoán. Tôi rất buồn là cả phi hành đoàn ba người đã “nổ” theo trực thăng!

Còn email thứ hai thì LN2 nói về huy chương tặng cho toán “rescued Lt. Joe”, trong đó có một Bronze Star. Dầu sao thì cũng cảm ơn quý vị, nhưng khi xông vào chỗ chết để tìm sự sống cho Cố Vấn Lt Joe Bargerstock thì đó là nhiệm vụ... cũng như nhiệm vụ Trâu Điền cứu đồng đội mà không bao giờ nghĩ đến việc sẽ mất gì (mạng), sẽ được gì (huy chương, thăng cấp). Vả lại Trâu Điền mà LN2 gắn Bronze Star lên ngực thì trong trận kế tiếp anh đã hy sinh, đã được “hòm gỗ cài hoa”, Quốc Kỳ phủ quan tài. Đó là niềm vinh dự tối cao của một quân nhân VNCH nói chung, TQLC và Trâu Điền nói riêng. Vì vấn đề tế nhị đối với gia đình người đã tử trận, tôi không thể đưa tấm hình đó vào bài viết này được.

Major (Thiếu Tá) Ward, Người Hùng...

Theo tin LN2 cung cấp thì cố vấn xuống thay cho Trung Úy Joe Bargerstock là Thiếu Tá H.T. Ward, cố vấn của Chiến Đoàn. Major Ward đã cùng tôi trải qua một đêm vô cùng hồi hộp.

Vì phòng không của VC khá mạnh, nên cho đến chiều tối cánh A của Trâu Điền Trưởng Đồ Sơn vẫn không xuống được nên Đồ Sơn cho lệnh tôi và Đ/Úy Thương phối hợp phòng thủ đêm tại chỗ còn Đồ Sơn, Ban 3 Lâm Đồng và Chiến Đoàn Trưởng Saigon thì bay C&C suốt đêm để theo dõi địch di chuyển và yểm trợ tinh thần cho chúng tôi.

Dựa vào địa thế một mặt là rừng tre gai rậm rạp, mặt kia là bãi đất trực thăng (LZ) trống trải, chúng tôi biết địch, nếu tấn công đêm thì chúng chỉ có thể tấn công từ phía LZ, nên tôi đã bàn với cố vấn Ward thiết lập sẵn kế hoạch hỏa lực, nhất là hỏa lực của trực thăng vũ trang cobras.

Gần về sáng, đúng như dự đoán, Việt Cộng tấn công mãnh liệt từ hướng LZ, chúng đã vào sát tuyến phòng thủ, muốn dùng biển người, nhưng đây là lúc Ward ra tay. Theo như kế hoạch đã tính trước, các trực thăng cobras theo hướng dẫn của cố vấn cứ phóng hỏa tiền và bắn đại liên sát tuyến phòng thủ của chúng tôi, buộc địch tan tác và rút lui.

Chúng tôi không đi vào chi tiết diễn tiến trận tấn công đêm của Việt Cộng, nhưng quả thật là gay cấn và hồi hộp. Nếu không có Major Ward với tài điều khiển cobras thì 2 đại đội 1&3 Trâu Điền đã bị biển người của 3 tiểu đoàn thuộc Trung Đoàn 33 Việt Cộng tràn ngập. Dĩ nhiên yếu tố con người, tinh thần chiến đấu của Trâu Điền mới là yếu tố quyết định thắng thua.

Ngày 17/9, trời vừa sáng, cánh A của Đồ Sơn đã xuống mà còn thấy Việt Cộng chạy tán loạn từ LZ trốn vào rừng. Nhưng rất tiếc 2 Trâu Điền lại bị hy sinh vào giờ thứ 25. Hạ Sĩ Nhất Thà, người mang máy cho tôi, và cũng là người đã phát giác ra vị trí cố vấn Joe núp, Thà thấy một tên Việt Cộng ôm lựu đạn xung phong vào chỗ

tôi và viên cố vấn ngồi, nên anh vội bỏ máy chạy ra ôm và vật tên VC xuống đất. Nhưng một tiếng nổ kinh hồn khiến nó và Thà biến mất trong đám cây cỏ sinh lầy, vì tên Việt Cộng đã tự sát bằng chất nổ gài đầy người. Hạ Sĩ Tha đi với Đại Đội Phó Lâm Tài Thạnh cũng bị tử thương khi đi thu lượm chiến lợi phẩm.

Một điều khá bất ngờ với tôi là vị Tư Lệnh chỉ huy chiến dịch lùng và diệt địch này là Tướng Tư Lệnh Nhảy Dù Du Quốc Đống cũng xuống ngay vị trí phòng thủ của chúng tôi khi khói súng chưa tan. Ông hài lòng với kết quả mà chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ. Theo tài liệu mật của Mỹ vừa được giải mã thì kết quả trong trận Cầu Khởi và Bời Lời như sau:

Trong cuộc Hành Quân Cầu Khởi ngày 14/9/68, có một cố vấn chết là Charles James Moore và 1 đại úy cố vấn Mỹ bị thương. Trâu Điền 3 tử trận, 10 bị thương.

Hành quân Bời Lời ngày 16/9/68 có 3 người Mỹ thuộc phi hành đoàn chết và 2 cố vấn bị thương. Trâu Điền 6 bị thương và 2 tử thương. (Đó là Hạ Sĩ Nhất Thà và Hạ Sĩ Tha)

Vũ khí của Việt Cộng thu được:

1 SC 61ly, 11 AK, 2 Đại liên, 1 B40, 2 súng trường SKS, 3 Việt Cộng bị bắt và 53 xác Việt Cộng nằm trước truyền phòng thủ của Trâu Điền.

Cuộc hành quân lùng diệt địch Cầu Khởi Bời Lời của Trâu Điền kết thúc bằng một màn cười ra nước mắt, chết tới nơi cũng cười. Khi vừa đóng quân đêm xong thì lệnh thượng cấp bắt Trâu Điền phải di chuyển gấp đi nơi khác để B52 trải thảm vùng này. Nhưng khôn khổ thay khi ra khỏi tuyến chừng 500m là đụng nặng, tiến không được mà đứng yên thì B52 đến! Đây là lúc Đồ Sơn và LN2 phải làm việc với thượng cấp vô cùng cấp bách. Dĩ nhiên với bao mạng người, thượng cấp buộc phải chấp thuận lời yêu cầu của Đồ Sơn và LN2 mà điều động B52 đi chỗ khác.

4/ Cố Vấn Bị Mất Cánh Tay, Nay Ra Sao?

Sau trận Cầu Khởi và Bời Lời thì Trâu Điền đi U Minh, ngày 6 tháng 1/69, Đồ Sơn và LN2 cùng bị thương vì B40 thì Th/Tá Nguyễn Xuân Phúc về làm Trâu Điền Trưởng. Ngày 16/9/69, trong cuộc hành quân tại kinh Cán Gáo tỉnh Chương Thiện, anh Phúc giao cho tôi chỉ huy cánh B và cố vấn đi theo. Khi từ ruộng nước tiến vào bìa làng thì cánh B bị đụng nặng, tôi bị gãy chân tay, cố vấn bị bay một cánh tay, cận vệ của tôi tử trận. Cố vấn được tải thương đi đâu, tình trạng thế nào thì cho đến nay tôi cũng không biết. Đó là một trong những lý do tôi viết bài này để hy vọng biết được tin ông ta vẫn bình an mạnh khỏe, dù là một thương phế binh.



Thiếu tá Tô Văn Cấp

Tôi được đưa về bệnh viện Lê Hữu Sanh Thị Nghè Sài Gòn. Khi tỉnh dậy thì tôi thấy “*Bà Mẹ Quê*” của tôi đang lấy tay cạy những vết máu và bunn đã khô trên mặt tôi. Nước mắt mẹ già chảy xuống mặt con làm tôi mở mắt ra. Thấy con tỉnh lại, mẹ già đưa tay quệt nước mắt, run run nói: “Con còn sống là mẹ mừng rồi.”

Bà mẹ Việt Nam cũng như tất cả bà mẹ các dân tộc khác, thương con vô cùng, nhất là các con vì nhiệm vụ mà lao vào lửa đạn. Quý độc giả đã coi cuốn phim “*We Are The Soldiers*”, đã nhìn thấy cảnh các bà mẹ, người vợ lo âu sợ sệt khi thấy người bưu tín viên đi vào cư xá. Họ sẽ thở phào nếu người đưa thư đi qua, nhưng sẽ hốt hoảng, ngã xuống rồi ngất đi khi người đưa thư dừng trước cửa. Mẹ tôi đã xỉu, đã chết giấc như thế khi xe jeep của hậu cứ TĐ2/TQLC đến nhà đưa thư báo tin tôi bị...

thương. Đối với gia đình các cố vấn Mỹ cũng thế. Khi họ đi với tôi rồi bị thương, tử thương thì mẹ, vợ con họ cũng sẽ chết giấc như mẹ tôi, nếu các bà nhận được thư báo tin dữ của con, của chồng từ chiến trường Việt Nam

Đã gần nửa thế kỷ qua, nay tôi mới có dịp ôn lại những kỷ niệm xưa, đã quá muộn, nhưng muộn còn hơn không, muộn vẫn phải nói lời cảm ơn đến các vị cố vấn, đến các bà mẹ, các người vợ của các quân nhân Mỹ nói chung, và các cố vấn Mỹ nói riêng đã bị thương và hy sinh trên chiến trường Việt Nam.

Trâu Điền và Cố Vấn Mỹ đã sát cánh cùng nhau trong cuộc chiến. Là đồng minh, là đồng đội, chúng tôi cùng giúp nhau sao cho nhiệm vụ được hoàn thành tốt đẹp, đúng như Cố Vấn Thomas Campbell đã viết trong tựa đề cuốn sách:

“I thought that I would make them better Marines, but in the final analysis they made me a better Marine.”

* * *

5/Trâu Điền Và Cố Vấn Mỹ hội ngộ... 46 năm sau (1969-2015).

Ngày 18/1/2015, Trâu Điền Trưởng là Đồ Sơn nhận được e-mail của cựu Đại Úy cố vấn Trâu Điền là Đại Tướng John Sheehan báo rằng ông ta (John Sheehan) sẽ từ DC sẽ đến San Diego, California để họp với Hải Quân về việc hạ thủy chiếc tàu đổ bộ mới, nhân dịp này ông

John muốn gặp Đồ Sơn. Đồ Sơn đồng ý và hai ông sẽ gặp nhau, vào Thứ Bảy ngày 7/2/2015.



Đại tướng John Sheehan và Đồ Sơn trong lần hội ngộ sau 56 năm

Trước khi đi San Diego, Đồ Sơn ngỏ ý muốn người viết cùng đi với ông cho vui. Đây là dịp hiếm hoi sau 47 năm để cùng ôn chuyện sống chết giữa Cố Vấn, Tiểu Đoàn Trưởng và Đại Đội Trưởng Trâu Điền, nhưng vì lý do riêng nên tôi đã lỡ mất một dịp khó có lần thứ hai.

Đồng đội, đồng minh sống chết bên nhau, nay gặp lại sau 47 năm thì nói sao cho hết những chuyện vui buồn. Trước khi chụp hình để làm kỷ niệm, Ông John Sheehan đã làm một cử chỉ khiến Trâu Điền Trưởng vô cùng ngạc nhiên và cảm động. Đồ Sơn kể:

- “*Trước khi chụp với tôi vài tấm hình kỷ niệm, Ông John Sheehan lấy ra một nón Beret Xanh TQLCVN từ hồi còn là cố vấn Trâu Điền (1968-69) đội lên để chụp hình thay cho mũ TQLC Mỹ với bốn sao. Tình bạn hữu, tình đồng đội với nét vui mừng hiện rõ lên sắc diện của vị tướng TQLC Mỹ.*”

Thời gian đã qua đi gần nửa thế kỷ, hoàn cảnh “đồng đội” xưa đã thay đổi theo hai chiều lên xuống, vậy mà một vị tướng cao cấp của quân đội HK đã làm điều ít ai làm được. Ông đã lấy mũ xanh TQLCVN đội lên để chụp hình thay vì mũ Cap TQLC Mỹ. Đây thật là một cử chỉ đẹp, thân tình đối với Trâu Điền, nói chung cho Bình Chung Mũ Xanh.

Còn một cử chỉ khác nữa cũng đáng chú ý, ông John Sheehan rút ra từ trong bao thơ 2 tấm bản đồ. Một tấm bản đồ hành quân của Trâu Điền trong vùng Cầu Khởi, Bời Lời, Tây Ninh, nơi mà ĐĐ1/TĐ2 của Đại Úy Tô Văn Cấp đã cứu được Trung Úy Cố Vấn Mỹ Joe Bagerstock, khi ông ta bị trục thẳng thả lằm vào tuyến Việt Cộng. Cựu Trâu Điền Trưởng cùng cựu cố vấn chỉ vào từng tọa độ như hai ông đang thảo luận, chỉ huy cuộc hành quân năm xưa, tháng 9/1968.

Tấm bản đồ chỉ là một tờ giấy cũ cách nay gần nửa thế kỷ, nhưng cả hai ông cùng trân quý, vì trên đó ghi chứng tích, địa danh mà Trâu Điền lẫn Cố Vấn Mỹ cùng đổ máu và hy sinh. Ngoài ra, ông Sheehan còn đưa ra

một bản đồ nữa là vùng Sài Gòn, Gia Định, Thủ Đức trong trận Mậu Thân (trên đó VC vẽ ra những mục tiêu tấn công), mà TĐ2 thu được. Nay ông John Sheehan tặng lại cho Đồ Sơn. Cả hai bản đồ này là những kỷ vật vô giá. Một cuộc hội ngộ rất vui, bỏ qua chắc sẽ không còn dịp nào vì tuổi tác và mỗi người một nơi cách xa nhau giữa thủ đô Washington DC và San Jose.



Đồ Sơn và John cùng xem lại bản đồ xưa

Buổi gặp gỡ ngày 7/2/2015 giữa Trâu Điền Trường và Đại Tướng Sheehan, Cố Vấn Trâu Điền năm 1968-69, là kỷ niệm có nhiều ý nghĩa giữa những chiến hữu, người bạn đồng minh. Ông John Sheehan không quên đơn vị cũ và người bạn già đã cùng chung vai sát cánh trong những giai đoạn chiến tranh khốc liệt nhất. Một kỷ niệm đẹp, dù muộn vẫn phải nói.

Hình ảnh một Đại Tá TQLC Việt Nam và một Đại Tướng Hoa Kỳ, cùng mang huy hiệu Trâu Điền, ngồi bên nhau, đứng bên nhau, cùng coi lại tấm bản đồ vùng hành quân ngày xưa tưởng như hai ông đang thảo luận cuộc hành quân đổ bộ trực thăng xuống mật khu Hồ Bò 47 năm về trước. Đây quả là một bức tranh đẹp, đẹp như lời ông Đại Tướng viết:- *“The one thing I have learned over the years is that rank is not as important as friendship”*.

- *“Một điều tôi đã học được trong nhiều năm qua là cấp bậc không quan trọng bằng tình bạn.”*

Dưới đây là nguyên văn bức thư của ông LN2 (John Sheehan) gửi Đồ Sơn sau khi ông nhận được bài viết về “Trâu Điền Hội Ngộ” của Tô Văn Cấp.

My very dear friend; first, I am happy that you are better. I am also very touched by your article. I will always treasure our professional and personal

relationship. I think you underestimate how much you taught me. I became a better officer because of my relationship with you and the other Marines of Trau Dien.

The one thing I have learned over the years is that rank is not as important as friendship. The bond created by being a band of brothers stretches over time and distance.

The kindness shown to Peg and myself by you and your family will always be remembered.

Please pass my thanks to Yvonne and warm regards.

Take care of yourself my friend.

Trau Dien Jack

Tình Anh Lính Chiến Và... Người Phóng Viên Chiến Trường.

Cộng đồng người Việt tị nạn Cộng Sản sống trên đất Mỹ luôn có những sinh hoạt rất ý nghĩa và đượm tình đồng hương, đó là những buổi họp mặt (đại hội) hằng năm của những người cùng địa phương, cùng học đường, cùng quân trường và nhất là của các cựu quân nhân cùng đơn vị. Thông thường thì đại hội được tổ chức vào những dịp có nhiều ngày nghỉ lễ, tùy theo khả năng và nhu cầu mà tổ chức mỗi năm hoặc hai năm một lần. Binh Chung TQLCVN chúng tôi thì tổ chức mỗi năm một lần, luân phiên ở các tiểu bang khác nhau. Năm 2008 chúng tôi tổ chức tại Little Saigon vào dịp July 4, anh em Mũ Xanh các nơi về tham dự đến gần 400 người, trong đó có khá đông anh em thuộc Tiểu Đoàn 2/TQLC mang danh hiệu “Trâu Điền”.

Khi anh em đang vui vẻ ôn lại chuyện chiến trường xưa thì vị cựu Tiểu Đoàn Trưởng ra hiệu yên lặng rồi ông mở tờ Nguyệt San KBC ra cho mọi người xem bài viết của N.A với tựa đề: **“Người Yêu Trâu Điền”**

Bên lề bài viết là tấm hình của một phụ nữ rất duyên dáng với áo dài trắng, tóc xõa bờ vai nhưng đôi mắt thì quá buồn. Bầu không khí buổi họp mặt bỗng sôi động hẳn lên, có nhiều tiếng huýt sáo y như ngày nào năm xưa khi em “gái” hậu phương đến thăm anh “traoi” ngoài tiền đồn.

Chưa biết nội dung nói gì nhưng ai cũng đòi người anh cả đơn vị cho cầm tờ báo để ngắm người đẹp, người đẹp giữa chốn ba quân, khiến nét mặt Anh Cả Tiểu Đoàn tươi vui với giọng nói trẻ trung như ngày xưa từng ra lệnh trước hàng quân:

- Ai là thủ phạm, ai là “Người Yêu Trâu Điền” thì bước ra khỏi hàng.

Thật bất ngờ, mấy chục “ông già” trong quân phục rần rần sóng biển cùng nhất loạt đứng lên đưa cao tay,:

- Em, chính em, chính là em.

- Thừa Đại Bàng, không phải thằng đó, em mới chính là thủ phạm.

Nếu tác giả N.A, dù là nam hay nữ, mà nhìn thấy cảnh này chắc chắn sẽ cảm động lắm, chỉ với cái tựa bài viết thôi mà đã khiến những cựu quân nhân già cõi nơi

hải ngoại bỗng trở lại thành những người lính trẻ trung oai hùng năm xưa, vui thật là vui.

Trước tình thế khó xử, biết trao “người đẹp” cho ai bây giờ nên Anh Cả bắt bí:

- Trâu nào đã tham dự trận đánh vùng Phú Lâm Tết Mậu Thân đưa tay lên.

Tất cả các cánh tay lại đồng loạt đưa thẳng lên như năm xưa tuyên thệ ngày mãn khóa tại vũ đình trường, trong đó có nhiều anh khi trận Mậu Thân 1968 xảy ra thì còn đang mài đũng quần trên ghé nhà trường . Anh Cả mỉm cười vì ai cũng muốn “tự giác”.. nên ông đành trao tờ báo cho tôi rồi ra lệnh:

- Trận Mậu Thân, cậu là 1 trong 2 đại đội trưởng chịu trách nhiệm giải tỏa khu vực Phú Lâm, hãy cầm tài liệu này về điều tra xem ai là người bị tác giả N.A khiêu nại.

Mọi người cùng cười, chỉ một tựa bài viết mà làm không khí sinh động hẳn lên, mọi Trâu Điền cùng nâng ly chúc mừng sức khỏe giống như nâng ly mừng chiến thắng Phụng Dư, Đầm Giời, Cổ Thành v.v.. Tôi đưa tay nhận tờ KBC như nhận tấm bằng tưởng lục.

Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần bài viết “Người Yêu Trâu Điền” trên tờ báo lính này, những gì tác giả N.A ghi lại đều có liên quan đến cuộc hành quân 40 năm về trước

của đại đội tôi. Tôi tự hỏi không lẽ lại có sự trùng hợp lạ lùng đến thế sao? Đây phải là một câu chuyện có thực.

Nội dung câu chuyện nói về thân phụ của tác giả là một phóng viên chiến trường, ông đi theo Tiểu Đoàn Trâu Điền để chụp hình quay phim những trận đánh trong thành phố Saigon vào Tết Mậu Thân. Trong những hình ông chụp có một tấm hình đẹp của người lính Trâu Điền và ông đã tặng tấm hình đó cho con gái khi cô mới chỉ là một nữ sinh lớp Đệ Lục trường Gia Long...

Thân phụ N.A đã kết thân với người lính ấy và mỗi khi họ trò chuyện bên nhau thì cô bé chăm chú nhìn hình con trâu trên vai áo trận rần rì. Rồi người lính ấy di chuyển đi nơi khác khiến cô bé bâng khuâng và khi VC tấn công đợt 2 thì thêm một đại họa bất ngờ ập đến với tuổi thơ, thân phụ tác giả đã bị VC hạ sát trong lúc đang thi hành công vụ!

Xin phép tác giả N.A cho tôi trích một vài đoạn trong bài viết “Người Yêu Trâu Điền” để đem so sánh với những gì đã xảy ra 40 năm về trước ở đơn vị tôi khi tham dự trận Mậu Thân: (trích).

* * *

Anh Trâu Điền yêu dấu.

Khi viết năm chữ này, trái tim em đập những nhịp bất thường, ngón tay cầm viết cũng run rẩy. Trước mặt em là tấm hình đen trắng...

Anh Trâu Diên biết mà, tấm hình này chính Ba em chụp cho anh... Tự nhiên Ba cầm tấm hình ngắm nghĩa rồi đưa cho em, nói:

- Tấm hình này đẹp quá, muốn giữ không con?

Tấm hình Ba khen đẹp quá, em đã ép trong cuốn nhật ký nhỏ, dấu kín giữ cho riêng em mà thôi...

Tháng Năm năm Mậu Thân, VC lại tấn công thủ đô lần thứ 2...

Buổi sáng hỡi hùng đó, không có anh Trâu Diên, Ba em đã đi luôn...

Không, Ba có trở về bằng thân xác còn nóng hổi, máu còn chảy ra linh láng, ướt hết quần áo em! Hai chị em yếu đuối đã vác xác Ba về...

Lá thư này em viết nhưng không bao giờ gửi, vì em đâu biết anh Trâu Diên ở nơi nào trên mảnh đất đầy thống khổ... Em viết lá thư này như một nhu cầu yêu thương dành cho anh Trâu Diên, người bạn trẻ của Ba, hình ảnh Ba và anh Trâu Diên luôn gắn liền nhau trong lòng em. Em giữ mãi lá thư không gửi trong cuốn nhật ký...

Với lòng mong mỏi anh Trâu Diên vẫn còn sống sót đâu đó biết rằng trên mặt đất này vẫn còn có một người nhớ tới anh Trâu Diên ngày xưa./.

* * *

Thực sự tôi chưa biết rõ tác giả N.A là nam hay nữ, nhưng tấm hình kèm theo bài viết thì là hình của một “cô”, người cùng với “anh” Dương Thượng Trúc phụ trách mục “Thư hậu phương, thư tiền tuyến” trên báo KBC. Tiết mục này tương tự như hộp thư “Dạ Lan” của đơn vị tôi ngày xưa, chuyên gửi những lá thư tình của em gái hậu phương đến các anh lính tiền tuyến khiến nhiều anh tưởng thật, mơ một ngày về phép đến rủ em Dạ Lan dạo phố. Nhưng thực sự thì cô “Dạ Lan” cũng chỉ là người có súng, cầm viết như các anh lính chiến mà thôi.

Nhân dịp đọc bài viết “Người Yêu Trâu Điền”, tôi xin thuật lại một vài chi tiết 40 năm về trước để giúp tác giả biết thêm về lòng yêu nghề mà không ngại gian lao nguy hiểm của người phóng viên chiến trường. Nếu đích thực ông là thân phụ của tác giả thì xin cho tôi gửi lời chia buồn đến gia đình người quá cố, một phóng viên mà tôi quý mến..

* * *

Tết Mậu Thân 1968, TĐ.2/TQLC đang hành quân vùng Cai Lậy, Giáo Đức, Định Tường thì được trực thăng bốc về Saigon và đổ quân xuống ngay trong sân bộ Tổng Tham Mưu, sau khi thánh toán xong tụi VC ở trường Sinh Ngữ, trung tâm Ấn Loát, công xe lửa số 6 thì Tiểu Đoàn Trâu Điền chia ra từng đại đội đi đánh các

nơi khác, sau đó thì Đại Đội 1 của tôi và Đại Đội 4 của Đại Úy Vũ Dzoan được lệnh giải tỏa lực lượng địch đang chiếm khu cư xá Phú Lâm.

Chúng tôi lục soát và chiếm những mục tiêu đang có VC cố thủ trên những nhà lầu dọc theo hai con đường Hậu Giang và Lục Tỉnh để tiến về Mũi Tàu Phú Lâm và đài phát tuyến. Vì chiến đấu trong thành phố nên chúng tôi không được phép sử dụng pháo binh và máy bay, do đó chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn bởi vì địch đã nằm sẵn trên các cao ốc, nhìn rõ mục tiêu, nhắm súng vào chúng tôi. Nhưng đã là lính thì phải chấp nhận hy sinh để giảm thiểu thiệt hại sinh mạng và tài sản của đồng bào.

Khi đại đội tôi tiến đến ngã tư đường Hậu Giang và Phú Định thì đụng nặng, địch khá đông đang cố thủ trong hăng pin Con Ó, cách chúng tôi một bãi đất trống và hỏa lực rất mạnh. Đã mấy giờ rồi mà quân ta chưa tiến thêm được bước nào, bị thương và tử trận ngày càng tăng cao trong khi thượng cấp thì ra lệnh phải tiến “bằng mọi giá”!

Chúng tôi phải xin tăng cường xe thiết giáp để TQLC tung thiết* (**có nghĩa là bộ binh và thiết giáp che chở yểm trợ cho nhau cùng tiến*), cấp trên đã biệt phái xuống cho tôi một thiết giáp M41. Chỉ một chiếc thôi thì chưa đủ, nhưng có còn hơn không nên tôi cho lệnh trung đội đi đầu của Thiếu Úy Nguyễn Văn Quang chuẩn bị “tung thiết” để vượt qua khoảng trống, chiếm mấy cao ốc trước

mặt, thiết lập đầu cầu. Tiến như thế rất nguy hiểm nhưng chúng tôi phải thi hành theo lệnh.

Khi xe và quân tùng thiết tiến lên thì tôi bất ngờ trông thấy anh phóng viên chiến trường núp sau pháo tháp và đang đưa máy hình lên chụp. Anh ta đã đi theo đơn vị tôi lao vào lửa đạn cả ngày rồi nhưng ngồi trên pháo tháp như thế thì thật liều mạng, tôi quát:

- Anh phóng viên, yêu cầu anh xuống xe ngay.

Tôi hét lớn với người phóng viên khi anh ta đang bám theo xe trong tình trạng hết sức nguy hiểm, nhưng có lẽ vì tiếng máy nổ của M41 lớn quá khiến người phóng viên không nghe được, hoặc cũng có thể anh ta “giả điếc” để cố bám theo toán quân xung phong đầu tiên. Một tay anh bám vào thành xe, một tay bấm máy hình liên tục. Mỗi khi xe lắc lư như muốn hất tung mọi người xuống đất thì anh phóng viên vội buông máy hình treo tòng teng vào cổ còn hai tay thì bám chặt vào xe. Nguy hiểm quá, nếu không bị bắn thì anh ta cũng bị rớt xuống, sẽ bị xích xe cuốn theo ngay! Không chần chừ được nữa, tôi quát lớn ra lệnh cho Hạ Sĩ 1 Bùi Ngọc Đường, người cận vệ của tôi:

- Đường, lôi ngay ông phóng viên xuống đất cho tao.

Không chậm trễ một giây, người lính cận vệ của tôi nhảy lên xe ôm ngang lưng người phóng viên rồi nhảy khỏi xe thiết giáp, cả hai cùng té lộn nhào xuống đất,

trong lúc hai người còn đang nhăn nhó chưa kịp đứng dậy thì xe thiết giáp rú ga, gầm lên ồm sập bức tường phía trước mặt, lập tức địch bắn đủ mọi loại vũ khí về phía chúng tôi, xe bị trúng đạn B40, tiếng nổ chát chúa hát tung những người ngồi trên xe xuống đất, thiết giáp chồm lên đóng gạch, bị bắn đứt xích nên khựng lại phun khói, cả khói xe lẫn khói đạn B40 mịt mù cùng đất cát trùn lên tôi khiến tôi không nhìn thấy gì cả.

Sau một lúc với vài động tác xoa mặt, dụi mắt, tôi mới nhận ra được một cảnh tượng hết sức đau lòng, xe bị đứt xích, người trưởng xạ M41 ngồi trong pháo tháp thò đầu ra ngoài thì đã biến đầu mất rồi! Cái nón sắt của anh văng ra xa, móp méo và bê bết máu! Thiếu Úy Nguyễn Văn Quang*, đi sau xe thiết giáp thì đang gượng đứng dậy, 2 tay xoa khắp người xem có bị thương chỗ nào không, Hạ Sĩ Danh-Thon, hiệu thính viên của Th/Úy Quang nằm sấp bất động, ngực đè lên máy truyền tin PRC25, tôi lật người Thon lại, một viên đạn xuyên qua máy truyền tin anh đeo trước ngực, xuyên qua áo giáp, trở ra sau lưng một lỗ nhỏ, máu chưa kịp thấm ra ngoài. (**Thiếu Úy Quang Khóa 18 Võ Khoa đã tử trận một năm sau đó.*)

Đảo mắt quan sát một vòng, tôi thấy xung quanh xe thiết giáp vài quân nhân bị thương, chưa biết nặng nhẹ ra sao, cách đó vài mét, người phóng viên ngồi dựa lưng vào tường, mặt nhăn nhó, chắc là lúc bị Đường kéo té

xuống đất đau lắm, nhưng anh ta vẫn còn đủ sức đưa máy lên bấm liên tục. Khi máy nhắm về phía tôi, anh trông thấy người vừa ra lệnh “lôi” anh ấy xuống đất nên anh ta lắc-lắc cái đầu tỏ ý “ghê quá” và đưa nắm tay với ngón cái hướng lên trời, không biết ý anh muốn nói là may mắn vừa thoát chết hay là muốn nói cảm ơn tôi đã đuổi anh ấy xuống, có thể là cả hai. Tôi tiến lại bắt tay anh và nói đùa:

- Về nhà nhớ mua heo cúng nghe ông, lần sau ráng giữ lấy cái “gáo dừa”.

Anh nắm chặt tay tôi như muốn nói thêm điều gì nhưng rồi lại vội vàng tiếp tục đưa máy chụp nhiều tấm hình. Đến lúc này tôi mới biết là xe thiết giáp đã bị 2 trái B40 bắn vào xích và pháo tháp.

Pháo tháp là một khối sắt dày, đạn B40 không phá được nhưng sức nổ đã làm bay những gì xung quanh, sức nổ đã làm bay đầu và phần thân trên của anh thiết giáp đi xa, còn phần thân dưới có lẽ đã bị đứt ra và lọt vào trong lòng xe rồi! Nếu anh phóng viên còn bám theo pháo tháp để chụp hình thì không biết sẽ ra sao? Tôi không hỏi hận khi cương quyết đuổi anh ta xuống xe.

Thấy xe bằng sắt mà còn bị đứt huông chi người, thượng cấp không hỏi thúc tôi tiến quân nữa mà cho dừng quân để trực thăng (gunship) đến bắn rockets thẳng vào mục tiêu, nhờ vậy chúng tôi mới vượt qua được

khoảng trống và tiến nhanh đến giải tỏa địch khu cư xá Phú Lâm.

Bài viết này chúng tôi không chủ tâm viết về trận đánh Mậu Thân 1968 mà chỉ muốn nói về chuyện người Phóng Viên Chiến Trường nên chúng tôi không đi vào chi tiết việc binh đao mà xin quay về với người “lính” mang ống kính, máy chụp hình”.



*Một quân nhân TQLC bị thương tại Sài Gòn
vào dịp tết Mậu Thân 1968*

Rất hiếm khi có được phóng viên chiến trường đi theo ở ngay tuyến đầu tại mặt trận, có chăng là sau khi mọi chuyện đã xong xuôi , phái đoàn báo chí mới tháp tùng theo phái đoàn trung ương đến quan sát trận địa để chụp hình quay phim đưa hình phái đoàn hoặc hình

những xác VC, những cây súng gãy lên mặt báo, còn hình người lính chiến thì mờ-mờ ảo-ảo làm nền trang trí

Nhưng lần này về đánh giặc ngay trong lòng thủ đô nên có dịp nằm cùng phóng viên ngay tuyến đầu, những hình ảnh người lính TQLC xung phong vào lửa đạn đều được các anh chụp và đưa lên các trang nhật báo ngay ngày hôm sau kèm theo tên tuổi đơn vị v.v... như trường hợp phóng viên Nguyễn Tú của nhật báo Chính Luận, những hình ảnh và bản tin của anh viết về Trâu Điền trên báo đã được thân nhân gửi ra chiến trường khiến chúng tôi rất hãnh diện. Dù không biết ông Nguyễn Tú nay ở nơi đâu nhưng cũng xin thay mặt anh em để cảm ơn ông Nguyễn Tú.

Có những người lính thấy hình mình được đăng trên báo, dù không rõ lắm nhưng cũng thấy thích thú, cắt xén thật cẩn thận để giữ làm kỷ niệm hoặc làm quà tặng cho người yêu. Các cấp chỉ huy thì cắt kỹ những trang báo nói về trận đánh của đơn vị mình rồi đóng khung lồng kính treo lên chỗ trang trọng nhất của đơn vị.

Đối với người lính tác chiến thì những hình ảnh và bài viết của các phóng viên chiến trường về đơn vị họ, nhất là các đơn vị cấp nhỏ như trung đội hay đại đội, là một niềm an ủi lớn lao, một điều khích lệ vô cùng quan trọng cho tinh thần chiến đấu của họ, vì thế nói không ngoa rằng một cây viết chiến trường mạnh hơn một đơn vị, nhưng tiếc thay, trong quá khứ, người có trách nhiệm

đã không để ý đến “binh sĩ vận” mà chỉ lo “thượng cấp vận”.

Có được người phóng viên đi theo khiến anh em lính chúng tôi lên tinh thần, hơn nữa chuyện anh thoát lưới hái của tử thần vừa qua càng làm chúng tôi quý mến nhau hơn nhất là tình cảm giữa anh và Bùi Ngọc Đường, họ thân nhau như anh em, dù tuổi tác có chênh lệch.

Trong lúc đơn vị tôi tạm đóng quân trong cư xá để chờ nhiệm vụ mới thì anh phóng viên dẫn chúng tôi về nhà, cũng ở trong cư xá Phú Lâm, anh có ý muốn giới thiệu chúng tôi với chị ấy và các cháu, trước khi bước vào nhà anh nói nhỏ với tôi và Đường:

- Các anh đừng nói gì về chuyện vừa xảy ra nhá, sợ bà xã tôi và sắp nhỏ lo lắng.

Một người phóng viên chiến trường vừa yêu nghề lại vừa yêu vợ con nên đôi khi cũng không dám nói sự thật về những nguy hiểm bao quanh bản thân mình. Tôi thông cảm với anh vì tôi vẫn thường nói dối như thế với mẹ tôi: “Bà Mẹ Q uê”. Mỗi lần về phép, mẹ tôi hỏi đi lính có vất vả không con thì tôi trả lời mẹ ngay: “Xin Mẹ yên tâm, như đi làm thư ký văn phòng ấy mà, mẹ đừng có lo”.

Anh phóng viên gi ới thiệu chị và các con với chúng tôi, có lẽ cũng đến “ngũ long công chúa”, cháu lớn chỉ độ “trăng tròn” là cùng. Thấy lính tráng súng ống vào

nhà nhưng lại ngồi uống café hút thuốc nói chuyện vui vẻ với bố nên các cháu an tâm, bạo dạn hơn, thập thò sau màn, khúc khích cười, vỗ vào lưng nhau “thùm-thụp”.

Một gia đình thật hạnh phúc, tôi ước mong một ngày nào trong tương lai có được mái ấm gia đình như anh, nhưng có lẽ còn lâu lắm, hoặc không bao giờ có được hạnh phúc ấy một khi còn “vui đùa” với súng đạn, “cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi” nghĩ vậy nên tôi tâm sự với anh:

- Ngày anh, nếu hôm qua Đường nó không ôm anh nhảy xuống đất thì hôm nay đâu còn châu café này, anh đâu còn nghe tiếng cười khúc khích dễ thương của các cháu, anh phải hết sức cẩn thận khi đi làm phóng sự ngoài chiến trường, hoặc nên đổi nghề, lương phóng viên không được bao nhiêu mà có quá nhiều nguy hiểm, anh đã có gia đình, các cháu đang nhìn anh kia kìa.

Tôi chỉ tay vào phía trong nhà, sau bức màn che, thấp thoáng một hai cô bé tóc đuôi gà đang nhìn bố tiếp khách, nhìn theo hướng tay tôi chỉ, anh gật gật đầu ra chiều suy nghĩ. Chúng tôi bắt tay từ già. Anh phóng viên nói nhỏ:

- Anh sẽ để ý và suy nghĩ kỹ lại lời khuyên của chú em.

Tôi thật cảm động khi nghe anh xưng “anh” và gọi tôi bằng “chú em” mang đậm nét tình nghĩa gia đình. Từ

hai người xa lạ, chỉ qua một lần cùng chung nguy hiểm, thoát chết trong gang tấc mà chúng tôi tr ở thành anh em thân thiết hồi nào không hay. Lính trận phong sương râu ria rậm rạp còn anh phóng viên trắng trẻo đẹp trai nên trông như gần bằng tuổi nhau.

Anh tiễn chúng tôi ra cửa mà còn nghe có tiếng chị dặn với theo:

- Tối các em nhớ lại ăn cơm canh chua cá kho tộ với các cháu cho vui.

Vui quá đi chứ, hôm rầy sống giữa thành phố mà cứ phải “nhá” C ration*, thịch hộp 3-lát ngân quá (* thức ăn đóng hộp cho lính hành quân). Nhưng ngay tối đó đại đội tôi phải di chuyển gấp đến mặt trận Bình Hòa, Gia Định nên không kịp báo tin cho anh hay.

Ngày qua ngày, TĐ2/TQLC di chuyển khắp nơi, từ nội thành ra tới ngoại ô, từ Nhà Bè sang bến đò Long Kiển, lên Nhị Bình (Lái Thiêu), chỗ nào có bóng dáng VC là chúng tôi đến. Đã có lần đơn vị chúng tôi trở lại lục soát khu vực rừng khóm (dừa), thuộc mặt khu Lý Văn Mạnh, rất gần cư xá Phú Lâm nhưng không có thì giờ ghé thăm anh chị.

Rồi VC tấn công đợt 2, TQLC chúng tôi bận túi bụi tiếp những người “anh em” từ bung về thành, nào là ngã ba Cây Thị, xóm Cao Đồng Hưng, khu Đồng Ông Cộ, cầu Bình Lợi, ngã ba Cát Lái v.v..., người tử trận kẻ bị

thương, chúng tôi không còn thì giờ nhớ đến gia đình, nhớ đến người yêu, hình dáng người phóng viên cũng mờ dần.

Vào khoảng tháng 7/1968, tình hình Saigon hoàn toàn yên tĩnh trở lại, Đ2 chúng tôi đư ợc biệt phái cho Quân Đoàn III để hành quân vào mật khu Hồ Bò, Bời Lồi. Trước khi rời xa Saigon, Bùi Ngọc Đường trốn đi chơi nguyên ngày, khi trở lại đơn vị thì vừa kịp nhảy lên xe GMC cùng đại đội di chuyển đến quận Hiếu Thiện (Tây Ninh) và từ đây được trực thăng vận vào mật khu Bời Lồi ngay nên tôi chưa có dịp “thưởng” cho Đường 5 roi vì tội “nhảy dù” . Cũng may là trong trận này, Bùi Ngọc Đường cùng với Nguyễn Văn Hợi đã liều mình cứu sống được viên trung úy cố vấn Mỹ bị thương, Lt. Joe Bargerstock, vì anh ta đang bị VC bao vây tìm cách bắt. Nhờ thành tích này mà Đường được Thiếu Tá Lê Đình Bảo, Trưởng Phòng Chính Huấn Sư Đoàn TQLC đề nghị và tưởng thưởng cho một xe Honda, và dĩ nhiên tôi cũng tha cho hẳn tội trốn đi phỏ.

Bùi Ngọc Đường và tôi là hai “thầy trò” nên khi đi hành quân thì như hình với bóng, Đường luôn ở bên cạnh để giúp tôi khi cần thiết, đi đâu là phải hỏi, vậy mà lần này dám đi cả ngày, đã vậy khi trở về lại có vẻ buồn. Tuy được thưởng cho chiếc Honda mà sao Đường không vui! Và rồi, xe Honda còn trùm mền chờ ngày Đường về phép để chở người yêu dạo phố thì Đường lại hy sinh

trong một cuộc hành quân sau đó trên chiến trường Campuchia!

Khi Đường tử trận rồi, Nguyễn Văn Hợi, người cùng với Đường cứu sống cố vấn Mỹ, mới nói thật với tôi là Đường trốn đi phỏ là để về thăm anh phóng viên ở cư xá Phú Lâm, và người anh kết nghĩa này của Đường đã bị VC hạ sát trong đợt 2 trận Mậu Thân!

Nghe Hợi nói mà tôi bỗng rùng mình hoảng hốt, tôi nhớ lại mấy tháng trước khi đánh ở đường Hậu Giang, Chợ Lớn, Đường đã theo lệnh tôi nhảy lên Tank M41 ôm người phóng viên nhảy xuống đất vừa lúc xe tăng bị B40 bắn nên cả Đường và người phóng viên không bị nát thây trong gang tấc và rồi họ kết nghĩa anh em, tình huynh đệ chưa được bao lâu thì anh hy sinh mà em không biết! Khi em trở lại thăm anh chưa tàn nén nhang thắp cho anh thì em lại tử trận!

Cả hai đều những người tôi thương mến, hình ảnh của họ đã nằm sâu trong ký ức, nào ngờ, 40 năm sau, một sự tình cờ mà hai hình ảnh này sống lại thật rõ ràng trong trí nhớ của người già hay quên chuyện hiện tại mà nhớ dai chuyện quá khứ.

Đọc từng dòng từng chữ câu chuyện của N.A, tôi tin chắc người bạn phóng viên chiến trường, người anh kết nghĩa của Trâu Điền Bùi Ngọc Đường chính là thân phụ của tác giả bài viết “Người Yêu Trâu Điền” và người

lính trong tấm hình mà N.A dấu kín trong tập nhật ký nhỏ có phần chắc là Bùi Ngọc Đường. Tác giả N.A kết thúc lá thư không gửi vì không biết anh Trâu Điền ở đâu bằng lời chúc:

- Với lòng mong mỗi anh Trâu Điền vẫn còn sống sót đâu đó biết rằng trên mặt đất này vẫn còn có một người nhớ đến anh Trâu Điền ngày xưa”.

Tôi xin kết thúc : “Tình Anh lính Chiến và Ngươi ời Phóng Viên” với lời nhắn:

- Cô N.A ơi, Trâu Điền Bùi Ngọc Đường, người trong tấm hình mà cô giữ kín trong cuốn nhật ký, đã không thể về dự đại hội TQLC năm 2008 được. Đường không chết nhưng đã nằm lại đâu đó trên chiến trường miền Nam VN, cũng như thân phụ của cô, ông không chết nhưng về với các con bằng thân xác còn nóng hổi, máu chảy ra linh lảng!

Tôi tin rằng Bùi Ngọc Đường, người lính chiến trong tấm hình mà cô “nhốt” trong cuốn nhật ký thì chỉ có hần biết, hần sẽ phù hộ cho gia đình cô./.

Mậu Thân 1968:

Những Kỷ Niệm Khó Quên

Theo lời dặn ... tôi tới chợ ABC mua bó rau muống để chữa bệnh ... thì tôi lại mua mấy bó hành, vì nhớ khi còn nhỏ ở nhà quê, được ăn cỡ tôi thích nhất món hành luộc quăn xung quanh miếng thịt 3-chỉ và trứng chiên. Miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời. Khi biết Việt Báo (VVNM) khuyến khích kể hồi ức Mậu Thân, tôi nhớ ngay tới chuyện 50 năm về trước, cô nữ sinh Gia Long đứng trước cửa nhà số 147 đường Thành Thái vẫy tay chào và mỉm cười khi toán quân của tôi đi qua, để giải tỏa toán VC đang cố thủ ở gần đó. Đã nửa thế kỷ rồi tôi còn nhớ cô nữ sinh ấy có cái răng khênh duyên dáng, nhưng lại không nhớ chuyện “cô ấy” bảo tôi mua rau muống thì tôi lại mua hành.

Đơn giản vì “long term, short term”, ai cũng thể thôi, chẳng phải có trí nhớ “phi thường” như vị khách Mỹ Lan có nhã ý “comment” trong bài viết về Ông Sáu Lèo . Vậy thì những kỷ niệm về Mậu Thân 1968 tôi kể hầu quý vị sau đây là có thật , những kỷ niệm buồn vui đầy nước mắt, buồn cũng khóc, vui cũng khóc.

* * *

Xuân Này Con Không Về!

Một tháng trước Mậu Thân , tình báo cho biết 2 tiểu đoàn địa phương Việt Cộng (VC) là 261 và 262 sẽ đánh chiếm quận Giáo Đức và Cai Lậy hầu làm tê liệt đường tiếp tế lương thực từ Vùng 4 về Saigon. Chiến Đoàn B gồm Tiểu Đoàn 1 và Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến (TĐ1, TĐ2/TQLC) dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Tôn Thất Soạn , được lệnh hành quân và đã tiêu diệt chúng trên con kinh Cái Thia , phía Bắc cách quận Cai Lậy, nhờ đó hàng hóa lương thực tràn đầy về Saigon cho dân ăn Tết. Nhưng một số anh em tôi đã không trở về ... “Nếu Xuân này con không về chắc mẹ buồn lắm” , Chính đã trở về trong hòm gỗ khiến mẹ già không buồn mà đau khổ suốt đời!

- Trung Úy Nguyễn Quốc Chính , Khóa 20 Võ Bị, đại đội phó của tôi, vừa đính hôn với cô L.. và sẽ làm lễ cưới vào dịp Tết sau chuyến hành quân , nhưng Chính đã tử

trận vào lúc 9 giờ sáng ngày 31/12/1967 trên bờ kinh Cái Thia, quận Cai Lậy!

Trong cuộc hành quân trực thăng vận này, Trung Đội 14 của Thiếu Úy Huỳnh Vinh Quang, Khóa 22 Võ Bị, tới phiên nhảy đầu, còn Chính có nhiệm vụ chỉ huy trung đội súng nặng đi sau. Nhưng lo đàn em chưa đủ kinh nghiệm nhảy trực thăng nên Chính đã tình nguyện đi với Quang. Khi trực thăng vừa đổ quân xuống là địch tấn công ngay bằng đủ loại vũ khí. Nhờ kinh nghiệm, Chính điều động trung đội xung phong vào thẳng mục tiêu, trấn áp được địch quân, giảm thiểu thiệt hại cho trung đội, chỉ vài người bị thương, một mình Chính tử thương!

Chính tình nguyện lãnh nhiệm vụ khó khăn thay cho một đàn em, anh đã hy sinh một cách cao cả.

Món Quà Tết Tặng Bà Cô.

Khi VC tấn công vào Saigon thì TD 2/TQLC được trực thăng Chinook bốc từ quận Cai Lậy đổ quân xuống ngay trong Bộ Tổng Tham Mưu, sau một ngày dẹp tan con cháu “baác”, tôi đến đại đội tôi đóng quân phòng thủ ngay nơi này. Vào lúc 1 giờ sáng, tổ gác báo động có VC bò vào tuyến, tôi ra lệnh không được nổ súng mà phải bắt sống. Khi tù binh được dẫn đến thì tôi bật ngửa ra, nó chính là Vũ Khắc Quân, nhân viên phòng Tổng Quản Trị, con cô ruột của tôi. Tôi hỏi:

- Sao chú mày chui vào đây?

- Phiên em trực phòng Tổng Quản Trị , khi VC tấn công vào, em trốn trong ống cống . Đêm nay thấy yên nên em bò ra tìm đường về.

Bình thường lính canh nổ súng chính xác , nhưng do lệnh bắt sống mà chú em tôi may mắn không là cái xác . Tôi đã tặng cô tôi món quà đầu Xuân quý giá . Vũ Khắc Quân cũng vừa qua đời tại Việt Nam vào dịp Xuân Mậu Tuất 2018.

Những Cấp Chỉ Huy Đáng Kính.

Là cấp đại đội , tôi chỉ biết đến cấp chỉ huy trực tiếp là tiểu đoàn trưởng hoặc cao hơn là lữ đoàn trưởng , nhưng khi hành quân tại Saigon dịp Mậu Thân thì đại đội tôi thường bị biệt phái hay hành quân riêng nên tôi có dịp tiếp xúc với các vị chỉ huy cao cấp khác và đã nhận ra tài chỉ huy và lãnh đạo của các vị ấy.

Ngoài Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan , mà tôi đã viết tro ng bài “Saigon 68 và Ông Sáu Lèo” , còn một tướng khác mới thật đáng kính:

Trung Tướng Đỗ Cao Trí

Đứng trước lửa đạn, Ông Tướng ra lệnh cho tôi thanh toán mục tiêu “Suối Máu”, trước trại giam phiên cộng Biên Hòa. Thực ra tôi đã nhận lệnh trực tiếp từ Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 2/TQLC rồi, có Ông Tướng hay không thì tôi vẫn thi hành nhiệm vụ, nhưng Ông Tướng đứng tại “tiền tuyến” chứng tỏ mức độ quan trọng hơn,

cần thanh toán gấp. Sự hiện diện của Ông khiến quân sĩ nức lòng, thanh toán mục tiêu nhanh gọn. Một ông tướng Tư Lệnh Quân Đoàn mà đến trận địa để quan sát mục tiêu và ra lệnh trực tiếp cho một đại đội trưởng thì quả tình là chuyện khó tin. Nhưng đó là chuyện có thật, tôi kính phục Ông: Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh QĐIII.

Trung Tướng Dương Văn Đức.

Khi được lệnh cấp cứu đồn Cảnh Sát Bà Hòa (hay Hòa) trong Chợ Lớn, con đường tiến tới mục tiêu ở mặt trước rất nguy hiểm, tôi ra lệnh cho Trung Đội 14 chiếm căn biệt thự bên hông gần đó làm bàn đạp. Căn biệt thự cũ kỹ kiểu xưa, trông nghèo nàn nhếch nhác. Một bà đầm đang tắm cho mấy đứa nhỏ trong góc sân, không biết bà là đầm Tây hay đầm Mỹ, tôi toan mở miệng để xin phép xâm nhập gia cư thì nghe bà hỏi:

- Các chú cần gì?

Thấy bà đầm 100% mà nói tiếng Việt giỏi lại gọi lính là “các chú” khiến tôi ngạc nhiên, bèn giải thích đầu đuôi, bà gật gù đồng ý nhưng nói thêm:

- Các chú nên vào trong nhà nói với ông Tướng một tiếng.

Càng ngạc nhiên hơn, tôi hỏi:

- Ông Tướng nào vậy bà?

- Là nhà tôi, Tướng Đức, Dương Văn Đức ấy mà.

Nghe danh Trung Tướng Dương Văn Đức từ lâu , từ cuộc “biểu dương” lực lượng , nay tận mắt thấy Ông ngồi gật gù với chai lọ và tàn thuốc lá! Tự dung lòng tôi chùng xuống, chưa kịp trình diện thì Ông nói:

- Tụi nó trốn hết rồi, nhưng các em phải cẩn thận.

Vô cùng cảm động, tôi đứng nghiêm đưa tay chào “tuân lệnh” đúng quân phong quân kỷ. Người ta đồn rằng Ông bị “mát-dây” (không bình thường), nhưng Ông biết rõ tình hình bên ngoài, ân cần khuyên lính một câu vàng ngọc sáng suốt như thế thì “đời” đã thiếu công bằng với Ông. Cảm ơn vị Tướng họ Dương.

Bạn đọc đừng phìền khi nghe tôi “khoe” gặp các vị Tướng, lính tác chiến mỗi khi gặp được Tướng, nhất là Tướng cao cấp ở trung ương đến thăm thì càng mệt thêm, vì đó phải là trận địa khốc liệt , nhiều đồng đội tử trận. nhưng nay tôi phải “khoe” vì tận mắt nhìn thấy quân đội ta có những vị Tướng đáng kính phục, nhiều vị sao sáng.

Trung Tướng Trần Văn Đôn.

Khi bảo vệ đài phát thanh nằm ở cuối đường Phan Đình Phùng, lệnh của Giám Đốc là Trung Tá Vũ Đức Vinh: “Không cho bất cứ ai vào thăm đài phát thanh” nếu chưa được lệnh của ông. Lính tôi y lệnh, cương quyết không cho một nhân vật có xe hộ tống vào

thăm đài. Nhân viên hộ tổng của ông đòi gặp người chỉ huy, tôi phải ra tận trạm gác coi đầu đuôi.

Mấy ông hộ tổng mang súng ống, đeo kính đen gườm gườm nhìn khiến tôi phát rét, còn lính của tôi thì lùi lại hườm sẵn M.16, người mặc còm-lê thì nhỏ nhẹ:

- Qua là Trung Tướng Trần Văn Đôn, muốn vào thăm đài phát thanh.

- Thưa Trung Tướng, lệnh Trung Tá Giám Đốc không cho bất cứ ai vào nếu chưa có lệnh của ông, vậy xin Trung Tướng liên lạc với Giám Đốc là Trung Tá Vũ Đức Vinh, chúng tôi là lính chỉ biết tuân lệnh.

Liên lạc không gặp ai trong đài có thẩm quyền nên Ông Trung Tướng bắt tay và cảm ơn chúng tôi rồi quay đầu xe. Nghe câu chuyện có vẻ khôi hài, nhưng chúng tôi Ông Tướng biết điều, còn lính chúng tôi thì hành đúng nhiệm vụ được giao.

Trung Tá Vũ Đức Vinh, Giám Đốc Đài Phát Thanh.

Sau hơn một tháng giữ an ninh đài phát thanh và bưu điện trung ương, trước khi di chuyển đi nơi khác, Trung Tá Giám Đốc tặng cho Đại Đội tôi tám “lắc” bằng đồng khắc những chữ với đại ý: “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.*”

Tôi đem tấm lắc treo tại văn phòng Đại Đội, nhưng cứ phân vân mãi, có lẽ cái “xuất sắc” này có thể liên quan tới việc thi hành lệnh của Ông Tá không cho ông Tướng vào thăm đài phát thanh?

Trung Tá Giám Đốc, gốc Không Quân, khá lịch sự và tế nhị, ông hỏi tôi:

- Đại Úy có thích nghe nhạc không?

- Dạ... thích chứ, bạn gái tôi mê ca sĩ Thái Thanh lắm.

Ông nháy mắt cười cười, đưa tay ra bắt:

- Tôi sẽ cho nhân viên thuê một cuốn băng toàn nhạc Thái Thanh để tặng bạn.

Cám ơn Trung Tá, Ông thật “ga -lãng”, điệu nghệ, có một tác phong hiem thấy nơi các ông lớn hậu phương đối với lính tiền tuyến. Nhưng vì mải miết đi hành quân, không có địa chỉ cố định nên tôi không nhận được quà của Trung Tá (mà tôi gọi là Anh Năm).

Khi định cư tại Hoa Kỳ sa u năm 1990, tôi viết lại kỷ niệm này trên tập san Đa Hiệu Võ Bị với tấm lòng kính mến một thượng cấp dù lúc đó tôi không biết Anh Năm ở đâu. Một thời gian sau thì tôi nhận được những CD toàn là nhạc Thái Thanh do chị Năm Vinh và cháu Tùng, con trai anh Năm, gửi tới. Gối quà sau gần 40 năm mới nhận được làm tôi quá cảm động nhưng cũng thật bối rối, vì khi đó tôi mới biết Anh Năm đã quy

tiên! Tôi áy náy vì nhắc lại kỷ niệm xưa khiến chị Năm bận tâm, xin chị tha lỗi. Cảm ơn Chị và cháu Tùng Vũ.

Đã lâu rồi, vì di chuyển chỗ ở và đổi email nên tôi đã mất liên lạc với cháu Tùng Vũ.

Tôi quý mến các anh Không Quân qua tác phong của Anh Sáu Lèo và Anh Năm Vinh . Nhưng cũng có một chiến hữu Không Quân khác làm TQLC tôi chẳng vui tí nào:

Đã hơn một ngày đánh nhau dọc hai bên đường Lê Quang Định Gò Vấp, Việt Cộng kéo về cố thủ phía sau rạp hát Đông Nhi và chùa Dược Sư. Khu này nhà cửa san sát nhau, hẻm chằng chịt khiến cho việc điều động đơn vị quá khó khăn, lính của đại đội tôi đã bị thương và tử thương.

Tại ngã ba đường Lê Quang Định và Trung Dũng là căn nhà xây 3 tầng với sân rộng và hàng rào bao quanh, có sân thượng, đây là một cao điểm quá tốt để quan sát địch và điều động quân. Chủ nhà là một ông quan “mặc áo liền quần”, đeo hoa mai có gạch đít (thiếu tá), đang cầm ống nhòm đứng lấp ló trên sân thượng coi TQLC đánh nhau với VC. Tôi xin phép ông cho chúng tôi dùng sân thượng để đặt Ban Chỉ Huy Đại Đội và súng đại liên, ông vui vẻ... từ chối. Lý do ông bảo là vì nếu TQLC đóng ở đâu thì VC đến tấn công chỗ đó, mà nhà ông thì

mới xây, không muốn bị vạ lây, ông mới đi tu nghiệp ở Mỹ về.

Quân với quân như cá với nước... sôi. Con người có máu lạnh ấy làm tôi sôi máu nóng, nhưng thôi, đành vuốt nước mắt đi kiếm cao điểm khác.

Đêm 8/5/68, Đại Đội 2 của Đại Úy Trần Kim Đệ trên đường Hậu Giang, Quận 6, bị VC quấy rối. Sáng 9/5, Tiểu Đoàn ra lệnh cho tôi về tiếp ứng cho Kim Đệ, nhưng trước khi đi phải gom xác VC vào sân banh Lê Văn Duyệt, gần Ngũ Hoàn Miếu.

Thôi thì “nghĩa tử là nghĩa tận”, để họ ngoài sân banh nắng nôi, mưa gió, có nhiều xác đã phì lên và chảy nước ròi, cần chỗ mát và sạch sẽ hơn. Tôi thấy không chỗ nào tốt hơn căn nhà lầu của ông quan “áo liền quần”, anh em tôi xếp họ nằm gọn gàng từ hàng hiên ra sân, chờ xe của sở vệ sinh đến mang đi. Xác VC nằm trong sân thì ông yên tâm, không sợ bị VC tấn công vào làm hư cái vi-la của ông.

Những Kỷ Niệm Buồn.

Kỷ niệm buồn, chẳng phải buồn vì ông thái tá kia mà tôi đem những xác chết chắt vào vi-la của ông. Tôi buồn cho những người trai hai miền Nam-Bắc chết vì súng đạn ngày Tết thiêng liêng truyền thống của dân tộc Việt Nam, chết khi chưa biết yêu, chết mà mẹ già không hay biết, vẫn ngày ngày ngồi tựa cửa móm mém miếng trầu,

cầu nguyện trông mong con: **“Sao Xuân này con không về?”**

Về sao được Mẹ ơi! Giấy phép đã cầm trong tay, hứa với mẹ là Xuân này con sẽ về để mẹ cưới vợ cho con, nhưng con đã về với lòng đất rồi! (Trường hợp Tr /Úy Nguyễn Quốc Chính kể ở trên.)

Trước khi tiến vào con hẻm bên hông rạp hát Đông Nhi, Gò Vấp, Binh Nhất Xuân nói với Trung Sĩ Châu Văn Khánh:

- Khu này là nhà em, em biết mọi ngõ ngách, để em đi trước dẫn đường.

Nhà Binh Nhất Xuân trong khu này nên em nôn nóng muốn đi trước, mau về nhà xem mẹ già có bình an không? Xuân cẩn thận vừa đi vừa lục soát, vừa khui nắp hầm thì bị một tròng AK từ dưới bắn lên hát ngược Xuân ra sau. Thông thường thì chỉ một trái lựu đạn M.26 bỏ vào hầm là xong, nhưng lệnh phải bắt sống nên Tr/Sĩ Khánh đã tổng luôn một lúc 4 trái lựu đạn khói, 5 tên VC bị ngộp thở chui lên, trông híp-pi vì toàn thân một màu tím, còn Binh Nhất Xuân! Em tôi đã nằm im, tắt thở!

Việt Cộng Lại Tấn Công Đài Phát Thanh.

“Đêm qua VC lại tấn công đài phát thanh, nhưng bị quân ta đẩy lui, ta tịch thu 1 súng K54, bên ta có một Thủy Quân Lục Chiến hy sinh.”

Đó là tin trên trang nhất báo Chính Luận và một số nhật báo khác tại Sài Gòn.

Đại Đội 1 của tôi được Tiểu Đoàn Trưởng cho giữ đài phát thanh Phan Đình Phùng và bưu điện trung ương Sài Gòn, tuy không vất vả nhưng lại có nhiều chuyện vui buồn, nhiều chuyện khó khăn.

Trong thời gian đầu khi vừa nhận bàn giao từ tay các anh hùng Mũ Đỏ, khói lửa còn nghi ngút dưới tầng hầm (nơi chứa toàn đĩa hát loại 45 hay 78 tua), mọi sự xuất nhập của nhân viên nam nữ đều phải kiểm soát thật kỹ, kể cả ca sĩ, đó là lệnh của Giám Đốc. Với nam nhân viên thì không có nan đề, nhưng với nữ thì thật nan giải. Lính tôi “quanh năm hành quân vùng xa, thiếu bóng đàn bà” mà bây giờ bắt xét bóp, xét ví của phụ nữ thì nguy quá. Nếu không xét, lỡ một nàng nào nhét C.4 (*một loại thuốc nổ dẻo như plastic*) vào người thì biết trả lời sao đây? Sau 2 ngày gồng mình khám xét thì chịu hết nổi, “cẩn tắc vô áy náy”, lính mà lỡ tay .., tôi là đại đội trưởng sẽ bị tù ngay nên tôi đành xin Tr/Tá Giám Đốc giao nhiệm vụ “quái ác” này lại cho các nữ Cảnh Sát.

Còn việc VC tấn công thì sao? Chuyện lâu gần 50 năm rồi có quyền bật mí:

Nguyên do là thế này, tối đến, mọi ngã đi ra vào đài đều kéo kềm gai hai ba lớp, còn gài thêm lựu đạn. Con

hẻm dẫn ra khu trại gia binh phía sân vận động Hoa Lu tôi giao cho Trung Đội súng nặng của Thượng Sĩ Lâm Khâm phòng thủ. Rồi một tối Binh Nh ất Thủy gác xong, dặn chàng thượng phiến tên Binh Nhì Hoàng:

-Tao đi thăm người yêu một chút. Lát tao về, mày đừng có bắn ầu nha.

Tình yêu lâu ngày gặp nhau sao nữ vợi chia tay. Chàng Thủy ngồi bên người yêu quên cả trời đất, quá phiến gác của Hoàng mà Hoàng cũng quên bàn giao cho người bạn thượng phiến, gần sáng Thủy lò mò chui rào kềm gai trở về thì người lính mới thay phiến tướng VC bò vào bèn nhanh nhẩu quạt một băng M.16!

Hoàn cảnh này, Thủy không hy sinh vì công vụ thì làm sao gia đình có 12 tháng tiền tử tuất? Làm sao giải thích với thượng cấp tai nạn chết người này cho xuôi tai? Tôi bàn với Thượng Sĩ Lâm Khâm cho bắn thêm nhiều loạt đạn hướng mũi súng về phía Cục An Ninh Quân Đội. (Đại đội tôi cũng có nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài cho Cục ANQĐ của Đại Tá Thăng.) Tiếng đạn bắn ngược chiều nghe “c ắc-bù” đúng là của VC tấn công rồi (!). Máy trong Cục gọi ra hỏi tình hình, tôi nói VC đang tấn công, sẽ báo cáo sau.

Biết thế nào sáng hôm sau Cục An Ninh cũng đến coi tình hình và có phóng viên báo chí lấy tin tức ,

nên sau khi lấy được xác của Thủy vào, Lâm Khâm cho lượm nhiều vỏ đạn AK (VC bỏ lại khi đánh nhau với Nhảy Dù bữa trước) rải quanh chỗ nằm của Thủy. Sáng sớm báo chí đi theo Cục AN ra quan sát “mặt trận” và phỏng vấn, lính tôi thì làm lý ôm súng phòng thủ, cạy miệng cũng không trả lời (dạn trước rồi), ngoại trừ tôi.

Phóng viên lượm vỏ đạn AK lên ngắm nghĩa gặt gù, chụp hình quan sát chỗ VC bị bắn hạ và “đã được đồng bọn kéo đi”. Phóng viên lật qua lật lại xem cây colt K.54 của VC còn dính máu đã bỏ lại.

Thực ra cây K .54 này tôi đã tịch thu được trong trận Đêm Hưu Chiến 31/12/67 tại kinh Cái Thia quận Cai Lậy mà trong trận này, thằng em Nguyễn Quốc Chính hy sinh khi vừa mới “dạm vợ” một tuần lễ trước khi đi hành quân. Tôi giữ cây K54 này để làm kỷ niệm cho tình yêu Chính-L.. gãy gánh nửa đường. Nay cũng vì tình yêu mà Thủy tử nạn nên tôi đem cây súng này trình làng như một “chiến lợi phẩm” để làm bằng chứng là VC đã tấn công đài phát thanh.

Chuyện dàn cảnh như thật nên không ai nghi ngờ, vì thế mới có chuyện cho báo chí đăng tin VC lại tấn công đài phát thanh lần thứ hai! Chắc không còn nơi nào có những vụ dàn cảnh như vậy đâu, đây là một kỷ niệm buồn về tình yêu và súng đạn!

Có thể nhiều vị sẽ trách tôi nói ra điều này làm giảm giá trị các chiến công thực sự , nhưng ở vào hoàn cảnh “gặp thời thế thế thời phải thế” , chỉ những ai đã từng đổ máu ngoài chiến trường mới thông cảm với tôi trong hoàn cảnh khó xử này.

Súng Đạn và Tình Yêu

Đứng trước sự tàn phá của thiên tai và chiến tranh thì tình người lại gần với nhau hơn? Trận động đất giữa biên giới Ấn-Hồi đã chôn vùi hơn 40 ngàn người khiến hai kẻ thù truyền kiếp bắt tay nhau cùng lo cứu khổ cứu nạn. Bão Katrina tàn phá New Orleans làm cho số hồ sơ đã nộp tại tòa xin ly dị được rút lui đi khá nhiều.

Trước Mậu Thân 1968, dân Sài Gòn và nhất là các em gái hậu phương rất thờ ơ với chiến tranh và lính trận, ấy là chưa kể đến những thành phần no cơm ấm cật, nói giáo cho giặc bày đặt phản chiến, thực chất là trốn lính, trốn việc quân đi ở chùa.

Sau tết Mậu Thân, nhờ khói súng mà tình cảm người dân thân thiện hơn với quân, dân chỉ cho lính những chỗ VC ẩn núp và chôn dấu vũ khí mà trước Tết có vẻ như họ “không nghe , không thấy”. Trong và sau Mậu Thân, đơn vị nào cũng được đồng bào đón tiếp niềm nở, bánh kẹo dư thừa mà vị ngọt tình yêu cũng không thiếu.

Ở Bru Điện “một nơi dễ tìm thấy Thiên Đàng” thì anh em ĐĐ1 của tôi sống rất đàng hoàng nên được đồng

bào quanh vùng và nhất là nhân viên bưu điện cảm phục, tình quân dân thắm thiết thật sự kéo dài cho mãi tới sau này, điển hình là cô Lan, ái nữ của ông Quận Dương Đông (Phú Quốc) là nhân viên Bưu Điện, sau 1975 đã giúp rất nhiều anh em cựu tù nhân TQLC gửi “hồ sơ chui” tới tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Bangkok, Thái Lan để xin LOI, một việc làm hết sức nguy hiểm cho cô vào thời điểm 1982-84.

Gia đình hai cô Tuyết-Hoa gần như nuôi cả Trung Đội 12, đã hơn 40 năm rồi mà hiện nay các cô Tuyết, Hoa-Quốc vẫn luôn hỏi thăm và nhắc tên các anh ngày xưa đóng ở Bưu Điện và các cô vẫn tự nhận mình thuộc gia đình “T râu Diên” và tham dự những buổi họp mặt của TQLC. Tôi trân trọng gửi lời thăm hỏi và cảm ơn đến các cô và nhất là những chị đã về làm dâu Trâu Diên.

Trong phạm vi đài phát thanh, anh em Đại Đội 1 cũng được đồng bào thương. Gia đình ông Tỉnh Trưởng, (Đại Tá Huy BĐQ) cho tôi tạm trú riêng một phòng thay vì tôi giăng võng ngủ dưới gốc cây. Gia đình Ông Bà phở 44, gia đình cô Phụng phở Hoàn Kiếm đãi lính ăn sáng vô hạn định, Cô Phụng cũng trở thành dâu của TQLC. Gia đình cô Chín và Jack (người Anh) nuôi cả Tiểu Đội của Trung Sĩ Mạnh. Một gia đình Pháp Kiều muốn gả con là cô Alice cho Binh Nhất Thông. Sau này em Alice mang quà lên Tân Uyên , quận Dĩ An ,

thăm, tiếp tế cho Thông thì đúng vào ngày Thông tử trận 9/68!

Hạ Sĩ Nhất Bùi Ngọc Đường , người em cận vệ của tôi, cũng tìm được tình yêu với một nữ cảnh sát khi đến làm nhiệm vụ kiểm soát tại đài phát thanh, nhưng Đường đã tử trận sau đó vài tháng!

Một mối tình khác khá đẹp là cặp Chu và D...

Trước Tết Mậu Thân, mỗi lần đi hành quân về nghỉ tại hậu cứ là Chu rủ tôi đến tiệm cơm tấm ở góc đường Trần Quang Khải và Trần Khắc Chân ngồi trông cây si, nhiều khi tôi chán nó quá bèn bỏ đi lang thang một mình. Vài giờ sau trở lại vẫn thấy Chu ngồi lì với gói RuBy Queen trên bàn ra vẻ đăm chiêu qua khói thuốc ngấm cô hàng café.

Chuyện tình của họ chẳng đi đến đâu cho tới tết Mậu Thân. Một ngày kia, sau khi thanh toán tổ VC ở xóm Chùa Tân Định xong, Chu cho lính nghỉ ngơi băng bó vết thương bên lề đường, đồng bào khu vực đường Trần Quang Khải mang bánh kẹo ủy lạo. Chu được một gói RuBy từ tay D., bốn mắt nhìn nhau rồi cảm động tay cầm tay.

Nhưng chẳng may Chu bị mất tích trong trận đánh sau này ở bên Campuchia . Khi tôi bị thương, nằm bệnh viện TQLC Lê Hữu Xanh , Thị Nghè thì D.. đến thăm tôi và hỏi tin tức về Chu. Khi thấy cô nhắc đến nó rồi khóc

nên tôi giấu luôn tin nó bị mất tích và chẳng bao giờ tôi gặp lại D... nữa.

Chuyện tình yêu và súng đạn Mậu Thân còn dài , xin tạm gác lại để bớt nhàm tai đọc giả, bây giờ nói tiếp những câu chuyện buồn Mậu Thân khác.

Cố Vấn Mỹ Lãnh Cục Bi Ở Trán.

Khi đại đội tôi từ trong Chợ Lớn tiến về Mũi Tàu Phú Lâm trên đường Hậu Giang , trên đường di chuyển chúng tôi đã thấy xác một phóng viên người Mỹ “ngồi” dựa vào chiếc xe hơi bị nát . Khi đi đến ngã tư Hậu Giang và Phú Định thì chúng tôi bị đụng nặng, địch khá đông đang cố thủ trong những cao ốc gần hãng pin Con Ó. Chúng tôi sẽ phải vượt qua một bãi đất trống sinh lầy mà hỏa lực của VC phía đối diện rất mạnh, đã cả giờ đồng hồ rồi mà quân tôi chưa tiến thêm được bước nào, quân bị thương và tử trận ngày càng tăng cao trong khi thượng cấp thì ra lệnh phải tiến “bằng mọi giá”!

Tiểu Đoàn Trưởng Đồ Sơn xin trực thăng cobras và biệt phái xuống cho tôi Trung Úy cố vấn phó tên Carl White để phối hợp hỏa lực. Sau vài tràng rockets, hết đạn, cobras bay đi , tôi và Carl White leo lên cao quan sát mục tiêu thì nghe “cắc-bù”, White ngã ngửa về phía sau. Tôi biết anh ta bị thương, vội gọi y tá đến săn sóc,

nhưng y tá tìm mãi không ra vết thương, không thấy máu. Sau giây phút tỉnh hồn, Carl mở mắt chỉ vào trán. Một viên đạn xuyên qua nón sắt, cởi nón sắt ra thì thấy trán Carl White nổi một cục tụ máu như viên bi. Quan sát đường đi của thàn chết thì ra đạn xuyên qua cuốn băng cá nhân cài trên nón sắt, chui vào trong, đục nón nhựa, sức mạnh đạn đi chỉ còn đủ lú ra chạm vào trán White một tí rồi dừng lại, thay vì xuyên qua đầu chui ra sau ót.



Carl White lấy máy hình ra, đứng bên cái biển “NHÀ BÁN”, bấm một phát làm kỷ niệm để đời. Nhờ cái hòn bi ở trán mà sau đó Carl White được lên đại úy./.

Kỷ Niệm Vui Buồn Với Các Anh Không Quân

Kể từ sau khi đọc xong cuốn “Đời Phi Công” của tác giả Toàn Phong, mỗi buổi sáng thay vì chạy bộ như thường lệ thì tôi lại dang thẳng hai tay nghiêng cánh sắt, khi nghiêng bên phải lúc nghiêng trái chạy vòng vòng, môi chúm lại, phát ra những tiếng “ù ù”, chú ý đầu về phía trước, bắn súng miệng: “pằng-pằng”. Mê Không Quân (KQ) đến như thế nên khi Thiếu Tá Nguyễn Cao Kỳ đến trường Petrus Ký thuyết trình và chiêu dụ thanh niên chọn con đường “đi mây về gió” là tôi nạp đơn tình nguyện liền, mặc dù lúc đó mới đang học lớp đệ nhất. Vì thiếu kinh nghiệm khi đi khám sức khỏe tôi không biết phải uống 2 lít nước trước khi bước lên bàn cân. Vì thế, tôi bị loại vì không đủ 50 kg.

Thua keo này bày keo khác, vừa hoàn thành “tứ-đúp”, tôi lại nạp đơn ngay. Rút kinh nghiệm thất bại kỳ trước, kỳ này tôi uống thật nhiều nước, một lít nước nặng 1 kg chứ ít sao. Ông trung sĩ có phận sự cân đo kích

thước và sức nặng của các thí sinh biết được “tỷ” của những chàng nhẹ ký nhưng nặng tình với KQ nên ông ta cứ tà-tà, không đi đâu mà vội! Chỉ tội nghiệp cho người chuẩn bị đứng trên bàn cân, vì đã trót uống hai chai nước nên phải ôm bụng nhăn nhó đau khổ vì có thể bị “tức nước vỡ bờ” bất cứ lúc nào.

Khám sức khỏe xong thì tôi hồi hộp chờ đợi, cuối cùng niềm vui cũng đến, tôi nhận được giấy Trường Võ Bị gọi trình diện tại Biệt Khu Thủ Đô hôm trước thì hôm sau nhận được giấy KQ gọi trình diện trại Phi Long Tân Sơn Nhút, “phúc trùng lai”, biết tính sao bây giờ?

Tôi trình bày rồi hỏi ý kiến “Bà Mẹ Quê”, thì Bà bảo:

- Con đi lính “bay bay” làm mẹ sợ lắm! Con lên Đà Lạt mà học, trên đó có chị con lo cơm nước cho, sau này nhờ anh con xin cho làm ở Đà Lạt cho mẹ an tâm.

Nghe lời khuyên thật thà “chân quê” của Mẹ, tôi thương Mẹ quá, thôi thì mộng giang hồ tính sau, trước mắt tôi quyết định đi Võ Bị cho Mẹ an tâm, dù lòng vẫn muốn Không Quân. Chính vì tình dờ dang với KQ, nên dù đã là Võ Bị, là TQLC, tôi vẫn yêu mến KQ, rất hãnh diện được làm quen, biết với những chàng KQ tử tế và hình như họ đều như thế cả.

Người đầu tiên tôi phải kể là tên Nguyễn Xuân Thanh, tuy cùng lớp, chung trường Petrus Ký nhưng nó

giá sống, tôi rau muống, nên nó và đồng bọn “ác ôn” hành hạ tôi vô cùng khốn đốn. Người xưa có nói: “Trăm năm trả thù vẫn chưa muộn” nên tôi chờ sau khi tốt nghiệp Võ Bị, tình nguyện về TQLC rồi mới đi tìm tung tích hắn. Gần 50 năm sau bất ngờ chúng tôi đ ụng nhau trên đường Bolsa. Nó lái Honda 90 từ Oklahoma, đường xa vạn dặm, về Little Sài Gòn dự Đại Hội KQ.64, thế là ác chiến xảy ra tại chiến trường “bún chả Hà Nội”, vui như Tết.

Một người cùng lớp Petrus Ký khác là Nguyễn Quang Kim. Anh ta đi Khóa 17 Võ Bị rồi được chọn về KQ. Khi tôi vào Võ Bị thì Kim là khóa đàn anh và dĩ nhiên tôi được anh ta phạt nhiều hơn. Ban ngày phạt nhưng tối đến, anh làm bộ đi kiểm soát, ghé vào phòng tôi nạt nộ: “Sao giờ này chưa đi ngủ?” rồi dúi vào mùng tôi bịch kẹo Nougat (quý hơn vàng). Nghe nói Niên Trưởng Kim bay khu trục nhưng không biết “giờ này anh ở đâu?”

Nhớ về KQ Quang Kim mà không nhắc đến các “Hung Thần” KQ/K17 khác là một điều thiếu sót: Đó là các “Ông” Duy Diệm, Võ Ý, và Tiến Đức.

Hai ông Duy Diệm và Võ Ý là “đồng tù” của tôi nên các ông thương đàn em lắm, thương dài dài cho mãi tới nay. Gặp nhau đâu là ông Diệm đứng nghiêm chào tôi trước rồi mới mỉm cười sau. Ông đẹp giai, lái giỏi, lại có tài chơi Lục Huyền Cầm. Nay tuy không còn trẻ như

xưa, nhưng “đàn” nào cần đánh thì ông sẵn sàng giúp ngay. Vì thế có tên đàn em “giỡn mặt”, khen ông chơi đàn “Lục Thiên Huyền Cầm” không biết mệt, dứt giây nào bỏ giây đó.

Còn ông có cái tên ngắn nhất thế giới là Võ Ý, tôi gọi ông là VOY, vì khỏe như voi nên gánh vác việc chung, việc riêng không biết mệt. Ông vừa lái vừa viết, cả hai đều cần tài “lách” khéo léo của ông. Ông là người “dẫn đường” cho tôi đi.

Nếu hai ông Diệm-Ý chỉ cười thì ông Tiên Đức là “Hung Thần” thật sự. Chiều ngày 22/12/1962, Sinh Viên Sĩ Quan Cán Bộ Nguyễn Tiên Đức K17, cho tập họp tân khóa sinh Khóa 19 trước phạm điểm (nhà ăn), ông đứng trên bục cao, mắt “eagle” liếc qua liếc lại đám lính mới rồi gằn giọng:

- Hôm nay có chương trình văn nghệ để chúc mừng các tân thiếu úy Khóa 16 vừa tốt nghiệp, các anh mới chỉ là Tân Khóa Sinh, được trường cho tham dự, vì vậy các anh phải tuyệt đối tuân theo kỷ luật: Ngồi thẳng lưng, cầm vĩ tay, cầm cùi, nghe rõ chưa?

- Rooooõ.

Hằng trăm tiếng hô “rờ” kéo dài vang cả sân trường!

Chiều văn nghệ chấm dứt, các tân sĩ quan K16 cùng thân nhân và người yêu tíu tít cười nói ra về thì tân khóa sinh Khóa 19 nghe lệnh tập họp với tâm trạng “buồn lo”!

Buồn vì các Sinh Viên Sĩ Quan (SVSQ) K16 đã là thiếu úy, còn chúng tôi mới chỉ nhập trường vừa tròn tháng (23/11/62), mong sao cho thoát 8 tuần “hành xác”, được là SVSQ mừng lắm rồi, còn thiếu úy ư? Đường trường xa! Chuyện trước mắt là lo chuẩn bị tinh thần và thể xác để nhận hình phạt, dù chúng tôi có ngòi yên như “phỗng đá” thì vẫn bị phạt. Mỗi tối trước khi đi ngủ là phải chạy, nhảy, hít đất, không có bất cứ lý do gì cũng bị phạt. Các “hung thân” chỉ trái ớt bảo là trái chuối rồi bắt tân khóa sinh ăn thì họ phải ăn, vừa tức vừa cay chảy nước mắt! Thật là vô lý!

Ngày “Ông” Tiên Đức mang cấp bậc Thiếu Úy Thủy Quân Lục Chiến*, đó là mộng ước ban đầu của tôi, tôi mon men đến chào Thiếu Úy và cố ý dò hỏi xem làm cách nào được chọn về TQLC? Ông Thiếu Úy cười, nụ cười hiền lành rất dễ thương, tâm sự:

- Sở dĩ tân khóa sinh bị phạt hành xác liên tục, không cần lý do là để luyện tập sức chịu đựng, thân thể tráng kiện, còn bị phạt những điều vô lý là tập cho biết phải tuân lệnh: “Kỷ luật là sức mạnh quân đội”, ngoài ra, cũng là để sau này ra đơn vị, là cấp chỉ huy, thì đừng bao giờ ra những cái lệnh vô lý, quái gở bắt buộc thuộc cấp phải thi hành. Vì kỷ luật, họ phải thi hành, nhưng không phục. Cấp chỉ huy phải biết lãnh đạo, làm sao cho thuộc cấp tâm phục, khẩu phục mới thành công. Đó là chủ đích của Chỉ Huy Trưởng Trần Ngọc Huyền.

*(*Khi tôi được chọn về TQLC thì Niên Trưởng Tiến Đức lại chuyển qua Không Quân. “Cố nhân” không còn dịp “phạt” đàn em, dạy đàn em đánh giặc, thật đáng tiếc!)*

Ngoài Niên Trưởng Tiến Đức, Niên Trưởng Phạm Minh Đức K16 cũng xác nhận chủ đích của Chỉ Huy Trưởng Trần Ngọc Huyền là: “Chỉ huy phải đi đôi với lãnh đạo.”

Trở lại với những Không Quân khác:

Một tên cùng lớp, cùng xóm với tôi là trực thăng Đỗ Văn Minh, không biết hẳn học khoá mấy, đơn vị nào nhưng từ sau vụ Hạ-Lào 71, chúng tôi cùng chung giới tuyến Quảng Trị, KQ và TQLC thường hay nói chuyện “trên trời dưới đất” với nhau. Phi hành đoàn của Minh biệt phái cho Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, với nhiệm vụ tiếp tế tản thương, đã nhiều lần Minh tải thương kịp thời, cứu nhiều TQLC.

Nhưng rồi TQLC được lệnh đi tiếp cứu một trực thăng bị rớt cách động Ông Đô 5km hướng Tây Bắc. Ngày thứ nhất qua đi không tìm thấy gì, ngày thứ hai thấy xác trực thăng nhưng không thấy “xác” phi công. Đơn vị tiếp tục bung rộng lục soát từng hốc đá bụi cây và rồi tôi nghe tiếng Thiếu Úy Trung Đội Trưởng báo:

- Trình thẩm quyền, thấy phi công rồi.

Người phi công, quần áo bị cháy dở dang, nằm thõ thoi thóp trong bụi rậm, kiến bu quanh vết thương đùi đã có mùi, có dòi! Đã hai ngày rồi còn gì! Vậy mà chỉ cần vài nắp bi-đông nước cho ướt cặp môi khô đang rỉ máu thì bản năng sinh tồn khiến người phi công mở mắt, nhe hàm răng, đã hai ngày không bàn chải, mỉm cười:

- Tụi mày cứu tao đây à? TQLC để tao lần thứ hai.

Thật khó khăn nhận ra nó nếu không có cái bảng tên Minh. Chính nó là trực thăng Đỗ Văn Minh đã chui vào đạn pháo binh cứu thương binh TQLC mấy ngày trước. Bức tranh huynh đệ “KQ & TQLC” này dễ thương thật.

Cũng cần thêm vào bức tranh “KQ & TQLC” này một tấm lòng của phi công chở quan... tài, anh bay C130 khứ hồi Sài Gòn Đà Nẵng chở quân, chở quan và quan tài của TQLC suốt trong thời gian SĐ/TQLC hành quân ở Vùng I. Anh bay không mệt mỏi vì nhu cầu chiến trường, tiếp tế, tải thương, bổ sung quân số. Những khi phi cơ chở đầy quan tài thì anh cho phép quan đi phép ngồi trong phòng lái. Nhờ vậy tôi mới biết thế nào là “sương tận 9 tầng mây xanh”. Anh lái chim sắt chui qua những tầng mây xám, máy bay thì rung lúc lắc, mây bay vùn vụt như đập vào mặt khiến chúng tôi nghiêng đầu tránh, chân đạp thắng, tay ôm ngực, tay bịt mồm cho khỏi bị ói khiến quan tư Trâu Điền Trần Văn Hợp chửi thề:

- Thăng Vinh Đèo mào bay như c. c...

Rồi 3 thằng bạn cùng khóa, một KQ, hai TQLC nắm tay nhau cười, nay thì Hợp ở “chín suối”, còn KQ ấy chính là Vinh Đèo Đào Quang Vinh, Florida.

Chẳng cứ phải là trực thăng Đỗ Văn Minh hay C130 Đào Quang Vinh cùng lớp, cùng khóa, cùng xóm với TQLC mới đối xử với nhau tận tình như thế, kể sao cho hết những trường hợp người không quen mặt, bạn không biết tên. KQ đã quên mình trên trời mà cứu Bộ Binh dưới đất. Tôi không có đủ khả năng để kể hết, nói lên những tấm gương sáng này, chỉ trong phạm vi nhỏ hẹp xin gửi lời cảm ơn muộn màng đến những chàng KQ không quen biết đã tiếp và cứu đơn vị chúng tôi trong những lúc nguy nan khốn đốn nhất.

Năm 1965, trên đường vào cứu đồn Đức Cơ, Kontum, Tiểu Đoàn 2 và Tiểu Đoàn 5 TQLC sa vào thế trận công đồn dã viện của VC thì những “con ma, thần sấm” đến thả bom cứu bồ TQLC. Rồi thành linh một phản lực xì khói, cánh dù bung ra trên tít trời cao! Những phản lực còn lại bỏ mục tiêu dưới đất mà bay vòng tròn bao quanh cánh dù và thả bom diệt những tràng đạn lửa phòng không dưới đất bắn lên. Nhìn cánh dù lơ lửng trên trời cao lúc chiều tà, tôi cầu mong sao cho dù bay về hướng quân ta, nhưng buồn thay, dù cứ bay xa về hướng địch trong ánh nắng hoàng hôn và mát hút ở biên giới Việt Miên! Tôi không biết người phi

công ấy là Việt hay Mỹ nhưng lòng buồn khôn tả! Trên khắp các chiến trường đã có những cánh dù như thế, họ thật cô đơn, lừng lơ trên trời chịu trận với súng phòng không địch! Còn chúng tôi dưới đất, đồng đội nằm sát bên nhau, súng đạn tấn công lại quân thù. Người phi công không bao giờ trở về! Cảnh tượng ấy in trong óc tôi, cho tới nay, khi viết những dòng này, tôi như còn trông thấy cánh hoa dù từ từ xuống thấp về phía biên giới Việt-Miên

Phản lực đi rồi thì khu trục AD6 đến, trông nó xấu trai nhưng liều ra phết, nắm chắc phi công là phe ta chứ không phải Tây, các chàng bay sát ngọn cây để tránh phòng không dày đặc để thả bom xăng ngay trên tuyến những người “anh em”, khiến họ không thành chả thì cũng thành nem nướng. Tuy nằm cách xa mà chúng tôi cũng cảm thấy nóng tới độ muốn quăn cả lông mày lẫn lông tao. Sau vài “bát” napal, AD6 vọt lên cao lại còn xịt những tràng “đui-sét” 12.7 về phía hậu làm con cháu baác đành bỏ xác bạn chạy lấy người, mặt trận trở nên yên tĩnh.

Đêm về, chúng tôi nằm ngửa mặt lên trời trên tuyến phòng thủ, nhìn ánh trăng không xuyên qua khỏi những lớp khói đạn bom, miệng há hốc vì không đủ ốc (xy) để ăn nhưng được an ủi không phải tiếp tục bóp cò và ăn pháo kích, địch đã cao chạy xa bay. Ngày hôm sau chúng tôi tiến vào tới đồn Đức Cơ thoải mái.

Cám ơn những người anh em phi công hào hoa, không có các anh tiếp đạn chắc chúng tôi sẽ vất vả lắm đấy, nhưng cho đến bây giờ vẫn không biết các anh là ai, những người cầm lái những khu trục đó?

Quay về Vùng Bốn, trận chiến trên kinh Cái Thia quận Cai Lậy vào ngày 31/12/1967, giữa Tiểu Đoàn 2/TQLC và 2 Tiểu đoàn VC (162A & 162B) không kém khốc liệt. Trục thăng vừa đổ quân ta xuống là đã bị đánh phủ đầu ngay bởi đủ mọi loại súng từ trong bờ kinh xối xả bắn ra, đạn xuyên màng tang Trung Úy Nguyễn Quốc Chính, Đại Đội Phó của tôi khiến thằng em gục ngã ngay đợt xung phong đầu tiên. Vì là ngày “hưu chiến” nên không có hỏa lực yểm trợ của KQ Hoa Kỳ khiến chúng tôi sa lầy ngoài ruộng lúa!

Rồi không biết lệnh từ đâu, hồi lâu khu trục tới, dĩ nhiên là Pilot Việt Nam cầm lái. TQLC chúng tôi thờ phào thoải mái, nằm im ghìm súng nhìn chàng AD6 chúc đầu xuống trút bom rồi nghiêng cánh sắt, lắc mình vọt lên không, không quên xịt xuống thêm vài tràng 12 ly 7.

Quá đã! Từng bụi tre trúc gốc nói chi đến đám VC, chúng bị chôn sống, đám còn lại kiếm đường chuồn! Họa vô đơn chí cho đám con chồn cháu cáo, khu trục đi thì Hỏa Long đến. Trong đêm tối, nhìn rồng phun lửa, đạn từ trên phủ xuống đầu địch như những giải lụa hồng đẹp ơi là đẹp. Chúng tôi chiếm được mục tiêu vào lúc 5

giờ sáng, ta nhìn xác địch la liệt không toàn thây bên những hố bom.

Trở về Vùng Ba, vào một sáng sớm tháng 9/68, khi sương mù còn bao phủ rừng Cầu Khởi, Hồ Bò, chín trực thăng thấy 90 anh em ĐĐ1/TĐ2/ TQLC chúng tôi xuống trắng trống rồi vụt bay đi. Nói “thầy” vì khi trực thăng còn đang lơ lửng trên không là chúng tôi phải nhảy vọt xuống rồi, không cần biết dưới đất là cái gì.

Nhiệm vụ của 90 anh em tôi là “nhảy điều hâu”, nói cho dễ hiểu là bắt chọt từ trên trời nhảy xuống đất, nếu không gặp địch thì trực thăng đến bốc về. Nếu đụng địch thì diệt, diệt không được thì cầm cự để tiểu đoàn đến tiếp sức. Trò chơi này cũng hấp dẫn lắm, lính bộ binh mà không phải lội bộ ngày 10 cây số là thú vị rồi.

Nhưng chẳng thú vị được bao lâu, vì từng đám VC, mình chúng cài đầy cành lá nguy trang đang lom khom men theo từng gốc cao su áp sát chúng tôi và hai bên súng nổ. Bài này không phải để diễn tả trận đánh của bộ binh nên cho phép tôi bỏ qua diễn tiến chuyện bắn nhau, chỉ sơ lược đại khái để độc giả thấy anh em tôi đang trong tình trạng thập tử chí nguy. Cuối cùng thì khu trực, gunship HU 1D, Cobra đã luân phiên thay nhau tác xạ vào địch quân theo lệnh “bà-già” bao che và cứu chúng tôi. Nằm ghim súng dưới đất, ngược mắt lên nhìn các cô-ba (Cobra) thân hình thon gọn với hai ống hỏa tiễn hai bên, liệng qua lách lại phóng hỏa chường xuống đầu địch

mà sương rên. Nhờ cứu bò tận tình và kịp thời mà trong số 90 anh em chúng tôi chỉ có 20 wishky (bị thương) và 8 kilô (hy sinh)! Nếu không có cô-ba, tôi chẳng còn có dịp ngồi đây viết gửi lời cảm ơn muôn màng, sau hơn 40 năm, đến các anh KQ.

Còn nhiều lắm, nhưng bấy nhiêu đó cũng đủ nói lên sự tối cần thiết và quan trọng của những chàng KQ trong cuộc chiến, một đơn vị cấp đại đội như chúng tôi mà còn cần đến KQ như thế thì những đại đơn vị tiểu đoàn, lữ đoàn, những chiến thắng to hơn thì cần sự góp sức và công của KQ cần thiết biết là bao nhiêu. Nhưng hình như các “ngôi sao” anh dũng tưởng thưởng cho các phi công thì... lơ thơ tờ liếu, “gửi gió cho mây ngàn bay”!

Dù cấp lớn hay đơn vị nhỏ, từ Gio Linh Đông Hà tới Năm Căn, Cái Nước Cà Mau, đâu đâu mỗi bước TQLC chúng tôi đi đều được “Bà Già” hay cô “Loan 19” theo sát để săn sóc sức khỏe. Nếu không có quý “bà và cô” thì chúng tôi sứt mẻ khôn lường. Một lần tại chiến trường Chương Thiện, địch xung phong đông trong khi những AD6, A37 còn bận đổ xăng thì “Cô Loan” bèn xịt xuống một hỏa tiễn khói trắng để hù, địch khựng lại trong giây lát là đủ thời gian “xi-kai-đơ” lên vùng.

Nếu như ở hậu phương, “vua” nằm chờ Hoàng hậu, sôt ruột vua phải than:

- Đêm Xuân, mỗi khắc giá đáng ngàn vàng đó ái khanh.

Thì ngoài chiến trường, lính đánh giặc chúng tôi cũng kêu:

- Cứu quân bạn, mỗi khắc giá đáng ngàn sinh mạng đó các anh KQ ơi.

Và lúc nào các anh KQ cũng sẵn sàng. Chiến thắng Cổ Thành Quảng Trị ư? Máy ai đã biết cái Cổ Thành là cái chi chi. Nếu chị không phải là người Huế, anh không quê Quảng Trị thì làm sao biết thành cao hào sâu bao nhiêu? Cao lắm không leo lên được, rộng lắm không bơi qua được, nếu không có hỏa lực KQ tiếp sức thì phải cần bao nhiêu xương và máu mới chiếm được Cổ Thành? Có máy ai biết rằng trung bình mỗi ngày có tới hàng trăm TQLC được gói poncho để dưới chân tường thành làm nấc thang cho đồng đội tiến lên và tiếp tục gục ngã!

Không biết trong số những anh KQ A.37, AD6, Gunship HU1D, Phantom, các Cô-Ba (cobras), Cô-Loan (L.19) để giúp TQLC thanh toán mục tiêu Cổ Thành thì có anh KQ nào mang tên Nguyễn Văn Úc, Nguyễn Duy Diệm, Phan Trùng, Nguyễn Xuân Huệ, Lê Hồng Triền, Định Lắc, Vinh Đèo, Lữ Minh Đức, Trục Khều, Nguyễn Văn Tổ, Minh Lỗ, Phạm Đình Khuông, Nguyễn Kỳ Phong, Nguyễn Mạnh Trinh hay không?

Ngoài những anh KQ ngoài chiến trường mà tôi yêu mến, còn có những Không Quân ở hậu phương tôi hằng kính phục, dù đã hơn 40 năm qua. Khi viết những dòng này tôi không còn nhớ quý vị ấy mang cấp bậc gì, chức vụ cao thấp ra sao mà chỉ nhớ đến những biệt danh mà thuộc cấp ưu ái dành tặng cho họ. Họ là “Anh Sáu Lèo, Anh Năm Vinh”.

Trận Mậu Thân 1968 tại Saigon, đơn vị TQLC chúng tôi “bị” đặt dưới quyền sử dụng của Tổng Giám Đốc Cảnh Sát và Giám Đốc Đài Phát Thanh. Tôi dùng chữ “bị” vì một lính tác chiến rất ngại đến gần, nói thẳng ra là không có cảm tình với mấy ông quan to ở thành phố, nhưng sau một thời giam làm việc dưới quyền của các ông, mọi ác cảm trong lòng tôi phải nhường chỗ cho sự kính phục.

Dù ở chiến trường hay hậu phương và nhất là sau ngày 30/4/75 ở trong tù, tôi thấy các anh, những cái tên KQ quen thuộc vẫn giữ được phong thái phi công hào hoa và quả cảm của những chàng Không Quân Việt Nam Cộng Hòa. Nhân dịp Đại Hội KQ.64 ABCD xin chân thành gửi đến tất cả các anh lời cảm ơn đã SOL chúng tôi, “Save Our Lives”, cứu chứ không phải bán sol. Huỳnh đệ chi binh QLVNCH chẳng bao giờ bán nhau. Chúc các anh khỏe mãi để bay bổng và chúc quý vị “lái phi công” luôn điều khiển được những con chim sắt, bắt chim... sắt phải nghe lời./.

Saigon 68 Và “Ông Sáu Lèo”

Với lối sống hòa đồng và thân thiện, phong cách chỉ huy rất sát với thuộc cấp nên Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, “bị” đặt cho một tục danh “Ông Sáu Lèo”, cái tục danh quá ư là bình dân, nhưng lại được thuộc cấp gọi với tất cả tấm lòng thương mến và kính phục. Tôi xin theo các thuộc cấp của Ông để được dùng danh xưng “Ông Sáu Lèo” trong bài viết này.

Khoảng trung tuần Tháng 6/2017, cựu Đại Úy Quang Đan chánh văn phòng Thiếu Tướng Tư Lệnh Binh Chung TQLC/VN gọi điện thoại báo cho tôi biết có toán truyền hình người Mỹ muốn tìm hiểu thêm về việc Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn tên đặc công VC Bảy Lốp vào dịp Tết Mậu Thân 1968 tại Chợ Lớn, Đan nói:

- Trường đại học Mỹ ở Texas (Briscoe Historical - University of Texas) tài trợ cho Mr Douglas Sloan cùng một toán chuyên viên truyền hình để quay cuốn phim Saigon-68. Họ đang tìm những TQLCVN đã tham dự trận đánh ở Chợ Lớn trong Tết Mậu Thân để hỏi về vụ Tướng Loan bắn tên VC Bảy Lốp, vậy anh có muốn “đóng phim” không?

- Lại truyền thông Mỹ ! Khi còn sống Ông Tướng đã bị truyền thông và phản chí ến Mỹ phê bình gay gắt về bức hình này rồi, nay ông đã mất, họ cần gì nữa, hay lại muốn đóng thêm cái đinh vào quan tài của Ông chẳng?

- Không phải đâu, họ muốn tìm hiểu thêm sự thật để trả lại công bằng cho Ông. Tôi nghĩ anh nên tham gia, ít nhất cũng cần một vài tiếng nói của chúng ta, những TQLCVN đã chứng kiến hoặc biết ít nhiều về vụ này. Tôi sẽ giới thiệu anh với cô Thúy Lan, một người trong toán quay phim và cũng là thông dịch viên, nếu anh muốn.

Chuyện Ông Sáu Lèo bản tên đặc công VC Nguyễn Văn Lém (tự Bảy Lốp) bị phóng viên Adams chụp hình đã qua nửa thế kỷ rồi (1968-2017), truyền thông và phản chiến Mỹ đã làm Ông Sáu Lèo “lao đao” khi còn sống. Lúc Ông Sáu qua đời, ông Adams gửi vòng hoa phúng điếu đến gia đình Thiếu Tướng Loan, với lời xin lỗi chân tình:

- *Tôi xin lỗi ông. Nước mắt đang dâng tràn trong mắt tôi.*

Khi còn sống Ông Sáu giữ im lặng trước làn sóng phê bình chỉ trích, ngày nay Ông đang ở trên chôn bình yên, một lời xin lỗi hay trăm lời khen chê, chẳng ý nghĩa gì đối với Ông, nhưng “một nửa sự thật” còn lại rất cần thiết để làm sáng tỏ thêm chính nghĩa, tính nhân bản trong công cuộc chống cộng của đồng đội ông, của thuộc cấp ông nói riêng và Quân Đội VNCH nói chung. Vì vậy tôi đồng ý với đề nghị của Đan để nói với toàn quay phim Saigon.68 những gì chúng tôi nhìn tận mắt, nghe tận tai, tay sờ vào sự thật. Tôi nói với Đan:

- Nếu thế thì được, bạn nói cô Thúy Lan liên lạc với tôi và cho biết qua sự việc.

Vài ngày sau tôi nhận được email của cô Thúy Lan:

* * *

ThuyLan Phan <phanthuylanabc@gmail.com>

To: CAP TO

Jul 20 at 9:24 PM

Kính gọi bác To Van Cap,

Tên của phần đầu cuốn phim là Saigon-68. Có thể để tên này, hay có thể thay đổi.

website: www.Saigon68.com

This is the first part of the film: <https://vimeo....>

Password: ...

- Đây là về ông Douglas Sloan: <https://...>

- Funding, tài trợ cho cuốn phim tu:

1. Sundance

2. Briscoe Historical - University of Texas.

Cuốn phim này để nói lên sự thật về Tướng Nguyễn Ngọc Loan...

Xin hẹn gặp bác tại...

Cam ơn bác

Thuy Lan

* * *

Sau vài lần trao đổi thêm tin tức , tôi đồng ý gặp Cô Thúy Lan, ông Douglas Sloan và toán chuyên viên quay phim. Trong buổi tiếp xúc sơ khởi này ông Douglas và cô Thúy Lan xác định mục đích và trao đổi với chúng tôi những công việc làm cho buổi quay phim chính thức . Sau khi được biết mục đích là tìm hiểu sự thật để trả lại công bằng cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan , tôi nhận lời sẽ tham dự buổi phỏng vấn quay phim.

nhu ra lệnh cho binh sĩ tấn công vào mục tiêu khiến Ông Douglas Sloan ngỡ ngác vì cô Thúy Lan phiên dịch không kịp, nên Ông Douglas thường ra dấu cho tôi “Stop talking” để ông đặt câu hỏi.

Vì quay phim nên mọi động tác phải phù hợp với chuyên môn và thời gian nên họ stop tôi là đúng, nhưng đối với tôi thì đây lại là một trở ngại lớn khiến tôi không nói được, chưa nói hết những điều cần phải nói, thôi thì tôi đành phải viết ra giấy kể đầu đuôi để tường trình cùng đồng nghiệp và may ra góp thêm được chi tiết nào có thể trả lại sự công bằng cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan.

* * *

Trước tiên là xin nhắc qua về Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến (TĐ2/TQLC) tham dự trận chiến Mậu Thân tại Sài Gòn:

Vào giờ phút thiêng nhất của dân tộc Việt Nam, đêm giao thừa Tết Nguyên Đán Mậu Thân 1968, VC vi phạm lệnh hưu chiến, đem quân đánh chiếm nhiều thành phố miền Nam VN, trong đó có Sài Gòn! Sáng Mồng Một Tết, TĐ2/TQLC được trực thăng Chinook bốc từ Cai Lậy rồi đổ quân xuống ngay sân cờ của Bộ Tổng Tham Mưu. Sau một ngày, một đêm giải tỏa xong các toán đặc công VC đã xâm nhập vào BTTM thì TĐ 2/TQLC được tăng cường cho Tổng Nha Cảnh Sát, dưới quyền chỉ huy

của Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan để thanh toán VC đang chiếm khu vực chùa Ấn Quang.

Khi chúng tôi đến nơi thì thấy súng nổ giữa Cảnh Sát Dã Chiến và VC, khói lửa ngút trời, đồng bào đang tìm cách thoát ra khỏi vùng lửa đạn. Trong tình trạng hoảng loạn, họ mang theo bất cứ thứ gì có thể cầm tay như manh chiếu, cái chổi, cái nồi mà quên tài sản quý giá. Tài sản quý giá nhất của đồng bào là con người đã bị VC cướp mất, đó đây, những xác người nằm bên vũng máu!

Đại Đội 1 của tôi và Đại Đội 4 của Đại Úy Vũ Đoàn Dzoan được lệnh bao quanh khu vực các con đường Bà Hạt, Vĩnh Viễn, Trần Nhân Tôn, Minh Mạng, Nguyễn Tri Phương v.v.. để xiết chặt vòng vây quanh chùa Ấn Quang, nơi VC cố thủ.

Vì khu vực có dân nên chúng tôi không được phép dùng pháo binh hay không quân mà chỉ có vũ khí cá nhân để tiến vào nơi địch đang cố thủ trong những căn nhà kiên cố nên đành “chấp nhận thương đau”, vài đồng đội đã nằm xuống! Sau nhiều giờ kiên trì kêu gọi địch đầu hàng và dùng lựu đạn cay, lựu đạn khói (không sát thương, nhưng cay mắt, khó thở) khiến toán VC trong chùa Ấn Quang buộc phải nhảy qua tường bỏ trốn.

Trung Đội 41/ĐĐ4 của Th/Úy KCC đã bắt được vài tên, trong đó có một tên mang súng lục K 54 (loại súng của cấp chỉ huy), trong người hắn còn dấu bản đồ có vẽ

những vị trí quan trọng trong thành phố Saigon cần phải đánh. Biết đây là tên chỉ huy nguy hiểm, tên gây chết chóc khu vực chùa Ân Quang và sẽ còn những nơi khác nữa nên Th /Úy KCC vội giải giao hấn lên Ban 2 Tiểu Đoàn và Tr/Tá TĐT/TĐ2 giao tên này cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, đang chỉ huy cuộc hành quân tại đây, để kịp thời điều tra ngăn chặn âm mưu đánh chiếm của chúng ở những nơi khác có đánh dấu trên bản đồ. Tên chỉ huy này chí nh là đặc công, là khủng bố Nguyễn Văn Lém, tự Bảy Lốp. Hấn đã bị Tướng Loan bắn.

Khi nhìn tấm hình Tướng Loan và Bảy Lốp, trước đây nhiều người cũng có câu hỏi tương tự như Ông Douglas hỏi tôi trong những lần tiếp xúc này:

- Vì sao Ông Loan lại bắn Bảy Lốp khi hấn đã bị bắt?

Tôi hiểu ý Ông Douglas muốn tìm một sự thật rõ ràng trong vụ này để trả lại “công bằng” cho Tướng Loan nên tôi cũng phải nói thật, không vì bênh vực cho ai mà nói sai tình hình tại chỗ lúc đó:

Việc dí súng dọa bắn một tù binh để khai thác tin tức là chuyện bình thường nơi chiến trường, nên khi nghe tiếng súng nổ ai nấy đều ngạc nhiên giật mình.

Tôi đứng trong đám đông xung quanh Bảy Lốp, đang nói chuyện với anh Trương Tấn Bảo, nhiếp ảnh gia phòng Giáo Nghiệm của Tổng Nha Cảnh Sát, (Anh Bảo luôn đi theo Ông Tướng để chụp hình thời sự), thì bắt

ngờ nghe tiếng nổ , cả hai quay lại thấy ... nhưng không biết vì sao Ông Sáu Lèo lại bắn , sự việc xảy ra quá nhanh, nhanh như một tai nạn . Chẳng bao giờ có cái vụ : “Ông Loan mời báo chí đến chứng kiến phiên tòa xử tội” như một số cây viết tưởng tượng ra cho có vẻ lâm ly bi đát, tàn ác dã man kiểu “tòa án nhân dân” . Sự thật chỉ là một tiếng nổ bất ngờ và một người ngã xuống như hàng chục anh em TQLC của tôi ngã xuống , như hàng trăm người dân ngã xuống giữa hai làn đạn giao tranh trong đó có nhiếp ảnh gia Trương Tấn Bảo**

(**Khi VC tấn công Saigon đợt hai , sáng 28/5/68, chúng xâm nhập vào cư xá Phú Lâm A , nơi anh chị Bảo cùng “Ngũ Long Công Chúa” cư ngụ , anh vội bảo chị và các con lánh nạn vào nhà thờ trên đường Lục Tỉnh , còn anh ở lại... Khi im tiếng súng , chị và các con trở về nhà thì thấy Anh Bảo nằm trên vũng máu , hai tay bị trói , vết đạn ở cổ họng , ở bụng, máy hình bẻ nát bên cạnh xác anh!)

Nhiếp ảnh gia Adams được giải thưởng Pulitzer , được nổi tiếng vì chụp hình Ông Loan bắn đặc công , khủng bố (IS) Bảy Lốp , còn nhiếp ảnh gia Trương Tấn Bảo chưa chụp được hình các đồng chí của Bảy Lốp , đoàn quân “Giải Phóng” thì anh “được” giải thưởng 2 viên kẹo đồng và s ọt giấy thùng kèm theo nước mắt cùng những tiếng nấc nghẹn của vợ con ! Nỗi kinh hoàng đó nào ai hay ai biết , nhưng niềm đau kéo dài mãi , bám

theo những người thân yêu của Anh Bảo cho tới ngày nay!

Hai nhiếp ảnh gia , một năm xuống, một vinh quang cũng vì tấm hình!

Nếu chỉ nhìn phía trước tấm hình của ông Adams rồi trả lời câu hỏi “vì sao Tư ớng Loan bắn... “thì chưa đủ , mà phải nhìn kỹ “phía sau” thì mới có cái nhìn chính xác và công bằng hơn.

Mỗi tấm huy chương đều có hai mặt , “mặt trước” màu vàng óng ánh chiến thắng vinh quang , “mặt sau” màu đỏ là do máu chảy ra từ thân xác của đồng đội và thuộc cấp đọng lại . Người mang huy chương hưởng tiếng khen : “Giỏi” của đ ám đông rồi cười sung sướng . “Kẻ” tạo huy chương thì nằm lại đâu đó trong xó rừng góc núi, không còn nghe được tiếng nấc nghẹn của người thân yêu!

Nếu nhìn phía trước tấm hình rồi hỏi : “Vì sao Ông Loan bắn Bảy Lốp” thì cũ ng nên lật “phía sau” tấm hình rồi hỏi:

- Vì sao Bảy Lốp có mặt tại Saigòn , mang K54 vào chùa ngày Tết Nguyên Đán?

- Vì hắn là một tên khủng bố , một tên “ISIS”, không phải là một tù binh chiến tranh.

- Vì sao trong giờ phút thiêng liêng của dân tộc Việt đang đốt pháo , dâng hương , cúng tế tổ tiên ông bà thì

súng VC nổ thay pháo , VC đốt nhà thay đốt nhang , thay vì con cháu mời tổ tiên về thì con cháu lại xách quần áo chạy giặc?

- Vì sao 10 người trong gia đình ông Tuấn gồm ông bà cha mẹ con cháu đang quây quẩn bên mâm cơm ngày Tết thì bị đồng chí của Bảy Lớp cắt cổ , chỉ một bé trai thoát chết? Bé trai, con ông Tuấn ngày ấy , nay đang là một quân nhân trong quân đội Hoa Kỳ, đó là một nhân chứng sống cho sự thật mà Ông Douglas có thể tiếp xúc dễ dàng.

- Vì sao có “vành khăn tang cho Huế” ? Hàng mấy chục ngàn người dân bị đồng chí của Bảy Lớp tàn sát trong ngày Tết Mậu Thân 1968?

Xin mang lên bàn cân , một bên xác hàng ngàn dân vô tội và một bên là tên đặc công Bảy Lớp rồi trả lời những câu hỏi “vì sao” ở trên thì mới chính xác và công bằng.

Ngoài những sự thật kể trên mà ai cũng thấy dễ có thể trả lời, thì cũng cần biết thêm Ông Sáu Lèo có phải là một người hiếu sát như truyền thông phản chiến kết tội không? Tôi là TQLC nhưng lại “bị” đặt dưới quyền Ông hai lần nên tôi thấy cần nêu ra một vài điểm khác lạ của Ông Sáu Lèo.

Lần thứ nhất: Tháng 5/1966 tại Huế.

Hẳn quý độc giả còn nhớ vào khoảng Tháng 5/1966 xảy ra vụ “Bản Thờ Phật Xuống Đường” ở Đà Nẵng và Huế khiến tình hình an ninh miền Trung bị đất . Sau khi Trung Ương đã thay vai vị Tư Lệnh Vùng I mà vẫn chưa ổn định được tình hình mà nguy cơ Miền Trung biến thành “trái độn” hay “vùng tự trị” thì Trung Ương mới đưa Ông Sáu Lèo giải quyết . Kết quả thế nào không cần nhắc lại mà tôi xin kể việc ít người biết:

Hai Tiểu Đoàn 1 và 2 TQLC được đặt dưới quyền điều động của Ông Sáu Lèo . Khi các con đường trong thành phố bị bản thờ Phật “xuống đường” khiến lưu thông tê liệt , Ông Sáu ra lệnh cho TQLC giải tỏa với mệnh lệnh phải triệt để thi hành là:

- Mọi quân nhân trước khi thi hành nhiệm vụ phải vái lạy bản thờ 3 lần rồi mới được phép khiêng bản thờ vào hai bên lề đường, tuyệt đối tránh mọi hư hại.

Lệnh từ Tr /Tá Chiến Đoàn Trưởng Nguyễn Thành Yên xuống cho Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 2 là Th /Tá Lê Hằng Minh rồi xuống đến Đại Đội Trưởng ĐĐ 4 là Đ/Úy Nguyễn Xuân Phúc nên tôi là Th /Úy Trung Đ ội Trưởng cứ thế mà thi hành.

Khi chúng tôi đang lui cui vái lạy và khiêng từng chậu hoa, thùng nước (dưới mỗi bản thờ đều có 1 thùng

nước, không biết để làm gì) và tượng Phật vào lễ đường thì Ông Sáu Lèo lại xuất hiện và nhắc nhở:

- Các chú phải cẩn thận, phải thật cẩn thận, nhớ vái 3 lạy.

Từ một vị chỉ huy cao cấp , Ông Sáu đã xuống đến tận nơi đơn vị thì hành cấp thấp nhất để trực tiếp nhắc nhở và kiểm soát, điều này chứng tỏ Ông Sáu lo lắng đến tài sản của dân , đặc biệt là tôn trọng tín ngưỡng , dù tôi không biết Ông theo tôn giáo nào.

Chiều tối đã tới giờ lên đèn mà Huế như một thành phố chết, không ánh sáng điện đường , không người và xe cộ qua lại , chỉ có những đèn “hột vịt” , đèn cầy (nến) lập-lòe giữa lòng đường như những bóng ma , thấy mà rợn người.

Trung Đội 43 của tôi cứ theo y lệnh mà giải tỏa từ đầu đường Trần Hưng Đạo tới cuối đường, dọn đến giữa, nhìn lại phía sau thì thấy đèn nến lại xuất hiện , bàn thờ Phật lại “xuống” đường ! Dọn đến cuối thì đèn nến đuổi đến giữa, đến sát sau lưng , phải dọn lại , làm lại từ đầu ! Quân và dân cứ như chơi trò “núp -tìm”, buồn mà phải cười. Giữa khuya , “đêm không ngủ” , bao tử hành ! Giá như dưới bàn thờ có xôi chuối thì cũng đỡ. Trời đã sáng rồi mà vẫn chưa xong khiến ĐĐT (Đ/Úy Phúc) thúc giục trong máy truyền tin:

- C.. Sao lâu thế ? Nhanh lên, xong rồi thì đi chuyển về khu chợ Đông Ba.

- Trình Thẩm Quyền chưa xong , dọn rồi họ lại bày ra, giống như bắt cóc bỏ đĩa.

- Không cần biết, ông làm sao thì làm để còn giải tỏa khu vực khác.

Đây là cái lệnh mà các cấp dưới ở chiến trường thường gặp. Mỗi khi trình lên cấp trên tình thế khó khăn , thay vì tìm hiểu tình hình và giải pháp thì thượng cấp ở tít mù xa , ở trên mây thường ra lệnh ngắn gọn : “Không cần biết, phải chiếm cho được mục tiêu bằng mọi giá” ! Cái “mọi giá” ấy thường là những máu và nước mắt.

Lệnh trên bảo : “Làm sao thì làm” nên tôi làm theo ý tôi, cho gom bàn ghế , tủ thờ lại , làm vòng rào kẽm gai , gài thêm vài trái vài trái lựu đạn M 26 xung quanh kèm theo miếng giấy vẽ cái sọ và hai cái xương bắt chéo rồi ghi: “Nguy Hiểm Chết Người, Không Được Đến Gần”.

Chả hiểu “thầy” bà hay ma quỷ (VC) xúi mà chỉ trong chốc lát đám đông kéo đến biểu tình la hét:

- Đả đảo lính Thiệu Kỳ giết dân, đả đảo, đả đảo.

TQLC chúng tôi đã quá quen cảnh đả đảo này trong mấy ngày trước ở trong Đà Nẵng rồi nên cứ “mackeho” , nhưng thật bất ngờ thấy xe jeep Cảnh Sát Dã Chiến chạy đến và Ông Sáu Lèo bước xuống . Thấy Ông đồng bào

càng la hét mạnh hơn. Ông nhìn mấy trái lựu đạn gài rồi cau mặt mắmg, đũ cho một mình tôi nghe:

- Ai bảo chú mày làm vậy? Nguy hiểm quá, lữ bọn lữ khai vin vào cớ này làm lựu đạn nổ , chết dân là chú “chết” theo, gỡ mấy trái lựu đạn kia ngay đi.

Sau khi trình bày cho Ông biết tình trạng “bắt cóc bỏ đũa” rồi tôi dẫn Ông đến sát hàng rào , ngay bên trái lựu đạn rồi nói nhỏ:

- Tôi hù thôi, lựu đạn đã rút ngòi nổ rồi.

Sau đó tôi móc trong túi áo ra cho ông thấy mấy cái ngòi nổ, cỡ cái đũa, dài hơn nửa ngón tay, Ông nháy mắt hiểu ý, nhưng bảo tôi gỡ lựu đạn đi , xong ông dùng loa kêu gọi:

- Đồng bào đừng mang bàn thờ ra đường nữa , làm như vậy là đồng bào cản trở lưu thông , tự hại mình, nếu tái diễn chúng tôi sẽ tịch thu.

Những bàn thờ , tủ, kệ thuộc loại gỗ quý , chẳng ai dám phỉ của nhưng vì lệnh của “thầy” , loại thầy dùi , không nghe thì thầy dùng dùi đục lỗ tai nên đồng bào buộc phải làm theo , nay Ông Sáu ra lệnh : “đẹp”, thế là đẹp rồi, mau mau khiêng bàn, tủ vào nhà.

Ông Sáu là Tư Lệnh Cảnh Sát , vị chỉ huy cao cấp nhất có nhiệm vụ ổn định tình hình Miền Trung r ối loạn, Ông có nhiều việc quan trọng phải đối phó , việc Ông đích thân xuống đến cấp thấp nhất đ ể ra lệnh chi tiết ,

kiểm soát là một chuyên khó tin nhưng có thật , và cũng rất “khó chịu” đối với cấp thừa hành là chúng tôi . Đó là vì ông muốn các cấp phải triệt để thi hành đúng lệnh tôn trọng tín ngưỡng, tính mạng và tài sản của dân.

Lần thứ nhất 1966 tại Huế là vậy , còn lần thứ hai năm 1968 tại Saigon thì sao?

Sau khi giải tỏa xong khu vực chùa Ấn Quang và vụ Bảy Lốp , TĐ2/TQLC được lệnh biệt phái một đại đội cho Tổng Nha Cảnh Sát. Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng chỉ định tôi dẫn ĐĐ1 đi theo Ông Sáu.

Thú thật là tôi không thích nhiệm vụ này chút nào , thà đi hành quân chung với tiểu đoàn còn hơn bị biệt phái. Kinh nghiệm cho biết mỗi khi bị biệt phái đến nơi nào thì nơi đó họ “hành” quân (biệt phái) chết bỏ, vất chanh vút vỏ , nay lại phải dẫn quân chạy theo Ông Tướng Cảnh Sát, Ông chạy đi đâu là TQLC phải “chầu” theo đó khiến tôi chán vô cùng ! Ông chạy như con thoi , “nơi nào cần thì Ông có, nơi nào khó có Ông”. Ông mặc áo giáp phanh ngực , đầu không nón sắt , vác cây súng đúng tác phong của một chú lính “ba gai”.

Ông nhảy lên xe jeep cùng Cảnh Sát Dã Chiến (CSDC) chạy trước, 4 xe GMC chở anh em TQLC chúng tôi theo sau, chạy lung tung khắp nơi , khi Ông đến điểm nóng nào đó thì tôi phải cho quân xuống xe ngay để bố trí chuẩn bị , thế rồi Ông lên xe jeep chạy đi , nhiều khi

chúng tôi theo không kịp , lại phải liên lạc tới lui khiến tôi bực mình.



Tướng Sáu Lòo Nguyễn Ngọc Loan

Một buổi xế trưa đầu Tháng 5/1968, Ông dừng xe tại ngã ba đường Nguyễn Du và Công Chúa Huyền Trân (đường phía sau Dinh Độc Lập), Ông gọi tôi đến đưa tay chỉ cái “biu-đỉnh” cao khoảng 8 tầng, đang xây dở dang, nằm ngay bên hông Dinh Độc Lập , tại góc đường Nguyễn Du và Nguyễn Trung Trực, Ông nói:

- Trong cái biu-đỉnh kia còn một toán VC mà CSDC của “môi” chưa thanh toán được , liệu “tôi” có thể giúp “môi” giải quyết được không? Điều quan trọng nhất là làm sao bắt sống được tụi nó.

Ông là cấp Tướng chỉ huy , tôi là cấp Ủy biệt phái , lệnh Ông ra là tôi phải thi hành , nhưng kết quả đạt được như thế nào còn tùy thuộc vào tình hình “địch , bạn”. Địch chưa biết , nhưng “bạn” thì có CSDC . Ông Tướng Cảnh Sát lại thân mật “toi-moi”, thay vì chỉ tay 5 ngón ra lệnh, Ông hỏi ý kiến thân tình : “Liệu toi có thể giúp moi...” nên tôi cảm thấy vui vui , cần phải nghĩ cách “giúp” Ông.

VC cố thủ trên biu-đỉnh cao tầng ngó vào ngay Dinh Độc Lập thì nhức nhối và nguy hiểm quá . Các anh CSDC đã cố gắng hết mình mà chưa chiếm được lại còn bị tổn thất nên Ông Tướng mới dùng TQLC giúp . Tiêu diệt thì dễ như g cái khó là Ông yêu cầu phải bắt sống . Bắt sống VC mà lính tôi chết thì sao đây? Nhưng vì danh dự của “Trâu Điên” , của Binh Chung , tôi phải cố gắng . Để giảm thiểu thiệt hại tối đa, tôi trình Ông:

- Thừa Thiếu Tướng, Chúng tôi sẽ cố gắng bắt sống , nếu họ muốn sống , còn nếu họ muốn chết khiến lính tôi chết theo thì đó ngoài ý muốn . Chúng tôi đã có mặt nạ , áo giáp, và khói màu rồi , xin CSDC cung cấp thêm lựu đạn cay và bao vây xung quanh..

Ông Tướng cam kết sẽ có lựu đạn cay ngay , còn bao vây thì CSDC đã siết chặt rồi . Hoi cay và khói màu không phải vũ khí sát thương nhưng sẽ làm cay mắt , ngộp thở, vì bản năng sinh tồn , địch phải tìm cách thoát thân.

Một yếu tố tâm lý hết sức quan trọng khi chúng tôi đi vào chỗ chết để bắt sống VC trước con mắt chăm chú theo dõi của Ông Tướng Cảnh Sát, của anh em CSDC và của đồng bào khiến Th/Úy Huỳnh Vinh Quang điều động trung đội tiến vào mục tiêu như đóng phim, anh em Trung Đội 14/ĐĐ1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: bắt sống 6 tên VC trong tình trạng ngỡ ngàng, lão đảo say khới màu như say thuốc lào 888(**).

(**Ngày N/7/2017 khi gặp cựu Đại Tá Cảnh Sát Trần Minh Công tại chùa B .Q.. để Mr Douglas Sloan phỏng vấn và quay phim về Thiếu Tướng Loan, tôi có nhắc lại vụ bắt sống VC này với Đại Tá Công thì Ông ngạc nhiên và thích thú nói: “Không ngờ nửa thế kỷ sau, chúng ta gặp nhau ở đây, ở Saigon Nhỏ tôi mới biết người giúp chúng tôi bắt sống toán VC ngày ấy tại Saigon Lớn lại là anh”).

“Giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh”, VC vào thành, nhiệm vụ của CSDC và các quân binh chủng là phải hành quân giải tỏa, điều đáng chú ý ở đây là lệnh của Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan: “Bắt sống tụi nó”. Điều này chứng tỏ Ông quý mạng sống của con người, dù người đó là thủ phạm gây ra bạo loạn, chiến tranh chết chóc, những người đó sẽ bắn Ông và họ đã bắn Ông!

Ai Bắn Vào Chân Ông Sáu Lèo?

Ông dẫn đầu mấy xe jeeps CSDC , 4 xe GMC chở TQLC chúng tôi theo sau , đoàn xe dừng lại trên đường Nguyễn Bình Khiêm , đoạn nằm giữa hai con đường Phan Đình Phùng (có đài phá t thanh) và Phan Thanh Giản (có cây cầu xi măng bắt đầu của xa lộ Saigon -Biên Hòa), trong khi anh em TQLC chúng tôi đang xuống xe thì Ông và mấy anh CSDC đi vào con hẻm dẫn xuống xóm nhà sàn nằm dọc bên bờ kinh , vài phút sau tôi nghe mấy tiếng “cắc-bù, cắc-bù”.

Nghe “cắc-bù” là tôi biết tiếng súng của VC nên tôi vội ra lệnh cho anh em TQLC nhanh chóng dàn quân tiến vào khu nhà sàn thì cũng là lúc gặp mấy anh em CSDC khiêng Ông ra . Tôi nhìn Ông Sáu sững sờ, không thể ngờ chuyện lại xảy ra nhanh như thế ! Ông là một cấp tướng, mà bị thương như những anh em khinh binh , anh em tiền sát ngoài chiến trường mới thường gặp phải.

Ông ngồi trên bốn cánh tay của hai anh CSDC đan vào nhau , máu thấm ra từ một trong hai chân thõng xuống đong đưa. Tôi biết ông bị thương vào chân, nhưng chắc không sao , bị nhẹ thôi , vì Ông không có vẻ gì là đau đớn cả.

Chúng tôi cẩn thận tiến vào và lục soát hết những căn nhà sàn dọc bờ kinh , không súng nổ , có lẽ vài tên du kích lợi dụng lúc nước con kinh dâng cao nên chúng đã

lặn mất tiêu rồi , chỉ tìm thấy một tên bị thương nặng đang thoi thóp chờ chết trong một góc nhà sàn , tên này đã bị thương ở đâu đó được đồng bọn mang về đây cất giấu trước khi Ông Sáu và CSDC tiến vào lục soát.

Quân Đội VNCH đã có những vị tướng bị tử thương ngoài chiến trường khi các vị này điều động quân sĩ từ trên trực thăng, nhưng một vị tướng mà bị thương trong nhiệm vụ của một “tiền sát viên” như trường hợp của Ông Sáu Lèo thì chưa bao giờ xảy ra , một chuyện khó tin nhưng có thật . Chính vì khó tin nên một vài bản tin của những ông ký giả “giả” không tận mắt chứng kiến đã tưởng tượng ra những tình khúc lâm ly bi đát , nào là một tên VC núp dưới chân cầu Saigòn dùng súng có ống nhắm bắn Ông , nào là một giới chức cao cấp Mỹ (CIA) từ trên trực thăng , muốn giết Ông v .v.. toàn là những chuyện tưởng tượng, nhưng họ đã viết như thật!

Ngoài chiến trường, thành phần bị thương, tử thương nhanh nhất và nhiều nhất chính là các anh em trong tổ tiền sát, trong các tiểu đội trung đội đại đội đi đầu . Ông Sáu Lèo là Tư Lệnh Cảnh Sát cứ phong -phong dẫn đầu toán CSDC đến những điểm nóng có VC ẩn núp trong thành phố thì lại là chuyện khác, vì Ông Sáu không những là cấp chỉ huy mà còn là người lãnh đạo . Người lãnh đạo luôn sát cánh với thuộc cấp trong mọi hoàn cảnh, đồng lao cộng khổ làm gương khiến cho thuộc cấp tâm phục khẩu phục.

Ông Sáu Lèo là người như thế , không ai hiểu rõ tài chỉ huy và lãnh đạo của Ông Sáu bằng chính thuộc cấp của Ông. Cựu Đ/Tá Cảnh Sát Trần Minh Công nói:

- Chúng tôi biết rõ tài năng của cấp chỉ huy của chúng tôi, vì sao Ông chỉ huy như thế , chúng tôi hiểu tâm lòng của Ông nên kính nể Ông.

Gọi Ông bằng biệt danh “Sáu Lèo”, với người lạ, có vẻ khó nghe, nhưng giữa Ông tướng và các thuộc cấp của Ông thì đây là cái tên thân mật mà chính Ông thường vui vẻ khi nghe gọi như vậy.

Là một TQLC, chưa từng là thuộc cấp trực tiếp của ông trong Không Quân hay Cảnh Sát, đơn vị tôi bị biệt phái theo Ông đ ôi lần, tuy hoàn thành nhiệm vụ , nhưng không được Ông khen hay cho huy chương , vậy mà khi nghe tin Ông Tướng ra đi ở miền Đông, tôi ở miền Tây nói thầm: “Chúc Ông Sáu Lèo thượng lộ bình an về nơi vĩnh hằng”.

Cố nhiếp ảnh gia người Mỹ Eddie Adams lừng lẫy và người lính TQLC m ặt vận cựa tù lưu vong như tôi, dĩ nhiên khác nhau, nhưng hình như vẫn có chút tương đồng:

Đó là cùng kính trọng Ông Tướng Nguyễn Ngọc Loan, không chỉ kính trọng mà còn yêu quý ông./.

HÔNG ĐÀ LẠT CÓ GAI!

Trước khi nhập học Khóa 19 Trường Võ Bị thì tôi đã có dịp đến và ở Đà Lạt nhiều lần. Sau khi tốt nghiệp Võ Bị, được về Binh Chung Thủy Quân Lục Chiến, tôi có dịp “đi thăm” mọi miền đất nước, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau. Mỗi địa phương đều có phong cảnh đẹp, thời tiết và người dân dễ thương khác nhau, nhưng nếu được chọn nơi sinh sống, làm việc và dưỡng già thì tôi không cần suy nghĩ, trả lời ngay: ***Đà Lạt.***

Đà Lạt thời tiết dịu mát quanh năm, có thác Cam Ly, thác Prenn, có hồ Xuân Hương, hồ Than Thở và nhất là có “Suối Vàng” nữa, nơi mà ai cũng mong được đến sau

khi ra đi. Người Đà Lạt lịch sự hiền hòa, dễ thương vì là nơi quy tụ các quân trường hiện dịch, những chàng sinh viên sĩ quan (SVSQ) làm thành phố thêm đẹp, má các em thêm hồng. Đà Lạt có trường nữ trung học Bùi Thị Xuân nổi tiếng với Hoa đẹp. Hoa Đà Lạt muôn màu muôn sắc nhưng tôi yêu nhất là Hồng. Hồng là lý do khiến tôi muốn chọn Đà Lạt làm nơi dừng chân, tìm tổ ấm sau khi “trở về trên đôi nạng gỗ”.

Nhưng đó là Đà Lạt trước 30/4/1975, sau ngày mất nước (30/4/75) thì thác Cam Ly cạn khô, nhô lên những tảng đá đen sần sùi nằm chung cùng chất phế thải, sân Cù không còn nữa, buồn như cù. Sân Cù là một ngọn đồi cỏ mịn xanh mượt, dốc thoải thoải, nằm sát bờ hồ Xuân Hương, nơi hò hẹn lý tưởng của những đôi trẻ yêu nhau, dìu nhau leo dốc, ngồi dựa vai dưới gốc thông già, nhìn xuống mặt nước hồ trong xanh soi bóng, soi hình mình trong mắt em thì thầm tính chuyện tương lai. Vậy mà nay chúng bao vây, che kín sân Cù, cấm người dân lai vãng đến gần, vì đó là sân gâu (golf).

Chúng che kín sân Cù để cán bộ cao cấp trung ương cùng tư bản đồ tới giải trí chơi trò “banh lỗ”. Người bình dân Việt hỏi nhau “banh lỗ” chơi thế nào thì không ai biết, còn đảng viên CC (cao cấp) và chuyên viên kinh tế xuất cảng cô dâu sang xứ Đài (Loan), xứ Hàn thì tùm tùm cười.

Đà Lạt của tôi đã chết rồi! Mộng ước bình thường tìm một nơi yên tĩnh để nghỉ ngơi cũng không được, thôi đành tìm về dĩ vãng, sống với kỷ niệm thời trai trẻ, sống với Đà Lạt thập niên 1960-1970 đầy thơ mộng và yêu thương.

Hè 1957, tôi bị đi nghỉ mát ở Đà Lạt. Gia đình tôi chẳng khá giả gì mà phung phí tiền bạc, nhưng tôi bị đi chỉ vì có chị ruột trên đó. Anh Cả tôi muốn tách tôi ra khỏi đám bạn bè yêu quái cứ đàn đúm với chúng ngoài bờ sông Khánh Hội, tối ngày nghịch ngợm leo lên tàu, bờ-lông-nhông (nhảy) xuống sông, chẳng chóng thì chày thế nào cũng có ngày chết vì nước.

Những ngày đầu tiên ở Đà Lạt sao mà buồn thế! Do chỉ thị của ông anh cả, bà chị tôi áp dụng kỷ luật đối với thằng em hơi kỹ, không được xuống phố một mình, bà ấy bảo cao-bồi Đà Lạt dữ lắm (?). Ngày ngày tôi phải nằm nhà học bài cho niên khóa tới! Ôi mở sách ông anh bắt mang theo nào có ích gì cho buổi ấy! Nhớ đám bạn ở bến tàu sáu kho Trịnh Minh Thế, quận Tư, thèm nghịch ngợm, cái tuổi chưa biết yêu nhưng thích chọc gãi. Tuy lên Đà Lạt nghỉ hè nhưng chúng nào vẫn tật nấy, vì thế mà tôi đã làm buồn lòng cô hàng xóm.

Nhà anh chị tôi mang số 16C đường Phạm Ngũ Lão, thuộc khu công chức nghèo, có khoảng chục căn, sau lưng là đồi cao có nhà thờ Con Gà, phía trước mặt, xuyên qua khu vực trồng rau là đến ấp Ánh Sáng, rồi tới

rap hát Ngọc Lan. Từ rap Ngọc Lan xuống vài bậc dốc là bến xe đò con con Minh Trung Saigon-ĐàLat. Những chi tiết này về sau tôi mới biết, còn những ngày đầu chỉ quần quanh trong vườn với cuốn sách, bực dọc với những bụi hồng gai góc. Ghét hồng này lây sang hoa khác, khi trông thấy một “hoa” đi ngang qua, quen miệng tôi chúm môi huýt sáo khiến cô bé hàng xóm giật mình quay lại lườm tôi, bĩu môi một cái thật dài.

Ngày qua ngày, tôi vẫn bị bà chị “cắm trại” trong vườn hoa, “grom lạc giữa rừng hoa”, còn cô hàng xóm nữ sinh trường Bùi Thị Xuân đồng phục trắng, áo len xanh nước biển, cạc-táp che ngực, vẫn lạnh lùng mỗi khi đi ngang. Vì không còn đường nào khác để thoát thân nên ngày ngày cô phải đi qua trước cửa nhà tôi và tôi thì vẫn huýt sáo ghẹo chơi.

Chiều cuối tuần, bố cô gái sang thăm anh chị tôi. Khi ông về, tôi bị bà chị rầy:

- Cậu quá lảm nghe không, bố cô Hồng mới sang mừng vốn tôi đó. Cậu liệu hồn không tôi mách anh cả cho đấy.

À thì ra tên cô ta là Hồng, một bông hồng nhưng đẹp nhưng có gai làm tôi bị mắng không oan, chạm tự ái tôi liệu xuống phố một mình.

Từ hướng nhà thờ Con Gà, men theo đường Phạm Ngũ Lão tới ngã ba cầu Ông Đạo, chỉ việc qua cầu là lên

phố, khu chợ Hòa Bình, nhưng lên phố làm gì? Tôi đi thẳng, ngang qua nhà Thủy Tạ, muốn vào ngồi ăn ly kem hay uống ly café nhưng lại thấy mấy ông sinh viên sĩ quan Võ Bị cùng các bông hồng dập đầu vào ra khiến tôi phát rét bèn cúi đầu đi thẳng. “Ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì đâu?”

Tôi đã có dịp quan sát hồ Xuân Hương trên bản đồ thành phố Đà Lạt, hồ nhỏ chút xíu, cứ đi một vòng bờ hồ khoảng hơn giờ thì thể nào rồi cũng về chốn cũ, về tới cầu Ông Đạo. Nghĩ thế, tưởng thế, thế là hai tay dứt túi quần, tôi cúi đầu đếm bước.

Giật mình vì tiếng thét còi tàu, ngược mặt lên, trời xâm xẩm tối, không một bóng người, không ai đồng hành, tôi cảm thấy lạnh-lạnh. Khi ra khỏi nhà, vì giận bà chị mà tôi phát nóng nên không mặc áo len. Còi tàu lại thét lên từng hồi kèm theo tiếng nổ xình-xịch, chắc là có nhà ga xe lửa đâu đây. Nhìn xa-xa phía trước, những bóng đèn đường vàng úa nối tiếp thành một vòng cung theo ven bờ hồ, tôi nương theo đèn đường mà tiến, quyết không lui, hù ông anh bà chị một phen cho bõ ghét.

Ngang qua công viên thấy chữ đề “Vườn Bích Câu”, thẳng con trai lần đầu đến Đà Lạt giận hờn bà chị nên đi lang thang, bụng đói cật rét, mỗi mệt bèn dừng chân, ngồi bó gối trên ghé đá. Hai tay vòng hai đầu gối ôm sát vào ngực, tôi gục mặt xuống mà vẫn không giảm được

cái lạnh run, khi cái đói bên trong rung cộng cùng cái lạnh bên ngoài thì “thằng nhỏ” lăn đùng xuống bãi cỏ.

Ánh đèn pin làm tôi chói mắt và giật mình. Hai ông bú-lít đi tuần nghi tôi là dân ăn cắp hay xì-ke nên dẫn tôi về bót. Ông anh rể cũng làm cảnh sát nên đến lãnh tôi về và sáng hôm sau tôi quyết giã từ Đà Lạt. Trước khi lên xe, tôi mong gặp mặt “nhỏ Hồng” hàng xóm để mắng cho cô ta vài mắng vì cái tội “mét-bu”. Tôi có làm gì đâu, chỉ huýt sáo chơi thôi mà cô cũng đi mách bố! Con gái đẹp mà lảm chuyện! Lần đầu lên Đà Lạt đã đụng Hồng có gai!

Giận thì giận, thương thì chưa thương nhưng sao trong lúc ngồi xe Minh Trung trở lại Saigon, hình bóng nhỏ Hồng cứ luẩn quẩn trong đầu tôi mãi? Cô ta có cái gì hay hay và kín đáo khó nói, không như mấy đứa bạn gái của tôi ở đường Đỗ Thành Nhân, Khánh Hội, chúng mặc xà-lỏn tắm sông, đánh lộn và chửi thề như giặc. Hè năm sau tôi tự động xin ông anh cho đi Đà Lạt để học thi (?). Hồng vẫn còn đó, trong xóm cũ, nhưng tôi chỉ dám núp sau cánh rèm, nhìn theo bóng em mỗi khi cô ôm cặp trước ngực đi ngang qua cửa.

Ngày qua ngày nhìn trộm em sau rèm cửa cho tới một lúc tôi giận mình tự hỏi: “Máu giang hồ của mày đâu rồi. Sao nhát gái thế?” Thế là tôi quyết định chạy bộ buổi sáng. Tôi dậy sớm đi xuống đường chạy bộ, chờ đúng lúc Hồng đi học, tôi đi ngược trở lên như vô tình

đụng mặt, con hẻm chật hẹp làm sao em tránh, nhân dịp này tôi định nói vài câu làm quen nhưng miệng thì lắp bắp:

- Xin lỗi cô Hồng về việc tôi huýt sáo làm cô giật mình...

Hồng không nói gì, không thèm nghe tôi nói hết câu, cô nàng né sang một bên rồi tiếp tục đi! Em đi đường em, tôi đi đường tôi, nhưng bực bội, mắc cỡ, tôi quay lại định rửa thềm thì đúng lúc đó Hồng cũng quay ngược lại nhìn trộm rồi mỉm cười.

Nụ cười khinh bỉ? Nụ cười ngạo mạn hay cười vì thương hại cho thằng nhỏ còn nhớ cái lỗi chọc gái hè năm ngoái? Kê, bất cứ lý do gì đi nữa thì nụ cười của cô Hồng hàng xóm cũng đã làm tim tôi đập loạn nhịp.

Thế mới biết nụ cười của giai nhân là nguy hiểm, làm “đổ nước nghiêng thành”, nụ cười giai nhân đốt cháy bao tướng công. Hồng Đà Lạt đã đẹp lại thêm nụ cười chúm chím buổi sáng, hơi thở mờ mờ sương thì dấu tim là sắt cũng phải mềm. Nụ cười của Hồng vào những mùa Hè kế tiếp làm tôi đầu quân vào Võ Bị.

Nói ra có vẻ nhụt chí làm trai, nứt mắt đã lụy vì gái mà thiếu lý tưởng phục vụ Tổ Quốc, nhưng thú thật Hồng gai Đà Lạt và những bộ “guộc-tếch” (dạo phố mùa Hè), Jaspé dạo phố mùa Đông của mấy ông Võ Bị là một trong nhiều nguyên nhân đã làm tôi bỏ quyết định vào

một quân trường khác mà chọn lò luyện thép trên đồi thông 1515 để tu thân.

Hồng hàng xóm không biết tôi vào Võ Bị. Ngày đi phổ đầu tiên, sau 8 tuần Tân Khóa Sinh, tôi xúng xính trong bộ đại lễ màu trắng với cầu vai Alfa đỏ có tua. Xe GMC nhà trường thả tân sinh viên sĩ quan xuống khu chợ Hòa Bình. Tôi thông thả xuôi dốc, qua cầu Ông Đạo, theo đường Phạm Ngũ Lão, miệng thổi sáo, mang tâm trạng “áo gấm về nhà” với những lo âu cùng hồi hộp. Lo âu vì vô phúc mà đụng mặt ông niên trưởng trên đường thì chỉ có thác! Hồi hộp vì nghĩ tới lúc gặp Hồng, chắc cô hàng xóm sẽ ngạc nhiên khi thấy tôi bất ngờ là Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị.

Khi đi ngang qua nhà Hồng, tôi không thấy bóng Hồng đâu nhưng lại thấy bố cô Hồng, ông già dễ ghét, đang trà đàm, café dạo cùng mấy ông SVSQ đàn anh ngoài sân! Liếc nhìn những bộ Jaspé là tôi biết họ là đàn anh, nhưng không dám nhìn cặp Alfa để biết họ là khóa mấy? Khoá 18, Khóa 17, hay Khóa 16 đây?

Theo quyền sinh sát trong gia đình họ nhà “Cùi” thì Khóa 18 là cha, Khóa 17 là ông nội, Khóa 16 là ông cố nội của Khóa 19 chúng tôi. Tôi chỉ kịp than thầm: “Chết rồi!” rồi lủi thẳng vào nhà mà quên đi một động tác bắt buộc, tối cần thiết là đưa tay lên chào các niên trưởng dù họ có nhìn thấy mình hay không.

“Lòng buồn cảnh có vui đâu bao giờ”! Đang hí hứng toan khoe người đẹp cặp Alfa thì đã bị “ông cha, ông cố” chắn lối! Tôi lo lắng hồi hộp, quên hẳn bóng Hồng ngay bên cạnh mà nghĩ đến chuyện tai ương tương lai khi trở về trường, tai ương sẽ không bao giờ thoát. Miệng đắng ngắt bữa cơm chiều, tôi vội vàng thuê tắc-xi trở về trường gấp để chuẩn bị “tương lai”. Vừa về đến trường là tới giờ xuống phạn điểm (nhà ăn), không ăn cũng phải đi tập họp để sinh viên cán bộ điểm danh.

Sau vài động tác sơ khởi bốn món ăn chơi nhảy xôm, hít đất, tôi nghe tiếng thét của sinh viên cán bộ, hung thần Khóa 17 từ trên bục gỗ:

- SVSQ Khóa 19 nào sáng nay ra phố gặp các niên trưởng đã không chào mà còn nghinh, khinh bỉ “liếc” khóa đàn anh, hãy tự giác bước ra khỏi hàng!

Hai tiếng “tự giác” thật nhẹ nhàng nhưng là tôn chỉ của người SVSQ, thiếu tự giác thì chỉ còn con đường “thịt nát xương tan”! Tôi tự giác bước ra khỏi hàng. Tối mùa Đông Đà Lạt lạnh cóng mà sao trán tôi vã mồ hôi, hai đầu gối không nghe lời tôi mà cứ run lên bần bật.

Màn dạy dỗ của mấy “ông nội Khóa 17” kéo dài cho đến khi kèn báo giờ đi ngủ tôi mới được tha về phòng! Người tôi tã ra như cái mền rách nhúng nước, nằm vật xuống nền nhà, mặc cho hai thằng bạn cùng phòng là

Nguyễn Xuân Huy và Nguyễn Trọng Hiếu thay quần áo giùm. Tôi chỉ biết thở dài than thầm:

- Nào ai dám nghinh các ông đâu, vừa trông thấy bóng dáng các ông là tôi đã sợ hết hồn rồi nên mới quên chào! Nào ai dám liếc các ông, tôi chỉ liếc xem cô hàng xóm có nhà hay không mà thôi! Nhưng than ôi! Hồng kia đã có chủ rồi! Thôi từ nay em xin chừa không dám liếc nữa.

Những Chủ Nhật sau đó, mỗi khi về nhà bà chị mà bất ngờ gặp Hồng ngoài sân, ngoài ngõ, tôi chỉ biết yên lặng gật đầu chào như chào một người “chị” và Hồng thì khẽ cười mím chi. Bà chị tôi biết ý hỏi:

- Cậu giận cô Hồng đấy à? Cô ấy hỏi thăm cậu đấy.

Tự ái được vượt, tôi lại thấy Hồng đẹp, Hồng hiền và dễ thương hơn, nhưng tôi sợ, tôi sợ các “hung thần” sau cái buổi đi phố đầu tiên ấy. Hồng có gai, nay lại còn thêm hai ba vòng kềm gai “concertina” của mấy ông khóa đàn anh rào quanh nữa thì đàn em chỉ còn thở than, than thở: “*Chí tuy còn mong tiến bước nhưng sức không kham nổi đoạn đường.*”

Hai năm quân trường với bao cay đắng khổ cực nhưng giúp tôi trưởng thành, hãnh diện và mãi mãi nhớ những kỷ niệm quân trường, bị hành xác và hành xác lại khóa đàn em sau như vũ điệu liên hoàn “nàng dâu mẹ

chồng”. Nhớ ơn các niên trưởng, không có các ông, đó ai thành sinh viên sĩ quan trường Võ Bị.

Hình ảnh bộ kaki với cặp Alfa làm việc trên cầu vai, đôi găng tay và thắt lưng cổ truyền trắng muốt, cái mũ nhựa, đôi giày sô bóng loáng là nổi kinh hoàng đối với bất cứ anh chàng dân chính nào vừa bước qua cổng Nam Quan. Không cần biết tính nết như thế nào, nhưng hề ai mặc những thứ đó vào là cặp mắt tự dung có lửa, long lên sòng-sọc, nụ cười tự dung biến mất mà chỉ còn những la cùng hét khóa đàn em. Nhưng cũng thật đẹp và oai, hạnh phúc cho những ai được mặc bộ kaki ấy, đó là biểu tượng của trường Võ Bị. Nếu một mai, có cựu sinh viên nào trở về làm Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam thì tôi xin đề nghị cho đúc một bức tượng SVSQ Cán Bộ đặt ngay trước cổng trường như bức tượng đồng đen ở trước cửa Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Rừng Núi Sinh Lầy ở Dục Mỹ.

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, trường đại học Chiến Tranh Chính Trị, các chàng sinh viên sĩ quan là một thành phần tạo nên nét đẹp Đà Lạt. Câu chuyện anh em nhà Võ hành hạ nhau ra sao thì trăm họ đều biết, chuyện quân trường đề lần sau. Tôi xin kể tiếp những bông Hồng Đà Lạt có gai.

Những ngày Chủ Nhật được đi phép, thay vì ra phố, nhưng lại thấy thằng em cứ nằm nhà, bà chị tưởng tôi thất tình cô Hồng hàng xóm bèn rủ em đi chợ Hòa Bình:

- Đi với chị ra chợ Hòa Bình, chị cho cậu coi cái này hay lắm.

Tôi theo chị vào chợ, thấy chị nói chuyện với bà chủ sạp vải, tôi trông dáng bà quen quen, phụ với mẹ tiếp khách là một cô tuyệt đẹp, tôi cũng thấy như quen quen. Tôi mỉm cười một mình, chàng thanh niên nào thoát trông thấy người đẹp đều có cảm tưởng là mình đã quen-quen, nhưng quen mãi, quen cả đường đi lối về, khi tới lúc cần thè non hẹn biển thì lại làm bộ xa lạ, quên đường về nhà em!

Ra khỏi chợ, bà chị hỏi tôi:

- Cậu có nhớ bà chủ sạp vải vừa rồi là ai không?

Không nghe tiếng tôi đáp lại, chị tôi có vẻ sốt ruột nên tự trả lời ngay:

- Bà Xuân đấy, hàng xóm của nhà mình ở phố Dinh, Hải Phòng đấy.

Tôi giật mình vội hỏi liền:

- Thế cái cô đẽm-đẹp ngồi cạnh bà Xuân là cô Hồng hay cô Phụng.

- Cô Hồng, cậu thấy sao? Hay lắm đấy.

Lại một bông Hồng nữa xuất hiện, Hồng này có cô em gái tên Phụng nên tạm xin gọi là Hồng-P. Hồng-P, cô em gái tên Phụng và em trai tên Thiệp và những trẻ hàng xóm trong khu phố Dinh Hải Phòng là bạn của tôi thời

1954-55. Chúng tôi chơi thân với nhau, thường đánh bi đánh đáo, búng dây thung, chơi trò bịt mắt bắt dê, tôi tới rủ nhau đi ăn chè mè đen “chí mà phù”, “lạc phá xang” (đậu phộng rang) ngoài bờ sông Cấm. Trong đám bạn bè ấy, Hồng-P đẹp nhất và dễ thương, tôi thường bênh vực Hồng-P mỗi khi có tên nào chọc ghẹo. Hồng cũng thường cho tôi kẹo cam thảo. Nhớ lần tôi bị bịt mắt đi bắt dê, lạng quạng làm sao tôi chụp được Hồng-P rồi nghe Hồng-P kêu ré lên, tôi hoảng hồn vội kéo miếng vải bịt mắt xuống thì mới hiểu lý do tại sao Hồng la, thay vì chụp sau lưng thì tôi lại chụp nhầm phía trước...

Hồng đỏ mặt lườm tôi, tôi bối rối không biết nói gì nhưng không giận nhau. Thời gian ngắn sau, cả khu phố chúng tôi xuống tàu Marine Serpent di cư vào Nam, mỗi người một nơi. Gần 10 năm sau, nay bất ngờ gặp nhau đây mà không nhận ra bạn cũ.

Nhớ kỷ niệm xưa, nay thấy em đẹp quá, tôi sinh ngăn ngại, dò tin tức biết gia đình Hồng-P ở khu dốc Nhà Bò, như vậy Hồng-P sẽ đi lễ nhà thờ Con Gà. Kể từ đó tôi siêng đi lễ ngày Chúa Nhật hơn và Chúa đã thương con chiên không ngoan đạo, tôi đã trông thấy Hồng-P “trong giáo đường đêm Noel ấy”. Vẫn suối tóc dài chấm eo thon, nhưng Hồng-P không còn là một cô bé tuổi ô mai mà là một thiếu nữ đẹp, đẹp hơn xưa nhiều.

Lúc đầu, khi vào nhà thờ, tôi quỳ máy hàng ghế sau, dần dần mỗi Chủ Nhật tôi tìm cách ngồi xích lên thêm,

thêm nữa cho tới khi Hồng-P ngồi hàng ghế trước, tôi quỳ ngay phía sau. Những lần như thế thì mùi tóc em thơm làm ngây ngất chàng SVSQ không ngoan đạo. Chúa ở trên cao còn người tôi quen thì ngay trước mặt, tôi không nghe được lời giảng của linh mục mà chỉ nghe nhịp đập loạn xạ của con tim.

Ngày nay ở hải ngoại, trong các thành lễ, mỗi khi linh mục chủ tế nói: “*Anh chị em hãy chúc bình an cho nhau*” thì các con chiên quay xung quanh, trái phải, trước sau, bắt tay nhau và nói: “Chúc bình an”. Ước chi thuở đó ở Đà Lạt, cũng có nghi thức bắt tay những người xung quanh như ngày nay thì vui biết mấy. Thế nào tôi cũng tìm cách nắm tay Hồng như lời của linh mục: “Anh chị hãy...”

Hồng-P đẹp như một pho tượng khiến tôi không dám lại gần, hoặc vì nhát gái nên tôi cứ lẻo đẻo theo sau mỗi sáng Chúa Nhật sau thánh lễ để rồi khi vào trường là nhớ nhung mộng mơ. Tới gần ngày mãn khóa thì tôi uống thuốc liều, sau thánh lễ tôi chặn Hồng ngay cuối nhà thờ và thật khó mở đầu, tôi chỉ gọi được một câu:

- Hồng.

Có lẽ Hồng cũng đã nhiều lần từng bị các chàng SVSQ chặn đường như vậy nên nàng hơi khựng lại, nghiêng đầu hát mái tóc qua một bên, nhìn xem người gọi tên mình là ai.

Tuy bối rối nhưng không còn đường lui, rất nhanh, tôi chào Hồng nhắc chuyện ngày xưa. Khi nhận ra tôi, Hồng cười thật tươi, thật tự nhiên Hồng đưa tay ra cho tôi bắt và nói:

- Mấy tháng nay Hồng biết có người theo, nhưng không ngờ đó lại là Van To.

Hồng-P mời tôi về nhà, cũng gần đó thôi, ngay cuối dốc nhà Bò. Tôi nói với Hồng là tôi biết nhà từ lâu rồi, để tôi dẫn đường cho thì Hồng nháy mắt:

- Vẫn cái tật nghịch ngợm như ngày xưa ở Hải Phòng.

Tôi không biết Hồng còn nhớ cái vụ tôi chụp Hồng khi chơi trò “bịt mắt bắt dê” hay không, nhưng nghe Hồng nhắc kỷ niệm cũ tôi thấy cái bàn tay ngày ấy tê-tê, thấy ấm lòng và hồi hộp khi Hồng mời về nhà. Bước vào nhà chưa kịp hỏi thăm ông bà cụ và các em thì Hồng đã nói:

- Mẹ bán vải ngoài chợ Hòa Bình, bố đi chơi xa, em Phụng đã có gia đình ở riêng, còn em Thiệp thì đi Không Quân, hiện đang học ở Nha Trang.

Bạn bè gần mười năm mới gặp lại nhau làm sao kể cho hết kỷ niệm, Hồng-P giữ tôi ở lại ăn cơm với đọt su-su xào tỏi. Mong ước theo đuôi bấy lâu chỉ mong có thể thôi, nay đang trong tầm tay, trời gầm cũng không nhả. Tôi giúp Hồng tước vỏ đọt su-su, ôn chuyện cũ, đôi khi

như vô tình, hai tay chạm vào nhau khi cùng một lượt lấy đọt rau đựng trong rổ và rồi cứ để yên. Hồng đọt ngọt hỏi tôi:

- Tháng sau anh mãi khóa rồi phải không?

Hồng-P bất chợt gọi tôi là anh thay vì Van To khiến tôi muốn ngộp thở, không trả lời câu nàng hỏi mà nhìn thẳng vào mắt nàng, không cần phải giả đờ ứa lệ mà tôi cảm động thật sự, làm liều bóp chặt tay em, tôi nói:

- Em vào dự lễ mãi khóa của anh nhá.

Có lẽ bàn tay tôi chai đá vì bị hít đất nhảy xôm quá nhiều mà siết “búp măng” hơi chặt, em hơi đau, tay Hồng-P hơi nhúc nhích như muốn gỡ ra nhưng lại vẫn để nguyên. Em mỉm cười khẽ nói:

- Đây là lần đầu tiên em được mời dự lễ mãi khóa của một SVSQ Võ Bị.

“Lần đầu tiên” ư? Phải chăng ý Hồng-P kín đáo muốn nói một điều gì đó mà chỉ những người để ý đến nhau mới hiểu: “Em chưa có quen ai là SVSQ, à nha.”

Chúng tôi xưng hô “anh em” từ lúc nào không hay, nói đủ chuyện trên trời dưới đất, trừ chuyện tình yêu. Khi bắt tay nhau để tôi về trường thì trời đã tối, đành gọi taxi, dùng dằng tay lại cầm tay, nghe như có tiếng ai nghẹn ngào:

- Mình vừa gặp lại nhau thì đã chia tay! Có thể lại xa nhau 10 năm nữa như lần trước.

Hồng-P đến tham dự ngày mãn khóa và chúng tôi vui bên nhau như chưa bao giờ có, thân thiết với nhau như ngày xưa thân ái. Rồi chúng tôi chia tay nhau trong tình bạn, tình bạn hoàn toàn trong sáng. Tôi nói với Hồng-P ước mong sẽ quay lại chọn Đà Lạt làm nơi dừng chân. Ngày tôi rời Đà Lạt để trình diện đơn vị, chúng tôi tay nắm tay, Hồng-P chúc tôi lên đường bình an và sớm gặp lại.

Hôm đó là sáng ngày 30 tháng 11 năm 1964.

Sau 15 ngày phép mãn khóa, vừa khoác áo trận TQLC ra chiến trường thì ngày 31/12/1964, hai Thiếu Úy thuộc Tiểu Đoàn 4 TQLC là Võ Thành Kháng (thủ khoa Khóa 19) và Nguyễn Văn Hùng cùng với Nguyễn Thái Quan, Biệt Động Quân đã bị hy sinh tại mặt trận Bình Giả Phước Tuy, chưa kể một số bị trọng thương!

Chiến tranh khốc liệt bắt đầu, những chàng trai Võ Bị lăn vào lửa đạn, thằng mất, thằng đu mình trên đôi nạng gỗ, không còn thời gian nào để nghĩ đến bố mẹ, gia đình, và cả người yêu. Trước mắt chỉ còn đồng đội, đôi khi vừa gặp nhau chưa tàn điều thuốc thì vội vượt mắt cho nhau!

Những bông Hồng Đà Lạt thường trách các anh mau quên lời hứa! Không phải thế đâu, nhớ lắm chứ, nhớ mà

chưa có cell-phon gọi về khiến càng nhớ thêm. Nằm võng viết thư cho người yêu bằng ánh sáng đèn pin, vừa nắn nót được câu: “Em yêu” thì nghe địch pháo kích, “ầm”! Buông “em yêu” để nhảy ào xuống hố. Thôi hẹn em thơ sau để anh đi kiểm soát xem có ai bị thương không, đã có đồng đội vừa vĩnh viễn ra đi sau tiếng nổ! Nhớ hậu phương lắm chứ nhưng sao đành nhìn em phải đội khăn tang! Thôi đừng trách các anh lính chiến nữa những bông Hồng gai Đà Lạt ơi.

Hồng-P và tôi không có dịp thư từ qua lại và cũng chưa có dịp mí-mí chuyện tương lai, vì lính Tổng Trừ Bị cứ miệt mài từ cầu Hiền Lương sông Bến Hải đến tận mũi Cà Mau. Thú thật nhiều lúc tôi mong bị thương, bị nhẹ thôi, để có dăm ba ngày phép dưỡng thương về thăm mẹ già và những người thân.

Cầu được ước thấy, nhưng không nhẹ tí nào mà nặng ngàn cân, tôi bị loại khỏi vòng chiến ngày 19/6/1969, gãy chân tay, đạn chui qua lưới trào máu họng! Sau hơn một năm nằm nhà thương, rồi xuất viện, nhận giấy giám định y khoa, tôi chân thấp chân cao, tay bó bột tay chống nạng, trở về thăm gia đình, thăm trường cũ và hy vọng sẽ gặp lại Hồng.

Năm 1970, trường Võ Bị vẫn như ngày nào. Tôi gặp lại niên trưởng Khóa 17 cùng người bạn đồng khóa Nguyễn Xuân Huy và vài bạn khác nữa đang là cán bộ và huấn luyện viên của trường.

Huy dẫn tôi đi thăm một vòng doanh trại, đâu đâu cũng gặp những hình ảnh quen thuộc đáng yêu. Nhìn căn phòng, ngày xưa Huy và tôi ở, làm tôi nhớ ngay mỗi trưa thứ Bảy chúng tôi không dám ngả lưng trên giường mà nằm dưới sàn để chờ “hung thần K17” khám xét. Bước vô phạm điểm là nhớ cảnh Tân Khóa Sinh Khóa 19 ngồi thẳng lưng miệng nhai com với ớt, mắt tròn trừng vì cay, tai nghe bản nhạc “Biệt Kinh Kỳ” (Bạn ơi! Quan hà xin cạn chén ly bôi) mà mấy ông cán bộ K17 cố tình hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần đàn em!

Hình ảnh đẹp là các SVSQ trong quân phục tác chiến di chuyển nhanh nhẹn đầy sức sống, mặt lúc nào cũng ngược lên, hướng về tương lai cao hơn thay vì cúi xuống “lượm bạc cắc” như lời mấy ông cán bộ vu oan giá họa. Nhưng hình ảnh đẹp nhất vẫn là các chàng SVSQ trong quân phục dạo phố, những cặp Alfa đỏ với hai hoặc ba vạch vàng, “tay trong tay với những bông hồng”. Trông nó oai, nó đẹp làm sao! Tôi đã từng được giống như họ, tuy chỉ với “con cá một đuôi” (Alfa 1 gạch).

Tôi gặp lại Hồng-P khi còn là SVSQ và lời hứa năm xưa với Hồng-P là sẽ quay về chọn Đà Lạt làm nơi dừng chân, và tôi tin rằng hình ảnh một SVSQ trong quân phục dạo phố mùa Đông vẫn đẹp đối với Hồng hơn là bộ quân phục phong sương. Ngày tôi quay trở về thăm Đà Lạt, sau 6 năm xa cách trên đôi nạng gỗ, chân thấp chân cao làm tôi ngại ngần gặp lại người xưa. Ý định chọn

Đà Lạt “dưỡng già” cũng không còn, vì tôi đã quyết định ở lại với Binh Chủng TQLC thay vì chuyển về đơn vị không tác chiến địa phương hay giải ngũ như giấy giám định thương tật.

Hội Đồng Y Khoa bệnh viện Lê Hữu Sanh xác định thương tật của tôi là loại 2 vĩnh viễn, nghĩa là sẽ chuyển chuyên khỏi Binh Chủng TQLC, về Trung Tâm Quản Trị Trung Ương ở đường Tô Hiến Thành, Quận 10, Sài Gòn để làm việc ở hậu phương hoặc xin giải ngũ nếu muốn. Khi nhận giấy loại 2, tôi buồn vô cùng nên đi gặp và tâm sự anh Nguyễn Xuân Phúc Khóa 16, nguyên là Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/ TQLC của tôi. Nghe tôi không muốn xuất Binh Chủng, anh Phúc nói:

- Để tao trình bày với Ông Lạng Sơn xem sao.

Vài bữa sau, anh Phúc gọi tôi đến gặp anh, có Đại Tá Tư Lệnh Phó Lạng Sơn ngồi đó. Sau khi nghe tôi trình bày nguyện vọng, Lạng Sơn tùm tùm cười:

- Tưởng chú mày xin thăng cấp... chứ xin ở lại TQLC thì khó gì. Cứ an tâm dưỡng bệnh đi rồi sau này muốn làm việc ở đâu thì nói.

Gió lạnh trên đồi thông trước cổng câu lạc bộ Nhữ Văn Hải thổi mạnh làm tôi rùng mình, sự tỉnh cơn mơ, mơ về chôn cũ quân trường xưa. Tôi đã xin ở lại với TQLC, không trở lại quân trường nên tôi quyết định không tìm gặp bạn cũ nữa, đành thất hứa với Hồng-P!

Hãy giữ mãi cho nhau hình ảnh đẹp hơn là: *“Anh trở về trên đôi nạng gỗ, anh trở về làm dang đỡ đời em.”*

Tôi không giải ngũ như hội đồng y khoa phân loại, mà xin quay về với anh em đồng đội TQLC, ở đó anh em chúng tôi cần nhau. Tôi cũng tự an ủi rằng mình còn may mắn hơn những đồng đội khác khi họ đã phải trở về trên chiếc xe lăn và hằng ngày, mỗi tuần, hằng trăm anh em trở về với hòm gỗ không có hoa cài, không có hai hàng nấn trắng mà chỉ có những vành khăn tang.

Chúc Hồng hàng xóm, Hồng-P, và những bông hồng Đà Lạt có gai không phải đội khăn tang và đừng trách các anh Võ Bị là những người không biết giữ lời hứa./.

Ba Chàng “Ngự Lâm...”

Trong thời gian bị tù VC , tôi ở chung với nhiều đồng khóa, đồng môn, tuy có một vài “con sâu”, nhưng tuyệt đại đa số đều là những tấm gương sáng để cho tôi soi, trong số đó có 3 người mà tôi hãnh diện được tôn các anh lên bậc “Thầy”, tôi gọi đùa là “Ba Chàng Ngự Lâm”, đó là Thầy Trần Toán, Phan Bát Giác K18 và Võ Văn Đề K22.

Từ ngày ra tù, tôi đã mong ước được gặp lại các anh để đứng nghiêm chào, nhưng vẫn không biết hai Thầy Trần Toán và Phan Bát Giác ở đâu, nay bất ngờ nghe tin Thầy Trần Toán đã về cõi phúc!

Tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và các Niên Trưởng K18.

Xin kính chúc ông Thầy Trần Toán thành thoi trên Thiên Quốc.

Thầy Trần Toán và tôi cùng ở chung đội tù 12 trại Vĩnh Quang A mà đội trưởng là tên Nga ... lùn, một đội trưởng hắc ám với đồng tù , nhưng mẫn cán với cán bộ

tên Tính. Thầy Toán có những đức tính của “người trên”, không những đối với đồng tù và ngay cả với cai tù. Cai tù thấy uy tín và ảnh hưởng của Thầy đ ối với đồng tù nên có ý lợi dụng để làm khó tù nhân, nhưng trước những lý luận tình người, tính cương quyết nhưng không chống đối khiến cai tù không tìm ra bất cứ lý do gì để hại Thầy và anh em tù nên đành cúi đầu chịu thua.

Chúng tôi, những đứa em hãnh diện có một đàn anh như thế, mong ngày ra tù được gặp anh, nhưng đã hơn 30 năm không biết anh ở đâu? Nay nghe tin anh già từ gia đình và đồng khóa, từ xa xôi, tôi xin cúi đầu vĩnh biệt Thầy:

Ông Thầy Trần Toán K18 Trường VBQGVN.

* * *

Khác với Thầy Trần Toán, Thầy Phan Bát Giác thì lại có nhiều “góc cạnh” đáng nể, tôi gọi Thầy là “Tám Cạnh”. Một buổi sáng năm 1977 tại trại tù Yên Bái, khi chúng tôi vừa từ trong Nam chuyển ra cái cốc này, tù được lệnh lên núi chặt cây để làm hàng rào nhốt mình, chặt nửa để làm nhà, các tù đang chặt nửa* trên núi, tôi bỗng nghe tiếng tên bộ đội la lớn rồi tiếng kéo cơ bằm súng AK47 nghe cái “rọc”. Tôi liếc nhìn xem chuyện gì thì thấy Thầy “Tám C ạnh” hai chân dạng háng, tay phanh áo ngực thách thức:

- Mày bắn đi, tao muốn mày bắn.

Mũi súng AK đang nhắm vào Thầy Giác, hai bên im lặng gườm nhau, tình thế căng thẳng tột độ, chỉ cần ngón trỏ của tên bộ đội xê dịch $\frac{1}{2}$ cm là anh Giác trở thành “chiến sĩ vô danh trong chốn rừng sâu Bắc Việt”! Nhưng chừng hơn phút sau, lưỡi lê AK đầu súng hạ xuống, tên bộ đội quay đi: “Đại nghĩa đã thắng hung tàn”.

Thầy Giác phản đối quyết liệt là vì tên bộ đội chỉ có nhiệm vụ xách súng đi theo canh chừng tù, còn chỉ tiêu chặt bao nhiêu là do trại, do cai tù (cán bộ quản giáo), nhưng tên bộ đội này bắt tù chặt 2 bó nữa*, thay vì một bó theo chỉ tiêu trại quy định, hẳn lợi dụng bắt tù làm thêm 1 bó nữa để giao cho gia đình nó.

(* nứa là một loại tre nhỏ thẳng, dài chừng 5m, đập dập ra, cài sát vào nhau để lợp mái nhà hay làm phen, làm vách che, mỗi bó 25 cây, khá nặng)

Tuy cùng tổ nhưng vì mới “biên chế” nên chúng tôi chưa biết gốc gác của nhau, nhưng khâm phục thái độ không sợ chết trước AK uy hiếp nên tôi mon men đến xin làm quen “cây tùng trước bão” này.

- Xin lỗi anh, trước đây anh ở đơn vị nào?

Anh nhìn tôi có vẻ nghi ngờ rồi trả lời cộc lốc:

- Ở TQLC.

Nghe anh Giác nói ở TQLC tôi không tin, vì với thành phần bị chuyển ra Bắc thì trong phạm vi TQLC, chúng tôi biết nhau hết nên hỏi thêm tí nữa:

- Anh học quân trường nào và ở tiểu đoàn TQLC mấy?

Tám Cảnh trừng mắt nhìn tôi:

- Hỏi làm gì lắm thế, muốn điều tra hả?

- Xin lỗi anh, đường đột làm quen, vì nhờ anh mà tôi khỏi phải chặt 2 bố...

- Tôi Khóa 18 VB, nhưng bị “sọc-ti-lát”, về TĐ4/TQLC, được vài chuyến hành quân, trong trận Bình Giả 31/12/1964 thì “chống nạng cày bừa”, nhưng không giải ngũ...

Phải nói thật là ngay lúc đó tim tôi đập loạn nhịp, một đàn anh VB, một đồng đội TQLC và là một tượng đài ngay trước mặt mà tôi không biết, tôi đứng nghiêm, đưa tay chào và nói nhỏ:

- Tân Khóa Sinh ... Khóa... và cũng là TQLC trình diện niên trưởng.

- Làm việc đi, không tụi nó quay lại bắn cả hai bây giờ, tối về lán nói chuyện sau.

Khi K18 VB tốt nghiệp thiếu úy, được phân phối đi khắp các quân binh chủng nên Binh Chủng TQLC không tuyển mộ được ai, ngoại trừ anh Giác là trường hợp đặc biệt. Và lại do khác tiểu đoàn nên chúng tôi không biết nhau, nay đã là anh em một nhà, một trường giữa chốn ngục tù thì dựa lưng vào nhau mà sống.

Trong đội này còn có các anh Trần Đình Đàng K13, Trần Công Đài K16, Đinh Xuân Lãm, Lê Văn Huyền K17, nhưng vì hợp tính “ầu” nên anh Giác và tôi là cặp “bài trùng”. Chúng tôi chung tổ, chung đội từ cốc Yên Bái rồi sang Trại 8 Hoàng Liên Sơn, mỗi khi đi rừng leo núi là chúng tôi theo nhau.

Năm 1979, khi Tiểu Bình dạy cho “Ba-ác Hồ” một bài học thì từ chuyển từ quân đội sang cho bò vàng (Công An) săn sóc, chúng tôi từ Hoàng Liên Sơn về trại Vĩnh Quang A nhưng bị phân tán, anh Giác đội 14 cuối dãy, tôi đội 12 đầu dãy nên 2 đội cách xa nhau một cái sân khá dài. Sau giờ lao động thì đội nào ở riêng đội đó, bị cấm tuyệt đối đi ra ngoài sân, cấm “quan hệ linh tinh”, vi phạm là cùm.

Một sáng Chúa Nhật, nghỉ lao động, trong khi những nhà “tư bản” thì ca-cống, nấu nướng, còn tôi đang học tiếng Anh chống đói. Cai tù bảo rằng học tiếng Anh thì được nhưng tuyệt đối cấm học tiếng Mỹ, thì nghe có ai gọi, ngó ra cửa th ấy “ông nội” Phan Bát Giác vẫy tay. Tôi vội chạy ra, chưa kịp hỏi chuyện gì thì anh nắm tay tôi kéo đi:

- Qua tau ăn chè.
- Anh ầu quá, nó cùm cả hai bây giờ.

“Tù trong tù”, trong tù mà còn bị cùm thì còn gì khổ cực hơn, nhưng ai đã từng đói trong tù thì biết vị ngọt, vị

béo nó quý như thế nào, nó là thần dược, là nắm linh chi đông trùng hạ thảo, phục hồi sức khỏe cho những bộ xương biết đi. Tôi sợ bị cùm, nhưng nghĩ tới chén chè thì nước miếng cứ ứa ra, miệng “em chả, em chả”, mà chân tôi thì chạy nhanh hơn anh Giác.

Giữa đội 14 của anh Giác và đội 12 của tôi cách nhau một cái sân trống dài chừng 200m. Đây là vùng cấm tù không được đi lại, lúc nào cai tù và trật tự cũng rình để bắt nhốt những tù nào dám vi phạm đi lang thang, muốn đi từ buồng này sang buồng khác. Đây là đoạn đường chiến binh mà chướng ngại vật không phải là kềm gai, mìn giả mà là đạn thật AK và công số 8, vậy mà anh em tôi nhắm mắt làm liều thì kẻ cũng ầu thật.

Lách mình chui qua cánh cửa hẹp của đội 14 mà cửa lúc nào cũng đóng, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập. Anh em tôi ngồi bệt xuống đất, trên miếng giấy “cement” có hai cái bát và một xoong chè “bà cốt”. Chè “bà cốt” là chè nấu bằng gạo nếp với đường đen (nâu) nêm thêm miếng gừng là thành chè “bà cốt”, chè này ít thông dụng với những ai có đời sống trưởng giả, có đồ ăn đồ để v.v... chè bà cốt chỉ để cứng cô hồn, ma đói vào ngày rằm tháng 7 hằng năm.

Anh Giác và tôi cùng bao nhiêu tù nhân chính trị khác đang là những “ma đói, cô hồn” năm này qua năm khác trong các trại giam, ngục tù CS, nên khi vừa nhận được gói quà có bọc đường đen móng trâu và kí nếp, hai

bấu vật trong tù, anh Giác thanh toán ngay thành nồi chè. Chén anh chén tôi, loáng một cái là đáy nồi chè sạch như lau, nhìn nhau thâm tiếc, giá chưa ăn thì còn nồi chè để mà ngắm.

Trong tù có nhiều cảnh cười ra nước mắt, “cám treo heo nhịn đói”, tù lãnh chén cơm độn thóc xong, chưa vội ăn ngay mà cứ ngồi nhặt từng hạt thóc cắn lấy cái nhân gạo để kéo dài bữa ăn cả tiếng đồng hồ, thực ra ăn hay không ăn vẫn đói như nhau nên mới bày ra trò ăn bằng mắt cho nó sướng, tự dối lòng rằng mình có của ăn của để.

Đang tiếc nồi chè vừa ăn xong thì Tám C ạnh lôi ra cái điều cày, anh em mỗi người làm một bi thuốc lào hiệu ba số 8 (888), rít một hơi dài, ngậm miệng ém khói, khói tìm đường thoát ra bằng lỗ mũi, chân tay tê-mê, đầu gật gù rồi chúi nhũn xuống thế là “người tình khói sương” làm tù sướng tận cung mây.

Tỉnh cơn say, tôi đang lo lắng tìm cách nào có thể vượt đoạn đường dài để trở về đội của mình thì anh Giác hiểu ý bèn nhét vào túi tôi 2 tán đường móng trâu và bảo:

- Đừng có lo, thằng Ng... trật tự nó sẽ đến dẫn mi về, hấn tới rồi kia kìa.

Vừa lúc đó thì trật tự Nguyễn Đình Ng..., bạn ta, cũng vừa đến. Hấn liếc mắt qua chỗ tôi và anh Giác ngồi

rời đi một vòng quanh đội 14 giả vờ gõ các chân song sất như để kiểm tra có ai cắt không , rồi hấn đi ra khỏi đội 14, thế là tôi bám liền theo sau hấn mà chẳng chào hỏi gì nhau.

Hai tên đồng môn, đồng khóa mà như hai kẻ xa lạ, không nói với nhau nửa lời, Ng... cứ thủng thỉnh bước tới, coi như không biết có ai theo sau, nhưng những con mắt cú vọ của thần chết VC thấy trật tự Ng... đi trước, tù tôi theo sau thì chúng lại tưởng trật tự dẫn tù đi “làm việc” với quản giáo. Còn anh em tôi hiểu rằng Ng... làm bình phong cho tù tôi trở về buồng 12 trong trạng thái thờ thối với tình huynh đệ giữa anh Giác, Ng... và tôi.

Miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời, chuyện tôi tôn “Tám Cạnh” là thầy không phải do chén chè mà từ trước lâu rồi anh là “cây tùng trước bão”. Với Ng..., tuy bị mang tiếng là trật tự nhưng Ng... không chỉ bao che cho một đồng khóa mà còn bao che rất nhiều những chàng tù khác nữa. Họ đã “vi phạm” quy định nhà tù nhưng được Ng...chống đỡ một cách rất kín đáo, đôi khi người nhận ơn không nhìn ra. Rất tiếc có những trường hợp “làm ơn mắc oán”, có anh vi phạm nội quy, gây ra những lỗi mà Ng... hết “đường binh” nên phao tin đồn nhảm, oán trách Ng...

Trong thời gian đi tù , ai mà bị (được) trại chỉ định làm đội trưởng hay trật tự thì thường bị đứng giữa hai lần đạn, bạn và thù. Quản giáo bắt phải làm , nếu làm

xuất sắc thì đồng tù chụp cho cái mũ gian ác. Điều đó không sai, cũng có vài tên gian ác thật, nhưng không phải tất cả, mà có những đội trưởng và trật tự biết việc phải làm và biết làm sao không hại đồng tù mà xong chuyện trại giao phó, các anh xứng đáng nhận được thiện cảm của đa số anh em.

Ngược lại cũng không ít “ông” tù thuộc dạng “thần nước mặn”, núp trong đám đông, dựa vào đám đông để tránh nặng tìm nhẹ khiến cả đội phải chịu ảnh hưởng tai hại. Vì họ mà cả đội không được tắm sau một ngày làm việc cực khổ trên rừng, tối đến, thay vì được nghỉ ngơi thì lại bị ngồi học tập, phê bình rút ưu khuyết điểm! Họ là một tên ích kỷ, chính họ mới là người đáng trách, nhưng sau này ra khỏi tù, ở hải ngoại họ lại là những người võ ngược xung hù và đổ lên các đội trưởng và trật tự những chuyện tưởng tượng. Mới đây, ông Trần Nọ võ ngược xung là Ph.D* viết email đưa lên internet tố cáo ông Trần Kia khi làm trật tự đã ra trại “gia binh” giật quần cho vợ cán bộ quản giáo!

Thưa ông Trần Nọ, có thật ông thấy không, và làm sao ông nhận ra cái quần mà ông Trần Kia giật là quần của vợ cán bộ? Trừ khi ông đã thấy và đã làm. Có thể là quần, nhưng chắc gì là quần vợ quản giáo. Phía vừa thôi ông, ngậm máu phun người thì miệng ai tanh trước? Cái bằng Ph.D của ông không phải là tiến sĩ như ông khoe mà là “Pizza H... Delivery”.

“Thế gian hơn áo hơn quần, giả thử lột trần... ai.”

Không phải giả thử mà tất cả quân, cán, chính vào tù CS đã bị chúng lột trần thực sự, lột truồng cho t ới khi không còn gì thì tù mới nh ận ra baác* nên bản chất thật sự mỗi tù nhân cũng bị lộ rõ hi, nộ, ái, ó, dục, nhục... nên khó che giấu được ai và nay thì ai-ai cũng chẳng muốn nhắc tới nỗi đau dĩ vãng của người xưa, vì vậy ước mong ai đó đừng làm “người bắn cung” (nỏ) mà quên dĩ vãng. (* Baác = ba-ác, cầu chứng tại tòa.)

Trở về chuyện “Ba Chàng Ngự Lâm”. Thầy Trần Toán thì đã an bình trên Thiên Quốc, Trật Tự Ng... cũng thế, nhưng Thầy Tám Cạnh Phan Bát Giác thì “giờ này anh ở đâu?” Các anh không chỉ là niên trưởng K18 mà còn là bậc “thầy” của tôi. Xin dâng nén nhang lên hương linh Thầy Trần Toán, xin kính gửi lời chào và chúc sức khỏe Thầy Phan Bát Giác, mong có dịp gặp lại. Tôi biết Thầy Tám Góc hiện đang định cư ở San José.

Ông “thầy” thứ ba tôi xin nhắc tới là một tay vô cùng ngoan cố, chuyên “phá hoại” tài sản và hoa màu của “nhà lược XHCN”, đó là Võ Văn Đ ... tự là “Đ .. Cống”. Đ với tôi cùng tổ từ trại 8 Hoàng Liên Sơn rồi lại cùng tổ, cùng đội 12 tại trại Vĩnh Quang A, Vĩnh Phú. Chàng gốc Nhảy Dù, giàu kinh nghiệm mưu sinh thoát hiểm nên không bao giờ đổi.

Cụ Phan nói rằng: “Khi đói thì bới đất cuốc cỏ mà nhét cho đầy bụng đói”, nhưng với Đ. Cống thì không ăn cỏ mà cứ bấp non, sắn non, bí rợ mà nhét cho đầy bụng đói. Đ. Cống to con, khỏe như voi, mưu sinh giỏi nên tôi theo voi ăn bã mía cũng vững dạ.

Khi cây sắn (mì) vừa cao ngang ngực mà mặt đất gần gốc có vết nứt là hẳn bị ết sắn củ non, Đ. Cống dùng thanh tre vót sắc như cái đục, nhân mạnh xuống, kéo lên một củ mì non cỡ ngón tay cái, ngon ngọt vô cùng, còn cây sắn thì vẫn cứ tươi tốt mọc cao còn củ thì... Đ. đã móc đi rồi, vùi đất lại đó ai biết.

Nhưng đi đêm thì có ngày gặp... sóc. Mùa hái bắp, Đ. và tôi giấu vào hang đá hơn trăm trái để phòng đói những tháng ngày “giáp hạt”, nào ngờ bọn sóc phá hoại, chúng moi ra, gặm nhấm nhở rồi tha đi khắp nơi khiến chúng tôi tiếc hùi hụi! “Mưu sự tại nhân, thành sự tại con sóc.”

Một lần Đ. chôm được ở đâu một nải chuối thật to, chàng giấu ngay sau cánh liếp, nơi cửa ra vào mà không ai biết. Khi chuối ứng vàng sắp tới ngày ăn quả thì bị một tên “cần câu” nào đó “mét bu” với qu. ản giáo Môn. Môn kêu Đ trình diện và buộc tội, nhưng Đ. cương quyết chối. Nhờ không bắt được tận tay, không bằng chứng cụ thể nên Đ. không bị quản giáo Môn nhốt. Đ. truyền kinh nghiệm cho tôi:

- Đùng bao giờ tự giác nhận tội, dù có bị bắt tại trận. Nắm được tay, day tận tóc thì cũng cứ giật tay ra mà chối, cóc có việc gì mà phải nhận tội khi phá tài sản XHCN.

Không có nhân chứng nên quản giáo Môn, (Môn người miền Nam có vẻ dễ tính) thấu hỏi vật chứng và không kết án được Đ., nhưng Đ. thì kết tội tên Gia Tôn Tấn, vì nghi Tôn Tấn tố cáo với quản giáo Môn, nên Đ. tính trùm mèn bẻ giò Tôn Tấn khiến tôi phải vất vả cản ngăn. Một mắt mười ngày, anh em đồng tù cứ lục đục nhau trong cảnh túng thiếu khiến trứng kê cai tù.

Võ Văn Đ. thuộc dạng “dài lưng tốn vải” nên còn có tục danh Đ. Cống hay Đ. Cồ. Cồ làm biếng tổ mẹ, nên thường bị đội trưởng Nga... lùn cự nự và đòi mét-bu quản giáo, Đ. Cồ chỉ mỉm cười.

Rồi một sáng Chúa Nhật mùa Đông lạnh lẽo, anh em đội 12 thấy đội trưởng Nga... lùn mang mùng mền chần chiếu đi giặt, vì đêm qua có ai bỏ “caca” vào màn khiến chàng đội trưởng nằm đê lên, cả phòng than phiền mùi xú ối do Nga... lùn đùn-ìa, trong khi Đ. cười mỉm chi. Đúng Đ. là thủ phạm, là “đức cống”. Từ đó đội trưởng ít bép xép hơn. Đội trưởng biết thủ phạm là ai nhưng đành cắn răng ngậm bồ hòn làm ngọt, vì Đê-Nga cùng là “anh em với nhau”, cùng ở đơn vị cũ cả mà.

Đ. chọc quê mấy anh đội trưởng, tổ trưởng mẫn cán là “chuyện thường ngày ở huyện”. Đ. còn cố tình chọc quê bộ đội và quản giáo. Khi quản giáo ra chỉ thị hay phát biểu điều gì xong là Đ. đều xin có ý kiến, mà toàn những ý kiến “giả khờ ăn tiền”. Đang cuộc lễ để trồng sắn, thấy quản giáo lảng vảng kiểm soát, Đ. đưa tay nói trống không:

- Xin có ý kiến.

Quản giáo đến:

- Cái rì thế anh Đ..?

Đ. ra điều chú tâm tìm hiểu canh tác, phát huy năng xuất cây trồng theo chỉ thị của trại nên Đ. hỏi quản giáo lý do tại sao phải đào hố rồi mới bỏ hom sắn xuống, bỏ như thế nào có năng xuất cao v.v... Đ. hỏi linh tinh chuyện trên trời dưới đất còn quản giáo tưởng thật nên cũng giảng giải từ đất lên trời. Thấy Đ. chống cuộc đứng đàm đạo với quản giáo là anh em tù cũng chống cuộc nghe theo. Thế là phe ta nghỉ khỏe ít ra cũng 15 - 20 phút.

Đi lao động ngoài đồng, luôn có bộ đội cầm súng đi theo canh chừng, quản giáo và bộ đội ra lệnh ai muốn “đi ngoài” thì phải báo cáo cho “cán bộ nắm”. Thế là Đ. có lý do đi ngoài liên miên, khi thì đi tiểu, khi thì đi đại, nhưng ai để ý thì mới biết Đ. đều, xỏ ngọt cai tù. Đ. nói to:

- Báo cáo, tôi xin đi ỉa để cán bộ nắm...

- Được. (*Bộ đội chỉ trả lời một chữ “được”.*)

Thế là Đ. tùm tùm cười vì 4 tiếng: “để cán bộ nắm”.
Lát sau Đ. lại lớn tiếng:

- Báo cáo..., tôi xin đi đái, để cán bộ nắm.

Mới cuộc được vài hót mà Đ. bắt cai tù nắm hết cái nọ đến cái kia, Đ. đi tiêu còn có cái gì đó để cán bộ nắm chứ Đ. đi tiêu thì cán bộ nắm được cái gì, không lẽ “nắm nước” nên cai tù bực mình nói ngọng:

- Anh Đ. làm cái rì mà đi ỉa “nắm” thế?

- Thưa cán bộ tôi mới ăn nửa cân thịt bò.

- Anh nói cái rì? Bò bê ở đâu có mà anh ăn?

- Thưa cán bộ, quản giáo Môn dưới làng nói rằng 3 cân lá sắn bỏ bằng 1 kg thịt bò, tôi mới ăn cân rười lá sắn...

Vài hàng kỷ niệm vui buồn với các thầy trong những ngày tù tội, Thầy Toán, Thầy Giác là biểu tượng của những “cây tùng trước bão”, nhưng với Thầy Đ. có một lối chống đối, phá thói “chính sách khoan hồng nhân đạo” rất là “hết ý”, làm ít, cãi nhiều nên tôi phải thêm một chữ thầy nữa cho đúng với tài năng ứng biến của Đ: “thầy cãi”./.

Lão Lượm “Ve Chai”

Vào giờ nghỉ trưa, đa số công nhân hãng L.A Laundry tụ tập quanh xe lunch. Tôi đang loay hoay kiểm soát mấy bộ quần áo “samples” để mang giao cho hãng Guess, thì nghe có tiếng la hét ồn ào quanh xe lunch. Ngó ra tôi thấy lão Tony Joseph (tên Việt Nam là Tôn) đang bị thằng Mexi-Guapo nắm hai cổ tay lão kéo tới, xô lui như mèo vờn chuột, còn lão Tôn thì cố vùng vẫy và miệng la: “F... you”, trong khi đó đám đông, những người anh em gốc “thích đậu, thích đỗ” thì hò reo, cổ võ cho hai người đánh nhau để họ đứng ngoài vỗ tay cười chơi.

Tôi không ưa lão Tôn, nhưng khi thấy thằng Mexi-Guapo hành hạ lão ta quá, tự ái dân tộc nổi lên, tôi đi tới can họ ra, nhưng Guapo lại mạnh tay hơn, túm cổ lão Tôn nhắc lên. Tôi kín đáo dùng ngón tay cái và ngón trỏ

bấm mạnh vào tử huyết ở bàn tay Guapo khiến nó đau quá vội buông lão Tôn ra rồi hấn gườm gườm nhìn tôi. Tôi nói lớn cho đám đông nghe: “Sorry Guapo, this old man is my brother.” Rồi tôi nhìn vào mắt Guapo và nói nhỏ, hù hấn một câu:

- Cùi-đa-đồ (đại khái là mày coi chừng tao).

Vì ông chủ và tôi là chỗ quen biết từ trước nên tôi “Mượn oai hùm nhất khi” hù tên Guapo này để hấn không còn bắt nạt lão Tôn nữa. Hai đối thủ cố lải nhải với nhau thêm vài câu nữa rồi bỏ đi, còn đám đông quay lại ăn uống bình thường. Tôi thì về thu xếp các mẫu hàng đem đi giao, không thềm hỏi lão Tôn một câu lý do tại sao thằng Guapo lại đánh ông ta.

Hãng L.A Laundry, ở El Monte, thầu giặt quần áo “Jean” cho các hãng Guess, Bongo, Infinity, Lewis, công nhân đại đa số là dân vùng Nam Mỹ, chỉ có Tôn và tôi là người Việt. Tôn làm trong toán xếp quần áo, còn tôi phụ trách đi nhận và giao các mẫu hàng từ các hãng kể trên. Tôn, cũng là dân “ho-hen” (H.O) như tôi, đến làm việc ở đây trước tôi nên khi mới vào làm, tôi rất mừng và lễ phép với “niên trưởng” Tôn. Dần dà vì làm khác nhiệm vụ và nhất là thấy Tôn làm “mất mặt” người Việt nên tôi rất bực mình, không tiếp xúc nữa, nay khi thấy tên Guapo hành hạ đồng hương tôi buộc phải ra tay mà thôi.

Lý do tôi không ưa lão Tôn vì lúc nào bên hông ông ta cũng đeo cái túi nylon, hễ thấy cái chai nhựa hay loon nhôm nước ngọt sô-đa nào mà công nhân uống xong rồi vất đi là Tôn nhặt lên, bóp dẹp rồi bỏ vào bịch, trong khi đó thằng Mexi-Guapo cũng làm chuyện tương tự, cũng đi nhặt loon nhôm Coca, chai nhựa v.v... Thế là họ thường cãi nhau khiến tôi không thích Tôn, Tôn đi nhặt rác, làm rát mặt lây sang tôi, trong lòng tôi coi thường Tôn từ đó.

Sau một thời gian tôi can thiệp chuyện cãi nhau với anh chàng Mễ thì Tôn xin nghỉ việc, trước khi đi, Tôn đến bắt tay tôi chào và nói:

- Tạm biệt bạn, cảm ơn bạn đã bênh vực tôi, chắc trong thời gian qua bạn ngứa mắt và bực mình vì tôi đi lượm rác, nay tôi đi chỗ khác để bạn khỏi phải trông thấy cảnh đồng hương đi lượm rác nữa. Tôi đã kiếm được “good job” mới ở Little Saigon rồi, lương bắt đầu một giờ là 13.75 đô la Mỹ. Hy vọng chúng ta có dịp gặp lại nhau thì bạn sẽ hiểu lý do tại sao tôi lại đi nhặt mấy cái vỏ chai nhựa, loon nhôm.

Từ Little Saigon tôi lái xe qua các free-way 22, 405, 605, 5 để đến hăng ở El Monte, làm việc với lương 5.75 đô la Mỹ một giờ. Nay tôi nghe Tôn nói có job mới ngay tại Little Saigon với lương cao gần gấp ba lần, tôi nghĩ hấn nỏ. Làm quái gì có job nào ngon như thế cho dân “H.O” nên tôi hững hờ bắt tay lão Tôn rồi nói:

- Chúc Tôn may mắn, có job mới lương cao thì đừng nhạt rác nữa nghe.

Tôn mỉm cười khó hiểu.

Trước đây tôi đã không vui khi thấy mấy cụ già trong khu chung cư của tôi đi lượm chai nhựa, loon nhôm trong các thùng rác. Ở Mỹ này với tuổi của các cụ thì có trợ cấp tiền già, tiền bệnh, để đủ ấm no, việc gì phải đi moi móc như thế coi bệ rạc quá! Có lần tôi cầm mấy vỏ loon bia đưa cho một cụ thường lượm ve chai và nói:

- Cụ đừng mở thùng rác nữa, nhờ có vi trùng hay rắn rết thì rất hại cho sức khỏe tuổi già, mà cụ lượm mấy thứ này để làm gì vậy?

Cụ rất vui khi tôi cho mấy cái loon nhôm, rồi cụ giải thích rằng cụ gom các thứ này lại để đem bán, năng nhặt chặt bị, từ vài đồng rồi thành vài chục, lâu lâu được một trăm thì gửi về cho con cháu hoặc cô nhi viện. Nghe cụ già giải thích vậy thì biết vậy, nhưng tôi vẫn cảm thấy áy náy, không thoải mái khi nhìn các cụ đi lượm loon.

Khi hãng L.A Laundry đẹp tiệm thì tôi thất nghiệp, đành phải đi làm “Thợ Đụng” (tên cuốn truyện của nhà văn Phạm Kim Khôi), nghĩa là đụng việc nào là làm việc đó, không có việc thì đứng ngó trời-trăng hay “ta buồn ta đi lang thang”. Rồi bất ngờ tôi đụng Tôn tại đại nhạc hội Cám Ôn Anh Thương Phế Binh kỳ 4 do Hội Cứu Trợ

Thương Phế Binh và Quả Phụ, tổ chức tại Garden Grove ngày 1/8/2010.

Đang ngồi ghé xem ca nhạc thì tôi thấy Tôn mang những chai sữa đậu nành len vào các hàng ghé để bán cho khán giả và vẫn nhặt loon. Tôi lờ hẩn đi nhưng khi hẩn bước tới hàng ghé tôi ngồi và trao tận tay tôi chai sữa đậu nành thì không lờ được nữa. Tôi bèn chào qua loa cho có lệ và lại càng ghét thêm vì tội hẩn nỏ, kiếm được “good job” với lương bắt đầu 13.75\$/ một giờ mà vẫn đi lượm loon nên tôi cố ý hỏi một câu mà những người lịch sự không bao giờ dùng:

- Chắc hồi này lương của Tôn lên tới 19 đô la Mỹ một giờ rồi nhỉ?

Dường như Tôn không thềm để ý đến câu tôi hỏi thiếu tế nhị mà lại cười tươi:

- Không, lên đến 20.25 đô la Mỹ rồi. Nếu bạn muốn đổi job như tôi thì tôi chỉ cho, thật đấy. Đây là số tele của tôi, 714-987-xxxx khi nào muốn thì liên lạc.

Tôn cười thân thiện rồi tiếp tục đi bán, mang chai sữa đậu nành trao tay cho khán giả xem Đại Nhạc Hội. Tuy Tôn trả lời có vẻ thành thật, nhưng tôi vẫn nghi ngờ, làm cái gì mà lương 20.25\$ trong khi khả năng chỉ có ngón trở ngày xưa dùng để bóp cò... súng.

Nghề thợ đụng của tôi ngày càng khó kiếm, bị số đông người anh em gốc “Xi” đứng trước cửa chợ Người

Việt cạnh tranh, nhưng tôi vẫn cóc cần gọi “Tôn Nở” như lời hấn dạn. Rồi một ngày, bất ngờ Tôn gọi tôi và mời đến nhà chơi. Tự ái như được vuốt, tôi nhận lời đến thăm dân nở cho biết sự tình.

Tôi đến thăm Tôn vào chiều cuối tuần. Người đón tôi ngoài cửa không phải là Tôn như tôi nghĩ mà là chị Tôn. Với cử chỉ lịch sự, chị nói:

- Xin lỗi anh, nhà tôi đang bận ngoài góc vườn, anh ấy mời anh ra vườn. Tôi cự nự thì anh ấy nói: “Khách muốn coi việc anh ấy làm.” Vậy tôi xin lỗi anh trước.

- Cám ơn chị, chính tôi muốn xem công việc của anh Tôn.

Cùng là dân gốc “Bê-Ka” (Bắc-Kỳ) nên tôi làm ra vẻ thân tình với nhau một tí chứ tôi có biết Tôn làm cái nghề nghề gì đâu. Thực lòng thì tôi hơi buồn vì Tôn mời khách đến chơi mà dẫn ra góc vườn thì chỉ có “dân chơi cầu ba cẳng” chứ dân Bolsa ai làm thế bao giờ! Nhưng lỡ rồi, cứ ra vườn xem sao. Khi đến gần tôi choáng váng vì cái mùi chua-chua, thiu-thiu trong đồng chai lọ chất góc vườn xông vào mũi. Tôn ngừng làm việc, tháo đôi găng tay ra rồi bắt tay và mời tôi ngồi vào cái bàn có dù che ở góc vườn vừa lúc chị Tôn mang ra hai ly cafe sữa. Tôn mời tôi uống và vào đề ngay:

- Tôi đang làm việc ở học khu Garden Grove. Tháng tới họ sẽ mở một lớp học buổi tối về “custodian”. Sau

một tháng nếu ai đủ điểm thì sẽ có chứng chỉ, với cái chứng chỉ này sẽ giúp chúng ta đi tìm việc làm ở các học khu tương đối dễ dàng. Nếu anh muốn thì đến ghi danh ngay đi, họ chỉ lấy 40 học viên thôi. Trước đây tôi cũng làm thế và tôi đã tìm được job ở học khu Garden Grove, lương bắt đầu vào khoảng từ 12-14 đô la/ một giờ và tăng lên dần lên tối đa là 23 đô la/ một giờ tùy học khu.

- Custodian là nghề gì, có cần nói thông thạo tiếng Mỹ không, chú tôi thì...

- Là trông coi, quét dọn, hút bụi, đổ rác v.v... ở các trường học. Việc còn nhẹ nhàng hơn ở nhà khi bà xã nhờ, tiếng Mỹ tôi tệ hơn anh mà còn làm được, anh thì dư sức.

Thế rồi Tôn hướng dẫn tôi cách ghi tên, cách học thi, khi có chứng chỉ làm việc rồi thì Tôn chỉ cách tìm việc làm ở các học khu trong vùng Orange County. Các học khu có rất nhiều việc, từ săn sóc bảo trì trường học, cắt cỏ, tỉa cây, sửa điện, thư viện, phụ giáo v.v...

Sau khi hướng dẫn tôi tìm việc làm xong, Tôn quay về chuyện cũ ở L.A Laundry:

- Hồi còn làm ở L.A Laundry, tôi biết bạn khinh tôi về cái vụ tôi đi nhặt rác, nhưng thầy kệ, mắc mớ gì giải thích. Sau khi bạn bệnh vực tôi, trị tội thằng Guapo, tôi hứa là sẽ có ngày giải thích cho bạn hiểu tôi hơn. Đây là lúc tôi cần nói cho bạn rõ để hy vọng trong tương lai,

nếu có job mới thì bạn tiếp tay với tôi. Vì công việc ở trường học là quét dọn, số chai nhựa, loon nhôm lại nhiều, nên tôi tiếp tục “nhặt rác”. Mấy bao ở góc vườn kia là vỏ chai nhựa và loon nhôm đấy, chiều nay tôi sẽ mang tới “recycle center” bán, trung bình mỗi tháng kiếm 40-50 đô. Chùng nào đủ 100 đô thì tôi mang tới “đổi” cho lão Bà-Bà Hạnh Nhơn, Hội H.O, lấy một cái biên lai. Còn lão Bà-Bà Hạnh Nhơn dùng tiền đó vào việc gì thì bạn và cộng đồng này biết cả rồi: gửi quà cho các anh em Thương Phế Bình (TPB)

- Xin lỗi anh Tôn, bây giờ thì tôi hiểu rồi, bữa đại nhạc hội TPB mà anh đi bán sữa đậu nành cũng là mục đích tình nguyện kiếm tiền lời cho Đại Nhạc Hội?

- Đúng thế, trong các đại nhạc hội Cám Ôn Anh TPB, nếu để ý thì sẽ thấy anh Long Hải Quân đứng mũi chịu sào gian hàng bán thực phẩm, anh Vương Thực, Không Quân, bê các khay trái cây lên vào các hàng ghế để bán cho khán giả, tôi theo chân hai anh ấy. Ngoài ra còn có rất nhiều các chị thiện nguyện và các cháu thanh thiếu niên Phật Tử đi bán nữa, tất cả vì TPB. Rất buồn là anh Thực đã “đi xa” rồi!

- Tôn, anh làm công việc này thì chị và các cháu có biết không, phản ứng ra sao?

- Bạn bè coi thường là chuyện bình thường, nhưng vợ con không hiểu mới là phiền. Lúc đầu thấy tôi tha

những chai nhựa về để góc vườn là nhà tôi cần nhẵn, bà ấy mang bỏ vào thùng rác. Còn hai đứa con thì chúng không thèm ra vườn, cực chẳng đã, khi phải ra vườn thì chúng bịt mũi! Cuối cùng tôi đành phải nói thật, tôi dẫn nhà tôi tới thăm cái ga-ra của chị Hạnh Nhơn là kho chứa 20 ngàn hồ sơ TPB, nhà tôi tâm phục khẩu phục Lão Bà-Bà và hiểu chuyện tôi làm nên bà ấy giải thích cho hai đứa nhỏ đừng “bất mãn” việc làm của tôi nữa.

- Thế các cháu phản ứng ra sao với ông bố đi lượm rác?

- Nhà tôi thì trực tiếp tham gia, “đặt hàng” các bà lối xóm, bạn bè, ai có loon nhôm thì cho, thế là bà mang về góp vào đồng rác kia. Có nhiều chị còn gom vỏ chai bia, nhưng chai nặng quá, tôi bị sụm lưng nên sợ rồi, không dám nhận vỏ chai thủy tinh nữa. Thú thật từ khi có vợ tiếp tay, tôi không còn gửi tiền lẻ tẻ cho chị Hạnh Nhơn nữa mà xin chị cho chúng tôi “take care*” 3 hồ sơ Thương Phế Binh.

Nghe anh Tôn tâm sự, tôi muốn biết thêm chi tiết:

- “Take care” hồ sơ TPB là thế nào?

- Thay vì Hội H.O giữ hồ sơ anh TPB Trần và gửi tiền thì mình xin giữ hồ sơ đó và trực tiếp gửi tiền cho anh Trần với tiêu chuẩn bằng hoặc nhiều hơn số tiền Hội H.O yểm trợ. Tùy theo khả năng mình có thể “take care” vài hồ sơ TPB, khi nào mình không còn khả năng thì trả

lại hồ sơ TPB đó cho Hội H.O tiếp tục theo dõi. Nếu mỗi gia đình cựu quân nhân ở hải ngoại này, hoặc một gia đình H.O mà chịu trách nhiệm một hồ sơ TPB thì Hội không còn bị điều ong tiếng ve, thêm nữa sự liên lạc, giao tiếp giữa các gia đình yểm trợ và anh em TPB gần gũi, thăm tình đồng đội hơn.

- Giải pháp này hay đấy.

- Đúng là hay và lý tưởng. Nhưng tưởng dễ mà khó, thà yểm trợ vài trăm cho xong chứ giữ và theo dõi một hồ sơ thì hơi khó, “khó vì lòng người ngại núi e sông”. Mới đây có một anh TPB đã qua đời khi tôi chưa kịp gửi tiền về, vì thông thường tôi chỉ gửi tiền vào dịp gần tết. Sau khi anh TPB chết, tôi hoàn lại hội hồ sơ này cho chị Hạnh Nhơn, mà chỉ còn giữ 2 hồ sơ thôi. Riêng hai cháu, con tôi, không trực tiếp tham gia như mẹ, nhưng mới đây, khi hai cháu tốt nghiệp luật sư, hai cháu đã hỏi tôi là xin tình nguyện làm Public Defender, đại khái là làm luật sư bào chữa miễn phí. Dĩ nhiên tôi OK. Hiện nay hai cháu thường xuyên đến trại giam thăm các thanh thiếu niên nghi can gốc Việt để tìm hiểu tâm tư và hoàn cảnh nào các em bị vướng vào vòng lao lý. Hai cháu cho tôi biết có nhiều hoàn cảnh các em nghi can rất đáng thương, hai cháu dùng mọi tình lý để giúp các em.

- Chắc là hai cháu thấy bố đi lượm rác, không lượm cho mình mà để lo cho người khốn cùng thì các cháu noi

theo gương bố, đi lượm “rác” cho những tuổi trẻ vương vòng lao lý, “cha nào con nấy”. Chúc mừng anh.

- Tâm sự cho bạn biết đầu đuôi để bạn khỏi khinh tôi khi tôi đi lượm loon. Nếu mai một bạn kiếm được job ở trường học thì nhớ tiếp tay với tôi trong công việc tiếp hơi cho anh em thương phế binh của chúng ta hiện đang ngắc ngoải trong địa ngục trần gian. Nhưng nhớ đừng viết linh tinh về việc này, nhiều bạn bè không hiểu lại “bĩu môi” với tôi. Cũng đã có trường hợp “bạn thân” hiểu lầm rồi mĩa mai tôi là thế này thế nọ, họ nghĩ họ là những cây đinh, hoặc cái rốn của vũ trụ. Cực chẳng đã tôi mới tâm sự cho bạn biết, Kinh Thánh đã nói: “Tay phải làm việc thiện thì đừng cho tay trái biết.”

Tính tôi hay viết lách lãng nhãng, nhưng tôn trọng lời anh Tôn dặn, tôi đã giữ kín việc này lâu rồi, nay đã tới lúc có nhiều lý do mà tôi đành phải bật mí một chuyện bí mật. Tôi vẫn tôn trọng lời anh dặn, không nêu tên thật của anh. Còn việc Kinh Thánh nói “*tay phải làm việc thiện đừng cho tay trái biết*” thì đó là chuyện hai ngàn năm về trước, hồi đó chưa có TPB/VNCH. Còn ngày nay, các TPB đang chết dần chết mòn nên tôi phải viết câu chuyện “Lão Lượm Ve Chai” coi như một thí dụ điển hình để kêu gọi chúng ta cùng nhau, không phải làm việc thiện, mà hãy nghĩ đến món nợ của chúng ta đối với các anh TPB kéo không kịp. Theo tôi biết thì trong năm 2014 đã có 20 anh em thương binh của TQLC đã ra đi,

như vậy số TPB của tất cả các đơn vị mà Hội H.O “take care” hẳn là đang nối đuôi nhau để xung phong “lên đời” không phải ít.

Người TPB trẻ nhất cũng đã 58 rồi, (18+40=58)! Với tuổi đời 58, chúng ta ở hải ngoại sinh sống và thuốc men đầy đủ như thế nào thì ắt sẽ hiểu với điều kiện sinh sống thiếu đủ thứ, thiếu cả một phần thân thể thì các anh ra đi sớm không có chi là ngạc nhiên, điều cần nghĩ đến là nếu chúng ta quá thờ ơ với việc “nợ nần dan díu bấy lâu nay” chưa thanh toán mà vội xoa tay: “Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo” thì có vẻ quít nợ quá!

Lý do nữa mà tôi phải viết bài này vì Hội H.O cùng đài SBTN sẽ phối hợp với Bắc California để tổ chức Đại Nhạc Hội TPB kỳ 9 tại San Jose vào ngày Chúa Nhật 12/7/2015, viết để tặng các thiện nguyện viên và cầu mong các thiện nguyện viên dấn thân hơn nữa trong việc tiếp tay với Hội HO. Tôi viết để xin các đồng đội, đồng môn, đồng bào tiếp tay để gửi gói quà cho các anh em TPB tại quê nhà, mọi đóng góp xin gửi về:

***Hội H.O Cứu Trợ TPB & QP.
P.O BOX 25554, Santa Ana CA 92799***

Không nhiều thì ít, ít nhất là nếu chúng ta, những cựu quân nhân ở hải ngoại này có uống bia thì cứ uống,

nhưng xin giữ lại cái loon nhôm hay vỏ chai, cả hai thứ đó đều rất có ích đối với người lượm ve chai. Nếu các bạn là những nhà “tu”, sau khi tu xong thì để cái loon nhôm dưới đất, co chân lên đạp một cái “rụp”, loon nhôm dẹp lép, gom nó lại, cho vào túi nylon đầu hè, ới một cái là có người pick up, 5-7 cents một cái loon chứ ít sao. Năng nhặt chặt bị, gom lại sẽ có một tí quà cho đồng đội bị cụt chân tay, mù con mắt!

Chúng ta uống bia thì cứ uống thoải mái, nhưng xin tặng lại cho anh em TPB cái vỏ chai bia, chúng ta uống Coca Cola thì tặng lại cho anh em TPB cái loon nhôm. Hãy tự cứu anh em TPB của mình trước đã trong khi chờ đợi...

Chờ đợi điều gì!./.

VỢ CHỒNG LỪNG CÙNG CÙNG TẠI CON CHIM

N hư thường lệ, mỗi buổi sáng đúng 6 giờ là tôi sang rủ Phi đi bộ, nhưng hôm nay thấy anh đang đi tới đi lui bên hông nhà mà lại còn phì phà điều thuốc trên môi. Thấy chuyện lạ, tôi chưa kịp “Good Morning Sir” thì anh đã nhỏ nhẹ:

- Ông đi một mình đi, hôm nay tôi thấy trong người hơi mệt.

Tôi đưa tay chào anh theo lối nhà binh rồi đi một mình nhưng không quên quay lại nhắc chừng anh để ý đến áp huyết, nếu cần thì làm một viên aspirin 81. Thiếu Phi đi bộ cùng, tôi cảm thấy “như cô đơn” và việc Phi dở chứng hút thuốc lại làm tôi thắc mắc, chắc là có chuyện gì kém vui đây, nghĩ vậy khiến tôi không còn hứng thú đi tiếp nên quay về.

Trong khu tôi ở có khoảng hơn hai chục gia đình người Việt, các bà thì quen thân với nhau lắm, họ rủ

nhau đi bộ mỗi buổi sáng, đi chợ cuối tuần, trong vườn có trái cây thì đem tặng nhau kèm theo nụ cười và trao đổi những chuyện hằng ngày. Đúng là “bán chị em xa mua láng giềng gần”. Nhưng láng giềng đối với cánh đàn ông thì vẫn xa-xa, vì công việc làm ăn và thì giờ quá eo hẹp nên họ thường vẫy tay chào nhau rồi ai về nhà nấy. Riêng Phi và tôi thì quen biết nhau từ trại “cải tạo” số 8 Hoàng Liên Sơn, Bắc Việt, hơn nữa Phi và tôi cùng là học trò của ông Tỉnh Hậu Nghĩa, nay ở cạnh nhau nên dễ kết thân như anh em.

Lúc còn ở trong tù, vì anh là dân tác chiến nên khi đi lao động trên núi trên rừng là anh nhanh như sóc. Chỉ tiêu trại giao khá nặng đối với người yếu nhưng không thành vấn đề đối với anh nên khi xong việc là anh quay sang giúp bạn đuổi súc trong tổ như Thắng-Què, Sơn-Chột, v.v... sau đó thì Phi thoát biến vào rừng với “con rựa” trên tay. Khi trở lại thì thế nào cũng có nắm mèo, củ hũ dứa, đôi khi một túi cua đá mà anh mò được trong các khe suối. Cái hay là Phi không ăn mà cho anh em trong tổ. Tôi hỏi lý do thì anh nói đi cho biết núi biết rừng chứ bao tử của lính tác chiến đã quen với kham khổ rồi nên dễ thích ứng với khẩu phần lương thực nhà tù. Sau này tôi mới hiểu anh xông pha vào rừng rậm là có lý do muốn tìm tự do, nhưng mục đích không thành, mưu sự tại Phi mà thành sự do thằng cầm súng AK.

Vài ngày sau vẫn không thấy Phi đi bộ. Tôi chưa kịp gặp để hỏi thăm anh có phải vì bệnh cao máu không thì vào buổi chiều cuối tuần, khi các bà rủ nhau đi xem “Lá Thư Chiến Trường” của trung tâm Asia, thì Phi sang nhà tôi chơi, vẫn ra góc vườn nơi chúng tôi thường ngồi với ấm trà Thái Nguyên và chuyện chiến trường xưa, nhưng hôm nay vừa ngồi xuống là Phi rút từ trong túi áo jacket ra chai rượu đã voi đi một phần ba, tu một hớp rồi đưa qua tôi:

- Làm một ngụm cho ấm bụng.
- Làm thì làm chứ sợ thằng Tây đen nào.

Đón chai rượu từ tay Phi, tôi ngửa cổ làm một ngụm nhỏ, rượu Martell cay sè đắng nghét, ôi vị ngọt ngày xưa nay còn đâu! Chai rượu uống dở dang thế này chắc là mấy bữa nay Phi “tu” một mình. Trong giới lưu linh đã truyền cho nhau bí kíp: thứ nhất chớ tu tại bar*, thứ nhì không tu tại gia*, thứ ba hãy “tu chùa*”, nay Phi vi phạm giới cấm thứ hai (tu tại gia) thì là do nguyên nhân quái đản gì đây?

*(*Tu là cầm cả chai, ngửa cổ mà đổ vào họng, tu ở bar nó cắt cổ, tu ở nhà khổ vợ, tu chùa, tức uống chùa là khỏe nhất, không mất tiền.)*

Tôi nhớ mãi cái ngày vì sức khỏe của các Bà (viết hoa đây nhé) mà chúng tôi đành phải ngoéo tay nhau hứa

không “tu” nữa. Cụ Tú Xương khi xưa cũng vì các bà mà bỏ rượu đấy:

*Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lãng nhăng nó quấy ta
Chừa được thứ nào hay thứ ấy.
Có chẳng là chừa rượu với chừa trà.*

Tế Xương.

Cụ Tú là nhà nho nên chỉ có “ba cái lãng nhăng”, tụi tôi là nhà binh nên có thêm hai cái nữa là café thuốc lá. Ở Mỹ rượu ngon không thiếu, thuốc thơm đủ hiệu mà đành lòng phải chia tay người tình “khói sương” (Trương Ván) để chỉ còn chung tình với các bà mà thôi. Không biết cụ Tú lãng nhăng với bao nhiêu bà thì không thấy nói nhưng còn Phi, từ ngày về ở rể thì chỉ có một bà. Đôi lúc tôi chê anh “cù lằn” thì anh nhếch mép cười:

- Cậu tìm hộ tớ xem có cô nào đẹp, dễ thương và hiền (!) như bà của tớ không đã?

Thực tình từ đáy lòng thì anh “đần” ông nào cũng thầm khen vợ mình đẹp, ngoan, hiền (?) và dễ thương nhưng ít khi nào dám nói thật với vợ vì sợ các bà làm tới nên chỉ đem khoe với nhau trong đám bạn đàn ông mà thôi. Phi ca tụng “nhà tôi” của anh, tuy chưa bao giờ sửa sang mà “nội thất” vẫn còn như mới cũng là lẽ thường tình. Nhưng thái độ bất thường, phá giới, hút thuốc, uống

rượu của anh mấy hôm nay chắc là có gì không ổn đây!
Tôi đưa chai rượu lại cho Phi rồi nói:

- Rượu ngon mà sao hồi này uống thấy đắng nghét,
đề tôi đi pha ấm trà.

Phi níu tay tôi lại:

- Thôi khỏi, trà làm gì cho đời thêm chất. Mà nói
đúng “lòng buồn rượu có ngon đâu bao giờ”, tao đang
buồn.

Tuy đồng tuổi và thân với nhau từ lâu nhưng trong
cách xưng hô, chúng tôi vẫn dùng hai tiếng “ông-tôi”,
nay bất ngờ nghe Phi “mày-tao” nên tôi ngòì lại và nhìn
thẳng vào mắt Phi như chờ đợi lắng nghe để chia sẻ nỗi
buồn với bạn. Phi ngần ngại chằm chằm chằm điều thuốc
gắn lên môi rồi mới nói:

- Tôi đang có chuyện bất đồng với bà

- Bất hòa hay bất đồng?

- Rõ khi, bất nào cũng là bất, vợ chồng tôi gần hắt
nhau. Bà ấy sửa lưng tôi, tôi sửa lại, thay vì cãi lưng cho
nhau thì cả hai cùng phê, nhưng lại sửa lưng nhau nên
mới sinh chuyện. Thế là sinh to tiếng chỉ vì chuyện
không đâu, chuyện vợ vắn, vì chuyện con ch...

Tôi chặn ngang lời Phi:

- Tưởng gì quan trọng khiến ông mất ngủ chứ còn
chuyện bất đồng ý kiến giữa hai vợ chồng là bình thường

không thể tránh được, không bắt đồng mới là chuyện lạ. Càng già càng nảy sinh nhiều dị biệt mà bắt nguồn cũng từ cánh đàn ông chúng mình mà ra cả. Này nhé, khi còn trẻ, ta lẻo đẻo theo sau cô nữ sinh thì không tiếc lời khen em xinh em đẹp, đến khi được sánh vai, đi chung một đường thì đâm ra hà tiện lời nói, tới tuổi da nổi đồi mồi thì chỉ biết nói nhiều về dĩ vãng của cá nhân mình, nói mãi chuyện trai gái, chuyện nhậu nhẹt, chuyện đánh đấm từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc mà chẳng lưu tâm gì đến “hiện tại”, chuyện người đang ngồi ngay trước mặt, đã từng ôm chặt chung nhau giấc mộng. Nếu cùng phải đi ra ngoài đường với nhau thì ông nhanh chân đi trước, bà chậm bước theo sau, lâu lâu ông quay lại gắt: “Sao đi chậm thế!”

Vì vậy các bà không “chỉnh” các ông mới là chuyện lạ. Vả lại khi trời phú cho các bà nét đẹp, là người đẹp thì bao giờ cũng đi kèm theo cái nét “cần nhân” cho thêm phần duyên dáng (!). Nghe riết rồi quen, ngày nào thấy vắng tiếng thì nhớ, “nhớ em như nhớ bánh thuốc lào”. Một khi các bà không nói... nhiều mới là điều đáng lo ngại. Khi các bà biếng ăn, ít nói là lúc sức khỏe không được ổn định, đây mới là lúc các ông phải đặc biệt lưu tâm, lo thực sự đấy.

Trong sinh hoạt giữa hai vợ chồng, các ông thường mắc khuyết điểm là “thương em anh để trong lòng”, còn bề ngoài thì tỏ vẻ khô khan lạnh lùng! Đã hà tiện lời

khen lại còn hay lý sự cùn. Rồi một khi “kê ở người đi” thì mới tiếc thương hối hận không biết nâng niu trân quý những điều có sẵn trong tay, điển hình như trường hợp của bố mẹ tôi.

Lúc sinh thời, mỗi khi bàn về vấn đề gì thì bố tôi hay gắt còn mẹ tôi thì lại hay cần nhân, nhưng sau đó thì ông vui vẻ và con tim bà cũng “vui trở lại” nên lại mang bầu, nhờ vậy chúng tôi có tất cả mười bốn anh chị em. Khi tuổi đã cao, cụ bà mắc bệnh cao máu tiểu đường thì cụ ông đích thân săn sóc thuốc men, nhưng cái tật gắt gỏng vẫn còn. Tôi nhớ mãi hình ảnh mỗi khi mang thuốc và ly nước đến cho hiền thể, thay vì nhỏ nhẹ êm dịu thì bố tôi lại cao giọng ra lệnh:

- Thuốc đây bà uống đi.

Cụ bà không hài lòng, có vẻ buồn buồn không chịu uống khiến cụ ông phải gắt lần thứ hai, nhưng khi có con nào thay nhiệm vụ cho bố, mang thuốc cho mẹ thì cụ bà lại lo lắng hỏi:

- Thế bố các con đi đâu rồi?

Khi cụ bà ra “ở riêng”, cụ ông biếng nói nhưng siêng ra vườn “Vĩnh Cửu” thăm viếng và mang hoa tặng cụ bà, việc tặng hoa cho vợ thì bố tôi chưa bao giờ làm khi mẹ tôi còn sống. Khi trước, bố tôi lúc nào cũng bận rộn với sách báo, cái radio bên cạnh làm việc 24/24, hết đài nọ chuyển sang đài kia, trong khi đó thì mẹ tôi lủi thủi một

mình ngoài vườn! Nay thì ông không còn đọc báo, không nghe radio nữa mà thường xuyên ngồi bên cửa sổ, mắt nhìn ra góc vườn, nơi mà khi còn sống mẹ tôi thường ngồi săn sóc mấy cây húng quế, mấy cây ớt hiểm và cả bụi lá mơ, những thứ mà mẹ tôi thường tự tay hái khi bố có món giò heo nấu giã cây.

Những giây phút đó cụ ông nhớ đến cụ bà nhiều lắm, nhất là những buổi chiều vào giờ mẹ tôi tưới rau. Vì nhớ hiền thê nên tôi nghe cụ ông “đọc” nho nhỏ bài ca của NS Lam Phương: *“Sớm hôm khuya tối nhìn quanh một mình, đời mình không có bình minh”*

Không có bình minh mà chỉ còn tuổi già xế bóng hoàng hôn lẻ loi nên cụ lại ngâm nga như muốn khóc bài “Bèo Dạt Mây Trôi” dân ca Quan Họ Bắc Ninh, quê hương của hai cụ:

- Bèo à dạt, hoa à trôi, hoa trôi... em ơi! Em ơi, em ơi anh vẫn đợi em về!

Hình như chưa nói hết nỗi niềm thương nhớ nên mỗi khi thấp nhang bàn thờ, đứng trước di ảnh hiền thê, bố tôi lẩm bẩm một mình:

- Sao bà chỉ nhìn mà không nói gì với tôi vậy? Con cháu đông đủ quanh đây nhưng sao tôi vẫn thấy vắng vẻ quá! Tôi nhớ... nhớ nhớ ba bààà!

Thấy Phi chăm chú lắng nghe chuyện tình cảm của bố mẹ tôi, tôi hỏi ngang một câu chẳng liên quan gì tới chuyện xích mích giữa hai anh chị:

- Hồi này ông còn gặp những cơn ác mộng về thời gian lúc ở tù không?

Nghe nhắc đến những ngày đen tối trong lao tù CS, Phi mỉm cười:

- Vẫn gặp ác mộng hoài, khiếp quá! Đã gần 40 năm rồi mà sao nó cứ luẩn quẩn trong đầu mãi. Mới đêm qua tôi còn mơ thấy bị viết lý lịch, viết đi viết lại không xong khiến tên quản giáo cùm tay tôi vào connex tê cứng, không cử động được. Tôi la, tôi hét rồi giật mình tỉnh dậy mới biết đang nằm...

- Đang nằm bên cạnh bà “quản giáo” phải không?

Phi cười ngượng ngập khi bị tôi bắt trúng tim đen. Chúng tôi thường đùa với nhau gọi lên bà xã là bà “quản giáo” để ám chỉ những sự nhắc nhở kiểm soát hằng ngày của các bà, thí dụ như: “Đi đâu mà lâu thế / Đã đi clean răng chưa, thay cái áo sơ-mi ra cho tôi giặt? Làm ơn lau giùm cái sàn trong buồng tắm mà ông vừa đi... làm văng nước tùm lum ra ngoài, v.v...”, và để tự nhắc nhở đến quá khứ đen tối, cùng cực đối khổ so với hiện tại tự do no ấm mà nhớ công ơn thăm nuôi của các bà. Những tên quản giáo muốn tù chết, còn các bà “quản giáo” nhắc

nhờ là mong các ông sống khỏe mạnh và sạch sẽ hơn một chút. Nghĩ vậy nên tôi nói đùa tiếp với Phi:

- Giật mình tỉnh dậy thấy tay tê không phải vì bị cùm mà vì cái gậy của bà đè lên phải không? Đang ngủ mà gặp ác mộng ở dưới 9 tầng địa ngục, khi tỉnh cơn mê mới thấy mình đang bay trên thiên đàng hạ giới nằm bên nàng tiên thì làm gì còn bất đồng bất hòa nữa. Hồi nãy ông nói ông bà giận nhau vì chuyện vợ vẫn, vậy ông có thể kể cho tôi nghe chuyện gì được không?

- Chẳng có gì quan trọng cả, tội tôi lúng củng cũng tại con chim, chim nó...

- Thôi tôi hiểu rồi, không cần giải thích thêm nữa, chuyện này quan trọng đấy, tôi quan trọng nữa là đằng khác. Đầu mối của mọi rắc rối trăm tội lúng củng giữa vợ chồng cũng do từ đầu dây mối nhợ từ đây mà ra, từ con... chim mà ra cả. Người nam không làm tròn bổn phận gia đình, bảo vệ nòi giống mà bỏ đi hoang là có tội với các bà. Nhưng tại sao ông sinh tật hư hỏng mèo chuột từ hồi nào?

- Stop, ông hiểu lắm rồi! Tôi nói con chim là con chim cu có lông có cánh, nó bay trên trời kia kìa, những con chim của mùa Xuân ở đâu kéo về làm tổ, mớm mồi cho nhau rồi hót líu-lo bên khung cửa sổ phòng vợ chồng tôi. Chim như nhạo báng những người tuổi cuối Thu

sang Đông đang nằm ở trong! Chưa hết, chúng còn ị lên cái xe mới mua của bà khiến bà bực mình.

- Bà bực mình với con chim trời thì có liên quan gì tới ông mà bắt hòa?

- Đầu đuôi là thế này: Sáng nào tôi cũng thấy bà vừa xịt nước rửa xe vừa cầu nhàu lau phân chim trên mui xe cả giờ đồng hồ trước khi đi làm. Tôi hứa sẽ tìm cách đuổi chim đi nhưng tôi không làm được và chim vẫn ị. Bà bảo tôi lười như hủi, thế là sinh ra lũng củng.

- Đúng thôi, đầu mối là do ông, chuyện dễ dàng mà thất hứa. Phụ nữ họ rất ghét thứ hứa cuội, đôi khi hận suốt đời những tên “hứa cho nhiều rồi lại thôi”. Ông là chú Cuội thì về xin lỗi chị Hằng đi, phái đẹp vốn dễ mềm lòng và sẵn sàng tha thứ khi mình xin lỗi dù có lỗi hay không.

- Không phải tôi cuội, mà thực ra tôi có đuổi chim, nhưng chỉ làm nửa chừng rồi thôi, nói đúng ra là không đành lòng phá rối tổ ấm của đôi chim cu.

Tối hôm đó khoảng 9 giờ, trong phòng ấm cúng chúng tôi đang coi TV, xem phim Đại Hàn thì nghe ngoài cửa sổ có tiếng “gù-gù” “cạch-cạch”. Đúng là có một đôi chim cu đang gật gù mớm mồi cho nhau, tôi xuống dưới sân dùng vòi nước xịt lên để đuổi chúng đi. Nhưng lạ thay, chúng không bay đi mà còn xê dịch đứng sát vào nhau. Dưới ánh đèn vàng tôi thấy hai con chim

ngheh cổ ngơ ngạc nhìn quanh như tự hỏi kẻ ác tâm nào nữ phá tổ ấm của chúng?Đêm khuya thế này thì biết bay về đâu! Cả hai cùng xù lông vẫy cánh cho vắng những giọt nước rồi lại đứng sát vào nhau.

Nhìn đôi chim ướt mưa, tôi nhớ đến kỷ niệm 40 năm về trước khi người lính trận về phép, đang nắm tay cô nữ sinh dạo phố thì bất chợt trời đổ mưa, họ đứng sát bên nhau trú dưới mái hiên. Mưa càng nặng hạt họ càng nép sát vào nhau, mong sao trời mưa “không dứt”. Nay nhớ lại cảnh ấy làm tôi chạnh lòng, tôi không nữ xịt nước đuổi đôi chim đi, thế là chim vẫn ị và bà nhà tôi vẫn phải tiếp tục rửa xe, rửa sân.

Tôi không dám nói thực với bà lý do chính tôi không đuổi đôi chim mà cứ để chúng tiếp tục hạnh phúc bên nhau, viện cớ “đất lành chim đậu”, đó là điềm tốt. Lại nữa, California đang mùa hạn hán, mọi người phải tiết kiệm nước, không nên hoang phí.

Nghe hai tiếng “hoang phí” là bà xã tưởng tôi trách bà ấy không biết tiết kiệm, bà chặm tự ái, bà giận tôi, tôi giận lại bà ấy. Thế là vợ chồng lúng cụng cũng tại con chim, nói cho rõ hơn, đó là 2 con chim cu ngủ dưới mái hiên nhà tôi.

Nghe Phi kể đầu đuôi câu chuyện, tôi đồng ý ngay với nghĩa cử của anh đối xử với đôi chim, cánh đàn ông vốn khô khan mà còn mũi lòng hướng chi các bà lúc nào

cũng dạt dào tình cảm. Nếu Phi nói thật lý do, nhắc lại chuyện ngày xưa thì chắc chắn bà xã Phi sẽ vui lắm, vì chính chị là cô nữ sinh cùng Phi núp mưa bên nhau dưới mái hiên. Chuyện bất hòa là do Phi không dám nói thật chứ đừng đổ tội tại con chim. Tôi nói với Phi:

- Ông đã bao giờ nghe “câu chuyện gia đình” trong giờ phát thanh Tin Lành của Mục Sư Thủy chưa? Cô Minh Nguyên nói rằng chuyện bất đồng ý kiến giữa hai vợ chồng là khó tránh, nhưng sẽ không đi đến to chuyện nếu cả hai cùng tôn trong nguyên tắc “Mau Nghe, Chậm Nói, Chậm Giận”, nghĩa là sẵn sàng lắng nghe ý kiến của nhau, đừng vội vàng trả lời khi chưa hiểu rõ vấn đề khiến gây nên cảnh “ông nói gà bà nói vịt”, hiểu lầm rồi giận nhau như ông với bà.

Một khi đã lỡ giận nhau rồi thì có sáu bước để làm lành, đây là đề tài rất hữu ích, ông nên tìm hiểu để đời sống gia đình bớt buồn mà thêm vui. Ngoài ra tôi mách ông một mẹo vặt, có thể gọi là tiểu xảo với mục đích để giảng hòa cũng hữu hiệu lắm. Nói nhỏ cho một mình ông nghe thôi, chớ có tiết lộ mà hư bột hư đường hết đấy nhé.

Vợ chồng lỡ giận nhau thì cả hai cùng buồn như mất mát điều gì quý giá nên ai cũng muốn “hòa giải rồi hòa hợp” nhưng vì tự ái, ai cũng ngại lên tiếng trước. Vì thế ông nên lợi dụng lúc chung giường, chung lưng (hai cái lưng dựa vào nhau), nhưng không chung chăn, rồi giữa

đêm khuya ông làm bộ gặp ác mộng, rên la “ú ó”. Đần ông thì sợ ma-đàm, nhưng ma-đàm thì sợ ma thật nên khi nghe ông ú-ó thế nào bà ấy cũng sợ run mà nắm vai lay cho ông tỉnh dậy. Thây kệ, cứ giả bộ mơ tiếp khi nào cảm thấy đủ “đô” thì làm bộ tỉnh giấc trong trạng thái hoảng hốt sợ sệt rồi xịch vào, nằm sát vào... Chắc chắn bà sẽ lo lắng hỏi:

- Anh mơ thấy cái gì mà ú-ó ghê quá khiến em sợ.

Thì anh làm bộ trả lời giọng run run:

- Khiếp quá em ơi, anh mơ thấy đang đi hành quân trong rừng thì bị cọp đuổi, anh chạy trốn thì lại bị sư tử (Hà Đông) chặn đường...

Cũng có thể anh phịa rằng anh đang trốn trại thì bị bắt lại và VC đem anh đi bắn v.v... Đơn giản thế thôi mà được các bà thương trở lại dù mình chưa dám mở miệng xin lỗi. Nghe chồng đi hành quân hoặc bị tù, bị bắn thì các bà sẽ quên hết giận hờn mà chỉ còn tình thương. Đêm nay ông về thử xem sao, nếu thành công thì nhớ giữ kín, kéo một mai gặp ác mộng, ú-ó thiệt thì lại bị đập xuống gầm giường!

Tâm lý chung là chúng ta chỉ biết quý những gì không có hoặc có nhưng đã bị mất mà không biết rằng những gì sẵn có trong tay là những điều quý giá nhất. Hãy cùng nhau cất tiếng ca: *“Nếu có yêu tôi thì yêu bây giờ, đừng để ngày mai khi tôi là..!”*

BỐ CHỒNG NÀNG DÂU

Đã hơn 10 giờ đêm rồi mà tôi vẫn ngồi cầm cú đọc lần thứ hai mục “Phụ Nữ Tâm Tình” về mẹ chồng nàng dâu trên tuần báo Chí Linh. Câu chuyện nói về một bà mẹ chồng thấy con dâu quá hiền lành thật thà, chỉ chăm lo việc nhà mà thiếu trang điểm khiến con trai bà lơ là... mà bà thì cũng đang mong có cháu nội để bông bé, nên bà mẹ chồng chỉ vẽ cho con dâu trang điểm, dẫn con dâu đi Nordstrom mua quần áo mặc sao cho đẹp, cho sexy. Kết quả là con trai ngày càng thương vợ hơn. Lúc đó con dâu mới biết ơn mẹ chồng, nên cô chạy đến chú đầu vào lòng mẹ chồng thì thầm:

- Con cảm ơn mẹ. Mẹ sắp làm bà nội.

Nội dung câu chuyện tâm tình này không bình thường như những chuyện thường xảy ra giữa “mẹ chồng nàng dâu” từ xưa tới nay. Dù thật hay hư cấu thì tôi vẫn thấy vui, thấy yêu đời, mỉm cười một mình trong đêm tối rồi đứng dậy tự thưởng cho mình một ly cafe sữa. Đúng lúc đó tôi giật mình vì cái đèn sân sau tự động bật sáng. Tôi quá đỗi ngạc nhiên khi thấy Hà đến gõ cửa, vội mở cửa ra đề hỏi xem có chuyện gì thì cô vội lách vào rồi tìm chỗ khuất trong phòng khách ngồi, thút thút

khóc. Tôi biết có chuyện cơm chẳng lành, canh không ngọt giữa vợ chồng Thân-Hà nên tôi rót cho cô ly nước và ngồi chờ nghe câu chuyện.

Đứng về vai vế trong họ hàng thì tôi gọi Hà là thím, thím Thân, Vì bố tôi là con trưởng, còn chú Thân là con út, nên Thân và tôi gần bằng tuổi nhau, đánh nhau và chơi thân với nhau từ nhỏ, lớn lên đi lính cùng binh chủng, cùng sang Mỹ theo diện HO, nhà ở sát nhau nên chúng tôi “tuy hai mà một”. Hà cũng là bạn của chúng tôi trước khi lấy Thân nên chúng tôi coi nhau như bạn bè “bằng vai phải lứa”, mỗi khi “chú thím” Thân hục hặc thì Hà tìm tới tôi cầu cứu. Chờ Hà lau nước mắt xong, tôi hỏi:

- Có chuyện gì đặc biệt mà bà sang nhà của tôi giữa đêm khuya?

- Chú của anh quá quắt lắm, tôi không muốn nghe chuyện ông ấy cảm ràm về con Hồng nên ông ấy nổi giận. Ông ấy bảo tôi nếu không muốn nghe “tâm sự” của ông ấy thì đi đâu thì đi. Úc quá nên tôi liều, bỏ đi, tới đâu thì tới. Thấy ánh đèn, tôi biết anh còn thức nên trốn vào đây cầu cứu, nhờ anh chở tôi về nhà mẹ tôi.

- Hiểu rồi, bây giờ bà trốn vào trong phòng kia đi. Thế nào lát nữa lão già này cũng mò sang đây quấy rầy tôi cho mà xem, mọi chuyện sau đó sẽ tính.

Quả thật chừng hơn nửa giờ sau, “ông già ó” sang gõ cửa. Tôi mở rồi giả bộ cau có:

- Khuya rồi mà ông* còn phá tôi gì nữa đây?

(*Vì quen và thân nhau nên tôi xưng “ông-bà-tôi” với Thân-Hà thay vì chú-thím.)

- Hà có sang đây không?

- Cái gì? Hà nào sang đây khi khuya khoắt như thế này. Ông đừng có nghi ngờ...

- Không phải..., vì Hà bỏ đi sau khi tôi la bà ấy.

- Chán ông quá! Giờ này mà bà ấy đi đâu, lỡ có chuyện thì sao? Ông gọi cảnh sát chưa?

- Chưa, nhưng gọi thì nói cái gì?

- Ừ nhỉ, police hỏi đầu đuôi là “lòi” chuyện của ông “abuse” vợ là tàn đời. Có thể bà ấy về bên bố mẹ bà ấy chẳng? Thôi ông về nghỉ đi, mọi chuyện sáng mai tính.

Chú thím Thân-Hà sống rất hạnh phúc với hai con, nhưng kể từ khi thằng Nam đi học ở tiểu bang Washington, tốt nghiệp ngành y rồi lấy vợ cùng lớp là con Hồng và lập nghiệp ở đó luôn. Thằng Nam không về Bolsa, California mở phòng mạch theo ý bố nữa thì bố Thân buồn lắm, quy lỗi cho con Hồng quyến rũ thằng Nam. Chú Thân “bằng mặt mà không bằng lòng”, nổi buồn không biết tỏ cùng ai nên cứ nhè vợ và tôi trút bầu

tâm sự, nghe chuyện phi lý riết rồi Hà và tôi chán khiến Thân càng cảm thấy như cô đơn.

Thông thường từ thời phong kiến và cho đến nay, dù định cư ở Mỹ, xứ tự do nhất thì chuyện “mẹ chồng nàng dâu” vẫn là đề tài không vui, tốn nhiều giấy mực. Trong chương trình hạnh phúc và gia đình của Mục Sư Thủy trên băng tần 1480 AM, cô Minh Nguyên đã nêu ra 21 “nan đề” (vấn đề nan giải) giữa mẹ chồng nàng dâu và đưa ra những phương pháp giải quyết sao cho tốt đẹp. Chương trình này rất thực tế, hữu ích, phát thanh mỗi tuần một lần, trong khi đó thì không hề có vấn đề gì giữa bố chồng và nàng dâu. Vậy mà nó lại xảy ra trong chính gia đình tôi mới đâu: Chú tôi không ưa con dâu, chỉ vì con trai không chọn vợ theo ý ông!

Từ hồi còn chung đơn vị trước 1975, chú Thân, tôi và Hưng là bộ ba sống chết có nhau. Hưng có cô con gái rất xinh và ngoan, cùng tuổi thằng Nam, vì thế chú Thân và Hưng đã nhiều lần cụng ly:

- Sau này hai đứa nhỏ trưởng thành thì tội mình làm thông gia nhà.

Không chỉ hai ông, mà hai bà cũng thuận theo ý chồng. Quả thật lúc đó tôi cũng ủng hộ ý kiến này, ngoài việc hai đứa nhỏ cùng học giỏi, ngoan, hiền xinh gái đẹp trai, cả hai “xúng đôi vừa lứa”, một gia đình lý tưởng tương lai không có gì trở ngại.

Nhưng “mất nước là mất tất cả”, cha đi tù, mẹ vất vả ven sông, vượt biển. Trên đất tạm dung thì gia đình Hưng miền Đông, gia đình Hà miền Tây. Ngày các bố ra tù và đoàn tụ thì lũ nhỏ đã trưởng thành. Cả hai đứa cùng tốt nghiệp đại học, tiểu đẳng khoa thì cũng phải đại đẳng khoa với bạn học, lời hứa năm xưa của hai ông bố thành lời “hứa cuội”.

Mới 7 giờ sáng, Thân đã sang gõ cửa, biết được yếu điểm của ông chú, tôi tố ngay:

- Có tin gì của bà ấy chưa?

- Chưa, không thấy gọi điện thoại, tôi gọi về bên ngoại không ai bắt máy, áy náy quá!

- Chú lú rồi, đuổi vợ ra khỏi nhà mà lại còn mong vợ gọi điện thoại báo tin. Có thể bà ấy đang nằm đâu đó ở trạm xe bus hay “ghế đá công viên”, không bị du đảng thì cũng bị cảm lạnh. Hay là chú gọi police đi, không báo bây giờ, sau này có chuyện gì mới báo là rắc rối thêm. Thà bị police hay tòa án phạt ông tội “abuse” vợ và bắt sống “cách ly” còn hơn là mất vĩnh viễn.

- Rối trí quá, không biết làm sao bây giờ!

Thực ra là tôi hù chú Thân thôi, nếu lúc đó chú mà gọi police là tôi cản liền. Bất chợt chuông điện thoại reo, nhìn cái ai-đi 1-800 là biết quảng cáo nhưng tôi giả bộ:

- Alo tôi nghe... Ai đó? Cái gì? Bây giờ bà đang ở đâu?

Liếc thấy Thân chú ý phần độc thoại của tôi, tôi làm bộ ra dấu im lặng rồi nói tiếp:

- Đừng có liều, bà đang ở đâu để tôi đến đón. Cái gì? Dứt khoát rồi hả? Trừ phi cái gì? Thì bà cứ về nhà rồi ông bà ngồi xuống nói chuyện với nhau dứt khoát một lần cho xong đi.

Tôi buông máy, tỏ vẻ chán nản, quay sang Thân:

- Bà ấy cúp máy rồi, dứt khoát không về lại nữa, không thèm ngồi xuống nói chuyện với ông nữa. Chẳng có gì mà quan trọng sinh to chuyện khiến tan nát hết, hay là ông gọi cho thằng Nam, báo cho nó biết để nó khuyên mẹ nó, hy vọng bà Hà nghe lời con trai.

- Mà điên à? Tao đang mất vợ, báo cho thằng Nam lý do tại sao để rồi tao mất con, mất cháu nội à? Tưởng mà ở ngoài cuộc thì sáng suốt.

Đây là lần đầu tiên ông chú gọi tôi là “mày”! Như vậy là ông ấy đã hoảng tột cùng rồi, đã biết sợ mất vợ, mất con và mất cháu nội, điều mà nhiều lần tôi đã giải thích, nhưng “chưa thấy quan tài chưa đổ lệ”, chưa mất vợ nên ông không hiểu lời khuyên, cứ “chó đen giữ mực”, bắt người khác chịu đựng cái bức dọc vô lý của ông ấy. Chú Thân mắng tôi “điên”, nhưng thực ra là ông trúng kế của tôi rồi. Cảm thấy đã tạm đủ, tôi đưa cho ông ly cafe rồi chậm rãi:

- Ừ thì tôi điên, nên không còn sáng kiến nào giúp ông được nữa. Tuy chưa biết bà Hà đang ở đâu, nhưng còn gọi tele về là vẫn bình an là yên tâm rồi, thế nào bà ấy cũng gọi lại cho tôi. Bây giờ ông về nghỉ ngơi đi, nằm vắt tay lên trán suy nghĩ căn kẽ ngược xuôi. Tôi đi làm. Chiều nay nếu muốn thì sang tôi ăn cơm rồi ta nói chuyện tiếp. Hy vọng lúc đó biết bà Hà ở đâu.

Không còn cách nào hơn, Thân uể oải đứng dậy, đưa tay cho tôi bắt, chỉ nói được câu: “Sorry” rồi lết cái thân già ra cửa. Tôi không nói gì thêm, nhìn theo ông mà mỉm cười:

- Cha nội sập bẫy rồi.

Sau khi Thân về, cửa vừa đóng thì Hà đi ra buồng thông một câu: “Đáng kiếp!” Tôi bàn với Hà là nên về nhà bố mẹ ruột dưới Irvine tá túc vài ngày để cho tôi đóng tiếp vở kịch bắt đắc dĩ này. Hà mừng và đồng ý ngay và đây cũng là dịp tôi phải dứt khoát một lần gỡ rối cho gia đình ông chú và cũng cho chính tôi. Tuy kinh nghiệm về chuyện gia đình chẳng có bao nhiêu, nhưng cái sự đời “Bố Chồng Nàng Dâu” này hoàn toàn do lỗi của chính chú Thân gây ra, nên chẳng cần phải là nhà tâm lý, cứ sự thật mà nói, nói phải “củ cải cũng phải nghe”, nói với tâm lòng chân tình thì hy vọng mọi chuyện sẽ “OK”.

Mới 5 giờ chiều, Thân đã lò mò sang tôi, tay cầm chai rượu Martell đã khai, chắc là chàng buồn quá nên tu trước một hớp đây. Trong tình trạng “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” nên chẳng cần ăn uống gì nhiều, những thứ trong nhà lúc nào cũng sẵn có, một bịch bò viên, 2 gói mì ăn liền là dư. Trông dáng Thân bồn chồn lắm, nhưng tôi cứ đứng đĩnh, chẳng có gì quan trọng.

- Hà có gọi điện thoại lại không? Có nói gì không? Hiện bà ấy đang ở đâu?

- Từ từ, uống một hớp đã, chuyện đâu còn có đó, rượu vào lời mới ra được. Ông có vẻ còn yêu bà Hà như lúc còn trẻ, ít ai được như thế. Hèn chi hỏi đó ông cãi lời bố, nhất định theo bà Hà mà không chịu cưới cô Lan, con bà Chánh Đức, mặc dầu ông đã “chạm ngõ”, khiến hai bên giận nhau rồi bố ông phải xin lỗi người ta và đòi “tù” ông. Rồi ông “bất hiếu”, bỏ bố đi theo Hà. Nhưng xét về mọi phương diện thì Hà hơn Lan.

Như gã đúng chỗ ngựa, Thân quay về với tình yêu đẹp dĩ vãng mà quên lửng hiện tại lý do nào mà ngồi đây, chẳng hiểu ức lòng hay rượu nói mà chàng cao hứng:

- Đó là lý do tao yêu Hà cho đến bây giờ. Nghĩ lại, ông già thật là quá quắt, chỉ vì cái hão môn đăng hộ đối với nhà Chánh Đức mà ghét “tao” rồi không ưa Hà. Ngay cả khi vợ chồng tao có con rồi, ông già đã có cháu

nội rồi, vậy mà ông vẫn không bằng lòng với con dâu, với Hà.

Đã tới lúc tôi cần phải nói khi thấy Thân trách bố mà quên phận mình, chỉ thấy lông mi người khác mà không thấy cái xà nhà trước mắt mình, tôi phang đại một câu:

- Ôi giời! Bố con ông có cái máu khinh người,.

Chợt nhận ra điều gì đó vô lý, Thân không nói tiếp mà nốc luôn một hơi rồi dần mạnh cái ly xuống bàn, dựa ngửa ra salon, ngược mặt lên trần nhà, lau nước mắt, lặng thinh.

Tôi dẹp ly chai, đứng dậy đi pha bình trà Thái Nguyên, đây mới là thức uống mỗi khi chú cháu tôi ngồi trà đạo, không quên kèm theo hộp kẹo lạc mà bà Hà tự tay làm trong dịp Tết.

- Uống hớp trà nóng, nhai miếng kẹo lạc do bà Hà làm cho tỉnh lại rồi mà đi tìm vợ.

- Bây giờ tôi phải làm gì?

- Nếu thực lòng ông muốn tôi giúp ý kiến về chuyện lũng củng, bất hòa của gia đình ông thì ông phải thành thật trả lời những câu hỏi của tôi. Bỏ thứ bậc cha chú sang một bên, chúng ta nói chuyện trong tình bạn bè thân thiết, không được ngắt lời tôi.

- Ok, nói đi, tôi chưa bao giờ nghĩ đến thứ bậc, mà hoàn toàn là tình bạn, đồng đội.

- Nhấp hớp nước trà đậm chất này đi rồi sẽ cảm thấy có vị ngọt. Nguyên nhân bắt hòa giữa ông và bà Hà bắt nguồn từ đâu?

- Hà luôn nghịch với ý tôi, hoặc không thèm nghe tâm sự của tôi về con Hồng.

- Tại sao ông không ưa con Hồng, vợ thằng Nam, con dâu của ông? Lý do?

Khi đặt cho Thân câu hỏi này là tôi biết Thân sẽ rất khó trả lời, bởi vì không có lý do nào chính đáng cả. Hồng không có một lỗi nào, mà tất cả chỉ do cái “danh hã” kèm theo tính ích kỷ của ông bố chồng khó tính, nhưng chẳng anh đàn ông nào nhận ra cái khuyết điểm của mình.

Thấy Thân dăm chiêu ú ớ, tôi dựa vào 21 nan đề “mẹ chồng nàng dâu và con trai” trong câu chuyện gia đình của cô Minh Nguyên trong giờ phát thanh của Mục Sư Thủy, tôi bắt Thân trả lời thật ngắn gọn:

- Ông thương thằng Nam và cháu nội ông không?

- Chúng là nóm ruột của tôi. Tôi thèm với trời đất là xin hy sinh tất cả cho con cháu tôi.

- Nếu thằng Nam nó buồn vì chuyện vợ con của nó thì ông nghĩ sao?

- Thì nó cũng khổ như tôi hiện tại đang khổ vì bà Hà.

- Con Hồng, vợ thằng Nam nó có lỗi gì, khuyết điểm gì mà ông không hài lòng?

- ???

- Ú ó phải không? Ông ngại không dám nói thì vảnh tai ra mà nghe tôi nói thay cho ông đây: “Con Hồng ý nó đẹp, học cùng lớp với thằng Nam rồi quyến rũ con ông, giựt đứa con trai cưng ra khỏi tay ông, làm ông ghen...”

- Không phải thế...

- Yên, đã hứa không ngắt lời thì ngồi yên đó để tôi hài tội con Hồng thay cho ông: Cái tội nặng nhất là con Hồng dám dụ thằng Nam mở phòng mạch ở bên Washington mà không về Bolsa như ý ông hằng mong ước. Ông nội, bố tôi và cả ông nữa đều là gốc nông dân, vai vác cày, tay dong trâu, nay có thằng con làm đến ông “bác sĩ” mà không “vinh quy bái tổ” thì thật là bất hiếu. Nó phải về đây, mở phòng mạch ngay trên đường Bolsa này, để mỗi sáng, ông khệnh khạng sang phòng mạch của thằng con, các cô y tá cúi đầu chào ông, rồi ông ưỡn ngực đi thẳng vào bên trong trước con mắt thèm thuồng của các bệnh nhân đang chầu chực ngồi đợi để được con ông khám bệnh. Ông giới thiệu bạn bè đến phòng mạch của con ông, không vì tiền mà ông muốn khoe ông là “bố bác sĩ”!

Thân đưa tay ra dấu muốn thanh minh, nhưng lúc này tôi không còn đóng kịch nữa, nghĩ đến thái độ ích kỷ

của Thân khiến tôi nóng mặt nên nhập vai không cần suy nghĩ, bởi vì đã nhiều lần, bên bàn cafe, Thân đã tâm sự điều này với bạn bè khiến tôi nực gà với ông chú mà chưa có dịp lật tẩy. Đây là lúc phải nói thẳng, nói thật, nếu không thì chẳng còn dịp nào, tôi tấn công tiếp:

- Ngoài tình đồng đội, ông còn là chú ruột của tôi. Hạnh phúc hay bất hạnh của ông cũng ảnh hưởng tới ông bà nội, tới bố tôi, và cả tôi nữa nên bắt buộc tôi phải mở xẻ cái ung nhọt này. Ông giao du với lão Quỳnh, lão hay nỏ, một tác bốc lên tới trời khiến ông lây cái tính hợm mình. Ông có nhớ khi thằng Nam vừa ghi danh mấy lớp “bai-ô” gì đó ở UCLA thế là ông nỏ với đám bạn cafe Factory là con ông học “bác sĩ”. Chưa hết, lúc ông nội chết, thằng Nam mới nạp đơn, dù chưa có kết quả được nhận vào học ngành y ở UCLA, của mấy trường ở Washington, Texas, San Antonio v.v... mà nếu được nhận thì tôi thiếu nó phải học 4 năm nữa. Vậy mà ông dám ghi thằng Nam là bác sĩ trong tờ cáo phó khiến nó xấu hổ với bà con. Nó nhờ tôi khuyên ông, tôi có hứa, nhưng rồi tôi quên đi, tờ cáo phó đó tôi còn giữ đây, ông đọc đi.

Thực sự là tôi cất tờ cáo phó lúc ông nội tôi chết, rồi quên đi, nay vì chuyện thằng Nam, tôi lôi ra chứng minh cho ông chú hết chối cái tính hợm mình. Tại vì quá khát khao thằng con là bác sĩ, khi con đạt được rồi thì lại

không giúp cho ông nở mặt nở mày với chúng bạn mà lại lập nghiệp ở “quê vợ” nên ông ghét lây sang vợ nó.

Mặt ông chú đỏ từ đỏ sang tím, tôi “táp-pi” luôn:

- Ông có nhớ hôm ngồi coi Paris By Night số 87, ông khen nức nở cô ca sĩ Hồng-Ngâm rằng vừa đẹp vừa hát hay rồi ông thờ dài phát ra một câu hết sức vô duyên: “*Hồng người ta thì thế, còn Hồng mình thì...!*” Tuy ông bỏ lửng câu nói, nhưng tôi hiểu ý ông muốn ám chỉ ai, chính lúc đó tôi bỏ về mà không thèm chào ông, ông nhớ lại đi.

Quả thật tôi không có ý định nặng lời với ông chú như thế, nhưng không còn ai đủ cam đảm vạch ra cho ông thấy, đã lỡ theo lao, trước sau cũng phải mổ xẻ một lần cho xong, “lành làm gáo, vỡ làm muôi”, tôi không thương ông chú bà thím mà tôi thương thằng em, thằng Nam. Nó buồn lắm, nó không có lỗi gì cả, tôi phải giúp nó như đã hứa.

Thần nhắm mắt im lặng nghe tôi dẫn chứng, tôi kết thúc “bản án”:

- Ông thương con, lo cho con ăn học thành công đúng với mong ước thế rồi nó chưa đền đáp gì cho ông mà lại đem chia vinh quang cho một người “xa lạ” khiến ông bực ông giận là đúng rồi. Nhưng người xa lạ đó chính là con dâu của ông. Nó là người giữ vai trò nối dõi tông đường cho ông. Những đứa cháu nội mà ông quý

mền hơn cả bản thân ông từ đâu mà có? Điều quan trọng nhất là con Hồng nó không có lỗi hay điều gì đáng trách cả, nó đã và đang làm tròn bổn phận là con, là vợ, là mẹ, vậy thì ông còn đòi hỏi gì nữa? Suy nghĩ kỹ lại đi, ông thề ông xin hy sinh tất cả cho hạnh phúc của con cháu ông. Vậy thì nếu thằng Nam, cháu nội, chúng nó biết ông không thương vợ nó, mẹ nó, thì chúng nghĩ gì về ông? Rồi vì bên hiếu bên tình, gia đình nó lục đục thì ông vui hay buồn? Ông hy sinh cái gì? Hãy nghĩ lại hoàn cảnh của ông nội và ông ngày xưa mà bỏ thói ích kỷ đi. Tôi đã hết lời và không muốn nghe bất cứ câu giải thích hay bào chữa nào của ông nữa. Uống nốt hóp trà đậm chất lưỡi này đi, sẽ thấy nó ngọt cổ họng rồi xuống đón bà Hà về mà xin lỗi.

Thân uể oải đứng dậy ra về, tôi không chào mà cũng chẳng bắt tay. Buổi chiều tôi đang tưới mấy chậu hoa sau nhà thì bên kia hàng rào, Hà ra đưa ngón tay cái lên trời tỏ dấu hiệu “số 1” và mỉm cười, còn chú Thân, có lẽ quê với tôi nên tránh mặt.

Đúng một tuần sau, cả hai ông bà sang chơi, gửi tôi chùm chìa khóa để nhờ thỉnh thoảng sang tưới giùm ít chậu lan sau nhà. Tôi hỏi:

- Ông bà đi hưởng trăng mật ở đâu vậy?

- Mật ngọt cái gì, đi thăm cháu nội, khoảng 3 tuần. Cảm ơn ly trà đậm chất của “toi”./.

Thay Lời Kết

Tâm Tình Cùng Anh Cả



Anh Cả 3 tháng trước ngày ra đi

Anh ra đi ngày 21/3/2017, tính đến nay, 3/2019, đã hơn hai năm rồi đấy, nhưng lúc nào chúng em cũng cảm thấy như có Anh bên cạnh, và vẫn nghe rõ lời Anh dạy bảo, nên em viết thư này thưa với Anh rằng em đang thực hiện lời Anh đã khuyên:

- Chú cố gom những bài đã viết lại thành một tập sách cho con cháu gia đình đọc để biết cha chú đã sống thế nào trong thời loạn mà quý trọng những gì đang có trong thời bình ở hải ngoại.

Thưa Anh, đoạn đường chông gai anh em mình đã qua đi thì quá dài, khổ đau mà anh em mình phải chịu thì nhiều, làm sao nhớ hết khi tuổi đã về chiều, thôi thì em xin vắn tắt vài chuyện vui buồn mà em còn nhớ.

Trước khi ra đi, Anh viết di chúc dặn các con rằng: “Nếu sau này có gặp khó khăn gì thì hỏi ý kiến hai chú.” Cả đời Anh, ngay khi sắp ra đi vẫn lo và nghĩ đến chị các con cháu và chúng em. Đa tạ tấm lòng Anh Cả vẫn tin tưởng hai em biết nghe và làm theo lời anh dạy bảo. Rất mừng là các cháu đủ khả năng tự lo mọi việc được tốt đẹp.

Với văn bằng đại học máu* “H.O” sau 8 năm trong ngục tù CS, Anh đã lo toan và lần lượt đem được toàn bộ con cháu nội ngoại sang định cư tại Hoa Kỳ.

Lo cho gia đình là thế, còn đối với dòng tộc họ Tô, dù ở trong nước hay hải ngoại, Anh nhớ rõ ngày giỗ của các ông, bà, cô, chú, bác, cậu, mợ, để đọc kinh cầu nguyện. Với những người còn sống, anh luôn thăm hỏi nên tất cả đều thương mến và nể trọng Anh.

Đáng kể nhất là từ hải ngoại, Anh đã lo hốt cốt được Ông Tổ 4 đời - Cụ Cố Tô Văn Luật đã nằm sâu trong

lòng đất hằng trăm năm ở một nơi hoang vắng, rồi đến bố mình- Cụ Tô Văn Quán, sau hơn 70 năm nằm ở một nghĩa trang không còn dấu tích. Hai cốt hai Cụ nay đã yên nghỉ ở một nơi đầy đủ nhang khói hương hoa. Đây là một “kỳ công”, khó mà hoàn thành nếu không có Anh cùng tấm lòng hiếu thảo của con cháu và sự hướng dẫn, phò trợ của Tổ Tiên.

Với bốn phạm một công dân, anh đã làm tròn nhiệm vụ của một Cảnh Sát Viên (1948-1975), và tính bất khuất cùng lòng yêu nước, dù hoàn cảnh nào cũng ở mãi trong Anh.

Sau 30/4/1975, cả ba anh em mình đều đi tù, Anh trong Nam (Xuân Lộc), Chú Cáp miền Trung (Tiên Lãnh), em ngoài Bắc (Hoàng Liên Sơn). Năm 1982, em được đi chuyển từ Bắc vào Nam, cùng trại Xuân Lộc với Anh, nhưng Anh ở Khu B, em Khu A, hai khu cách nhau tường cao hào sâu, kẽm gai và AK. Cai tù nghiêm cấm mọi sự liên lạc với nhau, vậy mà anh đã gửi được cho em một gói quà ngay ngày hôm sau bằng cách thả qua bức tường rào cao ấy. Anh với em không trông thấy nhau, mà chỉ nghe tiếng “hét”, có hét âm thanh mới vượt tường cement. Chính vì những tiếng hét mừng ruột thịt này mà anh em mình bị kỷ luật.

Một buổi chiều, sau khi đi lao động về, em được y vụ trạm xá trại gọi lên nhận cái “poncho line” của Anh, dính đầy máu và phân! Đây là cái mền hoa của Mỹ rất nhẹ,

bền và ấm mà ngày trước em mang theo hành quân, sau này Anh mang theo vào tù. Khi anh bị “tai nạn”, bạn đồng tù đã dùng mền này “gói” Anh, nhưng Anh chưa chết nên nhân tiện có xe đi mua đồ, trại đã “khoan hồng nhân đạo” cho anh quá giang theo về bệnh viện Biên Hòa.

Sau một thời gian cấp cứu ở bệnh viện Biên Hòa, Anh được “tử thần” tha. Anh ra khỏi trại tù với hậu môn bên hông, vì “AK cướp cò*” làm anh phải cắt nhiều khúc ruột! Ngoài cái may mắn thoát án tử thần, Anh còn được an ủi mang niềm vui về cho Mẹ già và được vuốt mắt “Bà Mẹ Quê”, còn em thì không, vẫn còn trong tù và chỉ biết tin sau khi mẹ đã ra đi vài tháng!



Anh Cả với các em và các con 3 tháng trước ngày ra đi

Bước sang tuổi 91, Anh được bác sĩ phát giác bị bệnh nan y, đề nghị giải phẫu, nhưng anh đã cảm ơn để vừa thành thoi sống mạnh khỏe bên chị và các cháu vừa đỡ tốn tiền medi-medi. Khi biết mình sắp đi xa, anh gọi các em đến tâm sự, đọc cho nghe những bài thơ kính cha mẹ, thương gia đình, yêu đất nước, trong đó có bài “Hòn Thiêng Sông Núi”, nay em xin ghi lại:

HÒN THIÊNG SÔNG NÚI

*Dân tộc Việt bốn ngàn năm văn hiến,
Đã bao đời quyết chiến đuổi xâm lăng,
Giành độc lập, an dân và kiến quốc,
Vẻ vang danh đất nước Việt anh hùng.*

*Dù quốc biến, ta từng chưa vấp ngã,
Vẫn hiên ngang như đá vụn câu thề,
Hòn sông núi hẹn ngày về cố quốc,
Diệt giặc Hồ, đất nước Việt thanh bình.*

*Hồi tưởng nhớ anh linh hồn tướng sĩ,
Thác linh thiêng, lòng quyết chí can trường,
Niềm mơ ước cờ vàng ba sọc đỏ,
Chẳng hổ danh máu đỏ đất oai hùng.*

*Sống tha hương ta cùng chung lý tưởng,
Siết tay nhau, đừng ảo tưởng cộng nô,
Mà hãy nhớ vì tiền đồ Tổ Quốc,
Dân tộc Việt, đất nước Việt muôn đời./.*

Kính Thưa Anh Cả.

Đối với dòng tộc và gia đình, Anh là một người con hiếu thảo, người chồng, người cha gương mẫu được tất cả mọi người thương yêu, nể trọng. Đối với xã hội, anh làm tròn bổn phận của một Cảnh Sát Viên (từ năm 1948-30/4/1975). Trước khi về với đất, anh vẫn nhớ “đất nước”, và không quên nhắn nhủ tuổi trẻ, con cháu:

- Mà Hãy Nhớ Vì Tiền Đồ Tổ Quốc.

Thế là đẹp rồi Anh ạ, Anh đã đi hết con đường ở tuổi 93, dù thương tiếc nhưng chúng em luôn mãi mãi hãnh diện về Anh.

Còn em! Em đã phụ công dưỡng dục và ước mong của anh, từ việc nhỏ cho tới việc lớn làm chuyện gì cũng “giờ giảng* giờ đèn” (*trăng). Nay xin Anh nghe em tường trình và giải thích:

* * *

Khi vừa đủ tuổi và đủ điều kiện văn hóa, em liền nộp đơn xin vào Biên Tập Viên Cảnh Sát Đô Thành Sài Gòn. Lúc biết em làm việc này, Anh giận lắm, không còn nhẹ nhàng khuyên bảo như thường ngày mà trách mắng:

- Em làm anh thất vọng quá! Nếu thấy không đủ khả năng để hoàn thành ước nguyện của anh mà em muốn sớm tự lo cho bản thân thì tùy em.

Em luôn vâng lời Anh, nhưng các cháu ngày càng thêm đông mà Anh thì quá vất vả, nên em nghĩ nên tự lo cho mình, ít ra cũng phụ Anh bớt gánh nặng gia đình. Nào ngờ làm Anh buồn! Nhận ra tình thương của Anh trong lời quở trách, nên em đành bỏ ý định đi làm để tiếp tục sách đèn theo ý của Anh.

Bố chết sớm năm 41 tuổi, nên Anh Cả buộc phải thôi học, “quyền huynh thế phụ”, tìm kế sinh nhai để săn sóc mẹ góa và đàn em nhỏ dại, mộng làm “quan” gãy gánh nửa đường! Khi được làm “Cảnh Bình” (tức Cảnh Sát) Hải Phòng, thấy mấy ông sinh viên trường sĩ quan Binh Động cuối tuần dạo phố với Alfa cầu vai, Anh thầm ước sao cho sau này 2 thằng em cũng được như thế, mong các em học hành “tới nơi tới chốn” để được mang trên vai cặp Alfa Sinh Viên Sĩ Quan (SVSQ). Đó là lý do Anh không cho em bỏ ngành việc học hành.

Rồi Anh cũng mỉm cười hạnh phúc khi em được là SVSQ Võ Bị, em út là SVSQ Không Quân, thế là Anh mãn nguyện lắm rồi.

Ngày 28/11/1964, em tốt nghiệp “quan một”, “Bà Mẹ Quê” đến tham dự lễ mãn khóa, còn Anh thì không, nên

Anh cứ mãi chép miệng: “Tiếc quá! Cả đời mới có một lần được nhìn em gần lon thiếu úy.”

Khi em được chọn về Thủy Quân Lục Chiến (TQLC), Mẹ buồn phiền lo lắng, còn Anh lại vui: “Phải thế chứ.”

Trong suốt đời quân ngũ TQLC của em, Anh luôn theo dõi, nơi nào có thể đến thăm em được là Anh đến. Trong thời gian Trận Mậu Thân tại Sài Gòn, với “Cánh Phục”, dù giờ giới nghiêm hay vùng đang có giao tranh, Anh vẫn tìm cách đến thăm em với một gói thuốc lá, Anh nói: “Anh muốn tận mắt nhìn chú làm việc.”

Từ mộng ước ban đầu là em được mang Alfa, nay thấy em đã là “quan ba” thì Anh lại mong em tiến bước. Anh luôn căn dặn em không được làm điều sai quấy để khỏi bị ảnh hưởng đến đường binh nghiệp.

Thời gian tham dự trận Mậu Thân 1968 tại Saigon, có lần đại đội em chịu trách nhiệm bảo vệ an ninh vùng lãnh thổ dọc theo xa lộ từ cầu Sài Gòn đến ngã tư vào Trường Bộ Binh Thủ Đức, đây là khu đất an toàn cho những tay “đổ hàng Mỹ”. Khi em vừa đóng quân Ban Chỉ Huy xong tại hãng Cement Hà Tiên (Thủ Đức) thì Anh đến thăm cũng là lúc mấy tay “tổ đổ hàng” đến xin gặp em để thương lượng. Họ cho biết rằng ban đêm chỉ cần em làm ngõ cho họ dừng xe ven xa lộ trong vòng 10 phút thì họ sẽ biếu cho một số tiền lớn, lớn hơn nhiều lương đại úy. Khi họ ra về, em tâm sự thì Anh nói ngay:

- Với con mắt nhà nghề (Cảnh Sát), anh biết họ không phải là người làm ăn lương thiện, “Chú không được tiếp xúc với họ, đường binh nghiệp của chú còn dài.”

Tất nhiên là em vâng lời Anh, từ chối một cơ hội hiếm có với số tiền lớn. Em “liêm khiết” là “tại” Anh. Em giữ mãi đức tính này cho dù đôi lúc bị cám dỗ, nhất là khi ở căn cứ Sóng Thần

Anh quý bộ quân phục TQLC, quý các đồng đội của em. Mỗi khi em dẫn Hợp, Chính, anh Nguyễn Kim Để về thăm nhà, Anh luôn luôn đích thân mời uống..., kể cả các chú Tề, chú Út, chú Điện -những tài xế, âm thoại viên và cận vệ của em.

Anh quý bộ quân phục TQLC nên Anh rất hãnh diện với bà con họ hàng và đồng nghiệp có “thằng em” là Cọp Biển nên khi em ngỏ ý định rời Binh Chủng TQLC vì lý do thương tật thì Anh luyến tiếc khiến em luyến tiếc theo Anh.

Khi em “gãy gánh nửa đường”, nhận giấy phân loại thương tật loại 2 vĩnh viễn, sẽ được giải ngũ. Th/Tá Huỳnh Văn Phú, Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến Sư Đoàn, thương bạn, bèn giới thiệu em với anh ruột là Huỳnh Văn Mạnh, người có thẩm quyền kho xăng Nhà Bè. Anh Mạnh đã xin cho em được vào làm an ninh kho xăng, lương cao gấp 3 lần lương đại úy, nhưng khi nghe em muốn cởi bỏ bộ quân phục thì Anh luyến tiếc nên em

đành cảm ơn anh Mạnh, cảm ơn Huỳnh Văn Phú mà xin ở lại Binh Chủng TQLC.

Anh Cả muốn em tiếp tục mặc áo lính, muốn em “*tiếp tục sự nghiệp đang công đeo đuổi*”, nhưng không ngờ Anh, em, và tất cả đồng đội đã phải khóc vào ngày 30/4/1975 vì bị gián đoạn nhiệm vụ giữ nước.

Mất nước là tai nạn chung cho cả một dân tộc, nhưng Anh không biết đường binh nghiệp của riêng em đã bị “gãy” nhiều lần, gãy ngay từ những ngày đầu binh nghiệp!

Khi là Thiếu Úy Đại Đội Phó ĐĐ4/ TĐ5/ TQLC, em đã phạm lỗi với Tr/Úy Đại Đội Trưởng chỉ vì một câu “chửi thề” quen miệng của anh Long. Em bị phạt 15 ngày trọng cấm, bị nhốt phòng Quân Cảnh 202 của Tr/Úy Trần Ngọc Toàn. Trước khi đem em đi nhốt, Thiếu Tá Dương Hạnh Phước -Tiểu Đoàn Trưởng, gọi em vào văn phòng trình diện. Ông an ủi, nhưng rất tiếc phải bỏ tên em ra khỏi danh sách sĩ quan được đề nghị đi du học Mỹ, cái tên số 1 trên danh sách là: “Thiếu Úy Tô Văn Cấp”.

Đi du học Mỹ là điều hấp dẫn và hầu như tất cả các sĩ quan TQLC vào thời gian đó đều được đi, nếu không đi Mỹ thì cũng là những khóa học Rừng Núi Sinh Lầy bên Mã Lai, hoặc du hành quan sát Đài Loan, Đại Hàn v.v.. nhưng với em thì không bao giờ còn được hưởng những

ân huệ đó! Em tự điều là mình không có số xuất ngoại, dù là Campuchia hay Hạ Lào, nay có mặt tại Mỹ chẳng qua là bị buộc phải bỏ nhà mà đi tị nạn!

Sau khi hết hạn 15 ngày trọng cấm, tháng 5/1966, em “bị” chuyển về TĐ2/TQLC, trình diện Đại Đội Trưởng Trung Úy Nguyễn Xuân Phúc. Sau này anh Phúc được nhận chức vụ cao hơn, khi chào nhau từ già, anh Phúc đã khuyên em:

- Chú mày đã vi phạm một lỗi thật trầm trọng, cần phải cẩn thận hơn.

Đúng thế, đầu đời binh nghiệp em đã phạm một lỗi nặng chỉ vì “bốc đồng tuổi trẻ”, em hối hận và đã xin lỗi anh Dương Bửu Long ngay sau khi “tai nạn” xảy ra. Chúng em ôm nhau cười xòa.

Trong lúc em đang bị giam, anh Long đến thăm, tặng em thuốc lá và cho biết sẽ đi hành quân ngày hôm sau. Em xin anh Long lãnh em về để cùng đi hành quân với đại đội thì anh Long bảo: “Cứ nằm đây cho khỏe, đường còn dài.” Không ngờ trong chuyến hành quân ấy TĐ5/TQLC đụng nặng ở Mộ Đức, Quảng Ngãi. Thiếu Tá Dương Hạnh Phước, Bác Sĩ Lê Hữu Sanh cùng nhiều anh em khác tử trận. Riêng Đại Đội 4 của em bị thiệt hại quân số 2/3, có 5 sĩ quan thì Anh Long và Lộc bị thương nặng, Chuẩn Úy Trần Tử Phương và Thảo tử trận, Th/Úy

Lê Đình Quý bị VC bắt, năm 1972 mới được thả. Những người này Anh biết, và họ cũng biết, rất quý mến Anh.

Vì vô tình phạm lỗi với anh Long, bị giam 15 ngày trọng cấm mà em không được tham dự trận đó, em đã cảm ơn và xin lỗi anh Long. Nhưng còn với 15 ngày trọng cấm sau này (10/72), khi em làm Chỉ Huy Phó căn cứ Sóng Thần, vì “tội” lái xe không có tài xế mà Đại Tá TMT Qu. ban cho em, giá trị của nó là trừ (-30) điểm trên hồ sơ thăng cấp thì em hơi thốn!

Khi con “ngựa chứng” đã được thuần phục thì Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2 Nguyễn Xuân Phúc thương và hết lòng nâng đỡ em, khi đi hành quân, không có Tiểu Đoàn Phó thì anh ấy đã cho em coi “Cánh B”. Đây là mốc rất quan trọng đối với binh nghiệp của một đại úy TQLC. Một đại úy thâm niên vẫn cứ phải làm đại đội trưởng là chuyện bình thường. Nếu anh nào “may mắn” được Tiểu Đoàn Trưởng cho coi “Cánh B” thì còn phải bị soi qua kính hiển vi của Tham Muu Trưởng, của Tư Lệnh mới hy vọng...

Được coi Cánh B: *“Sự nghiệp đang công đeo đuổi”* thì súng nổ, em gục xuống. Đường binh nghiệp của em là thế! Sau 10 năm trong ngục tù CS, nửa đường còn lại tị nạn CS trên xứ người chỉ là: *“Trâu chậm uống nước đục.”*

Xin Anh Cả tha lỗi. Em đã không làm tròn bổn phận theo ước nguyện của Anh, nhưng em đã vâng lời Anh nói:

- Chú cố gom những bài đã viết lại để con cháu, tuổi trẻ đọc, để biết những người đi trước đã sống và chiến đấu như thế nào cho quê hương trong thời loạn ly, mà biết quý trọng những gì đang hưởng hầu có thể làm được điều gì tốt đẹp cho quê hương./.

Chú thích:

(*) Đang khi cùng đồng tù trồng khoai lang thì anh “được” bộ đội gác tù yêu cầu một mình anh đi làm việc riêng khác nhẹ nhàng hơn, nhưng anh quyết liệt khước từ nên “AK cướp cò”.

Bạn Hữu Đọc “Nửa Đường”

*“Sự nghiệp đang công đeo đuổi.
Thôi cũng đành gián đoạn nửa đường.”**

Buông Súng Cảm Viết

Tam Dung

Được đọc những bài viết về đời lính, những trận đánh đáng nhớ của tác giả, tôi mới hiểu được tình đồng đội ngoài chiến trường cao hơn tình gia đình ruột thịt. Sau cuộc chiến, các anh vẫn luôn nghĩ đến các chiến hữu đã từng sát cánh bên nhau mà phải hy sinh hay bỏ lại một phần thân thể ngoài chiến trường! Bài viết làm người đọc căng thẳng và xót xa cho tuổi trẻ thời chiến. Chúng tôi xin viết tên các anh “trên đá trên hoa”.

“*Bà Mẹ Quê*” với cảm xúc chân thật, và những hình ảnh dân dã của đồng quê miền Bắc, tác giả đã khiến tôi không khỏi bùi ngùi, xúc động.

Nhưng thích thú nhất khi đọc “*Thầy Cũ Trường Xưa*”, tác giả đã đưa chúng tôi trở về ngôi trường cũ với những kỷ niệm tình nghịch và ngây thơ của tuổi học trò và lòng biết ơn các Thầy Cô đã từng dạy dỗ mình.

Ngòi viết của tác giả chân tình và một chút khôi hài cho đời thêm vui, nhưng đâu đó có những vị cay chua khiến độc giả buồn mà phải cười.

Cảm ơn tác giả đã làm sống lại trong tôi những kỷ niệm nghịch ngợm, dễ thương của một thời hoa mộng, một thuở “vàng son xa xưa” không bao giờ trở lại nữa.

Mong tác giả sẽ viết nhiều hơn để độc giả chúng tôi thêm nụ cười, yêu đời nhưng không quên nhiệm vụ./.

Thu Canada

Vài Cảm Nghĩ Về Tác Giả

Tường Thúy

Philato, Captovan, Phuhotrac là những bút hiệu quen thuộc của cây viết Tô Văn Cấp mà độc giả thường bắt gặp trên mọi diễn đàn hay trên các mặt báo.

Anh đã từng là một người lính của binh chủng thiện chiến: Thủy Quân Lục Chiến. Nếu ngày xưa trên chiến trường, nòng súng Tiểu Đoàn 2 Trâu Điên của anh từng làm bạt vía kẻ thù, thì bây giờ trên lãnh vực văn chương, ngòi bút của anh cũng lợi hại không kém. Anh có thể viết được rất nhiều thể loại và dù với bất cứ ở thể loại nào, cách hành văn của anh vẫn luôn hấp dẫn và lôi cuốn người đọc tới dòng chữ cuối cùng.

Nếu những hồi ký chiến trường như “*Hồn Hoang Trên “Pháp Trường Cát”*”, hay “*Ngày Tháng Sau Cùng... Anh Ở Đâu?*” làm độc giả phải xót xa, đau đớn thay cho thân phận những người lính trong giờ phút cuối cùng của cuộc chiến, thì với “*Bà Mẹ Quê*” chúng ta lại thấy thương cảm cùng các bà mẹ của những người lính

VNCH về những thấp thỏm lo âu, những giọt nước mắt trong đêm và những tiếng thở dài ban ngày, cho số phận con mình đang xông pha ngoài chiến trường để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ người dân. Nếu “Thầy Cũ, Trường Xưa” đưa người đọc trở về thời của tuổi học trò bằng những tình cảm êm ái với những nghịch ngợm, tinh ranh, rần mắt của những cậu bé ngày xưa, thì ngược lại, những phiếm luận “*Hôm Nay Ăn Đồ Gì Nhảy?*”* “*Cãi Chày, Cãi Cối*” v.v.. với lối văn hài hước, dí dỏm, châm biếm nhẹ nhàng cùng cách dùng câu khác người của anh như “thu em hỏi” “thôi sắc” “ba ác” đã đem lại cho độc giả những nụ cười thích thú nhưng ngẫm lại thì có một chút gì đó chua chát, cay cay. Một điều nữa làm văn của anh càng thêm hấp dẫn hơn nhờ những câu tục ngữ, ca dao, câu hát, vãn thơ đã được anh sử dụng rất đúng nơi, đúng chỗ.

Ước mong sức sáng tác của anh sẽ dồi dào mãi mãi để có những tác phẩm giá trị, làm tài liệu dành cho thế hệ mai sau./.

Bắc Kỳ Di Cư 54.

Cảm Nghi Về Tác Giả Tô Văn Cấp

Vi Vân

Trong nhiều năm qua, tác giả Tô Văn Cấp hay Philato đã rất quen thuộc với những trang web, những nhật báo ở Nam California hoặc những đặc san Quân Đội. Anh xuất thân từ trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và khi ra trường anh đã chọn một binh chủng hào hùng nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà: Thủy Quân Lục Chiến.

Anh cũng như bao nhiêu chiến sĩ khác đã chiêu đầu oai dũng kiên cường trên trận địa, đã mấy lần bị thương với nhiều chiến thương bội tinh. Những bài hồi ký chiến trường của anh đã cho thấy anh đã hết lòng với bổn phận và trách nhiệm.

Sau khi buông súng thì anh cầm viết, anh có thể viết về bất cứ đề tài gì, về thể loại gì, ở môi trường nào v.v... lời văn rất tự nhiên vững chãi, cảm động nhưng cũng hơi “khó chịu”. Ngoài những bài hồi ký chiến trường anh còn những bài viết về tình đồng đội, về những người chung trường, chung khóa, về tình nghĩa thầy xưa bạn cũ, tình cảm gia đình, viết về đời sống người Việt trên đất Mỹ, anh đã đoạt giải Danh Dự 4 lần do nhật báo Việt Báo tổ chức, một giải do nhật báo Việt Herald, một do Binh Chung Biệt Động Quân và nhất là các đàn em cựu học sinh Pétrus Ký (1968-1975), đã trao tặng một kỷ vật hiếm có: “Tình Huỳnh Đệ”.

Với một cây viết có nhiều ưu điểm như thế tôi không biết nói gì hơn là cảm ơn một người lính buông súng thì cầm viết mà tôi rất ngưỡng mộ./.

Độc Truyện Của TQLC Tô Văn Cấp

Áu Tím

Tôi chần chừ mãi chưa mài mực ghi xuống giấy, những cảm nghĩ của tôi về tác phẩm của tác giả Philato.

Trong cuộc sống tất bật này, biết đến nhau, hiểu được nhau là do một cơ duyên nào đó, được biết đến tác giả Philato tôi có đến những hai cơ duyên:

- Duyên may thứ nhất, anh là niên trưởng của nhà tôi trong trường Võ Bị Quốc Gia, lại cùng Binh Chung Thủy Quân Lục Chiến.

- Duyên may thứ hai, anh say mê viết giống tôi: viết đề kê, đề giữ lại, viết đề nhận định không khuyên nhủ, không loại bỏ và không để thành nhà văn. Hai anh em chúng tôi cùng yêu hai mươi bốn chữ cái, những dấu huyền sắc hỏi ngã nặng nhẹ phân minh, dấu phẩy, chấm, chấm than, chấm hỏi, yêu chúng nên anh em chúng tôi cùng viết.

Anh viết đã lâu trên các đặc san Quân Đội, sau đó tôi thấy trên Việt Báo, cách viết đúng là của anh. Các bài anh đã viết từ 1990 đến nay, 2017, đã khá nhiều, bài nào cũng làm đọc giả buồn mà phải cười, nhưng tôi khóc khi đọc bài “Bà Mẹ Quê” qua lớp bụi tro trong xó bếp:

- “*Bếp nhà quê đun bằng rom rạ, có tiếng nổ lép-bép làm bắn ra những tia lửa nhỏ tựa pháo bông, kéo theo tro bụi phủ lên người ngời nâu. Bu tôi đứng dậy khẽ thổi tro tàn trên khăn tang trắng, rồi lấy củ khoai lang ở cái thúng treo sau lưng, vùi vào đóm tro giữa ba “ông đầu rau.”*”

- “*Người ta thường dùng chữ “ban” để nói về những “hồng ân” mà Thượng Đế, Chúa, Phật ban cho con chiên, phật tử, nhưng bu tôi đã “ban” cho tôi củ khoai nướng vùi bếp tro giữa đêm Đông giá lạnh mà xung quanh bếp chỉ có rom rạ, tro bụi, bóng tối và tình mẹ con...”*”

Tôi yêu bài viết này của anh nhất, tất cả mọi sự trên đời này bắt buộc phải khởi đi từ MẸ, do đó khi đã đọc, đã ngắm kỹ từng chi tiết bức tranh Philato tả về Mẹ của anh bằng chữ, tôi hiểu nhiều hơn lý do anh viết những bài *Bông Hồng Tặng Các Chị Vợ Lính, Cháu Ông Nội Tội Bà Ngoại, Nội Cá Nục Kho* và dường như trong tất cả các bài anh viết đều có phảng phất lòng trân trọng các Bà Mẹ - các vị nữ lưu, cho dù họ có là *Bông Hồng một thớ Có Gai* của anh.

Những bài anh viết ngọt ngào lời cuốn, chẳng sợ ai mà không dám nói, chẳng binh ai mà phải ngại ngùng, đây là điều tôi thật sự trân quý khi đọc các bài anh vi ết. Tác giả viết như đùa vui với thầy bạn cũ, nhưng anh dùng chữ để kêu gào cộng đồng, van xin các cựu quân nhân mở lòng giúp các Thương Binh còn khốn khó ở quê nhà, chẳng cần nhiều, chỉ là tấm lòng còn nhớ đến nhau đã một thời mặc chung màu áo, từng binh chủng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Nhân hậu - nhân bản là điều tồn tại trong lòng người đọc, tôi hy vọng, tác phẩm của Tô Văn Cấp – Philato sẽ được lưu giữ khắp nơi, không chỉ trên giấy mà trên các trang mạng, nơi tuổi trẻ còn sống tại Việt Nam cùng đọc, các cháu thế hệ thứ hai vẫn còn giữ gìn tiếng Việt tìm đọc để quý Cha thương Mẹ./.

Vào Thu

Về Tác Giả, Người Anh “Trâu Điên”

Viết Bút-Ngọc Anh

Tôi đã “biết” các anh lính chiến từ thuở ngồi ghế tại trường nữ trung học Gia Long, Saigon, lúc đang học “Chinh Phụ Ngâm Khúc” môn Cổ Văn, ngưỡng mộ những người lính trẻ ngoài tiền tuyến đang giao phó mạng sống trong lửa đạn để ở hậu phương chúng tôi được đi học.

Nhưng yêu anh lính chiến, mỗi tình đầu sâu thẳm nhất khi lần đầu tiên nhìn thấy hình ảnh những người lính “Trâu Điên” oai hùng, hành quân ngang cư xá Phú Lâm A trận địa Chợ Lớn, năm Mậu Thân 1968.

Ở hải ngoại, tôi bắt gặp tái ngộ anh “Trâu Điên” qua những trang báo như KBC hải ngoại, Việt Báo (*Viết Về Nước Mỹ*), Con Ong, Đặc San Thủy Quân Lục Chiến,

Biệt Động Quân, Đa Hiệu Võ Bị... qua những bài viết dưới tên Philato, Capvanto, hay dí dỏm chua chát, viết không cần lách, đả phá những tật xấu thói hư trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, qua bút hiệu Phuhotrac (tức phu hốt rác).

Giọng văn của anh mang đủ sắc thái cay, đắng, ngọt, bùi, mà cũng rất ngay thẳng. Tôi phục anh hơn nữa, dù thời gian trôi qua hơn nửa thế kỷ trong các bài viết đối với các chiến hữu ngày xưa, những Thương Binh đang sống lay lắt ở quê nhà.

Qua lối viết sắc bén, lẫn dí dỏm đặc sệt kiểu Bắc Kỳ, ngòi viết không cần lách của anh có nhiều bài va chạm tới vài giới trong xã hội mà nhiều lần tôi phải lắc đầu: “Thật dễ nề, anh của tui”.

Anh tự nhận mình là “con chiên không ngoan đạo”, nhưng cách viết về xã hội của anh rất gần với câu nói dân gian “*Khẩu Xà Tâm Phật*”. Năm 2014, với bài hướng về các thương binh VNCH, “*Sài Gòn Lớn Nhỏ Đều Nhớ Đến Anh*” đã được Việt Báo Daily news đã trao giải Danh Dự. Năm 2015 anh cũng đã nhận giải “Vinh Danh Tác Giả”. Rất nhiều các bài như “*Nghé Đi Tìm Trâu*”, “*Trâu Diên Và Cố Vấn Mỹ*”, “*Bà Mẹ Quê*”, “*Học Tiếng Anh*”, “*Con Oi Bây Giờ Con Ở Đâu?*” v.v... đều có trong sách *Viết Về Nước Mỹ* do nhật báo Việt Báo xuất bản.

Có lẽ vì là phụ nữ, trong số những bài viết của anh, tôi thích nhất bài “*Bà Mẹ Quê*”, một câu chuyện xúc động viết về “bu của anh”, bà mẹ quê can trường, sống suốt hai thế hệ chiến tranh, một mình nuôi đàn con thơ dại. Tôi nghĩ, anh mang dòng máu can trường từ người mẹ quê này.

- “*Ồi ông ơi! Trời đã tối rồi, ông đi đâu mà sao không về ăn cơm uống nước với các con ông ơi!*”

Tôi đọc đoạn này, rớt nước mắt không hay. Tính cách cứng cỏi của người lính chiến lại mềm theo tình mẫu tử thiêng liêng. Sức sống và sức viết mạnh mẽ theo dòng thời gian, anh không hổ danh là người lính chiến, là người con yêu của “thầy bu”./.

Tô Văn Cấp Và Tôi

Vương Mộng Long

Tô Văn Cấp lớn hơn tôi (Vương Mộng Long) một tuổi. Chúng tôi cùng quê Bắc Việt, cùng sinh ra và lớn lên trong chiến tranh. Năm 1954, tuổi đời còn nhỏ, chúng tôi đã bỏ lại nơi chôn rau cắt rốn sau lưng để chạy vào Nam tị nạn Cộng Sản. Nhưng cuộc sống bình an nơi đất lành chưa kéo dài được bao lâu, thì giặc Cộng đã ào vào. Đất nước lâm nguy, chúng tôi đành gác chuyện sách đèn, lên đường cứu nước. Năm 1962 anh Cấp tình nguyện vào Võ Bị Khóa 19, một năm sau, tôi theo bước chân anh vào Khóa 20.

Năm 1964 anh Cấp trở thành một Thủy Quân Lục Chiến, và năm sau, tôi trở thành một Biệt Động Quân, chúng tôi sát vai nhau, xông vào lửa đạn.

Anh Cấp và tôi đã từng nhiều lần đổ máu, ngã xuống nơi chiến trường, dù vết thương vừa lành, chúng tôi đã vội vàng quay trở lại tiếp tay cho đồng đội, bảo vệ quê hương. Cứ như vậy, ròng rã suốt mười năm, vào sinh, ra tử, chúng tôi chiến đấu hăng say, miệt mài.

Nhưng trời chẳng chiều người, ngày 30/4/1975, chúng tôi thua trận, đánh mất quê hương. Quê hương rơi

vào tay giặc, chúng tôi đi tù. Tô Văn Cấp bị giam giữ trong trại tù VC 10 năm, còn tôi thì bị giam giữ 13 năm.

Những tháng năm dài trong cảnh tù đày, chúng tôi không than van, không đổ lỗi cho ai, mà chỉ biết cố gắng giữ tư cách một người quân nhân Việt Nam Cộng Hòa biết tự trọng. Rồi chúng tôi vĩnh viễn mất Việt Nam khi lên đường sang Hoa Kỳ tị nạn theo chương trình HO dành cho các cựu tù “cải tạo”.

Không phải cứ đặt chân tới Mỹ là một bước tới thiên đường đâu! Với dân HO thì nước Mỹ không thể coi như nơi dành cho họ thi thố tài năng, vì đa phần dân HO đã luống tuổi rồi, nhưng nước Mỹ là cơ hội, là cái nền, cái móng vững chắc cho thế hệ thứ hai mạnh mẽ vươn lên.

Giờ đây cuộc sống mới đã ổn định, con cái chúng tôi đã thành người. Những lúc rảnh rang, chúng tôi hồi tưởng lại những kỷ niệm đời mình, chợt thấy rằng mình là người trực tiếp chứng kiến những biến cố đã xảy ra trên quê hương mình nên tự thấy có trách nhiệm phải viết.

Chúng tôi đã viết, và sẽ viết tiếp, kể cho bạn bè mình, con cháu mình và đồng bào mình biết thế hệ của chúng tôi đã sống, đã chiến đấu, và đã yêu như thế nào trong chiến tranh, đã trải qua những nhục nhằn tủi nhục thế nào trong ngục tù, và hiện nay đang sống ra sao?

Không phải cứ mang danh “rắn ri” thì bài viết nào cũng là chiến công, những huy chương, những vòng hoa! Cuộc đời lính chiến của thế hệ chúng tôi gồm đủ niềm vui chiến thắng pha lẫn những ngậm ngùi chiến bại, cũng ví như tấm huy chương óng ánh, mặt trước là những nụ cười sáng láng, rạng ngời, những vòng hoa tươi, mặt sau là những tấm poncho cuốn gọn xác đồng đội vừa nằm xuống, những vành tang trắng, những dòng lệ tuôn rơi.

“*Nửa Đường*” chính là một phần đời của TQLC Tô Văn Cấp.

Đọc “*Nửa Đường*” dễ thấy tình mẹ bao la nhường nào qua bài “*Bà Mẹ Quê*”, thấy mặt trái của tấm huy chương trong “*Trâu Diên và Cỏ Ván Mỹ*”, dễ mỉm cười thích thú khi nghe xong truyện “*Xé Lá Thư Tình*” rồi ngậm ngùi tiếc nuối một thời son vàng đã qua, sau cuộc đời đời với “*Thầy Cũ Trường Xưa*”, và sẽ chợt nhớ ra còn rất nhiều đồng đội thương tật của mình hiện nay đang sống lầy lắt từng ngày nơi quê nhà sau khi đọc “*Lão Lượm Về Chai*” v.v..

Những bài viết của Tô Văn Cấp là những lời tâm sự rất chân thành, là những bức tranh đời sống động. Điều đặc biệt, trong văn Tô Văn Cấp, chúng ta thấy rõ phong cách “rất” Việt Nam Cộng Hòa, không bao giờ độc giả có thể “bói” ra một chữ hay một danh từ Việt Cộng nào cả.

Dí dỏm cũng là đặc tính riêng của anh, chuyện gì dù nghiêm trọng tới đâu Tô Văn Cấp cũng tìm cách chen vào đôi chữ, đôi câu, làm cho ta cảm thấy đôi chút thoải mái, để thở phào một cái.

Tôi và Tô Văn Cấp còn là anh em kết nghĩa. Tôi nhỏ nhút, anh Cấp xếp hạng nhì, đại ca của hai đứa tôi là Biệt Động Quân Nguyễn Văn Đại (K8 Võ Bị). Đại Tá Nguyễn Văn Đại vốn tính khiêm nhường, khi nói chuyện với ai cũng hạ mình, tự xưng là “Dân Ngu”. Lúc sinh thời anh Sáu Đại thường tâm sự với tôi rằng: *“Dân Ngu mà có hai đứa em kết nghĩa là chú Tô Văn Cấp và chú Vương Mộng Long thì quả là hạnh phúc nhất trần đời rồi!”*

Anh Sáu Đại cứ hỏi thúc tôi và Tô Văn Cấp gom góp những bài đã viết in thành tuyển tập, để cho anh ấy: *“Có hai quyển sách gói đầu giường, đọc mỗi ngày, để thấy yêu đời hơn, muốn sống hơn!”*

Tiếc thay anh Sáu đã sớm ra đi trước khi hai thằng em của anh thực hiện được lời ước nguyện của anh. Nay ở thế giới bên kia, anh Sáu Đại chắc sẽ mỉm cười khi “Nửa Đường” ra mắt bạn đọc, và chắc chắn anh sẽ rất vui khi đọc được trên đó có in đôi lời giới thiệu của Vương Mộng Long./.

Về Một “Cây Viết Mới”.

T. Văn

Từ ngày tị nạn ở hải ngoại, nhiều người Việt mới bắt đầu cầm bút. Họ là những “cây viết mới”. Phần lớn những cây viết mới (nhưng già), không hề có tham vọng sẽ trở thành nhà văn, nhà thơ, có lẽ họ biết mình hơn ai hết. Và chẳng, thời gian có còn bao lâu nữa đâu để mong có ngày cái danh hiệu nhà văn được đứng trước tên của mình.

Nhưng không phải ai cũng có thể cầm bút viết nên những trang giấy khiến người đọc ở lại với mình đến dòng chữ cuối cùng. Tác giả Philatô của tuyển tập những bài viết này là một trong số những “cây viết mới” mà tôi luôn phải đọc đến trang cuối cùng.

Ông... “Bắc Kỳ Di Cư 54” mà học Petrus Ký, đầu quân vào Võ Bị, đơn vị TQLC Trâu Điền, rồi đến 9-10 năm dùi mài cày cuốc ở trường đại-học-máu (chữ của chính ông), làm gì có thì giờ mà sách vở, những thứ xa xỉ đối với người lính trong thời chiến. Bản thân ông, đáng đáp phong sương, lời ăn tiếng nói không cho thấy có một chút gì gọi là “văn”, vì vậy khi nói chuyện với ông thì nên cẩn thận, trong túi của ông có nhiều “tủ đựng”, và ông biết cách sử dụng chúng khá nhuần nhuyễn.

Vậy mà, cái tên Philatô hay Captovan, Phuhotrac giữa bầu trời chữ nghĩa âm đậm hải ngoại, bỗng tỏa

sáng, dù chỉ là thứ ánh sáng nhẹ nhẹ. Người thích (đọc) Philatô khá nhiều, mà kẻ ghét (vẫn thích đọc) Philatô cũng không phải là ít.

Những bài viết về đời sống xứ người, về những con người bình thường, qua giọng văn gãy gọn, khi nghiêm trang khi dí dỏm, có lúc làm rơi nước mắt đã chinh phục người đọc, chẳng những đọc Philatô cho đến dòng cuối, mà đôi khi còn phải đọc lại, rồi tự hỏi:

- Thằng cha này là ma xó hay sao mà biết cả chuyện riêng tư của mình để viết vậy?

Khả năng quan sát của ông rất nhạy bén, xoáy vào những chi tiết không phải ai cũng bắt gặp được, ông đưa chúng vào những bài viết, dễ dàng, tự nhiên như người sinh ra chỉ để làm công việc đó.

Vì vậy, “Viết Về Nước Mỹ” của Việt Báo đã 4 lần trao giải thưởng cho Philatô.

Người đọc những tập đặc san về lính sẽ nhận ra ngay Philatô, một Philatô sắc bén trong việc đối nhân xử thế, không mặc cảm, không nể vì, một Philatô đầy ắp tình cảm với bằng hữu, đồng đội, nhất là những đồng đội bỏ lại một phần thân thể trên chiến tuyến, vì chính ông là thương binh với 5 ngôi sao đỏ (chiến thương bội tinh).

Bằng một trí nhớ “trên cả tuyệt vời”, ông kể vanh vách những chi tiết một cuộc gặp gỡ, một trận đánh, khiến người đọc xúc động, phải có một tấm lòng với đồng đội, đến bằng hữu chân tình như thế nào mới có thể nhớ được như thế.

Hơn 40 năm rồi, bao kẻ còn, bao người mất? Những anh em tàn phế lê lét chuỗi ngày vất vưởng còn lại ở quê nhà, Philatô không quên họ. Ông như một người lính vẫn còn đang chiến đấu vì đồng đội, với tâm nguyện phải trả phần nào món nợ với những người mà ông tin rằng, không có họ, ông không thể sống sót đến ngày hôm nay. Nội dung bài viết: “*Lão Lượm Ve Chai*” cho tôi thấy đó chính là việc ông đã và đang làm.

Vì vậy, qua những bài viết người thật việc thật, trang trọng và chan chứa tình cảm, hẳn Philatô phải chiếm được một chỗ thật ưu ái trong lòng anh em, bằng hữu của ông. Và có thể cả trong lòng người đọc đã từng cùng ông đứng chung một chiến tuyến.

Người đọc những trang viết châm chọc, nhạo báng những “thói hư tật xấu của hải ngoại” xuất hiện trên những tờ báo phát hành ở miền Nam, miền Bắc California, đến Houston, Dallas của Texas, đến cả xứ Úc, xứ Canada xa xôi, cũng sẽ cười, giận, bực bội, ghét cay ghét đắng cái anh chàng Philatô không tha một ai. Từ các vị tu sĩ tránh né chức năng trong sinh hoạt cộng đồng (*Từ Vực Sâu Kêu Lên Cha Tôi*), đến kẻ khoác lác ta đây cái gì cũng biết, biết cả cái không biết (*Những Người Đi Trên Mây*). Từ vị “Hát-Ô” mãi hưởng thụ cuộc sống dễ dãi xứ người mà quên phắt đi mới ngày hôm qua mình còn là anh tù đói khổ (*Hôm Nay Ăn Đồ Gì Nhảy?*) đến những kẻ bắt chước bừa những cái kịch cỡm, cách dùng chữ đầy tính cách xã hội chủ nghĩa lừa bịp (*Vợ*

Chông Lục Đục Cũng Tại Ông Bức Xúc), (Người Việt Giết Tiếng Việt).

Ông châm chọc người đời bằng sự trào lộng chứ không phải bằng hận thù. Cái xông xáo của Philatô giống như người đi tiên sát trong rừng, trên đường đi, hễ thấy có chướng ngại vật là ông dùng rựa chặt bỏ, để người đi sau thênh thang tiến bước. Philatô châm chọc, đả phá không phải để thỏa mãn bản thân, mà cho cộng đồng bớt xả rác, một góp ý xây dựng rõ ràng

Vì vậy, người bàng quan thích đọc Philatô để tự nhếch một nụ cười, kẻ chẳng may rơi vào “tầm ngắm” của anh chàng nhiều sự này thì hẳn là chẳng ưa gì anh ta, nhưng buồn mà phải cười. Bởi vì, thấp thoáng đằng sau những lời lẽ đả kích, vẫn bàng bạc nỗi tha thiết của một tấm lòng.

Ông viết những gì ông thấy, nghe, cảm, sờ, không bận tâm hư cấu, không khổ trí “dụng công” chất liệu, viết mà như nói, chẳng cần biết thể loại, vì ông không phải là nhà văn. Do đó, xin quý vị nhà văn chính thống đừng mất thì giờ đem những “tiêu chuẩn nhà văn” ra để đo đạc những trang viết của “cây viết mới” Philatô./.

Wichita Mùa Thu

Cảm Nghi Khi Đọc Nửa Đường Của Tô Văn Cấp.

Huỳnh Văn Phú

Khoảng thời gian từ năm 2000 trở lại đây, trong làng báo ở hải ngoại, những bài viết của Tô Văn Cấp ký dưới các bút hiệu Capvanto, Philato, Phuhotrac được độc giả khắp nơi nhất là ở Nam Cali và Texas đón nhận vì lối viết rất sắc và dí dỏm của anh.

Những chuyện anh viết rất đa dạng, bất cứ đề tài gì liên quan đến cuộc sống xã hội chung quanh, chuyện trong các trại tù Cộng Sản, chuyện chiến trường kể cả những chuyện thăng trầm, éo le, trắc trở trong đời sống của chính anh hay của bạn bè. Anh cũng “gây sự” với những cái chướng tai gai mắt anh gặp hàng ngày. Chuyện có như thế nào thì anh kể lại thế ấy. Anh nhớ dai, lại thêm óc khôi hài và châm biếm cộng với sự thông minh nên đã bắt người đọc theo dõi chuyện anh kể một cách thích thú. Chưa bao giờ tôi thấy câu “gừng càng già càng cay” đúng như trường hợp ngòi bút Tô Văn Cấp.

“Phong cách” điển đạt của anh là phong cách của một anh đồ nho đặc sệt Bắc Kỳ với lối ví von vô cùng thâm thúy bên cạnh cách dùng chữ rất đặc biệt của anh. Đề cập đến một vấn đề không nghĩ được, thay vì viết “thối” thì anh hạ bút “thôi sắc” hay chữ “thủm” thì anh chẻ sợi tóc ra làm tư, làm tám thành “Thu Em Hối”. Anh có cách viết rất lạ và tức cười như nhóm chữ “chán thấy mẹ”, anh chêm tiếng Mỹ vào thành “chán see mother”. Vì thế, đọc anh rất thú vị.

Điều đáng nói nhất tôi muốn đề cập ở đây, qua những bài viết của anh, tôi nhận ra một điều chính yếu là, anh có cái Tâm, chính cái Tâm này đã làm nên nhân cách tác giả. Anh còn có một tấm lòng, qua các bài viết, hướng về “đơn vị cũ, chiến trường xưa”, về những Thương Phế Binh VNCH.

Sau cùng, trong chỗ riêng tư cùng với sự hãnh diện vì có một người bạn được sự yêu mến của mọi người, tôi cầu chúc và ước mong anh có được sức khỏe của con voi Phi Châu để “mực” của anh không bao giờ cạn./.

Mùa Thu Philadelphia.

Tô Văn Cấp Và Tác Phẩm Nửa Đường

Đoàn Phương Hải

Cuối Thu năm 1964, tôi và Tô Văn Cấp, cùng bốn trăm bạn đồng môn Khóa 19 Võ Bị Đà Lạt tốt nghiệp ra trường, reo hò, hô vang lời thề bảo quốc an dân, giữa khi quê hương đang đắm chìm trong chiến tranh. Tô Văn Cấp tình nguyện về Thủy Quân Lục Chiến Mũ Xanh, còn tôi về Nhảy Dù Mũ Đỏ, vì cùng phục vụ trong lực lượng tổng trừ bị nên hầu như quanh năm suốt tháng chúng tôi theo đơn vị hành quân, tham dự những trận chiến khốc liệt trên khắp các chiến trường từ Bến Hải tới Cà Mau. Hơn mười năm miệt mài trong lửa đạn, Cấp và tôi họa hoằn lắm mới thoáng đôi lần gặp mặt, có khi chưa hút xong điếu thuốc thì đã vội vàng siết chặt tay nhau để tham dự những chiến trận khác.

Cuối tháng 3/1975, những tháng ngày dầu sôi lửa bỏng trên quê hương, Sư Đoàn Nhảy Dù được lệnh từ giải chiến trường Trị Thiên, bàn giao nhiệm vụ lại cho Thủy Quân Lục Chiến, từ đó tôi không có dịp nào gặp lại Tô Văn Cấp.

Nhấp nhô theo vận nước nổi trôi, cuối tháng 4/1975 khi miền Nam rơi vào tay giặc, Cấp trải qua nhiều năm tù ngục từ Nam ra Bắc, cho mãi đến hơn chục năm sau tôi mới có dịp gặp lại Tô Văn Cấp tại Nam California trên đất lạ quê người trong những lần họp khóa.

Cũng từ đó tôi thường xuyên được đọc nhiều bài viết của Tô Văn Cấp, những thiên bút ký chiến trường, những bài viết mang nặng tình với anh em thương phé binh, những câu chuyện thấm đậm tình những người lính năm xưa nay ở tuổi xế chiều, tóc đã điểm sương đang sống hội nhập trên quê hương mới.

Còn lời tri ân nào, hình ảnh nào, ngâm ngùi, cảm động hơn khi Tô Văn Cấp có dịp lên thủ đô nước Mỹ đứng trước bức tường đá đen tưởng niệm những chiến sĩ Hoa Kỳ đã hy sinh trong cuộc chiến Việt Nam. Cấp sờ tay lên tên người bạn đồng minh cố vấn của Cấp đã hy sinh qua bài viết “*Trâu Diên Và Cố Vấn Mỹ*”.

Có người lính nào lại không nghiêng răng, uất ức, khi đọc “*Những Hồn Hoang Nơi Pháp Trường Cát*”. Qua lời văn sắc, nhọn đầy sống động, Tô Văn Cấp, đã kể lại những bi hùng, oan khiên, tức tưởi trên bờ biển năm xưa... Thuận An, Non Nước.

Cấp đã viết thay cho bạn, cho tôi, cho những người lính ngày đêm trực diện với quân thù trên những vùng sinh lầy Năm Căn, U Minh, trên những núi rừng trùng điệp Trường Sơn, trên những đồi cát Trị Thiên, trong những trận chiến kiêu hùng, thấm đậm máu xương.

Tôi đã đọc đi đọc lại bài “*Bà Mẹ Quê*” của Tô Văn Cấp, đọc như thấm từng chữ, từng câu.

“...Ngày tôi ra trường, bu tôi lên Đà Lạt dự lễ mãn khóa để xem tôi mang lon “quan một” nó ra sao... Thế rồi bu tôi thấy tôi đội mũ beret xanh TQLC... Rồi từ đó tôi đi biên biệt, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, chẳng có ngày phép về thăm mẹ già! Đời lính chiến là vậy, còn bu tôi thì hằng ngày vẫn thót con tim mỗi khi thấy xe GMC chở quan tài phủ cờ chạy qua cửa. Khi nghe máy bà hàng xóm kháo nhau rằng áo quan phủ cờ vàng sọc đỏ là của lính chết trận thì bu tôi vịn tường ngồi xuống đất đọc kinh tiếp.”

Ngày đêm mỗi mòn chờ đợi, ngóng trông, và cuối cùng thì mẹ của Cấp đã vĩnh viễn ra đi khi Cấp còn đang đọa đầy trong ngục tù Cộng Sản! Sao giống hết tình mẫu tử của mẹ bạn, mẹ tôi, của những bà mẹ Việt Nam mang dòng họ Đinh, Lê, Lý, Nguyễn, Trần..., mẹ có những người con trong thời chinh chiến, miệt mài ngoài trận địa. Đêm đêm nhìn hỏa châu rơi, nghe tiếng gầm thét của bom đạn vọng về, mẹ thấp vội nén nhang, lần tràng hạt, chấp tay lẩm nhẩm lời kinh, cầu xin Chúa, xin Phật đem may mắn, bình an che chở cho con trai mẹ nơi lửa đạn.

Đọc từng chữ, giờ từng trang, điều bất ngờ và thú vị nhất đến với tôi và rất nhiều bằng hữu là Tô Văn Cấp không chỉ với những bút ký chiến trường, mà anh còn rất nhiều bài viết về đời sống tha hương của những người lính năm xưa nay đang ở tuổi cuối đời!

Với “*Bông Hồng Kính Tặng Các Chị*”, người lính viết văn Tô Văn Cấp đã thay cho chúng ta thấp lửa yêu thương, mang triệu triệu đóa hồng tặng những người vợ lính đã buôn thúng bán bưng, bán rẻ đôi bông tai, vòng nhẫn cưới, đã trèo non, lội suối, mang tình yêu, nghĩa phu thê, lương thực, thuốc men, đến những trại tù nơi thâm sơn cùng cốc để thăm chồng đang bị giam cầm, khổ ải đọa đầy trong ngục tù Yên Bái, Vĩnh Quang, Hoàng Liên Sơn... trên đất Bắc!

Qua văn phong nhẹ nhàng, thâm thúy, trào phúng, châm chọc, dí dỏm, đầy ắp vui buồn, Tô Văn Cấp đã viết rất nhiều bài, từ bút ký chiến trường đến những chuyện vui buồn của người Việt tị nạn trên đất Mỹ qua những bài “*Con Nuôi Cha*”, “*Lão Lượm Ve Chai*”, “*Lạy Cha Con Ở Trên... Bolsa*”, “*Hôm Nay Ăn Đồ Gì Nhấy*” v.v..

Với hơn nửa thế kỷ tình bạn cùng khóa trong quân trường, tình chiến hữu trong quân ngũ, xin chúc mừng bạn tôi, Tô Văn Cấp, và xin giới thiệu tác phẩm “*Nửa Đường*” tới bằng hữu và độc giả bốn phương./.

Độc Truyện Của Cấp Tô Văn

Trịnh Bá Tú, K18

Gần đây trên vài tờ báo ở Cali, và trên diễn đàn của Tổng Hội Võ Bị, chúng ta thấy xuất hiện một ngòi bút. Anh không phải là nhà văn, nhà báo. Anh viết có lẽ chỉ vì tâm lòng thôi thúc, vì tình đồng đội, về chiến hữu xưa. Anh chỉ viết những gì anh thấy, anh biết, có trường hợp xảy ra cho chính bản thân anh, đơn vị anh. Anh viết chuyện thực, người thực, có tên có tuổi, có ngày giờ, địa điểm, cộng thêm với lối hành văn nhẹ nhàng, giản dị như người ngòi kể truyện, không hư cấu. Chính điều này đã làm xúc động người đọc, không riêng ai, mà ngay cả đồng môn đồng khóa của anh một khi thấy bài của anh là phải dành thì giờ ưu tiên để đọc, thú thật trong đó có tôi.

Tôi vẫn đùa gọi anh là Quan Tư Cọp Biển TÔ VĂN CẤP, một tay viết ngang... Bài anh viết rải rác khắp nơi, nếu gom lại, thì đây chính là một tài liệu rất quý hầu giúp ích sau này ai muốn có thêm tài liệu viết về người lính VNCH./.

Độc Truyện Ngắn Của Tô Văn Cấp

MX Phan Công Tôn

Ông bạn Tô Văn Cấp của tôi muốn in một cuốn sách để “làm kỷ niệm”, nhưng cứ đắn đo, e ngại mấy năm rồi, bạn bè thúc giục mãi cho đến nay... Đây là một niềm vui đối với anh em chuyên nghề cầm súng như chúng tôi.

Từ ngày qua Mỹ đến nay, Tô Văn Cấp cũng đã lao vào việc viết và lách, những bài viết của chàng được đăng trên các tạp chí và trên internet. Tôi rất thích thú đã được đọc các bài viết, đủ thể loại, từ tình cảm với thân nhân và gia đình, với bạn bè, với đồng đội trong quân trường và chiến trường và những ghi nhận như chụp hình lối sống khác lạ của một số người trong các cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ.

Tôi rất thích và “mê” lối viết của Tô Văn Cấp, do đó mỗi khi có tờ báo nào (mà Cấp thường đăng bài), tôi phải lật từng trang để tìm bài viết của Cấp để đọc liền và để xem ông bạn tôi viết... “Kí Rì!”

Khi viết về gia đình, Cấp đã viết rất thành thật về mọi chi tiết, đặc biệt là bài: “Bà Mẹ Quê”, người Mẹ thân yêu đã qua đời khi Cấp đang còn trong lao tù của Cộng Sản. Đọc xong, gấp bài viết lại nhưng tôi vẫn còn “nghe” nỗi buồn đang tràn ngập hồn mình!

Khi viết về kỷ niệm đời quân ngũ, qua các trận đánh khốc liệt, qua những lần bị thương ngoài mặt trận, không còn đủ sức đi “đánh giặc”, Cấp được chuyển về làm việc tại “hậu phương”, tôi nghe sao thặng trầm như thân phận của chính mình!

Còn khi viết về đời sống hiện nay tại Hoa Kỳ, Cấp đã nghe, đã biết và đã chứng kiến tất cả những sự thật của một số người: họ đã sống giả dối, lừa lọc, xảo trá để “mà mắt” mọi người chung quanh. Đó là lý do tại sao người đọc thấy lối viết của Cấp rất là “đả phá”, “châm biếm”, và “móc họng” với mục đích chính là để... “trừ tà”!

Tóm lại, người đọc sẽ thấy Tô Văn Cấp như “Người Muôn Mặt” qua văn phong, đã đưa chúng ta đi qua các vùng không gian và thời gian khác biệt, đối mặt với nhiều nhân vật lạ lùng, chính họ, đã diễn lại biết bao kỷ niệm buồn vui trong kiếp sống./.

Thu-Utah

Độc “Nửa Đường” Của Anh Tô Văn Cấp

Phạm Tín An Ninh

Cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt hơn 41 năm, dấu vết bom đạn trên quê hương đã chôn xóa theo thời gian, nhưng vết thương trong lòng những người lính chiến miền Nam dường như vẫn còn đó, chưa lành, những nỗi niềm băn khoăn đều có thể bắt gặp ở đâu đó mỗi ngày, trong nhiều tác phẩm trên sách báo, phim ảnh. Bởi những người lính ấy thực sự dũng cảm, đã chiến đấu hết lòng, luôn hãnh diện được phục vụ trong một quân đội có đủ chính nghĩa và đầy nhân bản, nhưng cuối cùng đành phải buông súng bất ngờ trong nỗi oan khiên tức tưởi. Trong số những tác phẩm của những nhà văn gốc lính ấy, độc giả thỉnh thoảng đọc được những bài viết rất sống động, thích thú pha nhiều cảm xúc, của một tác giả ký tên Captovan, Philato hoặc cái tên cúng cơm rất thật: Tô Văn Cấp.

Tô Văn Cấp là một người lính như thế, một người lính đúng nghĩa nhất. Từ tuổi ấu thơ cho đến cuối cuộc đời, đã trải qua và hứng chịu tất cả hệ lụy từ cuộc chiến bi thương nhất của lịch sử dân tộc. Là một cậu bé được sinh ra từ vùng làng quê Bắc Việt, Cựu Viên, Kiến An, mất cha năm mới lên sáu, năm mười ba phải bỏ quê cha, theo mẹ di cư vào miền Nam, lánh nạn Cộng Sản khi có Hiệp Định Genève chia đôi đất nước. Lớn lên, anh tình nguyện vào Trường Võ Bị Quốc Gia, ra trường chọn đơn vị tổng trừ bị, Binh Chung TQLC.

Trong chiến tranh, người lính ngày đêm sống chết cùng đồng đội ở chiến trường, nhưng giây phút im tiếng súng lại là lúc nhớ nhà, nhớ mẹ già với nỗi lo âu, cầu nguyện hằng đêm cho con mình được an toàn nơi trận tuyến. Không còn một hình ảnh nào diễn tả hết nỗi lòng của một bà mẹ trong chiến tranh bằng hình ảnh “*Bà Mẹ Quê*” của Tô Văn Cấp. Khi anh bị trọng thương, mẹ đến quân y viện thăm, thấy con trai băng bó giây nhợ đầy mình, chỉ còn có đôi môi mấp máy gọi “Mẹ” qua hơi thở của bình dưỡng khí, bà mẹ meo máu trong niềm vui:

- *Con cứ thế này thì mẹ đỡ lo.*

Câu nói đơn giản, thật lòng, nhưng nghe sao quá tội nghiệp, xót xa.

Những câu chuyện của Tô Văn Cấp có sức hấp dẫn để bắt người ta phải đọc đến dòng chữ cuối cùng. Bằng những lời văn giản dị, sống động, đôi lúc chen vào một chút hài hước, mỉa mai, nhưng có lúc xót xa cay đắng, tỏa lên tính chân thật, thẳng thắn. Là một tín hữu Công

Giáo mà anh tự nhận là “con chiên không ngoan đạo”, nên anh đã có lời trách cứ khi thấy các vị chủ chăn vắng bóng trong các buổi lễ cầu nguyện cho các anh lính tử sĩ VNCH, hoặc trong các chương trình đại nhạc hội Cám Ổn Anh, những thương binh bất hạnh đang sống khôn khổ ở quê nhà.

Anh tỏ ra bất bình với những ai vội quên quá khứ mà “áo gấm về làng” tìm những thú vui bệnh hoạn. Anh chán cả những bạn tù, từng một thời đói khát, ăn mọi thứ còn “nhúc nhích”, vậy mà mới sang Mỹ sung sướng đã vội trở nên “trưởng giả học làm sang”, cái gì cũng chê, mỗi sáng thức dậy đã mở miệng: “*Hôm Nay Ăn Đồ... Gì Nhảy?*” (Tên một chuyện phiếm của anh.)

Trong viết lách, anh rất nghiêm khắc với chính mình và bạn bè về việc sao chép ngôn ngữ dị hợm: “cực kỳ, thân thương, bức xúc, hoành tráng...” của xã hội đang “*Xuống Hồ Cả Nút*”. Nhưng bên trong con người ngay thẳng và khí khái ấy là cả một trái tim đầy áp tình cảm, nhân hậu. Ngày xưa, anh đã từng nuốt nước mắt khi đồng đội hy sinh, khi nghe tin huynh đệ nằm lại ở đâu đó trong những ngày “*Tháng Ba Gãy Súng*”. Bây giờ anh lại xót thương cho những thương binh bất hạnh còn phải sống lây lất ở quê nhà. Anh ca ngợi “*Lão Lượm Ve Chai*”, đã nhặt rác, chắt chiu từng đồng góp vào Quỹ Cứu Trợ Thương Binh.

“Nửa Đường”, cái tựa mà anh đã đặt cho tác phẩm, có lẽ cũng từ nỗi niềm và trong ý nghĩa ấy. Nhớ tới những huynh đệ đã hy sinh, nhớ tới lời truy điệu đầy bi

hùng của vị Chỉ Huy Trưởng Trần Ngọc Huyền thưở nào: “*Sự nghiệp đang công đeo đuổi. Thôi cũng đành gián đoạn nửa đường.*” anh ân hận vì trách nhiệm chưa tròn. Nhưng thực ra người lính Tô Văn Cấp đã chiến đấu, đã đi trọn con đường của một chiến binh: “Nửa Đường” bằng súng đạn, và “Nửa Đường” bằng chính trái tim và ngòi bút của mình.

Được đọc và viết về anh, về tác phẩm của anh, với tôi là một niềm vui cùng với lòng ngưỡng mộ./.

Bắc Âu- Mùa tuyết rơi 2016

Chúc Mừng

Phạm Kim Khôi, K19

Tác giả đầy tâm huyết
Trang trọng giải văn chương
Việt Báo bốn lần tặng
Tin đến khắp đồng hương.

*Năm hai ngàn mười bốn
Giải Danh Dự về tay
Hai ngàn mười lăm (5) với
Giải Chung Kết mừng thay*

*Bạn là niềm hãnh diện
Cho cả Khóa chúng ta
Võ Bị thêm danh tiếng
Văn bút cũng tài hoa*

Nhà văn đang sung sức
Tới luôn nghe bác tài
Chuẩn bị ra mắt sách
Trình quý độc giả coi

*Chúc mừng bạn thành công
Xưa võ bây giờ văn
Máu xương hay tâm trí
Vấn sắt son một lòng./.*

Nhà Văn Hay “Nhà Banh”

*Binh Nhất âm thoại viên
Quái Điều Trà Văn Sáu*

Tôi lúc nào cũng thương mến những người lính VNCH nói chung, hay kính trọng mấy người Lính Mũ Xanh (TQLC) nói riêng. Tôi có nhiều đồng cảm, vì một phần đời quân quân ngũ của tôi ngày đó, có dính tới màu áo này. Những sinh hoạt của Cọp Biển Hải Ngoại lúc còn cầm cái Microphone dù cho đài phát thanh hay đài truyền hình, tôi cũng ngấm ngấm ca ngợi màu áo ấy, dù biết rằng làm truyền thông phải công bằng. Có lần phỏng vấn anh Nguyễn Phục Hưng ngoài nghĩa trang Peak Family. Anh hỏi tôi sao biết rành về TQLC vậy? Tôi đánh trống lảng:

-Dạ, làm phóng viên phải làm homework rồi mới dám nói chuyện với anh, chứ bằng không sẽ khiến anh nghĩ tôi không tôn trọng người được phỏng vấn.

Ít ai biết, tôi cũng có một thời khói lửa trong màu áo rằn ri sóng biển TQLC. Dù chỉ là một anh lính tầm thường, nhưng lúc nào tôi cũng hãnh diện với bộ quân phục này.

Lúc làm người phóng viên, tôi thường né tránh chuyện phỏng vấn chiến trường, ngược lại tôi chưa từng sợ hay né phỏng vấn những nhân vật chính trị to lớn, hoặc những tướng lãnh một thời. Có lẽ, tôi thương cảm,

ngậm ngùi cho những đồng đội đã hy sinh của tôi. Những người luôn ở tuyến đầu, thấy giặc trước, nổ súng trước, rồi cũng là những người hy sinh trước.

Đã nửa Thế Kỷ, tôi vẫn không thể nào quên họ, không bao giờ xem đó chỉ là quá khứ, không thể lãng quên. Những giấc mơ về họ-những người lính, vẫn hiện về. Chiến trường cũ vẫn còn thấy như hôm nào. Chiến tranh, trận chiến của thời nào, ở đâu đều có thắng hay bại, chuyện thường tình ở mọi chiến trận. Ai luôn nghĩ đến thắng và thua thì tôi không biết, nhưng với tôi, những đồng đội đã hy sinh và bị thương, bỏ lại một phần thân thể ngoài chiến trường là điều quan trọng hơn cả. Đó cũng là vì sao tôi chú trọng đến tình đồng đội, tình Huỳnh Đệ Chi Bình. Người lính trẻ ngày xưa bây giờ đã già. Cái tình nó luôn đi trước. Nên tôi luôn “yêu” những ai có tâm với tình đồng đội.

Một trong những Mũ Xanh thể hiện Tình Đồng Đội rõ nét, chân tình nhất mà tôi nhìn thấy là “Quan Tư Cần Thơ”, anh cũng là một cây Bình Bút nặng cân của Đặc San Sóng Thần TQLC. Văn Ông nhẹ nhàng chứ không âm ỉ như cái thời chiến trận. Suy nghĩ của Ông với đồng đội bao giờ cũng trân trọng, quý mến. Không “thượng đội, hạ đạp” để câu vinh. Đôi khi, dù quá khứ có những phiền hà, nay cũng không vì thế mà “có thù không trả, thì không phải là Quân Tử”. Khí khái của người Lính Trâu Điên vẫn nằm đâu đây, không khuất phục trước bạo quyền, mà chỉ khuất phục với chân tình, với những ai có lòng với non sông, vận nước.

Văn phong của “Quan Tư” này nói rất rõ về con người của Ông. Nếu Ông không nhiều lần bị thương tích trên chiến trận để bị liệt vào loại không thể tiếp tục cầm quân, thì ông cũng rất khó mà làm “Quan Năm” với cái tính “can trường trên chiến địa, mà không thích bung cafe ở chôn khuê phòng”. Đòi người ai cũng có những chạnh lòng, chỉ tiếc..., Ông ít cười, Ông mà cười nhiều một tí thì chắc là có duyên lắm!

Tôi may mắn trình diện “Quan Tư” này một lần hôm nhóm họp Võ Bị Khóa 21. Tôi theo chân xếp cũ “Trương Phi Bông Sơn” nên có dịp được ngồi chung với các ông cả đời khoác áo trận. Không biết Bông Sơn của tôi nói gì với “Quan Tư”, trước khi ra về, Ông có thăm hỏi tôi một câu rất thẳng thắn, chân tình. Có tài đánh trận, có tài viết như Ông, Ông cho tôi một ly “mật ong”, an ủi một người lính như tôi khi phải bơ vơ giữa rừng “Mai Bạc”.

Hôm đó, ca sĩ Hương Thơ và cũng là xướng ngôn viên cho Đài Little Sài Gòn TV thấy tôi, cô chạy lại hỏi:

- Anh cũng ở trong Khóa này hả?

Tôi hét hồn đĩnh chính lia lịa, dất Hương Thơ lại chỗ Trương Phi Bông Sơn nói thật rõ: “Tôi là lính của Ông này, hôm nay được đi theo ăn ké thôi ạ”.

Tôi thích sòng phẳng như thế, chứ tự phong lon lá cho mình như ai đó ngoài Bolsa, thì chẳng khác nào tự “bôi tro, trét châu” lên mặt mình. Lính thì lính có sao đâu, không thẹn với mình là được rồi. Đòi người chỉ thẹn

với chính mình là khó thở nhất. Những lần đi phỏng vấn mấy quan võ văn, các ngài “nở” văng miêng tứ tung. Gặp tôi họ ghét lắm, nhưng làm gì được nhau? Đánh nhau hả? Không lại tôi, vì họ đã quá già, tôi còn rất “trẻ”. Trẻ ở đây là tôi có cái Microphone, họ thì không, đánh với tôi mãi mãi họ là bại tướng.

Tôi muốn nói về “Quan Tư Cần Thơ”, nguyên nhân là chỉ muốn tìm cho ông một sự công bằng. Ông viết nhiều không kể hết, chuyện “Vui Buồn Tiểu Đoàn Trâu Điền và Người Phóng Viên Chiến Trường”, chuyện “Những Niên Trưởng Võ Khoa/TQLC”, chuyện “Những Hòn Hoang Nơi Pháp Trường Cát! V.V.. Ôi thôi, nhiều và nhiều lắm, nhưng chưa ai viết về Ông cả! Ngòi bút của Ông được cả cái xứ Bolsa ca ngợi. Ai cũng khen, nhưng khen có đúng không? Có đúng vào "Trái Tim rỉ máu" của ông không? Chưa chắc.

Với tôi, văn của Bolsa vẫn là Văn “áo thụng vái nhau”. Quan Tư Cần Thơ đọc đến đây chắc giận lắm, nhưng với tôi, Linh Mũ Xanh kính trọng, thán phục Ông mới là điều cần thiết. Ông tha thiết với người, với đồng đội. Ông trần trở với những ai đã cùng ông đổ máu ngoài chiến trường. Ông nặng tình với màu áo ông mặc và tôn kính. Mũ Xanh là bửu bối, là báu vật mà ông muốn ôm trọn cuộc đời. Ngay cả sau này khi thuyên chuyển về “vùng khác”, Ông vẫn muốn giữ chặt cái Mũ Xanh mà ông có suốt đời trai trẻ.

Lính tôi thích Ông vì cái lòng với đồng đội, cái tình sâu, nghĩa nặng với Núi, Sông. Ông không màu mè,

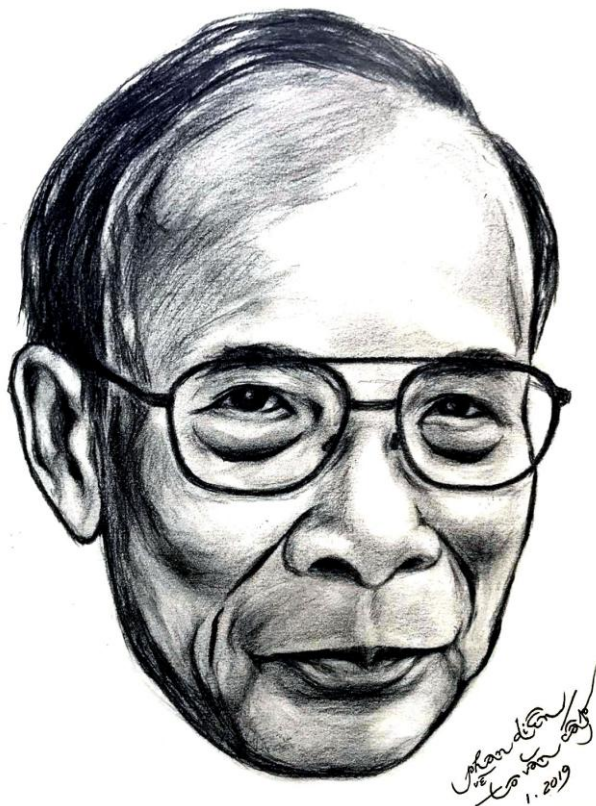
không giả dối. Xin phép Cần Thơ nhé, phạm thượng, nhưng chân tình, Lính tôi mong có dịp mời Ông ly rượu.

Hôm đầu tháng 6/2019. Quan Tư Cần Thơ có buổi ra mắt tác phẩm “Nửa Đường”. Phải công nhận rất được mọi người đón nhận. Dễ hiểu thôi, văn của Ông, đọc có vui, có buồn, chất chứa lòng người lênh láng. Nhưng Ông không chịu nhận khi người khác gọi ông là một nhà văn. Tôi suy “bụng ta ra bụng Cần Thơ”, Ông không nhận là “nhà văn” thì đúng rồi. Cứ nhận mình là cây bút “Nhà Banh” thì chắc cú. Lính nói, đúng hay sai, hay hoặc dở, chẳng ai chấp cả. Có đũa nào hỗn, cần xăn tay áo lên cũng dễ dàng. Chứ nhận là nhà văn mà “động khẩu hay động võ” thì hơi kỳ.

Sống ở khu Bolsa, thượng vàng hạ cám, cứ làm “thầy tu”, đôi khi cũng thiệt thòi lắm, đó là kinh nghiệm bản thân: Khi ra đường mà lịch sự quá, chúng ăn hiếp. Có những loại người ưa nặng, không ưa nhẹ thì phải đòi võ công thôi. Nói thế chứ, Quan Tư Cần Thơ ngày xưa không phải là tay vừa...Nay vào tuổi “Bát Thập”, Ông chỉ muốn có tác phẩm chứ không muốn tranh với đời. Hư danh không làm no bụng, tác phẩm nói lên thành tựu, kết quả cho chính mình. Lính tôi xin được mua sách "Nửa Đường" của Cần Thơ để tỏ lòng ngưỡng mộ./.

***Bình Nhất Âm Thoại Viên TĐ1/TQLC
Quái Điều Trà Văn Sáu***

Chân Dung Tác Giả



Nhà Văn Lính TQLC Tô Văn Cấp Ra Mắt Tác Phẩm “Nửa Đường”

(Việt Báo)







Vài hình ảnh trong buổi ra mắt sách.

Westminster (Bình Sa)- - Trưa Chủ Nhật ngày 2 tháng 6 năm 2019, tại hội trường Thành Phố Westminster số 8200 Westminster Blvd, nhà văn Lính Thủy Quân Lục Chiến Tô Văn Cấp đã tổ chức buổi ra mắt tác phẩm “Nửa Đường.”

Mặc dù trong một ngày, cùng giờ tại Thành Phố Westminster có nhiều hội đoàn, đoàn thể tổ chức sinh hoạt nhưng số người đến tham dự buổi ra mắt tác phẩm “Nửa Đường” đã ngồi chật hội trường, phần đông là các chiến hữu xuất thân từ trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Đà Lạt, nơi mà tác giả đã từng theo học Khóa 19 Võ Bị, các niên trưởng, các chiến hữu trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, một số quý niên trưởng, quý chiến hữu thuộc các hội đoàn quân binh chủng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, một số những vị thầy, những nhà văn, nhà thơ, Huỳnh Đệ Petrus Ký nơi tác giả đã trải qua nhiều

năm của thời niên thiếu dưới ngôi trường thân yêu này; đặc biệt với những người lính mũ nâu Biệt Động Quân mà tác giả đã cùng sát cánh bên nhau trong những ngày chiến đấu bảo vệ quê hương. Ngoài ra còn nhận thấy có: Linh Mục Nguyễn Thanh, Tuyên Úy binh chủng TQLC mà tác giả từng được vị LM này săn sóc về mặt tinh thần. Bên cạnh đó còn rất đông phu nhân, thân hữu các quân binh chủng bạn, một số đồng hương Hậu Nghĩa yêu mến, nề phục tác giả.

Được biết, Thiếu Tá TQLC Tô Văn Cấp sinh tại Kiến An, Bắc Việt, di cư vào Nam năm 1954, học trường Petrus Ký từ 1955 đến 1962. Sau khi đậu hai bằng Tú Tài ông vào trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt và tốt nghiệp Khóa 19 năm 1964. Sau khi tốt nghiệp ông tình nguyện gia nhập binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, một trong ba binh chủng nổi tiếng nhất của QL/VNCH (Nhảy Dù, TQLC và BĐQ).

Là vị chỉ huy trẻ, Thiếu Úy Tô Văn Cấp sau thăng lên Thiếu Tá từng cầm quân đánh Việt Cộng trong những trận đánh được ghi vào quân sử như trận Bời Lời (Mật khu Hồ Bò), trận Bồng Sơn... đặc biệt trận tăng phái cho ông Sáu Lèo (Tướng Nguyễn Ngọc Loan) Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia tiêu diệt quân Việt Cộng trong trận tấn công Tết Mậu Thân 1968 tại Saigon, và không biết bao nhiêu trận chiến khác khiến ông 5 lần bị thương, có lần bị gãy xương chân phải, gãy tay trái, bể xương hàm, máu từ mũi và hai lỗ tai chảy ra (bài Xé Lá Thư Tình, trang 35).

Sau ngày 30.4.1975 ông bị tù Cộng Sản 10 năm (1975-

1985) và qua Hoa Kỳ tỵ nạn theo diện H.O 1 năm 1990. Hiện đang sống tại Orange County bên cạnh người tình Gia Long từ những năm 1963 (Xé Lá Thư Tình). Ông Tô Văn Cấp chưa nhận mình là nhà văn, mặc dù đã ba lần ông được Giải Viết Về Nước Mỹ do nhật báo Việt Báo tổ chức và một lần được giải Viết Về Mẹ của nhật báo Herald.

Tuy nhiên, qua tác phẩm “Nửa Đường” có lẽ không ai đọc qua mà không phải công nhận, Tô Văn Cấp là một cây viết, viết hay hơn những nhà văn bình thường. Ông còn có bút hiệu Philatô. (Philatô là viên quan Tổng Trấn Do Thái, người đã chắt vắn Đức Giêsu trước khi trao Chúa Giêsu cho dân đem đi đóng đinh vào Thập Giá). Sau khi được ông ký tặng cho cuốn Nửa Đường, về nhà đọc trang đầu rồi không gấp sách lại được. Những chuyện nhà, chuyện anh em, chuyện lính, chuyện người được ông dàn trải trên 400 trang giấy qua 25 mẫu chuyện. Ngoài ra có thêm trang Thay Lời Tựa, Bạn Hữu Đọc Nửa Đường, Chân Dung Tác Giả và phần Mục Lục.

Sở dĩ cuốn Nửa Đường làm say mê người đọc không gấp sách lại được, vì những chuyện ông viết là những chuyện thật, không phải hư cấu, lời văn của ông nhẹ nhàng, dí dỏm khiến người đọc thấy vui vui như chuyện “Xé Lá Thư Tình” kể chuyện con ông chắt vắn ông về “Người Tình” của bố: “Bố có dám kể cho mẹ và con nghe lá thư bố viết cho người yêu không? Ai là người dám xé thư người yêu của bố? Người xưa ấy là ai? Bố yêu từ hồi nào, hiện nay bà ấy ở đâu? Ở Hoa Kỳ hay còn kẹt lại ở Việt Nam? Có phải lá thư bị mẹ con xé vì bả ghen?

Những câu ông đối đáp ỡm ờ với con thật dễ thương “Coi chừng bố bị xé xác bây giờ” trong lúc hiền thê ngồi bên cạnh thỉnh thoảng nhéo vào ba sườn và nói nhỏ “Xạo hoài”! Trong các mẫu chuyện, chúng tôi thích thú với câu chuyện “Vợ chồng lũng củng cũng tại con chim,” kể chuyện hai vợ chồng người bạn thân giận nhau vì “con chim” trang 346, và nghe ông thuật lại trận Mậu Thân 1968 khi ông đang là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC được tặng phái cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tư Lệnh CSQG tiêu diệt quân Việt Cộng đang chiếm khu vực chùa Ấn Quang, Saigon và kể cho độc giả nghe chuyện Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan xử bắn tên khùng bố Nguyễn Văn Lém tức Bảy Lốp, kể về tinh thần chiến đấu dũng cảm của vị Tư Lệnh và các Đại Đội Cảnh Sát Dã Chiến mà ông cảm phục, và có lẽ vì thế mà tác giả cố mời được Đại Tá Cảnh Sát Trần Minh Công, Viện Trưởng Học Viện CSQG, người đã cùng Tướng Nguyễn Ngọc Loan chỉ huy chiến đấu giành lại từng ngôi nhà bị VC chiếm giữ đến tham dự buổi ra mắt Nửa Đường của ông.

Đề độc giả đánh giá tác phẩm Nửa Đường của tác giả Tô Văn Cấp, có lẽ không gì hơn là nghe tóm tắt những lời nhận định khách quan của “Bạn Hữu Đọc Nửa Đường” đã đăng vào những trang cuối cuốn sách.

Tam Dung ghi: “ Sự Nghiệp đang công đeo đuổi / Thời cũng đành gián đoạn nửa đường” “... Ngòi viết của tác giả chân tình và một chút khôi hài cho đời thêm vui, nhưng đâu đó có những vị cay chua khiến độc giả buồn mà phải cười.”

Tường Thúy với cảm nghĩ về tác giả: “Philato, Captovan, Phuhotrac là những bút hiệu quen thuộc của cây viết Tô Văn Cấp mà độc giả thường bắt gặp trên mọi diễn đàn hay trên các mặt báo... Một điều nữa làm văn của anh càng thêm hấp dẫn hơn nhờ những câu tục ngữ, ca dao, câu hát, vần thơ đã được anh sử dụng rất đúng nơi, đúng chỗ.”

Vi Vân: “Sau khi buông súng thì anh cầm viết, anh có thể viết về bất cứ đề tài gì, về thể loại gì, ở môi trường nào v.v. lời văn rất tự nhiên vững chãi, cảm động.”

Ấu Tím: “Những bài anh viết ngọt ngào lôi cuốn, chẳng sợ ai mà không dám nói, chẳng bênh ai mà phải ngại ngùng. Đây là điều tôi thật sự trân quý khi đọc các bài anh viết.”

Việt Bút Ngọc Anh: “Qua lối viết sắc bén lẫn dí dỏm đặc sệt kiểu Bắc Kỳ, ngòi viết không cần lách của anh có nhiều bài va chạm tới vài giới trong xã hội mà nhiều lần tôi phải lắc đầu: Thật dễ nể, anh của tui.”

Vương Mộng Long: “Nửa Đường chính là một phân đội của TQLC Tô Văn Cấp. Đọc Nửa Đường để thấy tình mẹ bao la nhường nào qua bài Bà Mẹ Quê, thấy mặt trái của tám huy chương trong Trâu Điên và Cỏ Vần Mỹ, để mỉm cười và thích thú khi nghe xong truyện Xé Lá Thư Tình rồi ngậm ngùi tiếc nuối một thời vàng son đã qua, sau cuộc đổi đời với Thầy Cũ Trường Xưa.”

Trương Văn Ván: “Thằng cha này là ma xó hay sao mà

biết cả chuyện riêng tư của mình để viết vậy?”

Huỳnh Văn Phú: “Điều đáng nói nhất tôi muốn đề cập ở đây, qua những bài viết của anh, tôi nhận ra một điều chính yếu là, anh có cái Tâm, chính cái Tâm này đã làm nên nhân cách tác giả. Anh còn có một tấm lòng, qua các bài viết, hướng về đơn vị cũ, chiến trường xưa, về những Thương Phế Binh VNCH.”

Đoàn Phương Hải: “Cấp đã viết thay cho bạn, cho tôi, cho những người lính ngày đêm trực diện với quân thù trên những vùng sinh lầy Năm Căn, U Minh, trên những núi rừng trùng điệp Trường Sơn, trên những đồi Trại Thiên, trong những trận chiến kiêu hùng, thắm đậm máu xương.”

Trịnh Bá Tứ, K.18: “Tôi vẫn đùa gọi anh là Quan Tư Cọp Biên Tô Văn Cấp, một tay viết ngang... Bài anh viết rải rác khắp nơi, nếu gom lại thì đây chính là một tài liệu rất quý hầu giúp ích sau này cho ai muốn có thêm tài liệu viết về người lính VNCH.”

Nhà văn Phạm Tín An Ninh: “Được đọc và viết về anh, về tác phẩm của anh, với tôi là một niềm vui cùng với lòng ngưỡng mộ.”

Trong buổi ra mắt Nửa Đường, tác giả đã trao tặng hai món quà cho các TPB thuộc hai binh chủng, và nhận Bằng Tưởng Lược của Học Khu Westminster qua ủy viên giáo dục Frances Thế Thủy và nhận bó hoa tươi từ đại diện tỉnh Hậu Nghĩa nơi tác giả từng mang lại an ninh cho tỉnh lỵ này..

Có lẽ những lời nhận định của một số bạn đọc trên đã quá đủ để giới thiệu “Nửa Đường” một tác phẩm giá trị của một người lính đầy nhân cách mà Nguyễn Diễm Nga, con gái của cố Thiếu Tá Nguyễn Tiến Đức, CSVSQ/TVBQGVN Khóa 17 đã viết trong bài Thay Lời Tựa: “Bởi vì cháu tin tưởng rằng có một nhịp cầu mang tên Tô Văn Cấp đang lặng thầm và miệt mài nối dài Con đường tranh đấu vì Lý Tưởng Tự Do Dân Tộc giữa hai thế hệ.”

Đặc biệt trong buổi ra mắt sách này có Ba vị liên quan đến cuộc đời của tác giả thời còn là học sinh Petrus Ký (cựu GS Dương Ngọc Sum), cựu SVSQ/VBQGVN (Cựu SVSQ/VBQGVN Nguyễn Văn Thiệt, K18) và thời chiến đấu trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến (Cựu Đại Tá Cổ Tấn Tinh Châu).

Hai diễn giả phát biểu về tác phẩm là KQ Võ Ý, Khóa 17 TVBQGVN và cô Diễm Nga, thế hệ thứ hai của Khóa 17, con của cố KQ Nguyễn Tiến Đức.

Trong lời phát biểu Cháu Diễm Nga nhấn mạnh đến các bài viết liên quan đến thế hệ thứ 2 của tác phẩm như Nói Với Tuổi Trẻ Sau 44 Năm Tị Nạn, Cha Ôi! Con Rất Hãnh Diện Về Cha...

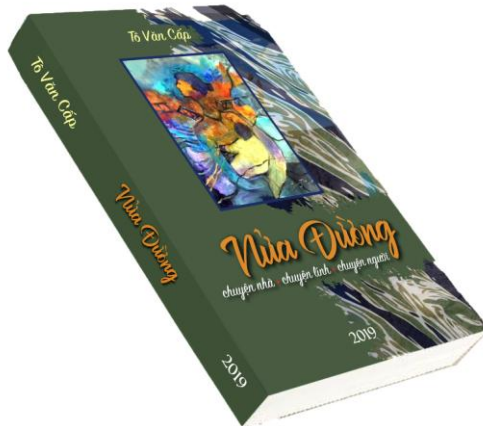
Còn KQ Võ Ý tri ân người phụ nữ Việt Nam nói chung và đặc biệt Bà Mẹ Quê trong tác phẩm.

Sau phần phát biểu về tác phẩm và tác giả là phần tác giả trả lời những câu hỏi của độc giả.

Xen lẫn chương trình có văn nghệ do các nghệ sĩ thân hữu trình diễn trong đó có: ngâm thơ, hợp ca và đơn ca các bài hát liên quan đến tình mẹ, tình quê hương và tình đồng đội.

Trước khi kết thúc buổi ra mắt sách, tác giả đã ký sách tặng cho những người tham dự.

Các chiến hữu, thân hữu muốn có sách xin liên lạc với tác giả: CAPTO: captovank19@yahoo.com hoặc điện thoại số (714) 897-3521, giá: \$20 US cộng \$5 cước phí gửi sách trong nước Mỹ. Chi phiếu xin gửi về: Cap Van To 13521 Vinewood St., Thành phố Westminster, CA 92683 Hoa Kỳ.



Nói chuyện với tác giả Nửa Đường Tô Văn Cấp

Nguyễn Mạnh Trinh

Nửa Đường- Chuyện nhà – Chuyện Lính- Chuyện người-Những câu chuyện ấy tuy là ở quá khứ nhưng lại vẫn ở thì hiện tại tuy của một thời thế mịt mù nhưng vẫn hiện diện trong lòng những người tị nạn. Nhất là đối với những người lính VNCH, tuy là bên thua trận nhưng vẫn không quên được những ký ức dù đã qua hơn nửa thế kỷ.

Trong tác phẩm này, tác giả Tô Văn Cấp tuy không nhận mình là nhà văn nhưng đã gửi nhiều thông điệp đầy tính văn chương của một người lính đã trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử. Ông tri ân anh hùng tử sĩ và thương binh VNCH, tạ ơn người anh cả và bà mẹ quê thân sinh của ông, cảm ơn đồng đội, đồng môn TQLC và Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và thân tặng đến tuổi trẻ Việt Nam.

Có phải cuộc chiến đã qua một thời gian dài và nhắc lại chuyện cũ chỉ làm khơi sâu thêm hố ngăn cách dân tộc? Điều ấy sẽ đúng nếu sau khi Cộng sản miền Bắc thôn

tính được cả nước mang đến tốt đẹp cho dân tộc tự do cho đất nước dù làm tay sai đánh cho Tàu cho Nga như lời Lê Duẩn nói. Hiện thực bây giờ, Việt Nam là một quốc gia hầu như chậm tiến nhất trên thế giới với tất cả tệ hại mọi mặt từ kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục. Nhìn lại cuộc chiến đã qua, phải là nhìn lại một bài học lịch sử cần thiết cho tương lai. Nhất là đối với những người lính đã đổ xương máu cho lý tưởng tự do, những chứng nhân của một thời thế đầy biến động của dân tộc.

Tác giả Tô Văn Cấp là một nhà văn không lạ với độc giả. Những bài viết của ông phát xuất từ tâm tư của những người lính đã trải qua nhiều biến cố của dân tộc nên chất chứa nỗi niềm của cả một thế hệ và tiểu sử của ông tuy của một cá nhân nhưng chung mang nhiều nét của một thời đại chiến tranh. Chúng tôi xin ghi lại đơn sơ vài nét. Ông sinh quán làng Cự Viên, tỉnh Kiến An và di cư vào Nam năm 1954, học trường Petrus Ký, tốt nghiệp khóa 19 Trường Võ Bị Quốc gia Việt Nam, phục vụ tại binh chủng TQLC cấp bậc sau cùng là Thiếu tá và bị thương 5 lần trong 11 năm tác chiến. Ông bị tù Cộng sản 10 năm và tị nạn tại Hoa Kỳ HO1. Hiện nay về hưu và sinh sống tại NamCalifornia.

Là một người lính, với những trải nghiệm từ cuộc chiến và nhất là mang truyền thống của gia đình có hai ba thế hệ chiến đấu trong cùng một đơn vị với 5 anh em và 3 ba người cháu tổng cộng là 8 người đã và đang mặc quân phục TQLC thì có 7 người đã bị tử trận không kể đến 4 người khác thuộc binh chủng Thiết giáp, SĐ23 BB, Hải Quân và Quân Cảnh. Đại gia đình của tác giả Tô Văn Cấp đã chịu nhiều hy sinh cho tổ quốc trong cuộc chiến

bảo vệ đất nước chống lại làn sóng đỏ xâm lăng. Trong truyền thống gia tộc ấy, tác giả trong các bài viết của mình đã nhìn chiến tranh Việt Nam như một cuộc chiến chính nghĩa của những người công dân yêu nước chống lại những kẻ tay sai của chủ nghĩa Cộng sản ngoại lai.

Tôi đọc tác phẩm Nửa Đường như đọc một phần trong bộ lịch sử vĩ đại nhiều người viết. Hàng trăm ngàn chứng nhân lịch sử, mỗi người ở hoàn cảnh khác nhau nên sự ghi chép tuy bao gồm chỉ một phần nhưng là những sự thực cấu thành lịch sử chân thực. Những ghi chép ấy làm rõ hơn một thực tế oái oăm của một đất nước đầy phức tạp, là đấu trường của những thế lực cường quốc trên thế giới mà những người trong cuộc cũng khó mà chủ động trong cuộc chiến.

Nửa Đường như một ghi chép lại của chứng nhân nhà văn Tô Văn Cấp đã trải qua nhiều biến động của lịch sử theo suốt chiều dài cuộc chiến. Người thực việc thực có phải là một đặc tính cần thiết cho bộ lịch sử ngàn người viết mà bây giờ và đến mãi về sau đã có nhiều người đang ghi chép lại?

Tôi hơi ngạc nhiên khi tác giả chọn Nửa Đường làm nhan đề tác phẩm của mình Tại sao bây giờ, có lẽ ông đã qua tuổi “cô lai hy” rồi thì còn “nửa đường” cái gì? Thì, tác giả đã trả lời, rất chân thành. Nửa Đường là gợi ý từ bài Văn Tế Chiến Sĩ Trận Vong của Chi Huy Trương Trần Ngọc Huyền đọc trong đêm truy điệu trước ngày mãn khóa, mở đầu:

“Lúc bấy giờ... phút chốc liệt vị đã trở nên người thiên cổ

Sự nghiệp đang công đeo đuổi, thôi đành gián đoạn nửa đường...”

Ý của bài văn tế nhắc cho các tân sĩ quan biết đến đã có nhiều đàn anh hy sinh trên khắp các chiến trường. Và trong cuốn sách này, tác giả Tô Văn Cấp nhắc cho chính mình nhớ đến các đàn anh và đồng đội đã hy sinh khi tuổi đời còn quá trẻ như các TQLC Nguyễn Văn Nho, Dương Hạnh Phước, Lê Hằng Minh, Nguyễn Xuân Phúc, Trần Văn Hợp, Nguyễn Quốc Chính,... và... những người lính trong gia đình đã hy sinh.

Và ngay như chính bản thân tác giả, chúng ta đây đều bị gãy gánh giữa đường. Nửa Đường binh nghiệp vào ngày 30/4/75. Nửa Đường còn lại là tị nạn Cộng sản, lưu vong. Chúng ta đã và đang làm gì hiện nay trong hoàn cảnh này. Chống Cộng thì dĩ nhiên nhưng việc mà mọi người nhớ đến là các anh thương phế binh hiện đang sống ở quê nhà. Do đó, trang đầu của cuốn sách có ghi hàng chữ: Thành kính tri ân anh hùng tử sĩ và TPB/VNCH.

Bình thường , bài viết thay lời tựa do một tác giả có uy tín viết. Nhưng, với Nửa Đường, lại do một hậu duệ TQLC viết cho một TQLC. Cháu Nguyễn Diễm Nga viết cho chú Tô Văn Cấp. “Ngày xưa, chú Cấp từng là niên

đệ của bố tôi tại Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam- Bố tôi khóa 17, còn chú Cấp khóa 19 và cả hai đều là “lính” Thủy Quân Lục Chiến. Theo như lời kể của chú trong bài viết mà tôi tình cờ đọc được nói trên thì bố tôi SVSQ Cán Bộ Nguyễn Tiến Đức Khóa 17 trong tuần lễ đầu huấn nhục đã dùng cái quyền làm hung thần mà net các tân khóa sinh Khóa 19 trong đó có chú Cấp...”. Và đó, là lý do để bài viết thay lời tựa được in trên những trang đầu tiên của Nửa Đường

Nhưng khi đọc được vài trang, tôi hiểu tại sao tác giả Tô Văn Cấp sắp xếp như vậy:

“Trong một buổi nói chuyện thân tình, chú Cấp đã nói với tôi về tựa đề cuốn sách “Nửa Đường” và hình ảnh của “chiếc cầu gãy” luôn ám ảnh trong tâm tư của chú.

Tuy nhiên khi đọc qua những bài viết của chú, không hiểu sao tôi lại liên tưởng đến một nhịp cầu có khả năng điều kỳ nói liền những gãy đổ.

Gãy đổ do chiến tranh gây ra những mất mát trong tâm hồn, trong hình hài trong thân phận của một con người

Gãy đổ trong ngôn ngữ càng ngày càng rời rạc và lu mờ của Tiếng Việt ngày nay.

Gãy đổ trong thâm tình giữa hai thế hệ- đời cha và đời con- do hệ lụy của chiến tranh.

Chính những công trình viết lách, tìm tòi và ghi chép lại trong hành trình lội ngược dòng trí nhớ của chú Cấp đã là một “nhịp cầu” nối kết thế hệ đời sau của chúng tôi với lịch sử chiến đấu anh dũng của cha chú”.

Như vậy, đúng là nói chuyện quá khứ nhưng vẫn phóng chiếu tới một hiện tại và một tương lai. Nói chuyện với tuổi trẻ có phải là tâm sự về những ngày cũ để họ hiểu biết thêm về sự thực hôm qua để hành trang vào đời của tuổi trẻ có thêm nhiều kinh nghiệm cho cuộc đời sẽ mở ra nhiều ước vọng? Bài tựa, bài bạt hay một bài giới thiệu chỉ có nghĩa là một nhịp cầu thì cả cuốn sách chỉ là nối kết hai thế hệ với nhau...

Tôi đọc Nửa Đường. Và chạnh nghĩ đến mình tôi cũng có một bà mẹ quê như tác giả Tô Văn Cấp và tôi cũng có những tháng ngày tản cư chạy loạn ở miền Bắc và di cư vào Nam lập nghiệp. Tôi gọi mẹ tôi bằng mợ thì anh Cấp gọi mẹ bằng bu. Cả hai bà đều có những lúc lo lắng cho đứa con đang ở vùng chiến trường nguy hiểm. Trong Nửa Đường anh viết về bà mẹ quê của mình:

“... Ngày tôi ra trường, bu tôi lên Đà Lạt dự lễ mãn khóa để xem tôi mang lon “quan một” nó ra sao, nhưng mục đích chính là bảo ông anh rể tôi làm Cảnh Sát: “Sắp xếp làm sao cho tôi làm việc tại Đà Lạt cho có chị có em” cho bu tôi yên tâm. Thế rồi bu tôi thấy tôi đội mũ beret xanh Thủy Quân Lục Chiến, cụ lo lắng. Vì một ông anh rể khác của tôi ở TQLC đã bị thương nhiều lần nên tôi phải nói dối cụ là tôi được làm văn phòng ở Thủ Đức, gần nhà hơn.

Nhưng rồi tôi đi biên biệt, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau chẳng có ngày phép để về thăm mẹ già! Đòi lính chiến là vậy còn bu tôi thì hàng ngày vẫn thót con tim mỗi khi thấy xe GMC chở quan tài phủ cờ chạy qua cửa. Khi nghe mấy bà hàng xóm kháo nhau rằng áo quan phủ cờ vàng sọc đỏ là của lính chết thì bu tôi vịn tường ngồi xuống đất đọc kinh tiếp.

Rồi một ngày tháng 6 năm 1966, một xe GMC/ TQLC chạy vào xóm và từ từ dừng lại khiến bu tôi hốt hoảng khuyu xuống, nhưng người lính TQLC tìm nhà bà Châu, bà hàng xóm và cũng là người cùng quê, để báo tin con trai của bà là thằng Mão đã tử trận. Bà Châu xiu, bu tôi cũng hoảng hốt lo lắng xiu theo vì Mão và tôi là bạn và cùng tình nguyện vào TQLC. Mão ở Tiểu Đoàn 1, tôi ở Tiểu Đoàn 2 Cả hai vừa đụng trận tại Ngã Ba Sông Định, thuộc Bích La Thôn, Quảng Trị. Nó bị tử thương, tôi bị đạn xuyên khuỷu tay, thấy không sao nên tôi đã nói với hậu trạm là đừng báo tin về cho gia đình biết. Khốn thay, hậu trạm rồi hậu cứ ở Thủ Đức cứ theo đúng thủ tục mà báo tin nên hai ngày sau lại một xe jeep TQLC đậu trước cửa hỏi nhà bà Tiệp, tên anh cả của chúng tôi. Người báo tin chưa kịp nói gì thì bu tôi ngã xuống bất tỉnh và không còn biết gì nữa.

Vì bị thương nhẹ nên tôi xin xuất viện ngay để đi phép về thăm nhà. Bu tôi đang nằm thiêm thiếp trên giường bệnh thấy tôi về, cụ ngồi bật dậy ngơ ngác nhìn con, hai tay vuốt mặt con, nắm vai, nắm tay con lắc lắc như muốn biết đây là thực hay chiêm bao/ Bu tôi không nói gì mà chỉ khóc. Cụ khóc vì lo âu cụ khóc vì còn cầm được tay con vừa từ mặt trận trở về. Những bà mẹ lính chiến thấy

mặt con lúc nào thì được hạnh phúc lúc đó, còn suốt ngày dài lại đêm thâu chỉ toàn là sầu khổ vì nghĩ đến con ngoài chiến trường Tôi xin mượn ý bài thơ Màu Tím Hoa Sim “Không chết người con lính chiến mà chết người mẹ hậu phương.” Người lính chiến nếu có chết, chỉ có chết một lần nhưng những bà mẹ hậu phương thì chết dần chết mòn, chết khi nghe “đại bác đêm đêm vọng về thành phố” chết giấc khi con trở về trên đôi nạng gỗ...

Bu tôi đã chết giấc nhiều lần như thế khi thấy mấy đứa con, đứa cháu trong họ cùng đi TQLC lần hồi tử trận như Tô Thanh Chiêu, Tô Văn Sơn, cháu ngoại Vũ Tuấn, Nguyễn Thanh... Cuối cùng thì ngày 19/6/1969 trên con kinh Cán Gáo thuộc tỉnh Chương Thiện, những tiếng nổ đã loại tôi ra khỏi vòng chiến. May mắn hơn Chiêu, Sơn, Tuấn, Thanh, tôi còn nặng nợ chưa ‘đi’ được nên khi tỉnh dậy thấy mình nằm trên giường bệnh viện, toàn thân những giầy cùng nhợ! Mờ mờ qua lớp băng quấn đầu, tôi nhận ra bu tôi đang lấy tay cạy những vết máu, vết sinh đã khô trên mặt tôi. Tôi mấp máy đôi môi, gọi qua hơi thở của bình dưỡng khí:-Mẹ... Tiếng Mẹ dễ gọi dễ thương là thế nên tôi quen với chữ Mẹ từ đó!”

Phần đầu cuốn sách nói về người mẹ thì phần cuối lại là những lời ghi khắc dành cho ông anh cả. Một ông anh quyền huynh thế phụ đặc biệt tuy là cảnh sát viên nhưng lại ưa thích binh chủng TQLC và khuyến khích em con gia nhập binh chủng thiện chiến này.
“Anh quý bộ quân phục TQLC nên anh rất hãnh diện với bà con họ hàng và đồng nghiệp có “thằng em là Cọp Biển nên khi em ngã ý định rời Binh Chủng TQLC vì lý

do thương tật thì khiến anh luyến tiếc khiến em luyến tiếc theo anh. Khi em “gãy cánh giữa đường”, nhận giấy phân loại thương tật loại 2 vĩnh viễn sẽ được giải ngũ. Thiếu tá Huỳnh Văn Phú, Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến Sư Đoàn, thương bạn bè giới thiệu em với anh ruột là Huỳnh Văn Mạnh, người có thẩm quyền kho xăng Nhà Bè. Anh Mạnh đã xin cho em được vào làm an ninh kho xăng, lương cao gấp 3 lần lương đại úy nhưng khi nghe em muốn cởi bỏ bộ quân phục thì Anh luyến tiếc nên em đành cảm ơn anh Mạnh, cảm ơn anh Huỳnh Văn Phú mà xin ở lại Binh Chủng TQLC.

Anh Cả muốn em tiếp tục mặc áo lính, muốn em “tiếp tục sự nghiệp đang công theo đuổi” nhưng không ngờ Anh em và tất cả đồng đội đã phải khóc vào ngày 30 tháng tư vì bị gián đoạn nhiệm vụ giữ nước....”

Đoạn đường binh lửa của tác giả có nhiều thăng trầm, có lúc hãnh diện vì những chiến công mà ông đã góp phần nhưng cũng có lúc đau đớn khi đơn vị bị tôn thất và đồng đội bị gục ngã hy sinh. Mặc dù lúc đầu, vì bốc đồng tuổi trẻ bị kỷ luật nhưng sau đó đã gượng dậy, chuyển đến một đơn vị nổi tiếng thiện chiến nhất của binh chủng là Tiểu Đoàn 2 TQLC mang danh hiệu Trâu Điên và đã lập được nhiều chiến công. Ông kể lại chuyện đời lính của mình, chân thực của một chứng nhân. Trong cách diễn tả, có sự tận tường của sự thực. Không phải kể lại từ chuyện của người khác nói lại, mà chính là chuyện của mình, biết ra sao thì kể như vậy, không thêm bớt không cường điệu. Chiến tranh Việt Nam có nhiều sự kiện phức tạp, và từ những nhận định, quan sát khác

nhau của nhiều phía đã tạo thành những huyền thoại nhiều khi xa cách với sự thực.

Bài viết “Sài Gòn 68 và ông Sáu Lèo” đã có giá trị của một tư liệu quý giá cho những người viết sử. Quý giá vì những điều mắt thấy tai nghe, chính xác những biên cố của một thủ đô khói lửa mà ông tướng anh hùng bị nhiều phê phán bất công của truyền thông Mỹ. Quý giá vì là tiếng nói của một nhân chứng sau một thời gian dài đã được cất lên:

“Khoảng trung tuần tháng 6/ 2017, cựu Đại Úy Nguyễn Quang Đan chánh văn phòng Thiếu Tướng Tư Lệnh Binh Chủng TQLC/VN gọi điện thoại báo cho tôi biết có toán truyền hình người Mỹ muốn tìm hiểu thêm về việc Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn tên VC Bảy Lốp vào dịp Tết Mậu Thân 1968 tại Chợ Lớn. Đan nói:

“Trường đại học Mỹ ở Texas (Briscoe Historical-University of Texas) tài trợ cho Mc Douglas Sloan cùng một toán chuyên viên truyền hình để quay cuốn phim Sài Gòn 68. Họ đang tìm những TQLC/VN đã tham dự trận đánh ở Chợ Lớn trong Tết Mậu Thân để phỏng vấn về vụ Tướng Loan bắn tên VC Bảy Lốp. Vậy anh muốn “đóng phim” không?

- Lại truyền thông Mỹ! Khi còn sống Ông Tướng đã bị truyền thông và phản chiến Mỹ phê bình gay gắt về bức hình này rồi, nay ông đã mất, họ cần gì nữa, hay lại muốn đóng thêm cái đinh vào quan tài của Ông chăng?
- Không phải đâu, họ muốn tìm hiểu thêm sự thật để trả lại công bằng cho Ông. Tôi nghĩ anh nên

tham gia ít nhất cũng cần một vài tiếng nói của chúng ta, những TQLC đã chứng kiến hoặc biết ít nhiều về vụ này. Tôi sẽ giới thiệu anh với cô Thúy Lan, một người trong toán quay phim và cũng là thông dịch viên, nếu anh muốn.

Chuyện Ông Sáu Lèo bản tên đặc công VC Nguyễn Văn Lém (tự Bảy Lốp) bị phóng viên Adams chụp hình đã qua nửa thế kỷ rồi, truyền thông và phản chiến Mỹ đã làm ông lao đao khi còn sống. Lúc Ông Sáu Lèo qua đời, ông Adams gửi vòng hoa phúng điếu đến gia đình Thiếu Tướng Loan với lời xin lỗi chân thành: “Tôi xin lỗi ông. Nước mắt đang tràn dâng trong mắt tôi”.

Khi còn sống, Ông Sáu giữ im lặng trước làn sóng phê bình chỉ trích, ngày nay Ông đang ở trên chón bình yên, một lời xin lỗi hay trăm lời khen chê chẳng còn ý nghĩa gì đối với Ông, nhưng “một nửa sự thực” còn lại rất cần thiết để làm sáng tỏ thêm chính nghĩa, tính nhân bản trong công cuộc chống Cộng của đồng đội ông, của thuộc cấp ông nói riêng và Quân Đội VNCH nói chung. Vì vậy tôi đồng ý với đề nghị của Đan để nói với toán quay phim Sài Gòn. 68 những gì chúng tôi nhìn tận mắt, nghe tận tai, tay sờ vào sự thật...”

Và, tác giả Tô Văn Cấp đã trong phim của truyền thông Mỹ đã có dịp kể lại tường tận từ đầu tới đuôi trận đánh tại thủ đô Sài Gòn mà đơn vị ông là Tiểu Đoàn 2 TQLC Trâu Điền tham dự. Những tình tiết ly kỳ nhưng có thật có giá trị như những chứng cứ sống thực về chân dung của một ông Tướng xông pha trên trận địa và là một trong những anh hùng đã làm thủ đô yên bình đầy chiến

trường ra khỏi thành phố. Tiểu đoàn của tác giả Nửa Đường đã theo sát ông Tướng từ cuộc dẹp loạn Biển Động Miền Trung đến những trận đánh tại thủ đô nên ông đã chứng kiến bao nhiêu là những hành động quả cảm, của một người “chiến sĩ” yêu nước và có lòng nhân ái thương người chứ không phải là mẫu người hung ác như truyền thông và phản chiến Mỹ tạo dựng ra.

Nếu là người nông nổi hung dữ thì Ông Tướng đâu có ra lệnh:

- Trong cái building kia còn một toán VC mà CSDC của “moi” chưa thanh toán được, liệu “toi” có thể giúp “moi” giải quyết được không? Điều quan trọng nhất là làm sao bắt sống được tụi nó.

Ông là cấp Tướng chỉ huy, tôi là cấp úy biệt phái, lệnh Ông ra là tôi phải thi hành, nhưng kết quả đạt được như thế nào còn tùy thuộc vào tình hình “địch – bạn”. Địch chưa biết nhưng “bạn” thì có CSDC. Ông Tướng Cảnh sát lại thân mật “toi moi”, thay vì chỉ tay năm ngón ra lệnh. Ông hỏi ý kiến thân tình “Liệu “toi” có thể giúp “moi”... nên cảm thấy vui vui cần phải nghĩ cách giúp ông. VC cố thủ trên building cao tầng ngó vào ngay dinh Độc Lập thì nhứt nhối và nguy hiểm quá. Các anh CSDC đã cố gắng hết mình mà chưa chiếm lại được lại còn bị tổn thất nên Ông Tướng mới dùng TQLC giúp. Tiêu diệt thì dễ nhưng cái khó là Ông yêu cầu phải bắt sống. Bắt sống VC mà lính tôi chết thì sao đây? Nhưng vì danh dự của Trâu Điền của Binh Chung, tôi phải cố gắng. Để giảm thiểu thiệt hại tối đa tôi trình Ông:

- Thừa Thiếu Tướng. Chúng tôi sẽ cố gắng bắt sống nếu họ muốn sống, còn nếu họ muốn chết khiên lính tôi chết theo thì đó là ngoài ý muốn. Chúng tôi đã có mặt nạ, áo giáp và khói màu rồi xin CSDC cung cấp thêm lựu đạn cay và bao vây xung quanh.

Ông Tướng cam kết sẽ có lựu đạn cay ngay còn bao vây thì CSDC đã siết chặt rồi. Hơi cay và khói màu không phải là vũ khí sát thương nhưng sẽ làm cay mắt, ngộp thở, vì bản năng sinh tồn, địch sẽ phải tìm cách thoát thân.

Một yếu tố tâm lý hết sức quan trọng khi chúng tôi đi vào chỗ chết để bắt sống VC trước con mắt chăm chú theo dõi của Ông Tướng Cảnh Sát, của anh em CSDC và của đồng bào khiến Thiếu úy Huỳnh Vinh Quang điều động trung đội tiến vào mục tiêu như đóng phim, anh em Trung Đội 14.ĐĐ1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bắt sống 6 tên VC trong tình trạng ngơ ngác, lão đảo say khói màu như say thuốc lào Ba số 888.

Đánh trận có thắng có thua. Nhưng có trận thua một cách kỳ lạ đau đớn, trận cửa Thuận An. Tô Văn Cấp viết “*Những hồn hoang trên pháp trường cát*”. Trước đây, trong chương trình Tản Mạn Văn Học Tưởng niệm Cao Xuân Huy với tôi và Nhã Lan, ông đã nói về trận chiến ấy với sự căm phẫn của nỗi niềm dẫn vật qua tháng năm dài sau cuộc chiến. Và trong bài viết này, ông bày tỏ:

“Chiến đấu là có thắng có thua, mà phần quyết định thắng thua thường do khả năng và tài lãnh đạo của cấp

chỉ huy. Viết về một chiến thắng thì quá dễ dàng, vui trong bụng và làm hài lòng những người tham dự, nhất là những cấp chỉ huy trận đánh đó. Nhưng rất dễ “lãnh đạn” khi viết về một chiến bại dù cho là “Can trường trong chiến bại”. Viết về biển cố Thuận An thì lại càng khó. Nó không chỉ là chiến bại mà là một tan hoang! Tan hoang không hoàn toàn do địch quân mà có phần trách nhiệm chỉ huy cao cấp của cuộc rút quân đó! Lại càng khó khi những nhân vật chỉ huy cao cấp đó còn đây. Không khéo lại bị mang vạ là hỗn hào, sao dám phê bình...?

Biết vậy nhưng tôi phải viết, viết để trả lời cho những người đã khóc, đang khóc, và còn khóc mãi khi thân nhân của họ là những oan hồn chưa tìm được ra nơi tạm trú, những hồn hoang vẫn còn lang thang trên “pháp trường cát” Thuận An vào những buổi hoàng hôn.

Đại Tá Nguyễn Thành Trí, Tư Lệnh Phó/Sư Đoàn TQLC đã ghi lại: “Chiều đã xuống, Bộ Chỉ Huy nhẹ SĐ/TQLC đã gọi bất cứ hệ thống vô tuyến điện nào có thể, để xin tiếp tục gửi tàu đến bãi bốc, nhưng mọi câu trả lời nhận được đều bi quan và tuyệt vọng.”

Kể từ 4 giờ chiều 26/3, cả LĐ 147/TQLC coi như đã bị đưa ra “pháp trường cát” Thuận An. Trước mặt là Biển Đông, sau lưng là Đầm Thanh Lam, Đầm Hà Trung, phía Bắc là Cửa Thuận An và Phá Tam Giang. Nam là Cửa Tư Hiền, giữa bãi cát mênh mông thì có thể làm gì được đây?

Đã 6 giờ chiều, nhưng người lính TQLC phải quyết định thật nhanh. Thiếu Tá Phạm Cang cho họp các Tiểu Đoàn Trưởng để đi đến một quyết định “Tiếp tục đánh và đi về phía Nam” đi về Cửa Tư Hiền dù biết rằng không có cầu phao, nhưng hy vọng vào cái cầu bằng “bọt nước” tức là hy vọng vào Duyên Đoàn 13 thuộc BTL/HQ Vùng I Duyên Hải còn trấn giữ ở đây. Nhưng tất cả đúng là “bọt nước”, không tàu, không cầu, không bạn, hết đạn, hết lương thực, hết nước, chỉ còn nước biển mênh mông và súng địch thì không tử trận cũng tự sát, và bị bắt! Còn ai thoát được?

Có bạn trách chúng tôi rằng tại sao lại dùng chữ “pháp trường cát”? Nói như vậy, có nghĩa ám chỉ quân sĩ là “tội nhân” à?

Xin thưa, khi Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ trối Tạ Vinh, tên Ba Tàu đầu cơ gạo vào pháp trường cát trước cửa chợ Bến Thành mà bắn. Nay các chiến sĩ bảo vệ chế độ bị đẩy ra bãi biển cát, tứ bề mênh mông là nước, không có bất cứ phương tiện nào khác, không đạn dược, không lương thực chỉ có còn hòng súng AK, B40, RPD chĩa vào trước mặt thì có khác chi các anh bị thượng cấp, trong đó có Phó Tổng Thống Kỳ, trối chân tay các anh trước hòng AK, thì có khác gì các anh bị đem ra pháp trường cát!

Tác phẩm Nửa Đường còn viết về câu chuyện ngôi mộ “Thập Loại Cô Hồn Hiền Hách Chi Mộ” mà đồng bào thôn An Dương đã cải táng được năm mộ tập thể của 132 quân nhân trên bãi biển Thuận An. Hai chữ “hiền hách” đã nói lên tấm lòng thương mến của người dân

thôn An Dương đối với các quân nhân đã hy sinh vì đất nước. Mà trong đó có Đại Úy Tô Đức Chiêu ĐĐT thuộc TB 2/TQLC, em chú bác ruột của tác giả. Xác thân của anh hùng tử sĩ đã chung một chỗ nằm của đồng đội sống chiến đấu cùng nhau nhưng khi chết cũng cùng chung mộ chí...

Lính cầm súng chiến đấu thì cầm chắc cửa tử trong tay, không chết nay thì chết mai, đang nhai miếng cơm sậy thì đạn bắn toét miệng, cơm mau và óc văng vào mặt thẳng bên cạnh! Họ không kêu không than không trách vì đó là bổn phận, nhưng nếu chết vì cấp chỉ huy cầu thả “đem con bỏ chợ” thì không hiểu được, chỉ biết chửi thề...

Nửa Đường còn có những bài viết ly kỳ khác mà tác giả Tô Văn Cấp đã viết với cả tấm lòng của mình. Như viết về những người cùng binh chủng, những Nguyễn Xuân Phúc, Đỗ Hữu Tùng, Trần Văn Hợp, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Tri Nam, Tô Đức Chiêu,... đến nay đã khuất núi hay những người còn sống như Phạm Văn Tiền, Phạm Cang, còn sống sót ở xứ người với tư cách của những nhân chứng khả tín của lịch sử một thời đại đầy biến cố máu lửa của dân tộc. Hay như những đồng đội hoặc cấp chỉ huy của quân chủng bạn KQ như Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Đại Tá Vũ Đức Vinh... Mỗi người mỗi sự kiện, mỗi người mỗi trận đánh, những chiến thắng lẫy lừng, được phác họa lại với phong cách rất nhân bản của những người lính VNCH gìn giữ quê hương chống ngăn làn sóng đỏ xâm lăng thực hiện theo chỉ thị của Cộng sản quốc tế mà đứng đầu là Liên Xô và Trung Cộng. Không khát máu, không hận thù, những

người lính ấy vẫn kiên quyết với lý tưởng của mình dù co khi phải tức tưởi buông súng. Tác giả Nửa Đường viết không phải chỉ để chia sẻ quá khứ với những người cùng thời đại sống với mình mà còn chủ tâm viết cho thế hệ tương lai, những “hậu duệ” sẽ là thế hệ làm vinh danh đất nước và dân tộc Việt Nam mai sau.

Một “hậu duệ” của chú Tô Văn Cấp, cháu Nguyễn Diễm Nga đã viết, thực chân thành những suy nghĩ về thế hệ cha ông, những người lính VNCH:

“Thế hệ của chúng tôi sinh ra và lớn lên ở phần cuối của cuộc chiến, có các em hậu duệ còn sinh sau đẻ muộn hơn cả tôi nữa. Chúng tôi yêu quý và tự hào về những bậc cha chú của mình trong niềm thành kính nhưng đôi khi vẫn còn khá mơ hồ vì vào thời điểm ấy chúng tôi còn quá nhỏ. Lớn lên một chút thì lại xa cách những người cha bị đọa đầy trong ngục tù Cộng sản và trong khi gia đình phải cực khổ bươn chải kiếm miếng cơm manh áo nơi “Thiên Đường Mù Xã Hội Chủ Nghĩa” những hiểu biết non nớt của chúng tôi về bộ mặt thật của chiến tranh dường như chưa bao giờ được hiển hiện rõ nét, đầy đủ và chi tiết.

Nhờ những người cầm bút tận tụy như chú Cấp nói riêng và rất nhiều những ngòi bút đáng kính trọng khác khắp nơi trên thế giới viết về cuộc chiến một cách tường tận theo nhiều góc cạnh với vô số những dẫn chứng, những tâm tình uất nghẹn pha máu và nước mắt của từng quân/ binh chủng một – như “Trâu Điền và cô vấn Mỹ”, như “Kỷ niệm vui buồn với các anh Không Quân” –

chúng tôi, những người con đã có được những nhận định trọn vẹn và hào hùng về quân sự quân lực VNCH.

Tôi đặc biệt yêu mến bài viết: “Cha ơi! Con rất hãnh diện về cha”. Tôi vô cùng cảm động sự trân trọng của chú đã dành cho những người đã bỏ mình năm xuống vì quê hương cũng như những người đã hy sinh một phần thân thể của mình cho quê hương giờ đây vẫn còn sống sót rất khổ sở với nỗi đau tàn phế của thể xác. Đây cũng chính là chủ đề tinh thần thứ hai trong các bài viết của chú Cấp:

“Dù thân phụ tử trận khi các cháu còn quá nhỏ hoặc chưa sinh ra, sau gần nửa thế kỷ, các cháu đã trưởng thành, đã thành công dân Mỹ, nhưng vẫn tìm về cội nguồn và hãnh diện có cha đã hy sinh cho Tổ Quốc Việt Nam. Chúng tôi có bổn phận phải kể lại cho các cháu những điều chúng tôi biết về cha các cháu. Từ đó các cháu mới hiểu vì sao các cháu có mặt trên đất nước này mà nhớ ơn các người lính Việt Nam Cộng Hòa”.

Nguyễn Mạnh Trinh

TÔ VĂN CẤP

Nửa Đường
chuyện nhà • chuyện lính • chuyện người

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu

tái bản dưới hình thức

ấn bản điện tử

2020

NỬA ĐƯỜNG – chuyện nhà, chuyện lính, chuyện người của Tô Văn Cấp, là tác phẩm thứ 46 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học T.Vấn & Bạn Hữu (T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*

